Ký bởi: Bộ Tài chính
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Thời gian ký: 07/06/2021 18:12:24 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1098 /QĐ-BTC	*Hà Nội, ngày 4 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận trúng tuyển kỳ thi tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2020
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 41/2018/QĐ-TTg ngày 25/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 15/2021/QĐ-TTg ngày 30/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 Quyết định số 41/2018/QĐ-TTg ngày 25/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1250/QĐ-BTC ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phê duyệt Kế hoạch thi tuyển công chức Tổng cục Thuế năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1097/QĐ-BTC ngày 4/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công nhận kết quả kỳ thi tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2020;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2020, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển kỳ thi tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2020 đối với 3.522 thí sinh theo danh sách đính kèm.

Điều 2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế căn cứ kết quả trúng tuyển đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt, thực hiện việc tuyển dụng theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2020, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.(7b)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
II. Kiểm tra viên thuế															
1	NGUYỄN NGỌC	TOAN	23/03/1992	Kiểm tra viên thuế	Nhơn Hưng - An Nhơn - Bình Định	Đại học Quy Nhơn Đại học Văn Lang	Kế toán Kế toán		BDI02561		52	25	80	80	
2	PHAN MINH	DƯỠNG	02/01/1992	Kiểm tra viên thuế	Bình Định	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Kiểm toán		BDI00414		46	26	79.8	79.8	
3	PHAN THỊ LỆ	MY	20/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Canh Vinh, Vân Canh, Bình Định	Trường Đại Học Quy Nhơn	Quản lý Tài chính - Kế toán		BDI01440		43	20	78.8	78.8	
4	TRẦN THỊ LỆ	HUYỀN	06/10/1991	Kiểm tra viên thuế	Ân Tường Tây, Hoài Ân, Bình Định	TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN	Kế toán		BDI01046		36	15	77.8	77.8	
5	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	24/09/1992	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Thịnh - Vĩnh Thạnh - Bình Định	Trường Đại học Bình Dương	Luật Kinh tế		BDI01333		42	22	76.4	76.4	
6	TRẦN THANH	THẢO	27/06/1992	Kiểm tra viên thuế	Mỹ Hiệp, Phù Mỹ, Bình Định	Đại Học Quy Nhơn	Quản trị Kinh Doanh Quốc tế	ConNHCSnhuTB	BDI02250	5	47	20	69.5	74.5	
7	ĐÀO THỊ HỒNG	NHUNG	12/08/1992	Kiểm tra viên thuế	Tuy Phước- Bình Định	Trường đại học Quy Nhơn	Kinh tế kế hoạch đầu tư		BDI01706		38	17	72.5	72.5	
8	NGUYỄN THỊ THANH	THU	21/12/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn Lập Định 1, xã Cam Hoà, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà	Trường Đại học Nha Trang Trường Đại học Nha Trang	Kế toán Công nghệ kỹ thuật môi trường	ConTB	BDI02329	5	43	19	66.8	71.8	
9	NGUYỄN THỊ	TÂM	03/01/1990	Kiểm tra viên thuế	Tiên An, Vĩnh Sơn, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Trường ĐH Ngân hàng TP HCM Trường CĐ Kinh Tế Đối Ngoại TP HCM	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng		BDI02077		41	19	70	70	
10	BÙI THỊ	TRÂM	01/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Tổ 4, Khu vực 4, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Đại Học Quy Nhơn	Ngân hàng và Kinh doanh tiền tệ		BDI02579		46	20	69.9	69.9	
11	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	31/01/1998	Kiểm tra viên thuế	Bồng Sơn - Hoài Nhơn- Bình Định	Đại học Duy Tân	Kế toán Kiểm Toán		BDI01244		42	22	69.9	69.9	
12	NGUYỄN THANH	HƯƠNG	28/07/1993	Kiểm tra viên thuế	Cát Trinh, Phù Cát, Bình Định	Đại Học Quy Nhơn	Quản Trị Kinh Doanh Thương Mại		BDI00942		49	15	69.7	69.7	
13	NGUYỄN TRÂM	QUÂN	10/12/1996	Kiểm tra viên thuế	04 Phan Huy Ích, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại		BDI01917		51	25	69.5	69.5	
14	CAO ÁI	LINH	14/09/1996	Kiểm tra viên thuế	Tổ dân phố 01, khu phố Ngọc An Trung, phường Hoài Thanh Tây, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Trường Đại học Luật – Đại học Huế	Luật Kinh tế		BDI01185		45	17	68.7	68.7	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
15	NGUYỄN THỊ CẨM	THƠ	26/09/1992	Kiểm tra viên thuế	Nam Đàn - Nghệ An	Học viện Hàng không Việt Nam	Quản trị doanh nghiệp Hàng không		BDI02298		53	23	68.5	68.5	
16	LÊ THỊ NHÃ	UYÊN	28/12/1993	Kiểm tra viên thuế	Cát Hưng, Phù Cát, Bình Định	Trường Đại học Kinh tế-Luật	Kinh tế đối ngoại		BDI02914		46	23	68 4	68 4	
17	ĐẶNG TRẦN MỸ	CHUNG	22/10/1997	Kiểm tra viên thuế	Số 82 đường Nguyễn Thị Định, tổ 53, khu vực 9, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại Học Quy Nhơn	Ngân hàng và kinh doanh tiền tệ		BDI00224		36	20	68 4	68.4	
18	NGUYỄN THỊ LỆ	THẮM	04/02/1985	Kiểm tra viên thuế	Mỹ Hóa - Cát Hanh - Phù Cát - Bình Định	Trường Đại học Quy Nhơn	Kế toán	ConNHCSnhuTB	BDI02120	5	44	15	63 2	68.2	
19	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	31/08/1992	Kiểm tra viên thuế	Đức An, Bình Minh, Bình Sơn, Quảng Ngãi	Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán kiểm toán		BDI00477		47	25	67.6	67.6	
20	NGUYỄN THỊ	THƯỜNG	10/03/1989	Kiểm tra viên thuế	Tổ 9 - KV 2 - Phường Ngô Mây - TP Quy Nhơn - tỉnh Bình Định	ĐH Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh tổng hợp		BDI02405		49	20	67 4	67 4	
21	PHẠM NGUYỄN PHI	HÙNG	24/04/1996	Kiểm tra viên thuế	Mỹ Hiệp, Phù Mỹ, Bình Định	Trường Đại học Kinh tế - Luật	Kinh tế đối ngoại		BDI00908		48	28	67 4	67 4	
22	NGUYỄN KIM	NGÂN	04/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Bình Định	Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Kiểm toan		BDI01515		44	20	67.4	67 4	
23	TRỊNH NGUYỄN MINH	KHA	05/01/1998	Kiểm tra viên thuế	Phước Sơn-Tuy Phước-Bình Định	Trường đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		BDI01059		39	20	67.2	67.2	
24	ĐẶNG NGUYỄN VIỆT	THƯƠNG	23/03/1994	Kiểm tra viên thuế	Khu phố Định Tân, thị trấn Vĩnh Thạnh,Vĩnh Thạnh, Bình Định	Trường Đại học Quy Nhơn Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội	Ngân hàng và kinh doanh tiền tệ Tài chính - Ngân hàng		BDI02373		35	23	67 2	67 2	
25	TRẦN THỊ	THIỆN	01/11/1998	Kiểm tra viên thuế	Đội 4, thôn Thạch Bàn, xã An Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Đại học Kinh Tế Huế, Đại Học Huế	Kế Toán		BDI02286		44	15	66 9	66.9	
III. Văn thư															
1	TRẦN THỊ LỆ	TUYẾN	22/08/1992	Văn thư	Hoài Châu Bắc - Hoài Nhơn - Bình Định	Đại học Quy Nhơn Đại học Nội vụ Hà Nội	Quản lý Nhà nước Quản trị Văn phòng		BDI03506		42	15	68	68	
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	PHAN HỮU	QUANG	07/04/1985	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn Đại học Quy Nhơn	Khoa học máy tính Tin học	HTNVQS	BDI03436	2 5	42	15	69	71 5	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TP. ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 / 6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	LÊ THỊ CẨM	THẠCH	19/12/1991	Chuyên viên	Thôn Đồng Hồ, xã Điện Hòa, huyện Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế phát triển Quản trị kinh doanh	ConBB	DAN03305	5	37	20	71.8	76.8	
2	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HẠNH	10/05/1991	Chuyên viên	Xã Bình Nam, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam	Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		DAN03164		38	16	59.4	59.4	
3	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	15/06/1996	Chuyên viên	Triệu Trạch - Triệu Phong - Quảng Trị	Trường Đại Học Kinh Tế, Đại Học Huế	Tài Chính		DAN03269		32	22	53.5	53.5	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	TA THỊ THÚY	NGỌC	30/05/1997	Kiểm tra viên thuế	P. Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi, Quảng Ngãi	Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Tài chính công		DAN01576		30	20	86.8	86.8	
2	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	15/08/1992	Kiểm tra viên thuế	Duy Phu, DuyXuyên, Quảng Nam	Trường Đại Học Kinh Tế Đà Nẵng Trường Đại học FTP	Tài chính Ngân hàng Tài chính Ngân hàng		DAN02876		51	25	86.3	86.3	
3	NGUYỄN VĂN	PHÚC	22/03/1994	Kiểm tra viên thuế	Huyện Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng Trường Đại học Kinh tế,	Kế toán Kinh doanh quốc tế		DAN01815		52	23	85.6	85.6	
4	CHU THỊ	THÚY	09/05/1989	Kiểm tra viên thuế	xã Trường Sơn, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Học viện hành chính quốc gia Đại học Thương mại	Tài chính ngân hàng Quản trị kinh doanh		DAN02467		53	23	84.6	84.6	
5	ĐẶNG NGỌC KIM	THANH	08/11/1993	Kiểm tra viên thuế	621 Đường Núi Thành, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Đại Học Kiến Trúc Đà Nẵng	Tài chính - Ngân hàng		DAN02134		50	24	84.5	84.5	
6	VŨ THỊ THÙY	TRANG	26/02/1997	Kiểm tra viên thuế	Trạm Lộ, Thuận Thành, Bắc Ninh	Đại học Duy Tân	Luật Kinh tế		DAN02756		46	19	82.4	82.4	
7	NGUYỄN THỊ HẢI	DUYÊN	10/06/1997	Kiểm tra viên thuế	Quảng Lộc - Quảng Trạch - Quảng Bình	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế	Kiểm toán		DAN00438		47	16	81.8	81.8	
8	PHAN THỊ NGỌC	HẰNG	16/11/1991	Kiểm tra viên thuế	Quảng Bình	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Tài chính Ngân hàng		DAN00627		46	18	81.8	81.8	
9	CAO THỊ XUÂN	CHÂU	21/12/1998	Kiểm tra viên thuế	Quảng Nam	Đại Học Kinh Tế - Đại Học Đà Nẵng	Tài Chính Công		DAN00168		43	21	81.5	81.5	
10	NGUYỄN THỊ HOÀI	THU	26/08/1990	Kiểm tra viên thuế	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Trương Đại Học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Kế Toán		DAN02327		51	25	80.9	80.9	
11	NGUYỄN THỊ NHÃ	PHƯƠNG	22/10/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Xuân Lai- Xã Mai Thủy- Huyện Lệ Thủy- Quảng Bình	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN01869		47	20	80.6	80.6	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
12	NGUYỄN TẤN MỸ	LINH	10/09/1992	Kiểm tra viên thuế	THÔN THUẬN TRÌ, XÃ DUY HẢI, HUYỆN DUY XUYÊN, TỈNH QUẢNG NAM	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	KINH TẾ PHÁT TRIỂN		DAN01226		41	21	79 8	79.8	
13	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG	26/07/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Đại Chánh, Huyện Đại Lộc, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng	Kế toán		DAN02703		50	17	79.6	79 6	
14	TRẦN THỊ THANH	HUYỀN	02/11/1992	Kiểm tra viên thuế	Quảng Minh, Quảng Trạch, Quảng Bình	Đại học Duy Tân	Kế toán kiểm toán		DAN01047		41	18	79 5	79.5	
15	NGUYỄN THỊ	YẾN	10/12/1989	Kiểm tra viên thuế	Thanh Phong - Thanh Phong - Thanh Chương - Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán	CondeNHDK CbiNCDHH	DAN03070	5	40	15	74.5	79.5	
16	TRẦN THỊ NAM	GIANG	19/12/1997	Kiểm tra viên thuế	Nghệ An	Trường Đại Học Kinh Tế Đà Nẵng	Luật học		DAN00488		34	23	78.3	78 3	
17	NGUYỄN THỊ MAI	TRINH	04/03/1995	Kiểm tra viên thuế	Khối 6, Phường Vĩnh Điện, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại Học Kinh Tế, Đại Học Đà Nẵng	Kiểm Toán		DAN02783		38	25	77.8	77 8	
18	ĐINH THỊ	QUYÊN	01/01/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Đà Nẵng- Đại học Kinh Tế	Ngân hàng		DAN01944		44	18	.77.7	77.7	
19	NGUYỄN HOÀNG THẢO	UYÊN	20/07/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã Tam Quang, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán Kế toán		DAN02905		53	17	77.5	77 5	
20	ĐỒNG THỊ THANH	THƯ	15/02/1994	Kiểm tra viên thuế	Hòa Thọ, Hòa Vang, Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại		DAN02340		47	24	77.4	77.4	
21	NGUYỄN THỊ	HIỀN	20/05/1995	Kiểm tra viên thuế	thôn Tây Trường, xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	Trường Đại học kinh tế Huế	Tài chính		DAN00714		43	20	77 1	77.1	
22	TRINH THỊ KIM	HIỀN	28/06/1990	Kiểm tra viên thuế	Tam Thăng, TP Tam Kỳ, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng	CondeNHDK CbiNCDHH	DAN00744	5	52	25	72	77	
23	VĂN THỊ HẠ	QUYÊN	07/06/1991	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh du lịch		DAN01962		47	15	76.8	76 8	
24	PHẠM TRỊNH BÍCH	LIÊN	05/07/1991	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Tiên Kỳ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Đại Học Đà Nẵng	Quản Trị Kinh Doanh	ConTB	DAN01178	5	43	24	71 4	76.4	
25	NGUYỄN THANH	MAI	11/03/1993	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Kim, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Trường đại học Kinh tế - Luật	Tài chính - Ngân hàng		DAN01369		44	24	76	76	
26	ĐẶNG THỊ KIỀU	TRINH	24/03/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Thạch Bỏ, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng Đại học kinh tế - Đại học	Tài chính doanh nghiệp Quản lý kinh tế		DAN02765		43	21	75.5	75 5	
27	TRẦN THỊ	BAN	01/01/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn 6, Xã Triệu Lăng, Huyện Triệu Phong, Tỉnh Quảng Trị	Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán – Kiểm toán	ConTB	DAN00125	5	43	17	70	75	
28	LƯƠNG THỊ BÍCH	NGÂN	26/03/1992	Kiểm tra viên thuế	Đồng Hới - Quảng Bình	Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	Luật Hành chính - Nhà nước		DAN01512		33	15	74.9	74 9	
29	TRẦN THỊ ANH	THƯ	29/01/1989	Kiểm tra viên thuế	Xã Hoà Châu, Hoà Vang, tp Đà Nẵng	Đại học Đà Nẵng Đại học kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh Kế toán		DAN02359		45	23	74 8	74 8	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
30	BÙI THỊ THÙY	DUNG	16/12/1998	Kiểm tra viên thuế	Đức Ninh Đông - Đồng Hới - Quảng Bình	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Tài chính công		DAN00336		52	26	74.6	74.6	
31	PHAN MAI	HƯƠNG	27/06/1998	Kiểm tra viên thuế	Quảng Tân, Ba Đồn, Quảng Bình	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Ngoại thương		DAN00959		45	23	74.5	74.5	
32	HUỲNH NGỌC DIỆU	LINH	23/07/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Hòa Khương, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế Kế hoạch đầu tư		DAN01204		48	24	74.4	74.4	
33	NGUYỄN THỊ HUYỀN	ANH	01/05/1993	Kiểm tra viên thuế	QUẢNG NAM	ĐẠI HỌC KINH TẾ ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	NGÂN HÀNG	ConNHDCM truocTKN	DAN00069	5	45	24	69.2	74.2	
34	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	18/08/1987	Kiểm tra viên thuế	Thôn Phú Bông, Xã Duy Trinh, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam	Đại Học Đà Nẵng - Trường Đại Học Kinh Tế	Kế toán		DAN01232		51	MT	73.8	73.8	
35	NGUYỄN THỊ	VI	30/09/1988	Kiểm tra viên thuế	Duy Châu-Duy Xuyên-Quảng Nam	Đại Học Kinh Tế - Đại Học Đà Nẵng	Kế toán		DAN02969		45	16	73.8	73.8	
36	PHẠM THỊ	HẰNG	20/03/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn 2, xã Quế An, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Trường Đại Học Kinh Tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN00624		32	15	73.8	73.8	
37	VÕ THỊ NGỌC	MINH	02/02/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Dương Thuỷ, Huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình	ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	Kiểm toán		DAN01419		39	23	73.7	73.7	
38	CAO MINH	TRANG	14/12/1992	Kiểm tra viên thuế	xã Quảng Hải, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán-Kiểm toán		DAN02629		43	22	73.4	73.4	
39	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	16/01/1989	Kiểm tra viên thuế	xã Duy Châu, huyện Duy Xuyên, Quảng Nam	Đại học Công Nghiệp TP HCM	Tài chính ngân hàng		DAN01608		48	21	73.2	73.2	
40	NGUYỄN ANH	TUẤN	01/05/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn Thọ Quang, xã Thọ Vinh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Học viện Tài Chính	Kiểm toán		DAN02841		42	21	73.2	73.2	
41	TRẦN VĂN	MẠNH	08/08/1987	Kiểm tra viên thuế	Ninh Mỹ, Hoa Lư, Ninh Bình	Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		DAN01387		41	20	72.8	72.8	
42	HOÀNG MINH	THÀNH	25/06/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Cảnh Hóa, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	Đại học Kinh tế, Đại học Huế Đại học Duy Tân	Quản lý kinh tế Kế toán		DAN02170		43	16	72.5	72.5	
43	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	14/01/1990	Kiểm tra viên thuế	Duy Sơn, Duy Xuyên, Quảng Nam	Trường Đại Học Quảng Nam	Kế toán		DAN02230		36	16	72.4	72.4	
44	NGUYỄN THỊ	VÂN	16/09/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn 1, xã Quế Cường, huyện Quế Sơn, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		DAN02933		34	21	72.2	72.2	
45	NGUYỄN THỊ THÙY	AN	17/11/1989	Kiểm tra viên thuế	Quảng Nam	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN00012		44	19	71.6	71.6	
46	LÊ THÙY	DUNG	06/07/1992	Kiểm tra viên thuế	Duy Xuyên - Quảng Nam	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN	Kế toán Doanh nghiệp		DAN00354		43	21	71.6	71.6	
47	NGUYỄN THỊ HOÀI	THANH	12/02/1990	Kiểm tra viên thuế	xã Mỹ Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh		DAN02150		43	19	71.4	71.4	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
48	PHẠM THỊ HỒNG	THÁI	15/02/1993	Kiểm tra viên thuế	xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kinh tế lao động		DAN02108		43	16	71 4	71.4	
49	NGUYỄN SONG THỊ HƯNG	BÌNH	12/09/1994	Kiểm tra viên thuế	Lộc An, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		DAN00149		50	20	71	71	
50	NGUYỄN VĂN	VŨ	15/07/1994	Kiểm tra viên thuế	Thôn An Mỹ, xã Tam Lãnh, Huyện Phú Ninh ,Tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế Toán-Kiểm Toán	ConTB	DAN02998	5	43	19	66	71	
51	TRẦN GIANG	THANH	20/11/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Điện Hòa, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	Học Viện Hành Chính Quốc Gia	Tài Chính Công		DAN02163		41	27	70.7	70.7	
52	VÕ THỊ THÙY	TUYÊN	01/02/1993	Kiểm tra viên thuế	HÒA SƠN, HÒA VANG, ĐÀ NẴNG	ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH MARKETING	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG		DAN02862		36	17	70.5	70 5	
53	PHẠM NGUYỄN HOÀNG	TIÊN	16/04/1995	Kiểm tra viên thuế	01 Nguyễn Đóa, Hòa Xuân, Cẩm Lệ, Đà Nẵng	Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	Luật Dân sự		DAN02531		46	21	70.4	70 4	
54	NGUYỄN TỪ NHẬT	Ý	22/05/1996	Kiểm tra viên thuế	Đà Nẵng	Đại Học Kiểm Sát Hà Nội	Luật chung		DAN03051		43	15	70.1	70.1	
55	ĐỖ HƯƠNG	GIANG	23/03/1981	Kiểm tra viên thuế	Đà Nẵng	Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng Đại học Luật Hà Nội	Ngành Tài chính - Tín dụng (bảng điểm không ghi)		DAN00456		39	19	70	70	
56	VÕ THỊ	NHUNG	03/02/1991	Kiểm tra viên thuế	Tam Đại, Phú Ninh, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		DAN01755		39	17	70	70	
57	ĐẶNG THỊ XUÂN	THÙY	23/11/1996	Kiểm tra viên thuế	Quảng Nam	ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	Tài chính công		DAN02456		46	21	69.6	69 6	
58	ĐINH ĐỨC	NAM	12/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Cự Đồng, Huyện Thanh Sơn , Tỉnh Phú Thọ	Học viện ngân hàng Viện Đại học mở Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng	DTTS	DAN01461	5	44	21	64.6	69.6	
59	ĐOAN THỊ	TRANG	07/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Thôn Mỹ Khê - Xã Triệu Trung - Huyện Triệu Phong - Tỉnh Quảng Trị	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN	Kế Toán Doanh Nghiệp		DAN02640		53	16	69.5	69.5	
60	BÙI NGUYỄN HỒNG	QUYÊN	20/11/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Tam Phước, Huyện Phú Ninh, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế - Luật (ĐHQG - TP HCM)	Tài chính - Ngân hàng		DAN01943		43	16	69.4	69.4	
61	THÁI THỊ HOÀI	PHƯƠNG	26/12/1994	Kiểm tra viên thuế	Xóm 5, Xã Tăng Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế – Đại học Đà Nẵng	Kế toán		DAN01887		42	16	69 3	69 3	
62	ĐẶNG THỊ BÍCH	VÂN	18/03/1988	Kiểm tra viên thuế	Tổ 1, Thôn Lệ Sơn Nam, Xã Hòa Tiến, Huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng	Đại học Đà Nẵng Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị Kinh doanh Quản trị Kinh doanh Du lịch - Dịch vụ		DAN02916		48	15	69 1	69 1	
63	NGUYỄN THỊ THÙY	TRÂM	09/06/1990	Kiểm tra viên thuế	Huyện Lệ Thủy - Quảng Bình	ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG - TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ	KINH TẾ PHÁT TRIỂN		DAN02603		48	19	69	69	
64	ĐINH THỊ THÚY	HẠNH	11/10/1992	Kiểm tra viên thuế	QUẢNG SƠN, QUẢNG TRẠCH, QUẢNG BÌNH	ĐẠI HỌC DUY TÂN - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	KẾ TOÁN		DAN00649		35	MT	69	69	
65	VÕ THỊ THANH	THÚY	02/12/1988	Kiểm tra viên thuế	Trà Vinh	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Tài chính doanh nghiệp		DAN02453		51	25	68 8	68 8	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
66	HOÀNG ĐỨC PHƯƠNG	GIANG	27/11/1993	Kiểm tra viên thuế	Xóm 4, thôn Cổ Mỹ, xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	Đại học Duy Tân	Kế toán - Kiểm toán		DAN00462		46	22	68.8	68.8	
67	NGUYỄN HOÀNG	MY	05/10/1992	Kiểm tra viên thuế	Thừa Thiên Huế	Trường Đại Học Kinh Tế, Đại Học Đà Nẵng	Kinh Tế Phát Triển		DAN01430		44	23	68.8	68.8	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
1	VÕ TRẦN HOÀNG	DIỆU	02/01/1991	Văn thư Trung cấp	HOA NHƠN,HOA VANG, DA NANG	Đại học Đông Á Đà Nẵng	VĂN THƯ LƯU TRỮ		DAN03533		40	18	65	65	
2	LÊ THỊ MINH	TRÂM	27/07/1994	Văn thư Trung cấp	Hòa Tiến - Hoà Vang - Đà Nẵng	Đại học Đông Á Đà Nẵng	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng		DAN03556		36	19	65	65	

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 /6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	PHẠM THỊ THU	HƯƠNG	11/04/1987	Chuyên viên	Thôn Đồng Đức- xã Phúc Thành- Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình	Trường Đại học Quang Trung	Kế toán		DLA00450		33	27	86.3	86.3	
2	ĐẶNG THỊ MINH	TRANG	14/06/1991	Chuyên viên	Diễn Mỹ, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Kinh tế - Luật	Tài chính - Ngân hàng		DLA00492		42	20	74 4	74.4	
3	ĐINH THỊ	THẮM	10/02/1993	Chuyên viên	Hà Tĩnh	Trường Đại học Kinh Tế Tp HCM Đại học Ngân hàng	Ngân hàng Tài chính Ngân hàng		DLA00481		32	21	71	71	
4	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	24/12/1989	Chuyên viên	Tứ Kỳ- Hải Dương	Đại học Ngân hàng Tp Hồ Chí Minh Cao đẳng Kinh Tế Đối	Tài chính ngân hàng Tài chính ngân hàng		DLA00445		46	MT	64 5	64.5	
5	NGUYỄN VĂN	NGỌC	04/10/1996	Chuyên viên	Huyện Điện Bàn - Quảng Nam	Đại Học Tài Chính - Kế Toán	Kế toán doanh nghiệp		DLA00468		40	MT	64	64	
6	ĐINH QUỲNH	NGA	26/06/1987	Chuyên viên	XÃ HƯƠNG LÂM, HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH	ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP HỒ CHÍ MINH ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP HỒ CHÍ MINH KHOA	HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH TẾ KINH TẾ		DLA00461		33	19	63.2	63.2	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	HOÀNG THỊ	NHUNG	26/09/1991	Kiểm tra viên thuế	Sơn Tân, Hương Sơn, Hà Tĩnh	Đại Học Kiến Trúc Đà Nẵng	Tài chính - Ngân hàng		DLA00246		49	25	91.8	91 8	
2	VŨ THỊ	HƯỜNG	17/08/1994	Kiểm tra viên thuế	Quỳnh Vinh - Thị xã Hoàng Mai - Nghệ An	Đại Học Công Đoàn	Kế toán		DLA00136		46	21	82 6	82.6	
3	NGUYỄN THỊ	LANH	23/06/1989	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Đại học kinh tế Tp. Hồ Chí Minh	Tài chính doanh nghiệp	CondeNHDK CbiNCDHH	DLA00162	5	55	MT	77	82	
4	NGUYỄN VIỆT	THẮNG	20/07/1995	Kiểm tra viên thuế	Nghệ An	Trường Đại Học Tây Nguyên Trường Đại Học Tài Chính - Ngân Hàng Hà Nội	Quản trị kinh doanh tổng hợp Tài chính ngân hàng		DLA00309		31	MT	79.3	79 3	
5	NGUYỄN THỊ LỆ	QUYÊN	28/02/1993	Kiểm tra viên thuế	Hương Khê, Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính công		DLA00274		47	19	78.9	78.9	
6	NGUYỄN MINH	THAO	21/11/1991	Kiểm tra viên thuế	Nghệ An	Trường Đại học Trà Vinh Trường Đại học Tài chính-Ngân hàng Hà Nội	Kế Toán Tài chính-Ngân hàng		DLA00321		36	MT	78.6	78.6	
7	NGUYỄN ĐĂNG	KHÁNH	06/04/1993	Kiểm tra viên thuế	Đức Phổ, Quảng Ngãi	Trường đại học Tây Nguyên Trường đại học tài chính - ngân hàng Hà Nội	Tài chính - ngân hàng Tài chính - ngân hàng		DLA00155		54	MT	78.3	78 3	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
8	TRẦN VŨ	HOÀNG	22/10/1993	Kiểm tra viên thuế	xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	Trường Đại học Tài Chính - Kế Toán Trường Đại học Quốc tế	Tài Chính - Ngân Hàng Tài Chính - Ngân Hàng		DLA00121		41	15	78.3	78 3	
9	VÕ THỊ BÍCH	THẢO	07/11/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Thạch Hạ - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Quốc Dân	Luật Kinh doanh	ConTB	DLA00336	5	43	MT	72.5	77 5	
10	ĐẶNG PHƯƠNG	THANH	19/01/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Thuận Sơn, Huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		DLA00311		49	17	76 8	76.8	
11	BÙI ANH	SƠN	23/11/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Thụy Phúc, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình	Trường đại học Lạc Hồng	Tài chính – Ngân hàng	HTNVQS	DLA00286	2 5	35	18	73.6	76 1	
12	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	08/06/1996	Kiểm tra viên thuế	xã Thanh Lĩnh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Đại học Kiểm sát Hà Nội	Luật		DLA00359		43	21	75 2	75 2	
13	TRẦN THỊ MỸ	DUNG	08/01/1990	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Lộc - Thanh Hóa	trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản trị Kinh doanh Thương mại		DLA00058		38	18	73 8	73.8	
14	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	10/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Minh Tân - Phù Cừ - Hưng Yên	Trường Đại học Tài chính - Marketing	Quản lý kinh tế		DLA00223		45	17	73	73	
15	TRẦN THỊ MINH	PHƯƠNG	10/12/1989	Kiểm tra viên thuế	Xã Diễn Tháp - Huyện Diễn Châu - Tỉnh Nghệ An	ĐH Hùng Vương TP Hồ Chí Minh ĐH Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh tổng hợp Quản trị kinh doanh		DLA00263		38	17	73	73	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 / 6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	NGUYỄN HUY	HOÀNG	04/04/1996	Chuyên viên	Cộng Hòa, Nam Sách, Hải Dương	Trường Đại học kiểm sát Hà Nội	Luật		DNO00448		33	MT	57.6	57.6	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	LÊ THỊ	HỢP	06/07/1990	Kiểm tra viên thuế	Thái Hòa- Triệu Sơn- Thanh Hóa	Trường Đại học Tây Nguyên	Kế toán	ConBB	DNO00126	5	46	17	74.8	79 8	
2	NGUYỄN THỊ	YẾN	07/09/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Hoằng Trạch, Huyện Hoằng Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.	Trường Đại học Ngân hang Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán ngân hàng	ConBB	DNO00432	5	41	20	67	72	
3	BÙI PHẠM NHẬT	VY	05/06/1987	Kiểm tra viên thuế	Xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Đại học Đà Nẵng - Trường Đại học Kinh tế	Kế toán		DNO00424		36	MT	72	72	
4	NGUYỄN THỊ	SỚM	01/08/1988	Kiểm tra viên thuế	Đức Thắng, Tiên Lữ, Hưng Yên	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng	Luật học		DNO00285		32	MT	71.5	71 5	
5	TRẦN THỊ	NGỌC	10/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Thái Hòa, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Đại Học Mở Thành Phố Hồ Chí Minh	Kế toán		DNO00224		42	MT	70.4	70 4	
6	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	28/06/1998	Kiểm tra viên thuế	Huyện Hương Khê, Hà Tĩnh	Đại học Tài Chính - Marketing	Thuế		DNO00148		41	MT	68.4	68 4	
7	NGUYỄN THỊ	SIM	24/09/1986	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Đại học Lạc Hồng	Kế toán	CondeNHDK CbiNCDHH	DNO00284	5	37	MT	62.2	67 2	
8	PHẠM ĐÌNH	HƯNG	20/05/1995	Kiểm tra viên thuế	nghệ an	Đại học Trà Vinh	Luật	HTNVLLCA ND	DNO00128	2 5	35	MT	63 6	66.1	
9	NGUYỄN VĂN	TRUNG	17/10/1989	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Đại học Đà Lạt	Kế Toán		DNO00390		50	MT	65	65	
10	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	12/03/1990	Kiểm tra viên thuế	xã Các Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa	Đại Học Trà Vinh	kế Toán Tổng Hợp		DNO00147		39	16	63.2	63 2	
11	ĐINH THỊ	LAN	16/01/1980	Kiểm tra viên thuế	Xã Sơn Thành huyện Nho Quan tỉnh Ninh Bình	Trường Đại học Tây Nguyên	Kế toán		DNO00161		40	MT	62 9	62.9	
12	TRẦN THỊ	THẢO	01/09/1991	Kiểm tra viên thuế	Xuân Lâm , Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Đại Học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tin dụng		DNO00332		50	20	62	62	
13	NGUYỄN THỊ BẢO	NGỌC	25/04/1991	Kiểm tra viên thuế	Bố Trạch - Quảng Bình	Đại học Kinh tế TPHCM	Thương mại		DNO00220		41	16	61.9	61.9	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
14	NGUYỄN CẢNH	TÚ	25/10/1986	Kiểm tra viên thuế	Xóm Mỹ Xuân, xã Xuân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Tài chính Nhà nước		DNO00392		47	MT	61	61	
15	TRẦN THỊ MAI	LINH	20/05/1997	Kiểm tra viên thuế	Đức Thọ - Hà Tĩnh	ĐH Kinh tế - ĐH Quốc gia Hà Nội	Kế toán		DNO00172		44	19	60 2	60 2	
16	CAO MINH	CHIẾN	07/03/1996	Kiểm tra viên thuế	THÁI BÌNH	ĐẠI HỌC BÌNH DƯƠNG	Luật Kinh Tế		DNO00027		31	MT	56.5	56.5	
17	VŨ ĐỨC	ANH	15/07/1991	Kiểm tra viên thuế	xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh	Đại học Công nghiệp Thực Phẩm Thành phố Hồ Chí Min	Kế toán		DNO00016		46	MT	56 4	56 4	
18	TRẦN THỊ	HẰNG	24/06/1998	Kiểm tra viên thuế	Yên Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh	Đại học Công nghiệp TP.HCM	Luật Kinh tế		DNO00087		40	16	56 4	56.4	
19	NGUYỄN THỊ NHƯ	MỸ	30/07/1984	Kiểm tra viên thuế	Huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng	Luật học		DNO00194		31	MT	56	56	
20	NGUYỄN BÙI ÁNH	NGỌC	20/11/1989	Kiểm tra viên thuế	Thạch Hà - Hà Tĩnh	Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kinh tế và quản lý công		DNO00217		49	MT	55	55	
21	PHAN THỊ	NGA	20/12/1998	Kiểm tra viên thuế	Xóm 4 xã Thanh Hương huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An	Trường Đại Học Luật - Đại học Huế	Luật Hợp Đồng		DNO00202		45	18	54 2	54.2	
22	ĐẬU THỊ NHƯ	HUYỀN	02/01/1996	Kiểm tra viên thuế	Quỳnh Trang, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Đại Học Đà Lạt	Luật		DNO00140		40	MT	53 5	53 5	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
1	VŨ THỊ	HOAN	09/11/1989	Văn thư Trung cấp	Thanh Hóa	Trường Trung cấp KT-KT Phương Nam	Văn thư - Lưu trữ		DNO00516		31	MT	67	67	

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 / 6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	QUÁCH MINH	VŨ	30/11/1996	Chuyên viên	Ninh Bình	Đại học kiểm sát Hà Nội	Luật		GLA00503		52	MT	73.8	73.8	
2	VÕ THỊ HỒNG	NHUNG	19/10/1991	Chuyên viên	Tịnh Kỳ - Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	Trường Đại Học Công Nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh	Tài Chính Ngân Hàng		GLA00476		32	16	61.5	61.5	
3	ĐÀNG THÀNH	DANH	24/12/1996	Chuyên viên	Tân An, Đăk pơ, Gia Lai	Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội	Luật		GLA00440		38	22	60.4	60.4	
4	NGUYỄN THỊ ĐOAN	KHUÊ	06/12/1985	Chuyên viên	Xã Nhơn Mỹ - huyện An Nhơn - tỉnh Bình Định	Trường Đại học Đà Nẵng	Kế toán		GLA00455		34	MT	60	60	
5	NGUYỄN QUỐC	ÂN	20/11/1992	Chuyên viên	Yên Tân - Ý Yên - Nam Định	Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị - Luật		GLA00436		51	21	58.7	58.7	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	ĐÀO THỊ THU	TRANG	11/09/1992	Kiểm tra viên thuế	Khánh Hồng- Yên Khánh- Ninh bình	Đại Học Kinh Tế - Đại Học Đà Nẵng	Luật		GLA00379		47	16	88.3	88.3	
2	DƯƠNG THỊ TƯỜNG	MI	25/03/1989	Kiểm tra viên thuế	Bình Trị - Thăng Bình - Quảng Nam	Đại học kinh tế Đà Nẵng Trường cao đẳng Lương thực thực phẩm	Kế toán Kế toán		GLA00187		36	MT	80.9	80.9	
3	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THẢO	26/03/1988	Kiểm tra viên thuế	Phường Thạch Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	trường đại học Kinh Tế Đà Nẵng	Kế toán		GLA00334		50	MT	79.5	79.5	
4	TRƯƠNG NGỌC PHƯƠNG	THANH	30/06/1987	Kiểm tra viên thuế	NGHI THỦY, NGHI LỘC, NGHỆ AN	Trường Đại Học Nông Lâm TPHCM Đại Học Duy Tân	Kinh tế Nông nghiệp Tài chính Ngân hàng		GLA00316		44	15	77.5	77.5	
5	PHẠM THỊ	NGUYỆT	11/11/1989	Kiểm tra viên thuế	Bùi Xá- Đức Thọ- Hà Tĩnh	Trường Đại Học Công Nghiệp TP HCM	Tài chính- ngân hàng		GLA00232		50	20	77.3	77.3	
6	LÊ THỊ MAI	LOAN	01/12/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Trường Đại học Quy Nhơn	Kinh tế Kế hoạch - Đầu tư		GLA00174		43	19	74.8	74.8	
7	PHẠM XUÂN	HƯNG	19/11/1991	Kiểm tra viên thuế	Thạch Hóa - Tuyên Hóa - Quảng Bình	Trường đại học dân lập Phú Xuân	Kế Toán		GLA00129		37	MT	74.1	74.1	
8	PHAN HÙNG TUẤN	KIỆT	08/03/1994	Kiểm tra viên thuế	Lộc Tiến, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	Đại học Sài Gòn	Quản trị kinh doanh	DTTS	GLA00157	5	37	MT	69	74	
9	BÙI THỊ	HOÀN	16/06/1993	Kiểm tra viên thuế	xã Tiên Hải, Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	trường Đại học Quy Nhơn	Kế toán		GLA00119		43	MT	73.7	73.7	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
10	NGÔ THỊ NGỌC	MAI	16/01/1987	Kiểm tra viên thuế	Thôn Tân Điền, xã Đoàn Kết, thị xã Kom Tum, tỉnh Kom Tum	Viện Đại học mở Hà Nội	Luật kinh tế		GLA00182		31	MT	72 8	72.8	
11	TRẦN THỊ HẠNH	DUNG	25/04/1987	Kiểm tra viên thuế	An Ninh, Bình Lục, Hà Nam	Trường Đại học Đà Lạt	Cử nhân Kế toán		GLA00057		45	MT	72 6	72 6	
12	NGUYỄN ĐỨC XUÂN	VY	10/04/1993	Kiểm tra viên thuế	Thông Áng Sơn, xã Ninh Hòa, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	Trường Đại Học Mở TP.HCM	Ngân Hàng		GLA00425		45	19	72.4	72 4	
13	LÃ ANH	ĐỨC	17/03/1992	Kiểm tra viên thuế	Trác Văn, Duy Tiên, Hà Nam	Đại học Kinh tế TP. HCM	Ngân hàng		GLA00050		53	23	71	71	
14	ĐẶNG THỊ HỒNG	NHUNG	22/09/1990	Kiểm tra viên thuế	Thuận Lộc - Hồng Lĩnh - Hà Tĩnh	Trường đại học công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	Kế toán - kiểm toán		GLA00245		52	18	70 6	70 6	
15	LÊ THỊ BÍCH	THUẦN	08/09/1990	Kiểm tra viên thuế	Phường Chánh Lộ, Thị xã Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM Trường Đại học Công [illegible]	Kế toán Kế toán		GLA00350		39	23	70.2	70.2	
16	NGUYỄN TIẾN	LÂM	08/01/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi	Đại Học Kinh Tế TP HCM	Ngân hàng		GLA00160		49	15	70	70	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	TRẦN VIỆT	SỐ	14/08/1982	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	[illegible] Trường Đại học Quang Trung Trường Đại học Công [illegible]	Công nghệ thông tin Công nghệ thông tin	ConTB	GLA00514	5	39	15	78	83	
2	NGUYỄN XUÂN	SƠN	22/06/1998	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Tân An Huyện Đăk Pơ, Gia Lai	Trường Đại học Quang Trung	Công nghệ thông tin		GLA00515		32	22	71	71	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 / 6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VÂN	21/04/1997	Chuyên viên	Xã Thạch Bàn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội	Luật		HTI03376		44	22	81.3	81 3	
2	NGUYỄN THỊ THANH	HIỀN	20/02/1987	Chuyên viên	Phường Nguyễn Du, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế - Đại học Quốc Gia Hà Nội Đại học Kinh tế Quốc Dân	Quản lý Kinh tế Kinh tế	ConTB	HTI03171	5	47	MT	75 8	80.8	
3	PHAN NGỌC	MAI	26/04/1995	Chuyên viên	Xã Sơn Bình, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	Trường đại học kinh tế-Đại học Quốc gia Hà Nội	Kinh tế quốc tế		HTI03220		53	MT	78 8	78.8	
4	NGUYỄN THỊ THANH	HỢI	04/04/1995	Chuyên viên	Sơn Hà, Hương Sơn, Hà Tĩnh	Trường Đại Học Ngoại Thương	Kinh tế và Phát triển quốc tế		HTI03178		48	26	76	76	
5	NGUYỄN THỊ NHẬT	LỆ	12/10/1990	Chuyên viên	Thạch Tân, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		HTI03199		41	27	76	76	
6	TRẦN THỊ	DUNG	28/06/1988	Chuyên viên	Cẩm Thành- Cẩm Xuyên- Hà Tĩnh	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Kế toán		HTI03136		44	24	65.6	65.6	
7	PHẠM THỊ HỒNG	NHUNG	20/10/1997	Chuyên viên	phường Hà Huy Tập, thành phố Hà Tĩnh, Hà Tĩnh	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán		HTI03271		48	25	64.1	64.1	
8	PHAN XUÂN	LỘC	06/02/1993	Chuyên viên	Đức Hương , Vũ Quang , Hà Tĩnh	Đại Học Vinh	Luật		HTI03215		37	17	62 5	62.5	
9	TRƯƠNG THỊ HẢI	YẾN	09/11/1995	Chuyên viên	Xã Hộ Độ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Thương mại	Quản trị thương mại điện tử		HTI03386		39	18	62	62	
10	NGUYỄN TRÀ	MY	01/09/1998	Chuyên viên	xã Phú Phong, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Học viện Chính sách và Phát triển	Tài chính - Chất lượng cao		HTI03229		43	20	58 5	58 5	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	TRẦN THẢO	TRANG	23/07/1990	Kiểm tra viên thuế	xã Kỳ Thư, Huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	Học viện Tài chính	Chứng khoán		HTI02739		59	20	86 8	86.8	
2	NGUYỄN XUÂN	VŨ	02/02/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Cẩm Bình, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		HTI02999		43	22	86.3	86 3	
3	PHAN HỒNG	HẠNH	21/07/1995	Kiểm tra viên thuế	TP Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	Học viện Tài Chính Học viện Tài Chính	Hệ thống thông tin kinh tế Kinh tế		HTI00673		40	16	85	85	
4	LƯU ANH	VŨ	22/07/1991	Kiểm tra viên thuế	Thạch Đỉnh- Thạch Hà- Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản lý kinh tế và chính sách		HTI02995		41	25	83.3	83.3	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5	NGUYỄN BÁ TRUNG	TUẤN	02/09/1994	Kiểm tra viên thuế	Thạch Sơn, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Tài Chính Quốc Tế		HTI02843		35	19	83 3	83 3	
6	HỒ VĂN	VIỆT	15/05/1994	Kiểm tra viên thuế	Thạch Thượng, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Trường Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Kinh Tế Kế Hoạch		HTI02979		46	19	83	83	
7	LÊ THỊ	HƯƠNG	16/12/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Thạch Mỹ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Học viện ngân hàng	Kế toán		HTI00935		40	18	81.1	81.1	
8	NGUYỄN THỊ ĐÀI	TRANG	20/11/1993	Kiểm tra viên thuế	Số 416 Đường Trần Phú, Phường Đức Thuận, TX Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	Quản trị doanh nghiệp		HTI02690		57	20	80.9	80.9	
9	LÔ THỊ YẾN	HÒA	09/04/1993	Kiểm tra viên thuế	xã Cẩm Muộn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế Nghệ An	Kế toán	DTTS	HTI00810	5	40	22	75	80	
10	HOÀNG ANH	THƠ	17/07/1996	Kiểm tra viên thuế	Kỳ Châu, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	trường Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế		HTI02294		38	20	79 8	79 8	
11	NGÔ THỊ	LÝ	06/10/1992	Kiểm tra viên thuế	Cẩm trung cẩm xuyên hà tĩnh	Trường đại học kinh tế huế	Kế toán kiểm toán		HTI01351		42	15	79	79	
12	TRẦN BÁ	THẠCH	26/07/1997	Kiểm tra viên thuế	Thôn Yên Hội- Xã Tùng Ảnh- Huyện Đức Thọ- Tỉnh Hà Tĩnh	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	THUẾ		HTI02103		53	18	78 5	78 5	
13	NGUYỄN THỊ BÍCH	ĐÀO	17/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Kỳ Tân, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Hải Quan		HTI00254		52	21	77.8	77.8	
14	TRẦN THANH	PHƯƠNG	22/01/1998	Kiểm tra viên thuế	Thôn Vĩnh Khánh, xã Trường Sơn, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Vinh	Kế toán		HTI01891		43	22	77 1	77 1	
15	TRẦN VIỆT	HOÀNG	10/08/1990	Kiểm tra viên thuế	TDP Hưng Thịnh, Phường Hưng Trí, Thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Trường Đại Học Vinh Học viện Tài chính	Kinh tế chính trị Tài chính - Ngân hàng		HTI00851		40	18	76.8	76 8	
16	BÙI TRẦN QUỲNH	ANH	10/10/1993	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Cẩm Xuyên, Huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Luật Hà Nội	Luật		HTI00027		47	24	76.5	76 5	
17	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VI	21/04/1998	Kiểm tra viên thuế	Số nhà 06B-Ngõ 5-Đường Nguyễn Công Trứ-Phường Bắc Hà-Thành phố Hà Tĩnh-Tỉnh Hà Tĩnh	Trường Đại học kinh tế,Đại học Đà Nẵng	Luật kinh doanh		HTI02971		37	23	76.1	76 1	
18	TRẦN TRỌNG	QUYỀN	02/06/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Thạch Ngọc, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán doanh nghiệp		HTI01966		47	20	75.6	75 6	
19	VÕ THỊ	TRANG	23/08/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn Thượng Hải - Xã Kỳ Hải - Huyện Kỳ Anh - Tỉnh Hà Tĩnh	Học Viên Tài Chính	Thuế		HTI02750		46	17	75 5	75 5	
20	DƯƠNG THỊ DIỆU	LINH	04/03/1990	Kiểm tra viên thuế	Tp Hà Tĩnh	Cardiff Metropolitan university	Quản trị kinh doanh		HTI01196		48	MT	74.5	74.5	
21	VŨ THỊ LỆ	HẰNG	01/03/1991	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Nghèn, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh	Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội	Kinh tế đối ngoại		HTI00644		38	17	74 2	74 2	
22	TRẦN THỊ THANH	HUYỀN	29/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Đức Lâm, Đức Thọ, Hà Tĩnh	Học viện tài chính	Thuế		HTI01048		34	19	74.2	74.2	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
23	NGUYỄN BÁO	LINH	25/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Hà Tĩnh	Trường Đại học Kinh Tế, Đại học Đà Nẵng	Luật Kinh doanh		HTI01220		42	23	74	74	
24	NGUYỄN NHẬT	QUANG	30/10/1993	Kiểm tra viên thuế	Số nhà 106, đường lê thiệu huy, phường nguyễn du, thành phố hà tĩnh, tỉnh hà tĩnh	Kinh tế quốc dân	Quản trị doanh nghiệp		HTI01921		38	18	74	74	
25	HỒ PHƯƠNG	THẢO	30/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Nam Trung, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	Trường Đại Học Kinh Tế Quốc Dân Trường Đại Học Kinh Tế	Kế Toán Kinh Tế		HTI02188		46	18	73.4	73.4	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH KHÁNH HÒA

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 /6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
II. Kiểm tra viên thuế															
1	PHẠM LÊ	LONG	08/11/1993	Kiểm tra viên thuế	Bình Định	Trường Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH01313		36	19	89.8	89.8	
2	PHẠM THỊ HỒNG	LỆ	09/05/1992	Kiểm tra viên thuế	Khánh Hòa	Đại học Kinh tế - Luật Tp. HCM	Kinh tế học		KHH01162		48	23	83.5	83.5	
3	HOÀNG THỊ NGỌC	HÀ	22/08/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn 1, xã Điền Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Kinh tế Huế	Kế toán		KHH00520		39	23	82.8	82.8	
4	NGUYỄN NGỌC	HÂN	07/03/1991	Kiểm tra viên thuế	Đào Xá - Đào Dương - Ân Thi - Hưng Yên	Đại Học Thái Bình Dương	Tài chính ngân hàng	HTNVLLCAND	KHH00577	2.5	42	23	79.3	81.8	
5	ĐINH THỊ KIỀU	VY	10/05/1986	Kiểm tra viên thuế	Tổ 5, thôn Văn Quật, xã Duy Thành, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		KHH03014		49	20	80.3	80.3	
6	LÊ NGỌC	HOÀNG	12/11/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Đông Hương, Thành Phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	Đại Học Nha Trang	Quản Trị Kinh Doanh		KHH00844		48	23	79.3	79.3	
7	LƯƠNG THỊ	XANH	03/03/1986	Kiểm tra viên thuế	Hòa Bình - Kiến Xương - Thái Bình	Đại Học Nha Trang	Kế Toán		KHH03032		55	25	79	79	
8	ĐINH QUỐC	DŨNG	21/12/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Cao Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội	Học Viện Ngân Hàng	Kế toan Doanh nghiệp	ConLS	KHH00387	5	52	18	73.5	78.5	
9	NGUYỄN ĐÌNH MINH	KHÁNH	15/08/1992	Kiểm tra viên thuế	Lệ Thủy, Quảng Bình	Trường Đại học Hùng Vương Trường Đại học Kinh tế -	Tài chính Ngân hàng Luật Kinh tế		KHH01070		34	18	78.5	78.5	
10	HOÀNG THỊ THU	THẢO	16/10/1992	Kiểm tra viên thuế	Hà Nội	Đại học Tôn Đức Thắng Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán Kế toán - Kiểm toán		KHH02192		49	19	75.9	75.9	
11	NGUYỄN THỊ BÌNH	MINH	23/10/1993	Kiểm tra viên thuế	MAI TRUNG - HIỆP HÒA - BẮC GIANG	ĐẠI HỌC QUY NHƠN	KINH TẾ ĐẦU TƯ		KHH01407		33	20	74.8	74.8	
12	PHẠM MAI	LINH	25/10/1998	Kiểm tra viên thuế	Nghi Vịnh, Nga Vịnh, Nga Sơn, Thanh Hóa	Trường Đại học Kinh Tế TP.HCM	Kế toán doanh nghiệp		KHH01251		44	28	72.9	72.9	
13	LÊ THỊ MINH	TRÂM	03/04/1997	Kiểm tra viên thuế	Ninh Lộc, Ninh Hòa, Khánh Hòa	Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP HCM	Luật Kinh tế		KHH02590		48	26	71.4	71.4	
14	LÊ VÂN	ANH	02/12/1995	Kiểm tra viên thuế	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	Kế Toán		KHH00053		38	22	70.5	70.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
15	LÊ KHÁNH PHƯƠNG	QUỲNH	28/03/1992	Kiểm tra viên thuế	3C Phùng Khắc Khoan, Phước Hòa, Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Tài chính - Marketing	Ngân hàng		KHH01974		45	20	70 2	70 2	
16	NGUYỄN MẠNH	TUẤN	06/09/1994	Kiểm tra viên thuế	Hà Tĩnh	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH02844		41	24	69.4	69.4	
17	LÊ HUYỀN	TRÂN	08/07/1994	Kiểm tra viên thuế	Khánh Hòa	Trường Đại học Ngân Hàng TP.HCM	Kế toán - Kiểm toán		KHH02621		54	27	69	69	
18	NGUYỄN THỊ LAM	QUYNH	01/04/1998	Kiểm tra viên thuế	Ninh Bình	Đại học Kinh Tế thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính doanh nghiệp		KHH01989		42	20	69	69	
19	HOÀNG NGUYỄN NGỌC	HIỆP	20/10/1994	Kiểm tra viên thuế	Nha Trang, Khánh Hòa	Trường Đại học Nha Trang			KHH00754		42	19	69	69	
20	LÊ THỊ KIM	PHƯỢNG	15/11/1992	Kiểm tra viên thuế	NINH ĐÔNG, NINH HÒA, KHÁNH HÒA	ĐẠI HỌC NHA TRANG	KẾ TOÁN		KHH01905		44	18	68 6	68.6	
21	TRẦN THỊ THANH	THUỶ	08/07/1985	Kiểm tra viên thuế	Nam Định	Trường Đại học Kinh Tế Tp Hồ Chí Minh	Marketing		KHH02424		46	16	68.4	68.4	
22	VÕ DUY	HÀ	11/04/1992	Kiểm tra viên thuế	Nha Trang	Trường Đại học Công Nghiệp TP.HCM	Kế toán - Kiểm toán		KHH00555		43	21	66 4	66.4	
23	TRẦN QUỐC	KHÁNH	12/07/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Tây Trúc, xã Tiến Hoá, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình	Đại học Ngân hàng TP.HCM	Tài chính		KHH01075		40	15	66.2	66.2	
24	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂN	22/06/1994	Kiểm tra viên thuế	Đà Nẵng	Đại Học Thái Bình Dương	Kế Toán		KHH02625		34	23	66	66	
25	NGUYỄN MINH	HOÀNG	08/12/1997	Kiểm tra viên thuế	Kiên Giang	Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính		KHH00848		44	22	65 5	65.5	
26	TRẦN THỊ	MAI	01/01/1995	Kiểm tra viên thuế	Nga Sơn, Thanh Hóa	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		KHH01375		33	16	65 1	65.1	
27	HÀ HỒNG	NGÂN	25/05/1993	Kiểm tra viên thuế	Phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Đại học Tài Chính - Marketing	Tài chính Doanh nghiệp	DTTS	KHH01504	5	47	19	59.5	64.5	
28	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	29/11/1988	Kiểm tra viên thuế	Khánh Hòa	Đại học Nha Trang Đại học Nha Trang	Tài chính Ngôn ngữ Anh		KHH02229		39	MT	64 2	64 2	
29	VŨ THỊ MINH	NGỌC	16/10/1990	Kiểm tra viên thuế	Thụy Duyên-Thái Thụy-Thái Bình	Đại học Ngoại thương Đại học Ngoại thương	Thuế và Hải quan Tài chính- Ngân hàng		KHH01591		52	25	63.8	63 8	
30	NGUYỄN THỊ THÙY	TRINH	16/10/1985	Kiểm tra viên thuế	Quảng Ngãi	Đại học Văn Lang	Kế toán		KHH02784		41	19	63 4	63.4	
31	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	28/12/1984	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Phúc	Đại học Nha Trang	Kinh tế thủy sản		KHH00406		41	17	63	63	
32	BÙI VĂN	HIẾU	08/09/1987	Kiểm tra viên thuế	Xóm 1, xã Phúc Thắng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Đại học Kinh tế quốc dân Đại học Bình Dương	Kế toán tổng hợp Ngôn ngữ Anh		KHH00783		48	MT	62 7	62.7	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
33	NGUYỄN THỊ THANH	VÂN	07/02/1991	Kiểm tra viên thuế	44/20 Nguyễn Bỉnh Khiêm, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Đại học Công Nghiệp TP Hồ Chí Minh	Tài chính Ngân hàng		KHH02943		41	15	61	61	
34	NGUYỄN THỊ THÚY	NGỌC	02/02/1995	Kiểm tra viên thuế	195/11 Hương lộ 45,Tổ 8, Thôn 4, xã Diên Phú, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH01570		40	22	60.8	60 8	
35	MAI QUỐC	HUY	02/03/1988	Kiểm tra viên thuế	Điện Phước, Điện Bàn, Quảng Nam	Trường Đại học Công nghệ TPHCM	Kế toán tài chính		KHH00978		44	18	60	60	
36	NGUYỄN THỊ KIM	DUYÊN	28/07/1989	Kiểm tra viên thuế	Bến Tre	Đại học Kinh Tế TPHCM	Ngân hàng		KHH00440		40	16	59 5	59.5	
37	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	20/05/1997	Kiểm tra viên thuế	TDP Phúc Hải, Cam Phúc Nam, Cam Ranh, Khánh Hòa	Trường Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH02305		38	16	59.4	59.4	
38	NGUYỄN THỊ	NHUNG	02/09/1991	Kiểm tra viên thuế	Tây Giang, Tây Sơn, Bình Định	Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	Luật học		KHH01723		39	17	59.2	59 2	
39	ĐỖ MINH	THÙY	03/06/1996	Kiểm tra viên thuế	xã Viên An, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	Đại học Nha Trang Đại học Nha Trang	Kế toán Ngôn ngữ Anh		KHH02457		46	MT	58.5	58 5	
40	LÊ NGUYỄN TỒN	HIẾU	21/10/1988	Kiểm tra viên thuế	Thăng Bình, Quảng Nam	Đại học Tây Nguyên	Tài chính - Ngân hàng		KHH00763		42	17	58.4	58.4	
41	VÕ TRƯƠNG MỸ	THIỆN	03/12/1990	Kiểm tra viên thuế	Bình Định	Trường Đại học Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh	Tài Chính Ngân Hàng		KHH02287		52	17	58 2	58.2	
42	TRƯƠNG LÊ HOAI	NHI	22/11/1994	Kiểm tra viên thuế	Phù Cát, Bình Định	Trường Đại học Tài chính - Marketing	Tài chính công		KHH01673		49	MT	58.2	58.2	
43	TRẦN THẢO	QUYÊN	18/05/1993	Kiểm tra viên thuế	Nam Định	Trường Đại Học Nha Trang	Kế toán		KHH01958		32	20	58 2	58 2	
44	THÁI ĐỨC	TÀI	15/11/1989	Kiểm tra viên thuế	Sơn Trà, Hương Sơn, Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế - Luật	Kế toán – Kiểm toán	ConTB	KHH02059	5	50	26	53	58	
45	TÔ YẾN	NHI	05/11/1994	Kiểm tra viên thuế	Diễn Phúc - Diễn châu - Nghệ An	Trường Đại Học Tôn Đức Thắng	Kế toán		KHH01667		43	15	57.2	57.2	
46	NGUYỄN DUY	LÂM	13/10/1991	Kiểm tra viên thuế	94 Thái Phiên, Phường Cẩm Phô, Thành Phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam	Đại Học Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	Tài chính nhà nước		KHH01115		40	23	57 2	57.2	
47	TRƯƠNG NGÔ CAO	QUỲNH	02/04/1995	Kiểm tra viên thuế	Hoà Xuân Đông, huyện Đông Hoà, tỉnh Phú Yên	Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính doanh nghiệp		KHH02003		35	20	57	57	
48	NGUYỄN THỊ	NHUNG	01/09/1987	Kiểm tra viên thuế	Nghi Liên, TP Vinh, Nghệ An	Đại Học Duy Tân	Cử nhân Kế toán		KHH01722		42	MT	56.6	56.6	
49	TRẦN ĐÌNH	NAM	03/01/1988	Kiểm tra viên thuế	Tam An, Phú Ninh, Quảng Nam	Đại học Ngân hàng TPHCM	Tài chính Ngân hàng		KHH01468		40	19	56.6	56.6	
50	NGUYỄN TÚ	TRINH	10/05/1995	Kiểm tra viên thuế	Khánh Hoà	Trường Đại Học Nông Lâm Thành Phố Hồ Chí Minh	Kế Toán		KHH02785		47	17	56.5	56.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
51	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HÀ	22/01/1998	Kiểm tra viên thuế	Huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	Luật Thương mại		KHH00535		40	23	56.5	56.5	
52	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	09/01/1988	Kiểm tra viên thuế	KHÁNH HỒNG, YÊN KHÁNH, NINH BÌNH	ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	KẾ TOÁN PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH		KHH02874		47	MT	55 2	55 2	
53	NGUYỄN THỊ CẨM	GIANG	18/07/1990	Kiểm tra viên thuế	Bình Định	Trường Đại Học Quang Trung	Quản trị kinh doanh		KHH00475		36	18	55	55	
54	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	10/03/1992	Kiểm tra viên thuế	Hồng Thuỷ, Lệ Thuỷ, Quảng Bình	Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh	Luật Thương mại		KHH01569		49	24	54 1	54.1	
55	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	15/11/1989	Kiểm tra viên thuế	Thôn Bình Thành, xã Ninh Bình, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa	Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh Trường Đại học Dân lập	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng		KHH01308		45	22	54	54	
56	ĐẶNG QUỲNH	LÂM	18/08/1994	Kiểm tra viên thuế	Khu Phố Thống Nhất, Thị Trấn Hàng Trạm, Yên Thủy, Hòa Bình	Đại Học Điện Lực	Kế toán doanh nghiệp		KHH01114		44	16	54	54	
57	NGUYỄN PHƯƠNG KIỀU	TRINH	25/10/1996	Kiểm tra viên thuế	Hà Tĩnh	Đại hock Ngân Hàng TP HCM	Luật Kinh tế		KHH02778		39	15	54	54	
58	TRƯƠNG THỊ MINH	TÂM	09/06/1990	Kiểm tra viên thuế	Khánh Hoà	Đại học Ngân hàng TP HCM	Tài chính Ngân hàng		KHH02089		38	19	54	54	
59	ĐÀM THỊ THANH	HÀ	23/02/1991	Kiểm tra viên thuế	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH00507		50	17	53 2	53.2	
60	NGUYỄN THÁI THỤC	QUỲNH	29/09/1987	Kiểm tra viên thuế	Phu Yên	Đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh		KHH01984		47	17	53	53	
61	LÊ THỊ	NGA	10/08/1992	Kiểm tra viên thuế	Yên Ninh, Yên Định, Thanh Hóa	Trường Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH01476		33	16	52	52	
62	ĐỖ THÁI	BÌNH	24/07/1994	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Phương, Nha Trang	Đại học Nha Trang	Kế toán		KHH00145		32	24	51.6	51.6	
63	VÕ THỊ TRÚC	PHƯƠNG	14/07/1992	Kiểm tra viên thuế	Huyện Diên Khánh – Tỉnh Khánh Hòa	Trường Đại Học Nha Trang	Quản Trị Kinh Doanh		KHH01901		39	22	51 2	51 2	
64	TRẦN HUYỀN	TRÂN	20/01/1992	Kiểm tra viên thuế	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		KHH02627		43	19	50	50	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH KON TUM

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 15 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
II. Kiểm tra viên thuế															
1	DƯƠNG THỊ THANH	NGA	03/10/1991	Kiểm tra viên thuế	xã Nga Tiến, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		KTU00200		48	MT	76.5	76.5	
2	TRẦN THỊ HỒNG	NGUYÊN	11/02/1989	Kiểm tra viên thuế	Xã Quế Phú - Huyện Quế Sơn - Tỉnh Quảng Nam	Phân hiệu Đại học Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		KTU00228		47	MT	76.2	76.2	
3	PHAM NGỌC	HOÀI	15/03/1990	Kiểm tra viên thuế	Kiến Xương - Thái Bình	Trường Đại học Kinh Tế - Luật TP Hồ Chí Minh	Quản Trị Kinh Doanh		KTU00117		51	21	76	76	
4	HỒ THỊ NGUYỆT	XUÂN	29/09/1983	Kiểm tra viên thuế	Xã Phước Sơn - huyện Tuy Phước - tỉnh Bình Định	Trường Đại học Đà nẵng	Kế toán		KTU00428		44	MT	72.1	72.1	
5	ĐINH ĐỨC	HẢI	12/06/1989	Kiểm tra viên thuế	CÁT TÀI, PHÙ CÁT, BÌNH ĐỊNH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC HUẾ	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP		KTU00079		31	MT	71	71	
6	ĐỖ NGỌC	THÉ	04/09/1990	Kiểm tra viên thuế	Mỹ Thắng - Phù Mỹ - Bình Định	Trường Đại học Vinh	Kế toán		KTU00337		38	MT	69.8	69.8	
7	NGUYỄN NGUYỆT	QUỲNH	16/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Hòa Tiến- Hưng Hà- Thái Bình	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		KTU00277		32	MT	69.4	69.4	
8	TRẦN THỊ ÁNH	DƯƠNG	11/11/1985	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Vĩnh Thạnh- Vĩnh Thạnh- Bình Định	Trường Đại Học Nha Trang	Kế toán		KTU00063		37	MT	69.3	69.3	
9	TẠ LÊ BẢO	VÂN	06/09/1998	Kiểm tra viên thuế	xã Khanh An, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Trường Đại Học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kiểm toán		KTU00413		49	25	67	67	
10	HUỲNH THỊ BÍCH	HÀ	01/09/1996	Kiểm tra viên thuế	Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kiểm toán		KTU00072		43	19	67	67	
11	TRẦN THỊ THANH	VÂN	02/08/1993	Kiểm tra viên thuế	Minh Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Trường Đại học Tài chính - Marketing	Ngân hàng		KTU00417		53	19	66	66	
12	LÊ NGUYỄN THANH	HIỀN	18/04/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Cát Tân, Huyện Phù Cát, Bình Định	Phân hiệu Đại học Đà Nẵng Tại Kon Tum	Kiểm toán		KTU00094		38	20	66	66	
13	VÕ THỊ	HIỀN	27/09/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Bình Châu, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh	Kế toán		KTU00098		38	17	64.9	64.9	
14	TRẦN THỊ BÍCH	VÂN	27/07/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Đức Lạc, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	Trường Đại học công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		KTU00416		33	21	63.6	63.6	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
15	LÊ NỮ HUYỀN	TRÂM	12/02/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Tây Vinh, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định	Đại Học Đà Nẵng	Tài Chính Doanh Nghiệp		KTU00374		45	MT	62 4	62 4	
16	TRƯƠNG THỊ VÂN	ANH	13/10/1992	Kiểm tra viên thuế	Hiền Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	Đại học Văn Lang	Kế toán		KTU00015		47	24	62.3	62.3	
17	PHAN THỊ	QUYÊN	20/05/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyê, tỉnh Nghệ an	Trường đại học kinh tế _ đại học Huế	Kế toán doanh nghiệp		KTU00275		36	15	61	61	
18	TRẦN NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	06/03/1998	Kiểm tra viên thuế	Phổ Văn, Đức Phổ, Quảng Ngãi	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP HỒ CHÍ MINH	Tài chính		KTU00150		31	21	60	60	
19	HOÀNG NGHĨA	THĂNG	02/06/1992	Kiểm tra viên thuế	Hưng Hòa - TP Vinh - tỉnh Nghệ An	ĐH Tài Chính - Ngân Hàng Hà nội	Tài Chính - Ngân Hàng		KTU00306		53	17	59	59	
20	HOÀNG THỊ HUYỀN	TRANG	06/06/1990	Kiểm tra viên thuế	THẠCH KHÔI - GIA LỘC - HẢI DƯƠNG	ĐẠI HỌC MỞ TP. HỒ CHÍ MINH	TÀI CHÍN - NGÂN HÀNG		KTU00381		46	17	58.9	58 9	
21	CHU THỊ	PHƯỢNG	12/07/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Cần Yên - Huyện Thông Nông - Tỉnh Cao Bằng	Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	KTU00266	5	31	MT	53 2	58.2	
22	NGUYỄN VIỆT	SƠN	08/02/1984	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Trung, Vĩnh Linh,Quảng Trị	Trường Đại Học Nha Trang	Kế toán		KTU00290		52	MT	58	58	
23	TSÌN VĂN	BẢO	02/01/1988	Kiểm tra viên thuế	Mường Lai - Lai Châu	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán	DTTS	KTU00020	5	45	MT	53	58	
24	HOÀNG HẢI	SƠN	07/05/1989	Kiểm tra viên thuế	Bình Giang-Hải Dương	Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		KTU00287		37	MT	57	57	
25	HUỲNH XUÂN	VIỆT	09/01/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Bình Tường, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định	Trường Đại Học Công Nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh	Quản Trị Kinh Doanh		KTU00422		35	MT	56	56	
26	TRẦN THỊ BÍCH	TÂM	23/03/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Mỹ Trinh huyện Phù Mỹ Tỉnh Bình Định	Trường Đại học Tài chính - Marketing	Tài chính - Ngân hàng		KTU00301		31	17	55 5	55.5	
27	MAI THỊ	HUYỀN	10/02/1991	Kiểm tra viên thuế	NGA AN - NGA SƠN - THANH HÓA	ĐẠI HỌC KINH TẾ ĐÀ NẴNG	KINH TẾ PHÁT TRIỂN		KTU00144		38	22	55.4	55.4	
28	DIỆP TỰ	ĐỨC	20/05/1983	Kiểm tra viên thuế	huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Kế toán tổng hợp		KTU00049		36	MT	54 2	54.2	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH LÂM ĐỒNG

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	NGUYỄN QUANG MINH	THỨC	05/01/1993	Chuyên viên	Quảng Nam	Đại Học Công Nghiệp Thực Phẩm TP Hồ Chí Minh	Tài Chính Ngân Hàng		LDO00486		40	20	66	66	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	NGUYỄN THANH	BÌNH	11/09/1988	Kiểm tra viên thuế	Hà Nam	Trường Đại học Đà Lạt	Tài chính kế toán		LDO00025		52	25	85.3	85.3	
2	NGUYỄN TIẾN	PHÚ	16/01/1982	Kiểm tra viên thuế	Nhị Khê- Hoàng Long - Phú Xuyên - Hà Nội	Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội	Tài chính - Ngân Hàng		LDO00259		42	MT	82 6	82 6	
3	NGUYỄN THỊ	TƯƠI	30/12/1985	Kiểm tra viên thuế	Hải Dương	Trường Đại Học Nha Trang	Kế Toán		LDO00401		35	18	78 5	78.5	
4	TÔN THỊ HOÀNG TUYẾT	VÂN	22/02/1998	Kiểm tra viên thuế	Nghệ An	Đại học Đà Lạt	Luật		LDO00414		45	20	78	78	
5	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	04/12/1990	Kiểm tra viên thuế	Lâm Đồng	Đại học Kinh Tế TP HCM	Tài chính - Ngân hàng (Tài chính)		LDO00208		45	19	77.8	77.8	
6	NGUYỄN THỊ MỸ	ÁNH	25/10/1997	Kiểm tra viên thuế	Xóm 16 thôn Tiên Mai, xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	Trường đại học Kiểm Sát Hà Nội	Luật		LDO00018		51	27	77.3	77 3	
7	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	07/08/1988	Kiểm tra viên thuế	xóm Lam Sơn, xã Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định	Trường Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		LDO00086		51	MT	76 2	76.2	
8	NGUYỄN THỊ HẠNH	QUYÊN	10/06/1996	Kiểm tra viên thuế	Gia Lộc, Hải Dương	Trường Đại Học Tài Chính Marketing	Truyền Thông Marketing Tài chính Ngân Hàng		LDO00273		46	21	71 2	71 2	
9	LƯU XUÂN	LIÊN	20/02/1990	Kiểm tra viên thuế	Thanh Miện, Hải Dương	Đại học Ngân hàng TP HCM	Tài chính ngân hàng		LDO00168		44	17	71	71	
10	HOÀNG VĂN	SƠN	26/06/1984	Kiểm tra viên thuế	Tân long, Đồng hỷ Thái Nguyên	Trường đại học Trà vinh	KẾ TOÁN	DTTS	LDO00289	5	34	MT	64.6	69 6	
11	NGUYỄN THẠCH	THẢO	10/01/1998	Kiểm tra viên thuế	Xóm 3, thôn Phú Thịnh, xã Tây Phú, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	Trường Đại học Quy Nhơn	Kế toán tổng hợp		LDO00323		42	22	69.4	69.4	
12	NGUYỄN THỊ	HUYÊN	23/03/1990	Kiểm tra viên thuế	Xóm 11, xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Đại học Đà Lạt	Tài chính Kế Toán		LDO00146		33	16	68.4	68.4	
13	NGUYỄN THỊ HẢI	SÂM	13/05/1988	Kiểm tra viên thuế	Nghệ An	Đại học Kinh Tế TP. Hồ chí Minh	Kế toán		LDO00281		46	19	68	68	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
14	TÔNG TRẦN ĐÌNH	VŨ	29/11/1993	Kiểm tra viên thuế	Quãng Ngãi	Trường Đại học Nha Trang	Kế toán		LDO00423		31	16	63.1	63.1	
15	NGÔ THỊ	HUỀ	15/12/1989	Kiểm tra viên thuế	Lương Tài - Bắc Ninh	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Kế toán - Kiểm toán		LDO00127		50	22	63	63	
16	NGUYỄN TRẦN HƯƠNG	THỦY	01/11/1998	Kiểm tra viên thuế	Hà Tĩnh	Trường Đại học Kinh tế-Luật	Luật thương mại quốc tế Chất lượng cao		LDO00363		40	23	63	63	
17	TRẦN THỊ THU	HẰNG	15/11/1995	Kiểm tra viên thuế	169 thôn Phú Lộc, xã Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Trường Đại Học Mở TPHCM	Kế Toán		LDO00089		45	21	62.8	62 8	
18	ĐINH THỊ HIỀN	VÂN	09/05/1990	Kiểm tra viên thuế	Quãng Ngãi	Đại Học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Ngân hàng		LDO00409		43	18	61.5	61.5	
19	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	15/02/1990	Kiểm tra viên thuế	Ninh Bình	Trường Đại Học Ngân Hàng Tp. Hồ Chí Minh	Tài Chính - Ngân Hàng		LDO00386		41	18	59.9	59.9	
20	NGUYỄN ANH	CHUNG	27/12/1997	Kiểm tra viên thuế	Lào Cai	Đại học Ngân Hàng Thành phố Hồ Chí Minh	Thương mại điện tử		LDO00028		33	16	59	59	
21	TRẦN THỊ LONG	BIÊN	24/04/1987	Kiểm tra viên thuế	Ấp 5, xã An Đức, huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre	Trường Đại học Tài chính-Marketing	Quản Trị Kinh Doanh		LDO00024		41	17	58 6	58.6	
22	DƯƠNG THỊ	TRANG	02/07/1989	Kiểm tra viên thuế	Hải Dương	Trường Đại học Tài Chính-Marketing	Kế toán Doanh nghiệp		LDO00380		44	22	55 7	55.7	
23	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	29/04/1991	Kiểm tra viên thuế	Hà Nội	Đại học Văn Lang	Thương mại quốc tế		LDO00248		40	18	53.6	53 6	
24	NGÔ THU	HIỀN	09/04/1998	Kiểm tra viên thuế	Diễn Kỷ - Diễn Châu - Nghệ An	Trường Đại học Thương Mại	Luật kinh tế		LDO00095		40	20	53	53	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH NGHỆ AN

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(về câu)*	Ngoại ngữ *(về câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	TRỊNH THỊ	LAM	23/04/1985	Chuyên viên	Thanh Liên Thanh Chương Nghệ An	Trường Đại Học Vinh	Kế Toán	ConTB	NAN03196	5	33	MT	74.3	79.3	
2	PHAN THỊ THU	HÀ	16/11/1983	Chuyên viên	Xã Đức Thịnh, huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp	ConTB	NAN03152	5	48	MT	73.6	78.6	
3	MAI THỊ NGA	LINH	20/11/1988	Chuyên viên	Tào sơn - Anh Sơn - Nghệ An	Trường Đại học Vinh	Tài chính ngân hang		NAN03205		32	20	78	78	
4	NGÔ THỊ	THẢO	24/04/1991	Chuyên viên	xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính Học viện Tài chính	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng		NAN03310		48	20	77.5	77.5	
5	TÔ THỊ LAN	PHƯƠNG	18/06/1986	Chuyên viên	Yên Thành, Nghệ An	Đại học nha trang Đại học nha trang	Quản trị kinh doanh Ngôn ngữ	ConTB	NAN03284	5	36	MT	70.6	75.6	
6	VÕ THỊ HÀ	TÂM	02/01/1994	Chuyên viên	XÃ NAM HƯNG, HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	KINH TẾ PHÁT TRIỂN		NAN03304		31	24	74.4	74.4	
7	PHẠM THỊ HỒNG	NHUNG	03/11/1992	Chuyên viên	Hưng Đạo - Hưng Nguyên - Nghệ An	Đại học Lao động xã hội	Kế toan		NAN03270		35	20	73.6	73.6	
8	HOÀNG THỊ KIM	OANH	06/03/1994	Chuyên viên	Phường Nghi Thu, Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Thuế	ConTB	NAN03274	5	51	17	68.4	73.4	
9	HOÀNG THỊ THANH	HUYỀN	27/02/1984	Chuyên viên	Nam Lạc, Nam Đàn, Nghệ An	Trường đại học Thương Mại Đại học ngoại ngữ Huế	Kế toán Tiếng Anh	ConTB	NAN03192	5	43	MT	68	73	
10	THÁI TRÀ	MY	25/12/1998	Chuyên viên	Diễn Bích, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Ngoại thương	Ngân hàng và tài chính quốc tế		NAN03230		44	MT	70.9	70.9	
11	PHAN THỊ THANH	PHƯƠNG	06/08/1990	Chuyên viên	Xã Đức Bình, huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	Trường Đại học Vinh Trường Đại học Vinh	Kế toán Kinh tế		NAN03283		42	MT	70.8	70.8	
12	TRẦN THỊ THÚY	HƯỜNG	30/05/1997	Chuyên viên	Xã Cẩm Nam, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh	Luật quốc tế		NAN03189		38	26	70	70	
13	PHAN THỊ PHƯƠNG	THẢO	14/09/1997	Chuyên viên	Hưng Chính, thành phố Vinh, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán		NAN03315		42	MT	69.8	69.8	
14	HOÀNG THỊ THÚY	HẰNG	13/08/1983	Chuyên viên	Xã Quảng Thanh, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		NAN03155		45	17	69.6	69.6	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
15	NGUYỄN THỊ	HOA	20/07/1989	Chuyên viên	Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An	Học Viện Tài Chính Học Viện Tài Chính	Kế toán Kế toán		NAN03175		38	MT	69.5	69.5	
16	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NGA	03/03/1982	Chuyên viên	Xóm Nhân Bồi, xã Bồi Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế - Đại học Quốc Gia Hà Nội	Quản lý kinh tế		NAN03241		37	MT	67 5	67.5	
17	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	08/10/1990	Chuyên viên	Hưng Long, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân Học viện Ngân hàng	Quản lý kinh tế và chính sách Tài chính ngân hàng		NAN03275		34	18	67.4	67 4	
18	NGUYỄN THỊ NGÂN	HÀ	05/11/1994	Chuyên viên	xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế phát triển		NAN03147		44	25	67 2	67 2	
19	BIỆN THỊ MỸ	LINH	13/10/1996	Chuyên viên	Thôn Hoàng Trù, Xã Kim Liên, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính - Ngân hàng		NAN03201		38	20	67	67	
20	PHAN KHÁNH	LINH	16/02/1997	Chuyên viên	Xã Trảng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Phân tích Chính sách Tài chính		NAN03209		31	20	67	67	
21	NGUYỄN HỒNG	SƠN	09/11/1977	Chuyên viên	Xuân Hội - Nghi Xuân - Hà Tĩnh	Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Kế Toán		NAN03297		46	23	66.5	66 5	
22	TRẦN THỊ LAN	HƯƠNG	02/01/1997	Chuyên viên	xóm Nam Bắc Sơn, Thị trấn huyện Nam Đan, Nghệ An	Đại học Ngoại Thương	Kinh tế Đối ngoại	ConTB	NAN03186	5	41	23	59 4	64.4	
23	ĐỖ THỊ THANH	HUYỀN	20/01/1996	Chuyên viên	Diễn Bích, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		NAN03190		42	26	63.9	63 9	
24	TRẦN BÍCH	TRÀ	29/02/1992	Chuyên viên	xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Luật Kinh doanh		NAN03349		42	21	61	61	
25	LÊ MAI	TRANG	04/09/1995	Chuyên viên	Hưng Đạo, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Vinh	Luật Kinh Tế		NAN03356		32	23	60	60	
26	NGUYỄN THỊ	TRANG	03/08/1991	Chuyên viên	Xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Trường Đại học kinh tế Nghệ An	Kế toán doanh nghiệp		NAN03357		31	21	58 5	58 5	
27	BẠCH NGUYỄN THUÝ	HIỀN	04/12/1997	Chuyên viên	Xã Hưng Phú, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	Học viện tài chính	Kiểm toán		NAN03165		45	18	58	58	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	NGUYỄN THỊ AN	BÌNH	07/11/1996	Kiểm tra viên thuế	Phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Ngoại thương	Quản trị Kinh doanh Quốc tế		NAN00153		44	23	88.5	88.5	
2	TRẦN THU	HẰNG	10/01/1988	Kiểm tra viên thuế	xã Cát Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế quản lý tài nguyên và môi trường	ConTB	NAN00640	5	42	18	80 6	85 6	
3	NGUYỄN THÙY	LINH	10/09/1991	Kiểm tra viên thuế	Xóm Xuân Hoa, xã Nghi Đức, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toan		NAN01247		42	21	84 7	84.7	
4	NGUYỄN THỊ	THẢO	26/04/1993	Kiểm tra viên thuế	Xóm 8B, Xã Nam Thanh, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	Trường Đại Học Vinh	Kế Toán		NAN02217		34	19	83.4	83 4	
5	CHU THỊ KHÁNH	HUYỀN	08/11/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Hưng Hoà, Thành phố Vinh, Nghệ An	Đại học Luật Hà Nội	Luật		NAN00987		46	17	81 9	81 9	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
6	PHAM THI MỸ	LINH	26/01/1996	Kiểm tra viên thuế	Xóm 3, xã Hưng Lam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính Ngân hàng		NAN01257		49	25	80.5	80.5	
7	CAO THỊ THẢO	VY	28/02/1993	Kiểm tra viên thuế	Xom 3, xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		NAN03013		54	22	80.3	80.3	
8	NGUYỄN THỊ	ĐÀO	08/11/1989	Kiểm tra viên thuế	Nghi Trung - Nghi Lộc - Nghệ An	Đại Học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	Chứng Khoán		NAN00253		52	20	79.6	79.6	
9	LÊ THỊ HOÀNG	NGÂN	12/09/1993	Kiểm tra viên thuế	Tổ dân phố Toàn Thắng, Phường Mai Hùng, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		NAN01509		50	26	79.4	79.4	
10	LÊ MINH	THÚY	03/10/1989	Kiểm tra viên thuế	Xã Xuân Sơn - Huyện Đô Lương - Nghệ An	Đại học Kinh Tế Quốc Dân Đại học Vinh	Quản trị doanh nghiệp Tài chính - Ngân hàng		NAN02435		48	23	79.4	79.4	
11	PHAN THỊ TÓ	UYÊN	01/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Hưng Thắng, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính Doanh nghiệp		NAN02908		44	20	79.4	79.4	
12	NGUYỄN ANH	TUẤN	21/08/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế Đầu tư		NAN02842		56	25	79.3	79.3	
13	NGUYỄN THỊ	LAN	02/09/1989	Kiểm tra viên thuế	Xom 7, xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		NAN01129		53	27	78.7	78.7	
14	PHẠM THỤC	ANH	29/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Quỳnh Bá, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Kinh tế quốc tế		NAN00090		47	30	78.4	78.4	
15	VŨ THỊ	TRUNG	28/03/1991	Kiểm tra viên thuế	Xóm 7, xã Lăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Trường Đại Học Ngoại Thương	Quản Trị Kinh Doanh Quốc Tế		NAN02812		44	19	77.9	77.9	
16	ĐINH THỊ NGỌC	MAI	18/02/1995	Kiểm tra viên thuế	Nam Đàn, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Tài chính - ngân hàng		NAN01361		38	22	76.8	76.8	
17	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	22/02/1995	Kiểm tra viên thuế	Số 11, Đường Nguyễn Khuyến, phường Vinh Tân, thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ an	Khoa Quốc tế - Đại học Quốc Gia Hà Nội	Kế toan, Phân tích kiểm toán		NAN02237		51	MT	76.3	76.3	
18	HOÀNG THỊ	HÀ	20/03/1994	Kiểm tra viên thuế	Yên Thành, Nghệ An	Đại học Quốc Gia Hà Nội	Kinh doanh quốc tế		NAN00518		33	MT	76.3	76.3	
19	HỒ THỊ THỤC	ANH	23/11/1998	Kiểm tra viên thuế	Hưng Thái, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán		NAN00037		47	17	76.1	76.1	
20	VÕ THỊ	THUÝ	05/09/1990	Kiểm tra viên thuế	Thạch Kim, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Đại học Ngoại Thương	Ngân hàng		NAN02418		45	27	76.1	76.1	
21	PHAN THỊ THANH	HUYỀN	12/10/1990	Kiểm tra viên thuế	Tăng Thành, Yên Thành, Nghệ An	Học viện Ngân Hàng	Ngân hàng	ConTB	NAN01040	5	35	20	71	76	
22	HỒ THỊ THU	HIỀN	12/10/1997	Kiểm tra viên thuế	Tiên Thủy, Huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An	Trường đại học kinh tế quốc dân	Kế toán		NAN00697		46	MT	75.8	75.8	
23	HÀ THANH	HẰNG	09/01/1992	Kiểm tra viên thuế	Thôn Bắc Lộc - Xã Vạn Trạch - Huyện Bố Trạch - Tỉnh Quảng Bình	Đại học Kinh Tế - Đại học Đà Nẵng	Ngân Hàng		NAN00587		44	21	75.8	75.8	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
24	NGUYỄN THỊ	DUNG	03/10/1993	Kiểm tra viên thuế	Nam Hưng, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN00360		49	16	75	75	
25	VÕ THỊ BÍCH	NGỌC	18/05/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân	Quản trị kinh doanh CN và XD		NAN01589		43	23	75	75	
26	NGUYỄN THỊ	THẢO	01/09/1984	Kiểm tra viên thuế	Văn Thành, Yên Thành, Nghệ An	Học viện Ngân Hàng	Tài chính ngân hàng		NAN02214		35	20	75	75	
27	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	28/12/1994	Kiểm tra viên thuế	Sơn Phố, Hương Sơn, Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		NAN02204		52	24	74 8	74.8	
28	TRẦN THỊ	NGA	12/06/1989	Kiểm tra viên thuế	Xã Đỉnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		NAN01497		48	15	74 6	74 6	
29	ĐẶNG THỊ KHÁNH	HUYỀN	08/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Xuân Lộc, Phú Lộc, Thừa Thiên - Huế	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế	Tài chính - Ngân hàng		NAN00990		40	18	74.6	74 6	
30	CHU THỊ ANH	ĐÀO	05/02/1986	Kiểm tra viên thuế	Quỳnh Giang - Quỳnh Lưu - Nghệ An	Học viện Tài chính Học viện Tài chính	Kế toán Kinh tế		NAN00249		47	18	74.5	74.5	
31	NGUYỄN THANH	THÚY	21/10/1996	Kiểm tra viên thuế	Xóm 6 - Xã Xuân Sơn - Huyện Đô Lương - Tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN02438		50	25	74 4	74.4	
32	PHẠM MAI	SƯƠNG	20/02/1997	Kiểm tra viên thuế	Thôn 2 Thanh Nộn, Xã Thanh Sơn, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam	Đại học Vinh	Kế toán		NAN02051		49	24	74 4	74 4	
33	TRẦN THỊ CẨM	VÂN	10/05/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Thanh Đồng, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng	Kiểm toán		NAN02952		45	19	74 4	74 4	
34	HÀ TIẾN	CƯỜNG	15/05/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã Nhân Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Trường Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Kinh tế và Quản lý công		NAN00237		32	16	74 3	74.3	
35	CAO THỊ QUỲNH	TRÚC	12/04/1994	Kiểm tra viên thuế	Xuân Giang- Nghi Xuân- Hà Tĩnh	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI	Kế toán tổng hợp		NAN02793		49	17	73.9	73 9	
36	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	25/10/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Nghi Ân - Thành phố Vinh- Tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản trị doanh nghiệp		NAN00956		41	24	73 6	73.6	
37	VÕ THỊ QUỲNH	TRANG	02/01/1988	Kiểm tra viên thuế	Xã Nghi Thịnh, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Trường Đại Học Ngoại Thương	Tài chính Quốc Tế		NAN02752		50	18	73 2	73.2	
38	NGUYỄN THỊ KHÁNH	TRANG	06/10/1992	Kiểm tra viên thuế	Minh Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Học viện Ngoại Giao	Kinh tế quốc tế	ConTB	NAN02701	5	45	20	68.2	73.2	
39	LÊ NHẬT	THIÊN	10/01/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Hưng Xá - Huyện Hưng Nguyên - Tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Quản lý Tài chính công	ConTB	NAN02280	5	53	23	68	73	
40	BÙI THỊ THANH	HUYỀN	15/03/1992	Kiểm tra viên thuế	Xóm 2, Xã Nam Thanh, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	Đại Học Vinh	Tài Chính - Ngân Hàng	ConTB	NAN00986	5	44	17	68	73	
41	NGUYỄN NGỌC	MẪU	01/01/1989	Kiểm tra viên thuế	Hà Tĩnh	Học Viện Tài Chính	Tài chính - Ngân hàng	ConTB	NAN01389	5	38	19	68	73	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
42	TRẦN BÁ QUỐC	DŨNG	20/12/1997	Kiểm tra viên thuế	Xóm 4,Xã Nam Nghĩa,Huyện Nam Đàn,Tỉnh Nghệ An	Học Viện Tài Chính	Kế Toán Doanh Nghiệp		NAN00399		49	26	72.8	72.8	
43	HỒ THUỲ	LINH	18/12/1992	Kiểm tra viên thuế	xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Đại học Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		NAN01200		31	23	72.8	72.8	
44	BUI THỊ	THÚY	06/02/1995	Kiểm tra viên thuế	Xóm 4- Nam Thanh- Nam Đàn- Nghệ An	Học Viện Tài Chính	Tài Chính Bao Hiểm		NAN02464		39	17	72.7	72.7	
45	HỒ THỊ	NA	16/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Xuân Giang, Nghi Xuân, Hà Tĩnh	Học viện Tài chính	Ngân hàng		NAN01452		47	22	72.4	72.4	
46	NGUYỄN HÀ KIỀU	OANH	01/10/1992	Kiểm tra viên thuế	xã Thanh Phong, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		NAN01777		45	22	72.4	72.4	
47	TRẦN THỊ THU	HÀ	25/10/1984	Kiểm tra viên thuế	Xóm 6, Xã Nghĩa Đồng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	Đại Học Vinh	Kế toan		NAN00552		45	16	72.4	72.4	
48	NGUYỄN ĐOÃN	DŨNG	20/08/1993	Kiểm tra viên thuế	Khối 8 thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Học viện ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		NAN00392		40	24	72.4	72.4	
49	NGUYỄN LÊ	GIANG	04/05/1997	Kiểm tra viên thuế	khối đan nhiệm, Thị trấn Nam Đàn, huyện nam đàn, tỉnh Nghệ An	Trường đại học Luật- Đại học Huế	Luật kinh tế		NAN00471		33	15	72.2	72.2	
50	ĐẬU THANH	NGÂN	24/03/1998	Kiểm tra viên thuế	Quỳnh Phương, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế Quốc tế		NAN01501		50	27	72	72	
51	BÙI TRUNG	HIEU	15/10/1992	Kiểm tra viên thuế	Nam Thanh, Nam Đàn, Nghệ An	Học viện Tài chính	Tài chính Doanh nghiệp	ConTB	NAN00759	5	47	22	67	72	
52	NGUYỄN THỊ THÚY	TRANG	24/03/1997	Kiểm tra viên thuế	Xóm Luân Phú Xã Đồng Văn Huyện Thanh Chương Tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc Dân	Kế toán		NAN02718		35	17	71.8	71.8	
53	NGUYỄN THỊ HÀ	DƯƠNG	22/11/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã hưng lĩnh, huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân	Thương mại quốc tế		NAN00404		43	22	71.5	71.5	
54	HOÀNG THỊ	TRANG	02/01/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Lưu Sơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	Đại học vinh	Kế toán		NAN02646		41	17	71.3	71.3	
55	ĐINH THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	12/03/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Tào Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Thuế		NAN02376		48	24	71.2	71.2	
56	DƯƠNG NHẬT	LINH	16/03/1998	Kiểm tra viên thuế	Vinh, Nghệ An	Đại học Ngoại Thương	Tài chính Quốc tế		NAN01195		49	25	70.9	70.9	
57	PHẠM THỊ	THẮM	05/02/1996	Kiểm tra viên thuế	Xóm 3, Xã Nam Thanh, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN02116		35	16	70.9	70.9	
58	PHAN THỊ HỒNG	CHI	09/06/1991	Kiểm tra viên thuế	thôn 4, Xã Xuân Lam, Nghi Xuân, Hà Tĩnh	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	QUẢN TRỊ KINH DOANH		NAN00209		50	15	70.8	70.8	
59	NGUYỄN THỊ	GIANG	11/06/1985	Kiểm tra viên thuế	Xã Thanh Khai, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Học Viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		NAN00473		47	18	70.7	70.7	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
60	DƯƠNG THỊ CẨM	TÚ	24/07/1997	Kiểm tra viên thuế	Hưng Lĩnh, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học Kinh tế - Tài chính thành phố Hồ Chí Minh	Luật Kinh doanh		NAN02818		47	19	70 5	70.5	
61	BÙI THANH	QUỲNH	18/07/1998	Kiểm tra viên thuế	Thôn Trung Chánh, xã Phú Hồ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế	Học Viện Tài Chính	Kiểm toán		NAN01968		33	19	70.4	70 4	
62	TRỊNH MINH	PHÚ	22/11/1992	Kiểm tra viên thuế	Khối Quang Trung - Phường Vinh Tân - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân	Hải quan		NAN01810		51	21	69.4	69 4	
63	HOÀNG THỊ HỒNG	HÀ	02/04/1979	Kiểm tra viên thuế	Cẩm Thăng - Cẩm Xuyên - HT	Đại Học Nha trang	Quản trị kinh doanh	ConTB	NAN00519	5	42	MT	64.2	69.2	
64	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	30/07/1998	Kiểm tra viên thuế	Thạch Hải, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		NAN01028		37	18	69 2	69.2	
65	NGUYỄN THỊ MINH	THUÝ	04/06/1998	Kiểm tra viên thuế	Nghi Xuân - Nghi Lộc - Nghệ An	Đại học Vinh	Quản trị kinh doanh		NAN02414		45	24	69	69	
66	ĐINH VĂN VŨ	THĂNG	02/09/1992	Kiểm tra viên thuế	Nghi Lộc Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế đầu tư	ConTB	NAN02123	5	36	19	64	69	
67	TRƯƠNG QUANG	ĐẠT	06/02/1993	Kiểm tra viên thuế	Thành phố Vinh - Nghệ An	Đại Học Vinh	Tài chính - Ngân hàng	ConTB	NAN00271	5	41	16	63.9	68.9	
68	LÊ THỊ	LÝ	06/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán		NAN01350		41	21	68.8	68.8	
69	NGUYỄN THỊ	TRANG	31/08/1993	Kiểm tra viên thuế	Tân Sơn- Đô Lương- Nghệ An	Đại Học Vinh	Kế Toán		NAN02689		50	21	68 7	68.7	
70	MAI DIỆU	LINH	26/04/1994	Kiểm tra viên thuế	An Hòa, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Đại học Giao thông Vận tải	Kế toán Tổng hợp Tiếng Anh		NAN01216		38	19	68.6	68 6	
71	NGUYỄN THỊ HÀ	NAM	14/03/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Sơn Trung,Huyện Hương Sơn,Tỉnh Hà Tĩnh	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		NAN01463		44	18	68 5	68 5	
72	ĐẬU THỊ THÙY	MỸ	03/02/1998	Kiểm tra viên thuế	Diễn Thành, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế tài nguyên		NAN01444		35	23	68.4	68 4	
73	NGUYỄN KIM	CHI	04/10/1991	Kiểm tra viên thuế	Khối 1, phường Hồng Sơn, thành phố Vinh, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán	ConTB	NAN00199	5	47	23	63 2	68 2	
74	LÊ THỊ MAI	HƯƠNG	02/11/1988	Kiểm tra viên thuế	Xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Trường Đại học Kinh tế	Kinh tế Tài chính Ngân hàng Tài chính Ngân hàng		NAN00937		51	21	68 1	68.1	
75	HỒ THỊ	TÂM	06/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Quỳnh Thắng Quỳnh Lưu Nghệ An	Trường Đại Học Vinh	Kế toán		NAN02067		33	18	68	68	
76	ĐẬU THỊ QUỲNH	MAI	08/05/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Thanh Tùng, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Đại học Ngoại Thương	Thương mại quốc tế		NAN01360		36	26	67 5	67 5	
77	ĐÀO THỊ MINH	TÚ	05/05/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Đức Dũng, Huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		NAN02816		36	26	67.4	67 4	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
78	NGUYỄN THỊ TRANG	TRANG	02/11/1997	Kiểm tra viên thuế	Xóm 7, xã Quỳnh Hậu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài Chính	Kiểm toán		NAN02719		52	24	67	67	
79	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	28/09/1991	Kiểm tra viên thuế	NGHỆ AN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP		NAN01486		39	17	66.4	66.4	
80	NGUYỄN MỸ	HẠNH	20/12/1987	Kiểm tra viên thuế	Xuân Hòa, Nam Đàn, Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế quốc dân Học Viện Ngân Hàng	Quản trị kinh doanh tổng hợp Tài chính Ngân hàng	ConTB	NAN00658	5	50	MT	61 2	66.2	
81	NGUYỄN HUYỀN	NGA	22/07/1997	Kiểm tra viên thuế	Quỳnh Lập- Quỳnh Lưu- Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		NAN01478		46	18	66.2	66.2	
82	PHẠM THỊ KHÁNH	LINH	26/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Nghi Ân, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Kiểm toán		NAN01256		39	24	66 2	66 2	
83	TRẦN THỊ QUỲNH	ANH	28/02/1991	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Nam Đàn - Nam Đàn - Nghệ An	Đại học Vinh	Tài chính - ngân hàng	ConTB	NAN00097	5	37	16	61	66	
84	TRẦN THỊ TRÀ	MY	14/04/1997	Kiểm tra viên thuế	xã Hưng Lam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài Chính	Tài chính Quốc tế		NAN01442		31	23	66	66	
85	PHẠM THỊ THUỶ	LIÊN	18/04/1989	Kiểm tra viên thuế	Xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Trường đại học kinh tế quốc dân Học viện tài chính	Quản trị kinh doanh tổng hợp Tài chính - ngân hàng		NAN01177		37	19	65.8	65.8	
86	NGUYỄN THỊ	THỦY	15/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Nghi Quang, Nghi Lộc, Nghệ An	Trường Đại học Ngoại Thương	Tài chính quốc tế		NAN02487		49	25	65.4	65 4	
87	HOÀNG TÚ	QUYÊN	07/06/1988	Kiểm tra viên thuế	Xã Thanh Chi, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài Chính Học viện Tài Chính	Kế toán kế toán		NAN01948		43	20	65.4	65.4	
88	VÕ NGUYỄN QUỲNH	AN	18/06/1997	Kiểm tra viên thuế	Vinh Tân - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An	Học viện Tài Chính	Kiểm toán		NAN00020		42	25	65.4	65.4	
89	NGUYỄN THỊ	THANH	01/08/1998	Kiểm tra viên thuế	Khối 12, thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Kế hoạch		NAN02149		44	19	65	65	
90	NGUYỄN ĐÌNH	DŨNG	20/09/1996	Kiểm tra viên thuế	XÃ KHÁNH HỢP, HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP		NAN00391		36	26	65	65	
91	BÙI THỊ THU	LÝ	06/03/1994	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Đại học Thương Mại	Kế toán doanh nghiệp		NAN01344		44	19	64.6	64.6	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
1	NGUYỄN THỊ	MINH	20/03/1994	Văn thư Trung cấp	Xã Kỳ Hải - Huyện Kỳ Anh - Tỉnh Hà Tĩnh	Học viện Hành chính Quốc Gia	Quản lý Nhà nước (Tên mới của Hành chính học)		NAN03544		45	17	91	91	
2	NGUYỄN THỊ	LINH	27/11/1989	Văn thư Trung cấp	xóm 2,xã cat Văn, huyện thanh chương tỉnh nghệ an	Học viện Hành Chính	Hành chính học		NAN03540		44	22	63	63	

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH NINH THUẬN

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 / 5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
II. Kiểm tra viên thuế															
1	NGUYỄN NGỌC NGUYÊN	THẢO	20/11/1998	Kiểm tra viên thuế	Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Thuận	Trường Đại học Thái Bình Dương	Luật kinh tế		NTH02211		42	18	79	79	
2	TRƯƠNG THỊ BÍCH	THOA	09/02/1997	Kiểm tra viên thuế	203/6 Ngô Gia Tự, KP.5, Phường Thanh Sơn, TP Phan Rang- Tháp Chàm, Ninh Thuận	Đại học Kinh tế T Hồ Chí Minh	Kiểm toán		NTH02308		50	25	78.8	78 8	
3	HAI	VÂN	05/08/1993	Kiểm tra viên thuế	NINH THUẬN	ĐẠI HỌC MỞ TPHCM	NGÂN HÀNG	DTTS	NTH02920	5	45	21	73 8	78.8	
4	LÊ THỊ XUÂN	QUỲNH	01/12/1991	Kiểm tra viên thuế	thôn Từ Tâm, xã Phước Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM	Tài chính doanh nghiệp		NTH01979		52	23	71.1	71 1	
5	TRẦN THỤY MINH	THU	01/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Thừa Thiên - Huế	Đại Học Sài Gòn Đại Học Sài Gòn	Tài chính Tài Chính - Ngân Hàng		NTH02362		45	20	69	69	
6	LÊ THIÊN THANH	HƯNG	04/07/1991	Kiểm tra viên thuế	Ninh Thuận	Trường Đại Học Dân Lập Văn Lang	Tài Chính Ngân Hàng	DTTS	NTH00917	5	44	23	61 2	66.2	
7	ĐINH THỊ THU	HÀ	19/03/1986	Kiểm tra viên thuế	Gia Bình, Bắc Ninh	Trường ĐH Kinh Tế TPHCM	Tài Chính nhà nước		NTH00510		41	20	65.8	65 8	
8	ĐỖ BÁO	ANH	08/11/1991	Kiểm tra viên thuế	Bình Định	Trường Đại học Kinh tế - Luật	Tài chính - Ngân hàng		NTH00032		40	17	62.5	62 5	
9	NGUYỄN HUY	TÍN	09/02/1995	Kiểm tra viên thuế	Bình Thuận	Đại học Văn Lang	Tài chính ngân hàng		NTH02544		39	22	58 6	58.6	
10	HUỲNH MINH	THƯ	10/06/1990	Kiểm tra viên thuế	Ninh Thuận	Trường Đại Học Tôn Đức Thắng – TP. Hồ Chí Minh	Kế toán kiểm toán		NTH02342		42	20	58	58	
11	LÊ KIỀU	NHI	21/12/1979	Kiểm tra viên thuế	Thôn Phú Thuận, xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		NTH01655		31	MT	58	58	
12	LÊ VŨ NHƯ	BẢO	18/09/1991	Kiểm tra viên thuế	Ninh Thuận	Trường Đại Học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh Trường Đại Học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Kế Toán Kế Toán		NTH00129		41	19	57.7	57.7	
13	HOÀNG THỊ HỒNG	NHUNG	02/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Thiệu Hóa, Thanh Hóa	Trường Đại học Đà Lạt	Kế toán		NTH01713		43	20	57.5	57 5	
14	TRẦN THỊ KIM	HƯƠNG	27/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Thuận	Đại học Tài Chính - Marketing	Quản trị kinh doanh tổng hợp		NTH00963		39	19	57	57	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
15	NGÔ THÚY	HIỀN	20/08/1998	Kiểm tra viên thuế	Hà Tĩnh	Đại học Sài Gòn	Kế toán		NTH00708		35	15	57	57	
16	NGUYỄN DUY	KHANH	02/01/1993	Kiểm tra viên thuế	Ninh Thuận	ĐH Tài Chính - Marketing	Thuế		NTH01064		34	15	57	57	
17	QUẢNG THỊ NGỌC	HÂN	24/12/1990	Kiểm tra viên thuế	Tịnh Khê, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	Đại học Tôn Đức Thắng Đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh quốc tế Kế toán		NTH00579		44	22	56	56	
18	TRẦN THỊ HÀ	TIÊN	25/07/1993	Kiểm tra viên thuế	Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	KẾ TOÁN		NTH02534		44	19	56	56	
19	NGUYỄN THỊ THÁI	NGÂN	08/07/1991	Kiểm tra viên thuế	Ninh Thuận	Đại học Công nghệ TP Hồ Chí Minh Đại học Kinh tế-Luật (ĐHQG TP HCM)	Quản trị kinh doanh Kinh tế đối ngoại		NTH01523		42	25	55.4	55.4	
20	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỀN	03/11/1991	Kiểm tra viên thuế	Ninh Thuận	Trường Đại Học Kỹ Thuật Công Nghệ TP. Hồ Chí Minh	Kế Toán Ngân Hàng		NTH00718		50	17	55	55	
21	NGUYỄN MỸ ANH	THƯ	18/05/1996	Kiểm tra viên thuế	Ninh Thuận	ĐH CNTT Gia Định	Quản trị kinh doanh-Marketing		NTH02347		33	15	55	55	
22	PHAN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	06/09/1992	Kiểm tra viên thuế	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	Trường Đại Học Mở TP Hồ Chí Minh	Kế Toán		NTH01883		42	16	54.4	54.4	
23	LÊ THỊ NGỌC	QUÝ	24/04/1994	Kiểm tra viên thuế	Bình Định	Trường Đại học Tài chính-Marketing	Kế toán		NTH01935		34	24	54	54	
24	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	20/09/1991	Kiểm tra viên thuế	Bình Định	Trường ĐH Tài Chính - Marketing	Kế toán		NTH02303		42	15	52	52	
25	LÊ NGÔ BÍCH	NGỌC	15/01/1996	Kiểm tra viên thuế	Hòa Hiệp Nam, Đông Hòa, Phu Yên	Đại học Thái Bình Dương	Kế toán		NTH01554		39	15	51	51	
26	TRẦN PHƯƠNG THU	THÚY	06/06/1987	Kiểm tra viên thuế	Phù Mỹ, Bình Định	Trường Đại học Đà Lạt	Tài chính kế toán		NTH02503		38	17	50	50	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	TRẦN THẾ	HIỂN	13/07/1990	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Ninh Thuận	Trường Đại học CNTT - ĐH QG TPHCM	Công nghệ thông tin	HTNVQS	NTH03407	2.5	39	19	85	87.5	
2	TRẦN VIỆT	QUỐC	25/10/1982	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Nam Định	Trường Đại học Bách khoa Tp. Hồ Chí Minh	Kỹ thuật điện tử		NTH03437		37	20	77	77	
3	BIỆN LÊ ANH	HƯNG	28/04/1986	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Khánh Hòa	Đại học sư phạm kỹ thuật TP HCM	Công nghệ thông tin		NTH03411		35	19	75	75	
4	NGUYỄN HỮU HIỀN	NGHĨA	04/11/1993	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Ninh Thuận	Đại Học Công Nghiệp TPHCM	Điện tử viễn thông		NTH03425		44	21	73	73	
5	HỒ TRỊNH HOÀNG	ĐỨC	03/03/1988	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Ninh Thuận	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Điện tử viễn thông		NTH03396		37	19	62	62	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH PHÚ YÊN

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 / 6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
II. Kiểm tra viên thuế															
1	PHẠM THỊ KIỀU	NGA	09/12/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn Hội Cư, xã Hòa Tân Tây, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên	Trương Đại học kinh tế luật	Kinh tế học		PHY01490		44	19	90	90	
2	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	02/12/1993	Kiểm tra viên thuế	Hòa Xuân Đông, H.Đông Hòa, Phú Yên	Đại học Luật TP Hồ Chí Minh Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	Luật Dân sự và Tố tụng dân sự Luật	ConTB	PHY02304	5	47	19	82.3	87.3	
3	PHAN TÚ	NHƯ	28/08/1994	Kiểm tra viên thuế	Hòa Quang Nam, Huyện Phú Hòa, Phú Yên	Trường Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	Tài chính		PHY01697		49	22	81 8	81.8	
4	LÊ THỊ THẢO	MY	20/10/1993	Kiểm tra viên thuế	Hòa Tân Đông, Đông Hòa, Phú Yên	Học viện Ngân Hàng Trường Đại học Thái Bình Dương	Ngân hàng thương mại Ngôn ngữ Anh		PHY01428		37	MT	81.4	81.4	
5	LƯƠNG THỊ KIM	THUY	07/01/1992	Kiểm tra viên thuế	Hòa Tân Tây, Tây Hòa, Phú Yên	Trường Đại Học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		PHY02409		53	24	77.6	77.6	
6	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	OANH	21/10/1988	Kiểm tra viên thuế	Nha Trang,Khánh Hòa	Học viện ngân hàng Đại học Kinh tế tphcm	Tài chính ngân hàng Tài chính ngân hàng		PHY01780		46	19	76.8	76.8	
7	HUỲNH THỊ	ĐIỂM	16/09/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn Phú Khánh, Xã Hoà Tân Tây, Huyện Tây Hoà, Tỉnh Phú Yên	Đại Học Kinh Tế TP.HCM Trường Đại Học Kinh Tế TP.HCM	Tài chính - Ngân hàng(Ngân Hàng) Tài Chính - Ngân Hàng		PHY00295		45	22	75.6	75.6	
8	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	20/04/1993	Kiểm tra viên thuế	Thạnh Phú Đông, Hoà Mỹ Tây, Tây Hoà, Phú Yên	Đại học Điện lực Hà Nội Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh		PHY01729		49	17	75 2	75.2	
9	TRẦN THU	THẢO	25/06/1995	Kiểm tra viên thuế	Hoà Định Đông, Huyện Phú Hoà, Phú Yên	Trường ĐH Tài Chính - Kế Toán	Tài chính doanh nghiệp		PHY02262		41	25	74.3	74.3	
10	CAO THỊ THANH	THANH	30/11/1990	Kiểm tra viên thuế	Thôn Thanh Hà, Xã Quảng Thành, Huyện Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Thái Bình Dương	Luật Kinh tế - Dân sự		PHY02133		49	17	74	74	
11	PHAN THỊ THANH	THẢO	18/10/1996	Kiểm tra viên thuế	30 Võ Trứ, thị trấn Chí Thạnh, Tuy an, Phú yên	Đại học Văn Lang	tài chính ngân hàng		PHY02245		46	21	73 5	73.5	
12	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHƯỢNG	01/03/1992	Kiểm tra viên thuế	Vụ Bản - Nam Định	Trường Đại học Công Nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		PHY01909		39	17	72.3	72.3	
13	NGUYỄN HUỲNH MỸ	TIÊN	30/06/1997	Kiểm tra viên thuế	Hòa Xuân Đông, Huyện Đông Hòa, Phú Yên	Trường Đại học Luật TPHCM	Quản Trị Kinh Doanh		PHY02524		37	17	72.2	72 2	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
14	NGUYỄN THỊ TRÚC	QUỲNH	26/07/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Hội Cư, xã Hòa Tân Tây, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên	Đại Học Nông Lâm TP. HCM Đại Học Thái Bình Dương	Quản trị kinh doanh Ngôn ngữ anh		PHY01993		43	MT	70.4	70.4	
15	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	25/06/1997	Kiểm tra viên thuế	An Hiệp, H. Tuy An, Phú Yên	Đại học Ngân hàng TPHCM	Ngân hàng		PHY02494		45	20	70.2	70.2	
16	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	NGÂN	26/08/1988	Kiểm tra viên thuế	Đông Phước, Hòa An, Phú Hòa, Phú Yên	Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		PHY01516		40	23	69.6	69.6	
17	NGUYỄN THU	HIỀN	24/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Phú Hòa, Phú Yên	ĐH Công nghiệp TP HCM	Tài chính - Ngân hàng		PHY00727		30	18	69.2	69.2	
III. Văn thư															
1	NGUYỄN THỊ XUÂN	LINH	27/05/1997	Văn thư	Lạc Điền - Sơn Thành Đông - Tây Hòa - Phú Yên	Trường Đại học Nội vụ Hà Nội	Lưu trữ học	ConNHCSnhuTB	PHY03479	5	34	18	71	76	
2	TRẦN ÁNH	LINH	27/04/1996	Văn thư	Hòa Xuân Đông, Đông Hòa, Phú Yên	Đại Học Thái Bình Dương	Quản trị Văn phòng		PHY03481		31	25	70	70	
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
II. Kiểm tra viên thuế															
1	NGUYỄN TRỊNH	THỦY	27/02/1987	Kiểm tra viên thuế	Quảng thọ - ba đồn - quảng bình	Đại học dân lập duy tân	Kế toán - kiểm toán		QBI02496		47	22	88	88	
2	ĐỖ NHU	HOÀI	26/12/1988	Kiểm tra viên thuế	Thôn 8 - Trung Trạch - Bố Trạch - Quảng Bình	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản lý Kinh tế Kế toán		QBI00821		50	22	87.5	87.5	
3	HỒ THỊ NGỌC	ANH	26/03/1993	Kiểm tra viên thuế	An Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	Trường Đại Học Công Nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Tài Chính Doanh Nghiệp		QBI00036		51	21	85.3	85.3	
4	LƯU THỊ THU	THẢO	06/05/1995	Kiểm tra viên thuế	Hạ Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	Trường Đại học kinh tế - Đại học Huế	Kế toán- Kiểm toán		QBI02205		53	15	83.5	83.5	
5	PHẠM THỊ	HOA	01/10/1986	Kiểm tra viên thuế	Xã Quảng Tiên - Thị Xã Ba Đồn - Tỉnh Quảng Bình	Đại học kinh tế Huế Đại học Ngoại Ngữ Huế	Kế toan doanh nghiệp Tiếng Anh	ConNHCSnhuTB	QBI00800	5	42	MT	77.4	82.4	
6	ĐẶNG QUỲNH	TRANG	05/03/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Đức Ninh- Thành phố Đồng Hới- Tỉnh Quảng Bình	Trường đại học Quảng Bình	Kế toán		QBI02634		49	21	81.1	81.1	
7	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THÚY	10/12/1989	Kiểm tra viên thuế	Xã Phổ An, Huyện Đức Phổ, Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế Học viện Tài chính	Quản lý kinh tế Ngôn ngữ Anh		QBI02498		43	MT	81	81	
8	NGUYỄN THANH	HUYỀN	05/06/1998	Kiểm tra viên thuế	Phường Nam Lý, Thành phố Đồng Hới, Quảng Bình	Đại học Kinh tế, Đại học Huế	Kế toán		QBI01014		54	21	80.5	80.5	
9	ĐỖ QUÝ	NHÂN	23/09/1993	Kiểm tra viên thuế	TT Kiến Giang, Huyện Lệ Thủy, Tỉnh Quảng Bình	Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản trị Doanh nghiệp		QBI01625		51	20	80	80	
10	TRẦN HỒNG	NGỌC	15/10/1991	Kiểm tra viên thuế	Đội 4, Mỹ Trạch, xã Mỹ Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Đại Học Lạc Hồng	Kế toán - kiểm toán		QBI01579		46	18	80	80	
11	LÊ THU	THỦY	19/05/1994	Kiểm tra viên thuế	Phường Quảng Thọ - Thị xã Ba Đồn - Tỉnh Quảng Bình	Học viện Tài chính	Kiểm toán		QBI02480		51	24	79.5	79.5	
12	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THẢO	03/11/1996	Kiểm tra viên thuế	Liên Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	Đại học Luật- Đại học Huế	Luật Hợp đồng(Ngành luật Kinh tế)		QBI02258		51	24	78.6	78.6	
13	NGUYỄN HỒ THU	THỦY	06/04/1998	Kiểm tra viên thuế	Xóm 1, Lương Yến, Lương Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Học viện Tài chính	Tài chính - Bảo hiểm		QBI02483		53	26	78	78	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
14	DƯƠNG BẢO	HUYỀN	04/09/1991	Kiểm tra viên thuế	Mai Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình	Đại học Kinh tế Đà Nẵng Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh		QBI00994		48	18	77 8	77.8	
15	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	10/12/1994	Kiểm tra viên thuế	số 16 đường Xuân Thuy-Phường Bắc Lý-Thành phố Đồng Hới-Tỉnh Quảng Bình	Đại Học Kinh Tế, Đại Học Huế	Kế toán		QBI03075		45	15	77 6	77.6	
16	NGUYỄN ANH	HÙNG	19/05/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Thuận Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình	Đại học Kinh tế Huế Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản lý kinh tế Kinh tế		QBI00904		51	26	77.5	77.5	
17	PHAN VIỆT	PHƯƠNG	11/12/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng Đại học kinh tế - Đại học	Kế toán Tài chính		QBI01886		47	18	77.4	77 4	
18	LÊ THỊ TUYẾT	MAI	16/02/1994	Kiểm tra viên thuế	Hải Thượng - Hải Lăng - Quảng Trị	Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ConNHCSnhuTB	QBI01366	5	45	17	72	77	
19	NGUYỄN THANH	NGÂN	24/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Xuân Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Đại học Luật, Đại học Huế	Luật Hợp đồng		QBI01517		50	21	76 6	76 6	
20	NGUYỄN THỊ BẢO	YẾN	26/06/1992	Kiểm tra viên thuế	Vũ Vân- Vũ Thư- Thái Bình	Trường Đại Học Kiến Trúc Đà Nẵng	Tài Chính Ngân Hàng		QBI03073		42	15	76.6	76.6	
21	LÊ THỊ CẨM	GIANG	12/12/1992	Kiểm tra viên thuế	xã Võ Ninh - huyện Quảng Ninh - tỉnh Quảng Bình	Trường Đại học kinh tế Huế	Kế toán - kiểm toán		QBI00466		47	19	76.4	76 4	
22	HOÀNG HÀ	DUY	19/12/1998	Kiểm tra viên thuế	Vạn Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Trường đại học Kinh tế, đại học Đà Nẵng	Kế toán		QBI00415		38	20	76	76	
23	TRẦN HUYỀN	THẢO	14/11/1998	Kiểm tra viên thuế	Đồng Phú - Đồng Hới - Quảng Bình	Trường Đại Học Luật, Đại học Huế	Luật tổ chức kinh doanh		QBI02247		47	15	75.8	75 8	
III. Văn thư															
1	PHẠM THỊ	DƯƠNG	19/09/1992	Văn thư	Hải Ninh, Huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	Trường Học Viện Hành Chính quốc gia Tp Hồ Chí Minh	Quản lí nhà nước về kinh tế	ConTB	QBI03469	5	38	22	81	86	
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	PHAN THỊ MỸ	HẠNH	20/05/1992	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Trung Trạch - Bố Trạch - Quảng Bình	Đại Học Quảng Bình Đại Học Duy Tân	Công nghệ thông tin Công nghệ thông tin		QBI03404		35	21	72	72	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4/6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	18/01/1984	Chuyên viên	Tam Thanh, Tam Kỳ, Quảng Nam	ĐH Đà Nẵng	Kế toán		QNA03276		40	19	77.6	77.6	
2	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	08/12/1992	Chuyên viên	Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		QNA03324		46	16	76.4	76.4	
3	NGUYỄN NỮ NHƯ	NGỌC	03/02/1993	Chuyên viên	THĂNG BÌNH, QUẢNG NAM	ĐH NHA TRANG	Kế toán	CondeNHDK CbiNCDHH	QNA03247	5	35	16	71	76	
4	HOÀNG THỊ	DƯỠNG	25/12/1990	Chuyên viên	Xã Quế An - Quế Sơn- Quảng Nam	Đại học Quảng Nam	Kế toán	ConNHCSnhuTB	QNA03140	5	43	16	66 8	71.8	
5	NGÔ THỊ HỒNG	NGUYÊN	12/01/1996	Chuyên viên	Xã Điện Quang, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		QNA03254		49	26	70 4	70.4	
6	LÊ THI PHƯƠNG	THÚY	15/04/1985	Chuyên viên	Xã Duy Phước, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế TPHCM	Ngân hàng		QNA03335		46	28	70	70	
7	HÀ THI	LỢI	15/08/1976	Chuyên viên	Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế và QTKD Đà Nẵng	Kế toán		QNA03216		47	MT	69	69	
8	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	18/06/1994	Chuyên viên	Thôn Đại An, xã Tam Đại, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Luật kinh doanh	ConTB	QNA03369	5	39	21	63 4	68.4	
9	NGUYỄN THỊ	TÂM	27/08/1988	Chuyên viên	Thôn An Tây, xã Tiên Kỳ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Trường Đại Học Quảng Nam	Kế toán doanh nghiệp		QNA03302		41	26	64 4	64.4	
10	LÊ THỊ THANH	VÂN	24/07/1988	Chuyên viên	Quảng Trị	Đại Học Nha Trang	Quản Trị Kinh Doanh		QNA03372		40	22	64.4	64.4	
11	NGÔ THỊ MỸ	HIỀN	26/12/1996	Chuyên viên	Thị Trấn Ái Nghĩa, Huyện Đại Lộc, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kiểm toán		QNA03169		39	18	62.6	62.6	
12	TRẦN DUY	THANH	23/09/1993	Chuyên viên	Duy Sơn, Duy Xuyên, Quảng Nam	Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh quốc tế		QNA03307		36	21	61 6	61.6	
13	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	28/08/1988	Chuyên viên	TT Nam Phước, Duy Xuyên, Quảng Nam	Đại học Kinh tế TP HCM Đại học Kinh Tế - Đại học Đà Nẵng	Tài chính Nhà nước Quản lý kinh tế		QNA03249		35	18	60	60	
14	PHẠM NGUYỄN LỆ	QUYÊN	19/08/1997	Chuyên viên	Thôn Khánh Thọ, Xã Tam Thái, Huyện Phú Ninh, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Luật - Đại học Huế	Luật Kinh tế		QNA03288		37	16	59 3	59 3	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
15	TRẦN THỤC	QUYÊN	27/01/1993	Chuyên viên	ĐIỆN DƯƠNG, ĐIỆN BÀN, QUẢNG NAM	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	NGÂN HÀNG		QNA03290		41	22	58	58	
16	NGUYỄN THỊ	LINH	07/06/1992	Chuyên viên	Xuân Lâm, Nam Đàn, Nghệ An	Trường Đại Học Công Nghiệp Thực Phẩm Thành Phố Hồ	Kế toán		QNA03206		31	20	58	58	
17	BÙI THỊ THIÊN	HƯƠNG	03/10/1990	Chuyên viên	Quảng Nam	Đại Học Thương Mại	Tài Chính Ngân Hàng		QNA03182		33	15	57 6	57.6	
18	NGÔ THỊ MINH	PHƯƠNG	31/03/1985	Chuyên viên	Thôn Phú Bông- Xã Duy Trinh-Huyện Duy Xuyên - Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Đà Nẵng Đại học Kinh tế- Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh Quản trị doanh nghiệp Du lịch - Dịch vụ		QNA03278		46	24	57	57	
19	HOÀNG THỊ THÙY	DUYÊN	07/01/1995	Chuyên viên	Thôn An Trú-Xã Triệu Tài-Huyện Triệu Phong-Tỉnh Quảng Trị	Trường Đại Học Tài Chính-Kế Toán	Kế toán doanh nghiệp		QNA03141		39	17	52.7	52.7	
20	TRẦN NGUYÊN NGỌC	TRÂM	20/07/1994	Chuyên viên	Tam Phú, Tam Kỳ, Quảng Nam	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP Hồ Chí Mi	Kế toán doanh nghiệp		QNA03350		34	21	50	50	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	NGUYỄN THỊ THÙY	TIÊN	11/12/1992	Kiểm tra viên thuế	Thôn Tân Mỹ - Xã Điện Minh - Thị xã Điện Bàn - Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNA02527		52	24	85	85	
2	VÕ THỊ NGỌC	LINH	21/06/1998	Kiểm tra viên thuế	Tam Mỹ Tây, Núi Thành, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh Tế - Đại học Đà Nẵng	Kinh tế đầu tư		QNA01275		36	22	79.5	79 5	
3	TRƯƠNG THỊ HỒNG	NGỌC	20/11/1992	Kiểm tra viên thuế	Phường Minh An, Thành Phố Hội An,Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại Học Kinh Tế, Đại Học Đà Nẵng	Kế Toán		QNA01587		42	22	77.6	77.6	
4	TRƯƠNG THỊ	NỞ	31/07/1988	Kiểm tra viên thuế	Châu Thủy, Điện Thọ, Thị Xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Đà Nẵng Đại học Nha Trang	Quản Trị Kinh Doanh Quản trị kinh doanh		QNA01763		40	15	77 6	77 6	
5	LƯƠNG THẢO	MY	30/10/1997	Kiểm tra viên thuế	Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT	Luật Tài chính - Ngân hàng		QNA01429		47	24	75 9	75.9	
6	NGUYỄN THỊ THANH	HIỀN	05/06/1995	Kiểm tra viên thuế	xã Tam Phú, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh tổng quát		QNA00721		49	23	75.5	75 5	
7	PHẠM LÊ NGUYÊN	LỘC	01/01/1997	Kiểm tra viên thuế	Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế- Đại học Đà Nẵng	Kiểm toán		QNA01301		40	20	75	75	
8	NGUYỄN THỊ	LAM	15/01/1993	Kiểm tra viên thuế	Quảng Nam	Trường Đại Học Kinh Tế, ĐH Đà Nẵng	Kiểm Toán		QNA01111		54	20	74 8	74.8	
9	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÔNG	05/04/1994	Kiểm tra viên thuế	Nam Hà, Điện Trung, Điện Bàn, Quảng Nam	Trường Đại Học Kinh Tế Đà Nẵng	Kiểm toán		QNA02312		39	23	74.5	74.5	
10	NGUYỄN ĐAI	VINH	06/09/1988	Kiểm tra viên thuế	Tam Đại - Phú Ninh - Quảng Nam	Đại Học Đà Nẵng	Kế toán		QNA02988		40	19	73 9	73.9	
11	NGUYỄN THỊ TÙNG	VY	15/05/1994	Kiểm tra viên thuế	Bàn Long,Tam Tiến, Núi Thành, Quảng Nam	Trường Đại Học Sài Gòn	Kế Toán		QNA03024		38	16	73.9	73.9	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
12	NGUYỄN THỊ HẠNH	ĐÀO	02/03/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Đại Đồng, Huyện Đại Lộc, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Luật kinh doanh		QNA00255		38	18	73.7	73.7	
13	NGUYỄN THỊ NGỌC	BĂNG	20/12/1988	Kiểm tra viên thuế	Bình An, Thăng Bình, Quảng Nam	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		QNA00126		41	19	73	73	
14	LÊ THỊ MINH	TÚ	18/12/1995	Kiểm tra viên thuế	Thôn Nghĩa Bắc, Xã Đại Nghĩa, Huyện Đại Lộc, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại Học Kinh Tế - Đại Học Đà Nẵng	Kế toán		QNA02821		52	21	72.7	72.7	
15	NGUYỄN PHẠM AN	NA	01/09/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Điện Hòa, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		QNA01458		49	26	72.3	72 3	
16	ĐẶNG THỊ	VỌNG	27/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Tổ 4, thôn Hoà Bình, xã Tam Hoà, huyện Núi Thành, tỉnh Quang Nam	Đại học Kinh tế - Luật - Đại học Quốc gia TP HCM	Kế toán - Kiểm toán		QNA02992		49	21	72	72	
17	LÊ THỊ XUÂN	THƯ	14/02/1998	Kiểm tra viên thuế	Thôn La Thập Đông, Xã Duy Hòa, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế Toán		QNA02345		38	20	71.9	71.9	
18	PHAN THỊ	PHƯƠNG	10/01/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Bình Quý, HuyệnThăng Bình, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Luật- Đại học Huế	Luật Hợp đồng		QNA01882		40	17	71	71	
19	NGUYỄN THỊ THU	BA	25/07/1991	Kiểm tra viên thuế	thôn Phước Tây, xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại Học Công Nghiệp Tp Hồ Chí Minh	Tài Chính Ngân Hàng		QNA00121		43	22	70.9	70 9	
20	PHẠM THỊ YẾN	NHI	22/02/1998	Kiểm tra viên thuế	Thôn Khánh Tân, xã Tam Dân, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh Tế - Đại học Đà Nẵng	Luật Kinh Doanh		QNA01662		39	17	70.2	70.2	
21	NGUYỄN THỊ THANH	LAN	19/05/1993	Kiểm tra viên thuế	thôn An Mỹ 2, xã Tam An, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng, Đại học Đà Nẵng	Luật kinh doanh	ConNHCSnhuTB	QNA01130	5	43	22	63 7	68.7	
22	LÊ HỒNG	SƠN	27/04/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Cẩm An, TP Hội An,Quảng Nam	Đại Học Thương Mại	Kế toán doanh nghiệp		QNA02030		34	15	68.5	68.5	
23	LÊ THỊ THÙY	LINH	03/08/1992	Kiểm tra viên thuế	143 Đỗ Đăng Tuyển, Thị trấn Ái Nghĩa huyện Đại Lộc tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		QNA01215		38	17	68 4	68.4	
24	PHẠM THỊ NGỌC	LAN	19/02/1992	Kiểm tra viên thuế	Duy Hòa, Duy Xuyên, Quảng Nam	Trường Đại Học Quy Nhơn	Kế toán		QNA01131		40	20	67.5	67 5	
25	TRƯƠNG VĨNH THANH	TÂM	05/05/1988	Kiểm tra viên thuế	Đông Lâm , Đại Quang, Đại Lộc, Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Ngân hàng		QNA02090		34	18	67 4	67.4	
26	LƯƠNG THỊ MỸ	HOÀI	04/10/1989	Kiểm tra viên thuế	Hòa Thuận, Tam Kỳ, Quảng Nam	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán	ConTB	QNA00829	5	42	19	62.2	67.2	
27	PHAN THỊ MỸ	LINH	26/10/1998	Kiểm tra viên thuế	Lê Bắc-Duy Châu-Duy Xuyên - Quảng Nam	Trường Đại Học Tài chính-Kế toán	Kiểm toán		QNA01262		34	19	67.1	67.1	
28	NGUYỄN MINH	HẰNG	28/06/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn An Tây, xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	ĐẠI HỌC KINH TẾ- ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	Ngân hàng		QNA00605		48	22	67	67	
29	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	18/08/1994	Kiểm tra viên thuế	Quảng Nam	Trường đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNA01864		44	15	66.2	66.2	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
30	TRẦN THỊ MI	MI	08/09/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Bình Dương, Thăng Bình, Quảng Nam	Đại Học Đông A	Kế toán	ConTB	QNA01393	5	32	19	61 2	66 2	
31	NGUYỄN HÀ	NHÂN	02/11/1991	Kiểm tra viên thuế	QUÊ PHÚ - QUÊ SƠN- QUẢNG NAM	Đại Học Kinh Tế Đà Nẵng	Quản Trị Kinh Doanh Tổng Quát		QNA01628		41	19	66	66	
32	TRẦN THỊ MINH	THƯ	24/05/1998	Kiểm tra viên thuế	Điện An, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Luật kinh doanh		QNA02361		44	19	65 7	65.7	
33	NGUYỄN LÊ LỆ	HUYỀN	25/01/1992	Kiểm tra viên thuế	Phường Hòa Thuận - TP. Tam Kỳ - Tỉnh Quảng Nam	Đại học Quảng Nam	Kế Toán		QNA01011		43	15	65 4	65.4	
34	NGUYỄN THỊ MINH	TÂM	12/01/1990	Kiểm tra viên thuế	Quế Phong, Quế Sơn, Quảng Nam	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		QNA02079		45	18	65 1	65 1	
35	NGUYỄN THỊ TRƯỜNG	GIANG	07/07/1997	Kiểm tra viên thuế	Tổ 4, Khối 6, Thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kiểm toán		QNA00481		49	23	65	65	
36	PHẠM ANH	TUẤN	03/04/1998	Kiểm tra viên thuế	Liên Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	Đại học Kinh Tế - Đại học Đà Nẵng	Tài Chính Công		QNA02847		49	22	65	65	
37	NGUYỄN VŨ HÒA	HIỆP	10/07/1993	Kiểm tra viên thuế	Tiên Mỹ, Tiên Phước, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM	Tài chính		QNA00757		37	19	65	65	
38	PHAN THỊ MINH	TÂN	16/07/1989	Kiểm tra viên thuế	An Phú-Tam Kỳ-Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế Toán		QNA02096		31	16	64 9	64.9	
39	NGÔ THỊ	THỦY	20/06/1994	Kiểm tra viên thuế	Thiệu Ngọc, Thiệu Hóa, Thanh Hóa	Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Luật kinh doanh		QNA02481		48	17	64 8	64 8	
40	LÊ PHAN HỒNG	SƠN	18/03/1998	Kiểm tra viên thuế	Tổ 6, thôn Phước Đức, xã Quế Châu, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Luật - Đại học Huế	Luật hợp đồng		QNA02031		37	20	64.7	64.7	
41	TRẦN THỊ	THẢO	23/11/1992	Kiểm tra viên thuế	Quảng Nam	Đại Học Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	Kế Toán		QNA02252		50	21	64.6	64 6	
42	BUI THỊ TÓ	UYÊN	25/08/1988	Kiểm tra viên thuế	Thôn An Lâu 1 - Tam Lãnh - Phú Ninh - Quảng Nam	Đại Học Kinh Tế - Đại Học Huế	Kinh Tế Chính Trị		QNA02902		45	16	64 5	64.5	
43	ĐỖ PHÚC	TUẤN	01/07/1998	Kiểm tra viên thuế	Thôn Ngọc An, xã Tam Tiến, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế- Đại học Đà Nẵng	Luật kinh doanh		QNA02837		49	20	64.4	64 4	
44	NGUYỄN THỊ KIM	SƯƠNG	06/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn An Thành 3, Xã Bình An, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		QNA02046		41	17	63.7	63.7	
45	THI HOÀNG	TUẤN	01/04/1988	Kiểm tra viên thuế	Bình Lãnh, Thăng Bình, Quảng Nam	Trường Đại học Duy Tân Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán Kế toán		QNA02836		49	23	63 6	63.6	
46	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	06/02/1998	Kiểm tra viên thuế	Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị hệ thống thông tin		QNA01025		49	17	62.8	62.8	
47	NGUYỄN THỊ HẢI	MY	30/05/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Tiên Thọ, Huyện Tiên Phước, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại Học Quy Nhơn	Tài Chính Doanh Nghiệp		QNA01433		41	17	62.4	62 4	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
48	VÕ THỊ	VƯƠNG	30/11/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn 2, Xã Bình Dương, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quang Nam	ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	Quản trị kinh doanh thương mại		QNA03006		39	19	62.2	62.2	
49	PHAN THỊ THANH	THẢM	02/02/1991	Kiểm tra viên thuế	Điện Thọ-Điện Bàn-Quảng Nam	Đại Học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị Kinh Doanh Thương Mại		QNA02119		36	16	62.2	62.2	
50	TRẦN THỊ THANH	QUÝ	30/08/1985	Kiểm tra viên thuế	Tiên Thọ - Tiên Phước - Quang Nam	Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNA01941		51	MT	62	62	
51	TRIỆU THỊ	LÀNH	16/12/1988	Kiểm tra viên thuế	Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Trường đại học kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại		QNA01141		47	MT	61.4	61.4	
52	ĐOÀN THỊ THANH	TÂM	01/01/1986	Kiểm tra viên thuế	Tam Thanh, Tam Kỳ, Quảng Nam	Đại học kinh tế quốc dân Đại học Kinh Tế - Đại học Đà Nẵng	kinh tế phát triển kinh tế phát triển		QNA02065		32	MT	61.4	61.4	
53	NGUYỄN HƯỜNG	NGUYÊN	23/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Tam Tiến, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Quảng Nam	Kế toán		QNA01596		44	19	61.2	61.2	
54	NGUYỄN LÊ THỊ HƯƠNG	SEN	01/05/1994	Kiểm tra viên thuế	Tam Thái-Phú Ninh- Quảng Nam	ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN	Kế toán doanh nghiệp		QNA02020		33	15	61.2	61.2	
55	NGUYỄN TRƯƠNG THỊ MỸ	HỒNG	08/12/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Tiên Sơn, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Luật Kinh Tế		QNA00871		44	18	61.1	61.1	
56	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	02/10/1991	Kiểm tra viên thuế	Tam Xuân,Núi Thành, Quảng Nam	Đại học Quảng Nam Đại học Đà Nẵng - Trường cao đẳng công nghệ thông	Kế toán Kế toán-tin học		QNA02398		38	16	60.2	60.2	
57	LƯU TRẦN NHẬT	THẢO	01/01/1996	Kiểm tra viên thuế	Quế Thuận, Quế Sơn, Quảng Nam	Đại học Phan Châu Trinh	Kế toán		QNA02206		40	22	60	60	
58	VÕ DUY QUỲNH	NHƯ	09/05/1996	Kiểm tra viên thuế	Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật Kinh Tế		QNA01699		38	18	60	60	
59	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	16/10/1993	Kiểm tra viên thuế	Trung Phú 2, Điện Minh, Điện Bàn, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng Trường Đại học Kinh tế -	Kiểm toán Kinh doanh thương mại		QNA01234		43	21	59	59	
60	ĐỖ THỊ	NGÂN	23/07/1994	Kiểm tra viên thuế	xã Điện Thọ, Điện Bàn, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kiểm toán		QNA01502		34	24	59	59	
61	NGUYỄN THỊ THU	THUY	11/04/1994	Kiểm tra viên thuế	Khối Phố An Hà Đông, Phường An Phú, Thành Phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại Học Quy Nhơn	Kế Toán		QNA02493		43	15	58	58	
62	VŨ NHU	UYÊN	30/12/1998	Kiểm tra viên thuế	thôn Thuận An, xã Tam An, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		QNA02913		34	18	57.5	57.5	
63	VÕ THỊ LAN	PHƯƠNG	16/11/1994	Kiểm tra viên thuế	Thôn Tĩnh Thuỷ - Xã Tam Thanh - TP. Tam Kỳ - Quảng Nam	Đại học Luật TP. HCM	Luật Dân Sự		QNA01900		37	19	57	57	
64	TRẦN NGUYỄN VIỆT	HIẾU	24/09/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn Phước Đức, xã Quế Châu, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán nhà nước		QNA00776		34	21	57	57	
III. Văn thư															

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	18/01/1998	Văn thư	xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Nội vụ Hà Nội	Lưu trữ học		QNA03500		35	24	73	73	
2	TRƯƠNG HẠ	UYÊN	22/12/1991	Văn thư	Tam Thăng, Tam Kỳ, Quảng Nam	Học viện Hành chính	Quản lý tổ chức và nhân sự		QNA03508		44	18	67	67	
3	NGUYỄN VĂN HỒNG	ĐỨC	23/05/1998	Văn thư	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Hành chính công		QNA03467		40	22	63	63	
4	HUỲNH THỊ NGUYÊN	XUÂN	07/02/1997	Văn thư	Xã Điện Thắng Bắc, huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Hành chính công		QNA03511		40	19	62	62	
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	TRẦN THỊ DIỆU	LINH	05/09/1980	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Bình Giang, Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam	Đại học Đà Nẵng	Khoa học Máy tính		QNA03420		31	MT	81	81	
2	ĐINH THẾ	VŨ	06/07/1991	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Phường An Mỹ, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam	Đại học Đà Nẵng Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng	Hệ thống thông tin Hệ thống thông tin kinh tế		QNA03462		38	20	77	77	
3	TRẦN THỊ HOÀI	NHÂN	04/08/1988	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Thôn 2, Tam Tiến, Núi Thành, Quảng Nam	Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng	Công nghệ thông tin		QNA03427		38	17	77	77	
4	NGUYỄN THỊ	THẮM	03/10/1991	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	xã Bình Triều, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đại học Sư Phạm Đà Nẵng	Công nghệ thông tin		QNA03442		37	18	56	56	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
1	ĐỖ THỊ MỸ	TRINH	10/06/1991	Văn thư Trung cấp	Thôn Danh Sơn, xã Tam Sơn, huyện Núi Thành, Quảng Nam	Đại học Nội vụ Hà Nội	Hành chính văn phòng		QNA03557		40	19	87	87	
2	HỒ THỊ THANH	XUÂN	10/12/1996	Văn thư Trung cấp	Quảng Nam	Đại học Nội vụ Hà Nội	Văn thư - Lưu trữ		QNA03560		37	16	77	77	
3	LÊ THỊ	YẾN	03/02/1989	Văn thư Trung cấp	Đông Khê, Đông Sơn, Thanh Hóa	Trường Đại học Đông Á Đại học Đà Nẵng	Quản trị Văn phòng Kế toán		QNA03561		33	16	72	72	

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 16 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	PHAN THÚY	DUNG	02/01/1991	Chuyên viên	Thị trấn Châu Ô, Bình Sơn, Quảng Ngãi	Trường Đại Học Ngân Hàng TP Hồ Chí Minh	Kế toán ngân hàng		QNG03135		49	19	57.2	57.2	
2	LÊ VY LY	NA	01/10/1991	Chuyên viên	Thôn An Đại 1, xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính kế toán	Tài chính doanh nghiệp		QNG03234		34	21	56	56	
3	ĐẶNG THỊ THÚY	VI	27/10/1995	Chuyên viên	xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Ngân hàng	ConTB	QNG03379	5	34	24	50 5	55.5	
4	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	15/05/1988	Chuyên viên	Xã Tịnh Thiện, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Trường ĐH Giao thông vận tải	Liên thông kế toán tổng hợp		QNG03358		39	16	53	53	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	PHẠM THỊ	DUYÊN	10/11/1991	Kiểm tra viên thuế	Đức Hòa - Mộ Đức - Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế - Luật	Luật tài chính - Ngân hàng - Chứng khoán		QNG00443		47	19	84 5	84 5	
2	LÊ THỊ NHU	QUỲNH	25/09/1991	Kiểm tra viên thuế	193 Nguyễn Trãi, Tổ 4, Phường Nghĩa Lộ, TP Quang Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tôn Đức Thắng	Tài chính Tín dụng	ConTB	QNG01977	5	55	21	77.4	82.4	
3	PHẠM THỊ THÚY	NGÂN	12/02/1996	Kiểm tra viên thuế	Xóm 2, thôn Thọ Bắc, Xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi	Trường đại học Kinh Tế - Luật, ĐHQG TPHCM	Luật Thương Mại Quốc Tế		QNG01526		43	20	81.1	81.1	
4	NGUYỄN THỊ ÁI	VÂN	25/10/1997	Kiểm tra viên thuế	Phường Phổ Văn- Thị xã Đức Phổ - tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Luật - Đại học Huế	Luật Tổ chức kinh doanh	ConNHCSnhuTB	QNG02934	5	40	18	75.2	80.2	
5	PHẠM SẮC	SƠN	08/10/1998	Kiểm tra viên thuế	An Long, Đức Hiệp, Mộ Đức, Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế_ Đại học Đà Nẵng	Ngoại thương	ConTB	QNG02025	5	52	18	75.1	80.1	
6	TRẦN THỊ	THÚY	01/06/1994	Kiểm tra viên thuế	Quảng Ngãi	Trường đại học Tài Chính - Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG02448		42	24	80	80	
7	NGUYỄN THỊ	TRANG	21/04/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã Đức Chánh-Huyện Mộ Đức-Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học tài chính - kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG02688		38	18	78.4	78.4	
8	TÔN NỮ PHƯỚC	DUYÊN	30/01/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	Luật Thương mại		QNG00450		50	23	78.3	78.3	
9	PHẠM LÊ MINH	KHA	24/07/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Nghĩa Hòa, Huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi	Đại Học Sài Gòn Cao Đẳng Phương Đông	Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh		QNG01058		45	16	77.8	77.8	
10	NGUYỄN THỊ VÌ	TÍCH	01/08/1992	Kiểm tra viên thuế	An Hải - Huyện Lý Sơn- Tỉnh Quang Ngãi	Trường Đại học Quy Nhơn	Kế toán		QNG02513		50	21	77.3	77 3	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
11	NGUYỄN THỊ THÙY	TIÊN	19/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Phường Nghĩa Chánh, Thành Phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNG02529		47	22	76.4	76 4	
12	ĐỖ THỊ NHƯ	THẢO	21/08/1995	Kiểm tra viên thuế	KDC 2A, Liên Hiệp IB, phường Trương Quang Trọng, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Ngân Hàng TPHCM	Thương mại điện tử		QNG02185		45	21	76.4	76 4	
13	VÕ THỊ NHƯ	QUỲNH	24/09/1988	Kiểm tra viên thuế	Xã Hành Đức, Huyện Nghĩa Hành, Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Cần Thơ	kế toán	ConTB	QNG02004	5	37	15	71 4	76 4	
14	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	07/12/1997	Kiểm tra viên thuế	xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghệ TP HCM	Luật kinh tế		QNG00725		35	16	76	76	
15	LÊ HỒNG	BÍCH	10/04/1991	Kiểm tra viên thuế	Gia Hòa - Đức Thắng - Mộ Đức - Quảng Ngãi	Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Kế toán		QNG00139		43	22	75.8	75 8	
16	NGUYỄN THỊ	KIỀU	20/12/1986	Kiểm tra viên thuế	Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Đà Nẵng-Trường Đại học Kinh tế	Kế toán		QNG01092		39	17	75.1	75 1	
17	ĐỖ THỊ THANH	THUỶ	17/09/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Tịnh Ấn Tây - Thành phố Quảng Ngãi -tỉnh Quảng Ngãi	Đại Học Công Nghiệp Tp Hồ Chí Minh	Kế toán - kiểm toán		QNG02411		37	17	75	75	
18	TRẦN THỊ DIỆU	HIỀN	30/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Bình Đào, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Quảng Nam	Kế toán		QNG00735		47	20	74.8	74.8	
19	VÕ THỊ BÍCH	HIỀN	24/08/1991	Kiểm tra viên thuế	thôn Đại An Tây 1, xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Luật TPHCM	Luật học		QNG00750		47	19	74 8	74.8	
20	NGUYỄN THỊ	BÌNH	04/02/1989	Kiểm tra viên thuế	Tịnh Ấn Tây, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi	Trường Đại Học Quy Nhơn	Kinh tế - kế hoạch và đầu tư		QNG00150		46	23	74.6	74 6	
21	PHẠM THỊ HỒNG	LÊ	18/07/1993	Kiểm tra viên thuế	Xóm 4, thôn An Hội Bắc 2, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Tài chính - Kế toán	Quản trị doanh nghiệp		QNG01150		42	20	74	74	
22	VÕ THỊ HẢI	HÀ	23/02/1989	Kiểm tra viên thuế	xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		QNG00556		44	24	73.6	73.6	
23	PHẠM THỊ THỦY	TIÊN	28/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Xóm 1, thôn Nam Thuận, xã Bình Chương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại Học Công Nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		QNG02533		49	25	73 2	73.2	
24	HỒ THỊ	HUYỀN	30/08/1992	Kiểm tra viên thuế	Thôn Diên Sơn ,Xã long Sơn, Huyện Minh Long, Tỉnh Quảng Ngãi	Đại Học Kinh Tế- Đại Học Đà Nẵng	Kế Toán		QNG00996		46	17	73	73	
25	LÊ THỊ LỆ	HUYỀN	24/04/1986	Kiểm tra viên thuế	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại Học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		QNG01007		49	24	72 4	72.4	
26	NGUYỄN NGỌC THU	TUYỀN	08/06/1990	Kiểm tra viên thuế	Tổ 6, phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán - Kiểm toán		QNG02861		51	20	72	72	
27	LÊ THỊ NHƯ	NGỌC	29/11/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Mỹ Khánh, Xã Đức Thắng, Huyện Mộ Đức, Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại Học Kinh Tế Tp.Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		QNG01556		34	16	71	71	
28	NGUYỄN THANH	NGUYÊN	12/05/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Mỹ Hưng, xã Hành Thịnh, Huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Tài chính kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG01597		34	16	70.9	70 9	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
29	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	04/09/1988	Kiểm tra viên thuế	Đội 23, thôn Diên Niên, xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		QNG02446		47	23	70.8	70.8	
30	LÊ THỊ HẠ	QUYÊN	31/12/1989	Kiểm tra viên thuế	Thôn Làng Cá, Xã Nghĩa Phú,TP Quảng Ngãi,Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh		QNG01952		37	17	70.2	70.2	
31	TRẦN THỊ THUY	HẰNG	22/02/1990	Kiểm tra viên thuế	Tịnh Bình, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	Trương Đại Học Tài Chính Kế Toán	Kế Toán Doanh Nghiệp		QNG00638		37	16	70.2	70.2	
32	NGUYỄN THÀNH	TÀI	22/12/1983	Kiểm tra viên thuế	An Trường, Phổ Ninh, Đức Phổ, Quảng Ngãi	Trường Đại học Đà Nẵng	Luật kinh doanh		QNG02057		47	22	70	70	
33	TRAN NHƯ	NGÂN	01/01/1992	Kiểm tra viên thuế	Đức Thạnh - Mộ Đức - Quảng Ngãi	Trường Đại học Công nghiệp TPHCM	Tài chính - Ngân hàng		QNG01530		31	15	70	70	
34	HUỲNH THỊ THU	QUẢNG	15/10/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn An Định, Xã Phổ Thuận, Thị Xã Đức Phổ, Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại Học Công Nghiệp TP.HCM	Kế Toán - Kiểm Toán		QNG01925		53	16	69.4	69.4	
35	PHẠM THỊ	DUYÊN	05/05/1989	Kiểm tra viên thuế	Xã Thạch Bàn, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh	Trường Đại Học Tôn Đức Thắng	Kế Toán -Tài Chính		QNG00442		51	25	69.4	69.4	
36	NGUYỄN THỊ HỮU	HẠNH	01/03/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã Trà Phú, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	kinh tế		QNG00666		41	16	69.4	69.4	
37	TRẦN THỊ	TƯỜNG	15/12/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Bình Chánh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		QNG02860		50	19	69	69	
38	HUỲNH THI	SA	05/05/1993	Kiểm tra viên thuế	thôn 6, xã Đức Nhuận, Huyện Mộ Đức, Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại Học Công Nghiệp TP Hồ Chí Minh	kế toán- Kiểm toán		QNG02009		38	20	68.4	68.4	
39	NGUYỄN THỊ VÂN	HIỀN	03/07/1996	Kiểm tra viên thuế	Đội 3, Thôn Diêm Điền, Xã Tịnh Hòa,TP Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế TP HCM	Tài chính		QNG00726		35	19	68.4	68.4	
40	HUỲNH THI	TUYẾN	26/07/1992	Kiểm tra viên thuế	Thôn Long Bàn Bắc xã Hành Minh huyện Nghĩa Hành tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại Học Công Nghệ Vạn Xuân	Kế toán		QNG02884		33	16	68	68	
41	HUỲNH THU	THẢO	08/03/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Trường ĐH Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		QNG02196		45	17	67.5	67.5	
42	PHẠM THỊ MINH	TÂM	30/04/1994	Kiểm tra viên thuế	Thôn Châu Thuận Biên, xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ConNHCSnhuTB	QNG02081	5	37	24	62.2	67.2	
43	LỮ THỊ XUÂN	VY	12/10/1990	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại Học Công Nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh	Kế toan - Kiểm toán Kế toán		QNG03018		48	17	67	67	
44	BÙI THỊ KIM	SÂM	18/12/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Phú Vinh Tây, thị trấn Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Tài chính - Kế toán Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng		QNG02010		41	20	67	67	
45	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LAI	15/09/1996	Kiểm tra viên thuế	Hành Thuận - Nghĩa Hành - Quảng Ngãi	Trường Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG01103		38	15	66.8	66.8	
46	BÙI NHẬT	TÂN	28/03/1996	Kiểm tra viên thuế	Tịnh An, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	Đại học Tài chính - Kế toán	Quản trị doanh nghiệp		QNG02091		34	16	66.5	66.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
47	TA NGUYỄN CẨM	TRINH	08/03/1997	Kiểm tra viên thuế	Phường Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng	Kiểm toán		QNG02787		41	24	66	66	
48	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	19/03/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Phổ Thuận, Thị xã Đức Phổ, Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tôn Đức Thắng	Luật kinh tế		QNG03076		53	15	65 7	65.7	
49	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	26/01/1996	Kiểm tra viên thuế	Mỹ Khánh, Đức Thắng, Mộ Đức, Quảng Ngãi	Đại học Tài chính - Kế Toán	Kế toán Doanh nghiệp		QNG01728		47	19	65 6	65.6	
50	TRƯƠNG THỊ Ý	NHI	18/01/1992	Kiểm tra viên thuế	Thôn 2, xã Nghĩa Dõng, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh Trường Đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh Quản lý kinh tế		QNG01675		34	15	65.4	65 4	
51	TRẦN THỊ HẠNH	DUNG	17/07/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Tịnh Khê, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Tài chính - Marketing	Tài chính doanh nghiệp		QNG00378		44	24	65	65	
52	ĐÀO MINH	HUYỀN	09/11/1988	Kiểm tra viên thuế	Đức Phổ, Quảng Ngãi	Trường Đại học Luật Tp HCM Trường Đại học Luật	Luật Kinh tế Luật học		QNG00991		49	21	64.9	64.9	
53	CÙ THỊ KIM	LOAN	12/04/1992	Kiểm tra viên thuế	Đội 12, Thôn Phú Lễ 2, Xã Bình Trung, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại Học Sài Gòn	Kế toán		QNG01281		41	19	64 5	64.5	
54	PHAN TRUNG	HIẾU	06/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Nghĩa Kỳ, Huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại Học Tài Chính Kế Toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG00774		43	24	64 4	64.4	
55	LÊ THỊ HỒNG	GẤM	01/05/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG00455		44	18	64	64	
56	NGÔ THỊ NHƯ	NGỌC	06/09/1988	Kiểm tra viên thuế	xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Đà Nẵng Trường Đại học Kinh tế Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh Ngân hàng		QNG01560		40	23	64	64	
57	NGHIÊM THỊ THU	TRANG	02/06/1991	Kiểm tra viên thuế	phường Lê Hồng Phong, TP.Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán-Kiểm toán		QNG02673		53	18	63 7	63.7	
58	PHẠM THỊ	TIÊN	08/10/1994	Kiểm tra viên thuế	Xóm 8, thôn La Châu, xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNG02540		42	22	63 6	63.6	
59	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRANG	02/01/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Nghĩa Thuận - Huyện Tư Nghĩa - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh Tế Đà Nẵng	Luật Kinh Doanh		QNG02691		50	23	63 5	63.5	
60	PHAN THỊ	LỘC	22/07/1989	Kiểm tra viên thuế	Bình Tân Phú- Bình Sơn- Quảng Ngãi	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP HỒ CHÍ MINH	Quản trị kinh doanh (QTKD QUỐC TẾ)	ConTB	QNG01302	5	46	16	58	63	
61	LÊ THIÊN	TÂN	06/05/1997	Kiểm tra viên thuế	Tịnh Minh, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế - Kế hoạch - Đầu tư		QNG02094		42	17	63	63	
62	LÂM DUY ANH	SƠN	19/07/1991	Kiểm tra viên thuế	Phường Nguyễn Nghiêm, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi	Trường ĐH Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	Tài chính Nhà nước		QNG02029		44	17	62.4	62.4	
63	BÙI THỊ BÍCH	HUỆ	07/08/1985	Kiểm tra viên thuế	284 Hoàng Văn Thụ, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TPHCM	Ngân hàng		QNG00887		51	24	62	62	
64	NGUYỄN THỊ CẨM	HUYÊN	25/06/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Ngọc Sơn, Xã Hành Thiện, Huyện Nghĩa Hành, Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán nhà nước		QNG00984		43	16	62	62	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
65	NGUYỄN THỊ	LÊ	04/06/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn Sung Tức, xã Nghĩa Hà, TP Quảng Ngãi. tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại Học Kinh Tế, Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNG01144		31	22	61.9	61.9	
66	PHẠM THỊ MINH	HIẾU	25/05/1987	Kiểm tra viên thuế	Xã Tịnh Sơn - huyện Sơn Tịnh - tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Đà Nẵng ĐH Kinh tế - Luật, ĐH QG TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh Kế toán - Kiểm toán		QNG00771		33	22	61	61	
67	TRẦN THỊ THÚY	TRÂM	30/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Thôn 5,Xã Đức Chánh,Huyện Mộ Đức,Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại Học Tài Chính-Kế Toán	Kế Toán Doanh Nghiệp		QNG02614		39	19	60.5	60.5	
68	NGUYỄN THÚY	LIÊN	10/10/1996	Kiểm tra viên thuế	Đội 4, Thôn Khoa Trường, Xã Ân Đức, Huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định	Trường Đại Học Tài Chính Kế Toán Quảng Ngãi	Kế Toan Doanh Nghiệp		QNG01166		37	19	60.5	60 5	
III. Văn thư															
1	TIÊU	TUYÊN	10/04/1994	Văn thư	Tổ 6, An Hòa, Hành Dũng, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Đại học Nội vụ Hà Nội	Lưu trữ học	ConTB	QNG03505	5	43	18	80	85	
2	NGUYỄN THỊ BÍCH	THUẬN	21/04/1991	Văn thư	Tổ 8, Phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Học viện Hành chính Quốc gia cơ sở TP HCM	Hành chính học		QNG03499		42	16	80	80	
3	NGUYỄN THỊ	KIỀU	10/10/1991	Văn thư	xã Bình Châu-huyện Bình Sơn-tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Hành Chính học		QNG03477		40	15	79	79	
4	LÊ THỊ	THANH	14/01/1996	Văn thư	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Nội Vụ Hà Nội	Lưu trữ học		QNG03494		39	20	78	78	
5	PHẠM ĐÌNH	SỬA	20/01/1993	Văn thư	xã Nhơn Khánh, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Quản lý Nhà nước		QNG03493		41	18	76	76	
6	LÊ TRẦN ANH	VŨ	25/01/1992	Văn thư	thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Đông Á	Lưu trữ học và Quản trị Văn phòng		QNG03510		44	16	70	70	
7	VĂN THỊ HOÀNG	DUNG	10/09/1991	Văn thư	Xom 8, thôn Hoà Mỹ, xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quang Ngãi	Trường đại học khoa học xã hội và nhân văn	Lưu trữ học và quản trị văn phòng		QNG03468		32	18	63	63	
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	NGUYỄN THỊ LINH	UYÊN	17/12/1990	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông Cao đẳng CNTT Hữu nghị	Công nghệ thông tin Khoa học máy tính		QNG03459		40	21	73	73	
2	NGUYỄN VĂN	TIN	16/09/1991	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Phường Phổ Văn - Thị xã Đức Phổ - tỉnh Quảng Ngãi	ĐH Đà Nẵng Đại học CNTT Gia Định	Khoa học máy tính Kỹ thuật phần mềm		QNG03451		37	15	70	70	
3	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	01/04/1990	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Xóm Bình Nam, Thôn Trà Bình, Xã Tịnh Trà, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên TP.HCM	Công nghệ Thông tin		QNG03454		37	19	65	65	
4	NGUYỄN HỒNG	NAM	14/09/1991	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Xã Hành Minh, Huyện Nghĩa Hành, Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Đà Lạt	CNKT Điện tử V.thông		QNG03424		38	15	62	62	
5	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	05/03/1995	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Xã Hành Phước- Huyện Nghĩa Hành - Tỉnh Quảng Ngãi	Đại Học Quy Nhơn	Công Nghệ Thông Tin		QNG03393		31	21	62	62	
6	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	04/06/1986	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Xã Trà Phú, huyệnTrà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi	Trương Đại học Quy Nhơn	Điện tử- Viễn thông		QNG03457		38	16	58	58	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG TRỊ

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 / 6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm ☆	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	LÊ THỊ THUÝ	HẰNG	26/03/1987	Chuyên viên	Trung Sơn- Gio Linh- Quảng Trị	Trường đại học công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		QTR03156		38	16	58 6	58.6	
2	NGÔ HẠNH	NGUYÊN	10/05/1993	Chuyên viên	Xã Vĩnh Thạch, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	Trường Đại học Kinh tế - Luật			QTR03253		47	27	58	58	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	05/07/1995	Kiểm tra viên thuế	Duy Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Đại học Sài Gòn		ConTB	QTR02713	5	52	23	82.5	87 5	
2	LÊ THỊ MINH	THÚY	01/02/1998	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Hòa - Vĩnh Linh - Quảng Trị	Trường Đại học Luật - Đại học Huế	Luật Tổ chức kinh doanh		QTR02437		49	27	82	82	
3	LÊ NGUYÊN	NGUYÊN	27/09/1997	Kiểm tra viên thuế	Triệu Phước – Triệu Phong – Quảng Trị	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QTR01594		47	17	78.8	78 8	
4	LÊ THỊ HẢI	ANH	23/04/1997	Kiểm tra viên thuế	Quang Trị	Trường Đại Học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		QTR00048		48	16	77 3	77.3	
5	LÊ THỊ MỸ	LAN	12/01/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Hải Định - Huyện Hải Lăng - Tỉnh Quảng Trị	Học viện Hàng không Việt Nam	Quản trị kinh doanh vận tải hàng không		QTR01125		39	18	75 8	75.8	
6	TRẦN THỊ THẢO	NGUYÊN	03/04/1997	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Gio Linh,Huyện Gio Linh,tỉnh Quảng Trị	Trường Đại Học Ngân Hàng Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm Toán		QTR01603		44	16	75.5	75.5	
7	TRẦN THỊ	HIỀN	22/09/1992	Kiểm tra viên thuế	Thôn An Lộng - Xã Triệu Hòa - Huyện Triệu Phong - Tỉnh Quang Trị	ĐH Dân lập Duy Tân	Kế toán kiểm toán		QTR00734		45	21	74.5	74.5	
8	PHAN THỊ THU	NGUYÊN	06/06/1993	Kiểm tra viên thuế	Thượng Xá, Hải Thượng, Hải Lăng, Quảng Trị	Trường Đại học Dân lập Duy Tân	Kế toán - Kiểm toán	ConNHCSnhuTB	QTR01600	5	52	17	69.2	74 2	
9	LÊ THỊ MỸ	LINH	20/11/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Mỹ Tú - Xã Vĩnh Tú - Huyện Vĩnh Linh - Tỉnh Quảng Trị	Trường Đại Học Kinh Tế - Đại Học Huế	Kế toán		QTR01211		43	25	74	74	
10	LÊ TRẦN NGUYÊN	THẢO	01/12/1989	Kiểm tra viên thuế	Xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	Trường Đại học Dân lập Duy Tân	Kế toán - Kiểm toán		QTR02203		56	25	73.6	73.6	
11	TRỊNH PHƯỢNG	LINH	21/01/1998	Kiểm tra viên thuế	52/2 Huỳnh Thúc Kháng, phường Đông Lễ, Thanh phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	Trường Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		QTR01269		41	21	72 3	72.3	
12	TRẦN THỊ	NHI	12/11/1996	Kiểm tra viên thuế	Duy Phiên, Triệu Phước, Triệu Phong, Quảng Trị	Trường Đại Học Kinh Tế- Đại Học Đà Nẵng	Kế Toán		QTR01671		31	15	71.2	71.2	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
13	PHẠM LAN	HƯƠNG	21/07/1998	Kiểm tra viên thuế	xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	Đại học Luật, Đại học Huế	Luật tổ chức kinh doanh		QTR00958		41	18	70.4	70.4	
14	VÕ THỊ THÙY	LINH	21/11/1991	Kiểm tra viên thuế	Đông Trường - Hải Trường - Hải Lăng - Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh tổng quát		QTR01276		49	19	70	70	
15	VÕ HỒNG	NHUNG	06/01/1989	Kiểm tra viên thuế	Cam Thuỷ- Cam Lộ- Quảng Trị	Đại học Đông Á			QTR01754		45	16	69.8	69.8	
16	LÊ THỊ NGỌC	LINH	12/09/1990	Kiểm tra viên thuế	Cam An, Cam Lộ, Quảng Trị	Trường Đại học Dân Lập Duy Tân	Ngân Hàng		QTR01212		46	22	69.7	69.7	
17	TRỊNH THỊ KIM	LÊ	08/07/1992	Kiểm tra viên thuế	Xóm Tà Bồi, Thôn Trà Liên Tây, Xã Triệu Giang, Huyện Triệu Phong, Tỉnh Quảng Trị	Đại học Luật-Đại học Huế Khoa Luật-Đại học Huế	Luật Kinh tế Luật		QTR01152		42	18	68.5	68.5	
18	HOÀNG THỊ THÚY	THÚY	13/02/1996	Kiểm tra viên thuế	Đường 2, Tùng Luật, Vĩnh Giang, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kiểm toán		QTR02475		48	20	67.6	67.6	
19	NGUYỄN THỊ THUỲ	TRANG	23/03/1998	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Nam - Vĩnh Linh - Quảng Trị	Đại học Kinh Tế - Đại học Đà Nẵng	Quản Trị Kinh Doanh Thương Mại		QTR02714		59	23	67	67	
20	HOÀNG THỊ KHÁNH	LY	24/09/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn Ái Tử, xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị	Trường Đại học Luật, Đại học Huế	Luật Dân sự		QTR01321		42	23	66.4	66.4	
21	ĐOÀN THỊ HIẾU	NHÃ	07/02/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị	Trường Đại học Kinh tế- Đại học Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		QTR01618		41	17	66.4	66.4	
22	HỒ THỊ NGỌC	TRÂM	11/01/1996	Kiểm tra viên thuế	Triệu Giang, Triệu Phong, Quảng Trị	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QTR02584		31	21	66.4	66.4	
23	HOÀNG THỊ THU	THỦY	12/05/1994	Kiểm tra viên thuế	Xuân Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Trường Đại học Tài chính-Kế Toán	Kế Toán Doanh Nghiệp		QTR02474		44	23	66.2	66.2	
III. Văn thư															
1	VŨ THỊ	SOAN	07/10/1995	Văn thư	Thôn Me, xã Tân Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Đại học Nội vụ Hà Nội			QTR03492		34	18	72	72	
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	DƯƠNG LÊ	QUANG	23/07/1984	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Xã Hòa Trạch, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình	Trường Đại Học Giao Thông Vận Tải TP Hồ Chí Minh	Công Nghệ Thông Tin Ngôn Ngữ Anh	ConTB	QTR03434	5	47	MT	78	83	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
1	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	01/02/1991	Văn thư Trung cấp	Vĩnh Nam - Vĩnh Linh - Quảng Trị	Trường Đại học Nội vụ Hà Nội			QTR03550		40	22	92	92	
2	HOÀNG THỊ THU	MAI	02/11/1983	Văn thư Trung cấp	Thôn Ái Tử, xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị	Đại học Đà Nẵng	Tin học-Văn thư lưu trữ		QTR03543		40	18	73	73	
3	NGUYỄN THỊ NHƯ LỆ	HUYỀN	27/04/1987	Văn thư Trung cấp	Vĩnh Hòa, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Trường Cao Đẳng Sư Phạm Quảng Trị			QTR03538		36	17	69	69	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4	TRẦN THỊ	TUYẾT	14/11/1983	Văn thư Trung cấp	Nam Đông,Gio Sơn, Gio Linh, Quảng Trị	TH chuyên nghiệp tư thục Công kỹ nghệ Đông Á	Hành chính pháp lý		QTR03559		37	19	65	65	

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	NGÔ THỊ	CHÂU	12/09/1997	Chuyên viên	Nghĩa Đồng - Tân Kỳ - Nghệ An	Đại học Thương mại	Thương mại quốc tế		THO03112		43	18	78	78	
2	NGUYỄN THỊ	THÚY	30/03/1990	Chuyên viên	Xã Định Liên, huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hóa	Đại Học Hồng Đức	Kế toán	ConTB	THO03336	5	36	19	70.7	75.7	
3	NGUYỄN THU	HÀ	28/10/1994	Chuyên viên	Thanh Hoá	Trường Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Kinh tế - Quản lý tài nguyên và môi trường	ConNHCSnhuTB	THO03150	5	38	18	64.5	69.5	
4	NGUYỄN THỊ	HÀ	06/05/1992	Chuyên viên	Thôn 7, xã Quảng Phú, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.	Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		THO03145		49	20	69.2	69.2	
5	VÕ DUY	TÙNG	10/06/1992	Chuyên viên	Thạch Hà, Hà Tĩnh	Đại học Lakehead	Quản trị kinh doanh		THO03368		50	MT	68.4	68.4	
6	LÊ HOÀNG	MINH	16/01/1996	Chuyên viên	Châu Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa	Trường Đại Học Hồng Đức	Kế Toán		THO03223		46	15	67	67	
7	LÊ THỊ NHƯ	QUỲNH	27/05/1994	Chuyên viên	Hoằng Thành, Hoằng Hóa, Thanh Hóa	Đại học Hồng Đức Đại học Hồng Đức	Quản trị kinh doanh Kế toán		THO03291		48	MT	65	65	
8	PHẠM PHÚ	HẢI	18/08/1981	Chuyên viên	Quảng Hải, Quảng Xương, Thanh Hóa	Đại học Ngoại Thương Hà nội	Kinh tế ngoại thương		THO03154		44	17	65	65	
9	DƯƠNG QUỐC	HƯNG	11/12/1997	Chuyên viên	Huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh	Đại học Thương Mại	Luật thương mại		THO03181		43	20	62.5	62.5	
10	MAI QUANG	TRUNG	18/07/1990	Chuyên viên	Đông Vinh, Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Đại học Hà Nội	Tài chính Ngân hàng		THO03367		45	MT	61.4	61.4	
11	BÙI HUYỀN	TRANG	11/05/1995	Chuyên viên	Giao Yến - Giao Thuỷ - Nam Định	Trường đại học Thương Mại	Kế toán doanh nghiệp		THO03353		42	21	51	51	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	TRẦN THỊ LAN	ANH	17/07/1989	Kiểm tra viên thuế	Xã Các Sơn, Thị Xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	Đại học Hồng Đức	Kế toán		THO00096		45	18	86.8	86.8	
2	PHẠM THỊ VÂN	ANH	25/08/1990	Kiểm tra viên thuế	Thiệu Toán, Thiệu Hoá, Thanh Hoá	Đại học Troy	Quản trị kinh doanh tổng hợp		THO00089		36	MT	85.8	85.8	
3	TRẦN THỊ	HÀ	05/12/1992	Kiểm tra viên thuế	Thôn 2, xã Đông Khê, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại học Thương Mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		THO00551		47	18	83	83	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4	LÊ THỊ	THƯƠNG	15/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Thôn Đào, Xã Điền Quang, Huyện Bá Thước, Tỉnh Thanh Hóa	Học Viện Ngân Hàng	Kế toan doanh nghiệp		THO02384		38	20	81 8	81.8	
5	LÊ THỊ	HOA	24/07/1992	Kiểm tra viên thuế	Thôn Tân Chính, xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Đại học kinh tế Đà Nẵng Đại học kinh tế Đà Nẵng	Marketing Kiểm toán		THO00789		48	24	81.5	81.5	
6	LÊ THỊ MỸ	DUYÊN	13/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Nga Thanh, huyện Nga Sơn, Thanh Hóa	Học viện Tài Chính	Thuế		THO00434		49	20	81.3	81.3	
7	HOÀNG THU	CÚC	03/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Khu 4 Thị Trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		THO00231		46	21	81	81	
8	NGUYỄN PHI	NGA	10/08/1993	Kiểm tra viên thuế	Hoằng Xuyên, Hoằng Hóa, Thanh Hóa	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		THO01480		39	22	80 9	80.9	
9	VŨ NGỌC	HÙNG	20/11/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		THO00912		44	17	80 6	80.6	
10	NGUYỄN THANH	HUYỀN	23/12/1997	Kiểm tra viên thuế	thị trấn Quán Lào, Yên Định, Thanh Hóa	Học viện Tài chính	Định giá tài sản và kinh doanh bất động sản		THO01013		38	19	80.5	80.5	
11	MAI THỊ NGỌC	MAI	24/11/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã nga mỹ, huyện Nga sơn, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Luật Hà nội	Luật Kinh Tế		THO01367		51	19	79.1	79.1	
12	LÊ THỊ MINH	TÂM	10/01/1986	Kiểm tra viên thuế	Xã Thiệu Trung, Huyện Thiệu Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	Đại học Hồng Đức	Kế toán		THO02069		50	18	78 8	78.8	
13	HÀ THỊ THU	HƯƠNG	26/10/1989	Kiểm tra viên thuế	Thanh Hóa	Đại học Ulster Đại học Công đoàn	Kinh doanh quốc tế Tài chính- Ngân hàng		THO00930		41	MT	78 6	78 6	
14	TRỊNH KHANH	HUYỀN	22/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Thiệu Phú, Thiệu Hóa, Thanh Hóa	Học Viện Ngân Hàng	Tài chính		THO01049		35	19	77 9	77 9	
15	TRƯƠNG THỊ	HUYỀN	07/09/1985	Kiểm tra viên thuế	phường Quảng Thành, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Học Viện Tài Chính	Tài chính - Ngân hàng		THO01051		31	15	77.9	77.9	
16	TRỊNH THỊ	THANH	03/02/1993	Kiểm tra viên thuế	Yên Ninh, Yên Định, Thanh Hoá	Khoa Luật - Đại học Quốc Gia Hà Nội	Luật kinh tế - Lao động		THO02167		47	23	77	77	
17	TRƯƠNG SƠN	ANH	19/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Hoằng Tiến - Hoằng Hóa - Thanh Hoa	Học Viện Tài Chính	Quản lý Tài Chính Công		THO00099		33	19	77	77	
18	VŨ THỊ THU	HẰNG	11/04/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Quảng Châu, huyện Quảng Xương,Tỉnh Thanh Hóa (nay thuộc Phường Quảng Châu, TP [illegible]	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		THO00645		46	16	76.8	76 8	
19	VŨ BÁ	VIỆT	02/07/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Thọ Nguyên, Thọ Xuân, Thanh Hóa	Học viện Tài Chính Học viện chính trị Khu vực I	Thuế Quản lý kinh tế		THO02985		45	20	76.3	76.3	
20	HOÀNG HỒNG	VÂN	10/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Tiến Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa	Học viện Tài chính	Tài chính Doanh nghiệp	ConTB	THO02922	5	45	15	71 1	76 1	
21	NGUYỄN THỊ	HIỀN	08/04/1992	Kiểm tra viên thuế	Thôn Phú Xá, Xã Xuân Lập, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP		THO00713		39	15	75 4	75.4	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
22	TRẦN THỊ TÚ	TRINH	25/08/1993	Kiểm tra viên thuế	xã Thạch Tân, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		THO02789		36	19	75.4	75 4	
23	NGUYỄN THỊ	HOA	13/03/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Hải Sơn, Xã Hoằng Trường, Huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Học Viện Tài Chính	Quản trị doanh nghiệp		THO00793		55	20	74.3	74.3	
24	NGUYỄN THANH	MINH	09/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Hoằng Quy, Huyện Hoằng Hoá, Tỉnh Thanh Hoá	Đại học Ngoại thương	Thương mại quốc tế		THO01405		47	27	74	74	
25	NGUYỄN THỊ THU	HUYEN	27/11/1994	Kiểm tra viên thuế	Thôn Bai Đông, Xã Hoằng Lộc, Huyện Hoằng Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại Học Lao Động-Xã Hội	Kế Toán		THO01030		42	16	74	74	
26	NGUYỄN HỮU	HUY	27/01/1998	Kiểm tra viên thuế	Thanh Hóa	Học viện Tài Chính	Kiểm toán		THO00980		40	16	73 9	73.9	
27	ĐỖ THỊ	LAN	20/12/1997	Kiểm tra viên thuế	Thôn 4, Xã Xuân Trường, Huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		THO01121		43	20	73.8	73.8	
28	TÔ THỊ TUYẾT	NHUNG	11/04/1995	Kiểm tra viên thuế	Hoằng Giang, Hoằng Hoa, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế hoạch		THO01744		51	27	73.7	73.7	
29	LÊ NGỌC	KHÁNH	01/05/1992	Kiểm tra viên thuế	Phường Hải Ninh, Thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế phát triển		THO01068		51	23	73.6	73 6	
30	LÊ DUY	MINH	05/05/1990	Kiểm tra viên thuế	Châu Lộc - Hậu Lộc - Thanh Hóa	Trường đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		THO01399		46	19	73.4	73 4	
31	TRẦN LÝ THU	PHƯƠNG	15/03/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Xuân Tín, Huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa	Học Viện Tài Chính	Kiểm toán		THO01890		42	23	73 2	73.2	
32	NGUYỄN THU	HÀ	08/03/1995	Kiểm tra viên thuế	Quảng Phong, Quảng Xương, Thanh Hóa	Học viện Tài chính	Kiểm toán		THO00544		37	23	72 8	72.8	
33	TÀO THỊ QUỲNH	ANH	07/03/1998	Kiểm tra viên thuế	Phố 4, phường Tào Xuyên, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	Học viện Tài chính	Thuế		THO00092		48	25	72.1	72.1	
34	NGUYỄN THỊ	THUY	12/02/1990	Kiểm tra viên thuế	phường Quảng Tiến-thành phố Sầm Sơn-tỉnh Thanh Hóa	Học Viện Ngân Hàng	thanh toán quốc tế		THO02486		50	27	72	72	
35	MAI DANH	MINH	18/08/1990	Kiểm tra viên thuế	Nga Yên, Nga Sơn, Thanh Hóa	Trường Đại Học Lao Động - Xã Hội	Kế toán		THO01401		45	15	71 6	71.6	
36	DƯƠNG THÙY	LINH	23/11/1998	Kiểm tra viên thuế	Thôn Ninh Dụ-xã Quảng Ninh-huyện Quảng Xương- tỉnh Thanh Hóa	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		THO01197		38	19	71	71	
37	LÊ THÙY	DUNG	27/11/1991	Kiểm tra viên thuế	Phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Hồng Đức Học viện Tài chính	Quản trị kinh doanh Tài chính - Ngân hàng		THO00353		51	23	70 8	70 8	
38	NGUYỄN ÁNH	NGỌC	28/11/1990	Kiểm tra viên thuế	22 Nguyễn Bỉnh Khiêm, Phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hoá	Học viện Ngân hàng Học viện Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng		THO01561		44	24	70.7	70 7	
39	VƯƠNG LINH	TRANG	05/08/1997	Kiểm tra viên thuế	thành phố Thanh Hóa	Đại học Công Đoàn	tài chính		THO02757		33	17	70	70	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
40	TRẦN THỊ	THẢO	21/11/1997	Kiểm tra viên thuế	Quảng Tiến, Thành phố Sầm Sơn, Thanh Hóa	Học viện Tai chính	Kế toán công		THO02253		53	18	69 4	69.4	
41	LÊ TẾ THANH	SƠN	15/11/1996	Kiểm tra viên thuế	Đông Xuân, Đông Sơn, Thanh Hoá	Học Viện Ngân Hàng	Ngân Hàng Thương Mại		THO02032		53	26	69	69	
42	NGUYỄN THỊ	DUNG	22/06/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Xuân Du, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Thương Mại	Kinh tế Thương Mại		THO00359		49	18	68 7	68 7	
43	ĐINH THỊ THÙY	DUNG	19/10/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Ngoại Thương	Kinh tế quốc tế		THO00338		44	21	68.6	68 6	
44	HOÀNG THỊ	LÝ	08/02/1983	Kiểm tra viên thuế	Đội 2 - Hoằng Đồng - Hoằng Hoá - Thanh Hoá	Trường Đại Học Hồng Đức	Kế toán		THO01348		35	17	68.4	68.4	
45	DƯƠNG THỊ THU	NGA	04/12/1993	Kiểm tra viên thuế	Phường Ngọc Trạo, TP Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Khoa Luật - Đại học Quốc Gia Hà Nội Khoa Luật - Đại học Quốc	Luật học chuẩn Luật học		THO01473		50	24	68	68	
46	BÙI NGỌC	LINH	25/02/1997	Kiểm tra viên thuế	Cành nàng, Bá Thước, Thanh Hóa	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế Toán	DTTS	THO01184	5	33	19	63	68	
47	LÊ ĐỨC VIỆT	ANH	15/04/1993	Kiểm tra viên thuế	Xuân yên, Thọ xuân Thanh Hoá	Viện Đại học mở Hà Nội	Tài chính doanh nghiệp		THO00044		49	26	67 7	67.7	
48	BÙI THỊ	THU	28/12/1992	Kiểm tra viên thuế	NGỌC LIÊN- NGỌC LẶC - THANH HÓA	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	KẾ TOÁN	DTTS	THO02315	5	39	19	62 6	67 6	
49	NGUYỄN THÙY	LINH	06/03/1996	Kiểm tra viên thuế	số nhà 20, đường Đông Khoái, phố Thành Long, phường Quảng Thành, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kiểm toán		THO01249		50	28	67 5	67 5	
III. Văn thư															
1	LÊ NHƯ	QUỲNH	01/05/1993	Văn thư	Bản định, Hoằng Sơn, Hoằng Hóa, Thanh Hóa	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng		THO03488		38	18	62	62	
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	HOÀNG VĂN	TÀI	04/01/1989	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Xóm 5, Xã thọ Thế, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại Học Hồng Đức	Tin học		THO03441		46	19	74	74	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 1/6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	PHẠM THỊ ĐỎ	QUYÊN	25/08/1989	Chuyên viên	Quảng Bình	Trường Đại Học Kinh Tế - Đại Học Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH03289		31	19	78.6	78.6	
2	PHẠM THỊ	CHI	24/08/1996	Chuyên viên	Vinh Hà, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kinh tế nông nghiệp		TTH03118		43	17	75.9	75.9	
3	TRẦN THỊ THÙY	LINH	08/01/1998	Chuyên viên	thôn Xuân Sơn, xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình	Trường Đại học Luật- Đại học Huế	Luật Hợp đồng (ngành Luật Kinh tế)		TTH03213		44	17	74.6	74.6	
4	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	06/01/1997	Chuyên viên	Phong Chương - Phong Điền - Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Luật, Đại học Huế	Luật Hành Chính		TTH03163		41	16	74.6	74 6	
5	LÊ MINH NGUYỆT	TÂM	25/03/1996	Chuyên viên	Xóm 9, thôn Dương Nổ Nam, xã Phú Dương, huyện Phú Vang, tỉnh TT Huế	Trường Đại Học Kinh Tế, Đại Học Huế	Kinh tế Chính trị		TTH03301		36	21	71 6	71 6	
6	NGUYỄN THỊ THU	SƯƠNG	08/12/1992	Chuyên viên	Đức Minh - Mộ Đức - Quảng Ngãi	Trường ĐH Kinh Tế - ĐH Huế Trường ĐH Kinh Tế - ĐH	Quản lý kinh tế Kinh tế chính trị		TTH03299		34	19	70 2	70.2	
7	NGUYỄN THỊ THANH	TIÊN	20/11/1998	Chuyên viên	Lộc Bổn, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		TTH03343		38	26	68.2	68.2	
8	ĐỖ THỊ LY	LY	10/11/1995	Chuyên viên	Thủy Thanh, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kinh tế		TTH03218		43	26	66.2	66 2	
9	NGÔ NỮ NGỌC	ANH	05/06/1990	Chuyên viên	Phường Đúc, Thành phố Huế	Đại học Kinh tế Huế	Marketing		TTH03100		49	22	66.1	66.1	
10	LÊ THỊ DIỆU	HUYỀN	29/07/1997	Chuyên viên	Hai Quy, Hải Lăng, Quảng Trị	Trường Đại học Kinh tế Huế	Tài chính		TTH03193		41	24	66	66	
11	NGUYỄN PHAN TƯỜNG	MINH	31/08/1998	Chuyên viên	Hiền Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Trường Đại học Luật, Đại học Huế	Luật Tổ chức kinh doanh		TTH03225		39	24	65.7	65.7	
12	NGUYỄN DIỆU	MY	20/07/1989	Chuyên viên	Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh Tế - Đại học Huế Đại học Ngoại Ngữ - Đại	Quản trị kinh doanh Tiếng Nhật		TTH03228		34	MT	64 2	64.2	
13	HÀ THỤC	OANH	16/06/1996	Chuyên viên	Phường Tứ Hạ, TX Hương Trà Tỉnh Thừa Thiên Huế	Đại Học Tài Chính Kế Toán	kế toán doanh nghiệp		TTH03273		44	24	61	61	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	HOÀNG THỊ KIM	CHI	01/01/1994	Kiểm tra viên thuế	Hương Thọ - Hương Trà - Thừa Thiên Huế	Trường Đại Học Kinh Tế - Đại Học Huế	Kế Toán Doanh Nghiệp		TTH00193		46	19	82.6	82 6	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	LÊ THỊ THANH	BÌNH	20/04/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Ôsa, xã Quảng Vinh, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	Trường Đại Học Ngân Hàng Thành Phố Hồ Chí Minh	Tài chính		TTH00147		45	15	81.1	81.1	
3	ĐỖ THỊ HẢI	YẾN	25/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế	Học viện hành chính quốc gia Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh		TTH03060		51	21	80.1	80 1	
4	BÀNH THỊ THU	HÀ	14/05/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Nam Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán-kiểm toán	ConBB	TTH00500	5	40	22	75 1	80 1	
5	ĐẶNG THỊ	THÚY	06/10/1994	Kiểm tra viên thuế	An Thủy-Lệ Thủy-Quảng Bình	Trường Đại học Kinh tế Huế	Tài chính-Ngân hàng		TTH02468		52	20	79 8	79.8	
6	NGUYỄN THANH BẢO	CHÂU	23/11/1994	Kiểm tra viên thuế	Thôn Tây Trì Nhơn, Xã Phú Thượng , Huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế	Trường Đại Học Kinh Tế - Đại Học Huế	Kế toán - Kiểm toán		TTH00176		44	21	79.3	79.3	
7	TRƯƠNG MINH	HIẾU	11/01/1994	Kiểm tra viên thuế	Phong Hiền, Phong Điền, TT Huế	Trường đại học kinh tế - Đại học Huế	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	ConTB	TTH00780	5	48	18	72 8	77.8	
8	ĐINH THỊ MINH	HẠNH	26/11/1984	Kiểm tra viên thuế	Thôn Thanh Tiên - Xã Phu Mậu - Huyện Phú Vang - Tỉnh Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Quản trị kinh doanh thương mại		TTH00648		45	24	77.4	77.4	
9	TRẦN THỊ HÀ	KHANH	19/10/1992	Kiểm tra viên thuế	VŨ THƯ, THÁI BÌNH	ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HCM	QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG		TTH01066		48	26	77	77	
10	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG	17/04/1995	Kiểm tra viên thuế	Đội 2, Vĩnh An, Phong Bình, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Kinh tế Huế	Kế toán - Kiểm toán		TTH02705		48	15	76.9	76 9	
11	PHẠM THỊ PHƯƠNG	LINH	22/05/1993	Kiểm tra viên thuế	Triệu Long- Triệu Phong-Quảng Trị	Đại học Kinh tế- Đại học Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		TTH01259		35	28	76.8	76 8	
12	HỒ VĂN	KHANG	16/01/1996	Kiểm tra viên thuế	Xóm 5 Quai Chèo, Xã Phu An, Huyện Phú Vang, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế	Quản trị Kinh doanh		TTH01063		40	24	75 1	75 1	
13	TRƯƠNG THỊ	THUÝ	10/02/1993	Kiểm tra viên thuế	Vinh Hiền, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	Trương Đại Học Nha Trang	Kế toán		TTH02417		44	22	73.5	73.5	
14	NGUYỄN LÊ MINH	TUYỀN	25/06/1991	Kiểm tra viên thuế	Hương Toàn, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Dân lập Phú Xuân Học viện Hành Chính Quốc	Tài Chính Ngân Hàng Tài Chính Ngân Hàng		TTH02872		39	17	73.5	73.5	
15	ĐẶNG HOÀNG THANH	TÂM	01/10/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Quảng Lợi, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Kinh Tế - Đại học Huế	Kế toán - Kiểm toán		TTH02061		48	20	73.4	73 4	
16	TRẦN HÀ HOÀI	NHI	15/11/1987	Kiểm tra viên thuế	Xã Vĩnh Hòa - Huyện Vĩnh Linh - Tỉnh Quảng Trị	Học viện hành chính quốc gia Trường Đại Học Kinh Tế -	Tài chính - Ngân hàng Kế Toán		TTH01669		53	30	72.8	72.8	
17	PHAN NGỌC THỤC	TRINH	01/04/1998	Kiểm tra viên thuế	30 Trương Bá Kim, Thị Trấn Sịa, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế	Kiểm toán		TTH02786		42	15	72.8	72 8	
18	PHAN THỊ HOÀI	THẮM	13/01/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn Hòa Mậu, xã Lộc Trì, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kiểm toán		TTH02117		40	20	72 6	72.6	
19	TRƯƠNG THỊ HƯƠNG	TRÀ	05/11/1990	Kiểm tra viên thuế	Điền Hải, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Duy Tân	Ngân hàng		TTH02577		51	27	71.9	71.9	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tong diem xét trúng tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
20	HỒ THỊ THANH	NGA	26/04/1992	Kiểm tra viên thuế	Quảng Công- Quảng Điền-Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh Tế Huế Đại học Kinh Tế Huế	Kế toán - Kiểm toán Quản lý kinh tế		TTH01474		47	21	71.9	71.9	
21	TRƯƠNG MINH THUÝ	TIÊN	25/10/1996	Kiểm tra viên thuế	Triệu Trạch, Triệu Phong, Quảng Trị	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán		TTH02536		41	19	71.6	71.6	
22	PHAN THỊ THANH	HỒNG	06/04/1991	Kiểm tra viên thuế	Vinh Mỹ, Phú lộc, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh thương mại		TTH00876		38	22	71.6	71.6	
23	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	19/09/1987	Kiểm tra viên thuế	Phong Chương, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán		TTH01990		39	16	71.4	71.4	
24	PHẠM THỊ MỸ	TÍNH	03/08/1990	Kiểm tra viên thuế	Hà Tĩnh	ĐH Kinh Tế - ĐH Huế ĐH Nông Lâm - ĐH Huế	Kế Toán Doanh Nghiệp Bảo Vệ Thực Vật		TTH02556		42	18	71	71	
25	TRẦN QUANG	NHẬT	20/12/1989	Kiểm tra viên thuế	Xã Nghi Liên, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	Học viện Hành chính quốc gia	Tài chính - Ngân hàng		TTH01642		37	23	70.6	70.6	
26	VÕ NHẬT	THANH	15/03/1992	Kiểm tra viên thuế	Phú Hiệp, thành phố Huế, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh Tế - Đại học Huế	Kế hoạch - Đầu tư		TTH02168		54	24	70.4	70.4	
27	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	24/02/1992	Kiểm tra viên thuế	Tổ 19, Khu vực 7, Phường An Đông, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Đại học Huế	Truyền Thông và Marketing du lịch dịch vụ		TTH02222		46	22	70.1	70.1	
28	ĐẶNG THỊ THU	TÂM	02/06/1996	Kiểm tra viên thuế	Thị Trấn Sịa, Huyện Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Đại Học Ngân Hàng TP Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		TTH02063		35	19	70.1	70.1	
29	CHÂU THỊ LY	NA	11/08/1996	Kiểm tra viên thuế	Hương Vân, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Kinh Tế- Đại học Huế	Kế hoạch- Đầu tư		TTH01451		35	15	70	70	
30	MAI	LY	16/12/1989	Kiểm tra viên thuế	Hương Thọ Hương Trà Thừa Thiên Huế	Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		TTH01329		43	21	69.8	69.8	
31	NGUYỄN TRẦN NGUYÊN	TRẦN	21/11/1988	Kiểm tra viên thuế	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	Trường Đại Học Đà Nẵng	Kế toán		TTH02626		52	29	69.7	69.7	
32	HOÀNG THỊ	QUỲNH	10/10/1992	Kiểm tra viên thuế	Thôn Nam Tiến, Xã Ngư Thủy Nam, Huyện Lệ Thủy, Tỉnh Quảng Bình	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-ĐẠI HỌC HUẾ	Kế toán doanh nghiệp		TTH01973		46	19	69.4	69.4	
33	LÊ NHẬT	KHÁNH	03/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Phú Diên, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Đại Học Kinh Tế - Đại Học Huế	Kế toán - Kiểm toán		TTH01069		39	25	69.4	69.4	
34	NGUYỄN VIẾT QUANG	TRƯỜNG	01/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Phú Mỹ Phú Vang	Trường đại học kinh tế huế	Kiểm toán		TTH02813		42	19	69.1	69.1	
35	NGUYỄN HỮU TUẤN	ANH	28/06/1991	Kiểm tra viên thuế	Văn Hóa - Tuyên Hóa - Quảng Bình	Đại học kinh tế - Đại học Huế Đại học luật - Đại học Huế	Tin học kinh tế Cử nhân Luật		TTH00061		42	23	69	69	
36	DƯƠNG THỊ	UYÊN	17/06/1992	Kiểm tra viên thuế	xã Phú Hồ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH02904		44	22	68.8	68.8	
37	TRẦN LƯU PHƯƠNG	THẢO	09/10/1996	Kiểm tra viên thuế	Quảng Ninh - Quảng Bình	Đại học Kinh tế, Đại học Huế	Tài chính - Ngân hàng(ĐT liên kết với Pháp)		TTH02248		40	MT	68.4	68.4	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
38	NGUYỄN TRẦN LÂM	ANH	05/07/1995	Kiểm tra viên thuế	Đại Phong, Phong Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Trường Đại học Kinh tế Huế, Đại học Huế	Kế toán doanh nghiệp	ConTB	TTH00083	5	37	27	63.1	68 1	
39	PHAN THỊ TỊNH	THỦY	06/11/1990	Kiểm tra viên thuế	thôn Thanh Phước, xã Hương Phong, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Tài chính - Ngân hàng		TTH02501		47	25	68	68	
40	BÙI XUÂN	PHONG	25/07/1994	Kiểm tra viên thuế	xã An Thủy - huyện Lệ Thuy - tỉnh Quảng Bình	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Thống kê kinh doanh		TTH01804		46	15	68	68	
41	ĐOÀN THỊ	KHUÊ	10/08/1988	Kiểm tra viên thuế	thông 3, Xã Giang Hải-Huyện Phu Lộc -Tỉnh Thừa Thiên Huế	Trường Đại Học Duy Tân	Ngân hàng		TTH01084		39	18	68	68	
42	TỐNG HỒNG	GIANG	24/11/1985	Kiểm tra viên thuế	Xã Đức An, Huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh	Trường đại học Kinh tế Huế Đại học bách khoa Hà Nội	Kế toán Điện		TTH00484		37	25	68	68	
43	ĐẶNG NGUYỄN THÙY	TRANG	09/06/1996	Kiểm tra viên thuế	Quảng Điền, Thưa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Tài chính		TTH02633		38	16	67.7	67.7	
44	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	10/02/1985	Kiểm tra viên thuế	Giáp Đông, Hương Toàn, TX Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Đại học Phú Xuân	Kế toán		TTH01237		40	21	67.4	67.4	
45	TRẦN THỊ CẨM	NHUNG	09/03/1988	Kiểm tra viên thuế	Phú Mỹ, Phu Vang, Thưa Thiên Huế	Học viện hành chính quốc gia Đại học Kinh tế Huế	Tài chính- Ngân hàng Kế toán		TTH01748		38	19	67 4	67 4	
46	TRẦN THỊ KIỀU	NGÂN	28/08/1994	Kiểm tra viên thuế	Hương Phong, Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế Trường Đại học Kinh tế -	Quản lý kinh tế Kinh tế		TTH01534		47	25	67.2	67.2	
47	TRẦN THỊ NGỌC	CHÂU	07/01/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Dân lập Phú Xuân	Kế toán		TTH00186		47	MT	67	67	
48	LÊ DIỆU	THÚY	26/12/1986	Kiểm tra viên thuế	Xã Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	Trường Đại học Kinh tế Huế Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	Kế toán doanh nghiệp Tiếng Anh		TTH02433		41	MT	67	67	
49	VÕ THỊ HUYỀN	CHUNG	11/04/1998	Kiểm tra viên thuế	Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh Tế Huế	Kinh doanh nông nghiệp		TTH00225		35	18	66 7	66 7	
50	HOÀNG THỊ ÁI	THUỶ	05/05/1986	Kiểm tra viên thuế	Triệu Hoà, Triệu Phong, Quảng Trị	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng Trường Đại học Kinh tế Huế	Kế toán Kế toán		TTH02422		40	17	66.4	66 4	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	TRẦN ANH	HIỀN	10/11/1991	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Đại Trạch - Bố Trạch - Quảng Bình	Đại học Phú Xuân	Công nghệ thông tin		TTH03406		34	15	78	78	
2	NGUYỄN THIÊN	VƯƠNG	06/10/1989	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Phong Bình, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐH Quốc gia TP	CNTT		TTH03463		32	17	77	77	
3	DƯƠNG PHƯỚC	ĐẠT	08/07/1987	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Xã Thuỷ Phương, huyện Hương Thuỷ, tỉnh Thừa Thiên Huế	Đại học Huế Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	Khoa học máy tính Ngôn ngữ Anh		TTH03392		43	MT	73	73	
V. Cán sự															

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	TRẦN ĐÌNH	NHƠN	08/01/1986	Cán sự	Xã Điền Hương, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán		TTH03529		33	19	64	64	
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
1	NGUYỄN TẤT	THÀNH	31/07/1986	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Can Lộc, Hà Tĩnh	Học viện Ngân Hàng	Ngân hàng thương mại		TTH03523		37	16	74	74	
2	PHẠM THỊ HỒNG	MAI	20/07/1992	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Phú Xuân, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Đại Học dân lập Phú Xuân	kế toán		TTH03520		32	15	60	60	
3	PHAN PHƯỚC	HUY	27/07/1993	Kiểm tra viên trung cấp thuế	TT Thuận An, Huyện Phú Vang, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Cao Đẳng Sư Phạm Thừa Thiên Huế	Kế Toán		TTH03518		31	21	51	51	
VII. Văn thư Trung cấp															
1	LÊ THI	HUẾ	28/02/1994	Văn thư Trung cấp	Phu Lương, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	CĐSP Thừa Thiên Huế	Quản trị văn phòng		TTH03536		32	17	75	75	
2	NGUYỄN THỊ ÁI	HIỀN	18/02/1987	Văn thư Trung cấp	Thôn 1 xã Vinh Mỹ Huyện Phú Lộc Tỉnh Thừa Thiên Huế	Trường ĐHKH xã hội và nhân văn	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng		TTH03534		37	19	57	57	

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH AN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1078 /QĐ-BTC ngày 14 /6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	LƯƠNG THỊ MỸ	TIÊN	19/03/1991	Chuyên viên	52 Phan Đình Phùng, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Trường Đại học An Giang Trường Đại học Kinh tế - Luật	Quản trị kinh doanh Kinh tế học		AGI02791		50	21	84	84	
2	NGUYỄN THỊ TRƯỜNG	AN	12/09/1993	Chuyên viên	Khóm An Thới, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Trường Đại Học An Giang	Tài Chính - Ngân Hàng		AGI02546		48	15	83	83	
3	DƯƠNG MAI	NGỌC	23/06/1991	Chuyên viên	Hà Tiến, Hà Trung, Thanh Hóa	Đại học Tài chính - Marketing	Quản trị kinh doanh		AGI02682		35	15	80	80	
4	HUỲNH THANH	TRÚC	15/09/1994	Chuyên viên	720/11 đường Bùi Văn Danh, khóm Đông Phú, phường Đông Xuyên, thành phố Long Xuyên tỉnh An Giang.	Đại học An Giang	Tài chính - Ngân hàng		AGI02816		39	15	77	77	
5	LƯƠNG TUYẾT	HỒNG	09/09/1991	Chuyên viên	Thị trấn Tri Tôn, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang	Trường Đại học Cần Thơ Trường Đại Học An Giang	Luật Công nghệ thông tin		AGI02608		50	16	67	67	
6	TRẦN QUỐC	THẮNG	30/11/1990	Chuyên viên	Nhà Bàng, Tịnh Biên, An Giang	Trường Đại Học Metho	Tài chính		AGI02759		40	MT	64	64	
7	NGUYỄN THỊ	MỸ HUYỀN	15/04/1997	Chuyên viên	Nhơn Hưng, Tịnh Biên, An Giang	Trường Đại học An Giang	Kế toán		AGI02665		39	16	61	61	
8	PHAN TƯỜNG	VI	26/09/1998	Chuyên viên	67 Nguyễn Hữu Cảnh, ấp An Thịnh, Thị Trấn An Phú, huyện An Phú, Tỉnh An Giang	Trường Đại học Cần Thơ	Tài chính Ngân hàng		AGI02841		38	18	58	58	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	VƯƠNG TRỌNG	NGHĨA	30/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Song Phương, huyện Hoài Đức, Hà Nội	Đại học Cần Thơ	Kế toán	ConTB	AGI01273	5	55	18	85	90	
2	ĐINH THỊ THÚY	HẰNG	29/11/1996	Kiểm tra viên thuế	Núi Sam, Châu Đốc, An Giang	Trường Đại học An Giang	Kế toán		AGI00488		43	19	87	87	
3	LÊ THỊ THUÝ	AN	07/02/1997	Kiểm tra viên thuế	Ấp Nhứt, Tân Quới Trung, Vũng Liêm, Vĩnh Long	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		AGI00010		48	16	84	84	
4	ĐÀO PHÚ	VĨNH	06/07/1992	Kiểm tra viên thuế	Đào Hữu Cảnh, Châu Phú, An Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - ngân hàng		AGI02456		46	19	82	82	
5	NGUYỄN HOÀNG	TUÂN	02/02/1993	Kiểm tra viên thuế	Châu Đốc - An Giang	Đại học An Giang	Quản trị Kinh doanh		AGI02317		35	20	82	82	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
6	DƯƠNG THỊ BÍCH	TRÂM	15/04/1990	Kiểm tra viên thuế	Chợ Mới, An Giang	Trường Đại Học An Giang	Kinh tế quốc tế		AGI02110		43	20	79	79	
7	NGUYỄN THUỲ	DIỄM	15/04/1992	Kiểm tra viên thuế	An giang	Đại học An Giang	Tài chính ngân hàng		AGI00251		33	16	77	77	
8	TRẦN THỊ KHÁNH	LINH	10/03/1995	Kiểm tra viên thuế	số 377, tổ 11, ấp Bình Quý, xã Bình Thủy, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang	Trường Đại học An Giang	Kinh tế quốc tế		AGI01000		51	21	76	76	
9	VÕ THÁI	NGÂN	02/01/1991	Kiểm tra viên thuế	Ấp Long Phú, Long Giang,Chợ Mới, An Giang	Trường Đại Học An Giang Trường Đại Học An Giang	Tài chính Ngân hàng Ngôn Ngữ Anh		AGI01257		39	MT	76	76	
10	PHÙNG QUỐC	HÙNG	20/03/1991	Kiểm tra viên thuế	Bờ Dâu, Thạnh Mỹ Tây, Châu Phú, An Giang	Trường ĐH An Giang	Tài chính Ngân hàng		AGI00697		38	15	75	75	
11	HỒ THỊ ANH	THƯ	01/11/1984	Kiểm tra viên thuế	Cái Dầu, Châu Phú, An Giang	Trường Đại học An Giang	Tài chính - Ngân hàng		AGI01941		42	17	73	73	
12	HỒ THỊ MỸ	LINH	11/07/1994	Kiểm tra viên thuế	Long Bình, Long Kiến, Chợ Mới, An Giang	Trường Đại Học An Giang	Tài Chính Ngân Hàng		AGI00951		33	15	73	73	
13	ĐỖ DIỄM	PHƯƠNG	22/10/1996	Kiểm tra viên thuế	02 Võ Văn Tần - ấp Bắc Sơn - thị trấn Núi Sập - huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang	Trường Đại học An Giang	Kế toán		AGI01549		43	19	72	72	
14	NGUYỄN LÊ TRÚC	HUYỀN	14/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Ấp Long Thuận 2, Xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang	Trường Đại Học Tây Đô	Kế Toán		AGI00782		42	19	70	70	
15	TA	LUÂN	14/11/1996	Kiểm tra viên thuế	An Mỹ, Hoà An, Chợ Mới, An Giang	Đại học Tài chính-Marketing	Kiểm toán		AGI01054		35	21	70	70	
16	NGUYỄN PHƯỚC	SANG	17/12/1998	Kiểm tra viên thuế	Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	Trường Đại học Tây Đô	Tài chính - Ngân hàng		AGI01670		37	16	69	69	
17	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	13/05/1990	Kiểm tra viên thuế	Chợ Mới, An Giang	Đại học Cửu Long	Tài chính ngân hàng		AGI01239		41	15	67	67	
18	TRẦN THỊ KIM	THOA	18/07/1985	Kiểm tra viên thuế	Ấp Long hòa 2, xã long kiến,chợ mới, an giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính_ ngân hàng		AGI01918		37	16	66	66	
19	PHAN NGỌC NHÂN	ÁI	09/10/1995	Kiểm tra viên thuế	số 05, đường Lê Lợi, Khóm Châu Long 2, phường Châu Phú B, TP. Châu Đốc, tỉnh An Giang	Đại học Cần Thơ	Kinh doanh Quốc tế		AGI00003		36	24	66	66	
20	HUỲNH THỊ	THUẦN	01/09/1985	Kiểm tra viên thuế	ấp Bắc Thạnh, xã Thoại Giang, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang	TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG	Quản Trị Kinh Doanh		AGI01967		41	19	59	59	
21	TRẦN THỊ NGỌC	BÍCH	19/11/1990	Kiểm tra viên thuế	VĨNH HỘI ĐÔNG, AN PHÚ, AN GIANG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG		AGI00109		48	15	57	57	
22	TRẦN THỊ ANH	THƯ	29/03/1990	Kiểm tra viên thuế	An Giang	Đại học Cần Thơ	Kế toán		AGI01957		40	22	57	57	
23	PHẠM THỊ KIM	ANH	13/08/1994	Kiểm tra viên thuế	Ấp An Hòa, xã An Hòa, Huyện Châu Thành, An Giang	Trương Đại Học An Giang	Kinh tế Quốc Tế		AGI00060		40	20	57	57	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
24	HUỲNH LỮ NGỌC	BÌNH	27/01/1985	Kiểm tra viên thuế	Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên , tỉnh An Giang	Trường ĐH Mở Tp. HCM	Tài chính Ngân hàng	HTNVQS	AGI00115	2 5	39	26	54	56.5	
25	LÊ NHỰT	TÂN	13/04/1992	Kiểm tra viên thuế	47, ấp Phú Hạ 1, xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang	Đại học Cần Thơ Đại học Cần Thơ	Tài chính ngân hàng Tài chính ngân hàng		AGI01728		46	17	55	55	
26	TRẦN THẮM	HUÊ	06/01/1998	Kiểm tra viên thuế	Thoại Sơn, An Giang	Đại Học Cần Thơ	Luật Thương Mại		AGI00678		42	24	55	55	
27	NGÔ THẢO	VY	11/08/1990	Kiểm tra viên thuế	Tân Châu, An Giang	ĐH Công Nghiệp TPHCM	Tài chính ngân hàng		AGI02473		37	20	55	55	
28	PHẠM VÕ PHI	YẾN	15/06/1986	Kiểm tra viên thuế	Ấp Bình Quới, xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Tài chính Ngân hàng		AGI02536		34	16	54	54	
29	NGUYỄN MINH	THÚY	28/10/1985	Kiểm tra viên thuế	671, khu phố 3, Phường Vĩnh Thông, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	ĐH Ngân hàng TP HCM ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tài chính- Ngân hàng Ngữ văn Anh		AGI02033		51	MT	53	53	
30	TRƯƠNG THỊ BÉ	HẢO	28/08/1990	Kiểm tra viên thuế	xã Phu Thuận, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang	Đia học An Giang	Tài chính - Ngân hàng		AGI00543		42	23	53	53	
31	LÊ DUY	LINH	07/03/1989	Kiểm tra viên thuế	Mỹ Thạnh, Long Xuyên, An Giang	Trường Đại học Cần Thơ	Kinh tế hoc		AGI00958		44	26	52	52	
32	PHẠM HOA	VINH	21/01/1997	Kiểm tra viên thuế	An Phú - An Giang	Trường Đại Học An Giang	Tài chính doanh nghiệp		AGI02452		37	22	52	52	
33	NGUYỄN THỊ NHỰT	LINH	20/11/1993	Kiểm tra viên thuế	Số 391/16 Tổ 6, Khóm Vĩnh Phước 1, Phường Núi Sam, TP Châu Đốc, An Giang	Trường Đại học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh		AGI00989		33	22	50	50	
34	TRẦN THÁI	BẢO	09/07/1998	Kiểm tra viên thuế	ngọc thành, giồng riềng, tỉnh Kiên Giang	Trường Đại học Cần Thơ	Kinh tế học		AGI00103		33	15	50	50	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	PHẠM DÌNH	KHANG	04/09/1995	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Mỹ Long, An Giang	Trường Đại Học Cần Thơ	Tin học ứng dụng		AGI02875		32	16	63	63	
2	LÊ NGUYÊN	KHA	09/04/1996	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Châu Phong, Tân Châu, An Giang	Trường Đại học Cần Thơ	Công nghệ thông tin		AGI02873		32	15	57	57	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
VIII. Cán sự làm Công nghệ thông tin															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 / 6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
II. Kiểm tra viên thuế															
1	TRỊNH THỊ VIỆT	HIẾU	11/03/1989	Kiểm tra viên thuế	Quảng Nam	Đại Học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Ngân hàng		BRV00606		46	15	86	86	
2	TRẦN THỊ	LY	25/01/1988	Kiểm tra viên thuế	Nghĩa Đức- Nghĩa Đàn- Nghệ An	Trường Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		BRV01062		43	22	85	85	
3	NGUYỄN THỊ	DƯƠNG	03/08/1998	Kiểm tra viên thuế	Nhân Thịnh, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học Thương mại	Quản lý kinh tế		BRV00344		48	16	83	83	
4	LÊ THỊ NHƯ	NGỌC	22/02/1993	Kiểm tra viên thuế	Quảng Nam	Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh Đại học Luật Tp Hồ Chí Minh	Luật Kinh tế Luật		BRV01286		50	26	80	80	
5	NGUYỄN THỊ	HỒNG	08/11/1992	Kiểm tra viên thuế	Khánh Hòa	Trường Đại Học Bà Rịa Vũng Tàu	Kế Toán Tài Chính		BRV00671		43	18	79	79	
6	HOÀNG HẰNG	NGA	23/10/1991	Kiểm tra viên thuế	Quang Bình	Trường Đại học Tài chính -Marketing Trường Cao đẳng Tài Chính Hải Quan	Tài chính doanh nghiệp Tài chính - Ngân hàng		BRV01199		48	25	75	75	
7	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	16/12/1989	Kiểm tra viên thuế	Xóm Minh Hoà, Xã Yên Sơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	Học viện ngân hàng	Thanh toán quốc tế		BRV01506		48	15	75	75	
8	HOÀNG NGUYỆT UYÊN	VY	28/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Quảng Trị	Đại học Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		BRV02471		40	23	75	75	
9	NGUYỄN HUỲNH NGỌC	LÊ	16/07/1998	Kiểm tra viên thuế	Bà Rịa - Vũng Tàu	Đại học Ngân Hàng TP.HCM	Kế toán		BRV00914		38	15	75	75	
10	NGUYỄN THỊ KIM	HƯƠNG	15/10/1990	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Đại học Bà Rịa Vũng Tàu	Kế Toán		BRV00729		33	18	75	75	
11	NGUYỄN THỊ MỸ	TRINH	25/08/1992	Kiểm tra viên thuế	Bình Dương	Trường ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật TP HCM	Kế toán Doanh nghiệp		BRV02244		32	19	75	75	
12	NGUYỄN HUY	HUỲNH	01/02/1989	Kiểm tra viên thuế	Đông Phương, Đông Hưng, Thái Bình	Học Viện Tài Chính	Tài chính quốc tế		BRV00806		45	20	72	72	
13	ĐÀO THỊ NHƯ	NGỌC	04/07/1990	Kiểm tra viên thuế	Hưng Yên	Trường Đại Học Bà Rịa - Vũng Tàu	Kế Toán		BRV01281		41	15	72	72	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
14	NGUYỄN THỊ	MƠ	10/10/1991	Kiểm tra viên thuế	NGHỆ AN	Học viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông	Quản Trị Doanh Nghiệp		BRV01138		38	15	72	72	
15	NGUYỄN THI	HƯƠNG	11/02/1990	Kiểm tra viên thuế	TT An Bài, Quỳnh Phụ, Thái Bình	Đại Học Giao Thông Vận Tải	Kế toán tổng hợp		BRV00725		32	15	70	70	
16	PHAN THỊ	HẰNG	26/05/1995	Kiểm tra viên thuế	Hà Tĩnh	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	Tài Chính		BRV00508		37	16	68	68	
17	NGUYỄN CAO	KỲ	18/06/1997	Kiểm tra viên thuế	Hoà Khánh, Cái Bè, Tiền Giang	Đại học Ngân Hàng	Kế toán		BRV00881		36	24	68	68	
18	LÊ QUỐC	HƯNG	23/06/1997	Kiểm tra viên thuế	Bình Định	Trường Đại Học Lạc Hồng	Quản Trị Kinh Doanh		BRV00704		31	17	67	67	
19	TRẦN THỊ	HẢO	01/01/1996	Kiểm tra viên thuế	Liên Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình	Trường Đại Học Bà Rịa Vũng Tàu	Kế toán tài chính		BRV00542		49	23	65	65	
20	QUÁCH HỒNG	NGÂN	07/02/1990	Kiểm tra viên thuế	XÃ GIA PHONG - HUYỆN GIA VIỄN - TỈNH NINH BÌNH	Trường Cao Đẳng Đức Trí Trường Đại Học Duy tân	Quản Trị Kinh Doanh Quản Trị Kinh Doanh		BRV01248		32	17	64	64	
21	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	26/10/1991	Kiểm tra viên thuế	Hà Nội	Trường Đại Học Công Nghệ TP HCM (HUTECH).	Quản trị ngoại thương		BRV01836		42	19	63	63	
22	NGUYỄN TRƯỜNG	DUY	27/09/1996	Kiểm tra viên thuế	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính doanh nghiệp		BRV00367		41	15	63	63	
23	ĐẶNG TRỌNG	HIẾU	15/09/1982	Kiểm tra viên thuế	Xã Hòa Long,TP Bà Rịa,Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường ĐH Bà Rịa - Vũng Tàu	Kế toán		BRV00594		34	15	63	63	
24	LÊ VŨ NGÂN	GIANG	30/12/1995	Kiểm tra viên thuế	Phú Thọ	Học Viện Hành Chính Quốc Gia cơ sở TPHCM	Tài chính công		BRV00407		43	16	61	61	
25	ĐÀO NGUYÊN	HƯƠNG	18/05/2020	Kiểm tra viên thuế	Yên Lạc - Bình Định - Vĩnh Phúc	Trường Đại học Công Nghệ TPHCM	Luật Kinh tế		BRV00710		33	17	61	61	
26	NGUYỄN HUỲNH	DUYÊN	01/11/1991	Kiểm tra viên thuế	Bà Rịa Vũng Tàu	Đại học Kinh tế-Luật-ĐHQGTPHCM	Kinh tế đối ngoại		BRV00375		44	20	60	60	
27	PHẠM THỊ THU	THẢO	11/02/1993	Kiểm tra viên thuế	BÀ RỊA - VŨNG TÀU	ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH	TÀI CHÍNH		BRV01860		37	15	57	57	
28	TRƯƠNG PHẠM THÙY	ANH	01/01/1992	Kiểm tra viên thuế	Bà Rịa Vũng Tàu	Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	Luật Kinh Tế		BRV00075		34	19	57	57	
29	NGUYỄN THỊ THANH	LAN	03/05/1993	Kiểm tra viên thuế	Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường Đại Học Công Nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh	Tài chính doanh nghiệp		BRV00903		38	23	56	56	
30	VÕ THỊ HÀ	MY	18/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Bà Rịa- Vũng Tàu	Đại học Công Nghiệp Thực phẩm TP HCM	Kế toán Doanh nghiệp		BRV01166		39	18	50	50	
III. Văn thư															

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	LÊ THỊ BĂNG	CHÂU	20/06/1998	Văn thư	ấp Hội Mỹ, xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Học viện Hành chính Quốc gia	Quản lý nhà nước		BRV02944		42	24	83	83	
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	NGUYỄN QUANG	LỘC	28/04/1992	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Đức Bồng - Đức Thọ - Hà Tĩnh	Trường Đại học Nha Trang	Công nghệ Thông tin	ConTB	BRV02883	5	42	19	65	70	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
VIII. Cán sự làm Công nghệ thông tin															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH BẠC LIÊU

(Kèm theo Quyết định số 1079 /QĐ-BTC ngày 16 /6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm ★	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
II. Kiểm tra viên thuế															
1	MÃ THI AN	LỘC	30/10/1990	Kiểm tra viên thuế	Ấp B, Thị Trấn Hòa Bình, Hòa Bình, Bạc Liêu	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		BLI01029		54	15	82	82	
2	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	01/01/1989	Kiểm tra viên thuế	Ấp An Khoa, xã Vĩnh Mỹ B, huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Tây Đô	Quản trị kinh doanh		BLI00732		38	17	79	79	
3	LÊ THỊ DIỄM	MY	20/10/1991	Kiểm tra viên thuế	Ấp Mỹ IIA, xã Vĩnh Phú Đông, Phước Long, Bạc Liêu	Đại học Tây Đô	Tài chính ngân hàng		BLI01157		54	24	75	75	
4	NGUYỄN TRẦN HUY	HOÀNG	14/04/1996	Kiểm tra viên thuế	xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh		BLI00653		39	27	74	74	
5	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	22/12/1995	Kiểm tra viên thuế	Ấp 5, xã Tân Phong, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu	Trường Đại học Bạc Liêu	Tài chính - Ngân hàng		BLI00792		36	17	73	73	
6	PHẠM NGỌC	NGÂN	29/11/1990	Kiểm tra viên thuế	Phường 5, Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Trường Đại Học Bạc Liêu	Kế toán		BLI01246		33	19	73	73	
7	THÁI HỒNG	HUỆ	26/05/1988	Kiểm tra viên thuế	Thành Phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Kế toán - Kiểm toán		BLI00686		33	20	70	70	
8	PHẠM THANH	THẢO	22/03/1980	Kiểm tra viên thuế	Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Trường Đại học Cần Thơ	Tài chính - Tín dụng		BLI01858		37	18	69	69	
9	NGUYỄN THANH	THẢO	01/01/1988	Kiểm tra viên thuế	ấp Toàn Thắng, xã Vĩnh Hậu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU	KẾ TOÁN		BLI01839		37	21	68	68	
10	LƯU TRẦN ĐĂNG	KHOA	27/07/1985	Kiểm tra viên thuế	Thị Trấn Ngan Dừa, Huyện Hồng Dân, Tỉnh Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu Đại học Cần Thơ	Kế Toán Ngôn Ngữ Anh		BLI00840		36	MT	67	67	
11	THẠCH THỊ TUYẾT	NGÂN	25/05/1992	Kiểm tra viên thuế	Ấp Đào Viên, Xã Thạnh quới, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Tài Chính - Ngân Hàng	DTTS	BLI01250	5	34	16	61	66	
12	HỒNG THANH TÙNG	EM	11/12/1977	Kiểm tra viên thuế	Tân Thành, Cà Mau	Trường Đại học Mở TP HCM	Quản trị kinh doanh		BLI00390		32	19	63	63	
13	NGUYỄN HỒNG	CHI	29/10/1988	Kiểm tra viên thuế	Phường 1, TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Bình Dương	Quản lý Kinh tế		BLI00162		33	20	59	59	
14	VÕ THỊ XUÂN	TUYỀN	01/01/1991	Kiểm tra viên thuế	Ấp Phước Thọ Hậu - Xã Phước Long - Huyện Phước Long - Tỉnh Bạc Liêu	Đại Học Cần Thơ	Kinh doanh thương mại		BLI02343		34	16	52	52	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
15	PHAM THI CẨM	LINH	09/02/1997	Kiểm tra viên thuế	Ấp Bình Hòa, Xã Gia Hòa 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Đại học Kinh tế TPHCM	Kế toán doanh nghiệp		BLI00995		40	18	51	51	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
VIII. Cán sự làm Công nghệ thông tin															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH BẾN TRE

(Kèm theo Quyết định số 1078 /QĐ-BTC ngày 4 / 6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
II. Kiểm tra viên thuế															
1	NGUYỄN THỊ THÚY	TRANG	02/01/1993	Kiểm tra viên thuế	198/3 Ấp Phú Hòa, Xã Phú Túc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM	Tài chính Công nghệ kỹ thuật hóa học		BTR02192		37	15	83	83	
2	LA TRẦN NHẬT	MY	16/08/1998	Kiểm tra viên thuế	ấp Bình Thạnh 3, xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	Luật Thương mại		BTR01156		38	19	82	82	
3	PHAN KIM	TRÂM	01/11/1989	Kiểm tra viên thuế	161B, Khu phố 1, P8, Tp Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đại học Kinh tế TPHCM	Kế toán		BTR02123		47	21	81	81	
4	HUỲNH TRỌNG	NGHĨA	11/08/1987	Kiểm tra viên thuế	Gò Công, Tiền Giang	Trường Đại Học Trà Vinh	Kế Toán		BTR01267		39	17	80	80	
5	ĐỖ THỊ	TRÚC	01/01/1987	Kiểm tra viên thuế	Ấp 10, Xã Hưng Lễ, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre	Trường Đại Học Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	Kế toán		BTR02259		33	23	79	79	
6	DƯƠNG THỊ KIM	HIỀN	26/10/1982	Kiểm tra viên thuê	xã Thạnh Hải, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre	Trường Đại học Trà Vinh Trường Đại học Đà Nẵng	Quản lý kinh tế Ngôn ngữ anh		BTR00560		38	MT	76	76	
7	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	09/01/1988	Kiểm tra viên thuế	Ấp Hội An, xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Trường Đại học Nông Lâm TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTR02359		36	15	75	75	
8	NGUYỄN THU	THẢO	30/08/1998	Kiểm tra viên thuế	Bến Tre	Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	Luật học	ConTB	BTR01854	5	47	21	68	73	
9	NGUYỄN LÊ TOÀN CẨM	LINH	28/08/1993	Kiểm tra viên thuế	83/9A Khu phố 1, Thị Trấn Chợ Lách, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM Đại học Đà Nẵng	Ngân hàng Ngôn Ngữ Anh		BTR00980		34	MT	70	70	
10	VÕ THỊ	PHƯƠNG	12/04/1985	Kiểm tra viên thuế	Thạnh Hải, Thạnh Phú, Bến Tre	Trường Đại học Trà Vinh	Kế toán		BTR01594		37	24	69	69	
11	LÊ THỊ XUÂN	HƯƠNG	18/12/1998	Kiểm tra viên thuế	An Định, Mỏ Cày Nam, Bến Tre	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP.HỒ CHÍ MINH	Ngân hàng		BTR00715		45	21	68	68	
12	NGUYỄN LÊ QUỲNH	HOA	22/06/1997	Kiểm tra viên thuế	số nhà 36, ấp Quy Nghĩa, xã Lương Quới, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Trường Đại học Công Nghệ Tp Hồ Chí Minh	Luật Kinh Tế		BTR00616		42	16	68	68	
13	NGÔ MINH	CHÁNH	09/09/1985	Kiểm tra viên thuế	Phường 6, thành phố Bến Tre	Trường Đại Học Trà Vinh Đại Học Đà Nẵng	Kế toán Ngôn ngữ Anh		BTR00140		35	MT	68	68	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
14	MAI THI	NÂU	18/02/1983	Kiểm tra viên thuế	Bến tre	Trường ĐH Bán Công TÔN ĐỨC THẮNG	KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN		BTR01192		31	16	68	68	
15	TRẦN THỊ NGỌC	TUYỀN	28/01/1986	Kiểm tra viên thuế	Bến Tre	Trường Đại Học Trà Vinh	Kế Toán		BTR02364		35	17	67	67	
16	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	18/12/1994	Kiểm tra viên thuế	Bến Tre	Trường Đại học Công Nghệ TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTR02117		45	21	65	65	
17	VÕ MINH	KHÁNH	28/02/1984	Kiểm tra viên thuế	Nhuận Phú Tân, Mỏ Cày Bắc, Bến Tre	Trường Đại Học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	Luật Kinh tế		BTR00835		39	17	65	65	
18	DƯƠNG GIA	HÂN	24/02/1996	Kiểm tra viên thuế	Bến Tre	Trường Đại học Ngoại Ngữ-Tin Học TP Hồ Chí Minh	Kế toán		BTR00467		32	18	58	58	
19	PHẠM THỊ HỒNG	LIÊN	24/07/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Bình Thành, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre	Trường Đại Học Mở TPHCM	Kế toán		BTR00932		39	17	57	57	
20	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	10/02/1988	Kiểm tra viên thuế	Ấp 7, xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Trường đại học Tiền Giang Trường đại học Đà Lạt	kế toán Luật		BTR00080		38	16	55	55	
21	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	26/04/1980	Kiểm tra viên thuế	ấp Tân Phú Tây B, xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Trường Đại học Trà Vinh Trường Đại học Đà Nẵng	Kế toán Ngôn ngữ Anh		BTR00500		34	MT	53	53	
22	TRẦN THỊ MAI	THI	15/07/1992	Kiểm tra viên thuế	Số nhà 1951 ấp An Vĩnh 1, xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng Ngôn ngữ Anh		BTR01889		50	MT	50	50	
23	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG	TRÚC	10/01/1991	Kiểm tra viên thuế	Bến Tre	Đại học Kinh Tế Tp HCM Đại học Kinh Tế Tp HCM	Kế toán Kế toán		BTR02275		35	21	50	50	
24	VÕ THỊ THANH	ÂU	21/12/1981	Kiểm tra viên thuế	BÌNH ĐẠI, BẾN TRE	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP HCM TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP TPHCM	KẾ TOÁN KẾ TOÁN		BTR00086		33	18	50	50	
III. Văn thư															
1	LÝ THỊ THÙY	DUNG	20/05/1986	Văn thư	ấp Gia Thạnh, xã Thạnh Ngãi, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Đại học Đà Nẵng	Lưu trữ Bến Tre 2010 Ngôn ngữ Anh		BTR02946		42	MT	55	55	
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	PHẠM XUÂN	SÁNG	24/06/1988	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Thành phố Vinh	Đại học Khoa học - Đại học Huế Đại học Đà Nẵng	Khoa học máy tính Ngôn ngữ Anh		BTR02909		42	MT	57	57	
2	PHẠM TRÍ	NGUYÊN	15/06/1988	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Xã An Ngãi Trung, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	Học Viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông		BTR02893		47	20	56	56	
V. Cán sự															

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
VIII. Cán sự làm Công nghệ thông tin															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 / 6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
II. Kiểm tra viên thuế															
1	NGUYỄN THỊ	NGA	03/08/1989	Kiểm tra viên thuế	Bình phước	Trường Đại Học Kinh Tế TP HCM	Tài Chính Doanh Nghiệp		BDU01212		44	20	86	86	
2	BÙI MINH	HỒNG	06/08/1989	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh	Kinh tế Nông nghiệp Kinh tế		BDU00660		40	20	80	80	
3	LƯU TRIỀU CẨM	UYÊN	27/10/1996	Kiểm tra viên thuế	43/4 KP Đông Nhì, P. Lái Thiêu, TP. Thuận An, Bình Dương	ĐH Luật TP HCM ĐH Luật TP HCM	Quản trị kinh doanh Luật		BDU02389		40	28	79	79	
4	LÊ THANH	HOÀNG	30/04/1994	Kiểm tra viên thuế	Xóm 1 - thôn Tà Giang 1 - xã Tây Giang - huyện Tây Sơn - tỉnh Bình Định	Trường Đại học Bình Dương	Luật Kinh Tế		BDU00649		40	21	77	77	
5	PHAN THANH	HÙNG	26/01/1994	Kiểm tra viên thuế	Ấp Long Thành, Thị Trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu	Đại Học Công Nghệ TPHCM	Tài chính doanh nghiệp		BDU00696		38	17	77	77	
6	LÊ HỒNG	NGỌC	14/11/1993	Kiểm tra viên thuế	Tp. Hồ Chí Minh	Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh	Tài chính		BDU01284		40	17	75	75	
7	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VÂN	07/01/1994	Kiểm tra viên thuế	Hà Nội	Trường Đại học Tài chính - Marketing	Tài chính - Ngân hàng		BDU02407		41	20	72	72	
8	VŨ THANH	TÂM	29/07/1992	Kiểm tra viên thuế	Bắc Ninh	đại học lạc hồng đại học kinh tế thành phố hồ chí minh	tài chính ngân hàng tài chính ngân hàng		BDU01722		38	19	72	72	
9	VŨ THỊ HỒNG	XUYÊN	13/10/1992	Kiểm tra viên thuế	Minh Lộc -Hậu Lộc -Thanh Hóa	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế Toán		BDU02502		37	15	70	70	
10	PHẠM THỊ NGỌC	HÀ	20/04/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Lam Sơn, Huyện Đô Lương, Nghệ An	Trường Đại học Tài Chính- Marketing	Kinh doanh quốc tế		BDU00449		42	17	69	69	
11	TRẦN THỊ MỸ	VUI	02/05/1989	Kiểm tra viên thuế	Chợ Mới - An Giang	Đại Học Quốc Tế Hồng Bàng Tp Hồ Chí Minh	Tài Chính - Ngân Hàng		BDU02464		34	20	67	67	
12	LÊ THỊ THÙY	DƯƠNG	03/10/1986	Kiểm tra viên thuế	Bình Dương	Trường Đại Học Mở TP.HCM	Kế Toán		BDU00339		41	16	66	66	
13	LÊ THỊ TÚY	LANH	17/08/1989	Kiểm tra viên thuế	Phú Yên	Trường Đại Học Kinh Tế TP HCM	quản trị kinh doanh tổng hợp		BDU00910		34	MT	63	63	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
14	VÕ THỊ HỒNG	NGA	02/10/1989	Kiểm tra viên thuế	Bình Dương	Đại học Bình Dương	Kế toán		BDU01222		32	16	63	63	
15	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	06/12/1993	Kiểm tra viên thuế	Khu Thanh Bình, Xã Thanh Vinh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ	Học viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		BDU01809		32	16	61	61	
16	ĐẶNG MINH	LUÂN	03/09/1983	Kiểm tra viên thuế	Bình Định	Đại học Mở TP Hồ Chí Minh Đại Học Đà Nẵng	Kinh tế học Ngôn ngữ anh		BDU01051		30	MT	61	61	
17	TRỊNH TRẦN KIM	NGÂN	09/10/1994	Kiểm tra viên thuế	DĨ AN - BÌNH DƯƠNG	Đại Học Hoa Sen	Kế toán - Kiểm toan		BDU01256		37	MT	60	60	
18	TRẦN NGỌC YẾN	VY	20/11/1997	Kiểm tra viên thuế	Thủ Dầu Một, Bình Dương	Trường Đại học Việt Đức	Tài Chính và Kế Toán		BDU02482		34	MT	57	57	
19	NGUYỄN THỊ DIỆU	HIỀN	10/02/1990	Kiểm tra viên thuế	Chánh Phú Hòa, Bến Cát, Bình Dương	Trường Đại học Thủ Dầu Một Trường Đại học Kinh tế	Kế toán Kế toán		BDU00571		48	20	56	56	
20	VÕ CHÂN	HIỆP	18/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Bình Nhâm, Thuận An, Bình Dương	Đại Học Công Nghiệp TP.HCM	Quản Trị Kinh Doanh		BDU00591		38	16	56	56	
21	NGUYỄN THỊ KIỀU	NHUNG	08/07/1988	Kiểm tra viên thuế	Quảng Bình	Trường Đại học kinh tế - Đại học Huế	QTKD thương mại		BDU01468		33	19	56	56	
22	VÕ THỊ	HƯỜNG	26/03/1993	Kiểm tra viên thuế	XÃ THANH NHO, HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ ĐÀ NẴNG	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP		BDU00749		43	24	55	55	
23	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	14/06/1988	Kiểm tra viên thuế	Thanh Hóa	Đại Học Sài Gòn Đại Học Sài Gòn	Kế toán Ngôn ngữ Anh		BDU00747		32	MT	55	55	
24	BÙI THANH	DUY	06/06/1997	Kiểm tra viên thuế	Bình Dương	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Kiểm toán		BDU00356		33	21	54	54	
25	NGUYỄN MINH	TRÚC	18/06/1989	Kiểm tra viên thuế	99 Ngô Quyền, Khu 6, P. Phú Cường, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Đại học Tài chính - Marketing	Kế toán doanh nghiệp		BDU02270		43	20	53	53	
26	TRẦN NGỌC THANH	TRÀ	10/12/1998	Kiểm tra viên thuế	Tp Thủ Dầu Một, Bình Dương	Đại học Sài Gòn	Tài chính - Ngân hàng		BDU02107		32	19	53	53	
27	HỒ QUỲNH	NHI	26/05/1993	Kiểm tra viên thuế	Bình Dương	Trường Đại học Quốc tế Miên Đông	Quản trị kinh doanh		BDU01382		47	28	51	51	
28	NGUYỄN TẤN	HIỀN	14/05/1993	Kiểm tra viên thuế	Phường Mỹ Phước, TX. Bến Cát, Bình Dương	Đại học Quốc Tế Miền Đông	Quản trị kinh doanh		BDU00551		37	20	51	51	
29	LÊ BẢO	TRÂN	23/06/1997	Kiểm tra viên thuế	Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế TP HCM	Tài chính		BDU02138		39	25	50	50	
30	NGUYỄN ĐÌNH	MẠNH	19/11/1989	Kiểm tra viên thuế	Thanh Hoá	Trường Đại học Bình Dương	Tài Chính- Ngân Hàng		BDU01099		34	24	50	50	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															

STT	Họ va tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
VIII. Cán sự làm Công nghệ thông tin															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 / 6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
II. Kiểm tra viên thuế															
1	NGUYỄN VĂN	KHÁNH	25/04/1992	Kiểm tra viên thuế	Thạch Long, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Học viện tài chính	Kiểm toan		BPH00833		41	24	88	88	
2	HỒ THỊ	NGÂN	20/04/1995	Kiểm tra viên thuế	Nghệ An	Trường Đại học Tài chính Marketing	Kế toán doanh nghiệp		BPH01225		38	21	80	80	
3	LÊ TRẦN HOÀI	THƯƠNG	05/05/1994	Kiểm tra viên thuế	Thôn Trung Nam, Xã Quế Trung, Huyện Nông Sơn, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh	Tài chính công		BPH01986		46	15	78	78	
4	NGUYỄN THỊ	VÂN ANH	25/06/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn Nam Cầu, xã Phạm Trấn, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	Trường Đại học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh	Kế toán		BPH02423		37	15	75	75	
5	ĐINH THỊ	TUYẾT	17/04/1998	Kiểm tra viên thuế	Bình Phước	Trường Đại học Luật Thành Phố Hồ Chí Minh	Khoa Luật Thương Mại - Tốt nghiệp	DTTS	BPH02369	5	36	18	69	74	
6	NGUYỄN THỊ	HUẤN	29/03/1978	Kiểm tra viên thuế	Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	Trường Đại học Sài Gòn Trường Trung học Kỹ thuật Nghiệp vụ Cao su	Kế toán Kế toán		BPH00676		39	23	73	73	
7	BÙI THỊ BÍCH	LOAN	28/12/1992	Kiểm tra viên thuế	Thanh Hóa	Đại Học Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	Marketing		BPH01009		48	22	72	72	
8	VÕ THÁI	VÂN	22/01/1998	Kiểm tra viên thuế	QUẢNG TRỊ	Trường Đại học Ngân Hàng TP.HCM	TÀI CHÍNH		BPH02421		44	16	72	72	
9	VŨ HOÀNG	LINH	24/04/1988	Kiểm tra viên thuế	Nghệ An	Trường Đại học Tài Chính - Ngân hàng Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng		BPH01007		41	20	71	71	
10	TRẦN THỊ KIỀU	TRANG	21/09/1992	Kiểm tra viên thuế	Quảng Trị	Đại học Tài chính - Marketing	Quản trị kinh doanh		BPH02212		32	18	70	70	
11	NGUYỄN THỊ	LÝ	01/07/1993	Kiểm tra viên thuế	Quảng Nam	Trường Đại Học Mở Tp Hồ Chí Minh	Kế Toán	ConTB	BPH01068	5	38	17	64	69	
12	BÙI THỊ	MAI	08/01/1995	Kiểm tra viên thuế	Đông Kinh, Đông Hưng, Thái Bình	Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh	Luật Dân sự		BPH01075		44	19	64	64	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
VIII. Cán sự làm Công nghệ thông tin															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH BÌNH THUẬN

(Kèm theo Quyết định số 1098/QĐ-BTC ngày 4/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	16/12/1990	Chuyên viên	57 Chu Văn An, KP2, Phường Đức Thắng, Tp.Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Đại Học Mở TP.HCM	Kế toán		BTH02775		42	22	74	74	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	LÊ ĐỖ TRÚC	QUYÊN	08/01/1992	Kiểm tra viên thuế	Đức Thắng, Phan Thiết, Bình Thuận	Trường Đại học Tài chính - Marketing	Ngân hàng		BTH01632		52	19	91	91	
2	HOÀNG THÚY	NGA	03/04/1995	Kiểm tra viên thuế	37/24 Đặng Văn Lãnh, phường Phú Tài,Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Học viện Hành chính Quốc gia	Quản lý nhà nước về Tài chính công		BTH01202		43	23	89	89	
3	NGUYỄN CHÂU HOÀNG	ANH	04/12/1987	Kiểm tra viên thuế	Phan Thiết - Bình Thuận	Trường Đại học Tôn Đức Thắng Trường Đại học Phan	Kế toán Ngôn ngữ Anh		BTH00042		43	MT	88	88	
4	HỒ TRẦN THANH	TUẤN	11/02/1989	Kiểm tra viên thuế	Bình Thuận	Đại học Mở Thành Phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		BTH02320		40	19	88	88	
5	CAO THỊ NGỌC	HÂN	10/09/1994	Kiểm tra viên thuế	Phú Quý-Bình Thuận	Trường Đại học Mở TP.HCM	Kế toán		BTH00466		48	16	87	87	
6	LÊ THẢO	QUYÊN	01/01/1992	Kiểm tra viên thuế	Phú Trinh, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Trường đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh quốc tế		BTH01633		50	20	84	84	
7	NGUYỄN THỊ LỆ	HUYỀN	10/06/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Cẩm Long, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Phan Thiết	Tài chính - Ngân hàng		BTH00789		45	17	84	84	
8	TỪ THỊ BÍCH	HƯỜNG	10/08/1989	Kiểm tra viên thuế	Hàm Hiệp, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	Đại Học Kinh Tế Tp. HCM	Kế Toán		BTH00748		42	18	82	82	
9	TẠ KIM	NGÂN	30/08/1992	Kiểm tra viên thuế	Phan Hòa - Bắc Bình - Bình Thuận	ĐH Kinh tế TP HCM	DU LỊCH	ĐTTS	BTH01249	5	36	18	77	82	
10	NHIỀU LÊ BÍCH	TRÂN	05/08/1989	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM	Quản trị kinh doanh tổng hợp	ĐTTS	BTH02142	5	43	19	76	81	
11	LÊ THỊ PHƯƠNG	QUỲNH	10/09/1992	Kiểm tra viên thuế	Quảng Nam	Đại học Kinh Tế thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính		BTH01653		54	26	80	80	
12	HUỲNH NHẬT	TÂM	04/06/1991	Kiểm tra viên thuế	Huyện Hàm Thuận Bắc-Tỉnh Bình Thuận	Trường Đại Học Ngân Hàng TP.HCM	Kế Toán - Kiểm Toán		BTH01709		42	15	80	80	
13	HOÀNG KIM	UYÊN	04/12/1984	Kiểm tra viên thuế	TP Phan Thiết - T Bình Thuận	Trường Đại học Mở TP. HCM	Kế toán		BTH02385		37	18	80	80	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
14	TRẦN ANH	THƯ	29/04/1989	Kiểm tra viên thuế	Hồng Sơn, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	Đại học Lạc Hồng	Tài chính - Ngân hàng		BTH01955		34	21	80	80	
15	NGUYỄN LÊ XUÂN	TRANG	04/02/1991	Kiểm tra viên thuế	Bình Thuận	Trường ĐH Mở TP.HCM	Quản Trị Kinh Doanh Quốc Tế		BTH02178		42	16	75	75	
16	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	01/04/1991	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Linh, Quảng Trị	Trường ĐH Dân lập Văn Lang Trường ĐH mở TP.HCM	Marketing Ngôn ngữ Anh		BTH01851		39	MT	75	75	
17	HUỲNH THỊ BÍCH	VÂN	05/03/1994	Kiểm tra viên thuế	Hàm Thuận Nam, Bình Thuận	Trường Đại Học Mở Thành Phố Hồ Chí Minh	Quản Trị Kinh Doanh		BTH02402		32	15	74	74	
18	LÊ THỊ NGỌC	THUẬN	04/03/1988	Kiểm tra viên thuế	Phú Tài, Phan Thiết, Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.HCM	Thương Mại		BTH01968		36	23	73	73	
19	LÊ THỊ HUYỀN	TRÂN	28/04/1998	Kiểm tra viên thuế	Hàm Liêm - Hàm Thuận Bắc - Bình Thuận	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Quản lý nguồn nhân lực		BTH02139		33	16	69	69	
20	VÕ VĂN	HOÀNH	10/08/1989	Kiểm tra viên thuế	Tiền Giang	Đại học Lương Thế Vinh	Tài chính - Ngân hàng		BTH00658		32	15	69	69	
21	NGUYỄN THỊ LAN	PHƯƠNG	20/11/1987	Kiểm tra viên thuế	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	Trường Đại học Phan Thiết Học viện Công nghệ bưu	Quản trị kinh doanh Công nghệ thông tin		BTH01576		42	16	68	68	
22	HÀ HOÀNG MINH	TÂM	05/05/1993	Kiểm tra viên thuế	Hàm Hiệp, Hàm Thuận Bắc	Đại học Mở TP HCM	Kinh tế		BTH01704		39	20	67	67	
23	ĐINH THỊ KIỀU	NGA	23/06/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Phong Nẫm, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán- Kiểm toán		BTH01196		43	18	66	66	
24	PHẠM THỊ KIM	PHỤNG	15/08/1990	Kiểm tra viên thuế	Bình Hưng, Phan Thiết, Bình Thuận	Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Ngân hàng		BTH01542		40	18	65	65	
25	NGUYỄN THỊ KIM	GIÀU	25/03/1998	Kiểm tra viên thuế	Bình Thuận	Trường Đại Học Ngân Hàng Thành Phố Hồ Chí Minh	Kế Toán		BTH00423		35	18	65	65	
26	LÊ THỊ VŨ	TRANG	26/07/1989	Kiểm tra viên thuế	Thôn Cây Găng - Xã Tân Thành - Huyện Hàm Thuận Nam - Tỉnh Bình Thuận	Đại học Ngân hàng TPHCM	Tài chính - Ngân hàng		BTH02174		46	19	63	63	
27	LÊ THỊ THANH	NGÀ	26/12/1987	Kiểm tra viên thuế	Hàm Thắng, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	Đại Học Lạc Hồng	Kế toán kiểm toán		BTH01223		31	17	62	62	
28	TRẦN THỊ KIM	LY	02/03/1988	Kiểm tra viên thuế	Đồng Nai	Trường Đại Học Tài chính Ngân Hàng Hà Nội Đại Học Kinh Tế Thành	Kế Toán Kế Toán		BTH01064		41	16	61	61	
29	LÊ XUÂN	HIỀN	26/02/1992	Kiểm tra viên thuế	Hàm Thắng - Hàm Thuận Bắc - Bình Thuận	Đại học Công Nghệ TP HCM	Tài chính - Ngân hàng		BTH00564		34	16	61	61	
30	CHÂU MINH	Ý	21/02/1991	Kiểm tra viên thuế	Đức Nghĩa, Phan Thiết, Bình Thuận	Trường Đại học dân lập Văn Lang	Thương mại quốc tế		BTH02503		33	24	60	60	
31	ĐẶNG THỊ	LAN	20/04/1989	Kiểm tra viên thuế	An Ấp, Quỳnh Phụ, Thái Bình	Đại học dân lập Văn Lang	Kế toán		BTH00892		31	20	60	60	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
32	TRẦN THỊ KIM	KHOA	13/01/1992	Kiểm tra viên thuế	586, xóm 4, Lạc Tri, Phú Lạc, Tuy Phong, Bình Thuận	Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Tài chính – Ngân hàng	DTTS	BTH00845	5	46	22	53	58	
33	NGUYỄN NHẬT	HOÀNG	04/12/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế TP HCM	Kinh tế kế hoạch và đầu tư		BTH00652		44	27	58	58	
34	NGUYỄN MINH	HẠNH	29/11/1991	Kiểm tra viên thuế	khu phố 3, phường Phú Hài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Đại học Kinh Tế - Luật (Đại học Quốc Gia TP.HCM)	Kế toán - Kiểm toán		BTH00523		44	18	57	57	
35	HOÀNG NGÂN	HÀ	18/12/1997	Kiểm tra viên thuế	Quảng Bình	Trường Đại học Kinh tế TP HCM	Kế toán doanh nghiệp	ConBB	BTH00430	5	34	24	51	56	
36	LÊ TRUNG	KIÊN	22/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Phan Thiết - Bình Thuận	Trường Đại học Kinh tế TPHCM	Quản trị		BTH00861		34	22	55	55	
37	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	16/06/1994	Kiểm tra viên thuế	126 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phú Trinh, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.	Đại Học Phan Thiết	Kế Toán		BTH00446		45	20	53	53	
38	VÕ THỊ BÍCH	PHƯỢNG	18/06/1990	Kiểm tra viên thuế	Mỹ Hiệp - Phù Mỹ - Bình Định	Trường Đại Học Nông Lâm TP.HCM	Kế toán		BTH01608		48	16	52	52	
39	LÊ THỊ THÙY	GIANG	12/10/1993	Kiểm tra viên thuế	xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		BTH00406		43	18	50	50	
III. Văn thư															
1	NGUYỄN THỊ QUỲNH	CHI	21/06/1994	Văn thư	Xã Cương Gián, Huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	Học viện Hành chính quốc gia	Quản lý công		BTH02945		46	17	73	73	
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NHUNG	08/11/1981	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Hàm Thắng - Hàm Thuận Bắc - Bình Thuận	Đại học Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính		BTH02896		38	15	66	66	
2	NGUYỄN DUY	THỊNH	20/06/1983	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Phú Hài - Phan Thiết - Bình Thuận	Đại học Khoa học tự nhiên thành phố Hồ Chí Minh	Công nghệ thông tin		BTH02921		36	15	50	50	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
VIII. Cán sự làm Công nghệ thông tin															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH CÀ MAU

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 / 6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	HUỲNH THỊ	THẮM	01/01/1993	Chuyên viên	Bạc Liêu	Trường Đại học Cần Thơ	Luật kinh tế	ConNHCSnhuTB	CMA02758	5	39	16	65	70	
2	PHẠM HÀ ÁNH	HẰNG	24/03/1992	Chuyên viên	Phường 3, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		CMA02591		30	15	59	59	
3	NGUYỄN PHỤNG	NGHI	14/02/1997	Chuyên viên	Xã Tân Hưng Đông , huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	Trường Đại học Bạc liêu	Kế toán		CMA02677		34	16	52	52	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	HUỲNH THU	TRANG	15/05/1990	Kiểm tra viên thuế	Tắc Vân, Tỉnh Cà Mau	Đại Học Cửu Long	Tài chính ngân hàng	DTTS	CMA02164	5	32	17	85	90	
2	NGUYỄN TRÍ	TUỆ	14/08/1990	Kiểm tra viên thuế	Phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu	Trường Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		CMA02332		41	19	81	81	
3	NGUYỄN KIM	THƠ	22/03/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	Trường Đại Học Cần Thơ	Kế toán		CMA01905		35	16	79	79	
4	NGUYỄN ĐÌNH KIM	TRƯỜNG	26/01/1998	Kiểm tra viên thuế	Cà Mau	Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Kinh tế học ứng dụng		CMA02286		38	23	76	76	
5	NGUYỄN BÉ	THOẠI	21/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Ấp Bến Gỗ, Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình, Tỉnh Cà Mau	Trường Đại học Cần Thơ Trường Đại học Cần Thơ	Luật Thương mại Sư phạm Tiếng Pháp		CMA01920		39	MT	69	69	
6	NGUYỄN NHƠN	CHẤT	19/01/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Trường Đại Học Cần Thơ	Kế Toán		CMA00143		42	22	56	56	
7	HÀNG HUỲNH	MI	12/07/1995	Kiểm tra viên thuế	Phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Đại học Cần Thơ	kiểm toán		CMA01103		40	22	54	54	
8	LÊ PHƯƠNG	LINH	21/04/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	Trường Đại học Bình Dương	Luật Kinh tế		CMA00962		38	21	50	50	
III. Văn thư															
1	LÂM THÀNH	PHÚ	14/04/1978	Văn thư	Xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	Trường Đại học Văn hóa thành phố Hồ Chí Minh Trường Đại học Cần Thơ	Lưu trữ và Quản trị văn phòng Ngôn ngữ Anh		CMA02960		34	MT	63	63	
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

1/

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
VIII. Cán sự làm Công nghệ thông tin															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TP. CẦN THƠ

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4/6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	HUỲNH THỊ THU	THẢO	20/04/1995	Chuyên viên	An Giang	Đại học Cần Thơ	Luật Kinh tế		CTH02764		45	18	66	66	
2	DƯƠNG HỒNG	RẠNG	20/02/1990	Chuyên viên	Phú Hựu, Châu Thành, Đồng Tháp	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		CTH02739		37	18	57	57	
3	TRƯƠNG LÝ MAI	TRÂM	01/02/1990	Chuyên viên	Bạc Liêu	Trường Đại học Cần Thơ	Kế toán tổng hợp		CTH02804		40	22	53	53	
4	VI THỊ THÚY	NHI	15/07/1981	Chuyên viên	RẠCH GIÁ - KIÊN GIANG	Đại học Nha Trang Đại học kinh tế TP HCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH Kinh tế		CTH02708		31	15	50	50	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	TRẦN HUỲNH DIỄM	PHÚC	18/11/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	CondeNHD KCbiNCDH H	CTH01537	5	50	20	84	89	
2	NGUYỄN THỊ MINH	NGỌC	25/01/1995	Kiểm tra viên thuế	tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Cần Thơ Đại học Cần Thơ	Luật Thương mại Ngôn ngữ Pháp		CTH01302		53	MT	87	87	
3	LÊ THỊ HƯƠNG	TRÀ	21/05/1991	Kiểm tra viên thuế	Xóm 4 - Xã Lam Sơn -huyện Đô Lương- T Nghệ An	Học Viện Ngân Hàng	Ngân hàng thương mại	ConTB	CTH02103	5	38	19	82	87	
4	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	10/10/1995	Kiểm tra viên thuế	quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ	Đại học An Giang	Quản trị Kinh doanh		CTH01402		41	15	80	80	
5	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	20/09/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Tây An, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình (Hiện nay đổi là Tổ dân phố Tiền Phong, Thị	Trường Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		CTH00447		45	16	79	79	
6	ĐỖ HOÀNG PHƯƠNG	THẢO	03/06/1989	Kiểm tra viên thuế	Hậu Giang	Trường Đại học Cần Thơ Trường Đại học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh Ngôn ngữ Anh		CTH01810		37	MT	79	79	
7	NGUYỄN HOÀN	MỸ	07/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Thới Lai - Huyện Thới Lai - Thành phố Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Kinh doanh quốc tế		CTH01169		32	20	77	77	
8	NGÔ BỬU	HOÀ	28/08/1993	Kiểm tra viên thuế	Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Tài chính – Ngân hàng		CTH00628		48	17	76	76	
9	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	06/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Thạch Liên, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Đại học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh	Kinh Tế Nông Lâm	ConBB	CTH00376	5	44	15	71	76	
10	NGUYỄN THỊ MỸ	NGÂN	09/12/1986	Kiểm tra viên thuế	Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh		CTH01240		40	16	75	75	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
11	VÕ THỊ	CHỌN	14/10/1984	Kiểm tra viên thuế	Phú Tân, Phú Tân, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Kinh tế thủy sản		CTH00182		42	18	72	72	
12	VÕ LÊ THÙY	TRANG	11/04/1993	Kiểm tra viên thuế	56 Huỳnh Cương, Phường An Cư, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		CTH02217		35	19	72	72	
13	NGUYỄN THỊ THẢO	LAN	23/12/1992	Kiểm tra viên thuế	Trường Lạc, Ô Môn, Cần Thơ	Đại Học Cần Thơ	Luật Thương mại		CTH00904		43	15	71	71	
14	VÕ HUỲNH	VŨ	15/10/1987	Kiểm tra viên thuế	Trường Lạc, quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ	Đại học Cần Thơ Đại học Cần Thơ	Quản trị Kinh doanh Kế toán kiểm toán		CTH02462		38	17	71	71	
15	CAO THỊ MỸ	LINH	06/10/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Thới Thuận, Huyện Thốt Nốt, Tỉnh Cần Thơ	Trường Đại Học Cần Thơ	Kiểm Toán		CTH00943		36	16	70	70	
16	HUỲNH THỊ	MUỘI	09/10/1986	Kiểm tra viên thuế	X.Thạnh Hưng,H Giồng Riềng, T.Kiên Giang	Đại Học Cần Thơ Đại học cần thơ	Kinh tế nông nghiệp Ngôn ngữ anh		CTH01150		39	MT	69	69	
17	HỒ HOÀNG	BẢO	17/05/1992	Kiểm tra viên thuế	Trường Lạc, Ô Môn, Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh		CTH00095		48	17	68	68	
18	TRẦN THỊ KIỀU	TRANG	25/06/1989	Kiểm tra viên thuế	VỊ THỦY, VỊ THỦY, HẬU GIANG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ TRƯỜNG ĐẠI HỌC	TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG TÀI CHÍNH-NGÂN		CTH02211		43	20	68	68	
19	ĐỖ KIM	VY	06/09/1990	Kiểm tra viên thuế	Đại Ân I, Cù Lao Dung, Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kế toán		CTH02469		43	17	68	68	
20	HUỲNH TRÚC	LINH	21/06/1994	Kiểm tra viên thuế	Phước Hậu, Long Hồ, Vĩnh Long	Trường Đại học Cần Thơ	Luật Thương mại		CTH00954		42	20	66	66	
21	CAO TRƯƠNG PHÚC	HẬU	24/04/1987	Kiểm tra viên thuế	Hậu Giang	Trường đại học Cần Thơ	Kế toán – Kiểm toán		CTH00544		41	23	66	66	
22	NGUYỄN THỊ KIM	MY	01/01/1991	Kiểm tra viên thuế	Bình Minh, Vĩnh Long	Đại Học Cần Thơ Trường Đại Học Cần Thơ	Tài chính ngân hàng Tếng Anh		CTH01173		31	MT	66	66	
23	HUỲNH TUẤN	KIỆT	29/11/1989	Kiểm tra viên thuế	Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Luật Kinh tế		CTH00864		45	18	65	65	
24	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	01/01/1991	Kiểm tra viên thuế	Hậu Giang	Đại Học Tây Đô	Tài chính Ngân hàng		CTH00235		46	26	64	64	
25	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	21/04/1991	Kiểm tra viên thuế	33/7 H, Phạm Thái Bường, phường 4, TP. Vĩnh Long, Vĩnh Long	Đại học Cửu Long Đại học Văn Lang	Quản trị kinh doanh Kế toán		CTH02190		40	19	64	64	
26	NGUYỄN LÊ NGỌC	MAI	14/10/1994	Kiểm tra viên thuế	Gia Viễn, Ninh Bình	Trường Đại học Kinh tế - Luật	Tài chính - Ngân hàng		CTH01081		39	27	64	64	
27	NGUYỄN TRƯƠNG THANH	THÚY	24/06/1988	Kiểm tra viên thuế	Cần Thơ	Đại học Tây Đô Đại học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh Kinh tế		CTH02042		32	17	64	64	
28	LÝ NGỌC	BÍCH	06/12/1987	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Gò Quao, Huyện Gò Quao, Tỉnh Kiên Giang	Trường Đại học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh		CTH00108		42	17	61	61	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
29	ĐINH VŨ THÙY	DUNG	31/12/1990	Kiểm tra viên thuế	Sơn Châu, Hương Sơn, Hà Tĩnh	Đại học Cần Thơ	Tài chính ngân hàng		CTH00294		40	17	61	61	
30	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	18/10/1995	Kiểm tra viên thuế	ấp Mỹ Phú 2, xã Mỹ Thạnh Trung, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	Trường Đại học Cần Thơ	Tài chính ngân hàng		CTH02131		36	18	61	61	
31	NGUYỄN THỊ YẾN	KHOA	12/12/1996	Kiểm tra viên thuế	176, Ấp 1B, xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Tai chính ngân hàng		CTH00842		35	15	61	61	
32	PHẠM THANH CAO	PHI	29/03/1989	Kiểm tra viên thuế	CẦN THƠ	Đại học Cần Thơ	Kế toán	DTTS	CTH01520	5	30	15	55	60	
33	NGUYỄN THỊ HUỲNH	TƯƠI	16/07/1985	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Long	Đại học Cần Thơ	Kế toán tổng hợp		CTH02341		41	15	58	58	
34	TRƯỢNG THANH	VÂN	03/10/1989	Kiểm tra viên thuế	Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	Trường Đại học Cần Thơ	Tài chính doanh nghiệp		CTH02419		36	15	58	58	
35	TRẦN HÀ ANH	QUỐC	22/12/1990	Kiểm tra viên thuế	xã Đông Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Đại học Tây Đô	Quản trị kinh doanh		CTH01623		31	18	58	58	
36	NGUYỄN THỊ	VÂN	20/02/1989	Kiểm tra viên thuế	Cần Thơ	Trường Đại học Tây Đô	Kế toán tổng hợp		CTH02409		36	17	56	56	
37	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	10/12/1994	Kiểm tra viên thuế	479/1 ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	Trường Đại học Cần Thơ Trường Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng		CTH00986		43	20	55	55	
38	DƯƠNG HỒNG	HẠNH	20/10/1993	Kiểm tra viên thuế	Tân Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Trường Đại học Cần Thơ Trường Đại học Cần Thơ	Tài chính doanh nghiệp Ngôn ngữ Pháp		CTH00513		42	MT	54	54	
39	TRẦN THỊ MỸ	NGỌC	25/11/1986	Kiểm tra viên thuế	Cần Thơ	ĐHCT	QTKD		CTH01313		43	MT	53	53	
40	PHẠM THỊ	THẢO	25/11/1990	Kiểm tra viên thuế	Thạnh Lợi, Trung Thạnh, Cờ Đỏ, Tp Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Du lịch và dịch vụ		CTH01859		48	18	52	52	
41	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	15/02/1992	Kiểm tra viên thuế	Ninh Bình	Đại học Công Nghiệp TP HCM	Tài chính– Ngân hàng		CTH00051		45	20	51	51	
42	LÂM NGỌC MỸ	LINH	26/03/1994	Kiểm tra viên thuế	416B, khu vực 1, phường Ba Láng, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Trường Đại học Cần Thơ	Tài chính Ngân hàng		CTH00956		41	23	50	50	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	LƯƠNG THẾ	ANH	25/07/1984	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Xã Hồng Việt, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Đại học Cần Thơ Đại học Dân lập Cửu Long	Hệ thống Thông tin Công nghệ Thông tin		CTH02850		43	MT	73	73	
2	HOÀNG TRỌNG	KHÁNH	13/10/1989	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Bình Lục - Hà Nam	Trường Đại học Tôn Đức Thắng, TP HCM	Tin học		CTH02876		42	16	72	72	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
VII. Văn thư Trung cấp															
VIII. Cán sự làm Công nghệ thông tin															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 14/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
II. Kiểm tra viên thuế															
1	HOÀNG MỘNG	THU	24/09/1994	Kiểm tra viên thuế	THÁI BÌNH	ĐẠI HỌC LẠC HỒNG	KẾ TOÁN		DON01928		40	15	90	90	
2	DƯƠNG MINH	HÙNG	31/12/1997	Kiểm tra viên thuế	10/47 KP3 P Tân Mai, Biên Hòa, Đồng Nai	Trương Đại học Kinh tế - Luật Trường Đại học Kinh tế - Luật	Quản trị kinh doanh Luật Kinh tế		DON00693		53	23	88	88	
3	NGUYỄN XUÂN	YẾN	20/04/1995	Kiểm tra viên thuế	Nam Định	Đại học Tài chính - Marketing	Thuế		DON02533		45	20	87	87	
4	NGUYỄN THANH	BÌNH	06/05/1996	Kiểm tra viên thuế	Tân Phong, Ninh Giang, Hải Dương	Đại học Kinh tế TPHCM	Tài chính công		DON00123		44	23	87	87	
5	BÙI THỊ THANH	HIẾU	10/07/1989	Kiểm tra viên thuế	VĂN GIANG, NINH GIANG, HẢI DƯƠNG	ĐẠI HỌC LẠC HỒNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG		DON00592		47	16	83	83	
6	HUỲNH THỊ	LỆ	15/04/1991	Kiểm tra viên thuế	Quảng Nam	ĐH Công Nghiệp TP. HCM Đại học Lâm Nghiệp	kế toán - kiểm toán Quản lý kinh tế		DON00918		36	16	81	81	
7	CÙ THÙY	LINH	27/08/1989	Kiểm tra viên thuế	Hà Tĩnh	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Kế toán		DON00944		35	23	81	81	
8	TẠ THỊ THANH	VÂN	27/12/1995	Kiểm tra viên thuế	Hà Nam	Đại Học Lạc Hồng	kế toán-kiểm toán		DON02415		34	20	81	81	
9	LÊ THỊ	HÀ	20/10/1988	Kiểm tra viên thuế	Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Quốc dân Đại học Quy Nhơn	Kế toán, Kiểm toán và Phân tích Ngôn ngữ Anh		DON00432		47	MT	80	80	
10	LÊ THỊ THÙY	LINH	08/10/1992	Kiểm tra viên thuế	Thanh Hóa	Trường Đại Học Hùng Vương TP Hồ Chí Minh	Kế toán		DON00967		42	22	78	78	
11	NGUYỄN THỊ	YẾN	27/10/1987	Kiểm tra viên thuế	Hải Dương	Cơ sở 2 Trường Đại Học Lâm Nghiệp	Cử nhân kế toán		DON02526		34	15	78	78	
12	NGUYỄN THỊ THÚY	QUỲNH	05/06/1993	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Đại học Tổng hợp Southern Luzon	Quản lý Tài chính	ConTB	DON01662	5	51	MT	72	77	
13	VŨ XUÂN	HOÀNG	02/08/1990	Kiểm tra viên thuế	xã Yên Bình, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Đại học Sài Gòn Đại học Lâm Nghiệp	Kế toán Quản lý Kinh tế		DON00657		43	23	76	76	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
14	LÊ THỊ	HIỀN	09/05/1986	Kiểm tra viên thuế	Hà Nam	Đại học Lạc Hồng	Kế toán Kiểm toán		DON00562		39	22	75	75	
15	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	09/01/1990	Kiểm tra viên thuế	HÀ NAM	ĐAI HỌC TÀI CHÍNH MARKETING	HẢI QUAN		DON01023		35	20	75	75	
16	HÀ THI LAN	HƯƠNG	18/04/1990	Kiểm tra viên thuế	THÁI NGUYÊN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI ĐẠI HỌC LẠC HỒNG	KẾ TOÁN KIỂM TOÁN KẾ TOÁN		DON00712		32	21	75	75	
17	VŨ THỊ	THƠM	07/11/1991	Kiểm tra viên thuế	Nam Định	Đại học Lâm Nghiệp	Kế Toán		DON01924		30	15	74	74	
18	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	06/05/1996	Kiểm tra viên thuế	Bắc Giang	Đại Học Quốc Tế- ĐHQG TPHCM	Tài chính doanh nghiệp		DON00237		52	MT	73	73	
19	NGUYỄN THỊ	THẢO	28/08/1990	Kiểm tra viên thuế	Thanh Hóa	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	Kế toán		DON01841		45	21	73	73	
20	NGUYỄN THẠNH	HUY	19/01/1994	Kiểm tra viên thuế	Đồng Nai	Đại học Lạc Hồng	Ngoại Thương		DON00765		38	24	72	72	
21	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	13/10/1990	Kiểm tra viên thuế	Nhơn Trạch- Đồng Nai	Trường Đại Học Kinh Tế Tài Chính TP.HCM Trường Đại Học Kinh Tế Tài Chính TP HCM	Kế Toán Kiểm Toán Quản Trị Kinh Doanh		DON02328		40	16	71	71	
22	NGUYỄN THANH	TỦ	15/05/1989	Kiểm tra viên thuế	Xã Tân Lợi Thạnh, huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		DON02299		32	22	71	71	
23	NGUYỄN VÕ Á	VY	01/01/1983	Kiểm tra viên thuế	Xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai	Đại học Miền Nam Đài Loan, Đài Loan Đại học Nông Lâm Tp. HCM	Quản trị kinh doanh / Chương trình IMBA Quản Trị Kinh Doanh		DON02479		35	MT	70	70	
24	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	UYÊN	01/06/1994	Kiểm tra viên thuế	Hà Tây	Trường Đại học Công Nghiệp TPHCM	Tài chính Doanh Nghiệp		DON02391		40	22	69	69	
25	NGUYỄN VŨ DẠ	THẢO	03/02/1998	Kiểm tra viên thuế	Nam Định	Đại học Luật TP HCM	Luật Thương mại		DON01855		45	22	68	68	
26	PHẠM THANH	GIANG	16/08/1993	Kiểm tra viên thuế	Thanh Giang - Thanh Chương - Nghệ An	Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh	Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng		DON00412		46	17	67	67	
27	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	24/11/1995	Kiểm tra viên thuế	Thôn Trung Tiến, xã Yên Hưng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Trường đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh Trung tâm bồi dưỡng chính trị	Quản trị kinh doanh Lý luận Chính trị		DON00236		38	23	66	66	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
V. Cán sự															
1	VŨ HUY	ĐÔNG	01/01/1984	Cán sự	Nam Định	Đại học Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		DON03001		40	22	67.5	67.5	
2	PHAN TIẾN	DŨNG	10/05/1982	Cán sự	Bình Dương	Đại học Lạc Hồng	Kế toan		DON03003		48	23	67	67	
3	NGUYỄN QUỐC	DÂN	11/09/1989	Cán sự	Xã Quế Minh, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Lạc Hồng	Kế toán		DON02998		46	19	50	50	
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
VIII. Cán sự làm Công nghệ thông tin															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	LÊ BÌNH BÍCH	VÂN	07/04/1996	Chuyên viên	13D, Nguyễn Văn Trỗi, phường 2, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp	Trường Đại học Sài Gòn	Quản trị kinh doanh		DTH02839		36	20	53	53	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	TÂN TÚ	TÚ	01/05/1996	Kiểm tra viên thuế	Phường 2, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp	Trường đại học Ngân hàng TP HCM	Tài chính		DTH02309		50	21	81	81	
2	ĐOÀN THỊ NGỌC	TRÚC	23/11/1989	Kiểm tra viên thuế	Huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Đồng Tháp	Tài chính - Ngân hàng		DTH02260		43	21	79	79	
3	NGUYỄN PHƯƠNG	THƯ	04/01/1997	Kiểm tra viên thuế	Đồng Tháp	Đại học Đồng Tháp	Tài chính - Ngân hàng		DTH01950		34	21	77	77	
4	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	29/07/1990	Kiểm tra viên thuế	Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.	Đại học Cần Thơ	Luật		DTH02271		48	19	70	70	
5	PHAN THỊ THÙY	TRANG	10/03/1991	Kiểm tra viên thuế	Số nhà 375, tổ 10, ấp Phú Hòa A, xã Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	Đại học Đồng Tháp	Tài chính Ngân hàng		DTH02205		37	16	69	69	
6	HỒ NHU	TRÚC	17/10/1992	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Thạnh, Lấp Vò, Đồng Tháp	Đại Học Đồng Tháp	Tài Chính- Ngân Hàng		DTH02261		37	15	69	69	
7	BÙI THỊ CẨM	HẰNG	11/08/1996	Kiểm tra viên thuế	Sa Đéc - Đồng Tháp	Đại học Mở -Tp Hồ Chí Minh	Kế toán		DTH00485		39	20	67	67	
8	CAO THỊ THU	HÀ	20/06/1990	Kiểm tra viên thuế	Ấp 5, xã Đốc Binh Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	Đại học Cần Thơ	Kinh tế ngoại thương		DTH00427		34	16	66	66	
9	PHAN THỊ HỒNG	HÀ	01/09/1991	Kiểm tra viên thuế	BÌNH THẠNH TRUNG, LẤP VÒ, ĐỒNG THÁP	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỬU LONG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG		DTH00450		44	23	65	65	
10	NGUYỄN BÍCH	TUYỀN	01/01/1986	Kiểm tra viên thuế	Số 159, tổ 7, ấp Bình Mỹ A, xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Đại học Cần Thơ	Kế toán - Kiểm toán		DTH02355		38	20	64	64	
11	ĐÀO NGỌC	TƯƠI	17/05/1991	Kiểm tra viên thuế	Đồng Tháp	Đại Học Đồng Tháp	Kế toán		DTH02339		35	17	64	64	
12	LÊ THỊ KIM	YẾN	29/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Phường 3, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	Kiểm toán		DTH02521		41	23	63	63	
13	LÊ KIÊN	THỨC	15/10/1993	Kiểm tra viên thuế	Hòa An, Cao Lãnh, Đồng Tháp	Trường Đại học Đồng Tháp	Tài chính Ngân hàng		DTH01979		39	22	63	63	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
14	HOÀNG THỊ KHÁNH	PHƯƠNG	07/09/1990	Kiểm tra viên thuế	Ấp 2, xã An Hòa huyện Tam nông tỉnh Đồng Tháp	Trường Đại học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh		DTH01556		37	17	63	63	
15	NGUYỄN THỊ LỆ	THU	18/03/1995	Kiểm tra viên thuế	Phường 2, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Trường Đại học Công nghệ TP Hồ Chí Minh	Kế toán kiểm toán		DTH01932		46	27	62	62	
16	PHÙNG ÁI	DUYÊN	01/01/1998	Kiểm tra viên thuế	714, khóm 3 Phường 1, Đường Trần Hưng Đạo, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Đại học Cần Thơ	Kiểm toán		DTH00384		33	17	62	62	
17	TRẦN THANH	HÒA	10/03/1986	Kiểm tra viên thuế	Xã Tân Thuận Tây, Thành Phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	Đại Học Trà Vinh	Quản Trị Kinh Doanh		DTH00637		43	23	60	60	
18	TRẦN HUỆ HƯƠNG	GIANG	28/08/1990	Kiểm tra viên thuế	Tân Phú, Thị xã Long Mỹ, Hậu Giang	Trường Đại học Cần Thơ	Kế Toán		DTH00416		41	18	59	59	
19	ĐOÀN THỊ QUỲNH	MAI	22/01/1994	Kiểm tra viên thuế	An Bình, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp	Trường ĐH Công Nghệ Tp Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		DTH01078		32	21	59	59	
20	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	25/11/1996	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Đoan Hùng, Huyện Đoan Hùng, Tỉnh Phú Thọ	Đại học KT&QTKD - Đại học Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp		DTH01218		44	17	58	58	
21	TRẦN THỊ KIM	HƯƠNG	06/07/1990	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Thanh Bình, Thanh Bình, Đồng Tháp	Trường Đại học Đồng Tháp	Kế Toán		DTH00740		39	19	58	58	
22	NGUYỄN THÁI ANH	THƯ	06/06/1992	Kiểm tra viên thuế	Châu Thành, Đồng Tháp	Đại Học Tây Đô	Tài chính ngân hàng		DTH01951		38	17	58	58	
23	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	07/12/1989	Kiểm tra viên thuế	Xã Hòa An, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp	Đại Học Tây Đô	Tài chính - Ngân Hàng		DTH01334		50	MT	55	55	
24	DƯƠNG THỊ THÙY	LINH	04/06/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Mỹ Trà, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp	Đại học Đồng Tháp	Kế toán		DTH00950		37	21	55	55	
25	MAI VIỆT	MINH	07/05/1990	Kiểm tra viên thuế	53/6 Hùng Vương, khóm 2, phường 2, Thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp	Đại học Đồng Tháp Đại học Công Nghiệp Tp Hồ Chí Minh	Kế toán Công nghệ kỹ thuật Nhiệt lạnh		DTH01116		38	17	54	54	
26	LÊ THỊ NGỌC	CHÚC	01/01/1993	Kiểm tra viên thuế	417A, ấp Bình Hòa, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Trường Đại học Đồng Tháp	Tài chính - Ngân hang		DTH00184		35	16	53	53	
27	HUỲNH THỊ THÙY	LINH	01/01/1989	Kiểm tra viên thuế	Ấp 1, Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp	Trường Đại học Cần Thơ	Kế toán		DTH00952		34	19	53	53	
28	PHẠM NGUYỄN NHƯ	HUỲNH	04/07/1997	Kiểm tra viên thuế	Số nhà 303, tổ 34, khóm 4, phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Đại học Công Nghệ TP HCM	Tài chính ngân hàng		DTH00808		33	22	53	53	
29	VÕ VĂN	MƠN	11/05/1990	Kiểm tra viên thuế	Thông Bình- Tân Hồng- Đồng Tháp	Đại học Cần Thơ	Tài chính- Ngân hàng		DTH01144		51	21	52	52	
30	HÀNG THỊ NGỌC	HUYỀN	02/05/1992	Kiểm tra viên thuế	74 ấp Hưng Thành Đông, X Long Hưng B - Lấp Vò - Đồng Tháp	Trường ĐH Đồng Tháp	Kê toán		DTH00774		44	19	51	51	
31	THÁI THỊ MỸ	PHƯỢNG	24/06/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Tân Thuận Tây, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. HCM	Quản trị kinh doanh		DTH01604		40	19	51	51	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
32	DƯƠNG THANH	NGÂN	30/01/1995	Kiểm tra viên thuế	781, Vĩnh Bình A, Vĩnh Thạnh, Lấp Vò, Đồng Tháp	Đại học Tôn Đức Thắng	Luật		DTH01224		38	17	50	50	
33	ĐOÀN LÊ VÂN	ANH	12/04/1996	Kiểm tra viên thuế	số 10, ấp An Đinh, xã An Bình, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp	Trường Đại học Ngân hàng	Tài chính		DTH00031		30	18	50	50	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	PHÙNG LÊ DUY	HÙNG	19/07/1994	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Đồng Tháp	Đại học FPT	Hệ thống thông tin		DTH02870		38	16	57	57	
2	HUỲNH TẤN ĐỨC	TÀI	16/09/1993	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	Đại học Đồng Tháp	Khoa học máy tính		DTH02912		35	16	57	57	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
VIII. Cán sự làm Công nghệ thông tin															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020
VÀO CỤC THUẾ TỈNH HẬU GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 /6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
II. Kiểm tra viên thuế															
1	NGUYỄN QUANG	MINH	23/10/1990	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Phú Đông, Phước Long, Bạc Liêu	Đại học Võ Trường Toản	Tài chính - Ngân hàng	ConTB	HAG01122	5	39	16	67	72	
2	LÊ THỊ MỘNG	THU	09/05/1989	Kiểm tra viên thuế	xã Long Trị A, thi xã Long Mỹ, Hậu Giang	Trường Đại Học Cần Thơ	Tài chính ngân hàng		HAG01929		36	15	68	68	
3	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	11/04/1990	Kiểm tra viên thuế	Châu Thành-Hậu Giang	Trường Đại Học Tây Đô	Tài Chính Ngân Hàng		HAG01238		33	19	68	68	
4	PHAN KIM	HẠNH	20/04/1993	Kiểm tra viên thuế	129 ấp Phước Hòa - X Đông Phước A- H Châu Thành - T. Hậu Giang	ĐẠI HỌC CẦN THƠ	Tài Chính Ngân Hàng		HAG00527		44	16	65	65	
5	NGUYỄN ANH	THƯ	01/01/1992	Kiểm tra viên thuế	Số 21, ấp Tân Hiệp, xã Tân Bình, huyện Phụng hiệp, Tỉnh Hậu Giang	Đại học Cần Thơ Đại học Cần Thơ	Kinh tế Tài chính - Ngân hàng		HAG01945		34	19	59	59	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	KHƯU DŨ	NGUYÊN	13/06/1991	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ	Công nghệ thông tin		HAG02892		40	17	51	51	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
VIII. Cán sự làm Công nghệ thông tin															
1	BÀNH HẢI	BIỂN	01/01/1997	Cán sự làm Công nghệ thông tin	tân bình - phụng hiệp - hậu giang	Trường Đại học Cần Thơ	Công nghệ thông tin		HAG03031		43	16	59	59	

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1098/QĐ-BTC ngày 4/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	NGÔ HỒNG	CẨM	15/10/1982	Chuyên viên	Ấp Kinh 13, Xã Vĩnh Thuận, Huyện Vĩnh Thuận, Tỉnh Kiên Giang	Trường Đại học Bình Dương Trường Trung Học Kinh Tế Kỹ Thuật Kiên Giang	Kế Toán Công Nghệ Thông Tin		KGI02557		34	15	81	81	
2	NGUYỄN THỊ	MAI	11/08/1986	Chuyên viên	Phường Đông Sơn, Thành Phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại Học Bình Dương	Kế toán		KGI02657		37	15	80	80	
3	HUỲNH MỸ	THU	26/07/1993	Chuyên viên	tp rạch gia, tỉnh kiên giang	Trường Đại học Tây Đô	Kế Toán	DTTS	KGI02774	5	39	16	71	76	
4	TRẦN THỊ HUYỀN	EM	20/03/1992	Chuyên viên	Số 27 ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		KGI02586		37	15	76	76	
5	LÝ QUÁCH NHƯ	NGỌC	17/03/1996	Chuyên viên	Rạch Giá, Kiên Giang	Trường Đại học Tây Đô	Luật Kinh tế		KGI02685		41	18	71	71	
6	TRẦN ANH HỮU	HẠNH	03/06/1998	Chuyên viên	Hòn Đất, Kiên Giang	Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	Luật Quốc tế		KGI02595		33	22	70	70	
7	ĐINH THỊ MỸ	NGỌC	01/03/1993	Chuyên viên	Hòn Đất - Kiên Giang	Trường Đại học Trà Vinh Trường Đại học Tài chính - Marketing	Kế toán Quản trị kinh doanh		KGI02680		38	18	68	68	
8	TRẦN THỊ NGỌC	DIỆP	05/09/1989	Chuyên viên	Thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Luật kinh doanh		KGI02575		43	24	63	63	
9	HUỲNH CÔNG	CHUẨN	02/03/1998	Chuyên viên	huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	Trường Đại học Trà Vinh	Luật		KGI02563		40	20	63	63	
10	ĐẶNG THỊ CẨM	TÚ	27/05/1983	Chuyên viên	Xã Đông Hiệp, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ	Trường Đại học Nha Trang	Kế toán		KGI02820		42	24	54	54	
11	HUỲNH NGỌC THIỀN	CHƯƠNG	21/11/1997	Chuyên viên	huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang	Trường Đại học Sài Gòn	Luật		KGI02564		44	17	50	50	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	PHAN THỊ TUYẾT	TRINH	25/01/1988	Kiểm tra viên thuế	342/1, tổ 9, ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, Kiên Giang	Trường Đại học Trà Vinh	Luật Kinh tế		KGI02249		44	22	80	80	
2	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	30/12/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Long Điền Đông, Huyện Đông Hải, Tỉnh Bạc Liêu	Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		KGI00769		42	21	77	77	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3	THÁI	BÌNH	27/02/1991	Kiểm tra viên thuế	Kiên Giang	Đại học Kỹ thuật Công Nghệ TP. Hồ Chí Minh	Kế toan - Kiểm toán		KGI00126		39	16	66	66	
4	LÂM TẤN	BỬU	20/02/1994	Kiểm tra viên thuế	Tp Rạch Giá, Tỉnh Kiên giang	Đại học Kinh Tế Thành phố Hồ Chí Minh	Ngân hàng	DTTS	KGI00130	5	30	22	58	63	
5	ĐOÀN THỊ CẨM	TIÊN	19/06/1993	Kiểm tra viên thuế	Rạch Giá, Kiên Giang	Đại học Võ Trường Toản	Tài chính ngân hàng		KGI02059		40	20	56	56	
6	NGUYỄN THỊ THUÝ	NGA	13/06/1995	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Trường Đại Học Công Nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế Toán		KGI01219		47	17	54	54	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	VÕ NGUYỄN HUY	VŨ	22/07/1992	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận, Kiên Giang	Trường Đại Học Cần Thơ	Khoa học máy tính		KGI02941		36	17	58	58	
2	VÕ THỊ NGỌC	THẮM	10/04/1989	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Tân Hiệp, Kiên Giang	Đại học Cần Thơ Đại học Cần Thơ	Tin học Luật		KGI02916		40	16	50	50	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
VIII. Cán sự làm Công nghệ thông tin															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH LONG AN

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4/6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	21/04/1997	Chuyên viên	Thạch Hà, Hà Tĩnh	Đại học Hoa Sen	Kế toán - Kiểm toán		LAN02674		42	18	60	60	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	BÙI THIÊN	CHIẾN	14/11/1994	Kiểm tra viên thuế	Hồng Châu, Yên Lạc, Vĩnh Phúc	Trường đại học Toulon	Tài chính - Ngân hàng		LAN00175		45	MT	74	74	
2	LÊ NHÃ	AN	05/12/1993	Kiểm tra viên thuế	xã Nhựt Ninh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An	Trường Đại Học Sài Gòn	Quản Trị Kinh Doanh		LAN00008		48	20	73	73	
3	PHẠM THỊ THUỲ	AN	16/01/1990	Kiểm tra viên thuế	Cai Lậy-Tiền Giang	Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An	Kế toán		LAN00016		41	17	72	72	
4	LÊ TRẦN NGỌC	TRANG	02/02/1985	Kiểm tra viên thuế	xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	Trường đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh Đại học Đà Nẵng	Tài chính - Ngân hàng Ngôn ngữ Anh		LAN02175		39	MT	72	72	
5	PHAN TRƯỜNG	GIANG	21/12/1997	Kiểm tra viên thuế	xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán kiểm toán		LAN00414		38	15	72	72	
6	VÕ THỊ THUỲ	DUYÊN	01/03/1997	Kiểm tra viên thuế	Đà Nẵng	Đại học Công Nghiệp TP.HCM	Kế toán-Kiểm toán		LAN00389		36	19	71	71	
7	NGUYỄN THỊ QUỲNH	HƯƠNG	17/05/1997	Kiểm tra viên thuế	145 ấp Vĩnh Hòa, xã An Vĩnh Ngãi, TP Tân An, tỉnh Long An.	Trường Đại học Kinh Tế Luật	Luật Thương Mại Quốc Tế		LAN00731		42	25	70	70	
8	ĐẶNG ANH	MINH	12/11/1996	Kiểm tra viên thuế	Số 07 Quốc lộ 50, ấp 2, xã Long An, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An	Đại học Công nghệ TP HCM Đại học Văn hóa TP.HCM	Kế toán Tài chính Quản lý Văn hóa	Khong	LAN01108		48	21	68	68	
9	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	24/02/1991	Kiểm tra viên thuế	Ấp Chánh, xã Đức Lập Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Trường Đại Học Tài Chính - Marketing	Du lịch lữ hành		LAN00985		30	19	68	68	
10	NGUYỄN THI	THUẬN	10/09/1983	Kiểm tra viên thuế	ĐỘI 2, THÔN YÊN NỘI, XÃ VẠN YÊN, HUYỆN MÊ LINH, TP. HÀ NỘI	ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kế Toán	Khong	LAN01972		44	MT	66	66	
11	NGUYỄN LÊ THÁI	BÌNH	26/01/1986	Kiểm tra viên thuế	Xã Phú Nhuận - Tp. Bến Tre - Tỉnh Bến Tre	Đại Học Tài Chính-Marketing	Kế Toán Doanh Nghiệp	HTNVQS	LAN00117	2 5	43	19	61	63 5	
12	NGUYỄN DƯƠNG CÁC	MỘNG	30/04/1982	Kiểm tra viên thuế	22/8 Đường số 11, Phường 4, TP. Tân An, Long An	ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	KINH TẾ ĐỐI NGOẠI		LAN01146		32	21	63	63	
13	NAY THÙY	DUNG	06/04/1993	Kiểm tra viên thuế	xã Krông Năng, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	Trường Đại học Kinh tế - Luật	luật	DTTS	LAN00302	5	38	15	56	61	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
14	NGUYỄN THẾ	NAM	08/05/1989	Kiểm tra viên thuế	xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Trường đại học Cần Thơ	Luật	ConNHDC MtruocTKN	LAN01185	5	37	16	56	61	
15	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	10/08/1993	Kiểm tra viên thuế	Q1, khu phố 4, phường 3, TP Tân An, Long An	Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		LAN01838		47	23	60	60	
16	TRẦN THỊ PHƯƠNG	CHI	02/08/1984	Kiểm tra viên thuế	BÌNH CHÁNH- TPHCM	ĐH Tài Chính Marketing ĐH Đà Nẵng	Kế toán doanh nghiệp Ngôn ngữ Anh		LAN00172		36	MT	60	60	
17	LÊ THỊ BÍCH	CHI	04/11/1993	Kiểm tra viên thuế	Ấp Nhà Trường, Xã Tân Lân, Huyện Cần Đước, Tỉnh Long An	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN	Tài Chính - Ngân Hàng		LAN00160		32	17	57	57	
18	LÊ HỮU	THỊNH	20/08/1992	Kiểm tra viên thuế	Long An	Đại học Cần Thơ	Luật		LAN01901		41	MT	55	55	
19	HUỲNH VIỆT	THANH	30/12/1989	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Trị- Vĩnh Hưng - Long An	Trường Đại Học Kinh Tế - Công Nghiệp Long An	Kế Toán		LAN01761		44	17	54	54	
20	NGUYỄN NGỌC MINH	TUỆ	16/02/1991	Kiểm tra viên thuế	369/7C Phạm Cự Lượng, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An Trường Đại học Kinh tế	Tài chính - Ngân hàng Hệ thống thông tin quản lý		LAN02331		46	24	53	53	
21	LÊ THỊ THÙY	TIÊN	17/02/1998	Kiểm tra viên thuế	Bình Hòa Đông, Mộc Hóa, Long An	Đại học Luật TPHCM	Luật Quốc tế		LAN02066		44	19	53	53	
22	NGUYỄN VĂN	VIỆT	01/01/1992	Kiểm tra viên thuế	Ấp trảm lạc, xã mỹ hạnh bắc, huyện đức hòa, tỉnh long an	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING	KINH DOANH QUỐC TẾ		LAN02443		34	19	52	52	
23	HUỲNH KIM	BÌNH	02/03/1997	Kiểm tra viên thuế	Long An	Trường Đại học Sài Gòn	Kế Toán		LAN00114		43	23	51	51	
24	TRẦN THỊ MỘNG	THU	20/12/1981	Kiểm tra viên thuế	An Thanh Bến Lức Long An	Trường Đại học Tài Chính Marketing Trường đại học kinh tế	Tài chính - Ngân hàng Kế toán		LAN01937		37	20	50	50	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	TRƯƠNG CHÍ	CÔNG	05/08/1983	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Thủ Thừa - Long An	Trường Đại Học Cần Thơ	Tin Học		LAN02854		37	15	64	64	
2	NGUYỄN NGỌC	THUẬN	02/12/1988	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, Long An	Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQG TP.HCM	Toán - Tin học		LAN02922		37	24	58	58	
3	NGUYỄN THANH	PHÚC	22/11/1990	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An	Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An Trường Đại học Kinh tế	Khoa học máy tính Khoa học máy tính		LAN02901		41	17	50	50	
4	NGUYỄN NGỌC	YẾN	20/05/1991	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Long An	Đại học Khoa Học Tự Nhiên	Toán - tin		LAN02942		37	16	50	50	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	ĐINH THỊ THÙY	QUYÊN	20/08/1996	Văn thư Trung cấp	Ấp Tân Thạnh, xã Tân Hương, huyện Châu Thành,tỉnh Tiền Giang	Trường Trung Cấp Việt - Nhật	Văn thư - Lưu trữ		LAN03045		40	15	53	53	
VIII. Cán sự làm Công nghệ thông tin															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Quyết định số 1594 /QĐ-BTC ngày 16/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	ÔNG ANH	NGUYÊN	26/04/1993	Chuyên viên	Sóc Trăng	ĐẠI HỌC CẦN THƠ	Tài chính ngân hàng		STR02692		40	15	72	72	
2	NGÔ KIM	CƠ	24/09/1985	Chuyên viên	TT Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Trường Đại Học Trà Vinh	Luật	DTTS	STR02565	5	30	16	55	60	
3	TRẦN THỊ THANH	NHÃ	11/06/1991	Chuyên viên	BẠC LIÊU	ĐẠI HỌC CẦN THƠ	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	DTTS	STR02697	5	44	22	52	57	
4	ĐẶNG THỊ THANH	THÚY	19/10/1990	Chuyên viên	463/5 Hùng Vương, Khóm 2, Phường 1, TP. Sa Đéc, Đồng Tháp	Trường Đại học Cần Thơ	Kinh tế ngoại thương		STR02785		40	20	57	57	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	TÔN DUY	KHA	25/11/1996	Kiểm tra viên thuế	676/2 Ấp Mỹ Phước, Xã Nhơn Mỹ, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng	Trường Đại Học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		STR00815		54	16	89	89	
2	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	25/10/1992	Kiểm tra viên thuế	Đại Hải, Kế Sách, Sóc Trăng	Trường Đại học Cần Thơ	Kế toán - Kiểm toán		STR00574		40	19	87	87	
3	CAO DẦN	QUÍ	23/08/1998	Kiểm tra viên thuế	Thành phố Sóc Trăng	Trường Đại học Cần Thơ	Kiểm toán	DTTS	STR01618	5	50	15	79	84	
4	NGÔ THI	THO	06/09/1987	Kiểm tra viên thuế	ấp Hoà Nhờ B, xã Hoà Tú II, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Đại học Trà Vinh	Kế toán tổng hợp		STR01903		48	16	83	83	
5	VÕ CẨM	TÚ	25/01/1991	Kiểm tra viên thuế	Sóc Trăng	Trường Đại Học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh		STR02312		44	19	79	79	
6	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	11/11/1989	Kiểm tra viên thuế	Mỹ Tây B, Mỹ Quới, Ngã Năm, Sóc Trăng	Đại học Tây Đô	Kế toán		STR01902		41	17	79	79	
7	TRẦN KỲ PHƯƠNG	TRẦN	11/01/1986	Kiểm tra viên thuế	Long Phu Sóc Trăng	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ	Kinh tế		STR02144		43	17	76	76	
8	LƯƠNG THỊ NGỌC	XUÂN	09/03/1998	Kiểm tra viên thuế	250, ấp Kinh Mới, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Trường Đại học Cần Thơ	Luật Tư pháp		STR02492		39	19	76	76	
9	NGUYỄN ÁI	NHI	21/07/1992	Kiểm tra viên thuế	Thạnh Trị, Sóc Trăng	Trường Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		STR01390		36	22	75	75	
10	NGUYỄN THANH	TRƯƠNG	11/01/1996	Kiểm tra viên thuế	ấp Đào viên - xã Viên Bình - huyện Trần Đề - tỉnh Soc Trăng	Trường Đại học Cần Thơ	Luật Hành chính		STR02283		45	15	68	68	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
11	HUỲNH THI TRÚC	XINH	18/12/1994	Kiểm tra viên thuế	Hiệp Mỹ Tây - Cầu Ngang- Trà Vinh	Đại học Trà Vinh	Tài Chính Ngân Hàng		STR02485		43	18	66	66	
12	TRẦN PHƯƠNG	DUY	09/06/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị, Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Kiểm toán		STR00369		49	15	64	64	
13	NGUYỄN TIẾN	TÙNG	30/01/1990	Kiểm tra viên thuế	Hải Phòng	Đại học Văn Lang	Quản Trị Kinh Doanh		STR02334		31	21	62	62	
14	HÀ TRẦN HUỆ	HUỲNH	29/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Sóc Trăng	Trường Đại học Cần Thơ	Kiểm toán		STR00804		38	19	60	60	
15	MÃ THỊ KHÁNH	KHƯƠNG	17/03/1980	Kiểm tra viên thuế	Thới Bình, Ninh Kiều, TP Cần Thơ	Trường Đại học Bình Dương	Quản trị doanh nghiệp		STR00857		35	MT	56	56	
16	VÕ THỊ TRÚC	LINH	27/01/1992	Kiểm tra viên thuế	Thạnh Trị - Sóc Trăng	Đại học Công nghệ TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		STR01006		35	20	55	55	
17	TRẦN THANH	HƯNG	11/08/1984	Kiểm tra viên thuế	Xã Thụy Chính, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình	Đại học Bạc Liêu	kế toán		STR00709		33	18	55	55	
18	HUỲNH HỮU	VINH	27/02/1994	Kiểm tra viên thuế	TT Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	Trường Đại học Tây Đô	Luật kinh tế		STR02445		41	21	54	54	
19	ĐẶNG THANH	HỒNG	31/05/1990	Kiểm tra viên thuế	TT Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	Trường Đại học Trà Vinh	Kế toán		STR00662		35	22	54	54	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
VIII. Cán sự làm Công nghệ thông tin															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH TÂY NINH

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 / 6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	LÊ MINH	QUÂN	06/12/1998	Chuyên viên	Châu Thành - Tây Ninh	Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia	Quản lý Tài chính công		TNI02730		39	15	86	86	
2	PHAN THỊ THẢO	NGUYÊN	23/04/1997	Chuyên viên	Số 9 Nguyễn Thị Định, tổ 1, khu phố 7, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, Tây Ninh	Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh	Luật Thương mại		TNI02694		55	21	80	80	
3	NGUYỄN HỒ TRÚC	LAM	02/01/1998	Chuyên viên	Tây Ninh	ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TPHCM	Quản trị kinh doanh		TNI02631		41	19	78	78	
4	NGUYỄN ANH	CHIẾN	03/09/1991	Chuyên viên	Xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Học viện tài chính	Kế toán		TNI02560		40	23	65	65	
5	NGUYỄN LÝ	THIỆN	03/06/1995	Chuyên viên	Thị trấn Gò Dầu, Gò Dầu, Tây Ninh	Đại học Nguyễn Tất Thành	Luật Kinh Tế		TNI02772		40	17	59	59	
6	VÕ ANH	TUẤN	07/09/1982	Chuyên viên	Phong Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại Học Đà Nẵng Đại Học Tây Nguyên	Kinh tế phát triển Kinh tế nông lâm		TNI02824		35	23	59	59	
7	NGUYỄN THANH	VŨ	07/12/1997	Chuyên viên	KP1, P1, TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	Đại học Mở TP.HCM	Luật Kinh Tế		TNI02846		35	21	56	56	
8	LÊ THỊ TRÚC	LINH	09/02/1996	Chuyên viên	Tây Ninh	Đại học Ngân hang TP HCM	Ngân hàng		TNI02638		40	16	53	53	
9	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	12/04/1991	Chuyên viên	Nghệ An	Đại học Ngoại Thương Cơ sở 2 tại TPHCM	Tài chính Quốc tế		TNI02821		35	24	52	52	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHÂU	19/12/1990	Kiểm tra viên thuế	Trảng Bàng, Tây Ninh	Trường Đại Học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Ngoại Thương		TNI00149		47	21	78	78	
2	QUÁCH THỊ HỒNG	LOAN	22/04/1992	Kiểm tra viên thuế	Tây Ninh	Trường ĐH Kinh Tế TPHCM	Tài chính nhà nước		TNI01026		47	26	76	76	
3	PHAN THỊ	CHÂU	11/10/1988	Kiểm tra viên thuế	11/97 KP Hiệp Bình, Phường Hiệp Ninh, TP Tây Ninh	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh Đại Học Bình Dương	Kinh Tế Học Quản Trị Kinh Doanh		TNI00151		44	17	75	75	
4	TRẦN HOÀNG	ĐỨC	14/09/1997	Kiểm tra viên thuế	Gò Dầu - Tây Ninh	Trường Đại Học Tài Chính - Markerting Trường Đại Học Trà Vinh	Kiểm Toán Luật		TNI00286		50	19	73	73	
5	LÊ THỊ VĨNH	HẰN	01/12/1985	Kiểm tra viên thuế	TÂY NINH	Đại học sài gòn	Kế Toán		TNI00483		36	18	73	73	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
6	NGUYỄN MẠNH	TỚI	09/05/1991	Kiểm tra viên thuế	ấp Thuận Đông, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh	Trường Đại Học Tài Chính Marketing	Tài chính - Ngân hàng		TNI02101		36	15	67	67	
7	PHẠM THỊ NGỌC	HUYỀN	04/04/1991	Kiểm tra viên thuế	Gia Lộc -Tràng Bàng -Tây Ninh	Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội Trường Đại học Bình	Tai chính ngân hàng Tài chính ngân hàng		TNI00795		32	18	65	65	
8	TRƯƠNG THỊ BÍCH	TRÂM	02/12/1990	Kiểm tra viên thuế	Hoà Thành, Tây Ninh	Trường Đại học Sài Gòn	Kế toán		TNI02127		44	16	63	63	
9	VÕ NGUYỄN DIỆU	HUỲNH	07/06/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh	Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		TNI00810		43	19	63	63	
10	NGUYỄN VÂN	LAM	08/09/1997	Kiểm tra viên thuế	Bến Cầu - Tây Ninh	Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		TNI00885		41	22	63	63	
11	PHẠM HỒNG	MINH	10/10/1991	Kiểm tra viên thuế	Quỳnh Phụ, Thái Bình	Đại học Luật Thành Phố Hồ Chí Minh	Luật		TNI01124		38	17	63	63	
12	HỒ THANH	NGA	05/02/1992	Kiểm tra viên thuế	Hà Tĩnh	Trường Đại học Mở TPHCM	Quản trị kinh doanh		TNI01198		36	23	59	59	
13	VÕ THỊ THÙY	DƯƠNG	01/04/1991	Kiểm tra viên thuế	Tây Ninh	ĐH Ngoại ngữ - Tin học Tp.HCM ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội	Quản trị kinh doanh quốc tế Tài chính - ngân hàng		TNI00355		33	15	54	54	
14	TRẦN THANH	TRANG	05/09/1991	Kiểm tra viên thuế	TP.Hồ Chí Minh	Đại Học Công nghiệp TP HCM	Quản trị kinh doanh du lịch		TNI02207		31	21	54	54	
15	NGUYỄN THỊ BÍCH	DUYÊN	18/10/1992	Kiểm tra viên thuế	Tây Ninh	Học Viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông Đại học Kinh Tế TP.Hồ Chí Minh	Quản Trị Doanh Nghiệp Tài Chính Công		TNI00377		36	22	50	50	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
VIII. Cán sự làm Công nghệ thông tin															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020
VÀO CỤC THUẾ TỈNH TIỀN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 / 6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	02/03/1993	Chuyên viên	Số 15, tổ 7, ấp Gò Lức, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, Tiền Giang	Đại học Tiền Giang	Quản trị kinh doanh		TGI02711		33	15	67	67	
2	LÊ THỊ BÍCH	NGỌC	28/05/1989	Chuyên viên	Tân Nhuận Đông, Châu Thành, Đồng Tháp	Trường Đại học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh		TGI02684		35	20	63	63	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	NGUYỄN MINH	TÂN	18/10/1986	Kiểm tra viên thuế	TIỀN GIANG	TRƯỜNG ĐH TIỀN GIANG		HTNVQS	TGI01730	2 5	37	20	80	82 5	
2	NGUYỄN PHÁT	HUY	09/10/1997	Kiểm tra viên thuế	Phú Mỹ, Tân Phước, Tiền Giang	Học Viện Hành Chính Quốc Gia	Quản Lý Tài Chính Công		TGI00763		47	18	79	79	
3	NGUYỄN THỊ BÍCH	THUẬN	17/11/1984	Kiểm tra viên thuế	138 Huyện Lộ 3 Ấp Kinh Trên, Xã Bình Ân, Huyện Gò Công Đông, Tỉnh Tiền Giang	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TPHCM	Sư Phạm Vật Lý Tài Chính-Ngân hàng		TGI01973		32	17	78	78	
4	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	01/01/1987	Kiểm tra viên thuế	279, tổ 9, ấp 2, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	Trường Đại Học Tôn Đức Trường Đại Học Trà Vinh	Kế Toán Kế Toán	ConBB	TGI00992	5	36	19	69	74	
5	HUỲNH THANH	TRÚC	28/06/1990	Kiểm tra viên thuế	Bình Nhì-Gò Công Tây-Tiền Giang	Đại Học Mở	Kế Toán		TGI02265		31	19	73	73	
6	NGUYỄN THỊ BẠCH	YẾN	19/05/1993	Kiểm tra viên thuế	Tổ 19, Tân Phước, Tân Kim, Cần Giuộc, Long An	Đại học Kinh Tế TP.Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		TGI02527		39	21	71	71	
7	PHẠM THỊ	HUỲNH NHƯ	12/02/1987	Kiểm tra viên thuế	TIỀN GIANG	TRƯỜNG ĐH TIỀN GIANG			TGI00811		38	21	71	71	
8	LÊ THỊ NGỌC	LAN	21/10/1994	Kiểm tra viên thuế	Ấp Phú An, xã Phú Quý, TX. Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	Trường Đại Học Tài chính – Marketing	Hải quan		TGI00897		45	21	69	69	
9	NGUYỄN LÊ VÂN	KHANH	21/07/1991	Kiểm tra viên thuế	Tiền Giang	Đại học Kinh tế TpHCM Đại học Kinh tế TpHCM	Kế toán Kế toán		TGI00826		43	26	66	66	
10	LÊ NGỌC BỬU	CHÂU	24/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Phú Mỹ, Phú Tân, An Giang	Trường Đại học Cần Thơ			TGI00147		39	21	66	66	
11	TRỊNH KIM	VEN	04/05/1985	Kiểm tra viên thuế	Thị Trấn Chợ Gạo, Chợ Gạo, Tiền Giang	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH	KẾ TOÁN		TGI02426		39	22	65	65	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
12	LÊ THỊ HỒNG	CẨM	17/12/1991	Kiểm tra viên thuế	số nhà 53, tổ 2, ấp trường Xuân B, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	Đại học Cần Thơ	Kinh tế ngoại thương		TGI00133		44	23	63	63	
13	TRẦN VĂN	AN	15/07/1989	Kiểm tra viên thuế	Ấp 5, xã Mỹ Long Nam, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	ĐH Ngân hàng TPHCM	Tài chính ngân hàng		TGI00021		36	19	63	63	
14	TRẦN QUANG KỲ	TÚ	09/04/1986	Kiểm tra viên thuế	MỸ THO, TIỀN GIANG	ĐẠI HỌC KINH TẾ TP HCM	TÀI CHINH DOANH NGHIỆP		TGI02310		35	21	63	63	
15	TRẦN THỊ LINH	NGÂN	18/06/1988	Kiểm tra viên thuế	PHƯỜNG 3, TX CAI LẬY, TIỀN GIANG	ĐẠI HỌC TIỀN GIANG			TGI01254		31	19	63	63	
16	TRẦN VĂN	ĐẬU	01/01/1991	Kiểm tra viên thuế	Thiện Trung, Cái Bè, Tiền Giang	Đại học Cần Thơ			TGI00240		45	23	62	62	
17	LÊ MINH	TÂM	25/11/1992	Kiểm tra viên thuế	Ninh Đồng, Đồng Sơn, Gò Công Tây, Tiền Giang	Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	Luật Kinh Doanh		TGI01711		42	17	61	61	
18	LÊ THỊ HỒNG	NGA	03/02/1992	Kiểm tra viên thuế	Ấp Bình Trinh, xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây	Trường đại học Tiền Giang			TGI01206		39	18	58	58	
19	NGUYỄN TRÚC	HƯƠNG	01/01/1987	Kiểm tra viên thuế	Tân Tinh A, TẤn Mỹ Chánh, TP Mỹ Tho, Tiền giang	Đại học Công Nghiệp TP Hồ Chí Minh Đại học Cần Thơ	Kế toán- Kiểm toán-402.1 Ngôn Ngữ Anh		TGI00734		37	MT	55	55	
20	NGUYỄN ĐOÀN THÙY	DƯƠNG	14/02/1995	Kiểm tra viên thuế	320 Phú thạnh B, xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh Đại học Tài Chính -	Kinh Doanh Quốc Tế Kinh Doanh Quốc Tế		TGI00341		45	24	53	53	
21	NGUYỄN THỊ THIÊN	TRANG	02/10/1996	Kiểm tra viên thuế	Tỉnh Tiền Giang	Trường Đại học Công nghệ TP.HCM			TGI02188		34	15	53	53	
22	NGUYỄN THỊ BÍCH	TUYỀN	08/07/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã Tam Hiệp - Châu Thành - Tiền Giang	Đại học Kinh Tế Công Nghiệp Long An			TGI02358		31	16	53	53	
23	TRẦN VIỆT	BẰNG	22/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Bình Nghị, Gò Công Đông, Tiền Giang	Đại học Cần Thơ			TGI00092		42	20	52	52	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	29/11/1989	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Phú an, cai lậy, tiền giang	Đại học tiền giang	Tin học		TGI02890		37	17	56	56	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
VIII. Cán sự làm Công nghệ thông tin															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TP. HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 / 6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
II. Kiểm tra viên thuế															
1	BÙI THỊ	HOA	25/12/1992	Kiểm tra viên thuế	Yên Dương – Ý Yên – Nam Định	Đại học Thăng Long	Tài chính – Kế toán	CondeNHDKCbiNCDDH	HCM00609	5	50	20	91	96	
2	CHÊ THU	HIỀN	15/03/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn Hiệp Phổ Nam, Xã Hành Trung, Huyện Nghĩa Hành, Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh Tế Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		HCM00556		50	15	94	94	
3	LÊ THỊ	AN	17/04/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Ngọc Sơn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp	ConTB	HCM00009	5	45	19	88	93	
4	TRẦN ĐỖ	LỘC	25/05/1987	Kiểm tra viên thuế	Bình Chánh, TPHCM	Trường ĐH Quốc tế Hồng Bàng	Kế toán Kiểm toán		HCM01036		46	MT	90	90	
5	HOÀNG THỊ THÙY	THANH	02/10/1989	Kiểm tra viên thuế	Hưng Yên	Trường Đại Học Mở TPHCM	Tài chính ngân hàng		HCM01760		50	16	89	89	
6	TRẦN THANH	HƯƠNG	02/04/1987	Kiểm tra viên thuế	Tỉnh Hà Tĩnh	Trường Đại Học Ngân Hàng TP HCM	Tài Chính Ngân Hàng		HCM00739		47	24	89	89	
7	TRẦN NGUYỄN NGỌC	BẠCH	02/06/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Tân Kiên , huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	Đại học Công nghệ TP Hồ Chí Minh	Luật kinh tế		HCM00091		45	16	89	89	
8	HOÀNG THỊ	NGA	16/03/1988	Kiểm tra viên thuế	HÀ TĨNH	Trường Đại Học Mở TPHCM	kinh tế học		HCM01201		40	17	89	89	
9	NGUYỄN THỊ THANH	HOA	03/06/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Vinh Thái_Huyện Phú Vang_Tỉnh Thừa Thiên Huế	Đại Học Kinh Tế - Đại Học Huế	Kế Toán		HCM00620		52	18	87	87	
10	NGUYỄN THỊ KIM	DUNG	07/07/1992	Kiểm tra viên thuế	Kinh Môn, Hải Dương	Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	Tín dụng		HCM00309		49	23	87	87	
11	VÕ NGỌC ANH	THƯ	17/05/1996	Kiểm tra viên thuế	Ấp Mỹ Phú, xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	Đại học Công Nghệ TP.HCM	Luật Kinh tế		HCM01960		48	20	87	87	
12	VŨ THỊ	NHUNG	20/09/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Tiền Phong, Huyện Vĩnh Bảo, TP. Hải Phòng	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HCM01477		48	19	87	87	
13	TẠ THỊ	HIỀN	28/12/1993	Kiểm tra viên thuế	Huyện Nam Trực, Nam Định	Trường Đại Học Công Nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh	Kế toán - kiểm toán		HCM00577		46	18	87	87	
14	TẠ THỊ QUỲNH	LOAN	09/02/1985	Kiểm tra viên thuế	P Trần Hưng Đạo, TP Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	Tài Chính - Ngân hàng		HCM01027		45	25	87	87	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
15	NGUYỄN NGỌC	YẾN	30/09/1989	Kiểm tra viên thuế	xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TPHCM	Đại học Tài chính - Marketing Đại học Tài chính - Marketing	Kế toán doanh nghiệp Tài chính-ngân hàng		HCM02523		38	20	87	87	
16	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	HÂN	16/05/1983	Kiểm tra viên thuế	Xã Đại Lãnh, Huyện Đại Lộc, Tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh	Kinh tế Tài chính Ngân hàng Quản Trị Kinh Doanh		HCM00480		49	MT	86	86	
17	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NGÂN	12/04/1989	Kiểm tra viên thuế	Thôn Phụng Tường 2, Xã Hòa Trị, Huyện Phú Hòa, Tỉnh Phú Yên	Đại học Kinh tế TPHCM	Tài chính doanh nghiệp		HCM01241		49	25	86	86	
18	PHAN NGỌC	ĐIỆP	30/10/1990	Kiểm tra viên thuế	Đội 2, Hòa Hội - Cát Hanh - Phù Cát - Bình Định	Đại học Ngân Hàng TP.Hồ Chí Minh	Tín dụng		HCM00266		49	21	86	86	
19	TRẦN MINH	KIÊN	01/01/1996	Kiểm tra viên thuế	Bắc Lý - Đồng Hới - Quảng Bình	Đại học Thương Mại	Tài chính - Ngân hàng thương mại		HCM00863		39	22	86	86	
20	KỲ THỊ THUY	TRANG	27/04/1985	Kiểm tra viên thuế	Lâm Đồng	Trường Đại học Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh	Tài chính doanh nghiệp		HCM02167		43	21	85	85	
21	HUỲNH KHẢI	BANH	28/10/1985	Kiểm tra viên thuế	QUẢNG ĐÔNG - TRUNG QUỐC	ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HCM	KẾ TOÁN		HCM00094		36	16	85	85	
22	BÙI THỊ KIM	OANH	02/01/1991	Kiểm tra viên thuế	Xuân Bắc - Xuân Trường - Nam Định	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH	Kế Toán Doanh Nghiệp		HCM01493		49	15	84	84	
23	TRẦN PHƯƠNG	NAM	17/04/1994	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Đại học Tài chính - Marketing	Thuế	ConTB	HCM01188	5	40	25	79	84	
24	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	05/10/1990	Kiểm tra viên thuế	Khu Nghĩa Phước, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM00379		52	22	83	83	
25	NGUYỄN XUÂN	NGỌC	18/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Đại Học Lao động Xã hội (CSII) Đại Học Luật TP.HCM	Kế toán Luật		HCM01305		50	15	83	83	
26	PHẠM THỊ HUYỀN	TRANG	21/09/1991	Kiểm tra viên thuế	xã Đông Lĩnh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Trường Đại Học Ngân Hàng Tp HCM Trường Đại Học Ngân Hàng Tp HCM	Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh		HCM02198		45	17	83	83	
27	NGUYỄN HỨA HOÀNG	VŨ	09/09/1987	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Phúc	Đại Học Kinh Tế thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh tổng hợp		HCM02461		41	27	83	83	
28	NGUYỄN THỊ	HUỆ	04/04/1985	Kiểm tra viên thuế	Minh Tân, Đông Hưng, Thái Bình	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Quản trị doanh nghiệp		HCM00683		40	18	83	83	
29	HUỲNH TẤN	THUẬN	14/02/1998	Kiểm tra viên thuế	Bình Mỹ, Bình Sơn, Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh Tế - Luật - ĐHQG TP HCM	Tài chính - Ngân hàng		HCM01966		38	18	83	83	
30	HUỲNH HOÀI	TRANG	05/01/1995	Kiểm tra viên thuế	Huyện Hàm Thuận Bắc-Tỉnh Bình Thuận	Trường Đại Học Ngân Hàng TP HCM	Kế toán		HCM02162		37	18	83	83	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
31	LÊ THẢO	UYÊN	08/03/1995	Kiểm tra viên thuế	Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kiểm toán		HCM02388		35	19	83	83	
32	TRẦN THỊ	MỘNG	14/06/1989	Kiểm tra viên thuế	Thừa Thiên Huế	Trường ĐH Kinh tế - Luật (ĐHQG TP.HCM)	Tài chính - ngân hàng Tài chính - ngân hàng		HCM01147		42	15	82	82	
33	TRẦN HUỆ PHƯƠNG	DUNG	18/01/1996	Kiểm tra viên thuế	TP.HCM	Trường Đại Học Kinh tế TP.HCM	Tài chính		HCM00320		40	16	82	82	
34	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	21/08/1994	Kiểm tra viên thuế	Duy Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Đại Học Nha Trang	Kế toán tài chính		HCM00345		35	16	82	82	
35	NGÔ THỊ HẠNH	CHI	16/06/1994	Kiểm tra viên thuế	Thôn Phước Hòa, Xã Đức Phú, Huyện Mộ Đức, Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế TP HCM	Thẩm định giá		HCM00161		50	21	81	81	
36	NGUYỄN THỊ HÀ	PHƯƠNG	24/12/1989	Kiểm tra viên thuế	Đông Hưng, Thái Bình	Trường Đại học Kinh tế Tp,HCM	Ngân hàng		HCM01575		48	18	81	81	
37	TRẦN THỊ ÁI	LINH	16/04/1992	Kiểm tra viên thuế	Yên Mô - Ninh Bình	Đại học Trà Vinh	Kế Toán		HCM00999		43	20	81	81	
38	TRẦN THỊ	MƠ	14/06/1989	Kiểm tra viên thuế	Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Ngân hàng TP HCM	Kế toán		HCM01141		43	20	81	81	
39	NGUYỄN THỊ	MƠ	17/10/1992	Kiểm tra viên thuế	Thôn Tiến Hòa, xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	Tín dụng		HCM01139		42	22	81	81	
40	LÂM THỊ TRÚC	LINH	13/01/1989	Kiểm tra viên thuế	TPHCM	Trường Đại Học Sài Gòn	Kế toán		HCM00957		41	22	81	81	
41	PHÙNG THỊ THU	THỦY	07/03/1989	Kiểm tra viên thuế	Cao Bằng	Trường ĐH Quốc Tế Hồng Bàng	Kế toán Kiểm toán	DTTS	HCM02047	5	40	MT	76	81	
42	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	01/01/1994	Kiểm tra viên thuế	TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Đại học Kinh tế TPHCM Đại học Kinh tế TPHCM	Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng		HCM01857		39	22	81	81	
43	ĐOÀN THỊ CHÚC	THIỆT	07/08/1993	Kiểm tra viên thuế	Ấp Nhân dân B, Xã Tân phong, TX. Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu.	Đại học Cần Thơ Đại học Cần Thơ	kiểm toán Quản lý công nghiệp		HCM01898		36	18	81	81	
44	NGUYỄN NGỌC	DUNG	02/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Long An	Trường Đại học Công nghệ TP Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM00304		35	15	81	81	
45	TRẦN MINH	SÁNG	18/01/1985	Kiểm tra viên thuế	Phường 1, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	Đại học Công Nghệ Thành Phố Hồ Chí Minh Đại học Công Nghệ	Kế toán Công Nghệ Thông Tin		HCM01675		33	MT	81	81	
46	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	OANH	10/03/1985	Kiểm tra viên thuế	TpHCM	Trường Đại học Mở Tp HCM	Quản trị kinh doanh		HCM01507		52	16	80	80	
47	NGUYỄN THỊ MAI	VY	16/11/1994	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Hữu Lũng, Hữu Lũng, Lạng Sơn	Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Quản lý kinh tế	DTTS	HCM02477	5	50	21	75	80	
48	TRẦN THỊ NGỌC	THẢO	24/05/1986	Kiểm tra viên thuế	Tân Tạo, Bình Tân, Tp.Hồ Chí Minh	Đại học CNTT Gia Định Đại học Đà Nẵng	Kế toán Ngôn ngữ Anh		HCM01869		45	MT	80	80	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
49	NGÔ THỊ THU	HÀ	06/07/1992	Kiểm tra viên thuế	Thôn An Hà 3, Xã Nghĩa Trung, Huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại Học Quốc Tế Hồng Bàng TP.HCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM00434		43	18	80	80	
50	HÀ MỸ	DUYÊN	27/02/1992	Kiểm tra viên thuế	Phường 5, Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	Trường Đại Học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		HCM00373		37	MT	80	80	
51	NGÔ SỸ	TRƯỜNG	06/03/1990	Kiểm tra viên thuế	Thôn 7, Xã Diễn Kỷ, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Tài Chính - Marketing	Thuế	ConTB	HCM02285	5	35	22	75	80	
52	HUỲNH THỊ MỸ	LOAN	13/07/1994	Kiểm tra viên thuế	483/46 Hà Huy Giáp, Khu phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM	Trường Đại học Sài Gòn	Kế toán		HCM01014		42	15	79	79	
53	BÙI THỊ NGỌC	HIỀN	01/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn Phước Sơn, Xã Đức Hiệp, Huyện Mộ Đức, Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM00555		41	18	79	79	
54	TRẦN THỊ	HUÊ	15/07/1989	Kiểm tra viên thuế	Nghĩa Thành, Nghĩa Hưng, Nam Định	Đại học Công Nghệ Tp. Hồ Chí Minh Đại Học An Giang	Quản Trị Kinh Doanh Quản Trị Kinh Doanh		HCM00679		32	19	79	79	
55	TRẦN THỊ ÁNH	TUYẾT	20/03/1982	Kiểm tra viên thuế	Thôn Trại Kênh, Xã Đại Bản, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh Đại học Kinh tế Thành	Kế toán Quản trị kinh doanh		HCM02375		49	24	78	78	
56	CAO THỊ NGỌC	HÀ	16/06/1991	Kiểm tra viên thuế	Quảng Hải, Ba Đồn, Quảng Bình	Trường Đại học Dân lập Phú Xuân	Kế toán		HCM00425		46	16	78	78	
57	LÊ THÙY	DUNG	11/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Nghi Xuân - Nghi Lộc - Nghệ An	Học Viện Tài Chính	Tài chính Doanh Nghiệp		HCM00301		39	19	78	78	
58	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	13/09/1998	Kiểm tra viên thuế	405/PTH, Phước Ngãi, Ba Tri, Bến Tre	Trường ĐH Kinh Tế TPHCM	Ngân hàng		HCM02184		39	17	78	78	
59	TRẦN THỊ THANH	XUÂN	04/12/1982	Kiểm tra viên thuế	Thôn Từ Tế, xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình	Trường Đại Học Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	Kế Toán		HCM02498		38	17	78	78	
60	NGUYỄN THỊ	DUNG	21/09/1986	Kiểm tra viên thuế	Thôn Nương Cụ Nam, xã Quỳnh Hồng, Huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Đại học Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh	Ngoại Thương		HCM00308		37	21	78	78	
61	NGÔ HOÀNG	PHÚC	25/03/1993	Kiểm tra viên thuế	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	Ngân hàng		HCM01530		48	20	77	77	
62	ĐINH THỊ HƯƠNG	DỊU	25/01/1984	Kiểm tra viên thuế	Thôn Phúc Tân, xã Thái Thành, huyện Thái Thuy, tỉnh Thái Bình	Đại học Đà Nẵng	Kế toán		HCM00276		47	19	77	77	
63	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	29/10/1988	Kiểm tra viên thuế	Phú Thọ	ĐH Kinh Tế TP HCM Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng		HCM00443		47	16	77	77	
64	NGUYỄN HỮU	LỘC	02/11/1997	Kiểm tra viên thuế	TP Hồ Chí Minh	Trường Đại học Quốc Tế - ĐHQG TP.HCM	Tài chính Doanh nghiệp		HCM01031		46	MT	77	77	
65	LÊ THỊ KIM	THOA	14/03/1995	Kiểm tra viên thuế	TP. Hồ Chí Minh	Trường Đại học Tài chính - Marketing Trường Đại học Tài chính	Tài chính - ngân hàng Tài chính - Ngân hàng		HCM01915		44	18	77	77	
66	NGUYỄN QUANG	BÌNH	03/09/1992	Kiểm tra viên thuế	Hà Nội	Đại Học Công Nghiệp Tp Hồ Chí Minh	Tài Chính - Ngân Hàng		HCM00118		41	23	77	77	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
67	TRỊNH THỊ NHƯ	TRANG	25/05/1988	Kiểm tra viên thuế	Nam Định	ĐH Nông Lâm TP.HCM	Kế toán		HCM02215		31	21	77	77	
68	BUI NGỌC YẾN	NHI	30/07/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Hoài Châu, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính		HCM01375		54	25	76	76	
69	HỒ	ĐẠI	24/10/1990	Kiểm tra viên thuế	xã Quảng Văn, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại học Bình Dương	Quản trị kinh doanh		HCM00210		45	15	76	76	
70	PHAN ANH	TUẤN	26/03/1990	Kiểm tra viên thuế	hà Tĩnh	Đại học Ngân Hàng TP HCM	thị trường chứng khoán		HCM02330		44	25	76	76	
71	NGUYỄN CHÍ	HƯỞNG	28/11/1994	Kiểm tra viên thuế	Liên Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	Trường Đại Học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Tài chính		HCM00751		44	22	76	76	
72	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	18/04/1994	Kiểm tra viên thuế	Thôn Thái Lai, Xã Vĩnh Thái, Huyện Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị	Trường Đại Học Tài Chính - Kế Toán	Kế toan Doanh nghiệp		HCM00445		44	19	76	76	
73	TRẦN BÌNH	MINH	28/08/1989	Kiểm tra viên thuế	Thành phố Hồ Chí Minh	Trường Đại học Vinh	Luật		HCM01130		43	15	76	76	
74	HÀ THỊ KIM	HUỆ	16/01/1995	Kiểm tra viên thuế	xã Thanh Tùng, huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An	Đại Học Kinh tế Hồ Chí Minh	Kinh Doanh Quốc Tế		HCM00677		42	25	76	76	
75	ĐINH CÔNG	KHƯƠNG	15/08/1996	Kiểm tra viên thuế	Nha Trang-Khánh Hoà	Trương Đại Học Kinh Tế - Tài Chính TP Hồ Chí Minh	Kế Toán - kiểm toán		HCM00854		42	23	76	76	
76	ĐỖ THỊ THÚY	VI	29/03/1992	Kiểm tra viên thuế	Đội 13, Thôn Mỹ Long, Xã Bình Minh, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Công Nghiệp Tp. HCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM02427		39	24	76	76	
77	THÁI THỊ NGỌC	ÁNH	11/05/1995	Kiểm tra viên thuế	Lý Nhân, Hà Nam	Đại Học Công Nghệ Tp HCM	Luật Kinh Tế		HCM00082		36	15	76	76	
78	TRẦN THỊ	TUYẾT	08/04/1986	Kiểm tra viên thuế	Thiệu Châu-Thiệu Hoá-Thanh Hoá	Trường Đại Học Kinh Tế TP. HCM	Tài chính doanh nghiệp		HCM02374		36	15	76	76	
79	LÊ NGUYỄN THANH	HẰNG	28/10/1987	Kiểm tra viên thuế	Quận 8 , TP.HCM	Trường Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh tổng hợp		HCM00491		52	16	75	75	
80	TRƯƠNG NGỌC QUỲNH	NHƯ	03/04/1991	Kiểm tra viên thuế	Quảng Nam	Trường Đại học Kinh Tế TP.HCM	Tài Chính Nhà Nước		HCM01450		51	15	75	75	
81	ĐOÀN THỊ HẠ	TRANG	25/01/1997	Kiểm tra viên thuế	Thôn Hoàng Kênh, Xã Trung Kênh, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh	Học viện Tài chính	Thuế		HCM02157		47	20	75	75	
82	HỒ TUẤN	MINH	21/12/1995	Kiểm tra viên thuế	Hà Tĩnh	Học Viện Tài Chính	Quản trị kinh doanh		HCM01111		45	20	75	75	
83	PHẠM THỊ QUỲNH	TRANG	15/01/1990	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Đại học Kinh tế TP HCM	Tài chính Nhà nước		HCM02200		44	23	75	75	
84	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	05/02/1990	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Bố Hạ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Đại học Hà Nội	Kế toán - tiếng Anh		HCM00444		44	21	75	75	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
85	LÊ MINH TRÚC	LINH	20/09/1990	Kiểm tra viên thuế	Đại An, Đại Lộc, Quảng Nam	Trường Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	Tài chính		HCM00959		41	24	75	75	
86	NGUYỄN THANH	HƯƠNG	20/03/1991	Kiểm tra viên thuế	THÔN NAM THỦY, XÃ QUẢNG THỦY, THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT	TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG		HCM00723		41	20	75	75	
87	TRƯƠNG THỊ HÒA	VI	27/11/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn Táo, xã Tuân Chính, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Kế toán		HCM02434		40	22	75	75	
88	HUỲNH QUỐC	NAM	20/01/1998	Kiểm tra viên thuế	Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi	Phân viện Học viện hành chính Quốc Gia	Quản lý Tài chính công		HCM01182		37	15	75	75	
89	NHÂM TIỀU	MY	10/01/1990	Kiểm tra viên thuế	Ấp 1B,TT-Lộc Ninh,Lộc Ninh,Bình Phước	Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí M	Kế Toán		HCM01164		30	18	75	75	
90	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	15/04/1991	Kiểm tra viên thuế	Cầu Giát, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Trường Đại Học Lâm Nghiệp	Kế Toán		HCM00726		48	20	74	74	
91	PHẠM THÀNH	TÀI	12/06/1989	Kiểm tra viên thuế	TPHCM	Đại học Kinh Tế Thành phố Hồ Chí Minh	Ngân hàng		HCM01701		46	20	74	74	
92	NGUYỄN HỮU ĐỨC	MINH	24/12/1997	Kiểm tra viên thuế	Nghệ An	Học viện Tài Chính Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp Tài chính - Ngân hàng		HCM01121		38	21	74	74	
93	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	27/06/1992	Kiểm tra viên thuế	Bến Tre	Đại Học Nông Lâm Tp.HCM	Quản trị tài chính		HCM00902		37	23	74	74	
94	NGUYỄN PHƯƠNG	TRÂM	10/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Bình Định	Trường Đại học Sài Gòn	Tài Chính - Ngân Hàng		HCM02120		37	15	74	74	
95	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	19/11/1995	Kiểm tra viên thuế	Tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính Ngân hàng		HCM00987		35	19	74	74	
96	LƯU LÊ ĐỨC	VINH	22/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Ninh Thuận	Viện Đại Học Mở Hà Nội	Quản Trị Kinh Doanh	DTTS	HCM02448	5	33	24	68 5	73 5	
97	NGUYỄN PHƯƠNG	MAI	01/10/1998	Kiểm tra viên thuế	Yên Thành - Nghệ An	Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Kế toán doanh nghiệp		HCM01082		47	25	73	73	
98	NGUYỄN MINH	ĐÔNG	09/01/1988	Kiểm tra viên thuế	P. Trần Quang Diệu, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Trường Đại Học Mở TP. Hồ Chí Minh	Tài Chính - Ngân Hàng		HCM00279		47	17	73	73	
99	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	09/05/1998	Kiểm tra viên thuế	Tam Hồng - Yên Lạc - Vĩnh Phúc	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Luật kinh doanh		HCM00052		45	20	73	73	
100	VÕ THỊ THANH	LÝ	05/09/1987	Kiểm tra viên thuế	Mỹ Thạnh Tây - Đức Huệ - Long An	Trường Đại Học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM01073		41	20	73	73	
101	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THIỆN	19/05/1986	Kiểm tra viên thuế	Cam Lợi, Cam Ranh, Khánh Hòa	Đại Học Ngân hàng TPHCM	Ngân hàng		HCM01895		41	18	73	73	
102	NGUYỄN XUÂN	LÃNH	28/07/1991	Kiểm tra viên thuế	Đông Quang - Phổ Văn - Đức Phổ - Quảng Ngãi	Trường Đại Học Kinh tế - Luật	Quản trị kinh doanh		HCM00911		38	18	73	73	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
103	PHAN THANH	NHÀN	29/05/1993	Kiểm tra viên thuế	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	Quản trị		HCM01355		38	15	73	73	
104	VƯƠNG NGUYỄN NGỌC	ANH	08/05/1995	Kiểm tra viên thuế	Nghệ An	Trường Đại Học Quốc Tế Hồng Bàng Trường Đại Học Đà Nẵng	Kế toán - Kiểm toán Ngôn Ngữ Anh		HCM00078		37	MT	73	73	
105	PHAN THANH	THƯƠNG	06/05/1988	Kiểm tra viên thuế	Hà Tĩnh	Trường đại học quốc tế Hồng Bàng	Kế toán - kiểm toán		HCM01991		36	17	73	73	
106	PHẠM THỊ NGỌC	MINH	28/05/1983	Kiểm tra viên thuế	Minh Lãng - Vũ Thư - Thái Bình	Đại học mở Hà Nội	Kế toán		HCM01126		33	20	73	73	
107	VÕ THỊ ANH	THƯ	26/08/1997	Kiểm tra viên thuế	TT Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	Trường đại học Văn Lang	Tài Chính - Ngân Hàng		HCM01961		31	15	73	73	
108	VĂN THỊ NGUYỆT	VÂN	24/05/1988	Kiểm tra viên thuế	C1/18 Dương Đình Cúc, ấp 3, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP.HCM	Đại học Hùng Vương	Kinh doanh quốc tế		HCM02420		45	MT	72	72	
109	NGUYỄN THỊ TUYẾT	HƯƠNG	11/11/1989	Kiểm tra viên thuế	Hà Tây (Nay là Hà Nội)	Đại Học Mở Tp Hồ Chí Minh	Tài Chính - Ngân Hàng		HCM00733		44	22	72	72	
110	CAO THỊ	TUYẾT	28/05/1997	Kiểm tra viên thuế	12 Phan Bội Châu Khu phố Tài Lộc Phường TRường Sơn Thành Phố Sầm Sơn Tỉnh	Học Viện Ngân Hàng	Ngân hàng	ConTB	HCM02368	5	44	16	67	72	
111	TRẦN HÀ	CHI	12/03/1998	Kiểm tra viên thuế	Chính Nghĩa, Kim Động, Hưng Yên	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế Đầu tư		HCM00167		41	25	72	72	
112	NGUYỄN THỊ NGUYÊN	THỤC	26/09/1979	Kiểm tra viên thuế	Diên Lộc - Diên Khánh - Khanh Hòa	Đại Học Nha Trang Đại Học Thủy Sản Nha Trang	Quản trị kinh doanh Kinh tế		HCM01978		38	MT	72	72	
113	LÊ THỊ HỒNG	TRÂM	01/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Quảng Ngãi	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		HCM02114		38	18	72	72	
114	NGUYỄN THỊ THANH	XUÂN	13/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Lộc Ninh. Bình Phước	Học viện Hành chính Quốc gia	Tài chính công		HCM02494		37	23	72	72	
115	ĐÀO DANH	DŨNG	28/10/1990	Kiểm tra viên thuế	Nghệ An	Trường ĐH Bolton	Kế Toán	ConTB	HCM00324	5	48	MT	66	71	
116	LÊ THỊ	TÂM	02/05/1989	Kiểm tra viên thuế	Thanh Hoá	ĐH Tài chính Marketing TPHCM ĐH Nông Lâm TPHCM	Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh		HCM01712		47	15	71	71	
117	MAI NGỌC QUỲNH	HƯƠNG	06/03/1998	Kiểm tra viên thuế	Thôn 4, xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	Luật Thương mại		HCM00716		45	22	71	71	
118	NGUYỄN KHẮC MỸ	LINH	25/12/1998	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Đại Học Sài Gòn	Tài chính-Ngân hàng		HCM00977		41	21	71	71	
119	PHAN TIẾN	DŨNG	17/08/1980	Kiểm tra viên thuế	Phước Hòa, Tuy Phước, Bình Định	Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội	Tài chính – Ngân hàng		HCM00331		41	20	71	71	
120	LÊ ĐỨC	LONG	30/08/1994	Kiểm tra viên thuế	Đông Xá, Đông Hưng, Thái Bình	Trường đại học Lao động - Xã hội	Kế toán		HCM01045		36	22	71	71	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
121	HUỲNH LÊ HỒNG	YẾN	11/09/1997	Kiểm tra viên thuế	1705 Tỉnh lộ 10, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Nguyễn Tất Thành	Luật kinh tế		HCM02517		36	19	71	71	
122	LÊ PHƯƠNG	MAI	27/01/1991	Kiểm tra viên thuế	HÒA BÌNH	Trường Đại Học Tôn Đức Thắng	Kế toán		HCM01080		33	25	71	71	
123	LA THỊ QUỲNH	NHƯ	01/03/1996	Kiểm tra viên thuế	Bình Thuận	Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chính Minh	kế toán-kiểm toán	DTTS	HCM01434	5	33	20	66	71	
124	VĂN THỊ	MAI	12/10/1987	Kiểm tra viên thuế	Nghệ An	Học viện tài chính Trường Cao đẳng kinh tế - kỹ thuật Nghệ An	Kế toán doanh nghiệp Kế toán	ConBB	HCM01091	5	31	MT	66	71	
125	NGUYỄN THỊ MAI	LAN	11/03/1994	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Đại học Ngân Hàng Thành phố Hồ Chí Minh	Tài Chính		HCM00900		44	23	70	70	
126	NGÔ THỊ	HƯƠNG	10/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Bình Phước	Đại học Ngân Hàng TP Hồ Chí Minh Đại học Ngân Hàng TP	Tài Chính Quản trị kinh doanh		HCM00718		42	20	70	70	
127	TRỊNH CÔNG TUẤN	LINH	05/02/1996	Kiểm tra viên thuế	Trung An, Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình	Đại học Tài chính - Marketing	Thuế		HCM01002		42	20	70	70	
128	BÙI TRÀ	MY	20/06/1994	Kiểm tra viên thuế	Chi Nê, Lạc Thủy, Hòa Bình	Trường Học Viện Tài Chính Đại học Tài chính - Ngân	Kế toán Kế toán		HCM01152		39	16	70	70	
129	TRẦN THỊ THANH	THOẢN	06/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Bình Định	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC HUẾ	Kế toán doanh nghiệp	ConTB	HCM01922	5	39	16	65	70	
130	PHẠM NGỌC KIM	LONG	16/12/1988	Kiểm tra viên thuế	Tp. Hồ Chí Minh	Đại Học Kỹ thuật Công nghệ TP Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM01047		36	20	70	70	
131	ĐẶNG THANH	CHÂU	24/02/1992	Kiểm tra viên thuế	TpHCM	Đại học Công Nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính Ngân hàng		HCM00144		36	16	70	70	
132	PHAN THỊ BÍCH	TRÂM	02/01/1990	Kiểm tra viên thuế	14, đường 429, ấp 1, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, tp. HCM	Đại học Lương Thế Vinh	Quản trị kinh doanh		HCM02124		35	15	70	70	
133	HUỲNH	TRANG	21/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Quảng Ngãi	Đại học Công Ngiệp TP. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM02160		31	21	69.5	69.5	
134	NGUYỄN THÙY	ANH	31/10/1981	Kiểm tra viên thuế	Hải Phòng	Học Viện Tài chính Đại học Quốc gia Hà Nội	Tài chính doanh nghiệp Kinh tế chính trị		HCM00057		46	22	69	69	
135	HUỲNH ĐỨC	TÙNG	10/03/1993	Kiểm tra viên thuế	Phổ Thuận, Đức Phổ, Quảng Ngãi	Học Viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông	Kế Toán		HCM02333		45	17	69	69	
136	NGUYỄN NGỌC	PHƯƠNG	28/05/1990	Kiểm tra viên thuế	xóm Chùa, xã Trung Thành, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh Trường Đại học Sư phạm	Luật Vật lý học		HCM01570		44	23	69	69	
137	SƠN THỊ THANH	CHÂU	12/11/1991	Kiểm tra viên thuế	Số 22, ấp B2, xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Trường Đại học Cần Thơ	Kinh tế	DTTS	HCM00153	5	43	24	64	69	
138	NGUYỄN THỊ MINH	HÒA	19/09/1988	Kiểm tra viên thuế	xã Thái Học, Huyện Bình Giang, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh Đại học Đà Nẵng	Tài chính- ngân hàng Ngôn ngữ anh		HCM00635		40	MT	69	69	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
139	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	06/06/1988	Kiểm tra viên thuế	GIA LAI	ĐH KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	TÀI CHÍNH CÔNG		HCM00238		39	22	69	69	
140	TRẦN NGỌC	TÍN	07/03/1991	Kiểm tra viên thuế	Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	Trường Đại học Ngân hang Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính		HCM02088		39	22	69	69	
141	DIỆC LÊ	MANH	19/06/1990	Kiểm tra viên thuế	Quảng Đông - Trung Quốc	Đại học Kinh tế TP.HCM	Kế toán doanh nghiệp	DTTS	HCM01098	5	38	18	64	69	
142	VÕ THỊ LỆ	GIANG	01/06/1984	Kiểm tra viên thuế	QUẢNG BÌNH	ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG	KẾ TOÁN		HCM00420		36	20	69	69	
143	LƯƠNG QUỐC	KỲ	18/02/1989	Kiểm tra viên thuế	Nghệ An	ĐẠI HỌC KINH TẾ TP HCM	Ngân Hàng	DTTS	HCM00880	5	31	18	64	69	
144	NGUYỄN XUÂN	HIẾU	14/01/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã Thạch Mỹ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Kế Toán		HCM00601		44	21	68.5	68.5	
145	DƯƠNG NHẬT HUỲNH	HUY	14/03/1991	Kiểm tra viên thuế	Long An	Trường Đại Học Sài Gòn Trường Đại Học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân Hàng Tài chính - Ngân Hàng		HCM00753		50	26	68	68	
146	PHẠM VĂN	PHÚC	28/10/1984	Kiểm tra viên thuế	58/1 ấp 4, Xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh	Trường Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh Đại học Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp Ngôn ngữ Anh		HCM01536		44	MT	68	68	
147	TRỊNH MINH	NGHĨA	31/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Thanh Hóa	Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		HCM01272		41	16	68	68	
148	PHẠM HỒNG	PHÚC	30/04/1997	Kiểm tra viên thuế	Đức Hòa, Long An	Trường Đại Học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	Kiểm toán		HCM01535		40	18	68	68	
149	LÊ PHAN LOAN	ANH	24/06/1998	Kiểm tra viên thuế	46/5 Hoàng Diệu, phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	Trường Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		HCM00037		38	26	68	68	
150	NGUYỄN THỊ DIỆU	UYÊN	27/04/1993	Kiểm tra viên thuế	Thanh Dương, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Văn Lang	Kế toán		HCM02390		37	20	68	68	
151	VŨ HẢI	ĐĂNG	11/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Hải Dương	Đh kinh tế tphcm	Tài chính nhà nước		HCM00216		36	17	68	68	
152	NGUYỄN THÀNH THU	HIỀN	24/12/1992	Kiểm tra viên thuế	Phù Mỹ - Bình Định	Trường Đại học Công Nghệ TP HCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM00567		30	16	68	68	
153	MAI LÊ	HẠNH	25/07/1984	Kiểm tra viên thuế	Cà Mau	Đại học Kinh Tế Tp Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại		HCM00519		53	24	67	67	
154	VŨ THỊ	HƯỜNG	15/02/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Quang Phục, Huyện Tứ Kỳ, Hải Dương	Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	Luật Kinh tế		HCM00750		52	16	67	67	
155	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	04/11/1980	Kiểm tra viên thuế	Thôn Hậu Nha, xã Hiển Khánh, huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định	Curtin University of Technology	Kinh Doanh Quốc Tế		HCM00524		43	MT	67	67	
156	NGUYỄN TRẦN NHU	NGÂN	05/11/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Hoằng Hợp, Huyện Hoằng Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	Đại học Kinh tế - Luật	Luật Kinh doanh		HCM01245		42	20	67	67	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
157	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	UYÊN	21/10/1995	Kiểm tra viên thuế	TP Hồ Chí Minh	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	Tài chính doanh nghiệp		HCM02392		41	21	67	67	
158	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	07/02/1994	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Tân Túc, Huyện Bình Chánh, TPHCM	Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm TPHCM	Tài chính Doanh nghiệp		HCM02442		40	22	67	67	
159	PHAM THU	HUYỀN	12/12/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Vạn Phúc, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương	Trường ĐH Kinh tế TPHCM	Kế toán Doanh nghiệp		HCM00797		39	20	67	67	
160	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	30/04/1985	Kiểm tra viên thuế	Cẩm Dương - Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh	Trường Đại học Lao Động - Xã Hội	Kế toán		HCM00313		39	17	67	67	
161	VŨ THỊ HỒNG	HÀ	09/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Đông Hưng - Thái Bình	Trường ĐH Tài Chính - Marketing	Ngân hàng		HCM00456		38	19	67	67	
162	LÊ THỊ NGỌC	LINH	24/05/1993	Kiểm tra viên thuế	Hải Thượng, Tĩnh Gia, Thanh Hóa	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán	ConTB	HCM00965	5	34	24	62	67	
163	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG	25/06/1988	Kiểm tra viên thuế	Hà Tĩnh	Học viện Ngân hàng	Chứng khoán		HCM02287		33	23	67	67	
164	NGUYỄN THỊ	HIỆP	25/03/1995	Kiểm tra viên thuế	Cát Hải - Phù Cát - Bình Định	Trường Đại Học Tài nguyên và Môi trường TP HCM	Quản trị kinh doanh bất động sản		HCM00587		32	15	67	67	
165	VĂN HOÀNG	KHÂM	13/08/1991	Kiểm tra viên thuế	9 Đường 799, ấp Phú Bình, xã An Phú, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh	Trường Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Thống kê kinh doanh	HTNVQS	HCM00821	2.5	36	22	64	66.5	
166	HOÀNG MAI	PHƯƠNG	25/10/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Quảng Lộc - Thị xã Ba Đồn - Tỉnh Quảng Bình	Học Viện Tài Chính Học Viện Tài Chính	Tài chính - Ngân hàng Ngôn ngữ Anh		HCM01555		42	MT	66	66	
167	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	30/07/1989	Kiểm tra viên thuế	Nam Định	Đại học Hoa Sen	Kế toán	ConTB	HCM00234	5	42	23	61	66	
168	TRẦN THỊ NGỌC	THU	08/01/1990	Kiểm tra viên thuế	TPHCM	Đại học Kinh tế TPHCM Đại học Nông Lâm TPHCM	Kế toán doanh nghiệp Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên		HCM01938		40	23	66	66	
169	NGUYỄN MINH	TRỌNG	26/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Bình Thạnh,Hồ Chí Minh	Đại học Công Nghiệp	Tài chính Ngân Hàng		HCM02256		39	16	66	66	
170	PHAN THỊ THANH	MAI	15/07/1998	Kiểm tra viên thuế	Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế- Luật	Luật Tài chính- Ngân hàng		HCM01086		37	20	66	66	
171	TRẦN TRƯƠNG MỸ	HOA	24/09/1997	Kiểm tra viên thuế	xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh	Đại học kinh tế TP. HCM	Kế toán doanh nghiệp		HCM00625		36	19	66	66	
172	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG	14/10/1996	Kiểm tra viên thuế	Tổ 5, Khu vực 5, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Đại học Tài chính - Marketing	Thuế		HCM02186		36	17	66	66	
173	NGUYỄN HOÀNG	LAM	28/11/1982	Kiểm tra viên thuế	TP HCM	ĐẠI HỌC LẠC HỒNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	KẾ TOÁN NGÔN NGỮ ANH		HCM00884		31	MT	66	66	
174	BÙI MẠNH	HƯNG	05/06/1990	Kiểm tra viên thuế	Hà Nam	Đại học tài chính Marketing HCM	Tài chính -Ngân hàng		HCM00700		31	19	66	66	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
175	NGUYỄN THỊ THANH	GIANG	14/09/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn Thương Phúc, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội	Trường Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		HCM00408		48	24	65	65	
176	TRẦN THỊ VÂN	ANH	13/11/1994	Kiểm tra viên thuế	Thôn Đông Minh, Xã Thiệu Minh, Huyện Thiệu Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại Học Kinh Tế TP. HCM	Kế Toán Doanh Nghiệp		HCM00072		48	15	65	65	
177	CAO VĂN	MẠNH	15/08/1990	Kiểm tra viên thuế	thôn Liên Hải, xã Quỳnh Liên, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	Đại Học Vinh	Luật		HCM01097		43	16	65	65	
178	NGÔ THỊ HOÀNG	ANH	02/08/1984	Kiểm tra viên thuế	D14/17 ấp 4, xã Bình Chánh, H. Bình Chánh, TP HCM	Trường Đại học Kinh tế TP HCM Trường Đại học Đà Nẵng	Kế toán Ngôn ngữ Anh		HCM00041		42	MT	65	65	
179	PHAN THỊ PHƯỚC	THẢO	01/08/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Hợp Thành, huyện Yên Thành, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế Quản lý Tài nguyên và Môi trường		HCM01864		41	15	65	65	
180	NGUYỄN THỊ	TRANG	14/05/1994	Kiểm tra viên thuế	Đông Phương, Đông Hưng, Thái Bình	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính Tài chính-Ngân hàng		HCM02181		38	23	65	65	
181	TRỊNH HẢI	NAM	25/07/1983	Kiểm tra viên thuế	Xuân Thành - Xuân Trường - Nam Định	Đại học Tài Chính - Marketing	Tài chính - Ngân hàng	CondeNHDKCbiNCDHH	HCM01189	5	38	22	60	65	
182	NGUYỄN THU	TRANG	20/07/1991	Kiểm tra viên thuế	Tu Vũ-Tam Thanh-Phú Thọ	Đại học Kinh tế kỹ thuật, công nghiệp Hà Nội	tài chính doanh nghiệp	ConBB	HCM02194	5	37	18	60	65	
183	NGUYỄN LÂM CẨM	VÂN	04/04/1986	Kiểm tra viên thuế	Đồng Tháp	Đại học Tôn Đức Thắng	Tài chính tín dụng		HCM02405		36	20	65	65	
184	NHAN THỊ	HẰNG	29/07/1998	Kiểm tra viên thuế	xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	Luật Quốc tế	DTTS	HCM00505	5	36	15	60	65	
185	NGÔ THỌ	HUY	18/12/1994	Kiểm tra viên thuế	An Xuân, Tam Kỳ, Quảng Nam	Trường Đại Học Công Nghệ Tp.Hcm	Quản trị kinh doanh		HCM00758		34	19	65	65	
186	PHAN THỊ CẨM	TÚ	20/11/1992	Kiểm tra viên thuế	Nhân Thành, huyện Yên Thành, Nghệ An	Đại học Kinh doanh & Công nghệ Hà Nội	Tài chính		HCM02307		31	18	65	65	
187	TRƯƠNG THỊ	TUYẾT	29/05/1982	Kiểm tra viên thuế	Đồng Tháp	Trường Đại học Công Nghệ TPHCM	Kế toán		HCM02377		30	MT	65	65	
188	TẠ THỊ	DIỆU	05/05/1997	Kiểm tra viên thuế	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Kế tóan doanh nghiệp		HCM00272		48	19	64	64	
189	LÊ THỊ THU	THẢO	21/07/1991	Kiểm tra viên thuế	phường Lê Bình, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Đại học Kinh Tế TP.HCM Đại học Mở TP.HCM	Tài chính - Ngân hàng (Tài chính) Tài chính - Ngân hàng		HCM01826		45	15	64	64	
190	BÙI THỊ	DIỄM	27/10/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Bình Sa, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại Học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		HCM00242		44	17	64	64	
191	TRANG THANH	TUYỀN	03/05/1976	Kiểm tra viên thuế	Xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	Trường Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh Trường Đại học khoa học	Kế toán Ngữ văn Anh		HCM02366		41	MT	64	64	
192	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THỨC	19/05/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Mỹ Tân, Huyện Mỹ Lộc, Tỉnh Nam Định	Trường Đại học Tài chính - Marketing Trường Đại học Công	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng		HCM01981		41	15	64	64	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
193	BÙI THỊ	LIÊN	14/09/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM00926		40	17	64	64	
194	PHAN VÕ PHƯƠNG	THẢO	11/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Hải Thượng, Hải Lăng, Quảng Trị	Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kiểm toán		HCM01866		40	15	64	64	
195	TẠ VĂN	LỘC	20/02/1990	Kiểm tra viên thuế	Đồng Sơn, Nam Trực, Nam Định	Central Queensland University	Kế Toán		HCM01034		38	MT	64	64	
196	VÕ TRỌNG	ĐẠT	09/02/1998	Kiểm tra viên thuế	Số 86 Đường Điện Biên, Phường Cửa Bắc, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định	Học Viện Tài Chính	Thuế		HCM00239		36	16	64	64	
197	NGUYỄN THỊ	XOAN	28/11/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Nam Điền, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp	TTTTN	HCM02487	2.5	45	23	61	63.5	
198	LY VĨNH	KHIÊM	23/01/1990	Kiểm tra viên thuế	Tam Quan, Hoài Nhơn, Bình Định	Trường Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		HCM00838		47	15	63	63	
199	ĐOÀN LÊ ÁNH	MINH	23/04/1985	Kiểm tra viên thuế	Hòa Phú, Châu Thành, Long An	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Tài chính doanh nghiệp		HCM01109		45	27	63	63	
200	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	04/01/1997	Kiểm tra viên thuế	233/2, tổ 4, ấp 7, xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Tp. HCM	Trường ĐH Lao động- Xã hội (CS2)	Kế toán		HCM02304		40	20	63	63	
201	NHÂM MAI THÙY	AN	03/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Trường Đại học Ngoại thương cơ sở 2	Quản trị kinh doanh quốc tế		HCM00015		39	21	63	63	
202	NGUYỄN QUÝ	KHANH	23/05/1993	Kiểm tra viên thuế	Kỳ Phú, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Đại Học Ngoại Thương	Kinh doanh quốc tế	ConTB	HCM00828	5	38	24	58	63	
203	NGUYỄN THỊ THÚY	MAI	09/01/1992	Kiểm tra viên thuế	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Sài Gòn	Kế toán		HCM01083		37	19	63	63	
204	ĐỖ THI KIM	LAN	11/12/1989	Kiểm tra viên thuế	Thừa Thiên Huế	Đại Học Quốc Tế Hồng Bàng Thành Phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm Toán		HCM00893		34	20	63	63	
205	NGUYỄN TRÍ	XUÂN	17/11/1996	Kiểm tra viên thuế	Quãng trị	Trường đại học kinh tế thành phố hồ chí minh	Kế toán		HCM02495		33	18	63	63	
206	TRẦN THỊ THƯƠNG	HUYỀN	26/12/1991	Kiểm tra viên thuế	Nghệ An	Trường Đại Học Công Nghiệp TP HCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM00800		32	17	63	63	
207	VƯƠNG HOÀNG	LÂM	09/11/1992	Kiểm tra viên thuế	Hải Hậu, Nam Định	Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán tài chính		HCM00891		30	16	63	63	
208	CAO THỊ HOÀNG	OANH	17/05/1995	Kiểm tra viên thuế	Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế TP HCM	Tài chính		HCM01494		45	15	62	62	
209	TRƯƠNG THẢO	NHI	14/04/1993	Kiểm tra viên thuế	TX.Ninh Hoà, Khánh Hoà	Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		HCM01410		43	16	62	62	
210	VĂN THỊ	QUÝ	21/05/1980	Kiểm tra viên thuế	Nghệ An	Trường đại học Kinh tế Quốc dân Trường Đại học Kinh tế	Kế toán, tài vụ và phân tích hoạt động kinh doanh	ConTB	HCM01625	5	41	MT	57	62	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
211	TRẦN THỊ	TUYỀN	22/03/1993	Kiểm tra viên thuế	Kim Xá, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	Trường Đại học Công Nghệ Tp HCM Đại Học Đà Nẵng	Tài Chính Ngân Hàng Ngôn ngữ Anh		HCM02347		39	MT	62	62	
212	BÙI HOÀNG	DUNG	05/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Thành phố Hồ Chí Minh	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính		HCM00289		37	20	62	62	
213	LÝ THUỲ	LINH	31/10/1990	Kiểm tra viên thuế	Cai Bộ, Quảng Uyên,Cao Bằng	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM	Kế toán	DTTS	HCM00969	5	36	23	57	62	
214	PHẠM THỊ THANH	HUYỀN	04/12/1984	Kiểm tra viên thuế	Hải Đường, Hải Hậu, Nam Định	Trường Đại học Kinh Tế TP HCM Trường Đại học Kinh Tế	Tài chính ngân hàng Tài chính ngân hàng		HCM00796		34	21	62	62	
215	NGÔ BẢO	LÂM	29/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Thôn Đông Thái, Xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế	Đại học Hoa Sen	Quản trị kinh doanh		HCM00887		33	20	62	62	
216	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	KHUÊ	03/07/1989	Kiểm tra viên thuế	Thuận Thành, thành phố Huế, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị		HCM00853		33	17	62	62	
217	DƯƠNG KHẢ	TÚ	09/05/1983	Kiểm tra viên thuế	Sóc Trăng	Đại Học Cần Thơ	Kinh Tế Nông Nghiệp		HCM02293		32	21	62	62	
218	TRẦN QUANG	HIỂN	31/07/1983	Kiểm tra viên thuế	35/1A đường Phan Văn Đối, ấp Tiền Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí	Đại học Tôn Đức Thắng	Quản trị kinh doanh		HCM00585		42	17	61	61	
219	TRẦN THÚY	HẠNH	26/01/1998	Kiểm tra viên thuế	Quảng Bình	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HCM00533		38	17	61	61	
220	VŨ NGỌC	TÚ	04/01/1993	Kiểm tra viên thuế	Minh Lộc - Hậu Lộc - Thanh Hóa	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HCM02314		36	19	61	61	
221	NGUYỄN THỊ TRANG	THƠ	26/02/1989	Kiểm tra viên thuế	TP HCM	Đại học Tài chính-Marketing	Tin học-Kế toán		HCM01907		36	18	61	61	
222	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂN	15/06/1994	Kiểm tra viên thuế	Bắc Hoa, Tân Thạnh, Long An	ĐH Tài Nguyên và Môi Trường TP. HCM	Quản trị Kinh doanh Tổng hợp		HCM02141		35	17	61	61	
223	NGUYỄN VIỆT	TÙNG	29/03/1995	Kiểm tra viên thuế	ĐÔNG TÂN, THÀNH PHỐ THANH HOÁ, TỈNH THANH HOÁ	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THUỶ LỢI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP NGÔN NGỮ ANH		HCM02335		33	MT	61	61	
224	TRỊNH THỊ CẨM	VÂN	03/09/1995	Kiểm tra viên thuế	TP Hồ Chí Minh	Đại học Công Nghệ TPHCM	Luật kinh tế		HCM02418		31	16	61	61	
225	LÊ THỊ Y	VÂN	30/04/1993	Kiểm tra viên thuế	xã Xuân Sơn Nam, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	Đại học Kinh tế TP. HCM	Kinh tế Kế hoạch và Đầu tư		HCM02404		48	26	60	60	
226	NGUYỄN THỊ THANH	TÚ	15/08/1996	Kiểm tra viên thuế	Nghệ An	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HCM02305		45	26	60	60	
227	BÙI NGỌC	DUNG	01/08/1989	Kiểm tra viên thuế	Tiền Giang	Trường Đại học Quốc Tế Hồng Bàng	Tài chính ngân hàng		HCM00290		45	15	60	60	
228	NGUYỄN LA DIỄN	NHI	21/07/1992	Kiểm tra viên thuế	Đa Lộc, Đồng Xuân, Phú Yên	Trường Đại Học Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	Tài Chính Công		HCM01395		45	15	60	60	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
229	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	NAM	14/12/1989	Kiểm tra viên thuế	Thuận Thành, Bắc Ninh	Đại học Kinh tế quốc dân Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế quốc tế Kinh doanh và quản lý		HCM01180		40	21	60	60	
230	ĐÀO BẠCH	HÀ	19/06/1987	Kiểm tra viên thuế	Hà Nội	Đại Học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM00428		34	15	60	60	
231	MAI NGỌC	ĐỊNH	07/02/1992	Kiểm tra viên thuế	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh Đại học Ngân hàng TP	Quản trị kinh doanh (Hướng nghiên cứu) Quản trị kinh doanh		HCM00275		47	18	59	59	
232	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	GIANG	17/08/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP.HCM	Trường Đại học Văn Lang	Kế Toán		HCM00403		43	19	59	59	
233	ĐINH THỊ THÙY	DUNG	29/08/1990	Kiểm tra viên thuế	NGHỆ AN	ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP		HCM00292		36	MT	59	59	
234	ĐOÀN NGỌC	LONG	20/10/1996	Kiểm tra viên thuế	Quảng Tiến, Ba Đồn, Quảng Bình	Trường đại học công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Tài chính doanh nghiệp		HCM01044		35	23	59	59	
235	ĐỖ THỊ BÍCH	ĐÀO	12/02/1987	Kiểm tra viên thuế	Êaphê, Krông păc, Đăklăk	Trường Đại Học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Tài Chính Ngân hàng		HCM00224		34	24	59	59	
236	VÕ THỊ KIM	NGÂN	15/02/1996	Kiểm tra viên thuế	ẤP PHÚ AN, XÃ PHÚ QUÝ, THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG	ĐẠI HỌC LUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUẢN TRỊ KINH DOANH		HCM01259		32	18	59	59	
237	DƯƠNG THỊ	MỪNG	26/09/1996	Kiểm tra viên thuế	Xóm 4, Khánh Thuỷ, Yên Khánh, Ninh Bình	Đại học Luật Hà Nội	Luật		HCM01148		50	16	58	58	
238	LÊ THỊ KHÁNH	HUYỀN	24/04/1991	Kiểm tra viên thuế	Hà Tĩnh	Trường Đại học Công Nghiệp TP.HCM	Tài chính – Ngân hàng		HCM00778		49	25	58	58	
239	NGÔ VÕ KIM	HÀ	22/09/1990	Kiểm tra viên thuế	Thừa Thiên - Huế	Đại học Công nghệ TP.HCM	Quản trị kinh doanh		HCM00435		43	20	58	58	
240	HUỲNH QUANG	THỌ	03/12/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Vĩnh Hiệp, Huyện Vĩnh Thạnh, Bình Định	Trường Đại học Kinh Tế TPHCM	Tài chính		HCM01910		40	21	58	58	
241	TRẦN LAN	THANH	03/01/1997	Kiểm tra viên thuế	Tổ 11, ấp Phước Kế, xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Kiểm toán		HCM01778		40	19	58	58	
242	PHẠM LÊ THANH	XUÂN	17/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Nam Định	ĐH Tôn Đức Thắng	Kế Toán		HCM02496		37	25	58	58	
243	NGUYỄN HỒNG	HẠNH	02/11/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Văn Phú, Xã Mỹ Thọ, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Lunghwa	Quản trị kinh doanh		HCM00521		34	MT	58	58	
244	NGUYỄN THÀNH	VINH	25/01/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội Trường Đại học Tài chính	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng		HCM02449		34	20	58	58	
245	VŨ THỊ HỒNG	NGỌC	17/04/1994	Kiểm tra viên thuế	Nam Định	Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM01321		34	15	58	58	
246	NGUYỄN CHIÊU ANH	KHA	29/08/1988	Kiểm tra viên thuế	Quận 10, TP Hồ chí Minh	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH	KINH DOANH QUỐC TẾ		HCM00813		31	20	58	58	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
247	AO KIM	THANH	20/04/1985	Kiểm tra viên thuế	Dĩ An, Bình Dương	Đại Học Ngân Hàng Tp HCM	Tài chính - tín dụng		HCM01753		52	22	57	57	
248	PHẠM HỒNG	NHUNG	28/01/1997	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Trường Đại học Công Nghệ TP. Hồ Chí Minh	Luật kinh tế		HCM01470		47	17	57	57	
249	NGUYỄN THỊ THUY	QUỲNH	01/04/1997	Kiểm tra viên thuế	Số 8, ngõ 77, đường Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Vinh, Nghệ An	Học Viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HCM01663		46	21	57	57	
250	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	30/06/1997	Kiểm tra viên thuế	Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế TPHCM	Kiểm toán		HCM01658		46	16	57	57	
251	NGUYỄN THÚY	HUỲNH	04/08/1989	Kiểm tra viên thuế	15A đường số 13, phường Bình Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh Đại học Mở TPHCM	Kế toán Luật Kinh tế		HCM00807		45	18	57	57	
252	TRẦN THỊ THANH	THU	11/09/1997	Kiểm tra viên thuế	Hà Nam	Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh Trường Đại học Luật	Quản Trị - Luật Quản trị kinh doanh		HCM01958		43	20	57	57	
253	LÊ THỊ THIỆN	MỸ	13/03/1990	Kiểm tra viên thuế	xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Tp.Hồ Chí Minh	Đại Học Luật Tp Hồ Chí Minh	Luật		HCM01168		42	MT	57	57	
254	HOÀNG MẠNH	HÙNG	21/05/1989	Kiểm tra viên thuế	xã Đức Châu, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Trường Đại Học Lạc Hồng Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh Kỹ thuật công trình xây dựng		HCM00694		34	15	57	57	
255	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VINH	22/06/1991	Kiểm tra viên thuế	Phan Thiết, Bình Thuận	Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM02451		33	21	57	57	
256	NGUYỄN THỊ	HÀ	07/11/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã An Mỹ - Huyện Bình Lục - Tỉnh Hà Nam	Đại Học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		HCM00440		41	15	56	56	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
VIII. Cán sự làm Công nghệ thông tin															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH TRÀ VINH

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 16 /6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	THẠCH KIM	KHÁNH	28/02/1991	Chuyên viên	Thanh Sơn, Trà Cú, Trà Vinh	Trường Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng	DTTS	TVI02627	5	44	18	59	64	
2	LÊ VĂN	HÓA	06/06/1997	Chuyên viên	Hiệp Thạnh, Duyên Hải, Trà Vinh	Trường Đại học Trà Vinh	Luật		TVI02606		45	19	61	61	
3	PHAN QUỐC	CHINH	09/08/1993	Chuyên viên	Bình Phú, Càng Long, Trà Vinhh	Đại Học Cần Thơ	Kinh doanh quốc tế	HTNVQS	TVI02562	2.5	44	21	55	57.5	
4	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	08/07/1982	Chuyên viên	TPTV, tỉnh Trà Vinh	Đại học Trà Vinh	Quản trị kinh doanh		TVI02727		38	MT	50	50	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	BÍ NGUYỄN HỒNG	QUÂN	19/01/1993	Kiểm tra viên thuế	Ấp Giồng Trôm - xã Long Toàn - tx. Duyên Hải - tỉnh Trà Vinh	Đại học Cần Thơ	Kinh doanh quốc tế		TVI01609		48	19	85	85	
2	LÂM TRẦN SƠN NGỌC THIỀN	NGA	16/12/1985	Kiểm tra viên thuế	Mỹ Hòa- Cầu Ngang- Trà Vinh	Đại Học Dân Lập Cửu Long Đại Học Trà Vinh	Tài Chính Tín Dụng Quản trị kinh doanh		TVI01204		39	18	70	70	
3	PHAN THỊ NGỌC	QUÍ	17/11/1993	Kiểm tra viên thuế	Long Toàn, Duyên Hải, Trà Vinh	Trường Đại học mở Thành Phố Hồ Chí Minh	Kế toán		TVI01620		30	26	68	68	
4	ĐOÀN PHẠM QUANG	LÝ	15/11/1992	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Càng Long, Trà Vinh	Trường Đại học Trà Vinh Trường Đại học Trà Vinh	Kế toán Quản lý kinh tế		TVI01066		36	18	62	62	
5	DƯƠNG NGỌC	HUYỀN	19/10/1994	Kiểm tra viên thuế	Đại Phước, Càng Long, Trà Vinh	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		TVI00773		38	21	60	60	
6	NGUYỄN VŨ	HẢO	20/02/1994	Kiểm tra viên thuế	Nhị Long Phú, Càng Long, Trà Vinh	Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội	Luật		TVI00538		40	16	58	58	
7	NGUYỄN THỊ XUÂN	TÂM	14/02/1996	Kiểm tra viên thuế	Hòa Ân, Cầu Kè, Trà Vinh	Trường Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		TVI01716		42	25	51	51	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	NGUYỄN THỊ HỒNG	DÂN	11/06/1986	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	An Bình - Hòa Tân - Cầu Kè - Trà Vinh	Trường Đại Học Trà Vinh	Kỹ sư công nghệ thông tin		TVI02855		34	17	69	69	
2	TRẦN QUỐC	ĐỊNH	03/12/1991	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Trà Vinh	Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp.HCM	Mạng máy tính		TVI02858		34	15	62	62	
V. Cán sự															

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
VIII. Cán sự làm Công nghệ thông tin															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH VĨNH LONG

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 16 /6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
II. Kiểm tra viên thuế															
1	TRẦN MỸ LAN	CHI	01/10/1989	Kiểm tra viên thuế	Thới Hòa, Trà Ôn,Vĩnh Long	Đại Học Ngân Hàng TP.HCM Đại Học Ngân Hàng	Tài Chính Ngân Hàng Tài Chính Ngân Hàng		VLO00168		48	24	75	75	
2	TRẦN MINH	THƯ	25/12/1997	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Long	ĐH Luật TP.HCM	Luật Thương Mại-Dân sự- Quốc tế		VLO01956		43	16	73	73	
3	HUỲNH HỒNG	THẮM	06/07/1983	Kiểm tra viên thuế	tổ 12, ấp Tân Vĩnh, xã Tân Lược, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long	Trường Đại học Nha Trang Trường Trung học DL	Kế toán Hạch toán kế toán		VLO01746		35	MT	71	71	
4	HOÀNG THỊ	TÚ ANH	12/07/1996	Kiểm tra viên thuế	Cái Vồn, Bình Minh, Vĩnh Long	Trường Đại học Cần Thơ	Kiểm Toán		VLO02316		39	18	67	67	
5	NGUYỄN VĨNH HÀ	GIANG	31/12/1996	Kiểm tra viên thuế	30A, Nguyễn Trung Trực, phường 8, TPVL, Tỉnh Vĩnh Long	Đại học Cần Thơ	Tài chính ngân hàng		VLO00411		37	15	67	67	
6	LÊ THỊ THÙY	LINH	07/08/1982	Kiểm tra viên thuế	TAM BÌNH, VĨNH LONG	Trường đại học Cần Thơ	Kinh tế Nông nghiệp		VLO00966		33	18	66	66	
7	LƯU NGUYỄN TƯỜNG	VI	14/02/1993	Kiểm tra viên thuế	xã Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định	Trường Đại học Kinh tế TPHCM	Kế toán		VLO02429		37	21	65	65	
8	TRẦN HOÀNG	LỄ	30/10/1997	Kiểm tra viên thuế	Long Phước, Long Hồ, Vĩnh Long	Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	Luật Thương mại		VLO00917		50	17	64	64	
9	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	27/05/1992	Kiểm tra viên thuế	ấp Giồng Bèn, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	Trường Đại học Cửu Long	Tài chính - Ngân hàng		VLO02506		41	18	64	64	
10	HỒ THỊ HUỲNH	NHƯ	19/01/1987	Kiểm tra viên thuế	Chợ Mới, An Giang	Đại Học Cần Thơ Đại Học Cần Thơ	Quản Trị Kinh doanh du lịch và dịch vụ Anh Văn		VLO01432		39	MT	62	62	
11	TRẦN QUỐC	HUY	20/02/1985	Kiểm tra viên thuế	Vũng Liêm	Đại học kinh tế Hồ Chí Minh	Tài chính Nhà nước		VLO00767		38	15	61	61	
12	VÕ NGỌC	TỐ QUYNH	05/07/1985	Kiểm tra viên thuế	Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	Đại học Cần Thơ	Tài chính Tín dụng		VLO02095		38	22	59	59	
13	TRẦN THỊ NGUYỆT	ÁNH	18/11/1994	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Long	Trường ĐH Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	Ngân Hàng		VLO00085		31	18	53	53	
14	HỒ MINH	CHÂU	15/04/1993	Kiểm tra viên thuế	tỉnh Vĩnh Long	Trường Đại Học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Ngân hàng		VLO00146		33	19	52	52	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
15	ÂU THANH NGÂN	GIANG	25/05/1996	Kiểm tra viên thuế	Ấp Chợ Mới, xã trung Chánh, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long	Trường đại học Cần Thơ	Kiểm toán		VLO00397		38	16	50	50	
16	ĐÀO MAI HÀ	ANH	25/07/1993	Kiểm tra viên thuế	thị trấn Cái Vồn, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	Trường Đại học Cần Thơ	Tài Chính Ngân Hàng		VLO00029		33	15	50	50	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU	18/07/1992	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Phụng Hiệp, Hậu Giang	Trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Vĩnh Long	Công nghệ thông tin		VLO02869		40	15	69	69	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
VIII. Cán sự làm Công nghệ thông tin															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CƠ QUAN TỔNG CỤC THUẾ

(Kèm theo Quyết định số 1096 /QĐ-BTC ngày 4 / 6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	27/10/1997	Chuyên viên	XÃ TRUNG CHÂU, HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, HÀ NỘI	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	HẢI QUAN VÀ NGHIỆP VỤ NGOẠI THƯƠNG		TCT04357		35	18	87.6	87.6	
2	LÊ MINH	HẰNG	22/04/1997	Chuyên viên	135 khu 6 Diêm Điền, Thái Thụy, Thái Bình	Đại học Luật Hà Nội	Luật		TCT04514		46	16	87.5	87.5	
3	TRẦN QUANG	HUY	22/02/1993	Chuyên viên	Thị trấn Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		TCT04670		42	27	87.5	87.5	
4	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	19/02/1992	Chuyên viên	Xóm Hoành trực, xã Văn Hải, Kim Sơn, Ninh Bình	Trường Đại Học Công Nghiệp Việt-Hung	Tài Chính-Kế Toán		TCT04643		49	22	87	87	
5	HOÀNG THANH	XUÂN	28/09/1997	Chuyên viên	Xã Lê Thanh,Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội	Đại học Luật Hà Nội	Ngành Luật		TCT05251		48	18	86.5	86.5	
6	NGUYỄN THỊ THANH	BÌNH	17/10/1993	Chuyên viên	xã Tân Tiến- huyện Gia Lộc- tỉnh Hải Dương	Đại học lao động xã hội	Kế toán		TCT04369		36	22	86.5	86.5	
7	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	27/03/1996	Chuyên viên	xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kiểm toán		TCT04434		52	18	85	85	
8	NGUYỄN THỊ HẢI	ANH	25/09/1993	Chuyên viên	Xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Học viện Tài Chính	Kiểm toán	ConTB	TCT04329	5	54	25	79	84	
9	NGUYỄN NGỌC	ANH	26/12/1993	Chuyên viên	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	Đại học Công Nghiệp Việt - Hung	Tài chính - Ngân hang		TCT04324		48	16	83.9	83.9	
10	HÀ HẢI	THƯƠNG	14/11/1998	Chuyên viên	xã Phúc Chu, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên	Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế	DTTS	TCT05095	5	44	19	78.4	83.4	
11	NGUYỄN THỊ MINH	NGUYỆT	12/08/1996	Chuyên viên	Chất Bình, Kim Sơn, Ninh Bình	Trường Đại học Thủy Lợi	Kế toán xây dựng		TCT04907		46	15	83	83	
12	LÒ THỊ NAM	PHƯƠNG	09/11/1994	Chuyên viên	Số 99 tổ 16 phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phu, tỉnh Điện Biên	Đại học Kinh tế Quốc Dân Đại học Kinh tế Quốc Dân	Tài chính Doanh Nghiệp Quan trị Nhân lực	DTTS	TCT04943	5	40	20	78	83	
13	NGUYỄN THỊ THUÝ	HẰNG	06/08/1996	Chuyên viên	Nghệ An	Đại học ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		TCT04520		50	22	82.5	82.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
14	GIANG THỊ	HẠNH	09/06/1988	Chuyên viên	Hưng Yên	Đại học Mỏ Địa Chất	Kế toán Doanh nghiệp		TCT04533		50	22	82.5	82.5	
15	TỪ VĂN	BẮC	23/10/1996	Chuyên viên	xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	Đại học Luật Hà Nội	Luật		TCT04361		44	17	82.5	82.5	
16	ĐÀO THU	HƯỜNG	27/10/1997	Chuyên viên	Đông Hưng, Thái Bình	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng		TCT04659		41	22	82.5	82.5	
17	LÊ NGỌC	ANH	25/08/1998	Chuyên viên	Hải Dương	University of Greenwich Học viện Tài chính	Kế toán - Tài chính Tài chính - Ngân hàng		TCT04302		39	MT	82.5	82.5	
18	LÊ THANH GIA	KHÁNH	30/01/1997	Chuyên viên	Hải Lăng, Quảng Trị	Texas Christian University	Kinh tế		TCT04705		57	MT	82	82	
19	PHẠM MINH	TÂM	13/11/1989	Chuyên viên	Lâm Sa, Bá Thước, Thanh Hóa	Học viện Tài chính Học viện Tài chính	Tài chính - Ngân hàng Kế toán		TCT05006		55	25	82	82	
20	ĐOÀN SƠN	TÙNG	02/01/1996	Chuyên viên	Xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Trương Đại học Kinh tế quốc dân	Luật kinh doanh quốc tế		TCT05213		52	23	82	82	
21	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	27/11/1998	Chuyên viên	Hồng Châu, Thành phố Hưng Yên, Hưng Yên	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật		TCT04491		46	24	82	82	
22	PHẠM THỊ THÙY	LINH	22/11/1998	Chuyên viên	Xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	Đại học Hàng Hai Việt Nam	Luật Hàng Hải		TCT04786		35	17	82	82	
23	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	03/05/1995	Chuyên viên	Hồng Việt-Đông Hưng-Thái Bình	Đại học Kinh tế-Kỹ thuật-Công nghiệp	Tài chính Doanh nghiệp		TCT04444		38	15	81.7	81.7	
24	NGUYỄN THỊ MAI	HƯƠNG	14/10/1991	Chuyên viên	Thôn 4, xã Chàng Sơn, Huyện Thạch Thất, Tp. Hà Nội	Học viện tài chính Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp Tài chính - ngân hàng		TCT04647		51	24	81.5	81.5	
25	NGUYỄN ĐỨC	ANH	10/08/1995	Chuyên viên	14 Canh Nông 2, P. Quang Trung, Tp. Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Học viện tài chính	Quản trị doanh nghiệp		TCT04317		45	25	81.5	81.5	
26	TRẦN THÙY	LINH	04/08/1997	Chuyên viên	Nhân Mỹ, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học Luật Hà Nội	Luật học	DTTS	TCT04790	5	39	26	76.5	81.5	
27	NGUYỄN CẨM	LỆ	03/12/1991	Chuyên viên	Tân Thịnh, Lạng Giang, Bắc Giang	Trường Đại học Công Nghệ và Quản Lý Hữu Nghị	Kế Toán	DTTS	TCT04721	5	52	27	76	81	
28	CAO THỊ QUỲNH	TRANG	06/10/1998	Chuyên viên	Thôn Ngô Xá, xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	Học viện Tài chính	Quản lý tài chính công		TCT05147		45	24	80.5	80.5	
29	NGÔ HỒNG	TUYẾN	01/06/1997	Chuyên viên	T t Yên Mỹ, Yên Mỹ, Hưng Yên	Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội	Luật học		TCT05220		43	16	80.5	80.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
30	HOÀNG NGỌC	CƯƠNG	25/03/1997	Chuyên viên	Huyện Lạng Giang, Bắc Giang	Đại học luật Hà Nội	Luật		TCT04399		36	22	80.5	80.5	
31	NGUYỄN THÀNH	LONG	25/08/1994	Chuyên viên	Vĩnh Khúc - Văn Giang - Hưng Yên	Khoa Quốc Tế - Đại học quốc gia Hà Nội	Kinh doanh quốc tế		TCT04800		48	MT	80.3	80.3	
32	NGUYỄN THỊ	NGỌC	12/04/1985	Chuyên viên	xã Hòa An – Huyện Thái Thụy - Tỉnh Thái Bình	Đại Học Lạc Hồng	Tài Chính-Ngân Hàng		TCT04892		53	23	80.2	80.2	
33	TRẦN THỊ PHƯƠNG	HOA	23/11/1990	Chuyên viên	Nam Định	Trường Đại học Công Đoàn	Ngân hàng thương mại		TCT04587		49	20	80	80	
34	LÊ	AN	04/11/1998	Chuyên viên	Hà Nam	Học viện Tài chính	Quản lý Tài chính công		TCT04280		46	26	80	80	
35	NGÔ PHƯƠNG	THẢO	06/03/1997	Chuyên viên	Trầm Lộng, Ứng Hoà, Hà Nội	Khoa Luật - Đại học Quốc Gia Hà Nội	Luật học		TCT05046		41	20	79.8	79.8	
36	LÊ THỊ	HOÀI	26/01/1994	Chuyên viên	Yên Bài - Ba Vì - Hà Nội	Đại học Luật Hà Nội	Luật	DTTS	TCT04591	5	51	21	74.3	79.3	
37	LÊ THỊ MINH	NHẬT	03/08/1995	Chuyên viên	Hải Hậu, Nam Định	Học Viện Tài Chính Học Viện Tài Chính	Kế Toán Kế Toán		TCT04914		49	25	79	79	
38	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	06/11/1988	Chuyên viên	Xã Thịnh Liệt - huyện Thanh Trì - Hà Nội	Đại học Công Đoàn	Quản Trị Kinh Doanh		TCT05163		56	30	78.9	78.9	
39	TRẦN NGỌC	HOÀNG	25/09/1992	Chuyên viên	Xóm 6, Xã Nghĩa Đồng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		TCT04601		50	21	78.5	78.5	
40	NGUYỄN MINH	CHÂU	09/07/1996	Chuyên viên	phường Giang Biên - quận Long Biên - thành phố Hà Nội	Viện Công Nghệ Hoàng Gia Melbourne	Kinh doanh quốc tế		TCT04373		49	MT	78.5	78.5	
41	ĐỖ THỊ THU	HÀ	23/04/1997	Chuyên viên	Hà Nội	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán		TCT04474		49	20	78.5	78.5	
42	PHAN CÔNG	HUY	17/09/1995	Chuyên viên	Nam Đàn, Nghệ An	Trường đại học Huddersfield	Ngân hàng tài chính		TCT04669		33	MT	78.5	78.5	
43	DƯƠNG THỊ THU	THỦY	23/09/1995	Chuyên viên	Đại Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	Học viện Tài chính	Quản lý Tài chính công		TCT05112		32	15	78.3	78.3	
44	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	TRÀ	26/03/1997	Chuyên viên	Thanh Hoá	Đại học Luật Hà Nội	Luật kinh tế		TCT05140		48	20	78	78	
45	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	09/06/1998	Chuyên viên	Thôn An Lộc Thượng, xã Yên Hồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		TCT05060		44	18	78	78	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
46	TRẦN LÊ	HOÀNG	18/06/1997	Chuyên viên	Tam Nông, Phú Thọ	Học Viện Cảnh Sát nhân dân	Luật		TCT04599		42	30	78	78	
47	TRẦN THỊ BẠCH	KHUYÊN	14/09/1997	Chuyên viên	phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản lý kinh tế		TCT04709		36	22	78	78	
48	LÊ KIM	CHI	28/02/1998	Chuyên viên	Hà Tĩnh	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp	ConTB	TCT04378	5	31	16	72.8	77.8	
49	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	HÀ	20/06/1997	Chuyên viên	Xã Việt Thuận, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình	Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội	Luật		TCT04487		42	20	77.5	77 5	
50	NGUYỄN THỊ HẢI	DUYÊN	20/08/1996	Chuyên viên	Đông Hưng, Thái Bình	Đại học Lao động Xã hội Đại học Gloucestershire	Kế toán Khoa học tự nhiên	ConAHLD	TCT04451	5	40	MT	72 5	77.5	
51	LƯƠNG THỊ MAI	ANH	04/11/1984	Chuyên viên	Kiến An, Hải Phòng	Đại học giao thông vận tải Đại học tài chính Quảng Tây TQ	Quản Trị Kinh Doanh Tài chính	ConTB	TCT04310	5	37	MT	72.4	77.4	
52	TRẦN MINH	SƠN	21/02/1993	Chuyên viên	Vĩnh Hòa, Vĩnh Lộc, Thanh Hóa	Học Viện Tài Chính	Kế Toán Công		TCT05002		52	26	77	77	
53	NGUYỄN THỊ QUỲNH	PHƯƠNG	30/07/1994	Chuyên viên	Thôn Vĩnh Lạc, xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	Đại Học Kinh Tế- ĐHQGHN Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN	Tài chính - ngân hàng Sư phạm tiếng Trung Quốc		TCT04956		48	MT	77	77	
54	LÊ THỊ CẨM	TÚ	02/02/1994	Chuyên viên	Đức Thành, Yên Thành, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính công		TCT05202		48	23	77	77	
55	NGUYỄN THU	HỒNG	27/12/1997	Chuyên viên	Thị trấn Chi Nê, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	Khoa Luật - Đại Học Quốc gia Hà Nội	Luật CLC		TCT04608		47	22	77	77	
56	TRỊNH THỊ THANH	HUYỀN	23/03/1990	Chuyên viên	Đồng Tâm, Ninh Giang, Hải Dương	Học viện Tài Chính	Kiểm toán		TCT04699		39	15	77	77	
57	LÃNH THANH	VÂN	18/09/1996	Chuyên viên	Xuân Trường, Bảo Lạc, Cao Bằng	Đại học Kinh tế Quốc Dân	Tài chính		TCT05235		43	MT	76 1	76.1	
58	LÊ XUÂN	HÀ	28/10/1994	Chuyên viên	Tăng Thành, Yên Thành, Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính công		TCT04477		56	26	76	76	
59	ĐẶNG NHẬT	YÊN	01/04/1997	Chuyên viên	Xã Thạch Long, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kiểm sát Hà Nội	Luật		TCT05257		54	21	76	76	
60	NGUYỄN QUỲNH	ANH	10/09/1997	Chuyên viên	37 ngách 50 ngõ 178 Phan Trọng Tuệ, Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội	Luật học		TCT04325		47	21	75 4	75 4	
61	NGUYỄN BẢO	NGỌC	14/06/1996	Chuyên viên	Xã Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình	Trường đại học luật Hà Nội			TCT04887		55	21	75.3	75 3	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
62	TRƯƠNG THỊ THANH	HÀ	23/12/1992	Chuyên viên	Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Công đoàn	Kế toan		TCT04501		56	22	75	75	
63	PHAM ANH	DÚC	14/12/1998	Chuyên viên	Bắc Ninh	Học Viện Tài Chính	thuế	ConTB	TCT04422	5	47	19	70	75	
64	NGUYỄN HAI	HƯNG	26/09/1982	Chuyên viên	Thôn Nguyễn, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	Đại học Thương mai Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toan tài chính doanh nghiệp thương mại Kinh tế		TCT04629		46	17	75	75	
65	VŨ NGỌC	DIỆP	04/09/1998	Chuyên viên	Đức Chính, Đông Triều, Quảng Ninh	Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế		TCT04415		46	23	74.9	74.9	
66	ĐẶNG THỊ QUỲNH	HƯƠNG	21/12/1993	Chuyên viên	Gia Khánh- Gia Lộc- Hai Dương	Trường Đại học Quốc tế Bắc Hà	Tài chính - Ngân hàng		TCT04633		42	17	74 9	74.9	
67	VŨ THÙY	LINH	24/12/1998	Chuyên viên	Tân Việt, Bình Giang, Hải Dương	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật		TCT04795		50	25	74.7	74.7	
68	LÊ THI NGỌC	ANH	19/04/1994	Chuyên viên	Khối 17, Phường Hưng Bình, thành phố Vinh, Nghệ An	Đại Học Vinh	Luật		TCT04305		53	15	74.5	74 5	
69	HOÀNG THI	GẤM	03/11/1994	Chuyên viên	Đội 7 Quyết Tiến, xã Giao Tiến, huyện Giao Thuy, tỉnh Nam Định	Học Viện Tài Chính	Kế toán công		TCT04452		43	24	74 5	74.5	
70	CAO NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	13/02/1998	Chuyên viên	Thôn Bút Cương, Xã Hoằng Phúc, Huyện Hoằng Hóa, Tỉnh Thanh Hoa	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật học		TCT04935		45	23	74 4	74.4	
71	NGUYỄN THI	NGỌC	25/12/1982	Chuyên viên	Liên Trung - Đan Phượng - Hà Nội	Đại học dân lập Thăng Long	Tài chính - Kế toán		TCT04891		40	21	74.4	74 4	
72	TÔNG NGOC	GIÁP	24/05/1994	Chuyên viên	Xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Đại học Huddersfield Đại học Sunderland	Kinh doanh Quốc tế với Dịch vụ Tài chính Quản trị Kinh doanh		TCT04465		45	MT	74.2	74.2	
73	NGÔ BẢO	HƯNG	28/02/1998	Chuyên viên	Thái Bình	Học viện Tài chính	Tài chính Doanh nghiệp		TCT04628		48	19	74	74	
74	VŨ THỊ	HẰNG	19/08/1996	Chuyên viên	Phường Hoàng Diệu, TP Thái Bình, Tỉnh Thái Bình	Đại Học Luật Hà Nội	Luật		TCT04530		43	16	74	74	
75	PHAN THI THU	HÀ	04/02/1997	Chuyên viên	Nam Hưng, Nam Sách, Hải Dương	Học Vtện Tài Chính	Kế toán công		TCT04496		52	26	73.9	73.9	
76	NGUYỄN THI MINH	ANH	01/10/1997	Chuyên viên	309 Hoàng Văn Thụ Phường Xương Giang. Thành phố Bắc Giang. Tỉnh Bắc Giang	Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Ming	Luật Dân sư		TCT04332		52	24	73.9	73 9	
77	NGUYỄN THI THANH	HUYỀN	25/08/1998	Chuyên viên	SN 66, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Trần Phú, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội	Kế toán kiểm toán định hướng nghề nghiệp ACCA		TCT04688		48	MT	73.6	73.6	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
78	HOÀNG THỊ	PHƯỢNG	19/05/1987	Chuyên viên	Thanh Hoá	Học viện Ngân hàng Viện đại học mở	Tài chính ngân hàng Ngôn ngữ Anh	ConTB	TCT04967	5	54	MT	68.6	73 6	
79	TRẦN THANH	HÀ	25/09/1990	Chuyên viên	Hà Tĩnh	Học viện Quốc gia về nghệ thuật và nghề nghiệp Đại học Khoa học ứng dụng Saxon	Kinh doanh Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp Quản trị kinh doanh		TCT04499		39	MT	73 5	73.5	
80	ĐINH THỊ	HUẾ	01/11/1997	Chuyên viên	Nghĩa Hải, Nghĩa Hưng, Nam Định	Khoa quốc tế- Đại học quốc gia Hà Nội	Kế toán, phân tích và kiểm toán		TCT04613		57	MT	73 3	73 3	
81	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG	18/12/1991	Chuyên viên	Bắc Ninh	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính Tiếng Anh		TCT05175		45	MT	73 3	73 3	
82	BÙI VIỆT	HÀ	17/10/1996	Chuyên viên	Ân Thi, Hưng Yên	Đại học Ngoại thương	Kế toán		TCT04469		39	23	73.1	73 1	
83	NGUYỄN THỊ MINH	TÂM	27/10/1997	Chuyên viên	Xã Đức Bùi, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Luật Hà Nội	Luật		TCT05005		49	27	72 9	72 9	
84	PHẠM THỊ	HOA	23/05/1996	Chuyên viên	Thôn 5, xã Kiến Quốc, huyện Kiến Thụy, Thành phố Hải Phòng	Học Viện Tài Chính	Thuế		TCT04585		54	24	72.5	72 5	
85	LÊ THỊ THANH	QUỲNH	10/02/1997	Chuyên viên	Kỳ Tân, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Đại học Vinh	Luật		TCT04985		52	26	72 5	72.5	
86	QUẢN HÀ	TRANG	27/08/1995	Chuyên viên	Nghĩa Trụ, Văn Giang, Hưng Yên	Học viện Tài Chính	Kiểm toán		TCT05184		42	19	72.5	72.5	
87	NGUYỄN THÁI	SƠN	02/10/1995	Chuyên viên	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	Học Viện Ngân Hàng	Quản trị doanh nghiệp		TCT04999		36	22	72.5	72.5	
88	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	15/08/1994	Chuyên viên	Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội	Học viện Tài Chính	Thuế		TCT04875		50	22	72.4	72.4	
89	ĐINH CÔNG	GIÁP	12/12/1994	Chuyên viên	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kiểm toán		TCT04464		54	23	72 2	72.2	
90	NGUYỄN PHƯƠNG	PHƯƠNG	15/07/1993	Chuyên viên	Quảng Ninh	Đại học Kinh tế Quốc Dân Macquarie university	Kinh tế quốc tế Kế toán		TCT04947		45	MT	72 2	72.2	
91	ĐẶNG THỊ LAN	ANH	18/02/1993	Chuyên viên	Ngọc Lâm - Song Liễu - Thuận Thành - Bắc Ninh	Trường đại học công nghiệp Hà Nội	Tài chính ngân hàng		TCT04288		51	23	71.6	71 6	
92	NGUYỄN VÂN	HẠNH	06/08/1996	Chuyên viên	Thôn An Hiệp, xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Đại học Kiểm Sát Hà Nội	Luật		TCT04542		53	28	71.5	71.5	
93	TỐNG MỸ	NINH	29/01/1998	Chuyên viên	Xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		TCT04923		51	17	71 5	71.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
94	NGUYỄN THỊ KIM	HUẾ	21/11/1991	Chuyên viên	Cụm 9, Xã Ngọc Tảo, Huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội	Học Viện Tài Chính	Tài chính Quốc tế		TCT04615		49	20	71.5	71.5	
95	NGUYỄN THỊ	TRANG	30/07/1991	Chuyên viên	Thôn Lộc Ắt, Xã Hoằng Hợp, Huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại học Luật Hà Nội	Ngành Luật		TCT05168		41	21	71.5	71.5	
96	PHẠM THỊ LINH	TRANG	06/06/1997	Chuyên viên	Thôn Xâm Dương, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	Đại học Luật Hà Nội	Luật		TCT05182		43	23	71.4	71.4	
97	ĐỖ HOÀI	THU	09/04/1995	Chuyên viên	Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang	ĐH Kinh tế Quốc dân	Luật Kinh doanh		TCT05078		56	22	71	71	
98	NGUYỄN THỊ HỒNG	HÀ	16/01/1997	Chuyên viên	Việt Hùng, Vũ Thư, Thái Bình	Trường đại học Ngoại Thương Hà Nội	Kinh tế đối ngoại		TCT04485		49	MT	71	71	
99	BÙI THỊ THU	TRÂM	04/01/1994	Chuyên viên	Xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Học Viện Tài Chính Học Viện Tài Chính	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng		TCT05143		51	20	70.9	70.9	
100	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	13/04/1998	Chuyên viên	Xã Phương Công, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Đại học Luật Hà Nội	Luật học		TCT05042		39	24	70.9	70.9	
101	NGUYỄN THỊ	THANH	01/06/1987	Chuyên viên	Tổ dân phố Yên Tập, phường Nhân Hòa, Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Đại học Thương Mại Đại học Thương Mại	Quản lý kinh tế Kinh tế		TCT05023		48	22	70.5	70.5	
102	LÊ THỊ MINH	HUYỀN	04/12/1985	Chuyên viên	Nga Yên, Nga Sơn, Thanh Hóa	Học Viện Tài Chính	Tài chính Doanh Nghiệp		TCT04676		42	15	70.5	70.5	
103	DƯƠNG VĂN	ĐẠT	23/10/1991	Chuyên viên	Thai Binh	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Tài chính ngân hàng		TCT04410		38	20	70.5	70.5	
104	TRẦN THỊ TỐ	UYÊN	22/01/1996	Chuyên viên	Sơn Châu, Huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh	Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Luật Kinh Doanh		TCT05232		55	22	70.4	70.4	
105	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	10/08/1997	Chuyên viên	Bắc Ninh	Trường đại học Kiểm sát Hà Nội	Luật chung		TCT05055		53	19	70.4	70.4	
106	NGUYỄN BẢO	DUNG	27/07/1996	Chuyên viên	Hưng Yên	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế & quản lý đô thị		TCT04425		55	17	70	70	
II. Kiểm tra viên thuế															
III. Văn thư															
1	ĐỖ PHƯƠNG	LINH	08/11/1996	Văn thư	phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Học viện Hành Chính Quốc Gia Trường Đại học Hải Phòng	Quản lý nhà nước Ngôn ngữ Anh		TCT05374		52	MT	89	89	
2	LÊ QUÝ	ANH	09/09/1995	Văn thư	Vĩnh Hưng, Bình Giang, Hải Dương	Học viện Hành chính Quốc gia	Quản lý nhà nước		TCT05345		47	19	70	70	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	19/12/1988	Văn thư	xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng		TCT05395		39	16	56	56	
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	VÕ THỊ THANH	SANG	22/06/1991	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Phúc Trạch - Hương Khê - Hà Tĩnh	Đại học công nghiệp Hà Nội	Khoa học máy tính		TCT05321		50	21	61	61	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1095 /QĐ-BTC ngày 4 /6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	HOÀNG MẠNH	HÙNG	26/07/1985	Chuyên viên	Thôn Phúc Đình, xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	Học viện công nghệ bưu chính viễn thông	Quản trị kinh doanh		BGI04619		45	20	59.9	59.9	
2	NGÔ THANH	HUYỀN	17/03/1995	Chuyên viên	phường Mỹ Độ, thanh phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		BGI04678		43	16	54.5	54 5	
3	VŨ THỊ	LIÊN	08/02/1994	Chuyên viên	Thanh Xuân, Thanh Hà, Hải Dương	Đại học Hải Dương	Tài chính - Ngân hàng		BGI04733		37	20	52 6	52 6	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	ĐINH QUANG	DUY	26/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Tân Mỹ, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Trường Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Luật Kinh Doanh		BGI00690		52	26	82	82	
2	TRẦN	ĐÔN	27/06/1995	Kiểm tra viên thuế	Quỳnh Sơn, Yên Dũng, Bắc Giang	Học Viện Ngân Hàng	Tài Chính - Ngân hàng		BGI00540		38	16	80	80	
3	ĐÀO DUY	DŨNG	16/06/1997	Kiểm tra viên thuế	Việt Ngọc, Tân Yên, Bắc Giang	Đại học Luật Hà Nội	Luật		BGI00615		34	20	80	80	
4	NGÔ THỊ HỒNG	NGUYÊN	14/12/1998	Kiểm tra viên thuế	Thôn Tân Lập, xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		BGI02656		43	25	79 9	79.9	
5	LA THỊ	TRANG	25/05/1990	Kiểm tra viên thuế	Khu Đình-Thị trấn An Châu-Huyện Sơn Động-Tỉnh Bắc Giang	Đại học Kinh tế và QTKD Thái Nguyên	Kế toán doanh nghiệp công nghiệp	DTTS	BGI03766	5	48	25	74.5	79.5	
6	VI THỊ	PHƯỢNG	04/09/1990	Kiểm tra viên thuế	Yên Thế, Bắc Giang	Đại học kinh tế và quản trị kinh doang thái nguyên	Kế toán tổng hợp	DTTS	BGI02981	5	42	29	74.4	79.4	
7	VÕ MINH	HƯƠNG	10/01/1996	Kiểm tra viên thuế	thôn Ô Chương, Thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		BGI01593		48	26	79	79	
8	NGUYỄN THỊ	THU	24/11/1989	Kiểm tra viên thuế	Xã Quang Thành , Thị Xã Kinh Môn , Tỉnh Hải Dương	Trường Đại học Kinh Doanh và Công Nghệ Hà Nội	Kế toán Quản trị kinh doanh		BGI03474		38	22	79	79	
9	NGUYỄN THỊ HÀ	MY	20/10/1996	Kiểm tra viên thuế	xã Lương phong, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	ĐH Kinh tế và quản trị kinh doanh- ĐH Thái Nguyên	Tài chính doanh nghiệp		BGI02425		54	29	78 5	78.5	
10	HOÀNG THỊ QUỲNH	THƠ	19/06/1998	Kiểm tra viên thuế	Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế phát triển		BGI03430		48	26	78.5	78 5	
11	TRẦN THỊ THANH	HUYỀN	10/02/1993	Kiểm tra viên thuế	Yên Dũng - Bắc Giang	Đại học Kinh Doanh Và Công Nghệ Hà Nội	Tài Chính		BGI01780		42	22	78	78	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
12	MAI VĂN	HẢI	12/08/1996	Kiểm tra viên thuế	Đồng Cốc - Lục Ngạn - Bắc Giang	Trường Đại học Mở Hà Nội	Luật Kinh tế	DTTS	BGI00924	5	46	16	72.4	77.4	
13	TRẦN THỊ	XUÂN	06/02/1997	Kiểm tra viên thuế	Ngọ Khống, Châu Minh, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		BGI04224		46	21	77	77	
14	DƯƠNG THỊ	THỦY	01/01/1989	Kiểm tra viên thuế	Xóm Thanh Hương - Thôn An Cập - Xã Hoàng An - Huyện Hiệp Hòa - Tỉnh Bắc Giang	Đại học Kinh Tế và Quản Trị Kinh Doanh	Quản lý kinh tế	ConBB	BGI03621	5	53	24	71 5	76.5	
15	CAM THỊ	TUYẾN	04/05/1986	Kiểm tra viên thuế	Mó Sẻ, Vô Tranh, Lục Nam, Bắc Giang	Học viện tài chính Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	Tài chính doanh nghiệp Tài chính - Ngân hàng	DTTS	BGI04062	5	47	26	71	76	
16	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	15/01/1992	Kiểm tra viên thuế	Xuân Lạn, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Trường đại học công đoàn Trường đại học Hòa Bình	Kế toán Kế toán		BGI03332		43	25	76	76	
17	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	26/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Bố Hạ, huyện Yên Thế, Bắc Giang	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật tổ chức kinh doanh		BGI03341		34	18	75.7	75 7	
18	LƯƠNG THỊ	HẰNG	07/12/1991	Kiểm tra viên thuế	Đa Mai, Bắc Giang, Bắc Giang	ĐH Kinh Tế Quốc Dân ĐH Kinh Tế Quốc Dân	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng		BGI00984		53	24	75.4	75 4	
19	HOÀNG THỊ LAN	PHƯƠNG	21/04/1993	Kiểm tra viên thuế	Số 121, khu 5A, TT Na Dương, H.Lộc Bình, T Lạng Sơn	Học viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	BGI02864	5	39	21	70 3	75 3	
20	PHẠM QUANG	HƯNG	12/07/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Lão Hộ, Huyện Yên Dũng, Bắc Giang	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	Kế toán		BGI01498		50	27	74.5	74.5	
21	PHẠM KHƯƠNG	DUY	30/01/1997	Kiểm tra viên thuế	P. Lê Lợi. TP Bắc Giang	Đại Học Kinh Doanh Và Công Nghệ Hà Nội	Kế Toán		BGI00696		31	25	74.2	74.2	
22	HOÀNG THỊ	HIỀN	26/05/1991	Kiểm tra viên thuế	Nghĩa Trung, Việt Yên, Bắc Giang	Trường Đại Học Thương Mại	Tài chính - ngân hàng	ConTB	BGI01111	5	32	18	69	74	
23	HOÀNG XUÂN	QUỲNH	23/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn Mận, xã Vĩnh An, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Đại học kinh tế kỹ thuật Công Nghiệp	Kế toán doanh nghiệp	ConTB	BGI03061	5	47	27	68.6	73.6	
24	NGUYỄN DIỆU	MY	29/09/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	trường Đại học Công Đoàn	Kế Toán		BGI02418		42	20	73 5	73 5	
25	NGUYỄN THỊ	LOAN	10/07/1995	Kiểm tra viên thuế	Thôn Cao Thượng - Xã Tân Hưng - huyện Lạng Giang - tỉnh Bắc Giang	Trường Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế quốc tế		BGI02185		49	20	73	73	
26	NGUYỄN HỒNG	HẠNH	13/02/1988	Kiểm tra viên thuế	Thôn Ba Làng, xã Quế Nham, huyệnTân Yên, tỉnh Bắc Giang	Học Viện Ngân Hàng	Ngân hàng		BGI01061		51	30	72.7	72.7	
27	CHU THU	HÀ	11/07/1993	Kiểm tra viên thuế	Tổ dân phố Hạ 2- thị trấn An Châu - Sơn Động - Bắc Giang	ĐH Kinh tế Kỹ thuật Công Nghiệp HN	Quản trị kinh doanh	DTTS	BGI00793	5	31	17	67.7	72.7	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
28	HOÀNG THỊ	HIỀN	29/12/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Song Khê, TP. Bắc Giang, Bắc Giang	Đại học Thương Mại	Marketing thương mại		BGI01141		49	28	72.4	72.4	
29	NGUYỄN VIỆT	VŨ	12/01/1992	Kiểm tra viên thuế	Đại Bái, Gia Lương, Bắc Ninh	Học Viện Tài Chính	Thuế		BGI04191		47	28	72.4	72.4	
30	VŨ HOÀI	TRANG	03/12/1989	Kiểm tra viên thuế	Làng Thanh Minh, xã Tân Dân, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hoa	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính Doanh nghiệp		BGI03914		45	21	71.7	71.7	
31	LÝ THỊ	PHƯỢNG	03/02/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Rãng Ngoại_Xã Sa Lý_ Huyện Lục Ngạn_ Tỉnh Bắc Giang	Trường đại học Luật Hà Nội	Luật	DTTS	BGI02957	5	42	27	66.7	71.7	
32	ĐẶNG ĐÌNH	HOẠT	20/07/1998	Kiểm tra viên thuế	Tổ dân phố Lèo, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		BGI01363		41	26	71.4	71.4	
33	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	22/10/1997	Kiểm tra viên thuế	Thôn Bắc, xã Đồng Việt, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Trường Đại học Thương Mại	Tài chính - Ngân hàng Thương mại		BGI03380		41	25	71	71	
34	HÀ THỊ	PHƯƠNG	15/10/1993	Kiểm tra viên thuế	Đông Sơn - Yên Thế - Bắc Giang	Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh Thái Nguyên	Kinh tế đầu tư	DTTS	BGI02859	5	34	18	65.9	70.9	
35	HOÀNG THỊ THANH	THẢO	17/10/1998	Kiểm tra viên thuế	TT Cao Thượng - Huyện Tân Yên- Bắc Giang	Trường Đại học Hà Nội	Tài chính ngân hàng-tiếng Anh		BGI03309		53	MT	70.5	70.5	
36	PHAN NHƯ	QUỲNH	09/11/1997	Kiểm tra viên thuế	Bắc Giang	Đại học Luật Hà Nội	Luật		BGI03081		37	22	69.9	69.9	
37	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	09/12/1991	Kiểm tra viên thuế	Phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Đại học Ngoại Thương Đại học Ngoại Thương	Kinh tế quốc tế Kinh tế		BGI00859		52	30	69.8	69.8	
38	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	20/01/1994	Kiểm tra viên thuế	Xóm chùa, Xã Hương Vĩ, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang	Trường đại học kinh tế và quản trị kinh doanh - Đạ	Kế toán tổng hợp		BGI02967		46	27	69.3	69.3	
39	NGUYỄN TUẤN	VŨ	09/06/1996	Kiểm tra viên thuế	Thường Thắng - Hiệp Hòa - Bắc Giang	Đại học Nông Lâm Bắc Giang	Kế Toán		BGI04189		37	23	69.2	69.2	
III. Văn thư															
1	NGUYỄN THỊ	MÙI	15/07/1991	Văn thư	Thôn Trung, Bắc Lý, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông	Quản trị Văn phòng		BGI05378		37	16	86	86	
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	NGUYỄN MẠNH	TRUNG	03/09/1993	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Phường Dĩnh Kế, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Đại học Bách khoa Hà Nội	Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông		BGI05332		39	15	50	50	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
1	TRẦN THỊ MINH	YẾN	14/12/1992	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Xã Đông Lỗ, Huyện Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Giang	Trường Đại học tài chính quản trị kinh doanh	Kế toán doanh nghiệp		BGI05455		42	28	64.5	64.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2	NGUYỄN KIM	OANH	12/06/1990	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Lạc Thanh - Yên Thanh - Uông Bí - Quảng Ninh	Đại học Sao Đỏ	Kế toán doanh nghiệp		BGI05434		43	20	64	64	
3	CHU ĐỨC	TRUNG	25/09/1992	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Phường Dĩnh Kế, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Đại học Nông lâm Bắc Giang	Kế toán		BGI05450		41	23	62	62	
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH BẮC KẠN

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên lót	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
II. Kiểm tra viên thuế															
1	ĐỒNG THỊ	NƯƠNG	25/02/1989	Kiểm tra viên thuế	Thôn Nà Cha, xã Cốc Đán, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	Trường Đại học kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Kế toán - Kiểm toán	DTTS	BCA00586	5	45	MT	82.5	87.5	
2	LÝ THỊ HOÀI	LINH	09/10/1993	Kiểm tra viên thuế	xã Thanh Vận, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	Đại học Luật Hà Nội	Luật	DTTS	BCA00409	5	45	MT	80.5	85.5	
3	HOÀNG THỊ HƯƠNG	NHÀI	16/12/1992	Kiểm tra viên thuế	thôn Nà Đeng, xã Cường Lợi, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	Đại học Luật Hà Nội	Luật	DTTS	BCA00561	5	40	MT	79.9	84.9	
4	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	12/05/1996	Kiểm tra viên thuế	Bắc Kạn	Học Viện Tài Chính	Kiểm Toán	DTTS	BCA00134	5	48	MT	79.5	84.5	
5	LỤC THỊ MĨ	NƯƠNG	08/01/1996	Kiểm tra viên thuế	Nà Khon- Sơn Thành- Na Rì- Bắc Kạn	Học viện Tài Chính	Kế toán công	DTTS	BCA00587	5	42	MT	79.4	84.4	
6	TRIỆU THUY	LINH	15/09/1997	Kiểm tra viên thuế	Thôn Khuổi Nần, Xã Lương Hạ, Huyện Na Rì, Tỉnh Bắc Kạn	Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế	DTTS	BCA00425	5	45	MT	78.3	83.3	
7	TRỊNH BẢO	LINH	17/02/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Yên Quang, huyện Ý Yên, Nam Định	Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Quản lý kinh tế	DTTS	BCA00426	5	46	MT	76	81	
8	NÔNG THỊ	NHUNG	19/07/1991	Kiểm tra viên thuế	xã Hảo Nghĩa - huyện Na Rì - tỉnh Bắc Kạn	Trường đại học kinh tế và QTKD Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp	DTTS	BCA00580	5	44	MT	76	81	
9	MÃ THỊ	NGỌC	27/11/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn Nà Quạng, Xã Cao Tân, huyện Pác Nặm, Tỉnh Bắc Kạn	Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế	DTTS	BCA00545	5	40	MT	76	81	
10	VƯƠNG PHƯƠNG	THẢO	19/07/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Yên Phong, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	Học viện Ngân Hàng	Kế toán doanh nghiệp	DTTS	BCA00705	5	33	MT	75.3	80.3	
11	HOÀNG THỊ	QUỲNH	28/02/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn Bó Lếch, Xã Hiệp Lực, Huyện Ngân Sơn, Tỉnh Bắc Kạn	Học viện Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	BCA00630	5	45	MT	73.6	78.6	
12	NÔNG THỊ	LINH	09/04/1996	Kiểm tra viên thuế	Pò Pải- Cư Lễ- Na Rì- Bắc Kạn	Trường ĐHKT và QTKD Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp	DTTS	BCA00417	5	48	MT	73.5	78.5	
13	ĐÀM THÚY	LÊ	18/12/1985	Kiểm tra viên thuế	Xã Đào Ngạn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Trường Đại học KT và QTKD Đại học Thái Nguyên Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Quản trị kinh doanh tổng hợp Sư phạm Toán	DTTS	BCA00382	5	43	MT	73.5	78.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
14	PHAN THỊ	QUYÊN	24/11/1995	Kiểm tra viên thuế	Gia Lâm - Nho Quan - Ninh Bình	Học viện Hành chính Quốc Gia	Quản lý Tài chính công		BCA00627		45	28	76.4	76.4	
15	HOÀNG THỊ HƯƠNG	THẢO	22/01/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Phú Lý, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Trường đại học Giao thông Vận tải Hà Nội	Kinh tế xây dựng công trình giao thông Việt - Anh	DTTS	BCA00689	5	35	MT	70.9	75 9	
16	NÔNG BẰNG	GIANG	05/02/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Cốc Đán, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật	DTTS	BCA00157	5	44	MT	69.8	74.8	
17	HÀ THỊ KIỀU	NGA	18/03/1998	Kiểm tra viên thuế	Thôn Thôm Mò, xã Quân Hà, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn	Học viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	BCA00514	5	54	MT	69.5	74.5	
18	TRẦN THỊ HÀ	THƯƠNG	18/12/1998	Kiểm tra viên thuế	Phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Đại học Kinh tế và QTKD- Đại học Thái Nguyên	Tài Chính Ngân Hàng	DTTS	BCA00750	5	42	MT	69.3	74 3	
19	LƯỜNG VĂN	QUANG	17/01/1994	Kiểm tra viên thuế	Phường Huyền Tụng - Tp.Bắc Kạn - Tỉnh Bắc Kạn	Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp	DTTS	BCA00621	5	40	MT	68.5	73 5	
20	BẾ THỊ THU	TRANG	25/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Bắc Kạn	Trường Kinh tế Quốc dân	Quản lý công	DTTS	BCA00791	5	43	MT	68.3	73.3	
21	VŨ THỊ MAI	HƯƠNG	16/07/1998	Kiểm tra viên thuế	xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Trường Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Kiểm Toán		BCA00311		46	23	73	73	
22	ĐỖ NGỌC	MAI	18/11/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Trung Thành, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên	Đại học Giao Thông Vận Tải	Kinh tế vận tải thủy bộ	DTTS	BCA00464	5	49	MT	67 5	72 5	
23	NGUYỄN THỊ	THỜI	16/06/1998	Kiểm tra viên thuế	thôn Khau Móoc - xã Trần Phú - huyện Na Rì - tỉnh Bắc Kạn	Trường Đại học Kinh tế và QTKD Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp	DTTS	BCA00719	5	52	MT	67.4	72 4	
24	LỤC VĂN	THIÊN	11/12/1997	Kiểm tra viên thuế	Tổ 6 - TT. Đồng Tâm, H Chợ Mới, T Bắc Kạn	Học viện Tài chính	Ngân hàng	DTTS	BCA00707	5	50	MT	67	72	
25	NÔNG THÀNH	KIÊN	10/04/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Phong Huân, Huyện Chợ Đồn, Tỉnh Bắc Kạn	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản trị Kinh doanh Tổng hợp	DTTS	BCA00360	5	30	MT	67	72	
26	TRƯƠNG THỊ	HẰNG	12/08/1998	Kiểm tra viên thuế	xã Cao Trĩ, Huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	Đại học Luật Hà Nội	Luật học	DTTS	BCA00207	5	47	MT	66.7	71.7	
27	ĐỒNG THỊ	LY	18/12/1992	Kiểm tra viên thuế	Cốc Đán - Ngân Sơn - Bắc Kạn	ĐH Kinh tế Quốc Dân	Kế toán tổng hợp	DTTS	BCA00450	5	49	MT	66 5	71.5	
28	DƯƠNG THỊ	XOAN	03/02/1987	Kiểm tra viên thuế	Xã Quảng Khê - huyện Ba Bể - Tỉnh Bắc Kạn	Trường Đại học kinh tế quốc dân ĐH kinh tế và QTKD – ĐH Thái Nguyên	Kiểm toán Quản lý kinh tế	DTTS	BCA00911	5	43	MT	65 9	70 9	
29	NGUYỄN THI HẢI	YẾN	06/06/1995	Kiểm tra viên thuế	Tổ Khuổi Mật - P. Huyền Tụng - TP. Bắc Kạn - T Bắc Kạn	Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Thái Nguyên	Quản trị kinh doanh Khách sạn và Du lịch	DTTS	BCA00921	5	40	MT	65.1	70 1	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
30	NGUYỄN PHÙNG THỊ	LIỄU	24/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Thanh Vận, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn	Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp	DTTS	BCA00389	5	49	MT	65	70	
31	CAO THỊ	LAN	31/03/1994	Kiểm tra viên thuế	P. Huyền Tụng, TP. Bắc Kạn, T Bắc Kạn	Trường ĐH Kinh tế & QTKD Thái Nguyên Cao đẳng kinh - tế kỹ thuật - ĐHTN	Kế toán tổng hợp Kế toán	DTTS	BCA00371	5	43	MT	64.8	69.8	
32	PHAN LAN	CHI	22/07/1998	Kiểm tra viên thuế	xã Yên Phong, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	Học viện Hành chính Quốc Gia	Tài chính công	DTTS	BCA00062	5	41	MT	64.7	69 7	
33	PHAN VĂN	MẠNH	01/04/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Văn Lang, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	Trường Đại học Kinh tế và QTKD Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp	DTTS	BCA00486	5	43	MT	64.5	69.5	
34	VI THANH	NGÂN	18/12/1991	Kiểm tra viên thuế	huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	Đại học kinh tế và Quản trị kinh doanh đại học Thá	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	BCA00526	5	35	MT	64.3	69.3	
35	NGUYỄN THỊ	DIỆM	09/09/1992	Kiểm tra viên thuế	xã Nông Thượng, Huyện Bạch Thông,Tỉnh Bắc Kạn	Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Thái Nguyên	kế toán doanh nghiệp	DTTS	BCA00092	5	43	MT	64.2	69 2	
36	MA KIỀU	DIỄM	23/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Hợp Thành, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật	DTTS	BCA00090	5	45	MT	62.7	67.7	
37	NGUYỄN THỊ LINH	DUYÊN	01/11/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn Nà Luông, xã Đại Sảo, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	Đại học Nông lâm Thái Nguyên	Kinh tế nông nghiệp	DTTS	BCA00145	5	42	MT	62 7	67 7	
38	NGUYỄN THỊ	HUẾ	17/08/1982	Kiểm tra viên thuế	Đông Viên - Chợ Đồn - Bắc Kạn	Đại học kinh tế Quốc dân Đại học Thái Nguyên	Tài chính - Ngân hàng Luật kinh tế	DTTS	BCA00274	5	34	MT	62 3	67 3	
39	HÀ THỊ	TRANG	05/03/1989	Kiểm tra viên thuế	Côn Minh - Na Rì - Bắc Kạn	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp	DTTS	BCA00793	5	47	MT	61.7	66.7	
40	MA THỊ	QUỲNH	04/12/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn Nà Tấc, xã Phong Huân, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	Viên Đại học Mở Hà Nội Học viên hành chính quốc gia	Tài chính - Ngân hàng Quản lý công	DTTS	BCA00633	5	48	MT	61.4	66 4	
41	VŨ VĂN	KHƯƠNG	21/03/1989	Kiểm tra viên thuế	Xã Hồng Thuận, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định	Trường ĐH Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - ĐHTN Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật - ĐHTN	Kế toán tổng hợp Tài chính - Ngân hàng		BCA00355		31	18	66 1	66.1	
42	ĐÀM TRIỆU	HUYÊN	16/10/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn Nà Ngăm Xã Dương Sơn Huyện Na Rì Tỉnh Bắc Kạn	Trường Đại Học Kinh Tế & Quản Trị Kinh Doanh TN	Tài Chính Doanh Nghiệp	DTTS	BCA00330	5	39	MT	60.8	65.8	
43	ĐÀM THỊ	HƯƠNG	23/08/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Đổng Xá, Huyện Na Rì, Tỉnh Bắc Kạn	Học Viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	BCA00291	5	42	MT	60.5	65.5	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH BẮC NINH

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 14/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	LÊ THỊ THU	TRANG	26/12/1994	Chuyên viên	Yên Lã, P Tân Hồng, TX Từ Sơn, Bắc Ninh	Học Viện Tài Chính	Thuế		BNI05157		44	20	83.2	83.2	
2	TẦN THỊ HẢI	UYÊN	14/05/1998	Chuyên viên	Phường Trang Hạ, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Học Viện Tài Chính	Thuế		BNI05231		59	24	82.5	82.5	
3	NGUYỄN THỊ THÚY	HƯỜNG	17/10/1996	Chuyên viên	Xóm Chúc. Thôn Dương Sơn, Xã Tam Sơn,Thị xã Từ Sơn,Tỉnh Bắc Ninh	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	Kế toán		BNI04664		36	20	82.5	82.5	
4	ĐỖ THI	NGỌC	19/06/1993	Chuyên viên	Ngọc khám - gia đông - Thuận Thành- Bắc Ninh	Đại học Tài Chính Quản trị kinh doanh	Tài chính doanh nghiệp		BNI04881		51	23	81.5	81.5	
5	NGÔ KHÁNH	LINH	07/12/1998	Chuyên viên	Thôn Khúc Toại, Xã Khúc Xuyên, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh	Đại học Công Đoàn	Quản trị kinh doanh		BNI04760		39	20	81	81	
6	ĐỖ TRỌNG	THANH	07/02/1995	Chuyên viên	thôn Đại Mão, xã Hoài Thượng, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Đại học Kinh tế Quốc Dân	Kế toán		BNI05020		58	26	80.5	80.5	
7	NGUYỄN MẠNH	TUẤN	26/09/1994	Chuyên viên	Thôn Đình, Xã Tri Phương, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh	Học Viện Tài Chính Trường Đại Học Kinh Doanh và Công Nghệ Hà Nội	Kế Toán Kinh tế		BNI05208		53	21	80.5	80.5	
8	BÙI PHƯƠNG	NAM	18/08/1991	Chuyên viên	thôn Thanh Lâm, xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế phát triển		BNI04856		46	27	80.5	80.5	
9	NGÔ MINH	HIẾU	30/07/1997	Chuyên viên	xã Tam Sơn, Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Trường Học viện Tài Chính	Kiểm toán		BNI04572		57	29	80	80	
10	NGUYỄN THANH	HỒNG	11/09/1993	Chuyên viên	Bắc Ninh	Học viện tài chính	Tin học tài chính kế toán		BNI04606		31	16	80	80	
11	ĐỖ ĐỨC	QUÂN	28/07/1997	Chuyên viên	Ngọc Khám - Gia Đông - Thuận Thành - Bắc Ninh	Trường Đại học Tài chính quản trị kinh doanh	Kế Toán		BNI04971		51	22	79.5	79.5	
12	NGHIÊM THỊ	THẮM	14/10/1989	Chuyên viên	Lương Cầm- Dũng Liệt- Yên Phong- Bắc Ninh	Đại học Kinh tế-kỹ thuật công nghiệp	Kế toán doanh nghiệp		BNI05011		44	23	79.5	79.5	
13	LÊ THỊ PHƯƠNG	ANH	12/02/1996	Chuyên viên	Số nhà 59 Nguyễn Hồ,Phường Ninh Xá,Thành phố Bắc Ninh,Tỉnh Bắc Ninh	Trường Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Kinh tế-Quản lý Tài nguyên và Môi trường		BNI04306		53	21	79.3	79.3	
14	NGÔ THỊ MINH	ANH	23/12/1997	Chuyên viên	Xóm Tây, Xã Tam Sơn, Thị Xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		BNI04313		47	23	79	79	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
15	NGUYỄN QUANG	DIỆP	07/08/1995	Chuyên viên	Xóm 3, Ấp Đông Côi, Thị Trấn Hồ, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh	Học Viện Tài Chính	Kiểm Toán		BNI04413		52	20	78 5	78.5	
16	NGUYỄN THANH	HUYỀN	12/09/1995	Chuyên viên	Thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Đại học Kinh tế quốc dân	Kiểm toán		BNI04682		53	26	78	78	
17	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÀ	29/04/1994	Chuyên viên	Thôn Vĩnh Phục- Phú Lâm- Tiên Du- Bắc Ninh	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính công		BNI04486		54	23	77.5	77.5	
18	ĐỖ THỊ	LY	22/06/1991	Chuyên viên	Châu Cầu - Châu Phong - Quế Võ - Bắc Ninh	Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	Kế toán		BNI04810		30	25	77.5	77.5	
19	NGÔ THỊ	HIỀN	24/08/1990	Chuyên viên	Thôn Hương Mạc, xã Hương Mạc, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	Trường Đại Học Kinh Doanh Và Công Nghệ Hà Nội	Kế toán		BNI04558		48	19	77	77	
20	PHAN VIỆT	HOA	25/01/1991	Chuyên viên	xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế Quốc dân Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế tài chính – ngân hàng Tài chính - Ngân hàng	ConTB	BNI04586	5	51	23	71 5	76 5	
21	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	23/09/1989	Chuyên viên	Thôn Đầu Hàn - Xã Hòa Long - Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán, kiểm toán và phân tích		BNI04488		51	15	76 5	76.5	
22	NGÔ THI	HOA	16/10/1985	Chuyên viên	Phường Đình Bảng, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	Học viện Khoa học Xã Hội Đại học Luật Hà Nội	Luật kinh tế Pháp luật kinh tế		BNI04581		44	29	76 5	76 5	
23	LÊ TRUNG	ANH	26/08/1995	Chuyên viên	Phường Ninh Xá- Thành phố Bắc Ninh- Tỉnh Bắc Ninh	Trường đại học Kinh tế Quốc dân	Ngân hàng		BNI04307		37	23	76	76	
24	BÙI THỊ	HƯƠNG	08/11/1990	Chuyên viên	Thôn Lai Tế, xã Trung chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	Học viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		BNI04632		40	19	75.4	75 4	
25	HOÀNG NGỌC	QUỲNH	12/12/1996	Chuyên viên	Khu 2, Phường Đáp Cầu, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	Đại học Tài Chính - Quản Trị Kinh Doanh	Kế toán doanh nghiệp		BNI04984		55	17	75	75	
26	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	30/11/1983	Chuyên viên	Thị trấn Bần Yên Nhân, Mỹ Hào, Hưng Yên	Đại học Nông nghiệp Hà Nội Đại học Thương Mại	quản trị kinh doanh kế toán		BNI04457		39	20	75	75	
27	NGUYỄN THU	THỦY	03/02/1997	Chuyên viên	Phù Lãng ,Quế Võ ,Bắc Ninh	Học Viện Tài Chính	Kế Toán Doanh Nghiệp		BNI05119		39	18	75	75	
28	TRỊNH PHƯƠNG	NAM	12/07/1997	Chuyên viên	Thôn Thanh Gia, xã Quảng Phú, Huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	Đại học Kinh tế Quốc dân	Thống kê kinh tế xã hội		BNI04862		41	18	74 2	74.2	
29	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	25/10/1996	Chuyên viên	xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		BNI04683		42	20	73.5	73 5	
30	NGUYỄN THI	MINH	04/09/1988	Chuyên viên	Xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội Trường Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu Nghị	Kế toán Quản lý kinh tế	ConBB	BNI04848	5	49	23	68.4	73 4	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
31	NGUYỄN THỊ	THUẬN	05/02/1992	Chuyên viên	Thôn Vọng Đông, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Đại học Ngoại Thương	Tài chính quốc tế		BNI05092		55	20	73.3	73 3	
32	VŨ THỊ THANH	TÂM	20/12/1989	Chuyên viên	Bắc Ninh	ĐAI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	Kế toán tổng hợp		BNI05008		56	23	73	73	
33	TRẦN THU	HƯƠNG	22/11/1994	Chuyên viên	xã Thái Bảo - huyện Gia Bình - Bắc Ninh	Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản trị kinh doanh thương mại		BNI04654		43	20	73	73	
34	PHẠM THỊ THU	HƯƠNG	07/09/1989	Chuyên viên	Kim Sơn, Ninh Bình	Đại học Dân Lập Đông Đô Trương đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đạ	Tài chính ngân hàng Quản trị - Quản lý		BNI04649		41	17	73	73	
35	NGUYỄN PHƯƠNG	OANH	13/05/1995	Chuyên viên	Bắc Ninh	Trường Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		BNI04927		54	25	72	72	
36	NGUYỄN THỊ	TRANG	25/05/1984	Chuyên viên	Bồng Lai, Quế Võ, Bắc Ninh	Đại Học Luật Hà Nội	Ngành Luật		BNI05166		50	MT	72	72	
37	NGUYỄN THANH	HÒA	21/11/1990	Chuyên viên	Bỗ Sơn- Võ Cường- Thành phố Bắc Ninh	TROY UNIVERSITY-USA	Quản trị kinh doanh		BNI04589		46	MT	71.4	71.4	
38	NGUYỄN ĐẮC	QUANG	20/05/1990	Chuyên viên	Cảnh Hưng, Tiên Du, Bắc Ninh	Học Viện Tài Chính	Kiểm toán		BNI04976		52	16	71.3	71.3	
39	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	24/03/1996	Chuyên viên	Thị trấn Thứa, Lương Tài, Bắc Ninh	Đại học Luật Hà Nội	Luật		BNI05059		45	23	71.3	71.3	
II. Kiểm tra viên thuế															
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4/6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	NGUYỄN MINH	TRANG	12/10/1996	Chuyên viên	xã Hạnh Phúc, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng	Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân	Kinh tế đầu tư	DTTS	CBA01127	5	37	MT	79.5	84.5	
2	HOÀNG THU	HẰNG	20/07/1992	Chuyên viên	Xóm Nà Bao, xã Lang Môn (nay là xã Minh Tâm), huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	University of Portsmouth	Master of Science in Accounting and Finance	DTTS	CBA00965	5	49	MT	78.5	83.5	
3	HOÀNG HƯƠNG	QUỲNH	04/12/1996	Chuyên viên	Đào Ngạn - Hà Quảng - Cao Bằng	Đại học luật hà nội	Ngành Luật	DTTS	CBA01083	5	42	MT	78	83	
4	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	20/07/1995	Chuyên viên	Vân Trình, Thạch An, Cao Bằng	Đại học Kinh tế Quốc dân Viện giáo dục đại học Glion	Quản lý kinh tế Khách sạn quốc tế	DTTS	CBA00932	5	32	MT	78	83	
5	NGUYỄN THI	TUYẾT	19/12/1998	Chuyên viên	xóm Đôn Chương, Thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật	DTTS	CBA01147	5	42	MT	76.5	81.5	
6	MÃ KIỀU	CHINH	22/07/1997	Chuyên viên	Thị trấn Pác Miầu, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Cao Bằng	Học viện Ngoại giao Việt Nam	Kinh tế Quốc tế	DTTS	CBA00948	5	48	MT	76	81	
7	ĐỖ DIỆU	HOA	27/12/1997	Chuyên viên	xóm Nà Khoang, Thị trấn Trà Lĩnh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Đại học Kinh tế Quốc dân	Luật kinh doanh quốc tế	DTTS	CBA00984	5	43	MT	76	81	
8	NÔNG THỊ THANH	TÂM	25/03/1995	Chuyên viên	Xã Công Trừng huyện Hòa An Tỉnh Cao Bằng	Học Viện Tài Chính	Quản lý tài chính công	DTTS	CBA01090	5	45	MT	75.7	80.7	
9	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	12/11/1997	Chuyên viên	Đức Long - Hòa An - Cao Bằng	Đại Học Luật Hà Nội	Luật kinh tế	DTTS	CBA01106	5	34	MT	75	80	
10	LÊ THỊ	THOA	24/05/1991	Chuyên viên	Minh Tâm, Nguyên Bình, Cao Bằng	Học viện Tài chính	Ngân hàng	DTTS	CBA01112	5	46	MT	74	79	
11	NÔNG THU	HƯỜNG	20/10/1993	Chuyên viên	Quảng Hòa - Cao Bằng	Đại Học Luật Hà Nội	Luật	DTTS	CBA01005	5	36	MT	72.9	77.9	
12	LÝ THU	UYÊN	10/06/1992	Chuyên viên	xã Đức Hồng, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế Quốc tế	DTTS	CBA01150	5	35	MT	72.5	77.5	
13	NGUYỄN TRUNG	LƯƠNG	10/01/1994	Chuyên viên	xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Đại Học Tài Chính - Ngân Hàng Hà Nội	Quản Lý Kinh Tế	DTTS	CBA01047	5	40	MT	69.3	74.3	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
14	NÔNG HOÀNG	THÁI	02/12/1991	Chuyên viên	Xã Dân Chủ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Học viện ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	DTTS	CBA01091	5	37	MT	67.9	72.9	
15	BẾ THỊ	THỨC	17/07/1998	Chuyên viên	Xóm Bản Báng (nay là xóm Kim Bàng), xã Cai Bộ, huyện Quảng Uyên (nay là huyện Quảng Hòa), tỉnh Cao Bằng	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế	DTTS	CBA01118	5	47	MT	67.8	72 8	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	NÔNG THI	HUỆ	02/09/1992	Kiểm tra viên thuế	xóm Đà Hoặc, xã Khâm Thành, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Học Viện Ngân Hàng	Quản trị Marketing	DTTS	CBA00275	5	46	MT	82	87	
2	LƯU THU	NGA	20/09/1996	Kiểm tra viên thuế	TT Hoà Thuận, Huyện Phục Hoà, T Cao Bằng	Học viện Chính sách và Phát triển	Tài chính - Chương trình chất lượng cao	DTTS	CBA00518	5	37	MT	80 9	85.9	
3	HOÀNG THỊ THÙY	LINH	03/09/1993	Kiểm tra viên thuế	Cao Bằng	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp	DTTS	CBA00404	5	51	MT	80.5	85.5	
4	NGUYỄN DIỆP	HÀ	11/12/1995	Kiểm tra viên thuế	Thị Trấn Trùng Khánh, Huyện Trùng Khánh, Tỉnh Cao Bằng	Đại Học Tài chính - Quản trị kinh doanh	Ngân hàng	DTTS	CBA00177	5	32	MT	80	85	
5	ĐÀM QUỲNH	ANH	26/12/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Hưng Đạo, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng	Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên	Quản trị kinh doanh Công nghệ kỹ thuật môi trường	DTTS	CBA00007	5	31	MT	79 3	84.3	
6	HOÀNG THỊ HẢI	ANH	30/06/1994	Kiểm tra viên thuế	Xóm Đà Bút, xã Phong Nặm,huyện Trùng Khánh,tỉnh Cao Bằng	Học Viện Tài Chính	Kế toán công	DTTS	CBA00011	5	32	MT	77 5	82.5	
7	MÃ THU	HƯƠNG	03/12/1989	Kiểm tra viên thuế	xã Chí Thảo, huyện Quảng Uyên tỉnh Cao Bằng	Đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp	DTTS	CBA00300	5	30	MT	76	81	
8	LƯU MINH	PHƯỢNG	23/10/1990	Kiểm tra viên thuế	xã Đức Long, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Ngân hàng	DTTS	CBA00612	5	39	MT	75	80	
9	NÔNG HỨA BẰNG	LINH	30/09/1993	Kiểm tra viên thuế	Lê Lai, Thạch An, Cao Bằng	Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Thái Nguyên	Tài chính - Ngân hàng	DTTS	CBA00416	5	39	MT	73	78	
10	LÝ NGUYỆT	ÁNH	13/01/1998	Kiểm tra viên thuế	xóm Đoỏng Giải, xã Cao Chương, huyện Trà Lĩnh (nay là huyện Trùng Khánh), tỉnh Cao Bằng	Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế	DTTS	CBA00033	5	49	MT	72 9	77.9	
11	HOÀNG THI	XUÂN	06/11/1995	Kiểm tra viên thuế	Xóm Lam Sơn Hạ, xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Học viện Tài chính	Quản lý Tài chính công	DTTS	CBA00914	5	48	MT	72	77	
12	ÂU ĐINH HOÀI	PHƯƠNG	25/12/1998	Kiểm tra viên thuế	thôn Lớ, xã Cao Đức, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh	Học viện Tài Chính	Quản lý Tài chính công	DTTS	CBA00597	5	45	MT	71.5	76 5	
13	BẾ NHẬT	HUY	28/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Cao Bằng	Học viện Tài Chính	Thuế	DTTS	CBA00321	5	33	MT	71 5	76.5	
14	NGUYỄN THỊ	NHUNG	16/09/1992	Kiểm tra viên thuế	Phường Đề Thám, Thành Phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng	Đại Học Công Nghiệp Hà Nội	Kế toán	DTTS	CBA00579	5	39	MT	71.3	76 3	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
15	LÊ THỊ THÚY	QUỲNH	25/01/1990	Kiểm tra viên thuế	Hòa An, Cao Bằng	Đại học Kinh tế quốc dân Đại học kinh tế - Đại học Quốc Gia Hà Nội	Kinh tế quốc tế Kinh tế quốc tế	DTTS	CBA00632	5	32	MT	71	76	
16	HOÀNG THỊ	PHƯƠNG	21/07/1997	Kiểm tra viên thuế	Xóm Đá Be- Xã Phong Nặm - Huyện Trùng Khánh - Tỉnh Cao Bằng	Trường đại học Khoa Học - Đại học Thái Nguyên	Luật	DTTS	CBA00611	5	37	MT	68 9	73.9	
17	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	16/09/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Nam Tuấn, Huyện Hòa An, Tỉnh Cao Bằng	Học viện Tài chính	Phân tích chính sách tài chính	DTTS	CBA00811	5	44	MT	68.5	73.5	
18	LÊ THỊ	THẢO	01/01/1994	Kiểm tra viên thuế	xóm Nà Mẻ, thị trấn Nước Hai (trước là xã Hồng Việt), Huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Trường Đại Học KT và QTKD Thái Nguyên	Kế Toán Tổng Hợp	DTTS	CBA00690	5	30	MT	68 1	73.1	
19	LƯƠNG KHẢI	VĂN	11/11/1993	Kiểm tra viên thuế	Phố Hạ Lang, thị trấn Thanh Nhật, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	CBA00895	5	40	MT	67 9	72 9	
20	TRỊNH THỊ DIỆU	LINH	10/01/1992	Kiểm tra viên thuế	Vũ Thư - Thái Bình	Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam	Kế Toán	DTTS	CBA00428	5	43	MT	67 5	72 5	
21	LIỄU THỊ	THU	07/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Xóm Đá Tiên, xã Lăng Hiếu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp	DTTS	CBA00740	5	33	MT	67 1	72.1	
22	TRỊNH THU	HOÀ	10/12/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Đức Long, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng	Đại học Kiểm sát Hà Nội	Luật	DTTS	CBA00247	5	45	MT	67	72	
23	NÔNG THỊ HÀ	TRANG	11/05/1995	Kiểm tra viên thuế	xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Học viện Tài chính	Quản lý Tài chính Công	DTTS	CBA00818	5	52	MT	66.8	71 8	
24	LỤC THANH	TRÚC	17/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Thanh Nhật, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	Đại học Lao động - Xã hội	Kế toán	DTTS	CBA00838	5	39	MT	66.8	71.8	
25	SẦM VĂN	KHIÊM	06/06/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Cô Ngân, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	Học Viện Ngân Hàng	Tài Chính	DTTS	CBA00353	5	37	MT	66.4	71.4	
26	BẾ THỊ	THẢO	10/08/1990	Kiểm tra viên thuế	Cao Bằng	Học Viện Tài Chính	Tài Chính Ngân Hàng	DTTS	CBA00684	5	34	MT	65.9	70.9	
27	BẾ THÙY	LINH	31/10/1996	Kiểm tra viên thuế	xã Đức Long, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Đại học Luật Hà Nội	Luật học	DTTS	CBA00392	5	40	MT	65	70	
III. Văn thư															
1	LĂNG THỊ	LIỄU	03/01/1995	Văn thư	Xóm Đông Nà, xã Lăng Hiếu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Đại học Nội vụ Hà Nội	Quản lý nhà nước - tương đương Hành chính học	DTTS	CBA01205	5	51	MT	86	91	
2	NÔNG THỊ	THÚY	23/02/1995	Văn thư	Xóm Đào Nam, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Trường Học viện Hành chính quốc gia	Quản lý nhà nước	DTTS	CBA01220	5	43	MT	85	90	
3	HỨA THỊ	LAN	22/10/1998	Văn thư	Lương Thông, Thông Nông, Cao Bằng	Học viện Hành chính Quốc gia	Quản lý nhà nước về kinh tế	DTTS	CBA01203	5	49	MT	81	86	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4	BẾ ANH	VÂN	23/04/1996	Văn thư	Xóm Roỏng Búa, xã Quang Hán, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng	HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA	Quản lý tổ chức và nhân sự	DTTS	CBA01223	5	36	MT	80	85	
5	NGUYỄN THỊ	MỸ	02/02/1994	Văn thư	Nà Loả - Bế Văn Đàn - Quảng Hoà - Cao Bằng	Học viện Hành chính Hà Nội	Quản lý nhà nước	DTTS	CBA01207	5	48	MT	76	81	
6	TRẦN THỊ MAI	ANH	27/02/1997	Văn thư	Xã Nghĩa Sơn huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định	Học viện Hành Chính Quốc Gia	Quản lý nhà nước		CBA01191		42	16	77	77	
7	LY VĂN	TÍN	24/02/1990	Văn thư	Thôn Pác Giả, xã Nghiên Loan, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn	Học viện Hành chính	Hành chính học	DTTS	CBA01222	5	47	MT	70	75	
8	BẾ THỊ	THUYÊN	01/07/1994	Văn thư	Xã Ngọc Đào Huyện Hà QuảngTỉnh Cao Bằng	Học Viện Hành Chính Quốc Gia	Chính sách công	DTTS	CBA01221	5	39	MT	70	75	
9	BẾ HÀ	HUỆ	11/08/1997	Văn thư	Cao Chương, Trà Lĩnh, Cao Bằng	Học viện hành chính quốc gia	Quản lý tổ chức và nhân sự	DTTS	CBA01199	5	39	MT	66	71	
10	ĐÀM THỊ MINH	KIỀU	20/11/1997	Văn thư	Xóm Bắc Vọng, xã Vinh Quý, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	Học viện Hành chính Quốc gia	Quản lý nhà nước về Xã hội	DTTS	CBA01202	5	44	MT	65	70	
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	LỘC THỊ	THUYỀN	14/10/1990	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Nông Thượng, Bạch Thông, Bắc Thái (Nay là Nông Thượng, TP Bắc Kạn, T Bắc Kạn)	Đại học CNTT và Truyền thông Đại học Thái Nguyên	Công nghệ thông tin	DTTS	CBA01185	5	48	MT	65	70	
2	HOÀNG DUY	SƠN	18/08/1984	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Xã Cách Linh Huyện Quảng Hòa Tỉnh Cao Bằng	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông Trung tâm GDTX Tỉnh Cao Bằng	Công Nghệ Thông Tin Tiếng dân tộc thiểu số H'Mông	DTTS	CBA01182	5	36	MT	61	66	
3	BẾ ANH	TUẤN	12/11/1978	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Xóm Phò muổng, xã Độc Lập, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	Học Viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	DTTS	CBA01188	5	41	MT	56	61	
4	HỨA THỊ	HẠNH	14/08/1990	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	xã Lăng Hiếu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Học viện Kỹ thuật Quân sự	Tin học	DTTS	CBA01170	5	35	MT	50	55	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4/6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	26/03/1993	Chuyên viên	Điệp Nông, Hưng Hà, Thái Bình	Học Viện Tài Chính	Tài chính - Ngân hàng		DBI00961		34	23	80.5	80 5	
2	PHẠM SÔNG LONG	BIÊN	10/07/1984	Chuyên viên	Gia Minh - Gia Viễn - Ninh Bình	ĐH Kinh Tế - Kỹ Thuật Công Nghiệp	Tài Chính - Ngân Hàng		DBI00940		32	18	70.9	70.9	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	03/02/1998	Kiểm tra viên thuế	Thôn Hoàng Nông, Xã Điệp Nông, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	DBI00136	5	34	MT	83	88	
2	TRỊNH ĐỨC	HOÀNG	13/11/1993	Kiểm tra viên thuế	Ninh Xuân, Hoa Lư, Ninh Bình	Học Viện Tài Chính	Kiểm Toán		DBI00265		35	22	78	78	
3	PHẠM NGỌC	THANH	24/08/1996	Kiểm tra viên thuế	Xóm 1,Xã Yên Mật,huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình	Học Viện Tài Chính	Tin học tài chính-kế toán		DBI00683		41	MT	76 5	76.5	
4	VŨ ANH	KIM	21/11/1993	Kiểm tra viên thuế	Quỳnh Bảo, Quỳnh Phụ, Thái Bình	Đại học Hòa Bình Hà Nội Đại học Lao động xã hội Hà Nội	Quản lý kinh tế Quản lý nhân lực		DBI00364		43	23	75.9	75.9	
5	TÒNG THỊ MAI	HƯƠNG	12/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Thanh Luông, Huyện Điện Biên, Tỉnh Điện Biên	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp	DTTS	DBI00306	5	36	MT	64.7	69 7	
6	PHAN THỊ THÙY	LINH	31/10/1996	Kiểm tra viên thuế	Thạch Mỹ- Thạch Hà- Hà Tĩnh	ĐH công nghiệp Việt -Hung	Tài chính- Kế toán		DBI00421		39	25	69 5	69 5	
7	VÕ VĨNH	PHÚ	05/09/1985	Kiểm tra viên thuế	Tùng Châu - Đức Thọ - Hà Tĩnh	Trường Đại Học Tây Bắc	Kế toán		DBI00595		38	MT	68	68	
8	ĐINH THỊ THÚY	NGA	27/07/1986	Kiểm tra viên thuế	An Lễ - Quỳnh Phụ - Thái Bình	Học Viện Tài Chính	Kế Toan Doanh Nghiệp		DBI00512		38	24	67	67	
9	TRỊNH THỊ	LINH	13/09/1997	Kiểm tra viên thuế	Chương Mỹ- Hà Nội	ĐH Luật Hà Nội	luật kinh tế		DBI00427		50	24	65 1	65 1	
10	VŨ HOÀNG	ANH	28/07/1997	Kiểm tra viên thuế	Văn Lang, Hưng Hà, Thái Bình	Học Viện Tài Chính	Kế Toán Doanh Nghiệp		DBI00030		50	21	65	65	
11	TÒNG HOÀI	THU	06/08/1998	Kiểm tra viên thuế	Quài Tở, Tuần Giáo, Điện Biên	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng	DTTS	DBI00732	5	33	MT	58 8	63.8	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
12	PHAM THỊ THU	LOAN	29/07/1996	Kiểm tra viên thuế	THÁI HÒA, THÁI THỤY, THÁI BÌNH	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP		DBI00431		44	26	63	63	
13	ĐẶNG DUY	HÙNG	08/08/1993	Kiểm tra viên thuế	Ninh Bình	Học Viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		DBI00282		35	18	62 7	62.7	
14	ĐỖ THỊ	PHƯỢNG	27/02/1996	Kiểm tra viên thuế	Vũ Tiến, Vũ Thư, Thái Bình	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Luật Kinh tế	DTTS	DBI00608	5	38	MT	57 5	62.5	
15	LÒ MINH	HẰNG	01/07/1998	Kiểm tra viên thuế	Thanh An, Điện Biên, Điện Biên	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	DBI00201	5	34	MT	53.5	58.5	
16	ĐỖ QUỲNH	NGA	17/09/1993	Kiểm tra viên thuế	An Vũ - Quỳnh Phụ - Thái Bình	Học viện Nông Nghiệp Việt Nam	Kinh tế		DBI00513		42	MT	58	58	
17	BÙI THI	HÀ	11/05/1996	Kiểm tra viên thuế	Xóm Trò- xã Hợp Kim- Huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	Học viện Phụ Nữ Việt Nam	khác	DTTS	DBI00163	5	42	MT	52 8	57.8	
18	NGUYỄN PHÚC	ĐẠT	23/10/1997	Kiểm tra viên thuế	Nhã Nam - Tân Yên - Bắc Giang	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		DBI00086		38	MT	57.8	57 8	
19	ĐỖ QUANG	NGHĨA	29/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Phu Châu Ba Vì Hà Nội	ĐH Công Nghiệp Hà Nội	Kế Toán		DBI00530		33	19	56.9	56.9	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	PHAN VIỆT	ANH	10/04/1990	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Tương Mai - Hai Bà Trưng - Hà Nội	Đại học Tây Bắc	Công nghệ thông tin		DBI01161		36	MT	67	67	
2	LO VĂN	LONG	02/10/1992	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Quài Cang - Tuần Giáo - Điện Biên	ĐH Công nghệ Thông tin và Truyền thông	Truyền thông và Mạng máy tính	DTTS	DBI01175	5	42	MT	59	64	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH HÀ GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 / 6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	TRẦN PHƯƠNG	NAM	21/04/1997	Chuyên viên	Phường Minh Xuân, Tp Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang	Học viện Tài Chính	Định giá tài sản và kinh doanh bất động sản		HGI01061		41	26	73.2	73.2	
2	LÊ MẠNH	HÙNG	14/08/1997	Chuyên viên	Thiệu Dương, Thiệu Hóa, Thanh Hóa	Đại học Thương Mại	Tài chính - Ngân hàng thương mại		HGI00997		41	24	64.6	64 6	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	MAI XUÂN	QUỲNH	05/06/1995	Kiểm tra viên thuế	xã Hữu Sản, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang	Trường đại học kinh doanh và công nghệ hà nội	Tài Chính	DTTS	HGI00634	5	32	MT	78 4	83.4	
2	PHẠM THỊ KIM	ANH	03/01/1996	Kiểm tra viên thuế	xã Tam Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	Học viện Tài chính	Kiểm toán		HGI00024		43	25	76	76	
3	VIÊN THỊ HƯƠNG	TRÀ	11/11/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Quản Bạ - Huyện Quản Bạ - Tỉnh Hà Giang	Học Viện Ngân Hàng	Kế toán doanh nghiệp	DTTS	HGI00790	5	38	MT	69 7	74 7	
4	PHẠM THUÝ	LINH	06/11/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Quảng Đức, Huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế và Quản lý đô thị		HGI00418		48	26	71	71	
5	NGUYỄN DUY	QUYỀN	26/03/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Thanh Lãng, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc	Đại học Lao Động - Xã Hội	Kế toán		HGI00628		35	28	69.5	69.5	
6	QUÁCH THỊ	HUYỀN	19/03/1985	Kiểm tra viên thuế	Thanh Xá - Thanh Hà - Hải Dương	Kinh tế quốc dân	Kế toán		HGI00344		31	24	69 5	69.5	
7	CAO HỒNG	NGỌC	20/07/1997	Kiểm tra viên thuế	xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Học viện Tài chính	Quản lý Tài chính công		HGI00538		31	17	68 3	68.3	
8	VŨ HOÀI	THU	05/10/1998	Kiểm tra viên thuế	Huyện Thanh Miện, Hải Dương	Đại học Công đoàn	Kế toán		HGI00735		48	23	66.9	66 9	
9	TÒNG THỊ HOANG	MY	22/05/1996	Kiểm tra viên thuế	Bản Huổi Khăng, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	Học viện Phụ nữ Việt Nam	Luật	DTTS	HGI00503	5	42	MT	60 5	65.5	
10	VŨ KHÁNH	HUYỀN	18/10/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Liên Quan, Huyện Thạch Thất, Hà Nội	Đại học Mở Hà Nội	Luật kinh tế		HGI00347		33	16	64.5	64.5	
11	NGUYỄN THỊ	MƠ	21/06/1987	Kiểm tra viên thuế	Xã thái xuyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Viện Đại học Mở Hà Nội	Kế toán		HGI00497		33	MT	64	64	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
12	NGUYỄN THỊ	NHÀN	24/07/1993	Kiểm tra viên thuế	Cụm 2,Xã Võng Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Hà Nội	Đại học Kinh tế Quốc Dân	Kiểm toán		HGI00563		36	25	62.5	62 5	
13	PHAM TIẾN	TUỆ	05/09/1993	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang	Học viện nông nghiệp Việt Nam	Kinh tế nông nghiệp		HGI00865		49	21	62.1	62 1	
14	NGUYỄN TRỌNG	NAM	07/10/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã Hùng Quan, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ	Trường Đại học Công Nghiệp Hà nội	Kế toán		HGI00510		43	MT	60 8	60.8	
15	PHẠM THỊ DIỄM	MY	06/09/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Phú Lạc - Huyện Cẩm Khê - Tỉnh Phú Thọ	Học Viện Tài Chính	Ngân Hàng		HGI00502		37	17	59.6	59 6	
16	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	05/10/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	Học Viện Tài Chính	Thuế	DTTS	HGI00592	5	42	MT	54 5	59.5	
17	NGUYỄN MAI	TRANG	03/11/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Quang Minh, Bắc Quang, Hà Giang	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	HGI00805	5	38	MT	53.9	58 9	
18	CHU THỊ LAN	HƯƠNG	26/03/1993	Kiểm tra viên thuế	Nghi Trung, Nghi Lộc, Nghệ An	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HGI00290		38	20	53 5	53.5	
19	NGÔ THUỲ	DƯƠNG	23/09/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Trường Giang - Nông Cống - Thanh Hoá	Đại Học Thăng Long	Tài Chính		HGI00133		42	19	52	52	
III. Văn thư															
1	ĐOÀN THU	PHƯƠNG	12/01/1993	Văn thư	Xã Nhân Bình, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Trường Đại học Nội vụ Hà Nội	Quản lý nhà nước	ConTB	HGI01211	5	36	MT	52	57	
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
1	TRẦN THỊ	TUYẾT	05/10/1991	Cán sự	xã Cù vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Học viên tài chính	Tài chính doanh nghiệp	ConBB	HGI01230	5	46	21	76	81	
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH HÀ NAM

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 / 6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
II. Kiểm tra viên thuế															
1	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	30/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Thanh Lưu - Thanh Liêm - Hà Nam	Đại học Kinh tế Quốc Dân	Kiểm toán		HNA03808		54	27	89.5	89.5	
2	NGUYỄN THUY	DƯƠNG	04/10/1998	Kiểm tra viên thuế	Tân Thanh - Thanh Liêm - Hà Nam	Đại học Công Đoàn	Kế toán		HNA00668		49	28	88.5	88 5	
3	NGUYỄN ĐỨC	THIỆN	12/11/1995	Kiểm tra viên thuế	Số nhà 65 ,ngõ 35 đường Biên Hòa , phường Lương Khánh Thiện , thành phố Phủ Lý , tỉnh Hà Nam	Đại học Thương Mại	Tài chính ngân hàng thương mại		HNA03416		46	21	88.3	88.3	
4	PHẠM THỊ BÍCH	NGA	07/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	Học viện Tài chính	Tài chính Quốc tế		HNA02513		50	19	86 5	86.5	
5	LẠI THỊ THU	HƯỜNG	13/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Thôn Yên Thống, Xã Liêm Phong, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam	Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam	Kế toán		HNA01608		50	23	82.9	82 9	
6	NGUYỄN ĐỨC	HUY	09/11/1995	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Trụ, Lý Nhân, Hà Nam	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Kinh tế		HNA01643		54	26	82	82	
7	VŨ THỊ	CHUNG	10/02/1994	Kiểm tra viên thuế	Lam Hạ , Phủ Lý , Hà Nam	Đại học công nghệ giao thông vận tải	Kế toán doanh nghiệp		HNA00414		44	23	80 5	80 5	
8	NGUYỄN THỊ	HỒNG	06/09/1988	Kiểm tra viên thuế	Thôn Đồng Rồi, xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HNA01376		48	17	80	80	
9	BUI THỊ THÚY	HẰNG	17/02/1992	Kiểm tra viên thuế	Tổ dân phố Đông Ngoại, Châu Giang, Thị xã Duy Tiên, Hà Nam	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG XÃ HỘI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG XÃ HỘI	KẾ TOÁN QUẢN TRỊ NHÂN LỰC		HNA00957		46	29	78.7	78.7	
10	TRẦN THỊ MINH	NGUYỆT	07/08/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Vĩnh Tứ, Xã An Lão, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam	Trường đại học Kinh Tế Quốc Dân	Kinh tế bảo hiểm		HNA02684		41	22	78.5	78 5	
11	LÊ HOA HỒNG	NHUNG	14/09/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Thanh Bình, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Thái	Kinh tế đầu tư		HNA02740		38	21	76.9	76 9	
12	PHẠM NHƯ	QUỲNH	04/01/1994	Kiểm tra viên thuế	SN 10, tổ 7, Phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam	Đại học Lâm Nghiệp Việt Nam Đại học Lâm Nghiệp Việt Nam	Kinh tế Kế toán		HNA03078		45	23	76.5	76.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
13	NGUYỄN THỊ HỒNG	LIÊN	20/05/1998	Kiểm tra viên thuế	Châu Giang - Duy Tiên - Hà Nam	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HNA01935		57	23	76	76	
14	NGUYỄN THỊ	HẠNH	09/08/1998	Kiểm tra viên thuế	Thi Sơn - Kim Bảng - Hà Nam	Trường Đại học kinh tế - kỹ thuật công nghiệp	Kế toán		HNA01071		47	26	75 1	75 1	
15	DƯƠNG THỊ	DUYÊN	23/05/1993	Kiểm tra viên thuế	Đại Phu-An Đổ- Bình Lục-Hà Nam	Trường Đại Học Thương Mại	Kế toán tài chính		HNA00701		37	22	75	75	
16	VŨ THỊ	NỤ	25/06/1998	Kiểm tra viên thuế	Thôn Sông, xã An Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		HNA02794		34	19	74 8	74 8	
17	PHẠM THỊ THUỶ	DƯƠNG	01/01/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã An Ninh, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Trường Đại học Hà Nội	Tài chính ngân hàng		HNA00675		53	MT	74.5	74 5	
18	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	25/09/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn Sông, Xã Liêm Thuận, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam	Học Viện Tài Chính	Kiểm Toán		HNA03073		36	26	73	73	
19	LẠI THỊ PHƯƠNG	HẰNG	19/03/1997	Kiểm tra viên thuế	Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam	Học Viện Tài Chính	THUẾ		HNA00981		41	22	72.3	72.3	
20	NGUYỄN MINH	PHƯỢNG	17/04/1987	Kiểm tra viên thuế	Thôn Phú NGòi- Xã Tiên Hiệp-TP.Phủ Lý- Hà Nam	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HNA02959		48	29	72	72	
21	NGUYỄN THỊ NGỌC	ĐIỆP	19/08/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Trịnh Mỹ, Xã Ngô Quyền, Huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên	Đại học Công Nghiệp Hà Nội	Kế toán		HNA00527		39	21	72	72	
22	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DUNG	22/11/1997	Kiểm tra viên thuế	Chân Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải	Kế toán doanh nghiệp	ConTB	HNA00597	5	43	23	66.9	71.9	
23	PHẠM THỊ	ANH	16/11/1994	Kiểm tra viên thuế	Đội 1, xã Ngọc Lũ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Học viện Tài Chính	Kiểm toán		HNA00208		41	25	71	71	
24	TRẦN THỊ QUỲNH	TRANG	02/10/1997	Kiểm tra viên thuế	Lý Nhân, Hà Nam	Học viện tài chính	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP		HNA03898		43	26	70.9	70.9	
25	TRƯƠNG THỊ	PHƯƠNG	07/08/1992	Kiểm tra viên thuế	Thôn kho nứu, xã Thanh Tâm, Thanh Liêm, Hà Nam	Học Viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HNA02934		44	27	70.7	70 7	
26	ĐỖ ĐÀO	CHƯƠNG	25/05/1991	Kiểm tra viên thuế	Trịnh Xá, Phủ Lý, Hà Nam	Đại học Thương Mại	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP		HNA00415		43	19	70 6	70.6	
27	ĐÀO THỊ	MINH	13/12/1989	Kiểm tra viên thuế	Xóm 12-Tà Hà-Văn Lý-Lý Nhân-Hà Nam	Đại học công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán-Kiểm toán		HNA02371		47	24	70 5	70 5	
28	NGUYỄN TIẾN	XƯƠNG	07/08/1994	Kiểm tra viên thuế	Lam Hạ , Phủ Lý, Hà Nam	Đại Học kinh doanh và công nghệ hà nội	quản trị kinh doanh		HNA04229		36	17	70.5	70 5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
29	ĐẶNG PHƯƠNG	HÀ	25/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn Hồi trai, xã Tân Sơn, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam	Học viện tài chính	Kiểm toán		HNA00797		48	25	70	70	
30	ĐỖ THI	THU	27/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Thôn Tin Đôn, Xã Liêm Túc, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam.	Đại học Thương mại	Kế toán doanh nghiệp		HNA03457		50	26	69.9	69.9	
31	NGUYỄN THỊ	THÚY	28/03/1992	Kiểm tra viên thuế	thôn 4 Xã Nhân Khang huyện Lý Nhân tỉnh Hà Nam	Đại học Kinh Tế Quốc Dân Hà Nội	Kinh Tế Học		HNA03592		50	19	69.4	69.4	
32	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	20/06/1996	Kiểm tra viên thuế	Đồng Thượng, Liêm Túc, Thanh Liêm, Hà Nam	Học Viện Ngân Hàng	Kế toán		HNA02676		45	28	69 4	69 4	
33	MAI THỊ THU	TRANG	27/11/1993	Kiểm tra viên thuế	Yên Khang, Ý Yên, Nam Định	Đại học tài chính quản trị kinh doanh	Kế toán doanh nghiệp		HNA03790		45	23	69	69	
34	VŨ THỊ	HUẾ	18/12/1998	Kiểm tra viên thuế	Liêm Cần- Thanh Liêm- Hà Nam	Đại học Tài Chính - Quản Trị Kinh Doanh	Kế Toán Doanh Nghiệp		HNA01425		30	19	68.5	68 5	
35	ĐINH THỊ BÍCH	NGỌC	07/12/1998	Kiểm tra viên thuế	Thôn Tập Hạ, xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		HNA02591		36	26	68 3	68 3	
36	HÀ THỊ HOÀNG	LAN	21/06/1998	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Trụ - Lý Nhân - Hà Nam	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán		HNA01871		43	17	67	67	
37	TẠ THỊ KIỀU	OANH	24/08/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Hoàng Thượng, xã Hoàng Đông, thị xã Duy Tiên, Hà Nam	Đại Học Hà Nội	Tài chính - Ngân Hàng		HNA02814		38	MT	67	67	
38	PHẠM MINH	ĐỨC	29/05/1991	Kiểm tra viên thuế	Quan Phố ,Chuyên Ngoại, Duy Tiên, Hà Nam	Trường đại học công nghiệp Hà Nội Trường cao đẳng kinh tế công nghiệp Hà Nội	Kế toán Kế Toán - Kiểm toán	ConTB	HNA00563	5	37	16	61.9	66.9	
39	TẠ THI	LIÊN	25/05/1990	Kiểm tra viên thuế	Thôn Cung Thượng, xã Bình Định, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc	Trường Đại Học Công Đoàn	Quản Trị Kinh Doanh Tổng Hợp		HNA01941		48	17	66 8	66 8	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TP. HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 / 5 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
II. Kiểm tra viên thuế															
1	TRẦN VĂN	TU	20/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Trưng Trắc, Phuc Yên, Vĩnh Phuc	Đại Học Mỏ - Địa Chất	Quản Trị Kinh Doanh		HAN03984		47	29	90.5	90 5	
2	NGUYỄN MINH	THUỶ	16/09/1993	Kiểm tra viên thuế	Hà Nội	Đại Học Công Nghiệp Hà Nội	Kế toán		HAN03554		36	15	89.5	89 5	
3	NGUYỄN BẢO	NGỌC	31/10/1995	Kiểm tra viên thuế	xã Kim Phú, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	HAN02611	5	42	25	84 1	89.1	
4	HOÀNG SỸ	QUYỀN	06/12/1989	Kiểm tra viên thuế	Thiệu Vũ, Thiệu Hóa, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kiểm toán		HAN03042		53	28	88.8	88.8	
5	NGÔ THỊ	THU	28/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Nam Định	Đại Học Hòa Bình	Kế Toán		HAN03467		35	27	88	88	
6	ĐINH THỊ THU	THẢO	03/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Đông Đô, Hưng Hà, Thái Bình	Trường Đại học Amiens Picardie Juverne	Kinh tế		HAN03288		38	23	87.5	87 5	
7	HOÀNG THỊ MINH	PHÚC	08/09/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Nguyễn Huệ, Huyện Hòa An, Tỉnh Cao Bằng	Đại Học Tài chính-Ngân hàng Hà Nội	Kế Toán	DTTS	HAN02835	5	39	21	82.5	87.5	
8	PHẠM THỊ LAN	HƯƠNG	12/10/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Long Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	Học viện tài chính	Tài chính - Ngân hàng		HAN01575		54	28	87	87	
9	LÊ THỊ HOÀI	PHƯƠNG	05/09/1985	Kiểm tra viên thuế	Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	Đại học kinh doanh và Công nghệ Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính Quản trị kinh doanh	ConTB	HAN02866	5	45	29	82	87	
10	LÊ THỊ	THÚC	20/07/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn Toán Tỵ, Xã Thiệu Toán, Huyện Thiệu Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	Học viện tài chính	Kế toán	ConTB	HAN03533	5	45	20	82	87	
11	ĐỖ HOÀI	NAM	20/02/1990	Kiểm tra viên thuế	Huyện An Dương, Hải Phòng	Đại Học Thương Mại	Tài chính- Ngân hàng thương mại		HAN02443		46	25	86.5	86.5	
12	MAI THỊ	TÚ ANH	30/09/1990	Kiểm tra viên thuế	Đông Anh - Hà Nội	Đại học Bách khoa Hà Nội Đại học kinh doanh và công nhệ Hà Nội	Quản lý kinh tế Kế toán		HAN03986		45	27	86.5	86.5	
13	LÊ ANH	TÚ	22/12/1993	Kiểm tra viên thuế	tổ 1,Thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội	Học Viện Tài Chính Học Viện Tài Chính	Kế toán Kế toán		HAN03972		45	17	86.5	86.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
14	DƯƠNG THỊ THÙY	LINH	30/06/1992	Kiểm tra viên thuế	Tân Châu, Khoái Châu, Hưng Yên	Southern NewHampshire University	Kinh tế - Tài chính		HAN01989		43	MT	86 5	86 5	
15	VŨ NAM	KHÁNH	11/01/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Hoa Lư, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình	Học viện Tài chính	Kiểm toán		HAN01817		42	25	86.5	86.5	
16	TÔN THỊ KIỀU	OANH	21/12/1991	Kiểm tra viên thuế	Hà Tĩnh	Học viện Tài chính	Tài chính - Ngân hàng		HAN02815		39	20	86 5	86.5	
17	TRẦN THỊ NGỌC	ANH	18/11/1995	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Đại Học Lao Động Xã Nội	Quản Trị Kinh Doanh		HAN00242		37	19	86 5	86 5	
18	NGUYỄN NGỌC	TÀI	28/09/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Hồng Phong, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	Học viện Tài Chính	Thuế		HAN03131		33	15	86.5	86.5	
19	MAI HÀ	LINH	26/10/1992	Kiểm tra viên thuế	Thọ Hải, Thọ Xuân, Thanh Hoá	Trường Đại Học Amiens Picardie de Jules Verne	Kinh tế	DTTS	HAN02025	5	50	MT	81 5	86.5	
20	HÀ TRANG	LINH	18/03/1986	Kiểm tra viên thuế	Bắc Kạn	Trường đại học kinh tế-đại học quốc gia Hà Nội Học Viện Tài Chính Hà Nội	Quản trị các tổ chức tài chính Tài chính ngân hàng	DTTS	HAN01994	5	46	21	81.4	86 4	
21	LÊ CAO HẢI	NGUYÊN	18/01/1986	Kiểm tra viên thuế	Thôn Phú Gia, Ninh Khang, Hoa Lư, Ninh Bình	Bách Khoa Hà Nội	Quản trị Tài Chính - Kế toán		HAN02654		44	17	85.9	85 9	
22	NGUYỄN DUY	KHÁNH	16/02/1997	Kiểm tra viên thuế	Tân Hương, Ninh Giang, Hải Dương	Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	Quản Trị Kinh Doanh		HAN01813		53	23	85.5	85.5	
23	BÙI TIẾN	CƯỜNG	10/11/1995	Kiểm tra viên thuế	Phường Đức Chính, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Học Viện Tài Chính	tài chính doanh nghiệp		HAN00436		46	25	85 5	85.5	
24	PHẠM THỊ MỸ	LINH	22/01/1994	Kiểm tra viên thuế	Đội 1, Thôn Tế Tiêu, Thị Trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	Học Viện Tài Chính	Kiểm Toán		HAN02116		44	23	85.5	85 5	
25	LƯƠNG THỊ	THƯƠNG	23/11/1998	Kiểm tra viên thuế	Nam Định	Đại Học Hòa Bình	Kế toán		HAN03540		38	21	85.5	85.5	
26	NGUYỄN NHƯ	HUẾ	18/12/1989	Kiểm tra viên thuế	Hà Nội	Học viện Ngân Hàng	Tài chính - Ngân hàng		HAN01444		37	17	85.5	85.5	
27	PHAN THU	HÀ	05/10/1993	Kiểm tra viên thuế	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	Trường đại học Hùng Vương	Tài chính - Ngân hàng		HAN00881		33	20	85.5	85 5	
28	KIỀU THÙY	TRUNG	29/09/1994	Kiểm tra viên thuế	Hùng Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	Học Viện Tài Chính	Thuế		HAN03937		45	30	85	85	
29	CHU THỊ	LƯU	03/09/1987	Kiểm tra viên thuế	Xã Nhạc Kỳ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn	Đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh Thái Nguyên	Luật Kinh Doanh	DTTS	HAN02241	5	32	16	80	85	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
30	TẠ HẢI	NAM	17/11/1991	Kiểm tra viên thuế	Mê Linh, Hà Nội	Trường đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội	Tài chính doanh nghiệp		HAN02462		30	17	84.9	84.9	
31	NGUYỄN KIM	CHUNG	08/12/1994	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Kiểm toán	ConTB	HAN00412	5	39	23	79 9	84.9	
32	NGUYỄN QUANG	TRƯỜNG	03/02/1997	Kiểm tra viên thuế	Liên Sơn , Tân Yên , Bắc Giang	Trường Đại Học Thương Mại	Quản trị Thương Mại Điện Tử		HAN03956		34	18	84.6	84.6	
33	ĐẶNG PHƯƠNG	NGA	04/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Đông Phong, Tiền Hải, Thái Bình	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN02472		50	23	84 5	84 5	
34	LƯƠNG THÙY	DƯƠNG	22/09/1997	Kiểm tra viên thuế	Ngô Quyền - Tiên Lữ - Hưng Yên	Học viện Tài chính	Tài chính quốc tế		HAN00655		48	28	84.5	84.5	
35	PHẠM THỊ	HƯỜNG	20/11/1985	Kiểm tra viên thuế	Xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình, tỉnh Thai Bình	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp	CondeNHD KCbiNCDH H	HAN01570	5	57	MT	79.4	84.4	
36	HOÀNG VIỆT	DŨNG	24/08/1996	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Học viện Tài chính	Quản lý Tài chính công	DTTS	HAN00620	5	47	26	79.4	84 4	
37	TRẦN THỊ TÂM	THƯ	29/10/1997	Kiểm tra viên thuế	Phù Lương, Quế Võ, Bắc Ninh	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản lý Kinh tế		HAN03515		43	24	84	84	
38	HÀ THỊ HỒNG	HẢI	18/02/1993	Kiểm tra viên thuế	Đan Thượng - Hạ Hòa - Phú Thọ	Trường Đại học Công Đoàn	Kế toán		HAN00916		35	22	83.8	83.8	
39	ĐỖ THỊ NHÂN	THIỀN	21/08/1990	Kiểm tra viên thuế	Thường Tín, Hà Nội	Học viện Ngoại Giao Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế quốc tế kinh tế		HAN03412		48	25	83 7	83.7	
40	NGÔ THU	HÀ	17/03/1994	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Trường Đại học Thủy Lợi	Kế toán doanh nghiệp		HAN00838		47	25	83.5	83.5	
41	ĐỖ NGỌC	HẢI	09/11/1997	Kiểm tra viên thuế	Việt Hùng, Vũ Thư, Thái Bình	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kiểm toán Kinh tế		HAN00912		47	22	83.5	83 5	
42	HOÀNG THỊ	MAI	11/11/1989	Kiểm tra viên thuế	Gia Bình, Bắc Ninh	Học viện Tài chính	Kế toán Doanh nghiệp		HAN02286		45	20	83.5	83.5	
43	NGUYỄN THỊ MAI	LINH	19/10/1992	Kiểm tra viên thuế	Đạm Nội – Tiền Châu – Mê Linh –Vĩnh Phúc	Trường Đại học Lâm Nghiệp	Kế toán		HAN02075		45	18	83.5	83.5	
44	TRẦN THANH	HUYỀN	18/11/1991	Kiểm tra viên thuế	Yên Ninh, Yên Khánh, Ninh Bình	Trường Đại Học Kinh Doanh Và Công Nghệ Hà Nội	Tài chính		HAN01771		39	23	83.5	83 5	
45	NGUYỄN THỊ	THOAN	16/03/1992	Kiểm tra viên thuế	Hà Nội	Học Viện Tài Chính	Ngân hàng		HAN03443		37	21	83.5	83.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
46	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	12/12/1990	Kiểm tra viên thuế	Thôn CD, Quán Trạch Xã Liên Nghĩa Huyện Văn Giang Tỉnh Hưng Yên	Universal of Greenwich	BA H BUSSINESS MANAGEMENT		HAN03816		57	MT	83	83	
47	NGUYỄN THỊ	HUỀ	26/10/1998	Kiểm tra viên thuế	Thôn Ngô Phấn, Xã Bình Định,Huyện Lương Tài, Bắc Ninh	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01416		49	22	83	83	
48	HÀ TRỌNG	PHÚ	03/09/1996	Kiểm tra viên thuế	Đội 5, Thôn Nội Xá, Xã Vạn Thái, Huyện Ứng Hòa, Thành Phố Hà Nội	Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Kế Toán		HAN02830		48	26	83	83	
49	NGUYỄN THU	TRANG	21/12/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã Viên An -Huyện Ứng Hòa - Hà Nội	Trường Đại Học Tài Chính - Ngân Hàng Hà Nội	Kế Toán		HAN03853		46	28	83	83	
50	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	18/01/1995	Kiểm tra viên thuế	Hạ Giáp - Phù Ninh - Phú Thọ	Đại học Surrey Học viện Tài chính	Quản trị kinh doanh quốc tế Tài chính - Ngân hàng		HAN01708		43	MT	83	83	
51	NGUYỄN THU	THỦY	13/02/1993	Kiểm tra viên thuế	Đông Hải, Lê Chân, Hải Phòng	Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân	Kế toán tổng hợp		HAN03645		38	23	83	83	
52	PHẠM MINH	THU	05/10/1997	Kiểm tra viên thuế	Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	Đại học Công Đoàn	Kế toán		HAN03491		37	25	83	83	
53	NGUYỄN NHẬT	MINH	27/02/1998	Kiểm tra viên thuế	Huyện Thái Thụy, Thái Bình	Đại Học Luật Hà Nội	Luật Kinh Tế	ConTB	HAN02384	5	34	18	78	83	
54	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	30/01/1994	Kiểm tra viên thuế	Chi Đông, Mê Linh, Hà Nội	Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Kinh tế đầu tư		HAN01618		56	26	82.9	82 9	
55	TÔ THỊ	HƯƠNG	15/09/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Long Xuyên, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương	Đại học Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		HAN01581		58	26	82.6	82 6	
56	TRẦN THỊ THU	HƯƠNG	05/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Hương Nha, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	Đại học Ngoại thương Hà Nội Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng		HAN01591		58	25	82.5	82 5	
57	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	25/04/1982	Kiểm tra viên thuế	Hưng Đạo - Tiên Lữ - Hưng Yên	Trường Đại Học Kinh Doanh Và Công Nghệ Hà Nội	Kế toán		HAN01724		55	MT	82 5	82 5	
58	TRỊNH HẢI	YẾN	27/07/1996	Kiểm tra viên thuế	Tôn Tổ Hòa, xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân	Kế toán		HAN04275		53	26	82 5	82 5	
59	BÙI THẾ	LONG	31/07/1997	Kiểm tra viên thuế	Thôn Tân Lập, xã Đoàn Lập, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng	Đại học Hàng Hải Việt Nam	Kinh tế ngoại thương		HAN02206		52	19	82.5	82.5	
60	NGUYỄN THỊ HẠNH	NGUYÊN	06/11/1988	Kiểm tra viên thuế	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	Cardiff Metropolitan University Học viện Ngân hàng	Tài Chính Tài chính ngân hàng		HAN02659		51	MT	82.5	82.5	
61	BÙI QUANG	HUY	02/11/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		HAN01637		48	23	82 5	82 5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
62	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	05/10/1997	Kiểm tra viên thuế	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	Học viện Tài Chính	Kiểm toán		HAN00136		41	23	82.5	82.5	
63	NGUYỄN THÀNH	DUY	19/09/1993	Kiểm tra viên thuế	Quảng Ninh	Đại học York St John	Kế toan Tài chính		HAN00694		39	MT	82.5	82.5	
64	ĐỖ HỒNG	NHUNG	30/11/1995	Kiểm tra viên thuế	Thị Trấn Trung Khánh, Huyện Trùng Khánh, Tỉnh Cao Bằng	Học viện Tài Chính	Hải Quan		HAN02727		33	21	82.5	82.5	
65	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	06/09/1985	Kiểm tra viên thuế	Nhân Chính, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế lao động		HAN00855		48	26	82.4	82.4	
66	ONG GIA	LINH	14/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Thị Trấn Nham Biền, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang	Trường Đại học Thương Mại Hà Nội Trường Đại học Thương Mại Hà Nội	Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh		HAN02099		48	26	82.3	82.3	
67	ĐOÀN THỊ HƯƠNG	GIANG	24/04/1995	Kiểm tra viên thuế	Mỹ Lộc, Nam Định	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Quản lý Kinh tế		HAN00733		59	30	82	82	
68	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	PHƯƠNG	02/07/1998	Kiểm tra viên thuế	Xóm 13, xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Đại học Tài Nguyên và Môi Trường Hà Nội	Kế Toán, Kiểm Toán và Phân Tích BCTC		HAN02884		41	21	82	82	
69	BÙI KIM	KHÁNH	24/04/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Cao Xá, xã Trung Tú huyện Ứng Hòa, Hà Nội.	Học viện Tài chính Học viện Tài Chính	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng		HAN01800		40	22	82	82	
70	LÊ HOÀNG	ĐỨC	05/04/1996	Kiểm tra viên thuế	Y Can - Trấn Yên - Yên Bái	Trường đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Luật kinh tế		HAN00553		37	16	82	82	
71	ĐINH THỊ	ĐIỂM	07/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Đoàn Thượng - Xuân Lâm - Thuận Thành - Bắc Ninh	Học viện Tài chính	Thuế		HAN00506		42	23	81.6	81.6	
72	NGUYỄN THU	HƯƠNG	21/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn An Châu 1, Xã Hoàng Hanh, Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên	Học Viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN01567		57	20	81.5	81.5	
73	PHÙNG MINH	TUẤN	06/07/1998	Kiểm tra viên thuế	Phú Xuân, Thành Phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Học Viện Tài Chính	Kế Toán Doanh Nghiệp		HAN04008		48	26	81.5	81.5	
74	TRỊNH THỊ SƠN	HÀ	02/04/1997	Kiểm tra viên thuế	Bắc Ninh	Khoa Quốc Tế - Đại học Quốc Gia Hà Nội	Kế toán, phân tích và kiểm toán		HAN00898		47	MT	81.5	81.5	
75	TRẦN THỊ	TRÀ	14/08/1994	Kiểm tra viên thuế	Nghệ An	Đại học Thương Mại	Kế toán doanh nghiệp		HAN03717		44	25	81.5	81.5	
76	NINH NGỌC	DIỆP	16/08/1998	Kiểm tra viên thuế	Hạ Long-Quảng Ninh	Học Viện Tài Chính	Thuế		HAN00515		43	23	81.5	81.5	
77	NGUYỄN THỊ MINH	THU	09/02/1989	Kiểm tra viên thuế	Vụ Bản, Nam Định	Trường Đại học Sunderland	Tài chính - Ngân hàng	ConTB	HAN03486	5	43	MT	76.5	81.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
78	NGUYỄN THẾ	HIỂN	05/07/1991	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Kế Toán		HAN01203		45	29	81.3	81 3	
79	LƯƠNG THÙY	LINH	02/04/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Hòa Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kiểm toán		HAN02019		58	22	81.1	81 1	
80	VŨ LÊ THANH	THỦY	13/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Đông Hưng, Thái Bình	Học viện Nông Nghiệp Việt Nam	Quản trị kinh doanh NN		HAN03657		54	MT	81	81	
81	NGUYỄN HOÀNG	ANH	16/07/1992	Kiểm tra viên thuế	Phan Sào Nam, Phù Cư, Hưng Yên	Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu nghị Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản lý Kinh tế Kinh tế		HAN00118		54	27	81	81	
82	ĐỒNG THỊ THANH	NHÀN	07/12/1991	Kiểm tra viên thuế	Thạch Khê, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Đại học Ngoại thương Hà Nội Đại học Ngoại thương Hà Nội	Chính sách và Luật Thương mại Quốc tế Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế		HAN02694		51	23	81	81	
83	PHẠM THÀNH	QUANG	25/10/1993	Kiểm tra viên thuế	Hà Nam	Học viện Tài chính	Tài Chính - Ngân Hàng		HAN03007		50	25	81	81	
84	NGUYỄN THANH	HUYỀN	24/05/1993	Kiểm tra viên thuế	Minh Đức - Tứ Kỳ - Hải Dương	Đại học Lao Động Xã Hội	Kế toán		HAN01716		49	27	81	81	
85	VŨ TRƯỜNG	ANH	20/03/1997	Kiểm tra viên thuế	xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Trường Đại học Luật Hà Nội			HAN00271		49	25	81	81	
86	NGUYỄN THỊ DIỆU	HƯƠNG	15/10/1991	Kiểm tra viên thuế	Trực Thái, Trực Ninh, Nam Định	Trường Đại Học Dân Lập Đông Đô	Tài chính ngân hàng		HAN01550		49	20	81	81	
87	CHÂU HỒNG	HÀ	27/09/1995	Kiểm tra viên thuế	An Hòa, An Lão, Bình Định	Đại học kinh tế Quốc Dân	Quản trị lữ hành		HAN00792		49	19	81	81	
88	PHẠM MINH	PHƯƠNG	21/12/1986	Kiểm tra viên thuế	Hà Nội	Học Viện Ngân Hàng	Kế toán doanh nghiệp		HAN02911		45	23	81	81	
89	TRẦN THỊ THANH	TÂM	17/03/1986	Kiểm tra viên thuế	Văn Hải, Kim Sơn, Ninh Bình	Wolverhampton University Học viện Ngân hàng	Quản trị kinh doanh Kế toán		HAN03160		43	MT	81	81	
90	NGUYỄN HẢI	DƯƠNG	14/12/1995	Kiểm tra viên thuế	Xóm Hồ, xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Trường Đại học Tài chính - quản trị kinh doanh	Kiểm toán		HAN00663		41	16	81	81	
91	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	14/01/1994	Kiểm tra viên thuế	Thị Trấn - huyện Đô Lương - tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính công	ConTB	HAN00599	5	51	22	76	81	
92	VŨ THỊ BÍCH	HỒNG	18/06/1985	Kiểm tra viên thuế	Xã Kim Thư, Huyện Thanh Oai, Thành Phố Hà Nội	Học viện Khoa học xã hội	Quản trị kinh doanh		HAN01396		54	24	80 5	80 5	
93	TRẦN THUY	LINH	20/04/1985	Kiểm tra viên thuế	Minh Châu, Đông Hưng, Thái Bình	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN02145		51	17	80 5	80 5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
94	PHẠM HÀ	TRANG	08/09/1994	Kiểm tra viên thuế	Thôn Lạc Dục, Xã Hưng Đạo, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương	Đại Học Hải Dương	Kế toán tổng hợp		HAN03857		44	27	80.5	80 5	
95	PHẠM THỊ	THƯƠNG	14/04/1987	Kiểm tra viên thuế	Thôn Bắc Sơn, Xã Tự Tân, Huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Trường Đại học Thương Mại Trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội	Kế toán Quản trị kinh doanh		HAN03546		39	21	80.5	80.5	
96	ĐÀO THỊ	SƠN	15/06/1990	Kiểm tra viên thuế	Thôn Đông Duệ, xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	Trường Đại Học Thương Mại	Kế toán- Tài Chính doanh nghiệp thương mại		HAN03102		38	23	80 5	80.5	
97	ĐINH THỊ VIỆT	NGA	22/08/1992	Kiểm tra viên thuế	Gia Viễn, Ninh Bình	Học viện tài chính Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp Ngôn ngữ anh		HAN02479		47	MT	80 4	80 4	
98	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	26/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Bích Sơn-Việt Yên-Bắc Giang	Khoa Quản trị Kinh doanh, Đại học Quốc Gia Hà Nội Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Quản trị kinh doanh Cử nhân quản trị kinh doanh		HAN03355		52	MT	80.3	80.3	
99	NGUYỄN THỊ HẠNH	DUNG	12/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Gia Phúc, Nguyễn Trãi, Thường Tín, Hà Nội	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00592		49	21	80.3	80.3	
100	PHẠM THỊ NGUYỆT	HÀ	05/04/1996	Kiểm tra viên thuế	Hà Nam	Học viện Tài chính	Tin học tài chính- kế toán		HAN00875		46	23	80 3	80 3	
101	NGÔ HOÀNG	ANH	25/10/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Tân Trung, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kiểm toán		HAN00102		43	24	80.2	80.2	
102	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	28/06/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Đại học Thương Mại	Quan hệ khách hàng		HAN02073		57	MT	80	80	
103	PHẠM THỊ MINH	TRANG	29/12/1989	Kiểm tra viên thuế	xã Song Lãng- Huyện Vũ Thư- Tỉnh Thái Bình	Đại Học Kinh tế Quốc Dân	Kinh Tế Đầu Tư		HAN03869		53	27	80	80	
104	MAI HUYỀN	LINH	03/05/1998	Kiểm tra viên thuế	Thành phố Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Kế toán		HAN02026		51	27	80	80	
105	HOÀNG THANH	SƠN	02/09/1997	Kiểm tra viên thuế	Đông Anh - Hà Nội	Đại học Kinh tế Quốc dân	Ngân hàng		HAN03110		50	29	80	80	
106	NGÔ PHƯƠNG	ANH	06/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Ứng Hoà, Hà Nội	Học viện Tài chính	Kinh tế đầu tư tài chính		HAN00103		48	20	80	80	
107	PHẠM MINH	TRANG	17/09/1997	Kiểm tra viên thuế	Bắc Ninh	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		HAN03860		46	26	80	80	
108	PHẠM THỊ	DUYÊN	26/12/1987	Kiểm tra viên thuế	Trực Thái, Trực Ninh, Nam Định	Trường Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Kế toán tổng hợp		HAN00716		39	21	80	80	
109	NGUYỄN ĐĂNG	NAM	30/01/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ, TP. Hà Nội	Học Viện Tài Chính	Thẩm định giá và Kinh doanh bất động sản		HAN02450		36	18	80	80	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
110	NGUYỄN VƯƠNG THUỲ	ANH	09/01/1998	Kiểm tra viên thuế	Hồng Việt, Đông Hưng, Thái Bình	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán		HAN00196		35	MT	80	80	
111	BÙI HỒNG	DUYÊN	06/07/1997	Kiểm tra viên thuế	Tân Vinh, Lương Sơn, Hòa Bình	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế	DTTS	HAN00699	5	50	24	74.9	79.9	
112	NGUYỄN TRÀ	MY	11/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Văn Từ, Phú Xuyên, Hà Nội	Đại học Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng		HAN02428		54	29	79 8	79 8	
113	HOÀNG ĐỨC	BÌNH	13/01/1996	Kiểm tra viên thuế	Huyện Kim Động, Hưng Yên	Đại Học Temple	Tài chính doanh nghiệp		HAN00330		49	MT	79 8	79 8	
114	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	29/06/1993	Kiểm tra viên thuế	Hồng Thuận- Giao Thủy- Nam Định	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HAN03070		39	28	79.7	79 7	
115	TẠ THỊ NGỌC	HÂN	28/11/1998	Kiểm tra viên thuế	Thôn Hoa Thám, xã La Phù, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội	Học viện Ngân hàng	Tài chính		HAN00955		55	25	79.5	79 5	
116	TRẦN THỊ	VUI	14/05/1987	Kiểm tra viên thuế	Phúc Thuận - Phổ Yên - Thái Nguyên	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN04194		50	21	79.5	79 5	
117	TIÊU THỊ THÙY	DUNG	10/04/1995	Kiểm tra viên thuế	Thôn Nhân Lư, Xã Cẩm Chế, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00611		46	20	79.5	79.5	
118	PHẠM TẤT	THÀNH	23/09/1994	Kiểm tra viên thuế	xã Tây Phong, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Đại học Lao Động - Xã Hội	Kế toán		HAN03269		37	23	79 5	79 5	
119	BÙI ĐÌNH	TRUNG	09/08/1989	Kiểm tra viên thuế	Ngư Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa	Học Viện Ngân Hàng	Tài Chính Ngân Hàng		HAN03935		33	17	79.5	79.5	
120	NGUYỄN THỊ THÚY	VÂN	24/02/1993	Kiểm tra viên thuế	TT Lâm Thao, Lâm Thao, Phú Thọ	Học viện Ngân Hàng	Kế toán doanh nghiệp		HAN04127		53	19	79.4	79 4	
121	PHẠM THU	HẰNG	29/12/1984	Kiểm tra viên thuế	Ngọc Lũ - Bình Lục - Hà Nam	Trường Đại học Điện Lực	Kế toán		HAN01022		49	28	79.2	79 2	
122	NGUYỄN THỊ	TÂM	16/06/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn Liên Hợp, x Quảng Bị, h Chương Mỹ, TP Hà Nội	Học viện Tài Chính	Hải Quan		HAN03144		43	17	79.2	79 2	
123	NGUYỄN THỊ TUYẾT	ANH	02/12/1987	Kiểm tra viên thuế	Yên Mỹ - Thanh Trì - Hà Nội	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán		HAN00166		33	28	79.2	79.2	
124	NGẠC THỊ THÙY	LINH	21/12/1997	Kiểm tra viên thuế	Trung Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội	Học Viện Chính Sách và Phát Triển	Kế Hoạch Phát Triển		HAN02030		51	24	79	79	
125	PHÙNG TRUNG	ĐỨC	26/01/1994	Kiểm tra viên thuế	Sơn Tây	Đại học Thương mại Hà Nội Đại học Huddersfield, Anh Quốc	Kinh tế thương mại Quản lý kinh tế quốc tế		HAN00566		48	MT	79	79	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
126	NGUYỄN MAI	THẢO	09/03/1990	Kiểm tra viên thuế	Thanh Hóa	Đại Học Giao Thông Vận Tải	Quản trị kinh doanh		HAN03330		47	27	79	79	
127	NGUYỄN THI	NGỌC	24/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Hòa Nam - Ứng Hòa - Hà Nội	Đại học Kinh Tế - Đại học Quốc Gia Hà Nội	Kinh doanh có yếu tố nước ngoài		HAN02624		46	26	79	79	
128	VŨ TRUNG	THÀNH	21/05/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Khánh Trung, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Học viện Tài chính	Thuế		HAN03274		46	25	79	79	
129	LÊ THỊ	THUẬN	14/04/1989	Kiểm tra viên thuế	Xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Trường Đại Học Kinh Doanh và Công Nghệ Hà Nội	Kế toán		HAN03526		45	24	79	79	
130	ĐẶNG MAI	THI	17/07/1998	Kiểm tra viên thuế	Hà Nội	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	Kế toán		HAN03409		41	22	79	79	
131	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	16/11/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Dân Hòa, Huyện Thanh Oai, TP Hà Nội	Đại Học Công Nghiệp Hà Nội	Tài Chính Doanh Nghiệp		HAN03335		30	18	79	79	
132	NGUYỄN THI LAN	ANH	23/05/1997	Kiểm tra viên thuế	Xóm 12, xã Xuân Thủy, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		HAN00156		48	25	78.9	78 9	
133	ĐỖ THỊ	LAM	24/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Thôn Nhật Chiêu 4, xã Liên Châu, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	Đại học Kinh tế Quốc dân	Hải quan		HAN01848		52	17	78 8	78.8	
134	NGUYỄN THI	SÁU	03/08/1989	Kiểm tra viên thuế	Nam Hồng, Nam Sách, Hải Dương	Đại học kinh doanh và công nghệ hà nội	Kế toán tài chính		HAN03097		48	21	78.8	78.8	
135	VŨ THỊ	PHƯƠNG	28/06/1993	Kiểm tra viên thuế	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	Trường Đại Học Thủy Lợi	Kế Toán		HAN02983		37	29	78.8	78.8	
136	VI THỊ	HÀ	10/08/1986	Kiểm tra viên thuế	Bản Đôm 2, xã Châu Phong, huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An	Học Viện Tài Chính	Tài chính Doanh nghiệp	DTTS	HAN00900	5	42	25	73.8	78.8	
137	PHẠM THUY	TRANG	07/10/1998	Kiểm tra viên thuế	Thụy Bình, Thái Thụy, Thái Bình	Học Viện Tài Chính	Thuế		HAN03879		41	18	78 7	78.7	
138	NGUYỄN THỊ NGỌC	LIÊN	10/02/1993	Kiểm tra viên thuế	Quảng Thịnh, TP Thanh Hóa, Thanh Hóa	Đại Học kinh tế Quốc dân Hà Nội	Kinh tế và quản lý địa chính		HAN01937		48	29	78 6	78.6	
139	TRẦN THỊ HỒNG	VUI	13/07/1998	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Học Viện Ngân Hàng	Quản trị doanh nghiệp		HAN04195		42	26	78.6	78 6	
140	PHẠM THANH	HUYỀN	05/09/1997	Kiểm tra viên thuế	Xóm 5, Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	Học viện Tài chính	Quản lý tài chính công		HAN01752		55	24	78.5	78 5	
141	NGUYỄN ĐỨC	HÙNG	08/02/1994	Kiểm tra viên thuế	xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kiểm toán		HAN01466		53	26	78 5	78.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
142	DOÀN HỮU	VỌNG	20/02/1978	Kiểm tra viên thuế	Khánh Vân, Khánh Hà, Thường Tín, Hà Nội	VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	Luật Kinh tế		HAN04183		49	21	78 5	78.5	
143	ĐÀM THỊ	TÂM	10/08/1990	Kiểm tra viên thuế	Tân Minh - Thường Tín - Hà Tây	Đại học Kinh tế - Đại học Quốc Gia Hà Nội	Tài chính		HAN03134		41	MT	78 5	78.5	
144	ĐOÀN QUANG	TÚ	26/11/1983	Kiểm tra viên thuế	Đông Anh, Hà Nội	Đại học Ngoại thương Cao đẳng Tài chính – Hải quan	Kinh doanh quốc tế Hải quan		HAN03969		40	24	78.5	78 5	
145	ĐÀO QUANG	LƯỢNG	09/05/1994	Kiểm tra viên thuế	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Quản Trị Kinh Doanh Thương Mại		HAN02238		32	18	78 5	78 5	
146	NGUYỄN THỊ	THOAN	17/11/1995	Kiểm tra viên thuế	Hà Tây cũ	Trường đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HAN03444		30	23	78.5	78.5	
147	NGÔ THỊ KHÁNH	LINH	31/12/1997	Kiểm tra viên thuế	Đông Lâm, Tiền Hải, Thái Bình	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kiểm toán	ConTB	HAN02032	5	53	18	73 5	78.5	
148	ĐỖ THANH	NHÀN	07/11/1990	Kiểm tra viên thuế	Đồng Quang, Gia Lộc, Hải Dương	Đại học Điện Lực	Kế toán	ConTB	HAN02693	5	34	22	73.5	78 5	
149	TRẦN SONG	PHƯƠNG	20/09/1994	Kiểm tra viên thuế	Khu 6 Xã Đồng Luận, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phu Thọ	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN02927		42	23	78 4	78 4	
150	TRẦN HƯƠNG	GIANG	17/07/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Tam Thuấn, Huyện Phúc Thọ, Hà Nội	Học viện Ngân hàng	Quản trị doanh nghiệp		HAN00771		39	26	78.3	78.3	
151	PHẠM THỊ TÓ	QUYÊN	01/09/1989	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội	Trường Đại Học Kinh tế Quốc Dân Trường Đại học kinh tế	Kế toán tổng hợp Kinh doanh và quản lý	ConBB	HAN03038	5	41	24	73 3	78.3	
152	NGUYỄN THỊ	QUYNH	10/09/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Đồng Lạc, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Học Viện Tài Chính	Thuế	DTTS	HAN03071	5	46	27	73 2	78 2	
153	NGUYỄN HƯƠNG	TRÀ	31/12/1993	Kiểm tra viên thuế	xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Kế toán		HAN03706		41	23	78.1	78 1	
154	VŨ XUÂN	HẢI	28/06/1990	Kiểm tra viên thuế	Nam Định	Đại Học Meiho - Đài Loan Học Viện Tài Chính	Quản Trị Kinh Doanh Tài Chính- Ngân Hàng		HAN00949		50	MT	78	78	
155	HOÀNG VĂN	THÁI	08/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Quang phục - Tứ Kỳ - Hải Dương	Trường Đại học Giao Thông Vận Tải	Quản trị doanh nghiệp xây dựng		HAN03184		50	23	78	78	
156	ĐỖ MẠNH	LONG	26/07/1995	Kiểm tra viên thuế	Mỹ Đức, Hà Nội	Đại học Kinh tế Quốc dân Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng		HAN02208		49	25	78	78	
157	LÊ DIỆU	MỸ	29/11/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Trường đại học Lao động - xã hội	Kế toán		HAN02439		46	27	78	78	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
158	BÙI KIM	TRANG	05/04/1997	Kiểm tra viên thuế	Trung Tú, Ứng Hoà, Hà Nội	Trường Đại học Kinh tế quốc Dân	Tài chính quốc tế		HAN03722		45	25	78	78	
159	NGUYỄN THAI	BẢO	28/05/1992	Kiểm tra viên thuế	Kim Khê (nay là Kim Liên), Kim Thành, Hải Dương	Đại học kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		HAN00310		45	24	78	78	
160	TRẦN THU	NGÂN	08/08/1985	Kiểm tra viên thuế	Hải phòng	Đại học ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		HAN02572		45	18	78	78	
161	LÊ HOÀNG KHÁNH	LINH	09/01/1994	Kiểm tra viên thuế	Hải Dương	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản trị kinh doanh bằng tiếng Anh		HAN02013		42	MT	78	78	
162	ĐINH VẠN	PHÚC	10/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Ninh Bình	Học Viện Tài Chính	Kiểm toán		HAN02834		42	24	78	78	
163	PHẠM XUÂN	HƯNG	17/12/1997	Kiểm tra viên thuế	Ninh Bình	ĐH Kinh tế quốc dân	Kinh tế phát triển		HAN01499		41	15	78	78	
164	NGUYỄN VIỆT	DŨNG	10/03/1985	Kiểm tra viên thuế	Thị Trấn Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	Trường Đại học Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		HAN00631		40	21	78	78	
165	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGỌC	17/09/1988	Kiểm tra viên thuế	THÁI NGUYÊN	ĐH KINH TẾ - ĐHQG HÀ NỘI	Tài chính quốc tế		HAN02625		36	MT	78	78	
166	TRƯƠNG THUỶ	NHƯ	19/10/1994	Kiểm tra viên thuế	Quảng Ninh	Học Viện Tài Chính	Kế Toán Doanh Nghiệp		HAN02714		36	18	78	78	
167	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	03/09/1997	Kiểm tra viên thuế	Hải Dương	Đại Học Ngoại Thương	Ngân hàng và tài chính quốc tế		HAN00669		34	MT	78	78	
168	ĐINH PHẠM NGỌC	HÀ	27/12/1997	Kiểm tra viên thuế	Thông Quyền Sơn- Xã Thi Sơn, Huyện Kim Bang, Tỉnh Hà Nam	Đại học Sydney, Australia	luật thương mại		HAN00804		33	MT	78	78	
169	VŨ THANH	TUYỀN	12/04/1989	Kiểm tra viên thuế	Vinh Quang - Vĩnh Bảo - Hải Phòng	Đại học Thương Mại ĐH Kinh tế Quốc dân	Quản lý kinh tế Tài chính - Ngân hàng	ConTB	HAN04068	5	42	17	73	78	
170	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	28/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	Đại học Thủy Lợi	Kế toán doanh nghiệp	ConTB	HAN03336	5	41	26	73	78	
171	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	29/08/1990	Kiểm tra viên thuế	Hà Nội	Đại học Đại Nam	Ngân hàng thương mại		HAN01232		54	22	77.9	77.9	
172	LÊ HẰNG	HOA	02/10/1994	Kiểm tra viên thuế	Thanh Hoá	Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh	Tài chính doanh nghiệp		HAN01253		40	26	77.9	77.9	
173	TRẦN THỊ PHƯƠNG	ANH	02/02/1995	Kiểm tra viên thuế	Phường Quỳnh Vinh, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	Trương đại học Luật Hà Nội	Không		HAN00246		41	23	77.8	77.8	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
174	NGUYỄN THỊ HÀ	PHƯƠNG	30/09/1997	Kiểm tra viên thuế	Phường Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	Đại học Lao động - Xã hội	Kế toán		HAN02893		31	19	77.8	77.8	
175	DƯƠNG THÁI	BÌNH	21/11/1998	Kiểm tra viên thuế	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Tây	Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng		HAN00328		50	21	77.5	77.5	
176	LÊ TRÀ	MY	26/12/1989	Kiểm tra viên thuế	Thanh Hóa	ĐH Kinh tế quốc dân	Kế toán, kiểm toán và phân tích		HAN02415		49	21	77 5	77.5	
177	NGUYỄN THỊ	THIẾT	04/04/1990	Kiểm tra viên thuế	Thôn 2, Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	Học viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông Đại học Hà Nội	Kế toán Ngôn Ngữ Anh		HAN03419		45	MT	77.5	77 5	
178	TRẦN HOÀNG	QUÂN	17/06/1995	Kiểm tra viên thuế	xã Thanh Hưng, Thanh Chương, Nghệ An	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN02994		35	27	77.5	77.5	
179	ĐỖ HOÀNG	TUẤN	12/10/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Thiệu Khánh, Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Học viện Nông nghiệp Việt Nam Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quản lý kinh tế Kinh tế		HAN03992		46	19	77 4	77 4	
180	CAO TÚ	ANH	30/05/1991	Kiểm tra viên thuế	Vũ Chính, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Học viện Tài chính Học viện Tài chính	Tin học Tài chính - kế toán Kế toán		HAN00027		43	20	77.4	77.4	
181	PHAN THỊ	PHƯỢNG	01/02/1998	Kiểm tra viên thuế	Hữu Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	Học viện tài chính	Thuế		HAN02976		41	26	77 4	77.4	
182	VŨ THỊ	THƯ	28/08/1990	Kiểm tra viên thuế	Đông Phương, Đông Hưng, Thái Bình	Học Viện Tài Chính	Định giá tài sản và kinh doanh bất động sản		HAN03516		42	25	77.3	77.3	
183	NGUYỄN THỊ	THÙY	10/08/1990	Kiểm tra viên thuế	VẠN KIM-MỸ ĐỨC-HÀ NỘI	ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	Ngân hàng		HAN03611		37	17	77.3	77.3	
184	VŨ MINH	TÂM	12/08/1992	Kiểm tra viên thuế	Khánh Thiện - Yên Khánh - Ninh Bình	Học viện tài chính Học viện tài chính	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng	ConBB	HAN03162	5	45	25	72 2	77.2	
185	PHẠM NGỌC	TẤN	12/08/1996	Kiểm tra viên thuế	Xuân Ninh Xuân Trường Nam Định	Học Viện Tài Chính	Kiểm toán		HAN03172		45	24	77 1	77 1	
186	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	27/12/1995	Kiểm tra viên thuế	Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế đầu tư		HAN00748		51	24	77	77	
187	ĐỖ PHƯƠNG	THẢO	28/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Thanh Văn, Huyện Thanh Oai, Hà Nội	Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		HAN03289		49	20	77	77	
188	LÊ THỊ PHÚC	HẢI	18/09/1990	Kiểm tra viên thuế	Tân Hồng, Từ Sơn, Bắc Ninh	Đại học Ngoại thương Đại học Công đoàn	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng		HAN00923		48	27	77	77	
189	VŨ THỊ	BƯỞI	21/08/1992	Kiểm tra viên thuế	Thôn Bạch Liên, xã Yên Thành, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình	Đại học Công Nghiệp Hà Nội	Quản trị kinh doanh		HAN00346		43	22	77	77	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
190	BÙI THANH MINH	NGỌC	07/10/1996	Kiểm tra viên thuế	Phường Phú Lương, quận Hà Đông, Hà Nội	Đại học Ngoại Thương	Kế toán		HAN02589		45	29	76.9	76.9	
191	NGUYỄN BÁ	TÂN	12/08/1998	Kiểm tra viên thuế	Minh Hai - Văn Lâm - Hưng Yên	Học viện Tài Chính	Kiểm toán		HAN03166		35	23	76.9	76.9	
192	LÊ THỊ	HẢO	07/03/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn Bất Lự, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN01098		55	27	76 5	76 5	
193	ĐINH THỊ MINH	TÂM	15/09/1997	Kiểm tra viên thuế	Hương Sơn, Hà Tĩnh	Đại học Ngoại Thương	Kinh tế Đối ngoại		HAN03135		47	MT	76.5	76.5	
194	ĐINH VĂN	KHỞI	13/03/1983	Kiểm tra viên thuế	Bắc Giang	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ TP HỒ CHÍ MINH	QUẢN TRỊ KINH DOANH		HAN01825		38	16	76.5	76.5	
195	CHỦ THANH	THƯ	13/04/1998	Kiểm tra viên thuế	Cổ Điển A - Tứ Hiệp - Thanh Trì - Hà Nội	Học Viện Tài Chính	Thuế		HAN03501		34	26	76 5	76.5	
196	ĐẶNG THỊ KIM	OANH	12/09/1985	Kiểm tra viên thuế	Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Nội	Học viện tài chính	Quản lý tài chính công		HAN02795		33	19	76.5	76.5	
197	NGUYỄN BÍCH	PHƯƠNG	12/09/1997	Kiểm tra viên thuế	Quất Động, Thường Tín, Hà Nội	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính		HAN02875		30	MT	76 5	76.5	
198	ĐOÀN THỊ HUYỀN	TRANG	12/03/1994	Kiểm tra viên thuế	Bắc Giang	Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam	Kế toan	DTTS	HAN03755	5	37	21	71.5	76.5	
199	MAI NGỌC	BÍCH	19/02/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Nghĩa Tân, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00315		43	25	76.4	76.4	
200	LÊ THU	HẰNG	04/02/1993	Kiểm tra viên thuế	Thành Hưng, Thạch Thành,Thanh Hóa	Đại học Ngoại thương	Quản Trị Kinh Doanh Quốc tế		HAN00983		40	27	76.4	76.4	
201	NGUYỄN THÙY	LINH	08/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Hải Xuân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Học Viện Tài Chính Học Viện Tài Chính	Kế toán Kế toán		HAN02089		36	19	76.4	76.4	
202	TRẦN LƯƠNG	THẢO	09/10/1994	Kiểm tra viên thuế	XÓM 4, THÔN LỘC TRUNG, NAM HƯNG, TIỀN HẢI, THÁI BÌNH	ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	KẾ TOÁN		HAN03379		48	26	76.1	76.1	
203	VŨ THỊ	THẮM	21/07/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Mão Điền, huyện Thuận Thanh, Tỉnh Bắc Ninh	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN03197		39	20	76 1	76.1	
204	BÙI THỊ PHƯƠNG	ANH	19/03/1998	Kiểm tra viên thuế	Thị Trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội	Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân	Tài chính công		HAN00022		52	25	76	76	
205	LA VĂN	CÔNG	25/06/1994	Kiểm tra viên thuế	Đội 3, thôn Cẩm Hà, xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội	Học viện Tài chính	Kinh doanh chứng khoán		HAN00419		46	18	76	76	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
206	NGUYỄN ANH	TÙNG	29/04/1996	Kiểm tra viên thuế	Nghệ An	Đại học Lao Động Xã Hội	Kế Toán		HAN04026		44	25	76	76	
207	NGUYỄN THỊ	HẰNG	01/07/1991	Kiểm tra viên thuế	Xóm 3, Thôn Kênh Xuyên, Xã Đông Xuyên, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình	Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Kinh tế Phát triển		HAN00992		42	20	76	76	
208	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	01/07/1991	Kiểm tra viên thuế	xóm Mỹ Hưng, thôn Quang Trung,xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Đại Học Mỏ Địa Chất	Kế toán		HAN02675		39	29	76	76	
209	PHẠM HÀ QUANG	THÁI	11/05/1992	Kiểm tra viên thuế	Hải Dương	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HAN03186		32	17	76	76	
210	TRẦN HẢI	HÀ	15/07/1986	Kiểm tra viên thuế	xóm 10, làng Phố Tứ, Nam Cường, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Kinh doanh và công nghệ Ha Nội	Kế toán	ConTB	HAN00886	5	54	MT	71	76	
211	TRỊNH THỊ KHÁNH	QUỲNH	29/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Đồng Văn, Huyện Thanh Chương, Nghệ An	Học viện Tài Chính Học viện Tài Chính	Kế toán Doanh nghiệp Hệ thống Thông tin Quản lý	ConTB	HAN03086	5	44	21	71	76	
212	TRẦN THỊ TỒN	LỮ	28/10/1996	Kiểm tra viên thuế	Tiên Lữ, Lập Thạch, Vĩnh Phúc	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế	ConTB	HAN02221	5	42	21	70.9	75.9	
213	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	23/07/1997	Kiểm tra viên thuế	Thị Trấn Bần Yên Nhân, Mỹ Hào, Hưng Yên	Học Viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN01709		51	26	75.8	75.8	
214	NGUYỄN THU	HIỀN	24/03/1994	Kiểm tra viên thuế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Thăng Long	Kế toán		HAN01177		44	28	75.8	75 8	
215	LÊ QUỲNH	HƯƠNG	04/11/1994	Kiểm tra viên thuế	Quảng Ninh	Đại học Sunderland, Vương quốc Anh	Quản lý Kinh Doanh		HAN01538		44	MT	75.7	75 7	
216	NGÔ THỊ	THÌNH	13/01/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Học Viện Ngân Hàng	Hệ thống thông tin quản lý		HAN03422		33	23	75 7	75.7	
217	ĐÀO THỊ MAI	ANH	22/11/1996	Kiểm tra viên thuế	P Phú Lương, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội	Học Viện Tài Chính	Quản lý Tài chính công		HAN00038		39	21	75.6	75 6	
218	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	25/07/1989	Kiểm tra viên thuế	Nam Định	Học Viện Tài Chính	Thuế		HAN01616		54	23	75.5	75.5	
219	ĐINH THỊ TUYẾT	MAI	17/11/1997	Kiểm tra viên thuế	Tuyên Quang	Học viện Chính sách và Phát triển	Kinh tế đối ngoại		HAN02279		53	24	75 5	75 5	
220	NGUYỄN THỊ	THANH	26/12/1988	Kiểm tra viên thuế	Hà Nội	Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Ngân hàng		HAN03243		52	20	75 5	75.5	
221	BÙI BẰNG	VIỆT	29/09/1993	Kiểm tra viên thuế	Hòa Bình, Vũ Thư, Thái Bình	Học Viện Tài Chính	Ngân hàng		HAN04164		51	23	75.5	75.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
222	PHẠM QUANG	HUY	05/09/1993	Kiểm tra viên thuế	Lạc Thủy, Hòa Bình	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Ngân hàng		HAN01657		49	20	75.5	75.5	
223	NGUYỄN THỊ BẢO	NGỌC	15/09/1997	Kiểm tra viên thuế	Nam Định	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực		HAN02627		44	24	75.5	75.5	
224	PHẠM THUỲ	DƯƠNG	28/12/1988	Kiểm tra viên thuế	Quảng Ninh	Đại học La Trobe Đại học Hà Nội	Quản trị kinh doanh Quản Trị Kinh Doanh		HAN00676		42	MT	75.5	75 5	
225	TRẦN LAN	PHƯƠNG	15/03/1985	Kiểm tra viên thuế	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Quốc dân Học viện Tài chính	Kế toán Kế toán		HAN02925		39	20	75.5	75.5	
226	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	09/11/1996	Kiểm tra viên thuế	Thanh Hà, Thanh Liêm, Hà Nam	Học viện Tài Chính	Thuế	ConTB	HAN00712	5	42	27	70.5	75.5	
227	NGUYỄN THÙY	VÂN	10/06/1998	Kiểm tra viên thuế	Hòa Nam - Ứng Hoa - Hà Nội	Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế		HAN04130		48	28	75.3	75 3	
228	TRƯƠNG THÙY	LIÊN	04/10/1986	Kiểm tra viên thuế	Đồng Hoa, Kim Bảng, Hà Nam	Đại Học Ngoại Thương Hà Nội	Kế Toán		HAN01945		52	25	75.2	75.2	
229	TRẦN VIỆT	HÙNG	06/06/1994	Kiểm tra viên thuế	Thái Nguyên	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01476		39	20	75.1	75.1	
230	NGUYỄN THỊ	ĐÀO	22/05/1990	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Phúc	Đại Học Luật	Luật		HAN00471		35	19	75.1	75.1	
231	TRẦN ANH	CHUNG	12/02/1977	Kiểm tra viên thuế	Minh Tân, Kinh Môn, Hải Dương	Đại học Nantes Cộng hòa Pháp Học viện Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm Tài chính - Ngân hàng		HAN00413		56	MT	75	75	
232	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	15/11/1987	Kiểm tra viên thuế	Nghệ An	Trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Kế toán, kiểm toán và phân tích		HAN02970		48	28	75	75	
233	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	08/05/1998	Kiểm tra viên thuế	TT. Lai Cách, Cẩm Giàng, Hải Dương	Trường Đại học Ngoại Thương	Thương mại Quốc tế		HAN00163		45	26	75	75	
234	LƯƠNG HOÀNG	GIANG	10/06/1993	Kiểm tra viên thuế	Ninh Bình	Trường đạt học Kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		HAN00743		45	26	75	75	
235	LÕ VIỆT	DŨNG	26/04/1993	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Phuc	ĐH Kinh Tế - Luật	Kế Toán		HAN00623		35	25	75	75	
236	NGUYỄN THỊ	THUẬN	23/07/1993	Kiểm tra viên thuế	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HAN03528		34	22	75	75	
237	LÊ THỊ	HÀ	06/10/1998	Kiểm tra viên thuế	Thôn Trung Sơn, phường Tĩnh Hải, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản lý thuế		HAN00824		34	21	75	75	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
238	NGUYỄN THỊ	THU	27/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	Trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Kế toán, kiểm toán và phân tích Quản trị kinh doan		HAN03478		34	18	75	75	
239	BÙI THỊ	THU	23/04/1996	Kiểm tra viên thuế	La Xá, Tân Lâm Hương, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế		HAN03454		31	23	75	75	
240	NGUYỄN THỊ THANH	VÂN	07/08/1992	Kiểm tra viên thuế	Xóm Tây, Thôn Đoàn Kết, xã Dị Nậu, Huyện Thạch Thất, Hà Nội	Trường Đại học Phương Đông	Kế toán		HAN04125		56	25	74.9	74.9	
241	LÊ THỊ	THƠM	01/06/1993	Kiểm tra viên thuế	Châu Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa	Trường Đại học Thương Mại	Kế toán doanh nghiệp	ConTB	HAN03447	5	32	16	69.9	74.9	
242	NGUYỄN THỊ MINH	THU	29/08/1988	Kiểm tra viên thuế	Bắc Ninh	Đại học kinh tế quốc dân Đại học kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp Tài chính - Ngân hàng		HAN03485		41	27	74.7	74 7	
243	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	11/10/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Hạ, xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội	Học Viện Công nghệ Bưu Chính Viễn Thông	Kế toán		HAN00860		38	26	74 7	74.7	
244	PHAM THI LAN	HƯƠNG	13/11/1983	Kiểm tra viên thuế	Minh Lãng, Vũ Thư, Thái Bình	Trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân Trường Đại học Hà Nội	Kiểm toán Tiếng Anh		HAN01574		58	MT	74 6	74.6	
245	NGUYỄN THANH	HIỀN	27/05/1997	Kiểm tra viên thuế	thôn Hiền Sỹ, xã Tây Kỳ huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	Đại học Lao động - Xã hội	Kế toán		HAN01155		51	24	74.6	74 6	
246	ĐẶNG THỊ THU	HIỀN	12/10/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Phúc Ninh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp	DTTS	HAN01126	5	48	27	69.6	74.6	
247	NGUYỄN THỊ	LIÊN	27/10/1998	Kiểm tra viên thuế	thôn Đạo Xá, xã Nghĩa Đạo, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kiểm toán		HAN01934		51	23	74 5	74 5	
248	ĐẶNG HUYỀN	TRANG	27/08/1998	Kiểm tra viên thuế	số nhà 59 đường Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN03732		50	19	74 5	74 5	
249	PHÙNG THỊ	DUNG	29/12/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Tòng Bạt - Huyện Ba Vì- TP Hà Nội	Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội Trường ĐH Mở Hà Nội	Kế toán Ngôn Ngữ Anh		HAN00607		46	MT	74 5	74.5	
250	BÙI MINH	TRANG	15/02/1996	Kiểm tra viên thuế	Bình Lục, Hà Nam	Khoa Quốc Tế - Đại Học Quốc Gia Hà Nội	Kinh Doanh Quốc Tế		HAN03723		46	MT	74 5	74 5	
251	NGUYỄN HOÀNG HƯƠNG	GIANG	19/03/1995	Kiểm tra viên thuế	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	Học viện Tài Chính	Thuế		HAN00747		44	29	74.5	74.5	
252	ĐÀO THỊ YẾN	MY	13/10/1998	Kiểm tra viên thuế	Hải Phòng	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Ngân hàng		HAN02411		43	22	74 5	74 5	
253	NGUYỄN THỊ	MAI	05/02/1996	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Thanh Miện, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương	Học Viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN02305		42	19	74 5	74.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
254	PHẠM THỊ	HƯƠNG	15/06/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Yên Phú, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Trường đại học Hoa Lư	Kế toán		HAN01572		41	18	74.5	74.5	
255	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	16/06/1992	Kiểm tra viên thuế	Hưng Yên	Đại Học Thăng Long	Tài Chính		HAN03897		37	23	74.5	74.5	
256	NGUYỄN THỊ HẢI	GIANG	07/07/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Gia Khánh, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương	Đại học Ngoại thương Trường Đại học Bang Colorado	Kinh tế đối ngoại Khoa học xã hội		HAN00755		50	MT	74.4	74.4	
257	HOÀNG THỊ NGỌC	THÊU	01/09/1993	Kiểm tra viên thuế	xã Lạc Đạo - huyện Văn Lâm - tỉnh Hưng Yên	Học viện Tài chính	Kiểm toán		HAN03407		48	21	74.4	74.4	
258	HOÀNG THỊ DIỆU	LINH	08/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	Học viện Tài chính	Tài chính Doanh nghiệp		HAN02005		39	24	74.4	74.4	
259	NGUYỄN THỊ ÚT	THI	14/03/1985	Kiểm tra viên thuế	Xã Canh Tân, huyện Thạch An, Cao Bằng	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán	DTTS	HAN03410	5	39	25	69.4	74.4	
260	ĐINH THỊ QUỲNH	NGA	16/01/1993	Kiểm tra viên thuế	Trần Phu- Chương Mỹ- Hà Nội	Đại học Giao thông vận tải	Quản trị doanh nghiệp xây dựng		HAN02478		54	23	74.3	74.3	
261	NGUYỄN THANH	HUYỀN	01/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Xóm Guộc, xã Nhân Thịnh, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Đại học Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		HAN01723		52	27	74.2	74.2	
262	MAI QUỐC	PHONG	30/05/1998	Kiểm tra viên thuế	Gia Phong, Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Đại học Kinh tế Quốc Dân	Kiểm toán		HAN02826		40	27	74.2	74.2	
263	CHU TIẾN	ĐẠT	08/02/1993	Kiểm tra viên thuế	Nam Đồng, Thành phố Hải Dương, Hải Dương	Trường Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Tài chính		HAN00476		49	MT	74	74	
264	ĐỒNG NGUYỄN VÂN	NGỌC	24/10/1998	Kiểm tra viên thuế	xã Liên Hòa, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kiểm toán		HAN02593		49	23	74	74	
265	NGUYỄN HỮU	HẬU	03/01/1994	Kiểm tra viên thuế	Phú Đô, Nam Từ Liêm, Hà Nội	Học viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN01104		48	29	74	74	
266	TRẦN THỊ PHƯƠNG	ANH	15/11/1994	Kiểm tra viên thuế	Thụy Hà, Thái Thụy, Thai Bình	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN00245		48	25	74	74	
267	LÊ THỊ	QUYÊN	24/04/1987	Kiểm tra viên thuế	Thôn Nhân Trạch, Xã Hoằng Đạo, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN03026		48	25	74	74	
268	LÊ THANH	HẢI	17/02/1997	Kiểm tra viên thuế	Thanh Nguyên, Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Tài chính doanh nghiệp		HAN00922		47	26	74	74	
269	TRẦN THỊ THU	HIỀN	23/08/1994	Kiểm tra viên thuế	Thôn Thượng Điện, Xã Vinh Quang, Huyện Vĩnh Bảo, TP.Hải Phòng	Trường Đại Học Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh	Kế Toán- Kiểm Toán		HAN01193		43	20	74	74	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
270	TRẦN THANH	TÙNG	27/06/1997	Kiểm tra viên thuế	Mễ Sở, Văn Giang, Hưng Yên	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính quốc tế		HAN04049		41	20	74	74	
271	BÙI MAC	THU	26/01/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn Quất Động, Xã Quất Động, Huyện Thường Tín , Thành phố Hà Nội	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán		HAN03453		40	23	74	74	
272	NGUYỄN THÁI	THỊNH	01/12/1997	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Yên, Vĩnh Lộc, Thanh Hóa	Học Viện Tài Chính	Ngân Hàng		HAN03426		39	21	74	74	
273	ĐÀO THỊ THANH	HUYỀN	23/09/1997	Kiểm tra viên thuế	Tả Thanh Oai - Thanh Trì - Hà Nội	Trương Đại học Thương Mại	Tài chính - Ngân hàng thương mại		HAN01670		34	20	74	74	
274	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	05/09/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn Tổ - xã Liên Hồng- huyện Đan Phượng - thành phố Hà Nội	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00709		50	21	73 9	73.9	
275	NGUYỄN THỊ	LỤA	07/07/1988	Kiểm tra viên thuế	HƯƠNG VÂN- HƯƠNG TRÀ- THỪA THIÊN HUẾ	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Thương Mại		HAN02222		35	15	73.9	73 9	
276	NGUYỄN THỊ	NHUNG	01/09/1989	Kiểm tra viên thuế	xóm 1, Thôn Ngọc Bài,Xã Ngọc Liệp, Huyện Quốc Oai, Tp Hà Nội, Việt Nam	Đại học kinh tế Quốc Dân	Ngân hàng		HAN02753		31	20	73.8	73 8	
277	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	09/10/1998	Kiểm tra viên thuế	Thôn Quan Nội 1, xã Long Anh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN02312		56	25	73 7	73.7	
278	PHẠM GIANG	LINH	31/05/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Khánh Mậu, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Học viên Tài chính	Thuế		HAN02103		49	23	73.7	73.7	
279	HOÀNG THU	TRÀ	26/11/1995	Kiểm tra viên thuế	Lâm Thao, Lương Tài, Bắc Ninh	Học Viện Tài Chính	Hải quan		HAN03705		41	22	73.7	73.7	
280	LẠI QUÝ	VƯƠNG	05/09/1997	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Trường đại học kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		HAN04199		47	21	73 6	73.6	
281	CAO HƯƠNG	GIANG	25/11/1995	Kiểm tra viên thuế	Thôn Nội Rối, Xã Bắc Lý, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam	Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		HAN00726		58	29	73.5	73 5	
282	NGUYỄN VĂN	LÂM	23/02/1991	Kiểm tra viên thuế	Đội 10, khu 11 (xóm Số), thôn Bồng Mạc, xã Liên Mạc, huyện Mê Linh, thanh phố Hà Nội	Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính ngân hàng Tài chính ngân hàng		HAN01865		55	24	73.5	73 5	
283	TRẦN ĐOAN	TRANG	04/09/1992	Kiểm tra viên thuế	thôn Lương Hội, xã Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Học viện nông nghiệp Việt Nam	kế toán kiểm toán		HAN03893		49	24	73 5	73.5	
284	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	26/07/1993	Kiểm tra viên thuế	sn 26, ngõ 59, Phố 7,Phường Vân Giang, TP Ninh Bình	Trường ĐH Kinh Tế, ĐHQGHN ĐH Ngoại Ngữ, ĐHQGHN	Tài chính Tiếng Anh		HAN02082		48	MT	73 5	73 5	
285	ĐOÀN ANH	DŨNG	24/04/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình	Đại học Tài Chính - Ngân Hàng Hà Nội	Tài Chính - Ngân Hàng		HAN00618		47	19	73 5	73 5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
286	ĐOÀN THI	THÙY	26/11/1980	Kiểm tra viên thuế	Liêm Túc- Thanh Liêm - Hà Nam	Học viện Tai chính	Kế toán DN		HAN03619		43	26	73 5	73.5	
287	NGUYỄN QUANG	VŨ	24/09/1979	Kiểm tra viên thuế	Thanh Trì, Hà nội	Viện Đại Học Mở Hà Nội	Kế toán		HAN04188		38	23	73.5	73.5	
288	ĐẶNG THỊ	NGA	29/07/1990	Kiểm tra viên thuế	Thụy Phong - Thai Thụy - Thái Bình	Đại học công nghiệp Hà Nội Đại học Giao thông vận tải	Kế toán Kế toán		HAN02473		36	24	73.5	73.5	
289	MAI ANH	DŨNG	18/09/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Giao Tiến, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Đại học Ngoại thương	Ngân hàng		HAN00624		35	24	73.5	73 5	
290	PHẠM THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	05/03/1993	Kiểm tra viên thuế	Nghĩa Thái, Nghĩa Hưng, Nam Định	Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản trị Kinh doanh		HAN03548		43	26	73.4	73.4	
291	NGUYỄN THỊ	HÒA	16/11/1992	Kiểm tra viên thuế	Đan phượng, Hà Nội	Trương Đại Học Kinh Doanh và Công Nghệ Hà Nội	Kế toán		HAN01306		45	25	73.2	73.2	
292	LÊ THU	HƯƠNG	01/04/1985	Kiểm tra viên thuế	Hà Nội	Học viện Hành chính Quốc Gia	Tài chính-Ngân hàng		HAN01541		42	22	73 2	73.2	
293	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	22/03/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn Ô mễ 3, xã Tân Phong, huyện Vũ Thư , tỉnh Thái Bình	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế và quản lý đô thị		HAN02892		41	21	73 1	73.1	
294	HOÀNG THỊ MINH	TUYÊN	02/10/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Xuy Xá, huyện Mỹ Đức, thành phố Ha Nội	Trường Đại Học Luật Ha Nội Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật Luật		HAN04061		52	26	73	73	
295	LÊ THỊ	BÍCH	24/12/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn Bái Trượng, xã Hoàng Diệu, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	Kế toán		HAN00314		50	18	73	73	
296	HOÀNG NHẬT	LINH	15/11/1990	Kiểm tra viên thuế	Cao Thành, Ứng Hoà, Hà Nội	Greenwich University Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài Chính - Đầu tư Tài chính- Ngân hàng		HAN02003		49	MT	73	73	
297	TRẦN THỊ	XUÂN	14/06/1991	Kiểm tra viên thuế	Hà Nội	Học viện Tài Chính	Thuế		HAN04223		49	21	73	73	
298	TRẦN NGỌC	KHÁNH	05/02/1996	Kiểm tra viên thuế	Bắc Ninh	Học viện Tài chính	Tài chính Doanh nghiệp		HAN01816		48	27	73	73	
299	NGUYỄN THỊ	LÊ	29/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Vũ Đông, TP Thái Bình, Tỉnh Thái Bình	Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Hưng Yên	Kế toán doanh nghiệp		HAN01909		48	23	73	73	
300	NGUYỄN LAN	CHI	21/06/1991	Kiểm tra viên thuế	Quỳnh Hoàng, Quỳnh Phụ, Thái Bình	Đại học Thương mại Học viện Tài chính	Tài chính - Ngân hàng Ngôn ngữ Anh		HAN00375		45	MT	73	73	
301	PHẠM THỊ HOÀI	THƯƠNG	05/05/1991	Kiểm tra viên thuế	Hà Tĩnh	Đại học Đại Nam	Kế Toán		HAN03547		45	23	73	73	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
302	NGUYỄN THỊ	NHI	01/01/1998	Kiểm tra viên thuế	Xóm 07, Xã Nghi Kiều, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	Đại học Ngoại Thương Hà Nội	Quản trị kinh doanh quốc tế		HAN02710		38	18	73	73	
303	ĐẶNG THỊ	HOA	01/06/1990	Kiểm tra viên thuế	Nam Định	Học viện tài chính	Tin học tài chính- kế toán		HAN01247		30	17	73	73	
304	NGUYỄN THỊ BẢO	NHUNG	15/07/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn Đa Phúc, Xã Sài Sơn, Huyện Quốc Oai, TP Hà Nội	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN02761		49	26	72 9	72 9	
305	NGUYỄN TÚ	HỒNG	29/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN01385		41	17	72 9	72.9	
306	NGUYỄN THỊ HỒNG	THƠM	18/12/1997	Kiểm tra viên thuế	Hà Nội	Học viện Tài chính	Thuế		HAN03451		35	18	72 9	72 9	
307	NGUYỄN HỒNG	PHƯƠNG	25/10/1988	Kiểm tra viên thuế	Hà Nội	Học Viện Ngân Hàng Học Viện Tài Chính	Kế toán Kế toán		HAN02879		34	16	72.9	72.9	
308	NGUYỄN KHẮC	CÔNG	04/11/1989	Kiểm tra viên thuế	Thôn Đình Xuyên, xã Hoà Nam, huyện Ứng Hoà, Hà Nội	Viện Đại học Mở Hà Nội	Luật kinh tế		HAN00421		33	18	72 9	72 9	
309	VŨ HẢI	BẰNG	13/02/1990	Kiểm tra viên thuế	QUẢNG NHAM, QUẢNG XƯƠNG, THANH HÓA	ĐH Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tín dụng	ConTB	HAN00308	5	39	19	67 8	72 8	
310	PHẠM TRÀ	MY	14/10/1990	Kiểm tra viên thuế	Mỹ Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Học viện tài chính Học viện tài chính	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng		HAN02431		53	21	72 7	72.7	
311	NGUYỄN THỊ	THẢO	16/11/1992	Kiểm tra viên thuế	Liên Hồng, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		HAN03343		43	23	72 6	72.6	
312	TRIỆU THỊ	KIỀU	28/07/1991	Kiểm tra viên thuế	Bản Chợ, xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	Học viện tài chính	Kế toán	DTTS	HAN01845	5	49	18	67 6	72.6	
313	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	08/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Xom 6, Xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		HAN00494		52	23	72.5	72.5	
314	ĐẶNG HỮU	THẮNG	19/02/1997	Kiểm tra viên thuế	130 Nguyễn Bỉnh, phường Đông Triều, Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh tế Quốc dân	Tài chính công		HAN03201		46	28	72.5	72 5	
315	PHẠM HỒNG	HẠNH	13/03/1995	Kiểm tra viên thuế	Văn Lang-Hạ Hòa- Phú Thọ	Đại học Luật Hà Nội Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế Luật học		HAN01080		46	24	72 5	72 5	
316	TRẦN TUẤN	DƯƠNG	18/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Hải Dương	Học Viện Tài Chính	Kế Toán Doanh Nghiệp		HAN00683		44	25	72 5	72.5	
317	PHẠM NGỌC	QUANG	17/07/1994	Kiểm tra viên thuế	Phường Phong Châu - Thị xã Phú Thọ - Tỉnh Phú Thọ	Trường Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội Trường Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính Kinh tế		HAN03006		44	24	72.5	72 5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
318	NGUYỄN QUANG	THANH	31/05/1996	Kiểm tra viên thuế	THÁI BÌNH	Học Viện Tài Chính	Ngân Hàng		HAN03242		44	23	72.5	72.5	
319	QUẢT ĐỨC	THIÊN	09/06/1986	Kiểm tra viên thuế	Khu 4, xã Thanh Vân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ	Đại học Thương mại	Kế toán doanh nghiệp		HAN03418		43	24	72.5	72.5	
320	NGUYỄN THỊ	THƠM	28/11/1991	Kiểm tra viên thuế	vĩnh thượng,khai thái,phú xuyên,hà nội	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP KẾ TOÁN		HAN03449		43	24	72.5	72.5	
321	PHAN THỊ THANH	NGUYỀN	19/02/1996	Kiểm tra viên thuế	Hữu Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	Học Viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN02662		41	19	72.5	72.5	
322	ĐỖ THỊ THU	PHƯỢNG	19/08/1998	Kiểm tra viên thuế	Hoằng Thanh, Hoằng Hóa, Thanh Hóa	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN02952		32	25	72 5	72.5	
323	LƯU THỊ	TRANG	23/08/1993	Kiểm tra viên thuế	Xóm 2, Xã Diễn Tân, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Công Đoàn	Kế toán		HAN03784		32	23	72.5	72.5	
324	NGUYỄN HUYỀN THANH	THẢO	07/12/1993	Kiểm tra viên thuế	thôn Kim Giang, xã Đại Cường, huyện Ứng Hòa, Hà Tây, Hà Nội	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế lao động		HAN03329		48	24	72.4	72.4	
325	HOÀNG THỊ	THÚY	25/10/1994	Kiểm tra viên thuế	Thanh Hóa	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính		HAN03622		48	24	72.4	72.4	
326	NGUYỄN THẾ	TÙNG	21/08/1994	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Phúc	Học viện tài chính Học viện tài chính	Kế toán Kế toán		HAN04035		45	21	72.4	72.4	
327	ĐỖ THỊ	THÚY	17/11/1997	Kiểm tra viên thuế	Thôn Thanh Lũng, xã Tiên Phong, huyện Ba Vì, Hà Nội	Học viện chính sách và phát triển	Tài chính công		HAN03575		44	23	72 4	72 4	
328	HOÀNG THỊ THU	THẢO	28/08/1992	Kiểm tra viên thuế	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	Học viện Ngân hàng Học viện Ngân hàng	Kế toán Kế toán		HAN03310		41	22	72.4	72 4	
329	NGUYỄN PHƯƠNG	LIÊN	26/10/1987	Kiểm tra viên thuế	Hưng Yên	Đại học Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại	ConTB	HAN01926	5	48	24	67.3	72 3	
330	TĂNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	19/04/1998	Kiểm tra viên thuế	Khu 2, Phường Thạch Khôi, Thành phố Hai Dương, Tỉnh Hải Dương	Học Viện Tài Chính	Tài Chính Doanh Nghiệp		HAN03376		47	27	72 2	72 2	
331	DƯƠNG THỊ BÌNH	MINH	29/04/1990	Kiểm tra viên thuế	Nghệ An	Đại học Kinh tế Kỹ Thuật Công Nghiệp	Kế toán doanh nghiệp		HAN02375		45	20	72.2	72.2	
332	ĐÀO MINH	NGUYỆT	10/07/1997	Kiểm tra viên thuế	xã Đông Động, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản lý kinh tế		HAN02667		49	24	72.1	72.1	
333	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	29/03/1992	Kiểm tra viên thuế	Xóm 4, thôn Hoàng Xá, xã Hoàng Kim, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	Đại học Công Nghiệp Hà Nội	Tài chính ngân hàng		HAN02889		44	20	72.1	72.1	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
334	TRẦN PHƯƠNG	LINH	24/02/1998	Kiểm tra viên thuế	Nghệ An	University of Wollongong British University Vietnam	Quản lý Quản trị Kinh doanh quốc tế		HAN02134		43	MT	72.1	72.1	
335	BÙI THI	HẢO	22/12/1994	Kiểm tra viên thuế	Hải Dương	Đại học Thương Mại	Kinh tế thương mại	ConBB	HAN01097	5	33	29	67.1	72.1	
336	PHẠM THU THẢO	MY	16/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Đại học Công Đoàn	Ngân hàng thương mại		HAN02430		56	24	72	72	
337	BÙI QUANG	HƯNG	01/06/1998	Kiểm tra viên thuế	Hải Quang - Hải Hậu - Nam Định	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01478		49	26	72	72	
338	TẠ THỊ THÙY	DUNG	30/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Thôn Thu Quế, Xã Song Phượng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Kế toán		HAN00610		44	19	72	72	
339	TRẦN QUỐC	NAM	05/12/1993	Kiểm tra viên thuế	Thành phố Tuyên Quan, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học Điện Lực	Tài Chính-Ngân Hàng		HAN02464		38	17	72	72	
340	PHẠM THU	TRANG	21/06/1995	Kiểm tra viên thuế	Khánh Nhạc, Yên Khánh, Ninh Bình	Học viện tài chính Đại học Kinh tế quốc dân	Quản lý tài chính công Tài chính ngân hàng		HAN03875		35	16	72	72	
341	NGÔ HUYỀN	TRÂM	28/05/1994	Kiểm tra viên thuế	Yên Lợi, Ý Yên, Nam Định	Học viện Tài chính	Kế toán công		HAN03718		32	18	72	72	
342	NGUYỄN MINH	HƯỜNG	16/10/1998	Kiểm tra viên thuế	Chí Linh, Hải Dương	Trường đại học Ngoại Thương	Ngân hàng		HAN01611		47	25	71.9	71.9	
343	HOÀNG MINH	NGỌC	09/02/1994	Kiểm tra viên thuế	Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán		HAN02596		47	22	71.9	71.9	
344	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẮM	29/09/1992	Kiểm tra viên thuế	Cụm 5, thôn Phượng Nghĩa, xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, thanh phố Hà Nội	Đại học Lâm nghiệp Việt Nam	Kế toán		HAN03191		31	18	71.9	71.9	
345	HOÀNG QUỐC	VIỆT	09/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Lê Lợi, Hạ Long, Quảng Ninh	Học viện Ngân hàng	Tài chính Doanh nghiệp		HAN04167		44	28	71.8	71.8	
346	LÊ THỊ	NGÂN	26/07/1992	Kiểm tra viên thuế	Thôn 1, xã Quý Lộc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Học viện tài chính	Kiểm toán		HAN02551		37	23	71.7	71.7	
347	NGUYỄN	TUẤN ANH	22/02/1992	Kiểm tra viên thuế	Phường Quảng Châu, TP Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán Tổng hợp		HAN04013		52	23	71.6	71.6	
348	NGUYỄN PHƯỢNG	TRANG	29/12/1997	Kiểm tra viên thuế	Số nhà 139, Khu phố 2, Thị trấn Vĩnh Lộc, Huyện Vĩnh Lộc, Tỉnh Thanh Hóa	Học viện Tài Chính	Kiểm toán		HAN03806		49	24	71.6	71.6	
349	CHU ĐỨC	THỌ	15/12/1993	Kiểm tra viên thuế	thôn Du Tràng,xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - Ngân Hàng		HAN03433		36	25	71.6	71.6	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
350	VƯƠNG THỊ BÍCH	HƯỜNG	14/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Thôn Yên Mỹ, xã Bình Yên, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội	Trường đại học Điện Lực	Tài chính ngân hàng		HAN01599		50	25	71.5	71.5	
351	CAO HOÀNG	HÀ	22/10/1996	Kiểm tra viên thuế	Thanh Hóa	Đại học Thăng Long	Kế toán		HAN00788		50	24	71.5	71.5	
352	BÙI NGỌC	KHÁNH	19/11/1983	Kiểm tra viên thuế	Đông Hội - Đông Anh - Hà Nội	Đại Học Bách Khoa	Quản trị kinh doanh		HAN01801		48	29	71.5	71.5	
353	NGUYỄN TRUNG	ĐỨC	03/10/1998	Kiểm tra viên thuế	Bình Lục, Hà Nam	Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân	Kiểm toán		HAN00561		47	27	71.5	71.5	
354	LÊ THỊ MAI	ANH	04/11/1991	Kiểm tra viên thuế	Việt Yên, Bắc Giang	Đại học Khoa học và Kỹ thuật điện tử Quế Lâm	Kinh tế và Thương mại quốc tế		HAN00086		44	MT	71.5	71.5	
355	LÊ CHÍNH	NHÂN	20/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Hà Nội	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN02700		42	26	71.5	71.5	
356	ĐỖ PHƯƠNG	KHÁNH	09/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Tĩnh Gia, Thanh Hóa	Đại học Portsmouth Học viện Tài Chính	Tài chính Tài chính - Ngân hàng		HAN01807		41	MT	71.5	71.5	
357	NGUYỄN THỊ THANH	THƯ	17/10/1998	Kiểm tra viên thuế	Thôn Do Lễ, xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Trường Đại học Thương Mại	Luật kinh tế		HAN03511		41	23	71.5	71.5	
358	NGUYỄN THỊ VÂN	DUNG	03/09/1992	Kiểm tra viên thuế	Thôn Đào Nguyên, Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức, Hà Nội	Trường Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Thương Mại Quốc Tế		HAN00602		40	24	71.5	71.5	
359	BÙI HỒNG	NHUNG	05/12/1997	Kiểm tra viên thuế	Ninh Giang, Hoa Lư, Ninh Bình	Học Viện Bưu chính Viễn thông	Quản trị kinh doanh		HAN02717		36	20	71.5	71.5	
360	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	16/06/1996	Kiểm tra viên thuế	Thanh Hoá	University of Sunderland	Business Management (Quản Trị Kinh Doanh)		HAN03148		34	MT	71.5	71.5	
361	NGUYỄN DUY	VINH	13/08/1975	Kiểm tra viên thuế	Thôn Ân Phú, xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Trường Đại Học Kinh Tế (Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM)	Kế toán		HAN04177		31	20	71.5	71.5	
362	ĐỖ THỊ	NGA	17/12/1990	Kiểm tra viên thuế	Hà Nội	Học Viện Tài Chính	Kế toán		HAN02481		51	22	71.4	71.4	
363	TRẦN THỊ	HẬU	15/11/1996	Kiểm tra viên thuế	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Kế toán		HAN01108		49	27	71.4	71.4	
364	LÊ ANH	ĐỨC	11/09/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Quỳnh Long, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị doanh nghiệp		HAN00551		48	24	71.4	71.4	
365	TỐ THI	THANH	25/05/1991	Kiểm tra viên thuế	TÂN XUÂN QUỲNH THUẬN QUỲNH LƯU NGHỆ AN	ĐẠI HỌC KINH TẾ NHẬT BẢN	Kinh tế thương mại		HAN03253		43	MT	71.4	71.4	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
366	ĐỖ MAI	TRANG	16/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	Đại học Công Đoàn	Kế Toán		HAN03745		43	24	71.4	71.4	
367	NGUYỄN THANH	HIỀN	26/01/1998	Kiểm tra viên thuế	Hà Nam	Học viện Ngân hàng	Tai chính		HAN01156		47	22	71.3	71.3	
368	LÊ THỊ	CHANG	24/08/1989	Kiểm tra viên thuế	Đông Minh, Đông Sơn, Thanh Hoa	Đại học điện Lực	Kế toán		HAN00356		37	16	71.3	71.3	
369	TRẦN THỊ CẨM	NHUNG	09/01/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Quyết Thắng, Hòa Bình, Vũ Thư, Thái Bình	Đại Học Thái Bình	Kế toán		HAN02779		35	24	71.3	71.3	
370	KIỀU THỊ	HOA	16/01/1990	Kiểm tra viên thuế	Đội 6, thôn Vĩnh Phúc, xã Liệp Tuyết, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội	Đại học Công Đoàn	Kế toán		HAN01251		50	24	71.2	71.2	
371	LÊ THỊ	HƯƠNG	12/07/1993	Kiểm tra viên thuế	Hợp Tiến - Mỹ Đức- Hà Nội	Đại Học Thương Mại Đại học sư phạm kỹ thuật Hưng Yên	Quản lý kinh tế Kế Toán		HAN01539		43	22	71.1	71.1	
372	PHẠM THỊ	HƯƠNG	26/07/1992	Kiểm tra viên thuế	Thôn Yên Lạc - Xã Yên Đồng - Huyện Yên Mô - Tỉnh Ninh Bình	Đại học Ngoại Thương	Quản trị kinh doanh quốc tế		HAN01573		31	18	71.1	71.1	
373	NGUYỄN TẤT DUY	THÀNH	13/12/1990	Kiểm tra viên thuế	Thọ Môn, Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh	Đại học Ngoại Thương	Tài chính ngân hàng		HAN03265		53	22	71	71	
374	DƯƠNG THỊ BẢO	KHANH	12/11/1995	Kiểm tra viên thuế	Phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì, Phú Thọ	Đại học Nottingham Trent Đại học Kinh tế Quốc dân	Nghiên cứu kinh doanh và quản lý Tài chính - Ngân hàng		HAN01798		51	MT	71	71	
375	VŨ THỊ	HƯƠNG	28/02/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn Kim Long Trung, xã Hoàng Long, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội	Học viện Chính sách và phát triển	Quy hoạch phát triển		HAN01597		50	19	71	71	
376	VŨ VIỆT	KHOA	17/11/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	The University of Melbourne	Tài chính		HAN01823		46	MT	71	71	
377	ĐOÀN THỊ BÍCH	THẢO	11/01/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, Hưng Yên	Trường Kinh tế Quốc dân	Quản trị khách sạn		HAN03295		44	25	71	71	
378	TRỊNH THỊ	LIÊN	13/04/1990	Kiểm tra viên thuế	Đội 10, thôn Gò Mái, xã Hợp Tiến, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội	Trường ĐH Kinh tế - ĐH Quốc Gia Hà Nội	Đầu tư quốc tế		HAN01943		44	18	71	71	
379	NGUYỄN THỊ	LOAN	26/07/1996	Kiểm tra viên thuế	Lưu Thượng, Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	Học Viện Tài Chính	Kiểm Toán		HAN02186		42	21	71	71	
380	PHẠM QUÝ	DƯƠNG	08/04/1998	Kiểm tra viên thuế	Kiến Xương, Thái Bình	Đại học Mỏ - Địa Chất	Quản Trị Kinh Doanh		HAN00673		41	25	71	71	
381	ĐỖ THỊ	NHUNG	03/02/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn An Thượng, Xã Thượng Vực, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội	Trường Đại Học Thương Mại	Kế toán doanh nghiệp		HAN02730		37	16	71	71	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
382	NGUYỄN THỊ MINH	THU	07/04/1994	Kiểm tra viên thuế	Nam định	Học Viện Tài Chính	Tài chính- ngân hàng		HAN03488		35	24	71	71	
383	NGÔ NGÂN	HÀ	10/08/1998	Kiểm tra viên thuế	Huyện Trực Ninh, Nam Định	Học viện Tài Chính	Kiểm toán		HAN00835		45	25	70.9	70.9	
384	TRẦN NHU	QUỲNH	03/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Thôn Tiên Đài- xã Văn Tiến- huyện Yên Lạc- tỉnh Vĩnh Phúc	Đại học Thương Mại	Kế toán		HAN03084		43	28	70.9	70.9	
385	BÙI NGỌC	SƠN	01/07/1998	Kiểm tra viên thuế	xã Đông Á, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình	ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	Tài chính		HAN03106		41	MT	70.9	70.9	
386	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	07/01/1989	Kiểm tra viên thuế	Xóm 14- Thôn Đục Khê - Xã Hương Sơn - Huyện Mỹ Đức - TP Hà Nội	Trường Đại học Thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN02963		38	28	70.9	70.9	
387	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	16/11/1985	Kiểm tra viên thuế	Bắc Ninh	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội			HAN01612		30	17	70.9	70.9	
388	DƯƠNG THỊ THÙY	LINH	22/12/1987	Kiểm tra viên thuế	Thượng Hòa, Nho Quan, Ninh Bình	Đại học Đân lập Phương Đông Đại học Ngoại Ngữ- Đại học quốc gia Hà Nội	Kế toán Tiếng Pháp sư phạm		HAN01988		57	MT	70.8	70.8	
389	PHẠM CHÂU	ANH	27/07/1997	Kiểm tra viên thuế	Xuân Ngọc, Xuân Trường, Nam Định	Học viện Tài chính	Tài chính - Bảo hiểm		HAN00197		33	25	70.8	70.8	
390	NGUYỄN ĐỨC	BÌNH	11/10/1996	Kiểm tra viên thuế	Chương Mỹ, Hà Nội	Học viện tài chính	Quản lý Tài chính công		HAN00334		51	18	70.7	70.7	
391	THÂN ĐỨC	THẮNG	21/11/1996	Kiểm tra viên thuế	Bắc Giang	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN03215		31	22	70.7	70.7	
392	VŨ NGỌC	KHẢI	10/02/1984	Kiểm tra viên thuế	Hà Nội	Đại học Giao thông vận tải hà nội	Kỹ sư quản trị kinh doanh GTVT	CondeNHDKCbiNCDH H	HAN01796	5	41	21	65.7	70.7	
393	NGUYỄN VIỆT	DŨNG	23/04/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Yên Từ - Huyện Yên Mô - Tỉnh Ninh Bình	Học Viện Tài chính	Kiểm toán		HAN00633		40	22	70.6	70.6	
394	ĐỖ NGỌC	MAI	03/11/1994	Kiểm tra viên thuế	Thôn Tiểu Quan, xã Phùng Hưng, Huyện Khoái Châu, Hưng Yên	Đại học Huddersfield	Tài chính		HAN02281		36	MT	70.6	70.6	
395	VŨ THỊ THU	VÂN	16/08/1998	Kiểm tra viên thuế	số 385 thôn Vĩnh Phệ, xã Chu Minh, huyện Ba Vì, thành phố Ha Nội	Trường đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán		HAN04149		51	22	70.5	70.5	
396	KIM VŨ NGỌC	MAI	06/11/1994	Kiểm tra viên thuế	TỨ CƯỜNG, THANH MIỆN, HẢI DƯƠNG	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP NGÔN NGỮ ANH		HAN02289		47	MT	70.5	70.5	
397	BUI THI	VÂN	27/10/1988	Kiểm tra viên thuế	Xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội	Trường Đại học Kinh Tế - Đại học Quốc Gia Hà Nội Trường Đại học Kinh Tế - Đại Học Quốc Gia Hà Nội	Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế Kinh tế đối ngoại		HAN04099		44	23	70.5	70.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
398	ĐỖ THỊ	THU TRANG	16/06/1998	Kiểm tra viên thuế	Số nhà 34 đường Nguyễn Văn Cừ, Bắc Sơn,Sầm Sơn, Thanh Hóa	Học viện Tài chính	Thuế		HAN03520		41	23	70 5	70 5	
399	HỒ ĐÌNH	VƯƠNG	05/02/1992	Kiểm tra viên thuế	Phường Tân Dân, Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Đại học FPT Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Ngân hàng thương mại Kinh tế chính trị		HAN04198		40	MT	70.5	70.5	
400	NGUYỄN THỊ HỒNG	VÂN	28/06/1986	Kiểm tra viên thuế	Đồng Tháp, Đan Phượng, Hà Nội	Trường Đại học Giao thông Vận Tải Hà Nội	Kế toán tổng hợp		HAN04121		40	18	70 5	70.5	
401	NGUYỄN VĂN	SỬA	15/04/1991	Kiểm tra viên thuế	Hải Dương	Trường Đại Học Kinh Tế - Kỹ Thuật Công Nghiệp	Tài Chính Ngân Hàng		HAN03128		38	19	70.5	70 5	
402	PHẠM LÊ MINH	HIỀN	03/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Việt Hưng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	Đại học Alexandru Ioan Cuza tại Iasi	Tài chính và ngân hàng		HAN01181		47	MT	70.4	70.4	
403	HỒ THỊ THUỲ	TIÊN	16/06/1996	Kiểm tra viên thuế	Nghi Lộc- Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân	Kinh tế Đầu tư		HAN03664		44	29	70 4	70.4	
404	ĐẶNG VĂN	TUẤN	29/10/1991	Kiểm tra viên thuế	thị trấn Thường Tín, Huyện Thường Tín, TP Hà Nội	Đại học thương mại	Kế toán doanh nghiệp		HAN03990		30	16	70 4	70 4	
405	LÊ CÔNG	THÀNH	11/04/1998	Kiểm tra viên thuế	Hà Nội	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN03260		47	22	70.3	70.3	
406	ĐÀO THỊ HỒNG	NHUNG	20/04/1993	Kiểm tra viên thuế	Quỳnh Khê, Quỳnh Phụ, Thái Bình	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN02723		45	23	70 3	70.3	
407	KHƯƠNG THỊ PHƯƠNG	ANH	27/11/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã Định Công, Huyện Yên Định, Thanh Hóa	Đại Học Kinh Doanh và Công Nghệ Hà Nội	Tài Chính		HAN00075		38	15	70.2	70 2	
408	MAI THỊ	PHƯƠNG	20/10/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Nga Yên, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	Kế toán		HAN02873		51	27	70.1	70 1	
409	VŨ THANH	TÙNG	30/01/1998	Kiểm tra viên thuế	Hưng Hà, Thái Bình	Học Viện Tài Chính	Tài Chính Doanh Nghiệp		HAN04053		39	25	70.1	70.1	
410	TRẦN ANH	HUY	10/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Số nhà 32, phố 4, thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa	Học viện Tài chính	Kiểm toán		HAN01661		52	24	70	70	
411	KHUẤT THANH	CHUYÊN	12/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	Trường đại học Northumbria Vương Quốc Anh Trường đại học	Quản lý tài chính toàn cầu Kinh doanh tài chính		HAN00416		44	MT	70	70	
412	LÊ VĂN	DUẨN	13/05/1994	Kiểm tra viên thuế	Thôn Quan nội 2 - Xã Long Anh - Thành phố Thanh Hóa - Tỉnh Thanh Hóa	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN00545		38	20	70	70	
413	TRẦN THẢO	HUYỀN	22/01/1997	Kiểm tra viên thuế	Đồng Lạc, Chí Linh, Hải Dương	Trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Thẩm định giá		HAN01775		38	20	70	70	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
414	TRẦN THỊ LỆ	ÁNH	07/05/1990	Kiểm tra viên thuế	Nam Lĩnh, Nam Đàn, Nghệ An	Trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Kiểm toán		HAN00291		34	15	70	70	
415	NGUYỄN ĐÌNH	HẢI	09/10/1993	Kiểm tra viên thuế	Minh Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân	Luật Kinh doanh		HAN00925		50	20	69.9	69.9	
416	NGUYỄN TÙNG	DƯƠNG	21/09/1997	Kiểm tra viên thuế	xã Phú Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội	Học Viện Tài Chính	Kế toán Doanh Nghiệp		HAN00670		31	21	69.9	69.9	
417	NGUYỄN THỊ THANH	HUỀ	02/05/1996	Kiểm tra viên thuế	Xóm 4, Tram Khê, Xã Chân Lý, huyện Ly Nhân, Hà Nam	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01420		54	25	69.8	69.8	
418	DƯƠNG THU	HƯƠNG	09/04/1995	Kiểm tra viên thuế	xóm tre, xã tân khanh, huyện phú bình, tỉnh Thái Nguyên	Đại học Ngoại thương	Kế toán		HAN01533		52	30	69.8	69.8	
419	NGUYỄN THỊ KIM	LAN	22/08/1994	Kiểm tra viên thuế	Dương Nội, Hoài Đức, Hà Tây (nay là Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội)	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán		HAN01886		45	21	69.8	69.8	
420	VŨ THỊ HÀ	PHƯƠNG	17/07/1996	Kiểm tra viên thuế	Xóm 6, xã Hải Phong, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN02943		47	25	69.7	69.7	
421	TẠ THỊ HÀ	TRANG	08/11/1996	Kiểm tra viên thuế	MÊ LINH, HÀ NỘI	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI		HAN03887		38	21	69.7	69.7	
422	SÙNG BẢO	HÒA	27/07/1996	Kiểm tra viên thuế	Hầu Thào - Sapa - Lào Cai	Đại học Tài chính - Quản trị Kinh doanh	Kiểm toán	DTTS	HAN01308	5	48	16	64.7	69.7	
423	ĐỖ THỊ	KHUYÊN	10/07/1989	Kiểm tra viên thuế	số 59, Đường Núi Lềnh, Đội 8,Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	Học Viện Ngân Hàng	Tài chính doanh nghiệp		HAN01826		52	22	69.6	69.6	
424	NGUYỄN THỊ	HOÀI	28/06/1996	Kiểm tra viên thuế	Thạch Sơn - Anh Sơn - Nghệ An	Học viện tài chính	Kiểm toán		HAN01323		48	28	69.6	69.6	
425	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	16/06/1998	Kiểm tra viên thuế	Thôn Bắc Sơn, xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Học viện tài chính	Kiểm toán		HAN00864		43	28	69.6	69.6	
426	NGUYỄN THỊ	MAI	07/04/1990	Kiểm tra viên thuế	Phương Sơn, Lục Nam , Bắc Giang	Đại Học Công Đoàn	Kế Toán		HAN02304		54	22	69.5	69.5	
427	BÙI THỊ HÀ	THU	15/09/1993	Kiểm tra viên thuế	Hào Khê - Hưng Long - Ninh Giang - Hải Dương	Học viện Tài chính Học viện Tài chính	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng		HAN03456		49	24	69.5	69.5	
428	TRẦN MINH	THU	14/08/1998	Kiểm tra viên thuế	Thôn Thuần Đức, xã Nguyễn Úy, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN03496		46	25	69.5	69.5	
429	BÙI THỊ	DUNG	15/04/1989	Kiểm tra viên thuế	Hòa Bình	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	Ngân hàng		HAN00570		45	24	69.5	69.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
430	NGÔ THỪA	HAO	24/03/1980	Kiểm tra viên thuế	Xóm Đồng Thịnh, thôn Vân Hội,Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	Đại Học Kinh Tế Quốc Dân Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Quản Lý Kinh Tế Kế Toán		HAN01100		44	24	69.5	69 5	
431	HOÀNG SƠN	TÙNG	13/10/1994	Kiểm tra viên thuế	Dưỡng Hiền, Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh	Kế toán doanh nghiệp		HAN04020		44	22	69 5	69.5	
432	TRẦN THỊ	HIỀN	16/04/1987	Kiểm tra viên thuế	Xã Đồng Tháp_ Huyện Đan Phượng_ TP Hà Nội	Trường Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HAN01189		44	18	69 5	69 5	
433	VŨ BÍCH	HẰNG	01/12/1994	Kiểm tra viên thuế	SỐ NHÀ 3, NGÕ 89, TỔ 13 PHƯỜNG ĐỒNG TIẾN, THÀNH PHỐ HÒA BÌNH, TỈNH HÒA BÌNH	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP		HAN01038		42	20	69.5	69 5	
434	TA THỊ KIM	DUNG	25/12/1994	Kiểm tra viên thuế	Yên Bái	Viện Đại học Mở Hà Nội Viện Đại học Mở Hà Nội	Luật kinh tế Ngôn ngữ Anh		HAN00609		41	MT	69 5	69.5	
435	NGUYỄN ĐOÀN	TRUNG	25/06/1994	Kiểm tra viên thuế	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế phát triển		HAN03939		38	21	69 5	69.5	
436	PHAM THU	HẰNG	18/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Lưỡng Vượng, TP Tuyên Quang	Trường Đại Học Công Nghiệp Hà Nội	Tài chính ngân hàng		HAN01024		30	25	69.5	69.5	
437	NGUYỄN THỊ	CÚC	14/05/1992	Kiểm tra viên thuế	Hà Nội	Viện Đại Học Mở Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng		HAN00429		30	18	69 5	69 5	
438	ĐỖ THỊ	TƯƠI	27/06/1987	Kiểm tra viên thuế	Hà Nam	Trường ĐH Đà Nẵng Trường ĐH Kinh tế quốc dân	Kế toán Kế toán		HAN04056		51	23	69 4	69 4	
439	NGUYỄN THANH	TÙNG	18/01/1988	Kiểm tra viên thuế	An Trai, Hoài Đức, Hà Nội	Đại học Westminster	Quản trị kinh doanh quốc tế		HAN04034		44	MT	69 4	69.4	
440	PHAN THỊ THANH	TÂM	03/07/1994	Kiểm tra viên thuế	ĐÔNG PHÚ, KHÁNH THÀNH, YÊN THÀNH, NGHỆ AN	ĐẠI HỌC THỦY LỢI	KẾ TOÁN XÂY DỰNG	ConBB	HAN03156	5	33	18	64.4	69.4	
441	PHẠM LINH	TRANG	24/11/1997	Kiểm tra viên thuế	xóm Đồng Đình, xã Ninh Mỹ, huyện Hoa Lư, Ninh Bình	Đại học Kinh Tế quốc dân	Tài chính daonh nghiệp		HAN03859		37	25	69.3	69.3	
442	ĐỖ THỊ HẠNH	HỒNG	17/08/1987	Kiểm tra viên thuế	Số nhà 10, Thôn Ngô Đồng, Xã Hồng Dương , Huyện Thanh Oai, Thành Phố Hà Nội	Trường Đại Học Kinh Doanh và Công Nghệ Học viện tài chính	Kế toán Kế toán		HAN01369		35	17	69 2	69.2	
443	NGUYỄN THỊ MINH	HIỀN	24/07/1989	Kiểm tra viên thuế	Hải Dương	Học Viện Tài Chính Đại học Ngoại Thương	Ngân hàng Ngôn ngữ Anh	ConBB	HAN01162	5	42	MT	64 2	69 2	
444	TRƯƠNG THỊ THANH	HUYỀN	18/04/1993	Kiểm tra viên thuế	Thanh Hóa	Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Kinh tế lao động	DTTS	HAN01782	5	35	19	64.2	69.2	
445	TRẦN THỊ PHƯƠNG	HOA	05/12/1991	Kiểm tra viên thuế	Cụm 8, Xã Tân Hội, Huyện Đan Phượng, Tp. Hà Nội	Học Viện Tài Chính	Định giá tài sản và kinh doanh bất động sản		HAN01286		45	26	69.1	69.1	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
446	PHÙNG THỊ	LÝ	19/06/1996	Kiểm tra viên thuế	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN02272		45	22	69.1	69.1	
447	ĐẶNG THANH	SƠN	24/03/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Vân Phúc, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	Đại học Luật Hà Nội	Luật kinh tế		HAN03107		44	22	69.1	69.1	
448	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	20/12/1990	Kiểm tra viên thuế	Bắc Giang	Học Viện Tài Chính	Kế toán		HAN02964		43	28	69.1	69.1	
449	LẠI NGỌC	CHI	08/11/1998	Kiểm tra viên thuế	Đường Biên Hòa, Phường Minh Khai, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản trị Doanh nghiệp		HAN00373		46	28	69	69	
450	NGUYỄN MAI	HƯƠNG	06/01/1992	Kiểm tra viên thuế	xã Phụng Xá, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội	Học viện Tài chính Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Tài chính - Ngân hàng Kinh tế		HAN01545		41	20	69	69	
III. Văn thư															
1	DƯƠNG THỊ	QUẾ	12/02/1980	Văn thư	Văn Nội, phường Phú Lương, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội	Lưu trữ học Lưu trữ học và Quản trị văn phòng	ConTB	HAN05389	5	38	17	83	88	
2	PHẠM THỊ	BƯỞI	19/07/1991	Văn thư	Khanh Lợi, Yên Khánh, Ninh Bình	Học Viện Hành Chính Quốc Gia	Quản lý nhà nước về kinh tế		HAN05350		44	19	86	86	
3	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	15/09/1994	Văn thư	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	Học viện Hành Chính Quốc Gia	Quản lý nhà nước		HAN05347		46	18	83	83	
4	ĐOÀN HƯƠNG	GIANG	31/03/1995	Văn thư	Hà Nam	Đại học Nội Vụ Hà Nội	Lưu trữ học		HAN05354		44	17	83	83	
5	TRẦN THỊ	HẰN	08/09/1986	Văn thư	Trung Châu - Đan Phượng- Hà Nội	Đại học Nội vụ Hà Nội	Lưu trữ học		HAN05355		41	17	83	83	
6	ĐỖ THỊ	YẾN	17/01/1987	Văn thư	Rừng Phe - Tam Tiến - Yên Thế - Bắc Giang	Học Viện Hành chính Quốc Gia Trường Đại học Mở Hà Nội	Hành chính học Ngôn ngữ Anh		HAN05404		43	MT	78	78	
7	NGUYỄN THỊ	TUẤN	10/05/1979	Văn thư	Phong Lộc - Hậu Lộc - Thanh Hoá	Trường Đại học khoa học xã hội và Nhân văn	Lưu trữ học và quản trị văn phòng		HAN05402		47	16	75	75	
8	NGUYỄN THÀNH	CHUNG	06/10/1985	Văn thư	bình phu, thạch thất, hà nội	ĐẠI HỌC NỘI VỤ HÀ NỘI	quản trị văn phòng		HAN05353		46	16	73	73	
9	CHU THÚY	TIÊN	12/09/1990	Văn thư	Phùng Xá, Thạch Thất, Hà Nội	Đại học Nội vụ Hà Nội	Lưu trữ học		HAN05397		32	17	73	73	
10	TA QUANG	CHỨC	07/12/1994	Văn thư	Trí Thủy - Thuy Xuân Tiên - Chương Mỹ - Hà Nội	Trường Đại học Nội Vụ Hà Nội	Quản lý nhà nước (Hành chính học)		HAN05352		47	16	70	70	
11	VƯƠNG THỊ HUYỀN	TRANG	27/09/1994	Văn thư	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	Đại học Nội Vụ Hà Nội	Lưu Trữ Học		HAN05401		39	19	70	70	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
12	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	07/10/1995	Văn thư	HÀ TÂY	ĐẠI HỌC NỘI VỤ HÀ NỘI	LƯU TRỮ HỌC		HAN05385		36	16	70	70	
13	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	21/12/1979	Văn thư	Thị trấn Liên Quan, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội	Học viện Hành chính Quốc gia	Hành chính học Văn thư – Lưu trữ	CondeNHDKCbiNCDH	HAN05390	5	34	17	61	66	
14	NGUYỄN MINH	LÝ	14/11/1994	Văn thư	Xã Yên Đồng, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc	Trường Đại học Nội vụ Hà Nội	Lưu trữ học		HAN05377		37	16	63	63	
15	PHÙNG THỊ THANH	HUYỀN	22/04/1997	Văn thư	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	Học viện Hành chính Quốc Gia	Chính sách công		HAN05367		46	18	60	60	
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	NGUYỄN HOÀNG	TÙNG	20/09/1991	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Xã Vân Từ, Phú Xuyên, Hà Nội	Đại học FPT	Hệ thống thông tin		HAN05339		50	23	82	82	
2	NGUYỄN TRỌNG	HÀ	28/10/1989	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Xã Trung Thành - Huyện Vụ Bản - Tỉnh Nam Định	Đại học Hải Phòng	Công nghệ thông tin		HAN05288		41	18	80	80	
3	NGUYỄN KIỀU	HẢI	03/08/1980	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Nghệ An	Học viện Kỹ Thuật Quân sự	Hệ thống thông tin	ConBB	HAN05289	5	34	16	75	80	
4	ĐẶNG THỊ LAN	ANH	15/11/1998	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Thôn Trung Quê, xã Bảo Đài, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	Đại học Kinh Tế - Kỹ Thuật Công Nghiệp Hà Nội	Công Nghệ Thông Tin		HAN05265		45	23	77	77	
5	PHẠM THỊ	LƯƠNG	07/05/1987	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Xã Võ Lao- Huyện Thanh Ba- Tỉnh Phú Thọ	Trường Đại học Công nghệ- Đại học Quốc gia Hà Nội Trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên	Kỹ Thuật phần mềm Sư phạm tin học		HAN05310		44	17	77	77	
6	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	17/12/1991	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Đan Phượng, Hà Nội	Trường đại học kinh tế quốc dân	Tin học kinh tế		HAN05271		42	22	77	77	
7	NGUYỄN VIỆT	THÀNH	08/06/1982	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Phủ Lý, Hà Nam	Đại Học Bách Khoa Hà Nội	Toán Tin ứng dụng		HAN05327		36	17	77	77	
8	PHẠM VĂN	ĐÍNH	12/11/1997	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Sông Lô Vĩnh Phúc	Đại học Công Nghệ Giao Thông Vận Tải	Hệ thống thông tin		HAN05280		44	20	74	74	
9	CAO VĂN	HƯNG	18/05/1998	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Ân Thi, Hưng Yên	Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà nội	Mạng máy tính và truyền thông		HAN05299		33	17	74	74	
10	ĐỖ XUÂN	BẮC	06/11/1988	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Thị trấn Cồn, Hải Hậu, Nam Định	Học Viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông Học Viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông	Kỹ thuật viễn thông Điện tử viễn thông		HAN05273		40	22	73	73	
11	NGUYỄN THỊ	HẠNH	18/01/1997	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Khu phố Tỉnh Cầu - phường Đình Bảng - thị xã Từ Sơn - Bắc Ninh	Học viện ngân hàng	Hệ thống thông tin quản lý		HAN05292		38	21	72	72	
12	PHẠM TÙNG	ANH	25/08/1991	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Công nghệ thông tin		HAN05272		45	15	71	71	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
13	NGUYỄN ÁNH	DƯƠNG	13/02/1994	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Hà Nội	Học Viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông	Công Nghệ Kỹ Thuật Điện-Điện Tử		HAN05285		38	19	68	68	
14	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	05/03/1982	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Xã phương Độ, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội	Trường ĐH kinh doanh & công nghệ Hà Nội	Công nghệ thông tin		HAN05294		36	15	68	68	
15	NGUYỄN DUY	THANH	28/02/1987	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Ninh Bình	Trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội	Công nghệ kỹ thuật điện tử		HAN05325		43	17	67	67	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
1	LÝ THỊ HỒNG	NHUNG	01/01/1997	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Soi Cải, Sơn Thành, Na Rì, Bắc Kạn	Trường Đại học Luật Hà Nội	. . .	DTTS	HAN05432	5	52	27	75	80	
2	LÊ THỊ	NHỚ	21/07/1984	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Thôn Tri Chí xã Tri Trung huyện Phu Xuyên Thành phố Hà Nội	Trường đại học Kinh tế Quốc Dân	Luật Kinh tế		HAN05431		50	26	79.5	79.5	
3	NGUYỄN KIM	NGÂN	26/10/1992	Kiểm tra viên trung cấp thuế	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	Trường Cao Đẳng Kinh tế-Kỹ thuật Thương mại	Kế toán		HAN05430		51	29	77.5	77.5	
4	ĐỖ THỊ	HẠ	02/02/1990	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Hà Nội	Trường Đại Học Thành Đô	Kế toán		HAN05414		48	16	74	74	
5	ĐÀM THANH	THUỶ	03/06/1988	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên	Đại học Ngoại Thương	QT Kinh doanh quốc tế		HAN05444		54	28	73.5	73.5	
6	TRẦN THỊ	THƠM	10/05/1993	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Xóm Nhì, Trung Thành, Vụ Bản, Nam Định	Đại học Công Nghiệp Hà Nội	Quản trị kinh doanh		HAN05443		51	MT	72	72	
7	DƯƠNG LINH	CHI	27/06/1988	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Học Viện Ngân Hàng	Kế toán - Kiểm toán		HAN05407		42	25	69.5	69.5	
8	ĐẶNG QUỐC	VIỆT	02/09/1993	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Trung Châu, Đan Phượng, Hà Nội	Đại Học Tài Chính Marketing TP Hồ Chí Minh	Quản Trị Kinh Doanh Tổng Hợp		HAN05454		44	28	69	69	
9	TRƯƠNG THANH	TÙNG	22/08/1988	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN05452		47	25	65	65	
10	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	10/07/1990	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Thanh Bình, Chương Mỹ, Hà Nội	Trường Cao đẳng Nông nghiệp và PTNT Bắc Bộ	Kế toán		HAN05421		42	15	59	59	
11	LÊ THỊ	TRANG	07/08/1992	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Thụy Ứng - Thường Tín- Hà Nội	Cao đẳng kinh tế công nghiệp Hà Nội	Kế toán tổng hợp		HAN05447		43	18	56.5	56.5	
12	NGUYỄN THÀNH	QUÂN	17/11/1989	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	Trường Đại Học Đại Nam Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Quản Lý Kinh Tế		HAN05437		38	28	55	55	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
13	LÊ THỊ	LÝ	06/01/1993	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Vân Xuân, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	Cao Đẳng Kinh Tế Công Nghiệp Hà Nội	Kế toán doanh nghiệp	ConTB	HAN05428	5	36	25	50	55	
14	HUỲNH THỊ	TIỀN	20/08/1987	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Thôn Long Bàn Bắc, Xã Hành Minh, Huyện Nghĩa Hành, Tỉnh Quảng Ngãi	Cao đẳng Kinh Tế Kế Hoạch Đà Nẵng	Kế Toán		HAN05446		39	25	53	53	
15	NGHIÊM THỊ BẢO	HƯƠNG	29/11/1990	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Hà Nội	Trường Đại học Kinh doanh va Công nghệ Hà Nội	Kế toán		HAN05420		48	22	51	51	
VII. Văn thư Trung cấp															
1	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	17/07/1988	Văn thư Trung cấp	Hạ Hòa, Phú Thọ	Trung cấp công nghệ và quản trị Đông Đô	Văn thư lưu trữ		HAN05459		49	24	83	83	
2	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	03/11/1986	Văn thư Trung cấp	Canh Nậu - Thạch Thất - Hà Nội	Trường Đại học Nội vụ Hà Nội	Văn thư - Lưu trữ		HAN05473		44	27	81	81	
3	LÊ MINH	TUYÊN	30/11/1989	Văn thư Trung cấp	Phú Xuyên – Hà Nội	Trung cấp kinh tế kỹ thuật Thương mại số 1 Đại học kinh tế quốc dân	Hành chính văn thư Quản trị kinh doanh		HAN05478		42	21	77	77	
4	VŨ THỊ DIỆU	THƯƠNG	04/07/1990	Văn thư Trung cấp	Khánh Mậu, Yên Khánh, Ninh Bình	Trường cao đẳng Nội vụ Hà Nội Trường Đại học Ngoại Thương	Hành chính văn phòng Ngôn ngữ anh	ConTB	HAN05472	5	34	MT	70	75	
5	TRẦN THUỶ	TRANG	01/10/1999	Văn thư Trung cấp	Hồng Sơn-Mỹ Đức -Hà Nội	Trường Đại Học Nội Vụ Hà Nội	Văn thư hành chính		HAN05476		39	25	72	72	
6	VŨ THỊ	THIẾT	18/09/1990	Văn thư Trung cấp	xã Canh Nậu, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội	Đại học Thành đô	Quản trị Văn phòng		HAN05470		47	26	71	71	
7	ĐÀO THỊ	THẢO	22/04/1984	Văn thư Trung cấp	Đội 8, Thôn Trình Tiết, xã Đại Hưng, huyện Mỹ Đức, Tp Hà Nội	Trường Trung cấp công nghệ & Quản trị Đông Đô	Văn thư - Lưu trữ		HAN05469		48	23	65	65	
8	PHẠM THỊ	HẰNG	02/12/1988	Văn thư Trung cấp	Liên Bạt - Ứng Hòa - Hà Nội	Trung cấp Công nghệ và Quản trị Đông Đô	Hành chính văn thư		HAN05460		38	24	63	63	
9	ĐOÀN MINH	DƯƠNG	15/01/1991	Văn thư Trung cấp	Đội 9 Trình Xuyên, xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Học viện Hành chính quốc gia	Quản lý nhà nước		HAN05458		49	25	61	61	
10	TRẦN THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	29/05/1996	Văn thư Trung cấp	xóm hồng 2 - xã kim liên - huyện nam đàn - tỉnh nghệ an	đại học nội vụ hà nội đại học nội vụ hà nội	văn thư lưu trữ văn thư lưu trữ		HAN05471		47	26	56	56	

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH HẢI DƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 14/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
II. Kiểm tra viên thuế															
1	MAI XUÂN	QUÝ	13/09/1989	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Lập, Thanh Hà, Hai Dương	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Kinh tế đầu tư		HDU03020		40	18	87.5	87.5	
2	VŨ MINH	HOÀNG	17/07/1998	Kiểm tra viên thuế	Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	Học viện tài chính	Tin học tài chính- kế toán		HDU01362		39	18	86.5	86 5	
3	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG	10/12/1987	Kiểm tra viên thuế	Xóm Dũng Tiến, Thôn Ô Mễ, Xã Hưng Đạo, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương	Trường Đại học Hải Dương	Tài chính - Ngân hàng		HDU03958		36	18	86 5	86.5	
4	LÊ THỊ	HƯỜNG	18/10/1991	Kiểm tra viên thuế	Hải Dương	Trường Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Quản Trị Kinh Doanh Thương Mại		HDU01610		51	21	85.9	85 9	
5	NGUYỄN THỊ	THU	29/11/1988	Kiểm tra viên thuế	Phường Minh Tân - Thị Xã Kinh Môn - Hải Dương	Trường Đại học Kinh tế - Đại Học Quốc Gia Hà Nội Học Viện Tài chính	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng		HDU03473		49	21	85.5	85.5	
6	NGUYỄN THỊ THÚY	HÀ	23/07/1991	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Gia Lộc, Gia Lộc, Hải Dương	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính - Ngân hàng		HDU00865		41	MT	85.5	85.5	
7	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	24/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Hải Dương	Đại học University of East Anglia Đại học Ngoại thương	Kế toán và tài chính Tài chính ngân hàng		HDU01006		49	MT	83.5	83 5	
8	ĐỖ NGỌC	MAI	29/11/1987	Kiểm tra viên thuế	Tân Hưng - TP Hải Dương - Tỉnh Hải Dương	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính doanh nghiệp Hệ thống thông tin kinh tế		HDU02280		52	22	83	83	
9	NGUYỄN TIẾN	QUYẾT	14/04/1995	Kiểm tra viên thuế	thôn Nguyễn Bạo, xã Đại Đức, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	Trường Đại học Kinh Doanh và Công Nghệ Hà Nội	Tài Chính		HDU03048		45	21	83	83	
10	NGUYỄN THỊ	XEN	26/01/1992	Kiểm tra viên thuế	thôn Đồng Lại, xã Quyết Thắng, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán tổng hợp		HDU04205		46	26	82.5	82.5	
11	VŨ	LONG	18/02/1993	Kiểm tra viên thuế	ngọc châu- tân yên- bắc giang	đại học công nghệ đông á	quản trị kinh doanh		HDU02219		43	20	82 5	82.5	
12	LÊ VĂN	NGHĨA	11/02/1996	Kiểm tra viên thuế	HẢI DƯƠNG	Học Viện Tài Chính	Kiểm Toán		HDU02581		39	21	82.4	82.4	
13	BÙI THỊ MỸ	NGA	15/04/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Hưng Long, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kiểm toán		HDU02470		48	19	82.1	82.1	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
14	LÊ THI	VÂN ANH	08/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Hồng Hưng, huyện Gia Lộc, Hải Dương	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HDU04157		51	21	81	81	
15	VŨ THỊ	PHƯƠNG	20/11/1990	Kiểm tra viên thuế	xã Thanh Sơn, Huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương	Đại học Ngoại Thương	tài chính quốc tế		HDU02941		53	29	80 6	80 6	
16	PHAM THI	THOA	26/07/1987	Kiểm tra viên thuế	Việt Hoà, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính Ngân hàng		HDU03439		50	27	80 5	80.5	
17	TRẦN THỊ	THOA	10/08/1990	Kiểm tra viên thuế	Hòa Bình, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên	Kế toán		HDU03441		33	25	80 5	80 5	
18	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	TRANG	07/05/1993	Kiểm tra viên thuế	Hải Dương	ĐH Kinh tế Quản trị Kinh doanh - ĐH Thái Nguyên ĐH Khoa học xã hội và nhân văn	Kế toán tổng hợp Ngôn ngữ học		HDU03826		35	17	80	80	
19	NGUYỄN THI	HOA	03/09/1982	Kiểm tra viên thuế	Xã Quyết Thắng, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương	Đại học Hải Dương Học viện Tài chính	Kế toán Kế toán	ConTB	HDU01268	5	34	17	74 7	79 7	
20	ĐOÀN QUANG	MINH	05/12/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Chuối, xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	Trường Đại Học Thương Mại	Kế toán		HDU02372		53	26	79.5	79 5	
21	DƯƠNG TUẤN	ANH	13/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, Hải Dương	Đại học Thương Mại	Tài chính - Ngân hàng thương mại		HDU00062		51	23	79.5	79.5	
22	VŨ ĐỨC	TRƯỜNG	08/11/1983	Kiểm tra viên thuế	Hải Dương	Đại học Hàng Hải	Quản lý kinh tế		HDU03964		36	20	79 5	79 5	
23	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	05/04/1997	Kiểm tra viên thuế	Thất Hùng, Kinh Môn, Hải Dương	Học viện tài chính	Thuế		HDU01354		37	16	79.3	79.3	
24	VŨ NGÂN	HÀ	02/01/1997	Kiểm tra viên thuế	92 Hồng Châu, p. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Đại học Ngoại Thương	Ngân hàng và Tài chính quốc tế		HDU00903		54	MT	79	79	
25	PHAM THỊ THUỲ	LINH	23/11/1995	Kiểm tra viên thuế	Hải Dương	Kinh Tế Quốc Dân Macquarie University	Tài chính Thống Kê		HDU02118		47	MT	79	79	
26	NGUYỄN THỊ	THƯ	18/07/1989	Kiểm tra viên thuế	Ô Mễ, Hưng Đạo, Tứ Kỳ, Hải Dương	Đại học Thương mại	Quản lý kinh tế		HDU03508		44	22	78.5	78 5	
27	MẠC ĐÌNH	THUẦN	05/12/1987	Kiểm tra viên thuế	Hợp Tiến - Nam Sách - Hải Dương	Trường Đại Học kinh Tế Kĩ Thuật Công Nghiệp	Kế Toán - Tài Chính DNSX		HDU03524		42	24	78.5	78 5	
28	VŨ THẾ	QUANG	22/01/1991	Kiểm tra viên thuế	Hải Dương	Đại học Kinh tế Quốc dân Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán, Kiểm toán và Phân tích Kế toán		HDU03013		41	27	78 5	78 5	
29	LÊ THỊ THU	QUYÊN	20/04/1995	Kiểm tra viên thuế	Hồng Hưng, Gia Lộc, Hải Dương	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	Kế toán doanh nghiệp		HDU03027		52	23	78	78	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
30	NGÔ THỊ QUỲNH	MAI	15/03/1992	Kiểm tra viên thuế	Tân kỳ, Tứ Kỳ, Hải Dương	Học Viện Tài Chính Học Viện Tài Chính	Tài chính - Ngân hàng Kế toán		HDU02293		51	20	78	78	
31	DƯƠNG THỊ	TUẤN	14/07/1991	Kiểm tra viên thuế	xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Học viện tài chính	Tin học tài chính-kế toán		HDU03988		44	26	77.9	77.9	
32	NGUYỄN THỊ THU	CẨM	20/11/1997	Kiểm tra viên thuế	Hậu Bổng, Hạ Hòa, Phú Thọ	Trường Đại học Ngoại Thương - cơ sở Hà Nội	Kinh tế và phát triển quốc tế		HDU00349		48	29	77	77	
33	NGUYỄN THU	HƯỜNG	18/09/1996	Kiểm tra viên thuế	Thanh Giang, Thanh Miện, Hải Dương	Đại học Ngoại thương	Kinh doanh quốc tế		HDU01622		44	26	77	77	
34	NGUYỄN THU	HÀ	03/11/1992	Kiểm tra viên thuế	Hiệp An - Kinh Môn - Hải Dương	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HDU00868		49	28	76.9	76.9	
35	HOÀNG THỊ	NHUNG	26/04/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Mỹ Xá, xã Việt Cường, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Hưng yên	Kế toán doanh nghiệp		HDU02735		39	17	76.9	76.9	
36	NGUYỄN THỊ MAI	LINH	19/03/1992	Kiểm tra viên thuế	Xóm 5, xã Vĩnh Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	Trường đại học Công nghiệp Hà Nội	Tài chính- Ngân hàng		HDU02074		43	17	76.8	76.8	
37	NGUYỄN MAI	VÂN	24/11/1995	Kiểm tra viên thuế	Chí Linh, Hải Dương	Đại học công đoàn	Quản trị kinh doanh		HDU04113		45	23	76.6	76.6	
38	CAO THỊ	HẠNH	14/03/1994	Kiểm tra viên thuế	Xóm 3, thôn Xuân An, xã Thanh Khê, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương	Học viện tài chính	Ngân hàng		HDU01049		46	28	76.4	76.4	
39	TRẦN THỊ	HẢI	27/01/1990	Kiểm tra viên thuế	SN 195 đường Quang Trung, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	Đại Học Thành Đông	Kế toán		HDU00943		31	16	76	76	
40	PHẠM THỊ BÍCH	ĐÀO	04/11/1995	Kiểm tra viên thuế	Thôn Tân Thắng - Xã Thái Tân - Huyện Nam Sách - Tỉnh Hải Dương	Trường Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Tài chính Doanh nghiệp		HDU00473		48	25	75.5	75.5	
41	NGUYỄN THỊ	HẬU	09/02/1994	Kiểm tra viên thuế	Thôn Bãi Mạc, Xã Thượng Quận, Thị Xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HDU01106		37	27	75.5	75.5	
42	LÊ THỊ PHƯƠNG	ANH	03/05/1993	Kiểm tra viên thuế	thôn Nhan Bầu, xã Thanh Hồng, huyện Thanh Hà, tỉnh Hai Dương	Học viện Tai chính Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính- Ngân hàng Tài chính- Ngân hàng		HDU00088		49	26	74.9	74.9	
43	TĂNG THỊ MỸ	HẠNH	07/10/1993	Kiểm tra viên thuế	Xóm Quang Trung 1, Thôn Hoàng Xá, Quyết Thắng, Hải Dương	Học viện Tài chính	Kế toán		HDU01084		48	29	74.9	74.9	
44	CAO HẢI	LONG	28/03/1991	Kiểm tra viên thuế	Cộng Hòa, Chí Linh, Hải Dương	Học Viện Ngân Hàng Học Viện Ngân Hàng	Kế toán Kế toán		HDU02207		45	22	74.9	74.9	
45	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	18/10/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Bắc Thắng, xã Liên Hòa, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Quản trị kinh doanh thương mại		HDU02966		48	25	74.7	74.7	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
46	NGUYỄN THỊ	THU	25/08/1996	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Học Viện An Ninh Nhân Dân	Luật Dân sự		HDU03482		37	26	74 7	74 7	
47	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LAN	17/04/1989	Kiểm tra viên thuế	THANH HÀ	ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	KINH TẾ THƯƠNG MẠI KẾ TOÁN		HDU01887		41	22	74.1	74 1	
48	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	21/04/1998	Kiểm tra viên thuế	Hiệp An, Kinh Môn, Hải Dương	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán		HDU02969		48	27	73.4	73 4	
49	ĐỖ THỊ	NHUNG	10/04/1983	Kiểm tra viên thuế	Xã An Thượng-TP Hải Dương-Hải Dương	Đại Học Nông Nghiệp 1 Hà Nội	Kế toán doanh nghiệp		HDU02728		35	15	73	73	
50	NGUYỄN THÙY	NINH	10/05/1989	Kiểm tra viên thuế	Phố Quý Cao, xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	Học Viện Ngân Hàng Học Viện Ngân Hàng	Tài chính doanh nghiệp Tài chính-Ngân hàng		HDU02788		48	26	71 6	71 6	
51	VŨ THỊ	HẠNH	22/07/1992	Kiểm tra viên thuế	Từ Ô, Tân Trào, Thanh Miện, Hải Dương	Học viện tài chính	Kế toán		HDU01095		45	28	71 5	71.5	
52	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	02/03/1990	Kiểm tra viên thuế	Thành phố Hải Dương	Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Tài chính Doanh Nghiệp		HDU01559		39	18	71 5	71.5	
53	BÙI THỊ MAI	HƯƠNG	12/10/1997	Kiểm tra viên thuế	Thôn Hảo Khê, xã Hưng Long, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	Trường Đại Học Mỏ Địa Chất	Kế toán		HDU01510		36	22	71.5	71 5	
54	TRẦN LÊ PHƯƠNG	HÀ	04/09/1986	Kiểm tra viên thuế	Bình Lãng, Tứ Kỳ, Hải Dương	Trường đại học kinh tế quốc dân hà nội - CFVG Trường đại học kinh tế quốc dân Hà Nội	Quản trị kinh doanh Tài chính ngân hàng	ConTB	HDU00887	5	47	MT	66 3	71.3	
55	TRƯƠNG THỊ	THU	02/01/1993	Kiểm tra viên thuế	AN Phong - Tiền Phong - Thanh Miện - Hải Dương	Học Viện Tài Chính	Kiểm toán		HDU03497		46	26	71.2	71 2	
56	NGUYỄN ĐỨC HOÀI	DƯƠNG	26/02/1996	Kiểm tra viên thuế	số nhà 1118, ngõ 111, đường Tuệ Tĩnh, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Học Viện Tài Chính	Thuế		HDU00662		46	18	71 2	71.2	
57	PHẠM THU	THỦY	16/08/1994	Kiểm tra viên thuế	thôn Đồng Kênh, xã Văn Tố, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hai Dương	Đại Học Thương Mại	Luật thương mại		HDU03650		43	28	70 9	70 9	
58	PHẠM THỊ THU	THỦY	18/08/1998	Kiểm tra viên thuê	Lê Hồng, Thanh Miện, Hải Dương	Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính		HDU03649		40	25	70.7	70 7	
59	PHAM HỮU	VƯỢNG	05/06/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Hùng Sơn - huyện Thanh Miện - tỉnh Hải Dương	Học viện Tài chính	Tin học Tài chính - Kế toán		HDU04201		43	23	70.5	70.5	
60	NGUYỄN VĂN	NHẬT	09/07/1990	Kiểm tra viên thuế	thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	Trường đại học thương mại	Tài chính Ngân Hàng		HDU02704		38	24	70.5	70.5	
61	ĐINH THỊ	NGA	10/10/1998	Kiểm tra viên thuế	Nam Hưng, Nam Sách, Hải Dương	Học viện Tài chính	Thuế		HDU02477		52	24	69.9	69.9	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
62	ĐOÀN THỊ	THẢO	10/10/1993	Kiểm tra viên thuế	Xóm 8 Thanh Sơn Thanh Hà Hải Dương	Học viện Tài chính	Ngân hàng		HDU03294		38	23	69 9	69 9	
63	NGUYỄN THANH	THẢO	13/01/1992	Kiểm tra viên thuế	Hải Dương	Học Viện Tài Chính	Chứng khoán		HDU03342		35	18	69.9	69.9	
64	TRƯƠNG THỊ	LOAN	02/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Số 7, đường Vạn Đức, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	Trường Đại học Hải Dương	Kế toán tổng hợp		HDU02198		43	21	69.5	69.5	
65	LÊ THỊ	HOA	24/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Khu 5 - Việt Hòa - Hải Dương	Học viện Tài chính	Tin học Tài chính - Kế toán		HDU01257		45	22	69 4	69.4	
66	VŨ THỊ	HUỆ	07/09/1992	Kiểm tra viên thuế	Hưng Yên	Trường Đại học Sao Đỏ	Kế toán		HDU01424		47	18	69	69	
67	NGUYỄN THỊ	LUYẾN	21/10/1988	Kiểm tra viên thuế	Đội 5, Thôn Cập Thượng, Xã Tiền Tiến, T Phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	Đại Học Thương Mại	Kế toán tài chính Doanh Ngiệp thương mại	ConBB	HDU02244	5	46	17	64	69	
68	NGÔ THỊ	HOA	13/09/1990	Kiểm tra viên thuế	Phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HDU01262		42	17	68.4	68.4	
69	NGUYỄN THỊ	TRONG	10/06/1984	Kiểm tra viên thuê	Phú Thứ, Kinh Môn, Hải Dương	Đại học kinh tế quốc dân Đại Học Ngoại Ngữ	Kế toán tổng hợp Tiếng anh		HDU03932		48	MT	68	68	
70	MAC THI	HẠNH	05/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã An Lâm,huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	Trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Kinh tế quốc tế		HDU01060		45	27	67.8	67 8	
71	BÙI THÀNH	THIỆN	20/03/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Văn Tố, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	Học Viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HDU03413		46	26	67.4	67.4	
72	HÀ THỊ MỸ	DUYÊN	19/07/1996	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Hòa, Ninh Giang, Hải Dương	Đại học Kinh tế Kỹ Thuật Công Nghiệp Hà Nội	Kế toán		HDU00702		45	26	67 3	67 3	
73	ĐÀO MINH	HỒNG	18/12/1990	Kiểm tra viên thuế	Nghĩa An, Ninh Giang, Hải Dương	Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	Quản trị kinh doanh Sư phạm tiếng Pháp		HDU01367		37	MT	67	67	
74	NGHIÊM THỊ THU	HÀ	03/02/1993	Kiểm tra viên thuế	P Cẩm Thượng, TP Hải Dương	ĐH Kinh Doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán và thanh toán ngân hàng		HDU00834		36	24	67	67	
75	TRẦN THỊ NHẬT	LỆ	04/06/1996	Kiểm tra viên thuế	Hải Dương	Học Viện Ngân Hàng	Ngân hàng thương mại		HDU01910		47	23	66.9	66 9	
76	PHẠM HỮU	THÀNH	15/07/1998	Kiểm tra viên thuế	Quang Minh, Gia Lộc, Hải Dương	Học Viện Ngân Hàng	Quản Trị Doanh Nghiệp		HDU03268		38	24	66 9	66.9	
77	LÊ MINH	NGUYỆT	09/02/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Học viện Tài Chính	Kiểm toán		HDU02670		33	17	66	66	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
78	NGUYỄN THỊ HỒNG	VÂN	27/05/1989	Kiểm tra viên thuế	Phường Ngọc Châu, TP Hải Dương	Đại học Kinh tế Quốc Dân	Hải Quan		HDU04122		50	21	65.9	65.9	
79	LÊ THỊ	MINH	30/12/1992	Kiểm tra viên thuế	Ninh Mỹ, Hoa Lư, Ninh Bình	Đại học Lao động - Xã hội	Kế toán		HDU02381		40	16	65 9	65.9	
80	ĐÀO THỊ THANH	NHÀN	07/06/1998	Kiểm tra viên thuế	Kim Đôi - Ngọc Kỳ - Tứ Kỳ - Hải Dương	Đại học Mở Hà Nội	Luật kinh tế		HDU02692		39	23	65.9	65 9	
81	PHẠM THỊ	THẮM	23/07/1994	Kiểm tra viên thuế	Thăng Long, Kinh Môn, Hải Dương	Trường Học Viện Tài Chính	Kế Toán Doanh Nghiệp		HDU03192		41	22	65.2	65.2	
82	NGUYỄN THỊ KHÁNH	PHƯỢNG	25/04/1997	Kiểm tra viên thuế	Ứng Hòe Ninh Giang	Đại học Luật Hà Nội	Luật		HDU02973		42	26	65	65	
83	ĐOÀN THỊ HOÀNG	YẾN	18/03/1993	Kiểm tra viên thuế	Thống Nhất, Gia Lộc, Hải Dương	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Ngân hàng		HDU04237		40	22	64.7	64.7	
84	NGUYỄN THU	HUYỀN	28/12/1991	Kiểm tra viên thuế	Đội 10, thôn Hùng Thắng, xã Minh Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	Đại học Kinh tế Quốc dân Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán, kiểm toán và phân tích Kinh tế		HDU01745		54	17	64 1	64.1	
85	NGÔ THỊ THU	QUỲNH	15/09/1993	Kiểm tra viên thuế	Đại Đức, Kim Thành, Hải Dương	Đại học Kinh tế- Đại học Quốc Gia Hà Nội	Tài chính		HDU03066		49	25	63 9	63 9	
86	NGUYỄN TRƯỜNG	SA	22/08/1996	Kiểm tra viên thuế	xã An Bình, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	Học viện Nông Nghiệp Việt Nam	Quản trị kinh doanh		HDU03092		37	19	63.7	63 7	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TP. HẢI PHÒNG

(Kèm theo Quyết định số 1078 /QĐ-BTC ngày 14/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
II. Kiểm tra viên thuế															
1	PHAN HẢI	NAM	16/03/1998	Kiểm tra viên thuế	Thuỵ Lôi, Kim Bảng, Hà Nam	Đại Học Hàng Hải Việt Nam	Kinh tế ngoại thương	ConTB	HPH02460	5	45	25	86.5	91.5	
2	TỐNG THỊ	TUYẾT	14/07/1990	Kiểm tra viên thuế	Thanh Hoá	Đại Học Công Nghiệp Hà Nội	Kế toán	ConTB	HPH04080	5	43	MT	84.5	89.5	
3	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	THẢO	02/04/1998	Kiểm tra viên thuế	Lạc Hồng, Văn Lâm, Hưng Yên	Học viện Tài chính	Kế toán doanh ngghiệp		HPH03292		47	24	87.5	87.5	
4	ĐỖ THỊ LÊ	HUYỀN	29/07/1997	Kiểm tra viên thuế	185B, khu 9, thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Đại học tài chính quản trị kinh doanh	Kế toán doanh nghiệp		HPH01675		35	23	87.5	87.5	
5	NGUYỄN VĂN	NAM	09/09/1993	Kiểm tra viên thuế	Tân Dương, Thuỷ Nguyên, Hải Phòng	Đại học Hàng Hải Việt Nam Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	Kinh tế vận tải biển Tiếng Anh		HPH02456		45	MT	86.5	86.5	
6	TRẦN THỊ	HUYỀN	09/12/1983	Kiểm tra viên thuế	Phác Xuyên - Bạch Đằng - Tiên Lãng - Hải Phòng	Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Kế toán tổng hợp		HPH01776		34	24	86.5	86.5	
7	LÊ ĐÌNH	ĐỨC	21/01/1983	Kiểm tra viên thuế	Hưng Thông, Hưng Nguyên, Nghệ An	Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam Đại học Sư phạm Hà Nội	Kinh tế vận tải biển Sư phạm Tin học		HPH00552		50	22	86	86	
8	HOÀNG	YẾN	11/05/1994	Kiểm tra viên thuế	Tiên Thanh, Tiên Lãng, Hải Phòng	Đại học Hải Phòng Đại Học Hải Phòng	Kế Toán Kiểm Toán Quản Lý Kinh Tế		HPH04242		47	27	86	86	
9	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	12/09/1992	Kiểm tra viên thuế	Tân Dân, An Lão, Hải Phòng	Trường đại học kinh tế kĩ thuật công nghiệp	Quản trị kinh doanh	ConTB	HPH01168	5	43	23	79.6	84.6	
10	TRẦN THỊ	PHƯỢNG	11/09/1992	Kiểm tra viên thuế	Xóm 2, Xã. Cổ Am, Huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	Tài chính quốc tế		HPH02978		46	28	84	84	
11	NGUYỄN ĐẮC	HIỆP	15/10/1997	Kiểm tra viên thuế	Thái Thụy, Thái Bình	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HPH01211		49	25	83	83	
12	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	27/10/1997	Kiểm tra viên thuế	xã An Sơn, huyện Thuỷ Nguyễn, thành phố Hải Phòng	Niels Brock Copenhagen Business College	Tài chính		HPH02897		46	MT	83	83	
13	PHẠM THỊ XUÂN	MAI	29/08/1988	Kiểm tra viên thuế	Bạch Đằng - Tiên Lãng - Hải Phòng	Đại học Thương mại Đại học Ngoại thương	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng		HPH02325		42	18	82.5	82.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
14	TRẦN THÁI	DUY	16/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Duy Tiên, Hà Nam	Trường Đại Học Hải Phòng	Quản Trị Kinh Doanh		HPH00698		39	26	82 5	82.5	
15	PHẠM VĂN	THUẬN	15/09/1990	Kiểm tra viên thuế	thôn Xuân Hòa, xã Bạch Đằng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	Quản lý kinh tế Hóa học		HPH03522		40	25	81 5	81 5	
16	NGUYỄN THÚY	QUỲNH	28/01/1987	Kiểm tra viên thuế	Ứng Hòa, Hà Nội	Đại học Dân lập Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH03074		50	29	81	81	
17	PHẠM THỊ MINH	CÚC	08/06/1991	Kiểm tra viên thuế	Hải Phòng	Trường Đại học Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH00431		44	19	81	81	
18	NGUYỄN THANH	TRÚC	17/05/1996	Kiểm tra viên thuế	Cụm 6, xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Ha Nội	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HPH03933		39	27	81	81	
19	ĐÀO ĐÌNH	TÙNG	09/03/1996	Kiểm tra viên thuế	Hải Phòng	Học Viện Tài Chính	Thuế		HPH04017		31	24	80.5	80 5	
20	VŨ ANH	TUẤN	05/03/1997	Kiểm tra viên thuế	Hải Phòng	Học Viện Ngân Hàng	Ngân hàng		HPH04012		45	21	80.2	80.2	
21	TẠ KIM	HUYỀN	10/11/1990	Kiểm tra viên thuế	xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Đại học Hàng Hải Việt Nam	Quản lý Kinh tế		HPH01765		55	23	80	80	
22	VŨ NGỌC	HẢI	07/01/1997	Kiểm tra viên thuế	xã Hợp Thành, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	Học viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HPH00947		50	30	79.7	79 7	
23	NGUYỄN THU	HOÀI	03/06/1992	Kiểm tra viên thuế	Ngõ 32, Đường Ngô Quyền, Phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại Học Kinh Doanh và Công Nghệ Hà Nội	Tài chính		HPH01326		48	22	79 5	79.5	
24	NGÔ MINH	THƯ	18/05/1997	Kiểm tra viên thuế	Hải Phòng	Đại học Ngoại Thương	Quản trị kinh doanh quốc tế (Chương trình chất lượ		HPH03507		43	MT	79.5	79.5	
25	TRẦN SÁCH	ĐÔNG	06/03/1992	Kiểm tra viên thuế	xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng	Học Viện Tài Chính	tài chính ngân hàng	ConTB	HPH00542	5	42	16	74 5	79.5	
26	NGÔ XUÂN	LỘC	18/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Tổ 4, P. Châu Sơn, TP.Sông Công, T Thái Nguyên	Đại học Thương Mại	Tiếng pháp thương mại		HPH02201		52	29	79	79	
27	NGUYỄN DIỄM	MY	10/05/1991	Kiểm tra viên thuế	Tiên Cường, Tiên Lãng, Hải Phòng	Đại Học Hải Phòng	Kế Toán Doanh Nghiệp		HPH02417		51	24	79	79	
28	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	20/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Khu dân cư Điềm Niêm, Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng	Đại học Hàng Hải Việt Nam Đại học Hải Phòng	Kinh tế vận tải biển Ngôn Ngữ Anh		HPH03896		48	MT	79	79	
29	MAI THỊ KHÁNH	LINH	30/04/1998	Kiểm tra viên thuế	An Lão- Hải Phòng	Học viện Ngân Hàng	Kế toán doanh nghiệp		HPH02027		46	28	79	79	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
30	PHẠM NGỌC	TUẤN	25/12/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã Đông Lĩnh-Huyện Đông Hưng-Tỉnh Thái Bình	Trường Đại Học Tài Chính-Quản Trị Kinh Doanh	Tài Chính Doanh Nghiệp		HPH04007		31	24	79	79	
31	PHẠM HOÀNG	LONG	02/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Tân Liên, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Học Viện Tài Chính	Kiểm toán		HPH02216		52	20	78.5	78 5	
32	LÊ MINH	ANH	02/11/1993	Kiểm tra viên thuế	Minh Khôi, Nông Cống, Thanh Hoá	Đại học Keuka Đại học Keuka	Quản trị kinh doanh (Kinh tê quốc tế) Quản trị kinh doanh		HPH00082		50	MT	78 5	78.5	
33	TRỊNH DUY	TUYÊN	27/05/1992	Kiểm tra viên thuế	Hòa Nghĩa,Dương Kinh,Hải Phòng	Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân	Kế toán		HPH04065		45	17	78 5	78.5	
34	BÙI VĂN	THÁI	22/11/1992	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Bảo - Hải Phòng	Đại Học FPT	Tài chính - Ngân hàng		HPH03182		45	26	78 3	78 3	
35	ĐÀO THỊ THU	TRANG	13/02/1990	Kiểm tra viên thuế	Song Lãng, Vũ Thư, Thái Bình	Đại học Hải Phòng	Kinh tế ngoại thương		HPH03740		42	25	78 1	78.1	
36	ĐÀO VÂN	HÀ	18/12/1998	Kiểm tra viên thuế	Quang Trung, An Lão, Hải Phòng	Đại học Hàng Hải	Kinh tế Vận tải biển		HPH00803		40	21	78 1	78.1	
37	NGUYỄN THÁI	HÀ	27/08/1998	Kiểm tra viên thuế	Phúc Thọ, Hà Nội	Học viện Tài chính	Hải quan & nghiệp vụ ngoại thương		HPH00846		40	22	78	78	
38	NGUYỄN ĐỨC	CÔNG	10/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Thanh Khê, Thanh Lương, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Trường Đại học hàng hải Việt Nam	Kinh tế ngoại thương		HPH00420		38	22	78	78	
39	LÊ THỊ	HIỀN	18/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Hải Phòng	Đại học Thương Mại	Quản trị doanh nghiệp thương mại		HPH01146		44	26	77 8	77.8	
40	HÀ THANH	HẢI	23/05/1997	Kiểm tra viên thuế	xã trấn dương, huyện vĩnh bảo, thành phố Hải Phòng	Trường Đại học London, Vương quốc Anh	Tài chính - ngân hàng		HPH00915		45	MT	77.4	77 4	
41	HOÀNG THỊ	HẰNG	14/08/1990	Kiểm tra viên thuế	Xóm 6, xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phốHải phòng	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	Kế toán		HPH00977		45	23	77 2	77.2	
42	VŨ TIẾN	THẮNG	28/01/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Thái Dương, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình	Học Viện Tài Chính	Thuế		HPH03219		43	27	77	77	
43	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	13/07/1996	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Tiến, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HPH03364		40	24	76.9	76.9	
44	NGUYỄN ĐĂNG	ĐẠNG	04/06/1993	Kiểm tra viên thuế	Đồng Gia, Kim Thành, Hải Dương	Học viện Ngân Hàng	Kế toán doanh nghiệp		HPH00470		49	25	76.5	76 5	
45	TRẦN THỊ	QUYÊN	12/08/1989	Kiểm tra viên thuế	Thôn Sâm Linh - Xã Minh Tân - huyện Kiến Thụy - TP Hải Phòng	Trường đại học Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH03039		39	24	76.5	76 5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
46	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	HOA	27/11/1993	Kiểm tra viên thuế	Khúc Thủy - Hà Nội	Trường Đại Học Hàng Hải Việt Nam	Kinh tế Hàng Hải và Toàn cầu hóa		HPH01248		34	MT	76.4	76.4	
47	MẠC THỊ THU	HẰNG	06/05/1998	Kiểm tra viên thuế	Cẩm Chế - Thanh Hà - Hải Dương	Học viện Tài chính	Thuế		HPH00985		54	24	76	76	
48	BÙI THỊ	THƯƠNG	03/04/1998	Kiểm tra viên thuế	thôn Tiền Hải, xã Tân Liên, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng	Học viện Tài Chính	Kinh tế đầu tư tài chính		HPH03535		52	23	76	76	
49	NGUYỄN THỊ THU	HƯỜNG	28/09/1989	Kiểm tra viên thuế	Thành Công, Khoái Châu, Hưng Yên	Đại học Hàng hải Việt Nam	Quản lý kinh tế		HPH01620		46	27	76	76	
50	PHẠM ĐỨC	LONG	13/07/1998	Kiểm tra viên thuế	Tràng Minh, Kiến An, Hải Phòng	Đại học Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH02215		36	22	76	76	
51	NGUYỄN THỊ	THÙY	28/08/1988	Kiểm tra viên thuế	Thôn Văn Ông Đoài - xã Đông Vinh - huyện Đông Hưng - thành phố Thái Bình	Đại học Hàng Hải Việt Nam	Quản trị Tài chính - Kế toán		HPH03610		36	19	76	76	
52	TRỊNH THỊ THÙY	NINH	24/01/1992	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh An, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Học Viện Tài Chính	Thuế		HPH02791		34	22	76	76	
53	ĐÀO HƯƠNG	THANH	20/03/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn 7, xã Kiến Quốc, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng	Đại học Dân lập Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH03222		55	28	75.5	75 5	
54	NGUYỄN THU	HƯƠNG	11/05/1994	Kiểm tra viên thuế	Hưng Hà, Thái Bình	Trường Đại Học Hàng Hải Việt Nam	Tài Chính Kế Toán		HPH01565		49	28	75.5	75.5	
55	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DUNG	23/12/1994	Kiểm tra viên thuế	Thanh Hải, Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		HPH00596		43	27	74.5	74 5	
56	NGUYỄN THỊ THẢO	VÂN	11/07/1995	Kiểm tra viên thuế	Quốc Tuấn, An Dương, Hải Phòng	Học Viện Ngân Hàng Benedictine University	Quản trị doanh nghiệp Quản trị kinh doanh		HPH04126		51	MT	74	74	
57	NGÔ THỊ	THU	20/02/1987	Kiểm tra viên thuế	Thanh Khê, Thanh Lương, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán tổng hợp		HPH03466		41	21	74	74	
58	ĐOÀN THỊ THU	HÀ	25/01/1993	Kiểm tra viên thuế	Hòa Bình, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Đại học Hàng Hải Việt Nam Đại học Quốc Gia Hà Nội-Đại học Ngoại Ngữ	Kinh tế vận tải biển Tiếng Anh		HPH00814		45	MT	73.8	73.8	
59	HOÀNG THỊ MINH	THU	05/06/1990	Kiểm tra viên thuế	Hoà Bình, Thuỷ Nguyên, Hải Phòng	Trường Đại Học Hàng Hải Việt Nam Trường Đại Học Đại Nam	Quản lý kinh tế Tài chính Ngân hàng		HPH03461		39	20	73 6	73.6	
60	VŨ THỊ NGỌC	VÂN	05/03/1991	Kiểm tra viên thuế	xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	Đại học Quốc gia Hà Nội Đại học Hàng Hải Việt Nam	Luật Kinh tế - Lao động Ngôn ngữ Anh	ConTB	HPH04148	5	51	MT	68.5	73 5	
61	HOÀNG THỊ	OANH	03/02/1990	Kiểm tra viên thuế	thôn Tình Thủy, xã An Hòa, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Đại học dân lập Hải Phòng	Kế toán kiểm toán	ConTB	HPH02799	5	49	26	68.5	73 5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
62	VŨ THỊ	QUỲNH	29/09/1991	Kiểm tra viên thuế	Xóm 14, thôn Tô Xuyên, xã An Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HPH03088		47	24	73.5	73.5	
63	LÊ THANH	LONG	26/11/1988	Kiểm tra viên thuế	Hải Phòng	Đại học Hàng Hải Việt Nam	Kinh tế Vận tải biển		HPH02209		45	MT	73.5	73.5	
64	ĐÀO ĐÌNH	CHIẾN	27/05/1993	Kiểm tra viên thuế	Hải Phòng	Đại học Đại Nam Đại học Mỏ - Địa chất	Quản lý kinh tế Kế Toán		HPH00395		45	29	73.5	73 5	
65	NGUYỄN THỊ	NHUNG	27/06/1989	Kiểm tra viên thuế	Quốc Tuấn, An Lão, Hải Phòng	Trường đại học Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH02752		43	24	73 5	73.5	
66	NGUYỄN THỊ THANH	HOAN	26/11/1998	Kiểm tra viên thuế	Trường Thành, An Lão, Hải Phòng	Đại học Hàng Hải Việt Nam	Tài chính kế toán		HPH01332		49	22	73	73	
67	CAO QUYẾT	THẮNG	21/03/1995	Kiểm tra viên thuế	Thành phố Vinh, Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân Đại học Kinh tế quốc dân	Kiểm toán Luật		HPH03200		46	28	73	73	
68	ĐẶNG VĂN	KHÁNH	13/05/1989	Kiểm tra viên thuế	Mộc Nam, Duy Tiên, Hà Nam	Đại học Công nghệ Đông Á	Kế toán		HPH01805		46	17	73	73	
69	HOÀNG HÀ	CHI	25/11/1997	Kiểm tra viên thuế	Trường Sơn - An Lão - Hải Phòng	Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam	Quản trị kinh doanh		HPH00369		43	26	72.5	72.5	
70	NGUYỄN MẠNH	TRUNG	27/10/1998	Kiểm tra viên thuế	Dương Quan, Thuỷ Nguyên, Hải Phòng	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế		HPH03942		40	25	72.5	72.5	
71	VŨ HOÀNG	ANH	15/07/1996	Kiểm tra viên thuế	Bình Giang , Hải Dương	Học Viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HPH00261		39	22	72 5	72 5	
72	BÙI THỊ THANH	THẢO	22/05/1993	Kiểm tra viên thuế	Hải Phòng	Đại học Kinh doanh và Công Nghệ Hà Nội	Tài Chính		HPH03278		36	25	72.5	72.5	
73	NGUYỄN THỊ MINH	THU	16/06/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn Tiên Đôi Nội Xã Đoàn Lập Huyện tiên Lãng,Hải pHòng	Đại học dân lập Hải Phòng	Kế Toán - Kiểm Toán		HPH03487		34	24	72	72	
74	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	27/02/1997	Kiểm tra viên thuế	Cụm 6- Gia Phong- Tân Hưng- Vĩnh Bảo- Hải Phòng	Đại học Hàng Hải Việt Nam	Quản trị kinh doanh		HPH03033		30	24	71 2	71.2	
75	HOÀNG THỊ	TRANG	22/10/1987	Kiểm tra viên thuế	Xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng	Trường đại học Hải Phòng Trường đại học Hải Phòng	Kế toán Ngôn ngữ Anh		HPH03762		56	MT	71	71	
76	TRẦN THỊ THU	HƯỜNG	07/11/1998	Kiểm tra viên thuế	Thủy Nguyên - Hải Phòng	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	Kinh tế ngoại thương		HPH01632		52	28	71	71	
77	NGUYỄN ANH	HOÀNG	04/09/1990	Kiểm tra viên thuế	xã An Quý, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	NGÂN HÀNG		HPH01348		38	24	71	71	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
78	THÂN THỊ THU	THẢO	12/10/1998	Kiểm tra viên thuế	Hải Phòng	Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam	Tài chính kế toán		HPH03378		53	28	69 6	69.6	
79	ĐOÀN THỊ THU	HÀ	23/11/1987	Kiểm tra viên thuế	Thanh Sơn, Kiến Thụy, Hải Phòng	Học viện Tài chính Học viện Tài chính	Kiểm toán Kế toán		HPH00813		36	23	69.2	69 2	
80	NGUYỄN TOÀN	THẮNG	21/10/1992	Kiểm tra viên thuế	Hải Phòng	Đại học Hàng Hải Việt Nam Đại học Hàng Hải Việt Nam	Quản lý kinh tế Kinh tế ngoại thương		HPH03213		48	MT	69.1	69 1	
81	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	30/09/1989	Kiểm tra viên thuế	Xã Hồng Châu, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp	CondeNHD KCbiNCDH H	HPH01725	5	39	25	64	69	
82	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	10/03/1991	Kiểm tra viên thuế	Hải Phòng	Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam	tài chính kế toán	ConTB	HPH00758	5	39	20	63 9	68.9	
83	PHẠM THỊ THU	SỢI	31/12/1991	Kiểm tra viên thuế	Khu Lam Sơn, Thị trấn Vĩnh Bảo, H Vĩnh Bảo, TP. Hải Phòng	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp	Tài chính doanh nghiệp		HPH03101		38	22	68 9	68.9	
84	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	27/06/1996	Kiểm tra viên thuế	Cộng Hòa, Nam Sách, Hải Dương	Học viện Tài Chính	Thuế		HPH00319		45	23	68.7	68 7	
85	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	09/05/1997	Kiểm tra viên thuế	Thanh Hà, Hải Dương	Kinh Tế Quốc Dân	Thương mại quốc tế		HPH02072		48	25	68 6	68.6	
86	LÊ THỊ HỒNG	ĐIỆP	14/01/1982	Kiểm tra viên thuế	An Hòa - An Dương - Hải Phòng	Trường Đại học Trà Vinh	Kế toán		HPH00526		47	26	68.5	68.5	
87	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THẢO	05/04/1997	Kiểm tra viên thuế	Thành phố Nam Định, Nam Định	Học Viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HPH03384		45	21	68 5	68 5	
88	TRẦN THỊ NGUYỆT	ANH	25/09/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã Quảng Thanh, huyệnThủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	Đại học Hàng Hải Việt Nam	Quản lý kinh tế		HPH00244		32	25	68	68	
89	PHẠM ANH	TÙNG	16/03/1990	Kiểm tra viên thuế	Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng	Đại Học Hàng Hải Việt Nam Đại Học Thương Mại	Quản lý kinh tế Quản trị kinh doanh		HPH04040		44	19	67.5	67 5	
90	NGUYỄN THÙY	CHI	23/10/1997	Kiểm tra viên thuế	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam	Tài chính kế toán		HPH00383		42	19	67 5	67.5	
91	TRẦN CÔNG	HUẤN	08/10/1983	Kiểm tra viên thuế	Xóm 2, thôn Nội Ngoại, xã Tiên Hải, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	Quản trị kinh doanh	ConBB	HPH01401	5	54	26	62 3	67.3	
92	LÊ MẠNH	CHIẾN	16/08/1998	Kiểm tra viên thuế	xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	Học viện Tài chính	Thuế		HPH00396		45	24	67.1	67 1	
93	ĐÀO THỊ	HÀ	05/11/1990	Kiểm tra viên thuế	Xóm 4, Xã Tân Sơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HPH00801		53	23	67	67	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
94	PHẠM THỊ	HẰNG	17/07/1997	Kiểm tra viên thuế	tổ 12, phường Nam Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Học Viện Tài Chính	Hải quan và nghiệp vụ ngoại thương		HPH01021		49	28	67	67	
95	ĐẶNG THỊ NGỌC	ÁNH	20/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Phường Mạo Khê, Thị xã Đông Triều, Quảng Ninh	Học viện Tài Chính	Kế toán công		HPH00274		47	19	66.9	66.9	
96	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	THẢO	03/11/1996	Kiểm tra viên thuế	Làng Bá, xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội	Học Viện Tài Chính	Kế toán Doanh nghiệp		HPH03349		45	27	66.9	66.9	
97	HOÀNG MẠNH	ĐỨC	03/10/1986	Kiểm tra viên thuế	Dư Hàng, Lê Chân, Hải Phòng	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính ngân hàng		HPH00550		44	22	66.9	66.9	
98	PHẠM TIẾN	KHÁNH	08/08/1982	Kiểm tra viên thuế	Thôn 5 xã Du Lễ - Huyện Kiến Thụy - Thành phố Hải Phòng	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HPH01815		48	23	66.5	66.5	
99	VŨ NGỌC	ÁNH	26/01/1998	Kiểm tra viên thuế	Quảng Châu, TP Hưng Yên, Hưng Yên	Học Viện Tài Chính	Kế Toán Doanh Nghiệp	ConTBloaiB	HPH00293	5	37	20	61.5	66.5	
100	BÙI HỒNG	THÁI	14/10/1992	Kiểm tra viên thuế	Hòa nghĩa, Dương kinh, Hải phòng	Trường Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính		HPH03180		42	24	66.3	66.3	
101	NGUYỄN HOÀNG	MI	20/10/1996	Kiểm tra viên thuế	Cát Hải, Hải Phòng	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế phát triển		HPH02365		48	21	66	66	
102	PHAM ĐỨC	NAM	11/05/1993	Kiểm tra viên thuế	Bạch Đằng, Tiên Lãng, Hải Phòng	Đại học dân lập Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH02457		50	24	65 9	65 9	
103	NGUYỄN QUANG	THÀNH	29/12/1987	Kiểm tra viên thuế	xã Minh Hoàng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	Đại học Giao thông vận tải	Kinh tế xây dựng		HPH03264		44	MT	65.8	65.8	
104	NGUYỄN THU	THẢO	13/02/1994	Kiểm tra viên thuế	Khu dân cư Hiệp Thượng, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, Hải Dương	Đại Học Điện Lực	Kế toán		HPH03366		39	21	65.7	65.7	
105	NGUYỄN THI	HÀ	06/10/1987	Kiểm tra viên thuế	Liên Khê- Thủy Nguyên- Hai Phòng	Học viện Tài Chính Học viện Tài Chính	Kế toán Kế toán		HPH00848		43	MT	65 5	65.5	
106	PHAM THỊ QUỲNH	CHÂM	29/06/1993	Kiểm tra viên thuế	Minh Tân Kiến Thụy - Hải Phòng	Đại học Dân lập Hải Phòng	Tài chính - Ngân Hàng		HPH00352		32	17	65 4	65 4	
107	NGUYỄN THU	HUYỀN	17/04/1994	Kiểm tra viên thuế	Hải Phòng	Đại học Hàng Hải Việt Nam	Kinh tế hàng hải và toàn cầu hoá		HPH01747		49	27	65 2	65 2	
108	PHAN THỊ	ANH	13/09/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn Châu Xá, Xã Thanh Long, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên	Học viện tài chính	Thuế		HPH00226		43	16	65	65	
109	BÙI THI THU	HOAI	10/06/1988	Kiểm tra viên thuế	Vụ Bản, Nam Định	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		HPH01317		40	24	65	65	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
110	LÊ THÚY	HOÀNG	02/02/1998	Kiểm tra viên thuế	217 khu 4 Thị Trấn Tiên Lãng, Huyện Tiên Lãng, Thành Phố Hải Phòng	Học Viện Tài Chính	Kế Toán công		HPH01347		56	23	64 9	64 9	
111	NGUYỄN MẠNH	TIẾN	08/10/1991	Kiểm tra viên thuế	Song Hồ,Thuận Thành,Bắc Ninh	Viện Đại Học Mở Hà Nội	Kế toán,kiểm toán		HPH03679		49	25	64.9	64.9	
112	NGUYỄN QUANG	TRƯỜNG	07/10/1998	Kiểm tra viên thuế	Lai Cách, Cẩm Giàng, Hải Dương	Học Viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HPH03957		47	26	64.7	64.7	
113	ĐOÀN ĐỨC	THỊNH	21/10/1991	Kiểm tra viên thuế	Hải Phòng	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính Doanh nghiệp		HPH03423		46	24	64 7	64.7	
114	VŨ QUỐC	HUY	11/05/1981	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Tuy, Cẩm Bình Hải Dương	Đại học dân lập Hải Phòng	Kế toán - Kiểm toán		HPH01664		31	17	64.5	64 5	
115	PHẠM THỊ	THẢO	01/11/1989	Kiểm tra viên thuế	Hải Phòng	Đại học Hàng Hải Việt Nam Đại học Ngoại Thương	Quản lý kinh tế Kinh tế		HPH03398		43	25	64.2	64 2	
116	ĐẶNG VĂN	THẮNG	17/08/1993	Kiểm tra viên thuê	Quảng Thanh - Thủy Nguyên - Hải Phòng	Đại học Hàng Hải Việt Nam Đại học ngoại ngữ - Đại học quốc gia Hà Nội	Quản lý kinh tế Tiếng Anh		HPH03205		43	MT	64.1	64.1	
117	LÊ MINH	TÙNG	06/01/1989	Kiểm tra viên thuế	Thanh Thuỷ, Thanh Hà, Hải Dương	Học viện tài chính	Thuế		HPH04022		42	23	64.1	64.1	
118	ĐOAN THỊ HỒNG	VÂN	11/07/1981	Kiểm tra viên thuế	Tổ dân phố Bàng Thượng - Bàng La - Đồ Sơn - Hải Phòng	Trường Đại học Hàng Hải	Quản trị tài chính kế toán		HPH04105		50	20	63 9	63.9	
119	NGUYỄN THẢO	LINH	22/06/1998	Kiểm tra viên thuế	Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng	Học viện Tài chính	Hải quan và nghiệp vụ ngoại thương		HPH02063		49	28	63.3	63 3	
120	TRẦN THỊ NGỌC	HOÀN	10/05/1989	Kiểm tra viên thuế	Hồng Phong, Vũ Thư, Thái Bình	Đại học dân lập Hải Phòng Trường đại học hàng hải Việt Nam	Kế toán - kiểm toán Ngôn ngữ Anh		HPH01339		44	MT	63 1	63 1	
III. Văn thư															
1	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	28/01/1989	Văn thư	Xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng	Học viện Hành chính	Hành chính học		HPH05363		39	15	60	60	
2	ĐOÀN THỊ THANH	PHƯƠNG	20/12/1997	Văn thư	Cát Hải, Hải Phòng	Đại học Nội vụ Hà Nội	Lưu trữ học		HPH05387		36	16	60	60	
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	ĐÀO THỊ	HUYỀN	11/04/1985	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Đội 5, Thôn An Lão, xã Thanh Khê, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương	Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Tin học		HPH05303		45	15	73	73	
2	NGUYỄN THỊ	ANH	16/04/1996	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	xóm 2, thôn Ngọc Liễn, xã Văn Cẩm, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Đại học Hà Nội	Công nghệ thông tin - tiếng Anh		HPH05270		33	MT	71	71	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3	BÙI ĐỨC	DƯƠNG	16/12/1991	Chuyên viên lâm Công nghệ thông tin	Thôn Ích Trang, Xã Bát Trang, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng	Đại Học Hải Phòng	Công nghệ thông tin		HPH05284		46	19	69	69	
4	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	02/04/1991	Chuyên viên lâm Công nghệ thông tin	Lê Thiện - An Dương - Hải Phòng	Viện Đại Học Mở Hà Nội	Tin học ứng dụng		HPH05304		51	20	50	50	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH HÒA BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 1099 /QĐ-BTC ngày 14/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	18/03/1996	Chuyên viên	Thác Bà, Yên Bình, Yên Bái	Học viện Tài Chính Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội	Tài chính doanh nghiệp Tài chính – Ngân hàng		HBI01105		44	27	84	84	
2	NGUYỄN HỒNG	PHÁI	30/07/1984	Chuyên viên	Xã Dân Hạ huyện Kỳ Sơn tỉnh Hòa Bình	Trường Đại học Thái Nguyên	Luật	DTTS	HBI01075	5	48	MT	73.1	78.1	
3	NGUYỄN HƯƠNG	LY	17/01/1996	Chuyên viên	Xã Phúc Hòa, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HBI01049		42	26	78	78	
4	ĐINH THỊ	NHU	06/12/1988	Chuyên viên	xã Khánh Thượng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	Học viện Ngân hàng Học viện Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng	DTTS	HBI01071	5	35	MT	72	77	
5	HOÀNG PHƯƠNG	THẢO	02/01/1998	Chuyên viên	xã An Phú, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	HBI01101	5	48	MT	71.9	76 9	
6	NGUYỄN PHƯƠNG	QUỲNH	06/11/1995	Chuyên viên	xã Trung Thành, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Đại học Lâm Nghiệp	Kế toán		HBI01084		52	28	76.5	76.5	
7	BÙI THỊ	HƯƠNG	24/12/1992	Chuyên viên	Xóm Hổ 1, xã Yên Nghiệp, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp	DTTS	HBI00999	5	52	MT	70.4	75.4	
8	NGUYỄN THỊ	TƯƠI	05/08/1990	Chuyên viên	xóm Lộc Môn - xã Liên Sơn - huyện Lương Sơn - tỉnh Hòa Bình	Trường Đại học Lâm Nghiệp	Kế toán	DTTS	HBI01143	5	39	MT	69.7	74 7	
9	NGUYỄN NGỌC	LINH	12/10/1996	Chuyên viên	Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội	Đại học Luật Hà Nội	Luật		HBI01036		50	23	73	73	
10	BÙI THỊ	SƠN	08/01/1991	Chuyên viên	Xóm Côm, Xã Liên Vũ, Lạc Sơn, Hòa Bình	Học Viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	HBI01087	5	36	MT	67 5	72 5	
11	PHẠM THU	HUYỀN	29/10/1998	Chuyên viên	xã Yên Ninh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Đại học Quốc Gia Hà Nội	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán		HBI01013		34	MT	72 5	72.5	
12	NGÂN THỊ	HIỀN	06/07/1992	Chuyên viên	xã Mai Hịch, thị trấn Mai Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình	Trường Đại học Đại Nam	Ngân hàng thương mại	DTTS	HBI00978	5	36	MT	67.4	72.4	
13	BÙI TIẾN	THỊNH	31/12/1997	Chuyên viên	Xã Liên Sơn, Huyện Lương Sơn, Hòa Bình	Đại học Lao Động-Xã Hội	Kế Toán	DTTS	HBI01111	5	30	MT	66 5	71.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
14	TA THI HỒNG	THANH	05/02/1992	Chuyên viên	xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Đại học Phương Đông	Quản trị doanh nghiệp		HBI01098		37	21	71	71	
15	LƯỜNG TÓ	UYÊN	01/08/1991	Chuyên viên	Xóm Cùm, xã Vạn Mai, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình	Đại học Đại Nam	Kế toán	DTTS	HBI01149	5	33	MT	64	69	
16	BÚI QUỐC	TUYẾN	15/08/1998	Chuyên viên	xã Đồng Phong,huyện Nho Quan,tỉnh Ninh Bình	Học viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HBI01144		30	26	68.7	68 7	
17	PHAM THỊ THÚY	QUỲNH	29/10/1990	Chuyên viên	Xã Phú Lão, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	Trường Đại Học Lao Động Xã Hội	Kế toán		HBI01086		35	27	68 5	68 5	
18	NGUYỄN NGỌC	LINH	29/03/1992	Chuyên viên	Phường Ninh Khánh, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	Đại Học Phương Đông	Tài Chính - Ngân Hàng		HBI01035		35	21	66.4	66.4	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	TRẦN THỊ HỒNG	NHUNG	26/07/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Trung Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Lâm Nghiệp Học viện tài chính	Quản lý kinh tế Tài chính ngân hàng		HBI00583		48	24	82	82	
2	PHẠM VĂN	QUYẾT	09/09/1991	Kiểm tra viên thuế	Xóm Tân Thành, xã Yên Trị, Huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình	Học viên tài chính	Ngân hàng	DTTS	HBI00629	5	52	MT	74 5	79 5	
3	TRẦN THU	TRANG	20/12/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Trường Đại học Lâm Nghiệp	Kế Toán		HBI00825		52	30	78.6	78 6	
4	ĐÀO THỊ THÚY	NGÂN	07/05/1992	Kiểm tra viên thuế	Thôn Ninh Sơn ,Thị Trấn Chúc Sơn, Huyện Chương Mỹ ,Thành PhốHà Nội	Đại học Lâm Nghiệp	Kế toán		HBI00528		36	20	74.5	74.5	
5	NGUYỄN THỊ	HUÂN	14/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Cao Dương, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam	Kế Toán	DTTS	HBI00271	5	49	MT	69 4	74.4	
6	ĐOÀN THỊ QUỲNH	TRANG	22/09/1989	Kiểm tra viên thuế	xã An Đức, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	Trường Đại học Giao Thông Vận Tải Trường Đại học Hà Nội	Quản trị doanh nghiệp vận tải Ngôn ngữ Anh	ConTB	HBI00792	5	44	MT	69	74	
7	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	NHUNG	25/04/1984	Kiểm tra viên thuế	Xã Đại Tự, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	Trường Đại học Lâm Nghiệp Trường Cao đẳng nông nghiệp và PTNT Bắc Bộ	Kế toán Tin học		HBI00572		47	20	73 5	73.5	
8	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	30/08/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Học viện Tài chính	Kế toán công		HBI00154		43	20	71	71	
9	BÙI THỊ THU	HƯỜNG	19/08/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Vĩnh Tiến - huyện Kim Bôi - tỉnh Hòa Bình	Học viện Tài Chính	Kế toán công	DTTS	HBI00314	5	48	MT	65.5	70 5	
10	BÙI THI	LINH	20/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Thôn Hợp Thành, xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình	Đại học Lâm nghiệp	Kinh tế nông nghiệp	DTTS	HBI00394	5	40	MT	63.3	68 3	
11	VŨ KIM	THU	20/03/1989	Kiểm tra viên thuế	xã Hoàng Hanh, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Trường Đại học công nghệ Đông Á Trường Cao đẳng kinh tế - Kỹ thuật Thương mại	Kế toán Kế toán		HBI00736		35	25	65.9	65.9	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
12	CHU MINH	TIẾN	09/10/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hòa Bình	Học Viện Tài Chính	Kiểm toán		HBI00778		48	22	64.3	64.3	
13	PHẠM THỊ THANH	THẢO	14/10/1986	Kiểm tra viên thuế	xã Hợp Thanh, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Kế toán doanh nghiệp		HBI00697		33	17	64.3	64 3	
14	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	11/03/1987	Kiểm tra viên thuế	xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội	Đại học lâm nghiệp	kế toán		HBI00340		44	26	64.2	64.2	
15	PHẠM KHÁNH	LY	08/12/1993	Kiểm tra viên thuế	Chất Bình, Kim Sơn, Ninh Bình	Đại học Quốc gia Hà Nội	Luật kinh doanh		HBI00455		37	25	63.6	63 6	
16	TĂNG NHƯ	LONG	21/12/1994	Kiểm tra viên thuế	Tổ 4, Phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Học Viện Tài Chính	Kế Toán Doanh Nghiệp		HBI00444		45	30	61 5	61.5	
17	PHẠM KHÁNH	HUYỀN	25/01/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	Ngân hàng		HBI00341		50	23	60 7	60.7	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	NGUYỄN THI	CHIẾN	16/04/1988	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Hưng Yên	Công nghệ thông tin		HBI01162		39	24	68	68	
2	NGUYỄN QUANG	THÀNH	07/03/1989	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Xã Vầy Nưa, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình	Đại học Điện Lực	Công Nghệ Thông Tin		HBI01184		38	16	60	60	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
1	NGUYỄN THI	HIỀN	27/01/1985	Văn thư Trung cấp	xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh	Trường Trung cấp công nghệ và Quản trị Đông Đô	Văn thư - Lưu trữ		HBI01234		52	MT	71	71	

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH HƯNG YÊN

(Kèm theo Quyết định số 1949 /QĐ-BTC ngày 4 / 6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	LÊ THỊ MINH	THU	16/09/1997	Chuyên viên	Đồng Than, Yên Mỹ, Hưng Yên	Học viện Tài chính	Quản lý tài chính công		HYE05081		45	25	79.5	79.5	
2	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	21/12/1985	Chuyên viên	Hồng Lý, Vũ Thư, Thái Bình	Đại học sư phạm kỹ thuật Hưng Yên	Quản trị kinh doanh		HYE04640		30	22	78	78	
3	BÙI THỊ THÙY	DƯƠNG	02/11/1997	Chuyên viên	Quang Vinh, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán		HYE04437		47	21	65.5	65.5	
4	BÙI THỊ	HÀ	25/08/1985	Chuyên viên	Hưng Yên	Đại học Kinh tế - ĐH Quốc Gia Hà Nội	Kinh tế chính trị		HYE04468		47	19	62.8	62.8	
5	TRỊNH THỊ	THÚY	05/08/1982	Chuyên viên	Thôn Xuân Phao, xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HYE05104		37	17	56	56	
6	ĐỖ MINH	PHƯƠNG	04/05/1998	Chuyên viên	TP Hưng Yên	Đại học Lao động - Xã hội	Kế toán		HYE04937		37	18	53.4	53.4	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	LƯƠNG VIỆT	ĐỨC	12/12/1992	Kiểm tra viên thuế	Chuyên Ngoại - Duy Tiên - Hà Nam	Trường Đại Học Chu Văn An	Kế Toán	CondeNHDKCbiNCDHH	HYE00555	5	44	19	83.5	88.5	
2	PHẠM THỊ	HOA	11/07/1991	Kiểm tra viên thuế	Đại Nại - Ngô Quyền - Tiên Lữ - Hưng Yên	Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh	Kế toán tổng hợp		HYE01277		42	18	86.5	86.5	
3	NGUYỄN THỊ THU	THÙY	12/10/1985	Kiểm tra viên thuế	Thụy Lôi, Tiên Lữ, Hưng Yên	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HYE03641		33	18	84	84	
4	PHẠM THU	HẰNG	27/07/1989	Kiểm tra viên thuế	bình Minh, Khoái Châu, Hưng Yên	Học viện Ngân Hàng	Kinh doanh chứng khoán		HYE01023		47	28	82.6	82.6	
5	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	08/11/1992	Kiểm tra viên thuế	Số 229, Đường Tô Hiệu, Phường Hiến Nam, Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên	Trường Đại Học Thương Mại	Thương mại quốc tế		HYE02901		52	21	81.5	81.5	
6	NGUYỄN THỊ	THƠM	10/10/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Cửu Yên - xã Ngũ Thái - huyện Thuận Thành - tỉnh Bắc Ninh	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HYE03450		42	23	80	80	
7	NGUYỄN GIA	PHONG	09/02/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Hồng Nam – Thành phố Hưng Yên- Tỉnh Hưng Yên	Trường ĐH Tài Chính Chính phủ Liên bang Nga	Kinh tế học		HYE02827		47	MT	79.7	79.7	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
8	LÊ THỊ THU	HÀ	01/08/1990	Kiểm tra viên thuế	Hoằng Phú - Hoằng Hoá - Thanh Hoá	Học Viện Tài Chính	Thuế	ConTB	HYE00825	5	46	22	74.1	79.1	
9	NGUYỄN TUẤN NHẬT	VŨ	02/03/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Tam Đa, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	Trường Đại học Tài chính-Quản trị Kinh doanh	Kế toán doanh nghiệp		HYE04190		46	29	79	79	
10	ĐẶNG NHƯ	NGHIỆP	16/10/1992	Kiểm tra viên thuế	Phan Đình Phùng, Mỹ Hào, Hưng Yên	Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh	Ngân hàng		HYE02584		41	21	79	79	
11	HÀ THƯƠNG	THƯƠNG	29/11/1992	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Hòa - Ninh Giang - Hải Dương	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế Bảo hiểm		HYE03538		39	27	79	79	
12	ĐÀO THỊ THÙY	LINH	22/12/1994	Kiểm tra viên thuế	Nghĩa Trụ, Văn Giang, Hưng Yên	Đại học Tài chính - Ngân Hàng Hà Nội Học viện nông nghiệp Việt Nam	Tài chính - Ngân hàng Kế toán		HYE01970		44	16	78.8	78 8	
13	NGUYỄN HỒNG	NGA	25/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Nghĩa Hiệp, Yên Mỹ, Hưng Yên	Học viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HYE02496		54	25	78 5	78.5	
14	PHẠM THI	VÂN	28/07/1984	Kiểm tra viên thuế	X Quảng Châu-TP. Hưng Yên-Hưng Yên	Đại học Công đoàn	Quản trị tài chính kế toán		HYE04135		43	24	77	77	
15	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	22/09/1990	Kiểm tra viên thuế	Phú Thịnh - Kim Động - Hưng Yên	Đại Học Thương Mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HYE01617		51	27	75.5	75.5	
16	ĐINH THỊ KIM	CÚC	29/09/1992	Kiểm tra viên thuế	P. Cẩm Thượng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Đại học Công nghệ TPHCM	Kế toán tài chính		HYE00425		46	22	74 5	74 5	
17	TRẦN THỊ	HUYÊN	08/02/1990	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Khúc - Văn Giang - Hưng Yên	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	Kế toán doanh nghiệp		HYE01777		44	18	74.5	74.5	
18	ĐẶNG THỊ	NGÂN	23/06/1998	Kiểm tra viên thuế	Lương Trụ, Đức Thắng, Tiên Lữ, Hưng Yên	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HYE02534		47	22	74 1	74 1	
19	NGUYỄN THỊ	TUYÊN	08/10/1984	Kiểm tra viên thuế	Thôn Nhân Lý - xã Đông Ninh-huyện Khoái Châu- tỉnh Hưng Yên	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán tổng hợp		HYE04063		53	23	74	74	
20	ĐÀO NGỌC	BÍCH	29/03/1993	Kiểm tra viên thuế	Đội 7 thôn 4 xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, Hưng Yên	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kiểm toán		HYE00313		46	22	74	74	
21	NGUYỄN LINH	LAN	29/08/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Đình Cao, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	Học viện Tài chính	Tài chính Doanh nghiệp		HYE01880		51	20	73	73	
22	NGUYỄN THI	PHƯỢNG	02/02/1988	Kiểm tra viên thuế	Minh Tân - Thủy Nguyên - Hải Phòng	Đại Học Chu Văn An	Kế Toán doanh nghiệp		HYE02962		33	28	72 5	72.5	
23	ĐỖ THỊ LAN	ANH	27/12/1992	Kiểm tra viên thuế	Thôn Nghĩa Trai, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Kế toán		HYE00050		39	26	72.4	72.4	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
24	NGÔ THỊ THU	THẢO	04/10/1996	Kiểm tra viên thuế	số nhà 95 đường Bãi Sậy, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Học viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HYE03326		30	21	72.4	72.4	
25	VŨ THỊ HỒNG	NHUNG	28/09/1988	Kiểm tra viên thuế	Xã Đoàn Đào, Huyện Phù Cừ, Tỉnh Hưng Yên	Trường Đại học Thương Mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HYE02783		36	27	72	72	
26	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	14/12/1995	Kiểm tra viên thuế	Thôn Nhật Tảo, xã Lương Tài, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Đại học sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	Kế toán doanh nghiệp		HYE03841		53	26	71 5	71.5	
27	PHẠM KHÁNH	LINH	09/09/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn Tượng Cước, xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	Trường ĐHTC Quản trị kinh doanh	Kế toán		HYE02105		40	21	70.9	70.9	
28	LÊ THỊ TÓ	UYÊN	16/12/1992	Kiểm tra viên thuế	Đội 4, Thôn Thiết Trụ, Xã Bình Minh, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên	Học viện Tài chính	Tài chính Doanh nghiệp		HYE04090		48	21	70.8	70 8	
29	LÊ THI	CHÚC	26/12/1995	Kiểm tra viên thuế	Lỗ Xá Nhân Hòa Mỹ Hào Hưng Yên	Đại Học Thương Mại	Quan trị kinh doanh tổng hợp		HYE00409		47	21	70 5	70.5	
30	TRẦN THỊ NGỌC	TÙNG	24/01/1985	Kiểm tra viên thuế	Xã Bãi Sậy – huyện Ân Thi – tỉnh Hưng Yên	Học viện Tài Chính	Thuế		HYE04050		46	16	70.5	70 5	
31	VŨ TUẤN	DƯƠNG	08/12/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Hải Ninh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Đại học Đại Nam	Kế toán		HYE00687		38	28	69.9	69.9	
32	ĐOÀN THỊ THU	HƯỜNG	06/02/1988	Kiểm tra viên thuế	Xã Hải Triều, Huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán tổng hợp		HYE01606		41	18	69 5	69 5	
33	TRẦN NGỌC	TÚ	11/08/1998	Kiểm tra viên thuế	Tân quang, Văn Lâm , Hưng Yên	Đại học tài chính-quản trị kinh doanh	Tài chính doanh nghiệp		HYE03983		38	26	69.5	69 5	
34	HOÀNG VÕ BÌNH	MINH	25/08/1994	Kiểm tra viên thuế	Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội	Trường Đại Học Tài Chính Quản Trị Kinh Doanh	Tài Chính Doanh Nghiệp		HYE02379		46	18	69.2	69.2	
35	LÂM THỊ HỒNG	NHUNG	29/03/1993	Kiểm tra viên thuế	14 Điện Biên, phường Lê Lợi, TP Hưng Yên	Trường Đại học Công đoàn	Kế toán		HYE02739		39	23	69 2	69.2	
36	TRẦN THỊ	THÚY	06/12/1986	Kiểm tra viên thuế	Xã Trần Phú - Huyện Chương Mỹ - TP Hà Nội	Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội	Kế toán, kiểm toán và phân tích		HYE03601		41	27	68.9	68.9	
37	TRẦN THỊ	NGÂN	09/03/1991	Kiểm tra viên thuế	Tân Trào, Thanh Miện, Hải Dương	Đại học Kinh Tế & Quản Trị Kinh Doanh Thái Nguyên	Kế Toán Doanh Nghiệp công nghiệp		HYE02570		38	24	68.5	68 5	
38	NGUYỄN THU	HẰNG	05/10/1998	Kiểm tra viên thuế	Hưng Yên	Khoa Luật - Đại học quốc gia Hà Nội	Luật học		HYE01009		45	20	68 1	68.1	
39	LÃ THỊ HÀ	CHÂU	07/11/1991	Kiểm tra viên thuế	xã Quảng Châu, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Học viện Ngân hàng Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán doanh nghiệp Kinh doanh và quản lý		HYE00360		44	19	68	68	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
40	ĐOÀN THỊ VÂN	HUYỀN	22/08/1988	Kiểm tra viên thuế	Hải Yến, Hải Triều, Tiền Lữ, Hưng Yên	Học viện Tài Chính	Tài chính - Ngân hàng		HYE01680		50	24	67 7	67.7	
41	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	15/11/1990	Kiểm tra viên thuế	Tiến Thắng, Lý Nhân, Hà Nam	Học Viện Ngân Hàng	Thanh toán quốc tế	ConBB	HYE01727	5	58	24	62.5	67.5	
42	NGUYỄN ĐÌNH	GIANG	14/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Ngô Phản - Bình Định - Lương Tài - Bắc Ninh	Trường Đại học kinh tế quốc dân	Quản lý thuế		HYE00745		50	24	67 5	67 5	
43	PHẠM THỊ	TRANG	17/08/1992	Kiểm tra viên thuế	Đoàn Đào - Phù Cừ - Hưng Yên	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HYE03863		36	16	67 4	67.4	
44	ĐỖ HỒNG	NHUNG	10/01/1994	Kiểm tra viên thuế	Xóm 12- thôn Đông Kết- xã Đông Kết - huyện Khoái Châu - tỉnh Hưng Yên	Học Viện Tài Chính	Thuế		HYE02726		40	19	66.8	66 8	
45	ĐẶNG THU	TRANG	04/11/1984	Kiểm tra viên thuế	Thôn Kim Tháp, X. Đồng Tiến, H. Khoái Châu, T Hưng Yên	Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh	Kế toán doanh nghiệp	ConTB	HYE03735	5	38	25	61 1	66.1	
46	TRẦN QUỲNH	CHI	25/12/1995	Kiểm tra viên thuế	Chính Nghĩa, Kim Động, Hưng Yên	ĐH Kinh Tế Quốc Dân	Ngân Hàng		HYE00388		48	24	65.8	65.8	
47	HÀ PHƯƠNG	THẢO	06/01/1996	Kiểm tra viên thuế	Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HYE03300		44	27	65.5	65.5	
48	ĐINH HỮU	ĐẠT	22/08/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn Nhật lệ, xã Nhật Quang, huyện Phù cừ, tỉnh Hưng Yên	Học viện Ngân Hàng	Ngân hàng thương mại		HYE00478		42	29	65 5	65 5	
49	ĐẶNG THỊ	VÂN	14/01/1997	Kiểm tra viên thuế	Toàn Thắng, Kim Động, Hưng Yên	Trường đại học Lao động - Xã hội	Quản trị kinh doanh		HYE04103		45	19	65.3	65.3	
50	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGOAN	06/01/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Đại hưng, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên	Đại học Thương Mại	Tài Chính - Ngân Hàng Thương Mại		HYE02586		44	24	65	65	
51	ĐÀO NGỌC	HUYỀN	22/07/1998	Kiểm tra viên thuế	thôn Cốc Khê,xã Phạm Ngũ Lão,huyện Kim Động,tỉnh Hưng Yên	Học Viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HYE01669		55	26	64.9	64 9	
52	LÊ HOÀNG	HẢI	18/05/1995	Kiểm tra viên thuế	Nghĩa Trụ, Văn Giang, Hưng Yên	Đại Học Chu Văn An	Luật Kinh Tế, Hành Chính		HYE00921		43	28	64.5	64 5	
53	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	21/12/1995	Kiểm tra viên thuế	TT Yên Mỹ, Yên Mỹ, Hưng Yên	Học Viện Tài Chính	Tài chính quốc tế		HYE00153		41	21	64.5	64.5	
54	TẠ THỊ VINH	TRANG	17/12/1987	Kiểm tra viên thuế	Hòa Bình	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính ngân hàng		HYE03890		34	15	63.5	63.5	
55	NGUYỄN THỊ	DUNG	27/02/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Lương Tài, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Học viện Tài Chính	Ngân hàng		HYE00590		43	16	62.9	62 9	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
56	LÊ THỊ	THANH	26/08/1987	Kiểm tra viên thuế	Thụy Lôi - Tiên Lữ - Hưng Yên	Học viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HYE03231		39	21	62.4	62 4	
57	LÊ QUÝ	ĐỨC	19/06/1998	Kiểm tra viên thuế	Quang Trung, TP Hưng Yên, Hưng Yên	Học viện Tài Chính	Quản trị Doanh nghiệp		HYE00554		39	22	62.3	62.3	
58	PHÙNG THỊ	THÚY	05/10/1989	Kiểm tra viên thuế	Vân Du- Ân Thi- Hưng Yên	Đại học Thương Mại	Kế toán		HYE03597		36	26	61.5	61.5	
59	ĐINH THỊ	HẰNG	18/08/1989	Kiểm tra viên thuế	Hoằng Đạt, Hoằng Hóa, Thanh Hóa	Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	kế toán		HYE00964		44	26	61.3	61.3	
60	ĐINH THỊ THU	HIỀN	06/11/1997	Kiểm tra viên thuế	Đội 4, Phố An Bình, Phường An Tảo, Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Kế toán		HYE01129		39	28	60.9	60 9	
61	PHAN THỊ DIỆU	HƯƠNG	12/05/1997	Kiểm tra viên thuế	Phan Sào Nam, Phù Cừ, Hưng Yên	Học Viện Tài Chính	Tài chính Quốc tế		HYE01579		49	26	60 7	60.7	
62	ĐOÀN THỊ	NGA	25/03/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Nghĩa Trụ - Huyện Văn Giang – Tỉnh Hưng Yên	Trường Đại học Công đoàn	Kế toán		HYE02485		47	20	60 6	60.6	
63	NGUYỄN THỊ KIM	DUNG	16/02/1993	Kiểm tra viên thuế	Đội 15 thôn 06 xã Quảng Châu Thành phố Hưng Yên tỉnh Hưng Yên	Học viện Ngân Hàng	Ngân hàng Thương Mại		HYE00594		31	20	60.5	60.5	
64	CAO THỊ	HÒA	21/02/1991	Kiểm tra viên thuế	Minh Khai, TP Hưng Yên, Hưng Yên	Trường Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính		HYE01296		33	18	60.4	60.4	
65	TRẦN THỊ	THI	19/01/1995	Kiểm tra viên thuế	Thôn Văn Nhuệ, xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	Đại Học Tài Chính Quan Trị Kinh Doanh	Kiểm Toán		HYE03411		40	23	60 2	60 2	
66	LÊ VĂN	HƯNG	06/10/1989	Kiểm tra viên thuế	Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		HYE01484		54	28	59.5	59.5	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH LAI CHÂU

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	NGUYỄN MINH	HOÀNG	22/04/1997	Chuyên viên	Hải Châu, Hải Hậu, Nam Định	Trường Đại học Mở Hà Nội	Luật kinh tế		LCH00990		50	MT	80 7	80 7	
2	PHẠM HỮU	CHIẾN	23/06/1998	Chuyên viên	Bình Minh, Khoái Châu, Hưng Yên	Học viện Tài Chính	Thuế		LCH00947		50	26	78	78	
3	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	16/10/1994	Chuyên viên	Đô Lương - Đông Hưng - Thái Bình	Trường Đại học Tây Bắc	Kế toán		LCH01012		49	MT	77.6	77.6	
4	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	18/05/1992	Chuyên viên	xã Tiến Thắng, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Đại học tài chính ngân hàng Hà Nội	Tài chính ngân hàng		LCH01109		42	26	74 5	74.5	
5	LÊ THỊ MINH	NGUYỆT	16/12/1991	Chuyên viên	PHƯỜNG TRƯỜNG THI, TP THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	QUẢN TRỊ KINH DOANH QUẢN TRỊ KINH DOANH		LCH01067		45	22	70.8	70.8	
6	HOÀNG GIA	THĂNG	04/09/1996	Chuyên viên	Xã Tân Lập, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên	Trường Đại học Tài chính Ngân hàng Hà Nội Trường Đại học Tài chính Ngân hàng Hà Nội	Tài Chính - Ngân Hàng Tài chính - Ngân Hàng		LCH01093		50	MT	70.5	70.5	
7	NGUYỄN THỊ THU	HỒNG	29/07/1991	Chuyên viên	Đông Phong, Tiền Hải, Thái Bình	Học viện Tài Chính	Ngân hàng		LCH00994		37	25	69	69	
8	NGUYỄN THỊ	HIỀN	18/08/1993	Chuyên viên	Tây Giang, Tiền Hải, Thái Bình	Đại học FPT	Marketing		LCH00975		41	MT	67	67	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	LÝ SƠN	NGUYỆT	17/04/1990	Kiểm tra viên thuế	Mường So- Phong Thổ- Lai Châu	Học viện Tài chính	Ngân hàng	DTTS	LCH00557	5	44	MT	86.5	91 5	
2	VŨ THỊ	PHƯỢNG	04/06/1994	Kiểm tra viên thuế	Thái Thành, Thái Thụy, Thái Bình	Học viện Tài Chính	Bảo hiểm		LCH00617		39	27	83	83	
3	TRẦN THỊ THANH	LAN	27/01/1993	Kiểm tra viên thuế	Phú Sơn, Hưng Hà, Thái Bình	Đại Học Thành Đông	Kế toán		LCH00376		48	23	80.5	80 5	
4	NGUYỄN MẠNH	HÀ	28/02/1988	Kiểm tra viên thuế	Minh Bảo - Yên Bái - Yên Bái	Đại học Công nghiệp Việt - Hung Trường Đại học Tài chính Ngân hàng Hà Nội	Tài chính ngân hàng Tài chính ngân hàng		LCH00178		49	MT	80	80	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
5	BUI THI HỒNG	THÂM	21/05/1990	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	Trường Đại học Công nghệ Đông Á	Kế toán		LCH00664		34	MT	80	80	
6	ĐỖ THI	THÚY	01/12/1986	Kiểm tra viên thuế	Vũ Hòa, Kiến Xương, Thái Bình	Trường Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		LCH00766		42	MT	79 5	79 5	
7	NGUYỄN ANH	THƯ	12/02/1997	Kiểm tra viên thuế	Thạch Hà Hà Tĩnh	Trường đại học FPT	Tài chính doanh nghiệp		LCH00741		50	MT	79	79	
8	TRẦN THỊ	HÀ	12/08/1983	Kiểm tra viên thuế	Nghĩa Lạc, Nghĩa Hưng, Nam Định	ĐH Thành Đông	kế toán		LCH00186		52	MT	78	78	
9	VŨ NGỌC	QUỲNH	13/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Vũ Tây - Thành Phố Thái Bình	Đại Học Tài Chính - Quản Trị Kinh Doanh	Ngân Hàng		LCH00638		35	25	76 5	76.5	
10	ĐỖ HOÀI	THU	28/07/1998	Kiểm tra viên thuế	Hợp Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế		LCH00725		55	28	75	75	
11	TRẦN THỊ NGỌC	ANH	23/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Phong Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Kế Toán		LCH00027		36	MT	75	75	
12	TRẦN ĐỖ	MINH	03/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã An Ninh - Huyện Bình Lục - Tỉnh Hà Nam	Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội Trường Đại học Tài chính Ngân hàng Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - Ngân Hàng		LCH00495		39	MT	74 4	74.4	
13	NGUYỄN THU	NGOAN	05/08/1990	Kiểm tra viên thuế	Đội 6 thôn Kiều Trai xã Minh Tân - Hưng Hà - Thái Bình	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		LCH00536		42	19	70.6	70 6	
14	LA THỊ PHƯƠNG	THÚY	26/11/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Mường Khoa, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu	Học viện Nông nghiệp Việt Nam Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Quản lý kinh tế Kinh tế	DTTS	LCH00755	5	51	MT	65 5	70.5	
15	PHAN THI	MAI	25/08/1993	Kiểm tra viên thuế	Chăn Nưa, Sìn Hồ, Lai Châu	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán	DTTS	LCH00477	5	40	MT	57.4	62.4	
16	TRẦN LINH	THU	30/12/1992	Kiểm tra viên thuế	Thái Tân, Nam Sách, Hải Dương	Trường ĐH kinh tế và QTKD - ĐH Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp		LCH00733		49	MT	60 2	60.2	
17	ĐOÀN THỊ MINH	HUYỀN	06/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Phi Mô - Lạng Giang - Bắc Giang	Đại học Lâm nghiệp	Quản Trị Kinh Doanh		LCH00334		46	23	58 8	58.8	
18	PHAN THI	NHUNG	12/07/1983	Kiểm tra viên thuế	Xã Thanh Cường, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương	Đại học Giao thông vận tải	Kinh tế xây dựng		LCH00582		33	MT	58	58	
19	TRẦN TRỌNG	HOÀNG	20/04/1995	Kiểm tra viên thuế	Phú Phúc, Lý Nhân, Hà Nam	Trường đại học tài nguyên và môi trường Hà Nội	Kế Toán Doanh Nghiệp		LCH00264		34	22	57.8	57.8	
III. Văn thư															

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	NGUYỄN THỊ	BẮC	08/07/1991	Văn thư	xã Yên Trị - huyện Ý Yên - tỉnh Nam Định	Trường Đại Học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn	Lưu Trữ Học		LCH01192		50	MT	86	86	
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1097 /QĐ-BTC ngày 4 / 6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(so vắn)*	Ngoại ngữ *(số vắn)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	TÔ	HIẾU	03/09/1996	Chuyên viên	Huyện Đình Lập, Tỉnh Lang Sơn	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	TÀI CHÍNH	DTTS	LSO00983	5	41	MT	74.6	79.6	
2	BÙI ĐỨC	ANH	11/10/1995	Chuyên viên	Lạng Sơn	Học Viện Ngân Hàng	Tài chính doanh nghiệp		LSO00926		47	28	78.9	78 9	
3	KIỀU HỒNG	SƠN	11/09/1996	Chuyên viên	Phúc Tiến - Phú Xuyên - Hà Nội	Khoa Luật - Đại học quốc gia Hà Nội	Luật học		LSO01088		46	25	76	76	
4	TRẦN THỊ THẢO	MY	17/11/1996	Chuyên viên	Thị trấn Na Dương , huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Học Viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	LSO01058	5	44	MT	70.8	75.8	
5	LÊ CÔNG	NAM	04/02/1991	Chuyên viên	Đội 4, thôn An Xá, xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	Trường đại học Kinh tế quốc dân	Quản lý kinh tế		LSO01060		48	MT	75.7	75.7	
6	LÊ HẢI	YẾN	17/03/1997	Chuyên viên	Khu Ga Bắc, thị trấn Đồng Mô, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh doanh bất động sản	DTTS	LSO01158	5	36	MT	70	75	
7	ĐÀO KIM	THOẠI	06/11/1994	Chuyên viên	Lộc Bình, Lạng Sơn	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại	DTTS	LSO01114	5	40	MT	69.9	74 9	
8	ĐƯỜNG THỊ MỸ	HẠNH	10/02/1998	Chuyên viên	thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế	DTTS	LSO00969	5	46	MT	68.1	73.1	
9	PHẠM HUY	HOÀNG	29/12/1998	Chuyên viên	Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế phát triển	DTTS	LSO00991	5	39	MT	68	73	
10	HOÀNG THỊ KIM	THU	16/08/1993	Chuyên viên	CAO BẰNG	Học viện Chính sách và Phát triển Đại học Kinh tế Quốc Dân	Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh	DTTS	LSO01115	5	39	MT	68	73	
11	TRƯƠNG THỊ	LANH	17/09/1985	Chuyên viên	Xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		LSO01023		41	MT	72 5	72.5	
12	LƯƠNG THỊ	HÒA	16/12/1987	Chuyên viên	Yên Trạch, Cao Lộc, Lạng Sơn	ĐH Kinh tế và QTKD - ĐHTN	Luật kinh doanh	DTTS	LSO00987	5	38	MT	67	72	
13	HOÀNG THỊ	THUẦN	29/01/1998	Chuyên viên	Thôn Rọ Phải, xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	Quản trị kinh doanh	DTTS	LSO01116	5	47	MT	65.7	70.7	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
14	DƯƠNG HẠNH	THẢO	24/12/1998	Chuyên viên	Xã Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh	Kế toán Doanh nghiệp	DTTS	LSO01100	5	35	MT	65	70	
15	NGUYỄN THỊ THU	QUYÊN	07/01/1984	Chuyên viên	Tràng Định – Lạng Sơn	Học viện Ngân hàng	Tài chính Ngân hàng		LSO01080		44	21	69 8	69.8	
16	VŨ BÍCH	HẠNH	18/10/1997	Chuyên viên	Nam Định	Trường đại học Swinburne tại Úc	Tài chính		LSO00972		31	MT	68 8	68 8	
17	HOÀNG THÚY	VY	25/04/1998	Chuyên viên	Xã Trấn Ninh, Huyện Văn Quan, Tỉnh Lạng Sơn	Học viện Tài Chính	Thuế	DTTS	LSO01156	5	35	MT	63 3	68.3	
18	HOÀNG THỊ THU	HOÀI	05/12/1995	Chuyên viên	Xã Quan Bản, Huyện Lộc Bình, Lạng Sơn	Học Viện Tài Chính	Hải Quan	DTTS	LSO00988	5	41	MT	61.6	66 6	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	NGUYỄN THỊ	NHUNG	04/10/1991	Kiểm tra viên thuế	thôn Còn Làng - Còn Vèn, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán	DTTS	LSO00578	5	30	MT	89.5	94 5	
2	LƯƠNG THỊ	THẢO	24/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Thôn Co măn,Xã Mai Pha, Thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Trường Đại học Ngoại Thương	Thương mại quốc tế	DTTS	LSO00692	5	32	MT	85 5	90 5	
3	ĐINH KIỀU	ANH	11/02/1997	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Thất Khê, Huyện Tràng Định, Lạng Sơn	Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế	DTTS	LSO00009	5	39	MT	79.4	84.4	
4	GIANG THỊ MINH	THƯ	29/11/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã Trường Yên, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình	Đại học Thương Mại	Marketing thương mại		LSO00737		54	28	82 5	82.5	
5	DƯƠNG THỊ MINH	NGUYỆT	02/08/1994	Kiểm tra viên thuế	Lạng Sơn	Đại học Lâm Nghiệp	kế toan	DTTS	LSO00555	5	43	MT	77 5	82.5	
6	TRẦN NGỌC	ANH	28/01/1996	Kiểm tra viên thuế	X ĐỒNG TÂN, H.HỮU LŨNG, T.LẠNG SƠN	ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	DTTS	LSO00026	5	38	MT	77 3	82.3	
7	LÀNH THỊ MINH	NGUYỆT	26/03/1997	Kiểm tra viên thuế	xã Lộc Yên, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Đại học Luật Hà Nội	Luật	DTTS	LSO00556	5	30	MT	75.8	80 8	
8	NGUYỄN ĐÌNH	QUÂN	20/09/1987	Kiểm tra viên thuế	xóm Đồng, thôn Chân Lạc, xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Đại học kinh tế quốc dân Đại học kinh tế quốc dân	Quản lý kinh tế Tài chính - Ngân hàng		LSO00619		37	MT	80.5	80 5	
9	LÂM HUYỀN	PHƯƠNG	13/01/1989	Kiểm tra viên thuế	Lộc Bình - Lạng Sơn	Học Viện Ngân Hàng	Thanh toán quốc tế	DTTS	LSO00601	5	46	MT	74 9	79 9	
10	CHU THỊ	NƯƠNG	09/09/1993	Kiểm tra viên thuế	Số 565, Phố Tân Thanh 2, Thị Trấn Văn Quan, Huyện Văn Quan, Tỉnh Lạng Sơn	Học viện Tài chính	Kế toán Doanh nghiệp	DTTS	LSO00585	5	39	MT	74 5	79 5	
11	ĐINH CÔNG	THẮNG	01/10/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, Thành Phố Hà Nội	Học viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	LSO00670	5	38	MT	74 5	79 5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(trả cầu)*	Ngoại ngữ *(trả cầu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
12	NGUYỄN MINH	HUYỀN	12/09/1993	Kiểm tra viên thuế	xã Minh Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Học viện Tài Chính Học viện Tài Chính	Kế toán Kế toán	DTTS	LSO00337	5	44	MT	73.4	78.4	
13	HOÀNG LÊ	GIANG	18/12/1991	Kiểm tra viên thuế	Nam Quan, Lộc Bình, Lạng Sơn	Học viện Tài chính	Kế toán	DTTS	LSO00151	5	32	MT	73.4	78.4	
14	LỘC CHÍ	LỢI	27/04/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Hữu Khánh, Huyện Lộc Bình, Tỉnh Lạng Sơn	Đại học Queen Mary London	Tài chính và Đầu tư	DTTS	LSO00434	5	57	MT	73	78	
15	THÂN HUYỀN	TRINH	16/10/1988	Kiểm tra viên thuế	VIỆT YÊN, BẮC GIANG	ĐẠI HỌC ĐẠI NAM	KẾ TOÁN		LSO00833		38	19	78	78	
16	HOÀNG PHƯƠNG	MỸ	30/09/1994	Kiểm tra viên thuế	Tân Yên - Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh Thái Nguyên	Quản lý kinh tế	DTTS	LSO00505	5	44	MT	72.6	77.6	
17	ĐÀM VĂN	NGHIÊM	27/07/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn Đoàn Kết, xã An Sơn, huyện Văn Quan tỉnh Lạng Sơn	Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh	Luật kinh doanh	DTTS	LSO00534	5	43	MT	71.5	76.5	
18	ĐINH THỊ TỨ	PHƯỢNG	27/01/1998	Kiểm tra viên thuế	Thôn Nà Pinh, xã Tân Liên, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Học viện Tài Chính	Ngân Hàng	DTTS	LSO00607	5	45	MT	71	76	
19	TRIỆU QUANG	THỊNH	27/11/1987	Kiểm tra viên thuế	Thôn Trung, xã Yên Phúc, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Ngân hàng	DTTS	LSO00714	5	39	MT	70.3	75.3	
20	LÊ THỊ	NHÀN	03/01/1996	Kiểm tra viên thuế	Làng Đăm, Vạn Linh, Chi Lăng, Lạng Sơn	Học Viện Tài Chính	Thuế	DTTS	LSO00562	5	47	MT	69.5	74.5	
21	NÔNG TIÊU	NGỌC	25/03/1991	Kiểm tra viên thuế	Huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp	DTTS	LSO00548	5	43	MT	69.5	74.5	
22	BẾ THỊ	HUỆ	05/10/1998	Kiểm tra viên thuế	Thôn Bản Phạc, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	Học viện Ngân hàng	Tài chính	DTTS	LSO00276	5	56	MT	69.3	74.3	
23	NÔNG MINH	NGUYỆT	28/03/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã quang Trung,Huyện Bình Gia,Tỉnh Lạng Sơn	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	THUẾ	DTTS	LSO00558	5	40	MT	68.6	73.6	
24	LÊ NGUYỆT	HẰNG	28/02/1996	Kiểm tra viên thuế	Lạng Sơn	Đại học Kinh tế quốc dân	Bảo hiểm	DTTS	LSO00200	5	46	MT	68.3	73.3	
25	TRẦN HOÀI	LINH	25/10/1996	Kiểm tra viên thuế	thị trấn đình lập-đình lập- lạng sơn	Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh thái nguyên	luật kinh doanh	DTTS	LSO00423	5	32	MT	68.3	73.3	
26	HOÀNG THỊ KIM	OANH	09/12/1998	Kiểm tra viên thuế	Thôn Nà Mu, xã Hữu Khánh, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Đại học Luật Hà Nội	Luật	DTTS	LSO00590	5	41	MT	68.1	73.1	
27	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	23/03/1987	Kiểm tra viên thuế	xã Yên Phương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Trường Đại học Thương mại	Quản trị doanh nghiệp thương mại		LSO00413		42	MT	73	73	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
28	PHÙNG NGỌC	YẾN	27/12/1994	Kiểm tra viên thuế	Lạng Sơn	Trường Đại Học Trà Vinh	Luật	DTTS	LSO00922	5	36	MT	68	73	
29	BÙI THỊ	LINH	30/11/1993	Kiểm tra viên thuế	Cự Trữ, Nam Ninh, Nam Định	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế và quản lý Địa chính		LSO00393		33	23	72.5	72 5	
30	LÀNH THỊ HẢI	CHUNG	09/01/1988	Kiểm tra viên thuế	Lạng Sơn	Đại học Thuỷ Lợi	Quản lý kinh tế	DTTS	LSO00069	5	30	MT	67 4	72.4	
31	LỘC THỊ	LAN	23/02/1989	Kiểm tra viên thuế	Lạng Sơn	ĐH Kinh Doanh Và Công Nghệ Hà Nội	Tài chính - ngân hàng	DTTS	LSO00373	5	41	MT	67	72	
32	NGÔ THỊ	NGÂM	04/09/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn Nà Lù, Xã Thiện Long, Huyện Bình Gia, Tỉnh Lạng sơn	Học Viện Tài Chính	Kiểm Toán	DTTS	LSO00519	5	36	MT	67	72	
33	TRẦN HOÀNG	YẾN	08/10/1995	Kiểm tra viên thuế	huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	Đại học Luật Hà Nội	Luật	DTTS	LSO00923	5	38	MT	66 7	71.7	
34	VI THỊ	THƯƠNG	05/11/1992	Kiểm tra viên thuế	Thôn. Khòn Ngoà-Xã Tân Đoàn-Huyện Văn Quan-Tỉnh Lạng Sơn	Học Viện Tài Chính	Kế Toán Doanh Nghiệp	DTTS	LSO00752	5	47	MT	66.4	71.4	
35	NÔNG THỊ VÂN	ANH	14/04/1993	Kiểm tra viên thuế	xã Thanh Nhật, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	Đại học Luật Hà Nội	Luật	DTTS	LSO00022	5	39	MT	66 2	71.2	
36	TRỊNH THỊ NGỌC	ANH	14/09/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Hòa Thắng, Huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		LSO00028		45	23	70.5	70.5	
37	PHẠM THỊ NGỌC	VÂN	30/12/1995	Kiểm tra viên thuế	Huyện Chi Lăng, Tỉnh Lạng Sơn	Đại học Kinh tế quốc dân	Kiểm toán	DTTS	LSO00893	5	39	MT	65 5	70.5	
38	NGUYỄN THỊ	TÂM	21/05/1987	Kiểm tra viên thuế	xóm Chợ-thôn Hạ Lôi-xã Mê Linh-huyện Mê Linh-TP Hà Nội	Đại học Nông Nghiệp Hà Nội	Kế toán doanh nghiệp		LSO00653		33	MT	70.5	70 5	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	DƯƠNG MẠNH	HƯNG	07/09/1980	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Bắc sơn, Bắc Sơn, Lạng Sơn	Đại Học CNTT và Truyền Thông Thái Nguyên	Công Nghệ Thông Tin	DTTS	LSO01173	5	41	MT	76	81	
2	HOÀNG	HẠNH	18/06/1995	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Xã Xuất Lễ, Huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Đại học Kinh tế Quốc dân	Hệ thống thông tin quản lý	DTTS	LSO01169	5	30	MT	69	74	
3	NGUYỄN VĂN	NAM	24/10/1990	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Việt Yên, Bắc Giang	Đại học FPT	Hệ thống thông tin		LSO01176		35	24	70	70	
4	NGUYỄN THỊ THANH	HOÀ	14/06/1989	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Lạng sơn	Học viện công nghệ bưu chính viễn thông	Điện tử viễn thông	DTTS	LSO01172	5	48	MT	62	67	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
5	HOÀNG MINH	TÚ	14/12/1983	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Xã Hoàng Đồng-TP Lạng Sơn Tỉnh Lạng Sơn	ĐH Công nghệ thông tin và truyền thông Thái Nguyên	Công nghệ Thông Tin	DTTS	LSO01187	5	41	MT	61	66	
6	DƯƠNG THỊ	ĐIỂM	24/08/1984	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Thôn Nà Riềng, xã Bắc Quỳnh, Bắc Sơn, Lạng Sơn	Trường Đại học công nghệ thông tin và truyền thông Viện Đại học Mở Hà Nội	Công nghệ thông tin Luật Kinh tế	DTTS	LSO01165	5	32	MT	60	65	
7	CAO THẾ	TOÀN	09/09/1991	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Lạng Sơn	Đại Học Kinh Doanh Và Công Nghệ Hà Nội	Công Nghệ Thông Tin	DTTS	LSO01186	5	47	MT	58	63	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
1	VY THỊ	VÂN ANH	05/02/1992	Văn thư Trung cấp	xã An Sơn, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	Học viện Hành chính Quốc gia	Quản lý nhà nước	DTTS	LSO01247	5	49	MT	68	73	
2	HÀ THỊ	THOA	10/02/1986	Văn thư Trung cấp	Điền Lư , Bá Thước, Thanh Hóa	Trường Cao đẳng Văn thư Lưu trữ TWI Hà Nội Học viện Hành chính Quốc gia	Văn Thư - Lưu Trữ Quản lý Nhà nước	DTTS	LSO01242	5	43	MT	62	67	
3	BẾ THỊ	THÙY	04/01/1980	Văn thư Trung cấp	Tà Lạn, Sàn Viên, Lộc Bình, Lạng Sơn	Trường Trung học lưu và nghiệp vụ văn phòng I Học viện tài chính	Văn thư - lưu trữ Tài chính ngân hàng	DTTS	LSO01243	5	44	MT	55	60	

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH LÀO CAI

(Kèm theo Quyết định số 1095 /QĐ-BTC ngày 14/6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	PHAN PHƯƠNG	THẢO	29/10/1998	Chuyên viên	Thanh Liên - Thanh Chương - Nghệ An	Khoa Luật - Đại học quốc gia Hà Nội	Luật kinh doanh		LCA01107		36	24	84.5	84.5	
2	TRẦN QUANG	TUẤN	07/05/1998	Chuyên viên	Vũ Xá, Kim Động, Hưng Yên	Đại học tài chính và quản trị kinh doanh	Ngân hàng	DTTS	LCA01139	5	39	MT	75 3	80 3	
3	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	10/01/1996	Chuyên viên	Phường Thủy Lương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Tài chính Quản trị kinh doanh	Kế toán doanh nghiệp		LCA00980		46	27	71 1	71.1	
4	NGUYỄN QUANG	THANH	13/03/1991	Chuyên viên	huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội	Trường Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Quản lý kinh tế và chính sách		LCA01097		34	24	70.1	70.1	
5	PHẠM HỒNG	QUÂN	19/06/1996	Chuyên viên	Xã Minh Khai - huyện Hưng Hà - tỉnh Thái Bình	Học Viện Tài Chính	Hải quan		LCA01079		40	20	69.3	69.3	
6	VŨ THẢO	MY	02/02/1997	Chuyên viên	Xã Đại Thắng- huyện Vụ Bản- tỉnh Nam Định	Đại học Thương Mại	Tài chính- Ngân hàng thương mại		LCA01059		43	25	66.2	66 2	
7	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	03/08/1994	Chuyên viên	Xã Việt Hồng, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Học viện tài chính	Hải quan		LCA01004		36	23	66 2	66 2	
8	BÙI THỊ MAI	LINH	23/04/1995	Chuyên viên	Quảng Lưu, Quảng Xương, Thanh Hóa	Đại học Thương Mại	Luật Thương mại		LCA01031		46	22	60 7	60.7	
9	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	14/02/1994	Chuyên viên	Xã Tiên Lữ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc	Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		LCA01128		51	28	58.5	58.5	
10	PHÍ THỊ BÍCH	THỦY	01/01/1989	Chuyên viên	Thôn Phúc Linh, Xã Lâm Giang, Huyện Văn Yên, Tỉnh Yên Bái	Trường Đại Học Thành Đô	Kế toán		LCA01120		35	19	56	56	
11	TRẦN LÊ	ANH	05/11/1993	Chuyên viên	Xã Trung Lễ, Huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học tài chính và quản trị kinh doanh	Tài chính doanh nghiệp		LCA00937		40	23	55.5	55 5	
12	ĐỖ LINH	CHI	16/07/1998	Chuyên viên	Xã Tiên Lữ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc	Đại học Thương Mại	Kế toán doanh nghiệp		LCA00944		35	25	53	53	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	LÊ QUỲNH	TRANG	01/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	Trường đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán		LCA00802		42	29	80 5	80.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	HOÀNG THU	QUỲNH	14/12/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Song Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Đại học Tài Chính Ngân Hàng Hà Nội	Kế toán doanh nghiệp		LCA00631		46	26	80	80	
3	HÀ ĐÌNH	DUY	06/06/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Hợp Minh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế và Quản lý môi trường		LCA00141		41	25	79 1	79 1	
4	NGUYỄN NGỌC	QUÝ	10/10/1979	Kiểm tra viên thuế	Xã Yên Bằng - H.Ý Yên - T.Hà Nam	Trường đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		LCA00623		35	26	78.5	78.5	
5	NGUYỄN THÙY	TRANG	14/10/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		LCA00815		44	29	78	78	
6	TẠ THỊ THƯƠNG	HUYỀN	04/09/1986	Kiểm tra viên thuế	Xã Hương Xạ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ	Trường Đại Học Kinh tế Quốc Dân	Quản trị kinh doanh		LCA00345		49	MT	74 5	74.5	
7	TRẦN DIỆU	LINH	18/08/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Việt Thành- Huyện Trấn Yên- Tỉnh Yên Bái	Học viện Chính sách và Phát triển	Tài chính công		LCA00422		45	28	74	74	
8	PHẠM THỊ	THÚY	06/07/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Thượng Hiền, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình	Đại học Luật Hà Nội	Luật		LCA00757		44	22	74	74	
9	PHAN NGUYỄN DIỆU	LINH	25/04/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Y Sơn - huyện Hạ Hòa - tỉnh Phú Thọ	Trường Đại học Ngoại Thương	Luật Thương mại Quốc tế		LCA00420		41	26	73.5	73 5	
10	LÒ THỊ LINH	CHI	31/05/1992	Kiểm tra viên thuế	xã Khổng Lào- huyện Phong Thổ- tỉnh Lai Châu	Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - ngân hàng	DTTS	LCA00059	5	40	MT	67 2	72.2	
11	NGUYỄN TIẾN	ANH	26/11/1993	Kiểm tra viên thuế	phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế đầu tư		LCA00020		51	25	71.3	71 3	
12	TRẦN THỊ	HIỀN	22/08/1983	Kiểm tra viên thuế	Xã Tiên Lữ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc	Trường Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	kế toán	ConTB	LCA00228	5	48	MT	65 7	70.7	
13	PHAN THỊ HƯƠNG	GIANG	01/06/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Đại học Hoa Kiều	Quản trị kinh doanh		LCA00159		49	MT	70.3	70 3	
14	TRỊNH THỊ THU	THẢO	18/07/1994	Kiểm tra viên thuế	xã Thiệu Lý, huyện Thiệu Hóa,tỉnh Thanh Hoa	Trường Đại học lao động và xã hội	Không có		LCA00702		38	18	70 2	70.2	
15	HÀ THỊ LAN	ANH	08/03/1985	Kiểm tra viên thuế	Tân Thịnh/Văn Chấn/Yên Bái	trường đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	kế toán	DTTS	LCA00010	5	42	MT	64.5	69 5	
16	VŨ THỊ HỒNG	MINH	05/11/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Hải Thanh - Huyện Hải hậu - Tỉnh Nam Định	Học viện tài chính	Quản lý tài chính công		LCA00496		45	19	68 5	68 5	
17	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HOÀ	29/05/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Mạn Lạn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ	ĐH kinh tế và quản trị kinh doanh - ĐH Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp		LCA00245		36	15	66.6	66.6	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
18	NGÔ THỊ HÀ	TRANG	26/11/1993	Kiểm tra viên thuế	Cao Minh - Vĩnh Bảo - Hải Phòng	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại		LCA00804		39	26	65.5	65.5	
19	VÕ THỊ MINH	PHƯỢNG	25/03/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Phong Thịnh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Học viện tài chính	Thuế		LCA00616		41	26	64.9	64.9	
20	PHẠM THỊ	HƯỚNG	15/11/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Đoan Hạ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ	Học viện Chính sách và phát triển	Quản trị doanh nghiệp		LCA00312		45	23	64.4	64.4	
21	TRẦN MAI	HOA	20/12/1994	Kiểm tra viên thuế	Kim Thái, Vụ Bản, Nam Định	ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	Kinh tế Quốc tế		LCA00244		32	25	63.1	63.1	
22	TẠ HOÀNG	LONG	04/07/1995	Kiểm tra viên thuế	Thôn Đồng Tiến, xã An Lạn, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Học viện Tài chính	Kiểm toán		LCA00443		40	30	62.9	62.9	
23	TRƯƠNG ĐĂNG	TIẾN	30/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Tân Lập - Huyện Yên Mỹ - Tỉnh Hưng Yên	Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh	Tài chính doanh nghiệp		LCA00783		39	21	62.9	62.9	
24	PHẠM THỊ QUỲNH	TRANG	26/01/1998	Kiểm tra viên thuế	Tà Chải - Bắc Hà - Lào Cai	Học viện Tài chính	Thuế		LCA00820		38	29	61	61	
25	LÊ THU	HƯƠNG	31/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Khu 2, Xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	Học viện Tài chính	Thuế		LCA00297		46	20	59.7	59.7	
26	LÝ THỊ	THẮM	31/05/1988	Kiểm tra viên thuế	Nam Cường-TP Lào Cai-Tỉnh Lào Cai	Trường ĐH công nghiệp Hà Nội	Kế toán	DTTS	LCA00666	5	36	MT	54	59	
27	SẦN VĂN	NGHĨA	19/09/1993	Kiểm tra viên thuế	Mường Hum, Bát xát, Lào Cai	Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Hải quan	DTTS	LCA00533	5	37	MT	53.9	58.9	
28	PHẠM LONG	TUẤN	28/08/1994	Kiểm tra viên thuế	Đông Thọ- Đông Hưng- Thái Bình	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Kế toán		LCA00862		40	19	56.1	56.1	
29	CÙ ĐỨC	LÂM	21/11/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Nàn Sán - Huyện SiMaCai - Tỉnh Lào Cai	Trương Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán	DTTS	LCA00368	5	36	MT	51	56	
30	VŨ THỊ THÙY	GIANG	28/01/1989	Kiểm tra viên thuế	Xã Quỳnh Bảo - huyện Quỳnh Phụ - tỉnh Thái Bình	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp	ConBB	LCA00162	5	47	22	50.6	55.6	
31	LÊ NGỌC	LINH	19/11/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Minh Khôi, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Học Viện Tài Chính	Kế toán công		LCA00406		33	27	55.4	55.4	
32	NGUYỄN THỊ HIỀN	CHÂU	02/09/1997	Kiểm tra viên thuế	xã Hồng Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Trường Đại học luật Hà Nội	Luật kinh tế		LCA00054		39	25	54.7	54.7	
33	LÊ THÙY	LINH	08/11/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Thái Tân - Huyện Thái Thụy - Tỉnh Thái Bình	Học viện Ngân Hàng	Kế toán doanh nghiệp		LCA00407		45	28	54	54	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
34	BÙI THỊ HỒNG	NHUNG	20/05/1996	Kiểm tra viên thuế	Huyện Bình Sơn - tỉnh Quảng Ngãi	Học Viện Tài Chính	Tài Chính Bảo Hiểm		LCA00571		43	19	53.4	53 4	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	22/08/1986	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Xã Nam Hồng, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định	Học viện KĨ thuật quân sự Đại học Sư phạm Hà Nội	Công nghệ thông tin LL&PPDH bộ môn Tin học		LCA01177		36	24	69	69	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
1	ĐỖ THỊ THANH	THÚY	02/04/1998	Kiểm tra viên trung cấp thuế	xã Đội Bình, Ứng hòa,TP Hà Nội	Đại Học Tài Chính-QTKD	kế toán doanh nghiệp		LCA01227		43	17	59 5	59.5	
2	TRẦN TRUNG	QUÂN	01/01/1988	Kiểm tra viên trung cấp thuế	xã Bắc Lý - huyện Lý Nhân - tỉnh Hà Nam	Đại học công nghệ Đông Á Bắc Ninh	Kế toán		LCA01225		51	MT	57	57	
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH NAM ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4/6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	26/10/1987	Chuyên viên	Xã Điền Xá, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Trường Đại học Ngoại thương Trường Đại học Ngoại thương	Tài chính - Ngân hàng Kinh tế	ConBB	NDI04334	5	44	18	79.4	84.4	
2	NGUYỄN THỊ	HIỀN	25/07/1995	Chuyên viên	Xã Hồng Quang - Huyện Nam Trực - Tỉnh Nam Định	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công Nghiệp	Kế toán		NDI04560		51	24	82.5	82.5	
3	NGUYỄN TRƯƠNG	GIANG	02/02/1998	Chuyên viên	xã Trực Định, huyện Trực Ninh, Nam Định	Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản lý công		NDI04458		50	21	82	82	
4	CHU THỊ	MƠ	06/07/1987	Chuyên viên	Đội 10 - xã Hải Hà - huyện Hải Hậu - tỉnh Nam Định	Trường Đại Học Lương Thế Vinh Trường Đại Học Lương Thế Vinh	Quản trị kinh doanh Kế toán doanh nghiệp	ConBB	NDI04853	5	45	23	69	74	
5	NGUYỄN THỊ	DIỆU	18/01/1990	Chuyên viên	Xóm 17, xã Hải Anh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Học Viện Hậu Cần	Tài Chính ngân hàng		NDI04416		45	24	69.5	69.5	
6	TRỊNH NHU	QUỲNH	15/09/1991	Chuyên viên	Yên Nhân, Ý Yên, Nam Định	Trường Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		NDI04993		58	MT	62.6	62.6	
7	NGUYỄN THỊ	NGÀN	20/07/1992	Chuyên viên	Điền Xá, Nam Trực, Nam Định	Trường Đại học Giao Thông Vận Tải	Kinh Tế Vận Tải Ô Tô		NDI04879		45	19	61.7	61.7	
8	ĐẶNG THỊ	HUYỀN	14/06/1994	Chuyên viên	Xã Xuân Thượng, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định	Trường Đại học Ngoại Thương	Kinh tế quốc tế (CT CLC giảng dạy bằng Tiếng Anh)		NDI04671		38	MT	52.5	52.5	
9	NGUYỄN THỊ THÚY	LAN	15/10/1990	Chuyên viên	Thôn Vàng, xã Yên Bình, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Học viện Ngân hàng Học viện Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh		NDI04719		41	20	51.8	51.8	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	BÙI PHƯƠNG	THANH	02/03/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Quang Trung, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Trường Đại học Thương Mại	Quản trị nhân lực thương mại		NDI03220		38	27	89.5	89.5	
2	TRẦN THỊ MỸ	HUỆ	28/02/1994	Kiểm tra viên thuế	NHÂN THỊNH, LÝ NHÂN, HÀ NAM	Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	Kế toán		NDI01454		47	22	86.5	86.5	
3	ĐỖ VIỆT	DŨNG	24/01/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Đại Thắng, huyện Vụ Bản, tỉnh nam Định	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		NDI00617		39	22	84.4	84.4	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4	KIM THỊ	THU	13/10/1989	Kiểm tra viên thuế	Xóm 16, Xã Hải Đường, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định	Trường đại học Lương Thế Vinh	Kế toán		NDI03463		46	24	82	82	
5	PHẠM THỊ BÍCH	DIỆP	09/02/1989	Kiểm tra viên thuế	Nam Thanh-Nam Trực-Nam Định	Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp Đại học kinh tế kỹ thuật [illegible]	Quản trị kinh doanh kế toán		NDI00518		44	21	82	82	
6	TRẦN THỊ THU	HƯƠNG	17/11/1986	Kiểm tra viên thuế	Mỹ Tiến - Mỹ Lộc - Nam Định	Đại học Bách Khoa Hà Nội Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Quản trị kinh doanh Kế toán		NDI01590		50	24	81.5	81.5	
7	PHẠM THỊ THU	HƯỜNG	16/06/1990	Kiểm tra viên thuế	Xóm I - xã Xuân Phong - huyện Xuân Trường - tỉnh Nam Định	Trường đại học thương mại Trường cao đẳng Tài chính - Quản trị kinh doanh	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại Kế toán		NDI01628		44	15	81 5	81.5	
8	MAI THỊ HỒNG	THẮM	02/03/1986	Kiểm tra viên thuế	Nghĩa An - Nam Trực - Nam Định	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	Kế toán tài chính DNSX	ConNHCSnhuTB	NDI03189	5	50	19	76	81	
9	QUÁCH THỊ	THANH	17/07/1995	Kiểm tra viên thuế	Thôn Ngọc Trạo, xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật	ConTB	NDI03252	5	48	18	75 4	80 4	
10	NGUYỄN THỊ THANH	THƯ	18/02/1990	Kiểm tra viên thuế	Xóm 15, xã Hải Trung, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Học viện tài chính Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Kế toán Kế toán	ConTBloaiB	NDI03510	5	39	26	75.4	80 4	
11	TRẦN THỊ THU	HƯƠNG	20/07/1983	Kiểm tra viên thuế	xã Thọ Nghiệp huyện Xuân Trường tỉnh Nam Định	Đại học Lâm Nghiệp	Kế toán		NDI01589		49	23	79.9	79.9	
12	VŨ ĐỨC	HẠNH	06/05/1991	Kiểm tra viên thuế	Nghĩa Hùng, Nghĩa Hưng, Nam Định	Trường Đại học Lương Thế Vinh Trường Đại học Giao thông vận tải TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh Khoa học hàng hải		NDI01092		50	29	78 8	78 8	
13	TRỊNH BÁ	THẾ	05/06/1987	Kiểm tra viên thuế	Xuân Tân, Xuân Trường Nam Định	Đại học Kinh tế quốc dân Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán, kiểm toán và phân tích Kế toán	ConBB	NDI03402	5	43	18	73 4	78 4	
14	ĐINH THỊ	THÊU	26/01/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Mỹ Hưng, Huyện Mỹ Lộc, Tỉnh Nam Định	Học Viện Tài Chính	Marketing		NDI03406		51	26	77	77	
15	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	08/12/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Nghĩa Châu, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Trường Đại học Công Đoàn	Quản trị kinh doanh		NDI00601		39	22	76	76	
16	TRỊNH THỊ	LIÊN	12/12/1994	Kiểm tra viên thuế	Đội 4, Yên Nhân, Ý Yên, Nam Định	Học viện tài Chính	Kiểm toán		NDI01944		51	22	75	75	
17	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	THANH	18/02/1991	Kiểm tra viên thuế	Đồng Hóa, Kim Bảng, Hà Nam	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		NDI03228		48	27	75	75	
18	VŨ VĂN	VƯƠNG	16/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Bình Hoà, huyện Giao Thuỷ, tỉnh Nam Định	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		NDI04200		39	23	75	75	
19	NGUYỄN HOÀI	THU	01/03/1997	Kiểm tra viên thuế	Minh Tân, Vụ Bản, Nam Định	Trường Đại học Thương Mại	Kế toán doanh nghiệp		NDI03469		44	21	74.5	74.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
20	NGUYỄN THỊ	THUẬN	19/12/1988	Kiểm tra viên thuế	Xã Hợp Hưng, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Trường Đại Học Lương Thế Vinh	Tài chính Ngân hàng		NDI03527		42	22	74.5	74.5	
21	TRẦN THỊ THU	THẢO	09/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Lộc Hạ, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Đại học Công Đoàn	Tài chính - Doanh nghiệp		NDI03387		44	26	74.4	74.4	
22	NGUYỄN ĐỨC	GIANG	30/08/1998	Kiểm tra viên thuế	Mỹ Thành, Mỹ Lộc, Nam Định	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế hoạch		NDI00746		53	29	74.3	74.3	
23	ĐẶNG MINH	THẮNG	20/04/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã Nam Hồng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính - Ngân hàng Kế toán		NDI03203		50	27	74.3	74.3	
24	HOÀNG NHẬT LỆ	QUYÊN	04/08/1998	Kiểm tra viên thuế	Nam Toàn-Nam Trực-Nam Định	Đại học Công Đoàn	Kế Toán		NDI03025		44	24	74	74	
25	TA THỊ	THỦY	19/08/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã Nam Tiến, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định	Học Viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông	Kế toán		NDI03652		49	26	73.3	73.3	
26	TRẦN THỊ LAN	PHƯƠNG	10/09/1987	Kiểm tra viên thuế	xóm 23, xã Thọ Nghiệp, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	Học viện tài chính Đại học Lương Thế Vinh	Kế toán Kế toán		NDI02928		34	19	72.8	72.8	
27	ĐINH THỊ	DUYÊN	12/09/1986	Kiểm tra viên thuế	Xã Liêm Hải, Huyện Trực Ninh, Tỉnh Nam Định	Trường Đại Học Lương Thế Vinh	Quan trị Kinh doanh		NDI00700		40	17	72.5	72.5	
28	NGHIÊM THU	THẢO	27/12/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Đốc Tín - Huyện Mỹ Đức - Thành phố Hà Nội	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		NDI03325		33	21	72.4	72.4	
29	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	02/10/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	Học Viện Tài Chính	Tài chính doanh nhiệp		NDI01355		36	26	71.2	71.2	
30	VŨ HOÀNG	NGA	28/10/1994	Kiểm tra viên thuế	Xóm 2, Quyết Tiến, Giao Tiến,Giao Thủy, Nam Định	Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	Kế toán doanh nghiệp		NDI02526		51	27	71	71	
31	VŨ THỊ	ĐÀO	24/07/1996	Kiểm tra viên thuế	Điền Xá, Nam Trực, Nam Định	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán		NDI00475		48	17	71	71	
32	PHAN KHÁNH	HUYỀN	16/11/1997	Kiểm tra viên thuế	Xóm 5, xã Xuân Phương, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán		NDI01763		49	29	70.9	70.9	
33	PHẠM THỊ	THU	26/06/1991	Kiểm tra viên thuế	thôn Hưng Đạo 1, xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Học viện Tài chính	Hải quan		NDI03492		43	26	70.5	70.5	
34	ĐỖ THU	THẢO	18/12/1993	Kiểm tra viên thuế	Nghĩa Thành, Nghĩa Hưng, Nam Định	Học Viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông	Kế Toán		NDI03293		50	22	70.4	70.4	
35	NGUYỄN THỊ	VÂN	13/12/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Tân Thành - Huyện Vụ Bản - Tỉnh Nam Định	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Quản lý kinh tế	ConTB	NDI04116	5	45	18	65	70	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
36	LÊ THỊ	DUNG	20/10/1985	Kiểm tra viên thuế	Xã Hoằng Giang - huyện Nông Cống - tỉnh Thanh hóa	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán, kiểm toán và phân tích		NDI00577		37	15	69 2	69.2	
37	PHẠM TIIANH	VÂN	09/12/1994	Kiểm tra viên thuế	Xóm Lê Lợi, thôn Nhuộng, xã Yên Trung, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính quốc tế		NDI04134		39	25	68 9	68 9	
38	ĐỖ THUÝ	AN	09/05/1990	Kiểm tra viên thuế	Thôn Đồng Quỹ, xã Nam Tiến, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Trường ĐH Ngoại Thương Hà Nội	Tài chính quốc tế		NDI00004		42	26	68.6	68 6	
39	NGUYỄN NGỌC	SƠN	12/07/1998	Kiểm tra viên thuế	Xóm Phú Thịnh, xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.	Học viện Chính sách và phát triển	Đầu tư		NDI03117		40	18	68 1	68.1	
40	NGUYỄN THỊ	HIỀN	27/08/1988	Kiểm tra viên thuế	Xóm 8- Hải Toàn- Hải Hậu- Nam Định	Trường Đại học Lương Thế Vinh	Kế Toán		NDI01204		43	16	67.5	67.5	
41	NGUYỄN THI THU	NGA	16/09/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Tân Lập, Xã Nghĩa Hòa, Huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Đại học Thương Mại Đại học Thương Mại	Kế toán doanh nghiệp Quản trị kinh doanh		NDI02507		51	23	67.1	67 1	
42	NGÔ NGỌC	QUÂN	12/01/1981	Kiểm tra viên thuế	Nam Tiến - Nam Trực - Nam Định	Đại học Hồ Bắc	Kinh tế thế giới		NDI02987		47	MT	67.1	67.1	
43	LƯU ĐÌNH	KHƠI	19/07/1987	Kiểm tra viên thuế	Hồng Quang - Nam Trực - Nam Định	Trường đại học Kinh Tế Quốc Dân	Kế toán Tổng Hợp		NDI01824		50	20	66 9	66 9	
44	TRẦN THỊ BÍCH	HẢI	10/08/1990	Kiểm tra viên thuế	Lệ Thuỷ - Quảng Bình	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		NDI00945		44	22	66 9	66 9	
45	HOÀNG DUY	SƠN	10/07/1986	Kiểm tra viên thuế	Xã Yên Khánh - Huyện Ý Yên - Tỉnh Nam Định	Trường Đại học Thăng Long	Tài chính - Ngân hàng	HTNVQS	NDI03103	2.5	35	18	64 4	66 9	
46	ĐINH NGỌC	TUẤN	08/01/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã Yên Chính, Huyện Y Yên, Tỉnh Nam Định	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Cử nhân Kế toán		NDI03991		39	21	66.5	66 5	
47	VƯƠNG THỊ ANH	THƯ	01/06/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế Phát triển		NDI03517		42	26	66.4	66.4	
48	NGUYỄN THI	LIÊN	21/10/1990	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định	Học viện Hành Chính Quốc gia	Tài chính- Ngân hàng		NDI01931		42	15	66.4	66 4	
49	KHƯƠNG THỊ THU	VÂN	18/07/1993	Kiểm tra viên thuế	Đội 1, Đại Kỳ xã Nghĩa Châu, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Học viện Ngân Hàng	Kế toán doanh nghiệp		NDI04109		34	16	66 3	66 3	
50	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	06/01/1997	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Cổ Lễ, Huyện Trực Ninh, Tỉnh Nam Định	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		NDI03360		36	21	65.1	65.1	
51	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	22/07/1993	Kiểm tra viên thuế	Yên Cường, Ý Yên, Nam Định	Trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội	Kế toán		NDI01170		45	19	64 9	64 9	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
52	TRẦN KHÁNH	HÒA	16/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Nam Mỹ, Nam Trực, Nam Định	Trường đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Công Nghiệp	Kế Toán		NDI01309		52	22	64.7	64.7	
53	LÊ THỊ MINH	DIỆN	28/05/1991	Kiểm tra viên thuế	Phú Thôn, Tân Khánh, Vụ Bản, Nam Định	Đại Học Kinh Tế Quốc Dân Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Quản trị kinh doanh Thương Mại Kinh doanh và quản lý	ConTB	NDI00511	5	49	16	59.6	64.6	
54	NGUYỄN THỊ	TIỀN	20/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Nga Điền, Nga Sơn, Thanh Hoá	Đại học Thương Mại	Quản trị nhân lực thương mại		NDI03667		45	26	64 2	64.2	
55	VŨ THỊ MINH	TRANG	25/03/1997	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Học viện Tài chính Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp Hệ thống thông tin quản lý		NDI03922		40	20	63.9	63.9	
56	PHAN THỊ	HƯƠNG	15/03/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã Yên Dương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng		NDI01578		48	26	63.6	63.6	
57	DƯƠNG THỊ	HIỀN	18/02/1985	Kiểm tra viên thuế	Xã Hải An , Huyện Hải Hậu , Tỉnh Nam Định	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế lao động		NDI01136		47	23	63 2	63.2	
58	TRẦN TUẤN	LINH	05/03/1995	Kiểm tra viên thuế	Nhân Mỹ - Lý Nhân -Hà Nam	Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp 1	Kế toán		NDI02151		43	21	63.2	63 2	
59	XUÂN THỊ	THU	06/08/1998	Kiểm tra viên thuế	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	Học Viện Tài Chính	Kiểm toán		NDI03499		38	26	63.2	63 2	
60	LÊ THỊ	HƯƠNG	04/05/1995	Kiểm tra viên thuế	Trực Hưng- Trực Ninh- Nam Định	Học viện Tài chính	Kế toán Doanh nghiệp		NDI01540		44	18	63.1	63.1	
61	LẠI TÙNG	LÂM	01/09/1997	Kiểm tra viên thuế	Hà Nam	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		NDI01858		45	20	63	63	
62	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG	08/11/1993	Kiểm tra viên thuế	Mỹ Thịnh, Mỹ Lộc, Nam Định	Trường đại học Công đoàn	Kế toán		NDI03824		42	24	63	63	
63	HOÀNG THỊ	PHƯƠNG	15/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Tổ dân phố Lâm Thượng, Thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	ĐH Kinh Tế và Quản Trị Kinh Doanh - ĐH Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp		NDI02863		36	24	62.6	62 6	
64	LÊ THỊ THU	HIỀN	01/07/1992	Kiểm tra viên thuế	Xóm 10, xã Hải Nam, huyện Hai Hậu, tỉnh Nam Định	Học viện Tài chính Học viện Tài chính	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng		NDI01148		45	23	62 5	62.5	
65	PHAN QUANG	CHIẾN	14/05/1987	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Ngô Đồng, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		NDI00399		44	17	61.5	61.5	
66	LƯƠNG THỊ THU	HƯƠNG	20/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn Lựu Phố, xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định	ĐH kinh tế và quản trị kinh doanh Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp		NDI01542		40	MT	60 9	60 9	
67	ĐẶNG THỊ	HẠNH	28/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Xóm Đông Thành, thôn Liên Tỉnh, xã Nam Hồng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Học viện Tài chính	Thuế		NDI01050		43	27	60 3	60.3	
III. Văn thư															

5/(

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH NINH BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 /6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
II. Kiểm tra viên thuế															
1	LƯƠNG THỊ	HIỀN	05/05/1989	Kiểm tra viên thuế	Xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn , tỉnh Ninh Bình	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp	ConBB	NBI01120	5	45	19	81.9	86.9	
2	VŨ THỊ TRÀ	GIANG	18/10/1993	Kiểm tra viên thuế	Phường Đông Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng		NBI00779		49	29	86	86	
3	MAI HỒNG	SƠN	15/12/1997	Kiểm tra viên thuế	Yên Nhân, Yên Mô, Ninh Bình	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản trị doanh nghiệp		NBI03111		55	20	83	83	
4	NGUYỄN THU	HƯƠNG	08/11/1994	Kiểm tra viên thuế	Xóm Tây An, Thôn Hưng Thịnh, Xã Hoàng Nam, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định	Đại Học Điện Lực	Tài Chính - Ngân Hàng		NBI01566		47	16	82	82	
5	NGUYỄN THỊ BÍCH	DUNG	07/02/1990	Kiểm tra viên thuế	Nghĩa Thành - Nghĩa Hưng - Nam Định	Học viện Tài chính Học viện Tài chính	Tài chính - Ngân hàng Tài chính - Ngân hàng		NBI00591		46	24	80 5	80.5	
6	ĐỖ THU	THỦY	13/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Ninh Khang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	Trường Đại học Tài chính-Ngân hàng Hà Nội	Kế toán		NBI03618		40	26	80.5	80.5	
7	BÙI THẾ	KHÁNH	20/09/1993	Kiểm tra viên thuế	xã Yên Thọ, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Trường Đại Học Mỏ - Địa Chất	Quản Lý Kinh Tế		NBI01803		52	29	80.4	80 4	
8	TRƯƠNG MỸ	HẠNH	28/12/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Yên Tiến, Ý Yên, Nam Định	Trường Đại học Thương Mại	Thương Mại Quốc Tế		NBI01090		49	28	80	80	
9	NGÔ THỊ MAI	OANH	27/01/1996	Kiểm tra viên thuế	Xóm 11, Yên Lộc, Kim Sơn, Ninh Bình	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		NBI02804		51	26	79 5	79.5	
10	PHẠM THỊ HẢI	HÀ	28/04/1994	Kiểm tra viên thuế	xã Gia Thắng - huyện Gia Viễn - tỉnh Ninh Bình	Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản trị doanh nghiệp		NBI00873		50	27	79.5	79.5	
11	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	12/06/1995	Kiểm tra viên thuế	Thôn 6, Gia Lâm, Nho Quan, Ninh Bình	Học viện Tài chính	Kinh tế đầu tư tài chính	ConBB	NBI01172	5	50	26	74.5	79 5	
12	BÙI THỊ THU	THẢO	29/10/1991	Kiểm tra viên thuế	Gia Xuân-Gia Viễn-Ninh Bình	Viện ĐH Mở Hà Nội	Kế toán		NBI03279		42	26	79 5	79.5	
13	VŨ THỊ	TUYẾN	09/06/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Gia Xuân- Huyện Gia Viễn- Tỉnh Ninh Bình	Trường đại học Thăng Long	Tài chính- kế toán		NBI04066		48	27	78.5	78 5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
14	LÊ THANH	CHÂU	06/01/1990	Kiểm tra viên thuế	yên phong - yên mô - Ninh Bình	trường đại học tài chính - quản trị kinh doanh	Kế Toán doanh nghiệp		NBI00362		50	29	78.4	78.4	
15	PHAM THI	HƯỜNG	12/02/1988	Kiểm tra viên thuế	Phố 3, Thị trấn Ninh, Yên Khánh, Ninh Bình	Đại học ngoại thương	Luật kinh doanh quốc tế		NBI01625		37	24	78.4	78 4	
16	VŨ THI	PHƯỢNG	11/12/1988	Kiểm tra viên thuế	Xã Gia Trung/Huyện Gia Viễn/Tỉnh Ninh Bình	Đại học Kinh Tế Quốc Dân Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Kế toán, kiểm toán và phân tích Kế toán		NBI02982		50	28	78.3	78.3	
17	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	19/10/1994	Kiểm tra viên thuế	Yên Phong, Yên Mô, Ninh Bình	Học Viện Tài Chính	Tài Chính Bảo Hiểm		NBI03438		50	28	78.1	78.1	
18	LƯU THỊ LAN	ANH	16/02/1993	Kiểm tra viên thuế	Yên Thắng, Yên Mô, Ninh Bình	Đại học Luật Hà Nội	Luật kinh tế		NBI00097		48	25	78	78	
19	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	03/12/1998	Kiểm tra viên thuế	Ninh Hải, Hoa Lư, Ninh Bình	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực		NBI00157		32	18	77 5	77 5	
20	ĐINH THỊ NGỌC	KHÁNH	01/09/1993	Kiểm tra viên thuế	Sơn Thành, Nho Quan, Ninh Bình	Trường Đại học Phương Đông trường Đại học Lương Thế Vinh	kế toán Quản trị kinh doanh		NBI01806		39	24	76 5	76 5	
21	HOÀNG THỊ HUYỀN	MAI	27/01/1996	Kiểm tra viên thuế	xã Khánh Vân, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		NBI02288		38	21	76 5	76 5	
22	HOÀNG THI NHƯ	HIỀN	10/03/1985	Kiểm tra viên thuế	Xã Trung Giáp, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	Đại học thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	CondeNHDKCbiNCDH	NBI01112	5	37	17	71	76	
23	VŨ HỒNG	QUÂN	17/08/1993	Kiểm tra viên thuế	Thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Trường đại học tài chính - ngân hàng Hà Nội	Kế toán		NBI02997		53	27	75.5	75.5	
24	NGUYỄN THI THÙY	DUYÊN	12/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Quang Lịch, Kiến Xương, Thái Bình	Bangor University Học Viện Tài Chính	Marketing Quốc Tế Tài chính - Ngân Hàng		NBI00714		49	MT	75.5	75.5	
25	LÊ THỊ THU	HIỀN	20/06/1991	Kiểm tra viên thuế	phường Nam Thành - TP Ninh Bình - tỉnh Ninh Bình	Trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Kinh tế quốc tế		NBI01147		47	27	74.6	74.6	
26	HOÀNG THỊ	HẰNG	13/11/1987	Kiểm tra viên thuế	Xã Tam Hồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	Học Viện Ngân Hàng Học Viện Ngân Hàng	Kế toán doanh nghiệp Kế toán		NBI00976		47	22	74.5	74.5	
27	NGUYỄN THỊ THU	DUYÊN	25/02/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn Tam Kỳ, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	Đại học Thương Mại	Quản trị hệ thống thông tin		NBI00713		46	24	74 5	74.5	
28	MAI THANH	PHƯƠNG	07/09/1993	Kiểm tra viên thuế	Thanh Lạc, Nho Quan, Ninh Bình	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		NBI02872		43	25	74.3	74.3	
29	TA THỊ	PHƯƠNG	20/04/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Văn Giáp, xã Khánh An, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Đại học tổng hợp quốc gia Ulyanovsk Đại học quản lý nhà nước Moscow	Kế toán, kiểm toán, thuế Kinh tế		NBI02918		47	MT	73 5	73.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
30	PHẠM THỊ VÂN	ANH	07/03/1990	Kiểm tra viên thuế	Ninh Khang- Hoa Lư- Ninh Bình	ĐH Kinh Doanh và Công Nghệ Hà Nội	Kế Toán		NBI00218		47	22	73.5	73 5	
31	PHẠM THỊ NGỌC	DIỆP	12/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Hồi Ninh, Kim Sơn, Ninh Bình	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	Kế toán doanh nghiệp	CondeNHDKCbiNCDHH	NBI00519	5	45	20	68.5	73 5	
32	NGÔ THÙY	LINH	22/01/1995	Kiểm tra viên thuế	Bình Nghĩa, Bình Lục, Hà Nam	Đại Học Điện Lực	Kế toán doanh nghiệp		NBI02033		41	18	73 5	73 5	
33	ĐINH THỊ HỒNG	LỆ	08/11/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Ninh Giang - Huyện Hoa Lư - Tỉnh Ninh Bình	Đại học Lao động - Xã hội	Kế toán		NBI01905		52	27	73.3	73 3	
34	BÙI THỊ	QUYÊN	02/02/1990	Kiểm tra viên thuế	thôn Đồng Tâm 1, xã Sơn Hà, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	Trường đại học Mỏ - Địa chất	Quản lý kinh tế		NBI03022		31	22	73	73	
35	TRỊNH THỊ	TRANG	17/04/1991	Kiểm tra viên thuế	Khánh Công- Yên Khánh- Ninh Bình	Trường Đại học Hoa Lư	Quản trị kinh doanh		NBI03910		48	24	72 9	72.9	
36	NGÔ THỊ PHƯƠNG	DUNG	21/07/1998	Kiểm tra viên thuế	Ninh Giang, Hoa Lư, Ninh Bình	Học Viện Tài Chính	Kinh tế luật		NBI00584		42	25	72.8	72.8	
37	LÊ MINH	CHÂU	10/03/1991	Kiểm tra viên thuế	Ninh Bình	Học Viện Tài Chính Đại học Thương Mại	Kế toán doanh nghiệp Kế toán		NBI00361		49	29	72.5	72.5	
38	ĐINH THỊ VÂN	ANH	04/12/1998	Kiểm tra viên thuế	Gia Hưng - Gia Viễn - Ninh Bình	Học viện Tài chính	Kiểm Toán		NBI00046		41	20	72 4	72.4	
39	PHẠM THỊ MỘNG	LOAN	28/07/1991	Kiểm tra viên thuế	Cồn Thoi - Kim Sơn - Ninh Bình	Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh	Kế toán doanh nghiệp		NBI02194		54	20	72.1	72 1	
40	PHẠM THỊ	HUYÊN	27/06/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Đồng Hướng, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình	Trường Đại học Tài chính-Ngân hàng Hà Nội	Kế toán		NBI01755		57	28	72	72	
41	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	21/09/1994	Kiểm tra viên thuế	xã Gia Lạc. huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính		NBI00627		49	27	71 9	71 9	
42	NGUYỄN THỊ MINH	TÂM	09/09/1996	Kiểm tra viên thuế	Ninh Nhất, TP.Ninh Bình, Ninh Bình	Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế		NBI03147		34	22	71 5	71.5	
43	NGUYỄN THỊ ÚT	THƠM	06/04/1995	Kiểm tra viên thuế	Thôn Trung Hiếu Hạ - Xã Thanh Hải - Huyện Thanh Liêm - Tỉnh Hà Nam	Đại Học Thương Mại	Kế toán doanh nghiệp		NBI03452		33	19	71.5	71.5	
44	HÀ THỊ THIÊN	TRANG	04/11/1994	Kiểm tra viên thuế	Ninh Nhất, TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	Đại học Công Đoàn	Kế Toán		NBI03760		39	23	71.4	71.4	
45	NGÔ THỊ MINH	HUỆ	15/12/1994	Kiểm tra viên thuế	Hoa Lư, TP Ninh Bình	Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Nam Định	Kế toan		NBI01439		40	26	71 3	71.3	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
46	PHAM THI MAI	NGUYỆT	04/10/1996	Kiểm tra viên thuế	Xóm Chợ Xanh, Xã Khánh Thiện, Huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP		NBI02681		42	19	71.2	71.2	
47	TRẦN THỊ HOA	XUÂN	16/08/1993	Kiểm tra viên thuế	Phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	Trường Đại học Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		NBI04225		55	23	71	71	
48	ĐẶNG HÀ	QUYÊN	21/01/1985	Kiểm tra viên thuế	Số nhà 27, phố Đàm Khánh Tây, phường Yên Bình, Thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình	Học viện tài chính	Kế toán		NBI03024		46	24	70 6	70 6	
49	TRẦN THỊ THU	HẰNG	07/08/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Quang Trung, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		NBI01034		38	20	70.5	70.5	
50	PHẠM THỊ	DIỆP	04/03/1993	Kiểm tra viên thuế	Xóm Thái Bình, xã Yên Đồng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình	Đại học Kinh tế và Quản Trị Kinh Doanh Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp		NBI00517		41	23	70.4	70.4	
51	ĐÀO THI THANH	NGA	01/06/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn Văn Bòng, Xã Gia Phương, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Kinh tế nông nghiệp		NBI02475		49	27	70 1	70 1	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	LƯƠNG KIM	CƯƠNG	29/04/1984	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	trực thanh-trực ninh-nam định	Trường đại học sư phạm Tp. Hồ Chí Minh Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông	sư phạm tin học khoa học máy tính	CondeNHD KCbiNCDH H	NBI05278	5	42	20	76	81	
2	NGÔ QUỲNH	HƯƠNG	21/12/1996	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Thái Sơn, Thái Thuy, Thái Bình	Học viện Kỹ Thuật Quân Sự	Kỹ thuật Hệ thống thông tin		NBI05301		43	18	72	72	
3	TỐNG ĐỨC	THỊNH	02/10/1985	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Ninh tiến, Thành phố Ninh Bình, Ninh Bình	Trường Đại học sư phạm hà nội	Công Nghệ Thông Tin		NBI05329		48	17	71	71	
4	TRẦN THỊ	SIM	26/02/1992	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Nam Định	ĐH Sư phạm Hà Nội II	Công nghệ thông tin		NBI05322		45	19	70	70	
5	HOÀNG NGỌC	LAN	25/10/1989	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Thôn Ba, Song Lãng, Vũ Thư, Thái Bình	Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Nam Định	Tin học ứng dụng		NBI05306		45	18	68	68	
6	CHU THỊ	SINH	12/09/1991	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Văn Phương, Nho Quan, Ninh Bình	Đại học Tây Bắc	Công nghệ thông tin		NBI05323		48	19	64	64	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH PHÚ THỌ

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 16 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	PHAN THỊ THANH	NHÀN	01/03/1981	Chuyên viên	Thụy Vân, Việt Trì, Phú Thọ	Đại học Công Đoàn	Quản trị Tài chính - Kế toán		PTH04913		47	18	61.2	61.2	
2	NGUYỄN PHƯƠNG	CHI	28/12/1995	Chuyên viên	Xã Liễn Sơn, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phuc	Trường Đại Học Luật Hà Nội	Luật		PTH04381		31	23	53	53	
3	NGUYỄN THỊ KIM	TRANG	28/11/1997	Chuyên viên	Phú Thọ	Học Viện Ngân Hàng	Ngân Hàng Thương Mại		PTH05174		46	21	50.9	50.9	
4	ĐỖ ANH	THƯ	21/12/1998	Chuyên viên	xã Phương Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	Học viện Tài Chính	Kinh tế - Luật		PTH05088		48	18	50.3	50.3	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	THÚY	29/06/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Tân Phong, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	Đại học Thăng Long	Tài chính- Kế toán		PTH03585		49	22	91.5	91.5	
2	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	04/02/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã Y Sơn,Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ	Học viện Nông Nghiệp Việt Nam	Quản trị kinh doanh	DTTS	PTH01233	5	45	27	80	85	
3	ĐỖ THỊ MINH	NGỌC	29/09/1993	Kiểm tra viên thuế	Phường Vân Phú, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	Học viện Tài Chính Học viện công nghệ bưu chính viễn thông	Kế toán Kế toán		PTH02592		49	27	83	83	
4	BUI THỊ NGỌC	ANH	20/03/1997	Kiểm tra viên thuê	Phường Ngọc Trạo, TP Thanh Hóa, Thanh Hóa	Viện Đại học Mở Hà Nội	Luật Kinh tế		PTH00019		46	22	82	82	
5	NGUYỄN THỊ THANH	LOAN	11/12/1991	Kiểm tra viên thuế	Huyện Quốc Oai-TP Hà Nội	Đại học kinh tế-kỹ thuật công nghiệp	Kế toán doanh nghiệp		PTH02190		45	16	81.5	81.5	
6	KIỀU ANH	TUẤN	01/01/1993	Kiểm tra viên thuế	Phường Phong Châu, Thị Xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ	Đại học Tài chính - Ngân Hàng Hà Nội Đại học Tài chính - Ngân Hàng Hà Nội	Kế toán Kế toán		PTH03994		47	15	79.9	79.9	
7	ĐOÀN THỊ NGỌC	HÀ	02/11/1992	Kiểm tra viên thuế	Vực Trương - Tam Nông - Phú Thọ	Viện ĐH Mở Hà Nội	Tài chính doanh nghiệp		PTH00811		43	24	79.3	79.3	
8	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	23/09/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Phùng Nguyên, Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		PTH01234		52	22	79	79	
9	QUYẾT THỊ KIM	DUNG	05/08/1996	Kiểm tra viên thuế	Đồng Luận, Thanh Thủy, Phú Thọ	Học Viện Tài Chính	Thuế		PTH00608		48	22	79	79	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
10	PHAN THI HẰNG	NGA	04/09/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Phùng Nguyên - Huyện Lâm Thao - Tỉnh Phú Thọ	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Kế toán		PTH02516		46	25	78.2	78.2	
11	ĐẶNG MINH	TÀI	24/07/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Tứ Mỹ, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	Học viện Tài Chính	Tài chính Bảo hiểm		PTH03130		45	15	77	77	
12	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	24/05/1998	Kiểm tra viên thuế	Đội 10 - Xóm Đình - Xã Trưng Vương - Thành phố Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ	Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Kinh tế	Kinh tế Chính trị		PTH00749		40	25	77	77	
13	TRỊNH THỊ LINH	QUYÊN	28/12/1993	Kiểm tra viên thuế	Mạn Lạn, Thanh Ba	Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	Kế toán doanh nghiệp		PTH03040		41	24	76.8	76.8	
14	LÊ ĐỨC	TRIỂN	21/11/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã Đại Phạm, H Hạ Hòa, Phú Thọ	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		PTH03926		46	23	76.5	76.5	
15	PHẠM ĐỨC	QUANG	18/10/1993	Kiểm tra viên thuế	TT.Gio Linh, Gio Linh, Quảng Trị	Trường Đại học Hùng Vương Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam	Tài Chính - Ngân Hàng Quản lý kinh tế		PTH03005		45	28	76.4	76.4	
16	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	09/02/1994	Kiểm tra viên thuế	SƠN VI- LÂM THAO- PHÚ THỌ	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	NGÂN HÀNG		PTH01171		49	24	76	76	
17	CAO MINH	VƯƠNG	14/12/1991	Kiểm tra viên thuế	Khu 8, xã Trưng Vương, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Đại học Ngoại thương	Ngân hàng		PTH04197		47	27	75.7	75.7	
18	NGUYỄN THỊ	THÚY	20/11/1989	Kiểm tra viên thuế	Đội 4, thôn Lâu Động, xã Phúc Thành, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Kế toán tài chính doanh nghiệp sản xuất		PTH03591		47	21	75.5	75.5	
19	PHÙNG THỊ XUÂN	HƯƠNG	30/11/1989	Kiểm tra viên thuế	Phú Thọ	Trường Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán		PTH01580		41	26	75.4	75.4	
20	HOÀNG QUANG	DƯƠNG	16/01/1997	Kiểm tra viên thuế	Vĩnh Phú, Phù Ninh, Phú Thọ	Học viện Tài Chính	Quản lý Tài chính công		PTH00649		48	26	73.7	73.7	
21	LƯU TUẤN	ANH	01/08/1990	Kiểm tra viên thuế	Thanh Lãng, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	Trường Đại học Ngoại Thương HN Học viện tài chính	Tài chính quốc tế Kinh tế		PTH00099		50	23	72.5	72.5	
22	HÀ HƯƠNG	THU	30/01/1988	Kiểm tra viên thuế	xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ	Đại học Công nghiệp Việt Trì	Kế toán Doanh nghiệp		PTH03459		41	23	72.5	72.5	
23	TRẦN MỸ	LINH	04/11/1993	Kiểm tra viên thuế	SN 13, đường Kim Đồng, khu Phan Chu Trinh, Gia Cẩm, Việt Trì, Phú Thọ	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		PTH02132		51	24	72	72	
24	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	MAI	25/11/1991	Kiểm tra viên thuế	Hiền Lương - Hạ Hòa - Phú Thọ	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Kế toán		PTH02313		53	26	71	71	
25	TRẦN THỊ THU	THẢO	29/07/1995	Kiểm tra viên thuế	Khu 5,xã Phú Lộc,huyện Phù Ninh,tỉnh Phú Thọ	Khoa Quốc Tế - Đại Học Quốc Gia Hà Nội	Kinh doanh quốc tế		PTH03388		42	MT	71	71	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
26	ĐỖ THỊ MAI	DUNG	10/07/1989	Kiểm tra viên thuế	Liên Bảo - Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Học viện Tài chính	Tài chính công		PTH00572		37	15	70 5	70.5	
27	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	25/12/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Trị Quận, Phù Ninh, Phú Thọ	Trương đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		PTH01563		45	25	70 4	70.4	
28	ĐINH THỊ THÚY	HỒNG	16/12/1990	Kiểm tra viên thuế	Khu 7, Xã Văn Lung, Thị Xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ	Đại học Hùng Vương	Tài chính- Ngân hàng		PTH01368		41	19	70.3	70.3	
29	NGUYỄN THỊ	CHIẾN	30/07/1986	Kiểm tra viên thuế	Khu 4, xã Minh Lương, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ	Trường Đại học Hưng Vương	Kế toán	ConBB	PTH00398	5	39	21	65	70	
30	NGUYỄN VIỆT	DŨNG	07/06/1993	Kiểm tra viên thuế	xã Vân Phú, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính		PTH00632		40	26	69	69	
31	HÁN THỊ THU	HÀ	07/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Văn Lương - Tam Nông - Phú Thọ	Đại học Luật Hà Nội	Luật		PTH00815		46	23	68.3	68.3	
32	HOÀNG THÙY	VÂN	15/12/1994	Kiểm tra viên thuế	xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	Trường Đại học Lao động-xã hội	Kế toán		PTH04108		53	15	68.2	68.2	
33	ĐẶNG XUÂN	THẮNG	13/02/1995	Kiểm tra viên thuế	xã Vực Trường, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		PTH03206		47	19	66.5	66 5	
34	NGUYỄN ĐÌNH	THẮNG	24/08/1989	Kiểm tra viên thuế	Xóm 5, thôn Thụy Khuê, xã Sài Sơn huyện Quốc Oai, TP Hà Nội	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán, kiểm toán và phân tích		PTH03210		43	28	66 3	66.3	
35	ĐỖ KIỀU	TRANG	05/09/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Động Lâm, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	Học viện Tài chính	Định giá tài sản và kinh doanh bất động sản		PTH03744		33	21	65.3	65.3	
36	CAO VĂN	KHANH	02/10/1989	Kiểm tra viên thuế	Đội 8, khu An Thái, xã Cao Xá, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	Đại học Ngoại thương	Kế toán		PTH01797		45	25	65.2	65.2	
37	NGUYỄN THỊ	HẰNG	02/11/1988	Kiểm tra viên thuế	Hưng Yên	Học Viện Tài Chính	Ngân hàng		PTH00990		38	18	64.7	64 7	
38	LÊ THỊ THUÝ	GIANG	28/10/1987	Kiểm tra viên thuế	Khu 10, xã Trưng Vương, Thành Phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		PTH00741		46	21	64.6	64.6	
39	TRẦN THÙY	LINH	11/10/1992	Kiểm tra viên thuế	Kinh Kệ, Phong Châu, Vĩnh Phú	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		PTH02147		54	24	64.5	64 5	
40	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	30/04/1995	Kiểm tra viên thuế	xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao, tỉnh Phu Thọ	Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam	Kế toán		PTH00862		43	21	64.1	64.1	
41	HÀ THỊ THANH	NGÂN	06/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Phượng Mao, Thanh Thủy, Phú Thọ	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kiểm toán	DTTS	PTH02544	5	43	25	59.1	64 1	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
42	PHẠM THỊ THU	HUYỀN	08/06/1991	Kiểm tra viên thuế	Khu 2, xã Phú Lạc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ	Đại học Kinh Doanh và Công Nghệ Hà Nội	Kế Toán		PTH01758		45	17	63.9	63 9	
43	DƯƠNG THU	HƯƠNG	20/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Đức Bác, Huyện Sông Lô, Tỉnh Vĩnh Phuc	Học Viện Tài Chính	Kế Toán Doanh Nghiệp		PTH01534		40	16	63.9	63.9	
44	ĐẶNG THỊ CHÚC	LÂM	20/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Đỗ Sơn, Thanh Ba, Phú Thọ	Trường Đại học Hùng Vương	Kế Toán		PTH01853		38	16	63.7	63.7	
45	NGUYỄN THANH	THÚY	18/12/1997	Kiểm tra viên thuế	P Nguyễn Thái Học, TP Yên Bái, Yên Bái	Trương Đại học Kinh Doanh và Công Nghệ Hà Nội	Quản lý kinh doanh		PTH03587		41	23	63.5	63 5	
46	TRẦN PHƯƠNG	THÚY	18/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Xuân Quang, Huyện Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế		PTH03600		43	27	63 2	63 2	
47	NGUYỄN THỊ	LÝ	07/06/1985	Kiểm tra viên thuế	xã Sông Lô, tp Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Quản Trị Kinh Doanh	ConTB	PTH02269	5	39	17	58.2	63.2	
48	NGUYỄN THỊ MINH	THẢO	28/09/1994	Kiểm tra viên thuế	xã Phụ Khánh, huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ	Học viện Tài Chính	Hải quan		PTH03351		44	26	62.7	62 7	
49	ĐỖ PHẠM KIỀU	TRANG	12/10/1993	Kiểm tra viên thuế	Tam Phúc, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ Thuật Công nghiệp	Kế toán		PTH03746		44	24	62.7	62 7	
50	ĐỖ NGỌC	YẾN	08/01/1998	Kiểm tra viên thuế	Chí Đám - Đoan Hùng - Phú Thọ	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng	ConTB	PTH04236	5	30	15	57.3	62 3	
51	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	08/12/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ	Trường Đại học Hùng Vương	Kế toán		PTH03817		43	21	62.2	62.2	
52	ĐẶNG THỊ THANH	HƯƠNG	19/02/1981	Kiểm tra viên thuế	Xã Bản Nguyên, Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ	Đại học Thái Nguyên	Kế toán		PTH01516		38	20	61.2	61 2	
53	SÁI MẠNH	DUY	13/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Vụ Cầu, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ	Học Viện Tài Chính	Quản lý tài chính công		PTH00697		47	25	61	61	
54	BÙI ĐỨC	MINH	30/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Xuân Lộc, Thanh Thuỷ, Phú Thọ	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		PTH02367		43	21	60.8	60 8	
55	THIỀU THỊ THU	HÀ	30/07/1997	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Hưng Hóa, huyện Tam Nông,tỉnh Phú Thọ	Đại học Ngoại Thương Hà Nội	Kinh tế quốc tế		PTH00883		52	MT	60.7	60 7	
56	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	18/02/1992	Kiểm tra viên thuế	Phú Thọ	Trường Đại Học công Nghiệp Việt Trì	Kế Toán		PTH03818		37	21	59.6	59.6	
57	NGUYỄN	ĐẠT	01/02/1989	Kiểm tra viên thuế	Tiến Thắng, Mê Linh, Hà Nội	Đại học Kinh tế Quốc Dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp	ConBB	PTH00485	5	42	23	54 2	59.2	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (sơ cấp)	Ngoại ngữ (sơ cấp)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
58	TRẦN THỊ	THẢO	09/09/1993	Kiểm tra viên thuế	Khu 6- xã Thạch Đồng - huyện Thanh Thủy - tỉnh Phú Thọ	Trương Đại học Hùng Vương	Kế toán	DTTS	PTH03382	5	30	22	54.2	59.2	
59	TA HỒNG	DIỆP	01/04/1988	Kiểm tra viên thuế	Đỗ Sơn, Thanh Ba, Phú Thọ	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán doanh nghiệp		PTH00520		39	16	59	59	
60	HÀ NGỌC	HẢI	18/11/1998	Kiểm tra viên thuế	xã Tân Sơn, Tân Sơn, Phú Thọ	Đại học Hùng Vương	Kế toán	DTTS	PTH00914	5	42	22	54	59	
61	NGUYỄN THỊ MỸ	HẰNG	05/07/1991	Kiểm tra viên thuế	Thanh Trì, Hà Nội	Đại học Thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		PTH01000		48	23	58.7	58.7	
62	NGUYỄN THỊ	MINH	06/10/1992	Kiểm tra viên thuế	Thọ Văn - Tam Nông - Phú Thọ	Trường ĐH Hùng Vương	Tài chính - Ngân hàng		PTH02387		45	21	58.5	58.5	
63	CAO THỊ	HÀ	24/11/1982	Kiểm tra viên thuế	Khu 5 - xã Hùng Lô - thành phố Việt Trì - tỉnh Phú Thọ	Trường Đại học nông nghiệp Hà Nội	Kế toán doanh nghiệp	ConTB	PTH00789	5	55	18	52.5	57.5	
64	TRẦN QUỲNH	NGA	26/03/1998	Kiểm tra viên thuế	Khu 5, Hạ Bì, Xã Xuân Lộc, Huyện Thanh Thủy, Tỉnh Phú Thọ	Học Viện Tài Chính	Tài Chính Quốc Tế		PTH02518		39	19	56.6	56.6	
65	TRẦN ANH	DŨNG	10/06/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã Liên Châu, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc	Đại học kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		PTH00637		48	25	56.3	56.3	
III. Văn thư															
1	NGUYỄN THÚY	LOAN	11/03/1991	Văn thư	Xã Cao Xá- Huyện Lâm Thao- tỉnh Phú Thọ	Đại học Nội Vụ Hà Nội	Lưu trữ học		PTH05376		48	18	86	86	
2	PHÙNG THỊ	CHINH	19/04/1989	Văn thư	Tân sơn, Phú Thọ	Đại học khoa học xã hội và nhân văn	Quản trị văn phòng	DTTS	PTH05351	5	39	17	70	75	
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	VŨ THÀNH	LONG	18/02/1985	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Minh Tiến, Đoan Hùng Phú Thọ	Đại học CNTT-Đại học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh	Công nghệ thông tin		PTH05309		40	18	80	80	
2	BÙI THỊ	THẢO	17/08/1992	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Tứ Xã- Lâm Thao - Phú Thọ	Đại học công nghệ thông tin và truyền thông	Công nghệ thông tin		PTH05328		34	15	75	75	
3	TRẦN NGỌC	CHIẾN	04/04/1982	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Minh Nông - Việt Trì - Phú Thọ	Trường đại học Lương Thế Vinh	Công nghệ thông tin		PTH05276		46	23	73	73	
4	THÂN QUANG	DỊNH	20/01/1994	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Thị trấn Thổ Tang - Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc	Đại học Công Nghiệp Hà Nội	Khoa học máy tính		PTH05281		53	20	72	72	
5	NGUYỄN KIÊN	CƯỜNG	23/01/1981	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Thanh Ba, Phú Thọ	Đại học mở Hà Nội	Công nghệ thông tin		PTH05279		42	21	72	72	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
6	BÙI THANH	HÀ	16/08/1983	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Xã Xuân Quang, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	Trường Đại học sư phạm Hà Nội	Sư phạm Tin học		PTH05286		35	16	68	68	
7	LÝ VĂN	TUẤN	03/07/1991	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Đan Hà, Hạ Hòa, Phú Thọ	Trường đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tin học ứng dụng		PTH05336		48	19	58	58	
8	NGÔ THỊ HẢI	LÝ	16/01/1989	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Động Lâm - Hạ Hoà - Phú Thọ	Đại Học Hùng Vương	Tin Học		PTH05311		34	19	53	53	
9	VŨ DUY	PHƯƠNG	09/01/1992	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Tân Phú, Thanh Sơn Phú Thọ	Đại Học CNTT Và Truyền Thông Đại Học Thái Nguyên	Công nghệ thông tin		PTH05319		30	15	53	53	
10	PHẠM HOÀNG	QUÝ	01/11/1989	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Vĩnh Lại - Lâm Thao - Phú Thọ	Học viện Chính trị Khu vực 1 ĐH Công nghệ thông tin - ĐHQG TP Hồ Chí Minh	Quản lý kinh tế Công nghệ thông tin		PTH05320		45	20	50	50	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
1	NGUYỄN THU	TRANG	30/10/1986	Văn thư Trung cấp	Tứ xã - Lâm Thao- Phú Thọ	Trường trung cấp Công Nghệ và quản trị Đông Đô	Hành chính văn thư		PTH05475		46	22	82	82	
2	NGUYỄN THỊ	HOA	20/02/1989	Văn thư Trung cấp	Tam Đồng - Mê Linh - Hà Nội	Cao đẳng Nội vụ Hà Nội	quản trị văn phòng		PTH05461		41	26	80	80	

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NINH

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 /6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
II. Kiểm tra viên thuế															
1	NGUYỄN THỊ HÀ	MY	03/04/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Lê lợi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình,	NIELS BROCK	Tài chính		QNI02424		45	MT	90.5	90.5	
2	ĐỖ THỊ THANH	TÂM	23/06/1990	Kiểm tra viên thuế	Gia Tiến - Gia Viễn - Ninh Bình	Đại học Kinh Tế - Kỹ Thuật Công Nghiệp	Kế toán doanh nghiệp		QNI03137		36	19	88	88	
3	VŨ THỊ THÀNH	HUẾ	13/02/1997	Kiểm tra viên thuế	Đông Triều Quảng Ninh	Đại học Công Nghiệp Quảng Ninh	Kế toán tổng hợp		QNI01426		47	22	87.5	87.5	
4	PHẠM THANH	HUYỀN	30/08/1998	Kiểm tra viên thuế	Kim Thành- Hải Dương	Trường Đại học Tài Chính Quản Trị Kinh Doanh	Kế toán doanh nghiệp		QNI01753		48	25	86.5	86 5	
5	BÙI THỊ CẨM	HÀ	06/01/1994	Kiểm tra viên thuế	Hoằng Lộc, Hoằng Hóa, Thanh Hóa	Đại học Công nghiệp Quảng Ninh	Kế toán		QNI00784		44	22	86 5	86.5	
6	TẠ HỒNG	HẠNH	22/04/1995	Kiểm tra viên thuế	Sơn Tây, Hà Nội	Trường Đại Học Kinh Doanh và Công Nghệ Hà Nội	Tài Chính - Ngân Hàng		QNI01083		41	29	86.5	86.5	
7	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	10/07/1996	Kiểm tra viên thuế	Số nhà 33, khu Mễ Xá 3, phường Hưng Đạo, thị xã Đông Triều, tỉnh Quang Ninh	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		QNI01562		38	27	86.5	86.5	
8	NGUYỄN THÁI	DUY	16/02/1981	Kiểm tra viên thuế	Khu 6, phường Đức Chính, TX Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Đại học kinh tế Quốc Dân ĐH kinh tế và QTKD - Đại học Thái Nguyên	Kế toán Quản lý kinh tế		QNI00693		36	28	86.5	86.5	
9	NGUYỄN HOÀNG	LAN	10/06/1993	Kiểm tra viên thuế	Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán		QNI01879		41	25	85 5	85.5	
10	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	03/11/1998	Kiểm tra viên thuế	Yên Thọ, Đông Triều, Quảng Ninh	Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		QNI00766		54	MT	85	85	
11	HÀ KIM	PHƯỢNG	13/01/1998	Kiểm tra viên thuế	Tổng Trân, Phù Cừ, Hưng Yên	Đại học Thương Mại	Quản lý kinh tế		QNI02954		52	27	84.5	84.5	
12	TRẦN ANH	THU	12/05/1995	Kiểm tra viên thuế	Móng Cái, Quảng Ninh	Đại học Greenwich	Tài chính-Đầu tư		QNI03513		49	MT	84 5	84.5	
13	VŨ TIẾN	THÀNH	11/11/1996	Kiểm tra viên thuế	Hoàng Diệu, Chương Mỹ, Hà Nội	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Kế toán		QNI03273		35	25	84.5	84 5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
14	NGUYỄN THỊ THANH	LOAN	23/05/1993	Kiểm tra viên thuế	Đồng Ích - Lập Thạch - Vĩnh Phúc	Trường ĐH Ngoại thương	Kinh doanh quốc tế		QNI02191		40	21	83 5	83 5	
15	NGUYỄN TRỊNH NGỌC	MAI	12/03/1997	Kiểm tra viên thuế	Nguyễn Huệ, Đông Triều, Quảng Ninh	Đại học Kinh tế Quốc Dân	Kiểm toán		QNI02317		33	28	83	83	
16	PHẠM HOÀI	NAM	28/09/1991	Kiểm tra viên thuế	Số 103, phố Chu Văn An, thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh	Trường Đại Học Công Nghệ Đông Á	Kế toán		QNI02459		48	24	82.5	82.5	
17	NGUYỄN THỊ	HẰNG	29/06/1993	Kiểm tra viên thuế	CẨM PHẢ-QUẢNG NINH	Đại học Mỏ - Địa chất Đại học Mỏ - Địa chất	quản lý kinh tế Kế toán		QNI00996		48	17	82 5	82.5	
18	NGUYỄN NGỌC	HUẤN	14/04/1993	Kiểm tra viên thuế	Đông Hưng, Thái Bình	Đại Học Mỏ Địa chất Hà Nội	Kế toán		QNI01399		42	18	82	82	
19	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	24/09/1997	Kiểm tra viên thuế	Hưng Đạo, Đông Triều, Quảng Ninh	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	Kế toán doanh nghiệp		QNI02896		31	21	82	82	
20	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	13/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Quảng Ninh	Học viện tài chính	Kiểm toán	ConTB	QNI00453	5	38	21	76 9	81 9	
21	BÙI DUY	TÙNG	11/06/1995	Kiểm tra viên thuế	Hoành Bồ, Quảng Ninh	Đại học công nghiệp Việt Hung	Tài chính kế toán		QNI04015		48	25	81.5	81.5	
22	TRẦN ĐỨC	THẮNG	11/10/1996	Kiểm tra viên thuế	Đức Thọ, Hà Tĩnh	Trường đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Tài chính doanh nghiệp		QNI03216		42	22	81.2	81.2	
23	PHẠM THỊ	LY	10/06/1990	Kiểm tra viên thuế	Liên Hồng, Gia Lộc, Hải Dương	Học viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		QNI02261		51	17	81	81	
24	PHẠM HOÀNG HẢI	YẾN	18/11/1992	Kiểm tra viên thuế	Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	Trường Đại Học Thăng Long	Tài Chính		QNI04269		53	28	80.5	80.5	
25	NGUYỄN VIỆT	THANH	10/03/1997	Kiểm tra viên thuế	Việt Dân, Đông Triều, Quảng Ninh	Trường Đại Học Thủy Lợi	Kế Toán Doanh Nghiệp		QNI03249		46	26	80.5	80.5	
26	VI THỊ	LONG	19/01/1988	Kiểm tra viên thuế	Xã Vô Ngại, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	Viện Đại học mở Hà Nội	Luật kinh tế	DTTS	QNI02218	5	38	19	75 5	80 5	
27	ĐẶNG THỊ	LIỄU	03/04/1994	Kiểm tra viên thuế	Thôn 2 xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		QNI01948		48	19	79.5	79 5	
28	HOÀNG THỊ NGỌC	ANH	25/07/1996	Kiểm tra viên thuế	Quảng Yên, Quảng Ninh	Đại học Luật Hà Nội	Luật học		QNI00069		30	16	78 5	78.5	
29	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	03/05/1996	Kiểm tra viên thuế	Kinh Môn, Hải Dương	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp	Kế toán		QNI04266		53	26	78	78	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
30	NGUYỄN THỊ	HIỀN	31/01/1992	Kiểm tra viên thuế	Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội	Học viện Tài chính	Chứng khoán		QNI01116		47	27	78	78	
31	NGUYỄN THỊ	NGỌC	07/05/1990	Kiểm tra viên thuế	Thái Thụy, Thái Bình	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh		QNI02619		44	MT	77.5	77.5	
32	TRẦN MINH	THƯ	02/07/1983	Kiểm tra viên thuế	Bắc Giang	Đại học Mỏ Địa chất Hà Nội	Quản lý kinh tế		QNI03514		34	23	77	77	
33	NGUYỄN DIỆU	HUYỀN	20/01/1994	Kiểm tra viên thuế	Xuân Khê, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học Tài chính Quản trị kinh doanh	Tài chính doanh nghiệp		QNI01706		44	20	76.9	76.9	
34	LÊ TRANG THÙY	DƯƠNG	07/03/1991	Kiểm tra viên thuế	Thanh Hà, Hải Dương	Đại học Kinh tế- ĐH Quốc gia Hà Nội	Kế toán		QNI00654		50	23	76.5	76.5	
35	NGUYỄN BÍCH	NGỌC	04/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Bình Lục, Hà Nam	Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh	Kế toán doanh nghiệp		QNI02613		45	27	76.5	76.5	
36	ĐINH ANH	THƯ	12/08/1994	Kiểm tra viên thuế	Vạn Yên, Vân Đồn, Quảng Ninh	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Kinh tế Chính trị		QNI03502		40	26	76.4	76.4	
37	ĐÀO LÊ ANH	BÌNH	28/07/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã Đồng Phú, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình	Trường Đại Học Công Nghiệp Việt- Hung	Tài chính - Ngân hàng		QNI00325		35	25	76	76	
38	TA THỊ NGỌC	MAI	25/10/1997	Kiểm tra viên thuế	Vũ Tây, Kiến Xương, Thái Bình	Học Viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông	Quản Trị Doanh Nghiệp		QNI02328		52	20	75.9	75.9	
39	TRẦN NGỌC	QUANG	10/06/1994	Kiểm tra viên thuế	Đức Dũng, Đức Thọ, Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính - Ngân hàng		QNI03011		46	25	75.5	75.5	
40	PHAN THỊ KIM	THOA	24/04/1992	Kiểm tra viên thuế	Huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh	Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán		QNI03440		46	28	75	75	
41	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	11/07/1996	Kiểm tra viên thuế	Kim Động, Hưng Yên	Đại học Thương mại	Tiếng Pháp thương mại		QNI00283		39	25	75	75	
42	HOÀNG ĐỨC	VIỆT	03/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Kinh Môn, Hải Dương	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế hoạch		QNI04166		50	27	74.5	74.5	
43	PHẠM THÚY	AN	04/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Cộng Hòa, Quảng Yên, Quảng Ninh	Trường Đại học Công Nghiệp Quảng Ninh	Kế toán tổng hợp		QNI00012		47	16	74.5	74.5	
44	VŨ HỒNG	HẠNH	26/12/1995	Kiểm tra viên thuế	Phong Cốc, Quảng Yên, Quảng Ninh	Khoa Quốc Tế - Đại học quốc gia Hà Nội	Kế toán, phân tích và kiểm toán		QNI01093		49	MT	74.4	74.4	
45	VŨ THỊ	PHƯỢNG	17/12/1991	Kiểm tra viên thuế	An Trụ - An Thịnh – Lương Tài – Bắc Ninh	Đại Học Kinh Tế Quốc Dân Trường Cao đẳng Tài chính Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp Quản trị kinh doanh		QNI02942		54	28	74.3	74.3	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
46	MAC MỸ	HANH	19/06/1992	Kiểm tra viên thuế	Quảng Ninh	Học Viện Tài Chính	Kế toán		QNI01059		44	24	74 2	74 2	
47	TRỊNH TIẾN	ĐẠT	17/09/1996	Kiểm tra viên thuế	Cẩm Giàng, Hải Dương	Trường Đại Học Dân Lập Thăng Long	Kế toán		QNI00500		39	25	72.9	72 9	
48	LÊ THỊ THANH	NHÀN	27/11/1998	Kiểm tra viên thuế	Hải Dương	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	Thuế		QNI02696		45	24	72 5	72 5	
49	NGUYỄN VĂN	THƯƠNG	05/11/1987	Kiểm tra viên thuế	Khu Đoàn Xá 1 Hồng Phong Đông Triều Quảng Ninh	Đại học nông nghiệp 1 hà nội	kinh tế nông nghiệp	CondeNHD KCbiNCDH H	QNI03545	5	44	24	67 5	72 5	
50	NGUYỄN THỊ	NGỌC	15/11/1995	Kiểm tra viên thuế	Thái Tân, Thái Thụy, Thái Bình	Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	Kế toán		QNI02623		40	22	72 5	72 5	
51	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	30/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Nam Lý, TP Đồng Hới, Quảng Bình	Đại học Kinh tế Quốc dân	Hải quan		QNI00665		47	29	72	72	
52	TRẦN THI	QUÝ	14/09/1993	Kiểm tra viên thuế	Sơn Phố, Hương Sơn, Hà Tĩnh	Đại học Giao thông vận tải Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản trị doanh nghiệp xây dựng Kế toán		QNI03021		40	24	71 9	71.9	
53	BÙI GIA	KHÁNH	27/08/1996	Kiểm tra viên thuế	Quan Lạn - Vân Đồn - Quảng Ninh	Đại Học Dân Lập Hải Phòng	Kế toán - Kiểm toán		QNI01799		49	24	71.5	71 5	
54	NGÔ THỊ LAN	NHI	20/05/1996	Kiểm tra viên thuế	Đinh Xá, Phủ Lý, Hà Nam	Đại học Thủy Lợi	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên		QNI02709		43	19	71.5	71 5	
55	NGÔ HÀ	MY	27/10/1997	Kiểm tra viên thuế	Số nhà 198, Đường Nguyễn Văn Cừ, tổ 3, Khu Vĩnh Tuy 2, Phường Mạo Khê, Thị Xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh	Đại Học ROUEN NORMANDE	Thương mại Sản Phẩm ngân hàng và dịch vụ tài chính		QNI02416		36	20	71 5	71.5	
56	PHẠM HẠNH	TÂM	01/06/1989	Kiểm tra viên thuế	SN 15 TỔ 4 KHU 3B CẨM TRUNG CẨM PHẢ QUẢNG NINH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP		QNI03152		42	25	71 2	71.2	
57	NGUYỄN ANH	TUẤN	13/12/1992	Kiểm tra viên thuế	Đức Chính - Đông Triều - Quảng Ninh	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		QNI03997		50	20	71	71	
58	LÊ THỊ	NGUYỆT	10/07/1996	Kiểm tra viên thuế	Kim Sơn, Đông Triều, Quảng Ninh	Học viện tài chính	kế toán doanh nghiệp		QNI02671		42	17	71	71	
59	HOÀNG THÙY	DUYÊN	22/11/1998	Kiểm tra viên thuế	Móng Cái, Quảng Ninh	Học viện Tài Chính	Thuế		QNI00703		32	25	71	71	
60	ĐINH THỊ	LIỄU	06/11/1991	Kiểm tra viên thuế	Hiệp cát, Nam Sách, Hải Dương	Học Viện Tài Chính	Hải Quan		QNI01949		54	20	70 8	70 8	
61	ĐÀO TRÀN	HUY	06/08/1989	Kiểm tra viên thuế	Minh Tân, Kinh Môn, Hải Dương	Trường Đại học Giao thông Vận tải Trường Đại học Griggs, Hoa Kỳ	Quản Trị Kinh Doanh Quản Trị Kinh Doanh		QNI01638		40	MT	70.5	70.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
62	PHAM THI THU	TRANG	26/12/1993	Kiểm tra viên thuế	Đông Triều, Quảng Ninh	Học viện Tài chính	Thuế		QNI03871		37	17	70.5	70.5	
63	LÊ THANH	BÌNH	29/11/1984	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Đầm Hà, huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh	Đại học Kinh tế Quốc dân Đại học Mỏ - Địa chất	Kinh tế lao động Quản lý kinh tế		QNI00331		33	17	70.5	70.5	
64	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	08/03/1996	Kiểm tra viên thuế	Gia Phú, Gia Viễn, Ninh Bình	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Kế toán		QNI02750		38	17	70.4	70 4	
65	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	12/12/1993	Kiểm tra viên thuế	Quảng Ninh	Đại học Thương Mại	Quản lý kinh tế		QNI03320		45	23	70 3	70.3	
66	ĐÀO THI THU	HẰNG	25/12/1991	Kiểm tra viên thuế	Quỳnh Hoa, Quỳnh Phụ, Thái Bình	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Quản lý kinh tế		QNI00963		43	27	70.3	70.3	
67	TRẦN PHƯƠNG	NHUNG	07/12/1998	Kiểm tra viên thuế	Vụ Bản, Nam Định	Đại học ngoại thương	Kế toán - kiểm toán định hướng nghề nghiệp ACCA		QNI02778		50	25	70	70	
68	TA LÊ HIỀN	LƯƠNG	14/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Hồng Thái Đông, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Khoa Luật - Đại học Quốc Gia Hà Nội	Luật học		QNI02237		48	20	70	70	
69	BÙI THỊ	THẢO	02/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Xã Hưng Công, Bình Lục, Hà Nam	Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Nam Định	Kế Toán		QNI03277		42	19	69.9	69.9	
70	TRẦN XUÂN	TRƯỜNG	17/11/1995	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Trường đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh	Tài chính Doanh nghiệp		QNI03963		32	28	69.9	69 9	
71	LỤC ĐỨC	KIÊN	02/03/1997	Kiểm tra viên thuế	thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.	Học viện Ngân Hàng	Tài chính	DTTS	QNI01831	5	48	25	64 8	69.8	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
1	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	29/09/1988	Văn thư Trung cấp	Thôn Hòa Tiến, Xã Phượng Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	Trường Đại học Nội vụ Hà Nội	Lưu trữ học		QNI05463		51	24	68	68	
2	LÊ THỊ PHƯƠNG	TRANG	08/09/1996	Văn thư Trung cấp	xã Xuân Bắc, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	Trường Đại học nội vụ Hà Nội	Quản trị văn phòng		QNI05474		42	17	61	61	
3	MAC THI	DỤ	10/09/1994	Văn thư Trung cấp	Đông Triều-Quảng Ninh	Đại học Nội Vụ Hà Nội	Quản trị văn phòng		QNI05457		49	25	52	52	
4	HOÀNG THỊ NHƯ	NGỌC	05/05/1994	Văn thư Trung cấp	Quảng Ninh	Học viện Hành Chính Quốc Gia	Hành chính học		QNI05466		44	22	50	50	

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
II. Kiểm tra viên thuế															
1	CÀM QUỲNH	MAI	01/09/1990	Kiểm tra viên thuế	Mường Chanh, Mai Sơn, Sơn La	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp	DTTS	SLA00461	5	30	MT	78	83	
2	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	05/10/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Phú Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Trường Đại học Công đoàn	Luật		SLA00018		42	24	82	82	
3	ĐINH THỊ	NHU	16/07/1998	Kiểm tra viên thuế	Bản Sập Việt, xã Tạ Khoa, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La	Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam	Quản lý kinh tế	DTTS	SLA00570	5	44	MT	73.5	78.5	
4	TRƯƠNG THỊ	THẮM	08/09/1989	Kiểm tra viên thuế	Đại Xuyên - Phú Xuyên - Hà Nội	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		SLA00668		50	MT	76.5	76.5	
5	BUI MẠNH	CƯỜNG	01/08/1996	Kiểm tra viên thuế	Đức Hợp, Kim Động, Hưng Yên	Kinh Tế Quốc Dân	Kinh tế Bất động sản và Địa chính		SLA00075		49	19	76 4	76.4	
6	PHẠM THÙY	LINH	26/12/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Đại Tập, Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	ĐH Tài chính Ngân hàng Hà Nội	Kế toán		SLA00419		41	MT	75	75	
7	PHẠM THỊ QUỲNH	MAI	02/12/1991	Kiểm tra viên thuế	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	Đại học Phương Đông	Kế toán		SLA00476		31	MT	74.5	74 5	
8	LÒ TIẾN	TOÀN	02/12/1994	Kiểm tra viên thuế	Chiềng Mai - Mai Sơn - Sơn La	Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Tài chính quốc tế	DTTS	SLA00786	5	33	MT	67 9	72.9	
9	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	15/02/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Bùi Xá, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán - Kiểm toán		SLA00602		45	MT	72 5	72.5	
10	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	20/11/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Thanh Tâm- huyện Thanh Liêm- tỉnh Hà Nam	Trường Đại Học Thương Mại	Quản Lý Kinh Tế		SLA00359		41	MT	72	72	
11	NGUYỄN TRỌNG THI	HƯƠNG	16/01/1994	Kiểm tra viên thuế	Hát Môn, Phúc Thọ, Hà Nội	Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Ngân hàng		SLA00303		42	16	70.5	70.5	
12	VŨ HUYỀN	TRANG	10/06/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.	Trường Đại học Tây Bắc	Kế toán		SLA00826		41	MT	70 5	70 5	
13	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	12/10/1990	Kiểm tra viên thuế	xã Đồn Xá, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam	Đại HọcThương Mại	Kế toán doanh nghiệp		SLA00813		43	29	70	70	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
14	VŨ THỊ	TÂM	09/07/1998	Kiểm tra viên thuế	Gia Hưng – Gia Viễn – Ninh Bình	Học viện Tài Chính	Quản lý tài chính công		SLA00657		46	MT	69.6	69 6	
15	NGUYỄN THI	HỒNG	06/08/1994	Kiểm tra viên thuế	XÃ YÊN SỞ, HUYỆN HOÀI ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	KẾ TOÁN	DTTS	SLA00268	5	42	MT	64	69	
16	LÊ THANH	HẢI	07/01/1987	Kiểm tra viên thuế	Đại Thạnh - Đại Lộc - Quảng Nam	Trường Đại Học Tây Bắc	Kế Toán		SLA00189		45	MT	68 8	68.8	
17	NGUYỄN TRANG	DUNG	16/06/1993	Kiểm tra viên thuế	Tân Việt - Yên Mỹ - Hưng Yên	Đại học Đại Nam	Tài chính doanh nghiệp		SLA00123		32	MT	68	68	
18	BUI MAI	CHI	19/12/1992	Kiểm tra viên thuế	Thôn Chi Yếu, Đặng Cương, An Dương, Hải Phòng	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng Thương mại	DTTS	SLA00055	5	36	MT	62.4	67 4	
19	HỒ THU	TRANG	08/11/1991	Kiểm tra viên thuế	Phú Hồ, Phú Vang, Thừa Thiên - Huế	Đại học Kinh tế quốc dân	Ngân hàng		SLA00794		39	30	67	67	
20	HÀ THỊ	QUYÊN	09/04/1996	Kiểm tra viên thuế	Mường Lầm, Sông Mã,SơnLa	Đại học Lao động - Xã Hội Đại học Lao động - Xã Hội	Kế toán Bảo hiểm	DTTS	SLA00625	5	36	MT	60.4	65 4	
21	CẦM VĂN	THẮNG	18/12/1988	Kiểm tra viên thuế	Xã Tường Phong, Huyện Phù Yên, Tỉnh Sơn La	Trường Đại Học Kinh Tế Đà Nẵng	Tài Chính -Ngân Hàng	DTTS	SLA00669	5	33	MT	60 4	65 4	
22	CAO THỊ	ANH	14/04/1998	Kiểm tra viên thuế	Thôn Thường Duyên, xã Vân Lang, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Học viện Ngân Hàng	Kế toán doanh nghiệp		SLA00005		47	MT	65.2	65 2	
23	NGUYỄN NGỌC	TÚ	07/10/1987	Kiểm tra viên thuế	Số 50, đội 11, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, Hà Nội	Trường Đại học Thành Đô	Kế toán		SLA00853		37	18	64 7	64.7	
24	NGUYỄN VĂN	NGUYÊN	12/09/1996	Kiểm tra viên thuế	Quỳnh Phong, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội	Kế toán		SLA00553		50	22	64.5	64 5	
25	BÙI THỊ THƯƠNG	THẢO	15/05/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Học Viện Nông nghiệp Việt Nam	Kế toán		SLA00686		48	MT	64 2	64 2	
26	PHẠM THỊ HẢI	ANH	01/11/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Cẩm Sơn- huyện Cẩm Giàng- Tỉnh Hải Dương	Trường Đại Học Hải Dương	Kế toán tổng hợp	DTTS	SLA00023	5	38	MT	59	64	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
1	TA THỊ	HỒNG	23/07/1986	Văn thư Trung cấp	Thôn An Lạc, xã Đồng Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Cao đẳng Nội vụ Hà Nội	Văn thư - Lưu trữ		SLA01235		49	MT	74	74	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2	NGUYỄN PHI	NGA	18/08/1989	Văn thư Trung cấp	Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh	Cao đẳng Nội vụ Hà Nội	Văn thư - Lưu trữ		SLA01238		43	23	50	50	

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH THÁI BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4/6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
II. Kiểm tra viên thuế															
1	PHẠM THỊ	HẢI	28/04/1981	Kiểm tra viên thuế	Xã Thượng Hiền, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Trường Đại học Thương mại	Kế toán Doanh nghiệp	ConBB	TBI00936	5	38	27	89.6	94.6	
2	TRẦN MINH	PHƯƠNG	27/09/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Phú Sơn, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp	ConLS	TBI02926	5	39	21	83	88	
3	LÊ THỊ	THÙY	25/09/1994	Kiểm tra viên thuế	Hòa tiến - Hưng Hà - Thái Bình	Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Hưng Yên	kế toán doanh nghiệp		TBI03609		34	27	87.5	87.5	
4	TRẦN THỊ MỸ	HẠNH	19/01/1995	Kiểm tra viên thuế	Thôn Tân Hòa, xã Hợp Tiến, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Trường Đại Học Điện Lực	Kế toán doanh nghiệp		TBI01089		41	27	86.5	86.5	
5	NGUYỄN XUÂN	TÙNG	12/10/1990	Kiểm tra viên thuế	Đông Giang, Đông Hưng, Thái Bình	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		TBI04039		36	16	84.5	84.5	
6	VŨ THỊ	LIÊN	31/08/1982	Kiểm tra viên thuế	Xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh THái bình	Trường đại học kinh tế quốc dân	Kế toán	ConTB	TBI01946	5	50	20	78.4	83.4	
7	NGUYỄN THỊ MINH	TÂM	24/11/1996	Kiểm tra viên thuế	xã Cộng Hòa, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Kinh tế nông nghiệp chất lượng cao		TBI03146		52	MT	83	83	
8	NGUYỄN THỊ	VÂN	24/06/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn Thuận An, xã Việt Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		TBI04115		52	23	83	83	
9	NGUYỄN THỊ ANH	THƠ	05/12/1992	Kiểm tra viên thuế	Thôn Hoàng Nông, Xã Lô Giang, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình	Trường đại học Thương Mại	Kế toan tài chính doanh nghiệp thương mại	ConTB	TBI03432	5	48	25	78	83	
10	PHẠM THỊ	NGỌC	18/10/1993	Kiểm tra viên thuế	Dương Hồng Thủy - Thái Thụy - Thái Bình	Đại học kinh tế và Quản trị kinh doanh	Kế toán tổng hợp		TBI02634		47	21	83	83	
11	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUỆ	18/02/1997	Kiểm tra viên thuế	Xóm 2 thôn Cầu Thượng xã Đông Dương huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình	Học Viện Tài Chính	Kế toán Doanh nghiệp		TBI01450		49	26	82	82	
12	LƯƠNG NGỌC	LY	18/06/1992	Kiểm tra viên thuế	Thôn Đoài, xã Hòa Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Đại học Bà Rịa Vũng Tàu	Kế toán		TBI02256		55	18	81.9	81.9	
13	ĐẶNG THỊ	HẬU	20/12/1989	Kiểm tra viên thuế	Thôn An Hạ xã Nam Hải huyện Tiền Hải tỉnh Thái Bình	Đại học Kinh Doanh và Công Nghệ Hà Nội	Tài Chính Ngân Hàng		TBI01101		43	24	80.9	80.9	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
14	LẠI THỊ	THẢO	01/10/1988	Kiểm tra viên thuế	Liêm Thuận - Thanh Liêm - Hà Nam	Đại học Thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	ConTB	TBI03311	5	39	22	75.7	80 7	
15	NGUYỄN THỊ	HẠNH	22/01/1981	Kiểm tra viên thuế	Tây Lương, Tiền Hải, Thái Bình	Trường ĐH Thương mại Hà Nội	Quản trị doanh nghiệp thương mại		TBI01067		47	28	80 5	80 5	
16	BÙI THỊ HỒNG	NHUNG	14/12/1993	Kiểm tra viên thuế	Tân Bình, Tp.Thái Bình, Thái Bình	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Tài Chính Ngân Hàng	ConTB	TBI02719	5	34	23	75.4	80.4	
17	HÀ QUANG	TÙNG	02/09/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Trung Nghĩa, Xã Đông Hòa, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		TBI04019		45	20	80 3	80.3	
18	TRẦN THỊ THU	HƯƠNG	04/11/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Hồng Việt, huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình	Học viện Tài Chính	Thuế		TBI01592		44	25	80	80	
19	PHẠM THỊ	LIÊN	27/07/1993	Kiểm tra viên thuế	Phong Châu, Đông Hưng, Thái Bình	Trường Đại học Thái Bình Trường Đại học Lao động - Xã hội	Kế toán Bảo hiểm		TBI01939		32	15	79 8	79 8	
20	ĐẶNG THỊ	NGA	20/02/1994	Kiểm tra viên thuế	Thôn Đông Hòa, xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		TBI02474		54	26	79 5	79.5	
21	HÀ NHẬT	DƯƠNG	11/09/1998	Kiểm tra viên thuế	Đông Hòa, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Học Viện Ngân Hàng	Ngân hàng		TBI00647		52	28	79 5	79.5	
22	NGUYỄN LƯƠNG	TÂN	30/01/1989	Kiểm tra viên thuế	Xã Cộng Hòa,huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Đại học kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh Quốc Tế		TBI03168		49	23	79	79	
23	CHU VIỆT	HÀ	21/05/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Quang Trung, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Luật kinh doanh		TBI00794		52	27	78.8	78.8	
24	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	14/09/1992	Kiểm tra viên thuế	Tân Hòa, Vũ Thư, Thái Bình	Đại học công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		TBI03544		45	20	78.5	78 5	
25	TRẦN QUY	HƯƠNG	10/11/1994	Kiểm tra viên thuế	Hoa Lư - Đông Hưng - Thái Bình	Học Viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		TBI01582		41	22	78 5	78 5	
26	TẠ THỊ THU	HƯỜNG	20/11/1985	Kiểm tra viên thuế	Thôn Tịch Trần, Xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	Kế toán doanh nghiệp		TBI01631		41	19	78.5	78 5	
27	NGUYỄN XUÂN	TRƯỜNG	12/08/1993	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội Học viện Khoa học xã hội	Tài chính Quản trị kinh doanh		TBI03960		34	25	78 4	78.4	
28	ĐẶNG THỊ	HIỀN	08/08/1990	Kiểm tra viên thuế	Vũ Đông - Thành phố Thái Bình - Thái Bình	Đại học Công Nghiệp Hà Nội Đại học Thành Đông	Kế toán Luật kinh tế	ConTB	TBI01110	5	49	25	73	78	
29	NGUYỄN THỊ	HẰNG	05/11/1992	Kiểm tra viên thuế	XÓM 1- AN CHÂU- ĐÔNG HƯNG-THÁI BÌNH	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP		TBI00994		43	23	77.9	77 9	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
30	PHẠM THỊ HỒNG	QUYÊN	22/06/1998	Kiểm tra viên thuế	XÓM 9, THÔN TỔNG KHÊ, XÃ ĐÔNG HOÀNG, HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP		TBI03037		43	23	77.8	77 8	
31	NGUYỄN THỊ THANH	TÂN	06/03/1989	Kiểm tra viên thuế	Thôn Hoàng Nông, xã Lô Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp	ConTB	TBI03170	5	42	25	72.5	77.5	
32	ĐOÀN THỊ	THỊM	03/04/1987	Kiểm tra viên thuế	Xã Bắc Hưng - Huyện Tiên Lãng - TP Hải Phòng	Đại học Thương Mại Đại học Thương mại	Kế toán - Tài chính doanh nghiệp thương mại Quản trị kinh doanh		TBI03420		36	20	77.5	77.5	
33	PHẠM THỊ	KHÁNH	28/03/1986	Kiểm tra viên thuế	Thái Thụy - Thái Bình	Đại học Thương Mại	Kế toán - tài chính doanh nghiệp thương mại		TBI01814		54	24	77	77	
34	NGUYỄN THỊ	CHÂU	17/04/1997	Kiểm tra viên thuế	Xóm 9, thôn Bao Châu, xã Đông La, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình ,	Trường Đại học Thái Bình	Kế toán tổng hợp	ConBB	TBI00363	5	39	26	71 8	76.8	
35	LÃ THỊ HỒNG	NHUNG	16/02/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn Tam Lộng - Xã Thụy Hưng - Huyện Thái Thụy - Tỉnh Thái Bình	Trường Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp	ConBB	TBI02738	5	36	20	71 2	76 2	
36	THÁI THỊ	HUYỀN	24/02/1994	Kiểm tra viên thuế	Khu Vân Nam, thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Trường Đại học kinh tế- kỹ thuật Công Nghiệp	Kế toán		TBI01766		43	23	76	76	
37	TRẦN TRỌNG	THỪ	20/04/1982	Kiểm tra viên thuế	xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Trường Đại Học Kinh tế Quốc Dân	Kế toán	CondeNHDKCbiNCDDH	TBI03518	5	34	25	70.5	75.5	
38	ĐẶNG THỊ THU	HÀ	06/11/1997	Kiểm tra viên thuế	Thôn 6, xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Học viện Tài chính	Kiểm toán		TBI00798		51	25	75.1	75 1	
39	HÀ THỊ	THÊM	20/12/1987	Kiểm tra viên thuế	Quỳnh Ngọc, Quỳnh Phụ, Thái Bình	Trường đại học giao thông vận tải	Kế toán tổng hợp		TBI03405		42	26	75	75	
40	PHẠM THỊ NHU	QUỲNH	09/09/1989	Kiểm tra viên thuế	Thái Hà, Thái Thụy, Thái Bình	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		TBI03079		46	24	74 9	74 9	
41	NGUYỄN KIỀU	TRANG	18/11/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Song An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh Tế		TBI03801		49	25	74.7	74 7	
42	NGUYỄN THỊ	LIÊN	28/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Quỳnh Mỹ, Quỳnh Phụ, Thái Bình	Trường Đại Học Kinh Tế - Đại học Quốc Gia Hà Nội	Chính sách công		TBI01933		49	21	74.7	74 7	
43	NGUYỄN HỒNG	DIỆU	05/01/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã Thụy Hưng, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế bảo hiểm		TBI00528		45	25	74.5	74.5	
44	NGUYỄN THỊ	THOA	23/06/1991	Kiểm tra viên thuế	Thôn Lang Duyên, Xã Châu Sơn, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình	Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh	Kế Toán		TBI03437		41	27	74 5	74 5	
45	VŨ QUANG	TRUYỀN	06/07/1994	Kiểm tra viên thuế	Thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định	Học viện Tài Chính	Kế toan doanh nghiệp		TBI03965		41	21	74.5	74.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
46	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	18/11/1987	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Học Viện Tài Chính Học Viện Tài Chính	Ngân hàng Kinh tế	ConTB	TBI03827	5	45	18	69 3	74.3	
47	NGUYỄN THỊ	LOAN	31/05/1994	Kiểm tra viên thuế	thôn Trung Châu Đông, xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế		TBI02184		49	20	74	74	
48	BÙI THỊ ÚT	ANH	31/10/1991	Kiểm tra viên thuế	Tân Học, Thái Thụy, Thái Bình	Trường Đại Học Thăng Long	Tài chính		TBI00023		46	17	73 8	73 8	
49	VŨ THỊ XUÂN	TRÚC	20/03/1989	Kiểm tra viên thuế	Đông Dương - Đông Hưng - Thái Bình	Đại Học Công Nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		TBI03934		47	19	73 5	73 5	
50	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	01/04/1993	Kiểm tra viên thuế	Xóm 6, xã Liên Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Học Viện Tài Chính	Ngân Hàng		TBI01561		54	23	73.4	73 4	
51	VŨ THỊ	THỦY	10/09/1993	Kiểm tra viên thuế	Minh Tân - Hưng Hà - Thái Bình	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		TBI03660		42	28	73 2	73 2	
52	VŨ THÙY	LINH	15/12/1992	Kiểm tra viên thuế	SN11/03, ngõ 490 đường Lê Thánh Tông, tổ 21, phường Trần Hưng Đạo, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		TBI02168		48	20	73 1	73.1	
53	BÙI THỊ	XUYẾN	06/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Thôn Bồng Lai, Xã Ninh Hải, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Kế toán		TBI04230		46	18	73	73	
54	TRẦN THỊ	QUẾ	26/12/1983	Kiểm tra viên thuế	Diễn Châu- Nghệ An	Trường đại học Thương Mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		TBI03015		35	21	73	73	
55	ĐẶNG PHƯƠNG	HOA	24/02/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Đông Vinh, huyện Đông Hưng, Thái Bình	Học viện Tài chính	Kiểm toán		TBI01246		45	28	72.7	72.7	
56	VŨ THỊ HỒNG	NHUNG	25/04/1992	Kiểm tra viên thuế	Số nhà 180, Tổ dân phố số 1, Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình	Trường Đại học Thủy Lợi	Kế toán		TBI02784		47	25	72 5	72.5	
57	LƯƠNG THỊ	THÚY	12/08/1989	Kiểm tra viên thuế	Liên Hiệp, Hưng Hà, Thái Bình	Đại học Thành Tây	Kế toán		TBI03583		32	22	72.3	72 3	
58	TRẦN THỊ	BÌNH	30/04/1998	Kiểm tra viên thuế	Vũ Đông, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế		TBI00339		48	26	72	72	
59	BÙI THỊ VÂN	KHÁNH	10/11/1997	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Học viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		TBI01804		57	28	71.5	71 5	
60	VŨ THỊ THANH	MAI	15/03/1991	Kiểm tra viên thuế	Quỳnh Khê - Quỳnh Phụ - Thái Bình	Trường Đại học kinh tế Quốc Dân	Kế toán tổng hợp		TBI02340		48	18	71.5	71 5	
61	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	28/11/1983	Kiểm tra viên thuế	Xã Hòa Bình, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH	Kế toán - Kiểm toán		TBI02960		42	29	71 2	71 2	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
62	NGUYỄN THỊ	LOAN	22/09/1997	Kiểm tra viên thuế	Song An, Vũ Thư, Thái Bình	Trường Đại Học Kinh tế Quốc Dân	Kinh tế bảo hiểm		TBI02187		48	21	71	71	
63	BÙI THỊ TUYẾT	CHI	25/01/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Đông Động - Huyện Đông Hưng - Tỉnh Thái Bình	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		TBI00366		31	23	71	71	
64	PHẠM THỊ	DỊU	14/04/1982	Kiểm tra viên thuế	ĐÔNG QUÝ - TIỀN HẢI - THÁI BINH	Đại Học Kinh Tế Quốc Dân VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG KẾ TOÁN		TBI00537		34	17	70.5	70.5	
65	ĐỖ THỊ	PHƯỢNG	09/12/1991	Kiểm tra viên thuế	thôn Trung, xã An Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản trị Kinh doanh Tổng hợp		TBI02951		51	26	70.3	70.3	
66	TRẦN THỊ	GIANG	12/11/1994	Kiểm tra viên thuế	SN 14, Ngõ 34 Phố Phạm Huy Quang, Tổ 2, Phường Trần Lãm, Thành phố Thai Bình	Học viện Ngân hàng Học viện Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp Ngôn ngữ Anh		TBI00772		51	28	70 1	70 1	
67	TRẦN HẢI	YẾN	01/04/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Vũ Lạc, Thành phố Thai Bình	Trường Đại học kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp	CondeNHD KCbiNCDH H	TBI04272	5	54	26	64.9	69.9	
68	LÊ THỊ NGỌC	THẢO	08/02/1997	Kiểm tra viên thuế	Giao Tiến, Giao Thủy, Nam Định	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		TBI03318		44	22	69.8	69 8	
69	NGUYỄN KHÁNH	LINH	24/11/1995	Kiểm tra viên thuế	Tân Lập, Vũ Thư, Thái Bình	Học Viện Tài Chính	Kiểm toán		TBI02047		58	25	69.7	69 7	
70	NGUYỄN THỊ	TÂM	02/10/1990	Kiểm tra viên thuế	Thôn Văn Ông Đông, xã Đông Vinh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		TBI03143		40	18	69.2	69.2	
71	TRƯƠNG THỊ THU	TRANG	12/12/1993	Kiểm tra viên thuế	Tân Hòa, Hưng Hà, Thái Bình	ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	Quản trị Doanh nghiệp		TBI03912		46	25	69.1	69.1	
72	NGUYỄN THỊ	THU	17/02/1987	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Trường Đại học Thành Đông Trường đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	Luật Kinh tế KẾ TOÁN		TBI03472		35	20	69	69	
73	NGUYỄN THỊ	HẠNH	01/11/1998	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		TBI01072		51	26	68 9	68.9	
74	VŨ THỊ	XUÂN	07/02/1997	Kiểm tra viên thuế	Thôn Thanh Mai, xã An Thanh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Đại học Thái Bình	Kế toán tổng hợp		TBI04228		47	18	68.9	68 9	
75	PHẠM TIẾN	ĐẠT	03/03/1994	Kiểm tra viên thuế	An Bồi - Kiến Xương - Thái Bình	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính công		TBI00498		47	24	68.7	68 7	
76	ĐỖ QUANG	HOÀ	15/07/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Học viện Tài Chính	Tin học Tài chính - kế toán	ConTB	TBI01293	5	37	18	63.6	68 6	
77	BÙI MINH	THÁI	12/08/1987	Kiểm tra viên thuế	Quỳnh Ngọc Quỳnh Phụ Thái Bình	Trường Đại học Lương Thế Vinh	Kế toán	ConTB	TBI03181	5	36	24	63.3	68.3	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
78	TRẦN THỊ ÁNH	TUYẾT	11/02/1988	Kiểm tra viên thuế	xã Trà Giang, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI		TBI04081		40	16	68.1	68 1	
79	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	27/11/1992	Kiểm tra viên thuế	Thôn Xuân Mọc, Xã Quảng Ngọc, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hóa	Học Viện Tài Chính	Hải Quan		TBI02887		47	19	67 9	67.9	
80	TA VĂN	THUẦN	27/04/1996	Kiểm tra viên thuế	Xóm 8 thôn Tam Bảo xã Nam Hồng huyện Tiền Hải tỉnh Thái Bình	Đại học Mỏ - Địa Chất	Quản trị Kinh doanh		TBI03530		43	15	67.9	67.9	
81	LÊ THỊ HƯƠNG	SEN	23/10/1993	Kiểm tra viên thuế	Đông Hoàng, Đông Hưng, Thái Bình	Học viện Ngân Hàng Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán doanh nghiệp Kế toán, kiểm toán và phân tích		TBI03099		45	21	67.7	67 7	
82	TRẦN THỊ	THANH	29/06/1990	Kiểm tra viên thuế	Vũ Đông, TP Thái Bình, Thái Bình	Học viện Tài chính	Kiểm toán		TBI03254		46	23	67.5	67 5	
83	NGÔ THỊ	PHƯỢNG	05/05/1998	Kiểm tra viên thuế	Đông Tân, Đông Hưng, Thái Bình	Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân	Quản trị kinh doanh thương mại		TBI02958		41	27	67 2	67.2	
84	VŨ THÁI	SƠN	11/05/1996	Kiểm tra viên thuế	Thị Trấn, Tiền Hải, Thái Bình	Học viện Tài chính	Kiểm toán		TBI03126		40	23	67.2	67.2	
85	NGUYỄN THỊ	XUÂN	05/02/1981	Kiểm tra viên thuế	Xã Việt Thuận, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình	Đại Học Công Nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh	Kế Toán- Kiểm Toán		TBI04219		49	18	67 1	67.1	
86	PHẠM ĐỨC TRẦN	KIÊN	15/07/1993	Kiểm tra viên thuế	Bồ Xuyên, TP Thái Bình, T.Thái Bình	Đại học lao động xã hội	Kế toán		TBI01839		47	26	67	67	
87	LÊ THỊ KIỀU	OANH	28/11/1992	Kiểm tra viên thuế	Đông Á - Đông Hưng - Thái Bình	Đại học Hải Phòng	Kế toán Kiểm toán		TBI02802		42	25	67	67	
88	NGUYỄN THỊ YẾN	CHI	02/07/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Hồng Việt, Đông Hưng,Thái Bình	Học viện tài chính Trường Đại học Kinh Doanh và Công Nghệ Hà Nội	Kế toán Kế toán		TBI00382		34	15	67	67	
89	VŨ THỊ	TƯƠI	04/09/1992	Kiểm tra viên thuế	Quỳnh Bảo, Quỳnh Phụ, Thái Bình	Trường đại học Tài Nguyên và Môi Trường Hà Nội	kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính		TBI04058		56	21	66 9	66 9	
90	HOÀNG THỊ HẰNG	NGA	28/04/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Tân Tấp 2, xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		TBI02489		40	17	66 6	66.6	
91	LƯƠNG PHƯƠNG	NHUNG	17/05/1991	Kiểm tra viên thuế	Bình Minh Kiến Xương Thái Bình	Đại Học Điện Lực	Kế toán doanh nghiệp		TBI02743		36	21	66 3	66.3	
III. Văn thư															
1	NGUYỄN THI KIM	ANH	23/06/1994	Văn thư	Đoan Hùng, Hưng hà, Thái Bình	Học viện Hành chính quốc gia	Quản lý công		TBI05346		47	20	65	65	
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	TRẦN THỊ KIM	THANH	12/02/1993	Chuyên viên lâm Công nghệ thông tin	Quang Lịch Kiến Xương Thái Bình	Đại học Thương Mại	Quản trị hệ thống thông tin		TBI05326		43	19	81	81	
2	NGUYỄN THI	HẢI	06/01/1985	Chuyên viên lâm Công nghệ thông tin	Hải Hà- Quỳnh Mỹ - Quỳnh Phụ - Thái Bình	cao đẳng sư phạm Thái Bình Đại học Sư phạm Hà Nội	tin học Sư Phạm tin học	ConBB	TBI05290	5	36	22	76	81	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 /6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
II. Kiểm tra viên thuế															
1	VŨ HUY	TÚ	06/12/1987	Kiểm tra viên thuế	Huyện Phù Cừ, Tỉnh Hưng Yên	Trường đại học Thành Đông	Luật Kinh Tế	ConTB	TNG03985	5	44	26	84.5	89.5	
2	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	25/04/1992	Kiểm tra viên thuế	Phú Bình, Thái Nguyên	Đại học Khoa học kỹ thuật Long Hoa	Quản trị kinh doanh		TNG03361		39	27	87.5	87.5	
3	NGUYỄN THANH	HOÀI	29/09/1995	Kiểm tra viên thuế	thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Học viện tài chính	Kiểm toán		TNG01320		56	25	84.5	84.5	
4	TRẦN THỊ HỒNG	HẠNH	07/07/1998	Kiểm tra viên thuế	Thị Trấn Sông Cầu, Huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên	Luật Kinh tế		TNG01087		48	30	84.1	84.1	
5	CẢNH THỊ	HẠNH	29/09/1992	Kiểm tra viên thuế	Xóm Quán Chè - Xã Nga My - Huyện Phú Bình - Tỉnh Thái Nguyên	Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh Thái Nguyên	Tài chính doanh nghiệp		TNG01048		53	29	83.5	83.5	
6	NGUYỄN CẨM	HUỀ	10/10/1986	Kiểm tra viên thuế	Tổ 28, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Trường Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán		TNG01440		39	15	83.5	83.5	
7	LÊ HƯƠNG	LY	07/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Yên Hân - huyện Chợ Mới - tỉnh Bắc Kạn	Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội	Kế toán	DTTS	TNG02255	5	57	23	77.5	82.5	
8	BÙI THỊ THANH	VÂN	01/03/1987	Kiểm tra viên thuế	Thôn Khai Thái, xã Khai Thái, huyện Phú Xuyên, Hà Nội	Trường Đại học Kinh tế quốc dân Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán, kiểm toán và phân tích Kế toán		TNG04100		54	MT	82	82	
9	DƯƠNG TRUNG	ANH	02/08/1992	Kiểm tra viên thuế	Huyện Yên Dũng - tỉnh Bắc Giang	Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội	Luật Dân sự	ConTBloaiB	TNG00060	5	52	25	75.7	80.7	
10	VŨ THỊ HỒNG	NHUNG	22/12/1997	Kiểm tra viên thuế	xóm Tân Khê, xã Tức Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Trường Đại học Thương Mại	Thương mại quốc tế	DTTS	TNG02785	5	54	28	75	80	
11	TRƯƠNG THỊ THANH	HUỀ	22/01/1991	Kiểm tra viên thuế	Xóm Hà Xã Phúc Hà Thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên	Đại Học Kinh Tế và Quản Trị Kinh Doanh Thái Nguyên	Kinh tế đầu tư	DTTS	TNG01423	5	50	22	74.5	79.5	
12	NGUYỄN THỊ	MẬN	10/08/1993	Kiểm tra viên thuế	Việt Ninh, Lương Phú, Phú Bình, Thái Nguyên	Đại Học Kinh Tế & Quản Trị Kinh Doanh	Kế toán tổng hợp		TNG02342		46	23	79.5	79.5	
13	ĐÀO DUY	QUẢNG	18/07/1989	Kiểm tra viên thuế	Xóm Đồng My, xã Lương Phú, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Đại học Thương Mại Hà Nội Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh Thái Nguyên	Quản lý kinh tế Kinh tế		TNG03014		42	27	79.5	79.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
14	NGỌC DUY	NAM	16/09/1997	Kiểm tra viên thuế	Huyện Hiệp Hoà Tỉnh Bắc Giang	Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Thái Nguyên	Luật kinh doanh		TNG02448		35	18	79 3	79 3	
15	NGUYỄN LÊ	LIÊM	09/10/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Xuân Lương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Học viện Tài chính	Kiểm toán		TNG01913		54	25	79	79	
16	PHẠM THỊ QUỲNH	TRANG	28/05/1991	Kiểm tra viên thuế	số nhà 773, tổ 4 phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	Học viện khoa học xã hội Đại học Luật Hà Nội	Luật kinh tế Luật	DTTS	TNG03870	5	41	24	73 8	78.8	
17	HỒ NHIỆP	THU	04/07/1993	Kiểm tra viên thuế	Xóm Đồng Uẩn, xã Phúc Chu, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	Học viện Tài chính	Tài chính - Ngân hàng	DTTS	TNG03460	5	43	26	73 5	78 5	
18	NINH HỒNG	PHẤN	21/07/1985	Kiểm tra viên thuế	Xóm Làng Cọ 2, Xã Phấn Mễ, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên	Đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh Thái Nguyên Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Thái Nguyên	Kinh tế nông nghiệp Kinh tế	DTTS	TNG02822	5	44	MT	73	78	
19	TRẦN THỊ MAI	HƯƠNG	08/10/1997	Kiểm tra viên thuế	Số nhà 2, ngõ 3, đường CMT8, tổ 1, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế hoạch		TNG01587		53	26	77	77	
20	VŨ MAI	HƯƠNG	11/11/1987	Kiểm tra viên thuế	Xã Nam Tiến, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Đại học Kinh Tế Quốc Dân Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Kinh tế Tài chính Ngân hàng Kế toán		TNG01596		48	21	77	77	
21	CHU THANH	THƯ	22/09/1995	Kiểm tra viên thuế	Phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Kế toán	DTTS	TNG03500	5	46	27	72	77	
22	PHAN THỊ MAI	HOA	14/10/1982	Kiểm tra viên thuế	Huyện Trực Ninh Tỉnh Nam định	Đại Học Nông Lâm	Kế Toán Doanh Nghiệp		TNG01279		33	16	76 3	76 3	
23	HOÀNG THÙY	CHI	23/04/1990	Kiểm tra viên thuế	Thái Nguyên	Đại học Kinh Tế và Quản Trị Kinh Doanh Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp	DTTS	TNG00371	5	44	28	70.9	75.9	
24	ĐÀO THỊ THU	HƯỜNG	10/11/1981	Kiểm tra viên thuế	Phường Tân Long, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Trường Đại học kinh tế Quốc Dân	Kế toán		TNG01604		44	19	75.9	75 9	
25	DƯƠNG THỊ	YẾN	28/01/1987	Kiểm tra viên thuế	Thái Nguyên	Đại học Công đoàn	Quản trị tài chính kế toán		TNG04238		54	19	75 6	75.6	
26	LÝ THỊ THU	HUYỀN	23/09/1990	Kiểm tra viên thuế	Đầm Gành- Mỹ Yên - Đại Từ - Thái Nguyên	Đại học Nông Nghiệp Hà Nội Đại học KT & QTKD - ĐH Thái Nguyên	Quản trị kinh doanh Kinh doanh		TNG01704		55	MT	75.5	75.5	
27	TRẦN THỊ THANH	NGÂN	04/06/1988	Kiểm tra viên thuế	Xã Tam Phúc huyện Vĩnh Tường tỉnh Vĩnh Phúc	ĐH Kinh tế & Quản trị kinh doanh_ ĐH Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp		TNG02571		46	22	75.5	75.5	
28	VŨ THỊ THANH	TÂM	12/10/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		TNG03164		45	25	75 2	75 2	
29	NGUYỄN THỊ HẢI	VÂN	12/06/1988	Kiểm tra viên thuế	Hưng Yên	Học viện Tài chính Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp Tài chính ngân hàng		TNG04120		39	24	74 5	74 5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
30	PHẠM THỊ MAI	TRANG	18/01/1989	Kiểm tra viên thuế	Quang Hưng, Ninh Giang, Hải Dương	Đại học kinh tế và QTKD Đại học kinh tế và QTKD	Quản lý kinh tế Kế toán		TNG03868		49	26	74	74	
31	NGUYỄN THỊ MAI	HƯƠNG	18/02/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu Nghị doanh Thái n Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh - Đại học T	Quản lý kinh tế Kế toán		TNG01554		40	18	73 5	73 5	
32	TRIỆU THỊ	TRANG	29/10/1997	Kiểm tra viên thuế	Xóm Đồng Cọ, xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Đại học Kiểm sát Hà Nội	Luật	DTTS	TNG03908	5	43	21	68 2	73 2	
33	NGUYỄN MINH	NGUYỆT	08/06/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Trung Thành, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên	Học viện Tài chính	Kiểm toán		TNG02674		44	29	73	73	
34	TRẦN PHƯƠNG	TRANG	29/10/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Đông Cao, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc Gia Hà Nội	Kế toán		TNG03895		33	24	73	73	
35	NGUYỄN THỊ	HỒNG	20/05/1986	Kiểm tra viên thuế	Hưng Hà, Thái Bình	Đại học Quốc gia Hà Nội	Tài chính- ngân hàng		TNG01375		51	23	72.9	72.9	
36	NGUYỄN MAI	HẠNH	09/09/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Đại học Lao động xã hội	Kế toán		TNG01066		45	29	72.9	72.9	
37	HOÀNG MAI	HOA	05/08/1987	Kiểm tra viên thuế	Số nhà 06A, Tổ Tân Thành 1,Phường Đồng Bẩm, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Trường ĐH kinh tế và Quản trị kinh doanh-ĐH TN	Kế toán tổng hợp		TNG01249		51	22	72 5	72 5	
38	PHẠM THỊ HOÀI	THU	26/12/1993	Kiểm tra viên thuế	Thường Tín, Hà Nội	Đại học Ngoại Thương Hà Nội	Kinh doanh quốc tế	DTTS	TNG03493	5	48	28	67.5	72.5	
39	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	QUỲNH	30/11/1990	Kiểm tra viên thuế	Xóm Phú Hạ, Xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên	Viện đại học mở Hà Nội Học viện Nông Nghiệp Việt Nam	Kế toán Quản trị kinh doanh		TNG03072		39	25	72 5	72 5	
40	MA PHƯƠNG	LINH	06/11/1997	Kiểm tra viên thuế	Thái Nguyên	Đại học Ngoại Thương	Kinh tế quốc tế	DTTS	TNG02024	5	49	23	66 7	71 7	
41	HÀ MINH	ĐỨC	16/08/1995	Kiểm tra viên thuế	huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân	Quản lý công	DTTS	TNG00549	5	47	19	66.5	71 5	
42	TRẦN XUÂN	SƠN	29/04/1998	Kiểm tra viên thuế	Huyện Từ Liêm, TP Hà Nội	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế Quốc tế		TNG03123		40	29	71 5	71 5	
43	NGUYỄN THỊ KIM	PHƯƠNG	07/12/1991	Kiểm tra viên thuế	Duy Nhất -Vũ Thư - Thái Bình	Học viện Tài chính Học viện Tài chính	Quản lý Tài chính công Tài chính ngân hàng		TNG02974		39	27	71.5	71 5	
44	TRẦN THU	THẢO	19/09/1989	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh Thái Nguyên	kế toán tổng hợp		TNG03389		32	24	71 5	71 5	
45	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	THẢO	22/12/1994	Kiểm tra viên thuế	Xóm 9 - Xã Cổ Lũng - Huyện Phú Lương - Tỉnh Thái Nguyên	ĐH Kinh tế và QTKD - DHTN	Kế toán tổng hợp		TNG03291		44	27	71	71	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
46	LÝ THI	HUYỀN	14/02/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Chín Hạ, xã Bắc an, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương	Học Viện Tài Chính	Kế toán Doanh Nghiệp	DTTS	TNG01703	5	51	23	65.6	70 6	
47	NGUYỄN TRÀN	QUỲNH	23/09/1993	Kiểm tra viên thuế	Số nhà 01 - Ngõ 10A4 - Đường Đồng Bàng - Tổ dân phố Tân Phú - Thị trấn Tân Yên - Hàm Yên - Tuyên Quang	Đại học kinh tế và QTKD Thái Nguyên	Kinh tế đầu tư		TNG03076		39	23	70 4	70.4	
48	NGUYỄN ÁNH	NGỌC	09/08/1993	Kiểm tra viên thuế	THÁI NGUYÊN	ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH THÁI NGUYÊN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	NGÂN HÀNG LUẬT KINH TẾ		TNG02610		36	25	70 4	70.4	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 /6 /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	NGUYỄN VIỆT	HƯNG	25/08/1997	Chuyên viên	Tuyên Quang	Đại Học Khoa Học- Đại học Thái Nguyên	Luật	DTTS	TQU04630	5	41	MT	77 5	82.5	
2	CHẨU THỊ HỒNG	LIỄN	25/10/1988	Chuyên viên	Xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Bách Khoa Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh Tài chính ngân hang	DTTS	TQU04726	5	38	MT	60 6	65 6	
3	LÊ TUẤN	ANH	04/10/1994	Chuyên viên	Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Tài chính - QTKD	Kế toán doanh nghiệp		TQU04308		37	20	65.5	65 5	
4	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	24/12/1995	Chuyên viên	Tổ Dân phố An Kỳ, thị trấn Sơn Dương, Sơn Dương, Tuyên Quang	Học Viện Tài Chính	Quản Lý Tài Chính Công		TQU04896		46	19	63.9	63.9	
5	PHÙNG THỊ TỐ	QUYÊN	12/12/1990	Chuyên viên	Xã Sơn Phú, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học Công Đoàn	Tài chính ngân hàng	DTTS	TQU04981	5	48	MT	58	63	
6	MA VĂN	CHUNG	18/01/1993	Chuyên viên	Thôn Hùng Cường - Xã Hùng Mỹ - Huyện Chiêm Hóa - Tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học Nội vụ Hà Nội	Luật	DTTS	TQU04395	5	52	MT	57	62	
7	TRIỆU THI	TÁN	15/06/1995	Chuyên viên	Tuyên Quang	Đại học Công Đoàn	Luật	DTTS	TQU05009	5	45	MT	54 1	59 1	
8	LỤC THỊ KIỀU	TRANG	18/11/1997	Chuyên viên	Xã Kiến Thiết, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế	DTTS	TQU05158	5	47	MT	53 1	58 1	
9	LÂM THỊ	THANH	16/05/1991	Chuyên viên	Kim Phú, Yên Sơn, Tuyên Quang	Đại học Luật Hà Nội Học viện khoa học xã hội	Luật Luật	DTTS	TQU05021	5	57	MT	52.6	57.6	
10	VŨ THỊ NGỌC	ÁNH	18/04/1998	Chuyên viên	Thôn Đồng Cầu, xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Luật Hà Nội	Luật kinh tế	DTTS	TQU04360	5	46	MT	51 1	56.1	
11	NÔNG THỊ THANH	NỮ	24/03/1991	Chuyên viên	Số nhà 99, tổ dân phố Tân Bắc, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại Học Chu Văn An	Tài chính - ngân hàng	DTTS	TQU04926	5	39	MT	50.5	55.5	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	VŨ THỊ	LỘC	20/08/1992	Kiểm tra viên thuế	Xã An Đạo, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	Học viện Tài Chính	Thuế	DTTS	TQU02203	5	54	MT	77.5	82.5	
2	LÝ THỊ BÍCH	THỤC	10/04/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	TQU03532	5	39	MT	77 4	82.4	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3	NHỮ THẢO	LINH	21/04/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Thanh Hải, Huyện Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học Kinh tế quốc dân	Luật kinh doanh		TQU02098		52	27	80 8	80.8	
4	NGUYỄN THU	THỦY	12/10/1998	Kiểm tra viên thuế	Phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Học viện Tài Chính	Quản lý tài chính công		TQU03646		41	22	80.4	80 4	
5	LÂM HOÀI	THANH	22/08/1997	Kiểm tra viên thuế	Chân Sơn, Yên Sơn, Tuyên Quang	Học Viện Tài Chính	Kiểm Toán	DTTS	TQU03229	5	38	MT	74 9	79.9	
6	QUAN THỊ THU	HƯỜNG	29/04/1997	Kiểm tra viên thuế	Thôn Nà Đông, xã Thượng Lâm, Huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	Học Viện Tài Chính	Thuế	DTTS	TQU01630	5	51	MT	74 5	79.5	
7	CAO HẢI	ANH	10/01/1993	Kiểm tra viên thuế	xã Giao Tiến, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Học viện Tài chính	Tài chính - Ngân hàng		TQU00026		48	29	79 5	79.5	
8	LƯƠNG TÓ	UYÊN	02/05/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Hợp Thành - Huyện Sơn Dương - Tỉnh Tuyên Quang	Học viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	TQU04091	5	48	MT	74	79	
9	HOÀNG THỊ	THOA	01/01/1997	Kiểm tra viên thuế	Thôn Bản Lần, xã Sơn Phú, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	Học viện Tài chính	Thuế	DTTS	TQU03436	5	35	MT	70 1	75 1	
10	PHẠM THỊ	BÍCH	19/10/1990	Kiểm tra viên thuế	Thôn Gò Đình, xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		TQU00320		34	16	75	75	
11	HÀ THỊ MINH	NGỌC	16/03/1996	Kiểm tra viên thuế	Phú Thọ	Đại học Luật Hà Nội	Luật kinh tế		TQU02594		31	21	73	73	
12	CẦN ĐỨC	DUY	20/10/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội	Trường Đại học Mở Hà Nội Viện Đại học Mở Hà Nội	Luật kinh tế Luật kinh tế		TQU00689		43	29	72.9	72.9	
13	PHẠM THU	HÀ	01/05/1990	Kiểm tra viên thuế	Xã Gia Trấn - huyện Gia Viễn - tỉnh Ninh Bình	Đại học Đại Nam	Ngân hàng thương mại		TQU00877		53	28	71.6	71.6	
14	BẢN THỊ	NGA	02/04/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Hồng Quang, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Luật Hà Nội	Luật	DTTS	TQU02469	5	56	MT	62.8	67 8	
15	TRẦN THỊ MINH	HẠNH	03/06/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Phú Phúc, huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam	Trường Đại học Quốc tế Bắc Hà	Kế toán		TQU01088		45	28	66 9	66.9	
16	LƯU THỊ QUỲNH	TRANG	13/06/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã Tư Mại- huyện Yên Dũng- tỉnh Bắc Giang	Trường ĐH Công nghiệp Việt-Hung	Tài chính- ngân hàng		TQU03785		43	23	66.9	66.9	
17	TRẦN VĂN	BÌNH	01/09/1993	Kiểm tra viên thuế	Xóm 5 - Trung Môn - Yên Sơn - Tuyên Quang	Đại học Kinh Tế Và Quản Trị Kinh Doanh Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp		TQU00340		50	27	66.5	66 5	
18	PHÙNG THANH	TRƯỜNG	08/07/1990	Kiểm tra viên thuế	Huyện Na Hang-Tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán	DTTS	TQU03961	5	39	MT	60	65	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
19	LÈO THỊ	NGA	07/08/1995	Kiểm tra viên thuế	Thôn Nà Khuyến, xã Yên Hoa, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	Học Viện Tài Chính	Tài Chính Doanh Nghiệp	DTTS	TQU02493	5	44	MT	59 9	64.9	
20	NGUYỄN NGỌC	TÚ	22/05/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Bối Cầu, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Đại học Điện Lực	Kế toán	DTTS	TQU03977	5	50	MT	58.5	63 5	
21	HÀ THỊ	DÂNG	25/10/1993	Kiểm tra viên thuế	Xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	Kế toán tổng hợp		TQU00465		40	26	63 5	63.5	
22	PHAN THUY	LINH	25/01/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn Phú An, xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	Đại học Luật Hà Nội	Không	DTTS	TQU02122	5	49	MT	58.4	63.4	
23	NGUYỄN THỊ MAI	HƯƠNG	26/05/1996	Kiểm tra viên thuế	Số nhà 254, đường Tôn Đức Thắng, Tổ 6, Phường Hưng Thành, Thành phố Tuyên Quang	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		TQU01555		44	26	63.2	63 2	
24	LÊ ANH	DUY	16/11/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Đức Bác, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quản trị tài chính		TQU00691		44	28	63	63	
25	NGUYỄN MAI	LINH	29/08/1991	Kiểm tra viên thuế	Lập Thạch - Vĩnh Phúc	Đại học Dân lập Phương Đông	Kế toán	ConTB	TQU02054	5	34	19	54.8	59 8	
26	PHAN THỊ	HÀ	04/04/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Nam Giang, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế Nghệ An	Kế toán		TQU00879		50	25	59.2	59.2	
III. Văn thư															
1	ĐINH HẢI	YẾN	24/10/1997	Văn thư	Xã An Khang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Học viện Hành chính Quốc gia	Quản lý nhà nước		TQU05403		44	24	89	89	
2	NGUYỄN THỊ	ÁNH	02/01/1993	Văn thư	Tuyên Quang	Trường Đại học Nội vụ Hà Nội Trường đại học Nội vụ Hà Nội	Quản trị văn phòng Văn thư - Lưu trữ	DTTS	TQU05348	5	50	MT	65	70	
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
1	HOÀNG TRUNG	ANH	26/03/1996	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin	Sơn Dương, Tuyên Quang	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Kỹ thuật điện tử viễn thông	DTTS	TQU05266	5	40	MT	72	77	
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
1	NGUYỄN KHẮC	THÁI	20/06/1992	Kiểm tra viên trung cấp thuế	xã Phương Viên, huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ	Trường cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Phú Thọ	Tài chính - Ngân hàng		TQU05440		36	21	72.5	72 5	
2	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THẢO	13/04/1995	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Lý Nhân, Hà Nam	Tài chính- Quản trị kinh doanh	Kế toán doanh nghiệp		TQU05442		45	23	64.5	64.5	
VII. Văn thư Trung cấp															
1	PHẠM HỒNG	LÝ	01/06/1991	Văn thư Trung cấp	Yên Lương, Ý Yên, Nam Định	Trường trung cấp công nghệ và quản trị Đông Đô Đại học Nội vụ Hà Nội	Văn thư - Lưu trữ Tổ chức quản lý và nhân lực	DTTS	TQU05464	5	44	MT	81	86	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2	NÔNG THỊ HỒNG	BÍCH	11/05/1990	Văn thư Trung cấp	Tuyên Quang	Đại học Nội Vụ	Lưu trữ học	DTTS	TQU05456	5	47	MT	51	56	

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH VĨNH PHÚC

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	06/10/1991	Chuyên viên	Văn Nhưng-Tân Lập- Sông Lô - Vĩnh Phúc	Đại Học Sao Đỏ	Tài chính -ngân hàng	ConTB	VPH04642	5	45	20	75 5	80.5	
2	TRIỆU PHƯƠNG	THẢO	03/12/1997	Chuyên viên	Lập Thạch, Vĩnh Phúc	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính		VPH05066		51	MT	80	80	
3	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	15/02/1993	Chuyên viên	Đại Đồng, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế Toán	CondeNHDKCbiNCDHH	VPH04644	5	35	24	74.5	79.5	
4	NGUYỄN THỊ	HUỆ	18/01/1992	Chuyên viên	Đồng Cương, Yên Lạc, Vĩnh Phúc	Trường Đại Học Thương Mại	Quản trị HTTT thị trường và Thương mại		VPH04617		54	24	77.5	77 5	
5	NGUYỄN THỊ NGỌC	HỚI	09/07/1986	Chuyên viên	Xã Duy Phiên, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		VPH04604		41	15	75.4	75.4	
6	KIỀU KHÁNH	HUYỀN	05/09/1994	Chuyên viên	Phường Ngô Quyền - TP Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Trường Đại học Lao động xã hội	Kế toán		VPH04674		35	17	72 5	72.5	
7	TRẦN CÔNG	NHÃ	28/11/1987	Chuyên viên	Tuân Chính, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		VPH04910		40	20	71 5	71.5	
8	VŨ THỊ	NỤ	21/06/1988	Chuyên viên	Thổ Tang, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	Học Viện Tài Chính	Quản lý Tài chính công		VPH04925		39	22	70.4	70.4	
9	NGUYỄN THỊ THU	HẠNH	16/11/1976	Chuyên viên	Tiến Thắng - Mê Linh - Hà Nội	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		VPH04541		47	24	69.9	69.9	
10	TRƯƠNG THỊ HƯƠNG	LIÊN	07/02/1995	Chuyên viên	Ngũ Kiên, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	Đại học Luật Hà Nội	Luật kinh tế		VPH04732		44	21	63 6	63.6	
11	PHÙNG THỊ	THANH	31/12/1988	Chuyên viên	Số nhà 89, Đường Quang Trung, Phố Yên, Phường Hội Hợp, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc	Viện Đại Học Mở Hà Nội	Quản trị kinh doanh		VPH05026		50	22	59	59	
12	NGUYỄN THANH	VÂN	04/03/1993	Chuyên viên	Tam Hợp - Bình Xuyên - Vĩnh Phúc	ĐH Tài Nguyên và Môi trường Hà Nội	Kế toán doanh nghiệp		VPH05236		48	22	58.5	58.5	
13	NGUYỄN THỊ THANH	HUỆ	26/11/1997	Chuyên viên	Duy Minh, Duy Tiên, Hà Nam	Trường Đại học Công Đoàn	Tài chính doanh nghiệp		VPH04618		36	19	58.2	58.2	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
14	LÊ MỸ	LINH	25/08/1997	Chuyên viên	Tổ dân phố Đội Cấn - đường Nguyễn Du -Khu 3 - thị trấn Vĩnh Tường - huyện Vĩnh Tường - tỉnh Vĩnh Phúc	Học viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		VPH04753		44	16	56.9	56.9	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	TRẦN THỊ	PHƯỢNG	08/06/1991	Kiểm tra viên thuế	Cẩm Khê, Phú Thọ	Học viện tài chính Học viện tài chính	Kế toán Kế toán		VPH02977		45	27	82 5	82.5	
2	NGUYỄN THỊ BÍCH	THỦY	21/07/1983	Kiểm tra viên thuế	Nam Hải - Nam Trực - Nam Định	Đại Học Công Nghệ Giao Thông Vận Tải	Kế Toán Doanh Nghiệp		VPH03635		36	24	82	82	
3	ĐÀO THI THÚY	NGA	22/06/1994	Kiểm tra viên thuế	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Quản lý kinh doanh		VPH02476		51	27	80 8	80 8	
4	CAO THI THÙY	LINH	11/10/1996	Kiểm tra viên thuế	Xã Ngũ Kiên-Huyện Vĩnh Tường-Tỉnh Vĩnh Phúc	Đại học Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		VPH01957		52	25	80	80	
5	TẠ THỊ	VÂN	22/10/1994	Kiểm tra viên thuế	Thôn Thích Chung-xã Bá Hiến-huyện Bình Xuyên-tỉnh Vĩnh Phúc	Học Viện Ngân Hàng	Tài chính doanh nghiệp		VPH04142		53	18	77.3	77 3	
6	TRẦN TÚ	ANH	14/06/1997	Kiểm tra viên thuế	Thôn Quan Ngoại, Tam Quan, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	Đại học Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		VPH00250		48	MT	76	76	
7	NGUYỄN THI	NGÂN	09/06/1992	Kiểm tra viên thuế	Thôn Cổ Tích - Xã Đồng Cương - Huyện Yên Lạc - Tỉnh Vĩnh Phuc	Đại học Kinh tế Kỹ Thuật Công Nghiệp	Kế toán		VPH02557		45	21	76	76	
8	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	15/06/1998	Kiểm tra viên thuế	Xóm Đơi, xã Thượng Trưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc	Học Viện Ngân Hàng	Kế toán doanh nghiệp		VPH01074		39	23	75 8	75.8	
9	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	11/12/1995	Kiểm tra viên thuế	thuận thành, bắc ninh	Đại học Niagara Đại học Ngoại thương	Quản trị kinh doanh Kinh tế		VPH03798		30	MT	75 6	75 6	
10	LÊ THỊ THANH	HIỀN	27/06/1994	Kiểm tra viên thuế	Xã Tuân Chính, huyện Vĩnh Tường, Tỉnh vĩnh phúc	Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp Hà nội	Kế toán		VPH01113		48	29	75 5	75 5	
11	PHAN VŨ KHÁNH	LY	23/11/1998	Kiểm tra viên thuế	Xã Phú Châu, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		VPH02262		47	21	75.2	75.2	
12	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	17/01/1989	Kiểm tra viên thuế	Phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Trường Đại học công nghệ giao thông vận tải	Kế toán doanh nghiệp		VPH03509		41	20	75	75	
13	NGUYỄN THỊ	NHUNG	21/09/1996	Kiểm tra viên thuế	Phố Cầu Hương, Thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc	Đại học Kinh tế quốc dân	Kiểm toán		VPH02757		37	24	75	75	
14	LÊ THỊ THU	HIỀN	20/03/1997	Kiểm tra viên thuế	Thôn Táo, Xã Tuân Chính, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc	Đại học Thuỷ Lợi	Kế toán doanh nghiệp		VPH01151		48	22	74	74	
15	TRẦN HOÀNG	QUỲNH	25/11/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Nghĩa An - Xã Xuân Lôi - Lập Thạch - Vĩnh Phuc	Học viện Tài chính	Tài chính Doanh nghiệp		VPH03083		52	27	73 5	73 5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
16	KIỀU LINH	CHI	27/09/1994	Kiểm tra viên thuế	Cao Xá-Lâm Thao-Phú Thọ	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		VPH00372		47	27	73.4	73.4	
17	LÃ THỊ	YẾN	13/08/1993	Kiểm tra viên thuế	Thôn Duy Bình, Xã Vĩnh Ninh, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc	Trường Đại Học Kinh Tế và Quản Trị Kinh Doanh Thái	Kế toán tổng hợp		VPH04231		52	17	73	73	
18	TRƯƠNG THỊ MỸ	HẠNH	08/09/1997	Kiểm tra viên thuế	Xã Duy Phiên, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc	Học viện Tài chính	Kiểm toán		VPH01091		50	27	73	73	
19	ĐỖ THỊ HỒNG	NHẬT	20/06/1997	Kiểm tra viên thuế	Hồ Sơn - Tam Đảo - Vĩnh Phúc	ĐH Kinh tế Quốc dân	Ngân hàng		VPH02702		41	22	73	73	
20	NGHIÊM THỊ NGỌC	ÁNH	02/08/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn Vỡ, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế quốc tế		VPH00281		46	26	71.9	71.9	
21	NGUYỄN THỊ	VUI	12/06/1991	Kiểm tra viên thuế	Xã Vân Côn-huyện Hoài Đức-TP Hà Nội	Học Viện Tài chính	Định giá tài sản và kinh doanh bất động sản		VPH04193		42	27	69.6	69.6	
22	HOÀNG HIẾU	AN	28/10/1993	Kiểm tra viên thuế	thôn Bảo Văn, xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	Học viện tài chính Học viện Tài chính	kế toán Hệ thống thông tin quản lý		VPH00005		43	16	69.5	69.5	
23	NGUYỄN THỊ KIM	TUYẾN	26/10/1995	Kiểm tra viên thuế	Thượng Trưng, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	Đại học Luật Hà Nội	Luật kinh tế		VPH04064		36	16	69.5	69.5	
24	BÙI THỊ	DUNG	15/06/1989	Kiểm tra viên thuế	Phường Hội Hợp, Thành Phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc	Đại Học Giao Thông Vận Tải	Kế Toán Tổng Hợp		VPH00571		33	16	69.5	69.5	
25	LÂM QUỲNH	HOA	19/08/1989	Kiểm tra viên thuế	Xã Minh Quang - huyện Tam Đảo - tỉnh Vĩnh phúc	Đại học công nghệ Giao thông vận tải	Quản trị doanh nghiệp	DTTS	VPH01252	5	32	16	64.4	69.4	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020 VÀO CỤC THUẾ TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-BTC ngày 4 / 6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung *(số câu)*	Ngoại ngữ *(số câu)*	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I. Chuyên viên															
1	NGUYỄN THỊ	HUỀ	12/05/1990	Chuyên viên	Quỳnh Bảng, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Đại học Điện lực	Kế toán		YBA00996		45	25	79	79	
2	NGUY NGUYỄN ANH	HOA	18/08/1997	Chuyên viên	Yên Bái	Trường đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		YBA00985		45	27	69	69	
3	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	25/06/1997	Chuyên viên	xã Đại Đức, huyện Kim Thành, tỉnh Hai Dương	Học viện Chính sách và Phát triển	Kinh tế đối ngoại-CLC6.2		YBA01010		46	29	66.4	66.4	
4	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	08/03/1987	Chuyên viên	Văn chấn - Yên Bái	Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Kế toán		YBA01129		33	20	62.4	62.4	
5	LÊ THU	TRANG	15/05/1992	Chuyên viên	Xuân Hoà, Xuân Trường, Nam Định	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán ngân hàng		YBA01125		33	25	57.9	57.9	
6	PHẠM THỊ THÚY	HẠNH	27/06/1996	Chuyên viên	xã Hùng Tiến, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình	Đại học Thương mại	Luật thương mại		YBA00970		43	26	57.2	57.2	
II. Kiểm tra viên thuế															
1	TRẦN THỊ THU	THẢO	15/11/1991	Kiểm tra viên thuế	xã Bảo Ái, huyện Yên Bình, tỉnh Yên bái	ĐH Phương Đông Học viện Khoa học Xã hội	Tài chính - ngân hàng Kinh tế học	DTTS	YBA00699	5	41	MT	82.5	87.5	
2	NGUYỄN NGỌC	LINH	01/11/1994	Kiểm tra viên thuế	Số 02 Ngõ 357 Đường Quang Trung TP Yên Bái Tỉnh Yên Bái	Trường ĐH Luật Hà Nội	Luật		YBA00412		40	28	77.4	77.4	
3	TÔNG NHẬT	MAI	19/11/1998	Kiểm tra viên thuế	Thanh Thủy, Tĩnh Gia, Thanh Hóa	Học viện chính sách và phát triển	Đầu tư	DTTS	YBA00478	5	43	MT	70.5	75.5	
4	NINH THỊ THÚY	TRANG	01/12/1986	Kiểm tra viên thuế	Phố Cốc Lếu - TP Lào Cai - Tỉnh Lào Cai	Học viện Tài chính Trường ĐH Dân Lập Hải Phòng	Kinh tế, tài chính - ngân hàng Quản trị kinh doanh		YBA00816		49	MT	74.4	74.4	
5	VŨ NHẬT	LINH	25/12/1996	Kiểm tra viên thuế	Thái Bình	Trương Đại học Luật Hà Nội	Luật		YBA00430		30	21	72	72	
6	NGUYỄN THỊ THUY	LINH	13/04/1995	Kiểm tra viên thuế	Đông Hưng, Thái Bình	Đại học Công Đoàn	Quản trị kinh doanh		YBA00415		40	25	70.9	70.9	
7	TRẦN THỊ THẢO	LINH	24/04/1995	Kiểm tra viên thuế	Yên Bái	Trường đại học kinh tế và quản trị kinh doanh Thái	Kinh tế đầu tư		YBA00424		37	22	69.5	69.5	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Chức danh dự thi	Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả thi			Tổng điểm xét trúng tuyển	Ghi chú
											Kiến thức chung (số câu)	Ngoại ngữ (số câu)	Nghiệp vụ chuyên ngành		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
8	TRẦN HỒNG	PHƯƠNG	26/11/1998	Kiểm tra viên thuế	An Bình - Văn Yên - Yên Bái	Học viện Tài chính	Quản lý tài chính công		YBA00606		50	15	68 4	68 4	
9	NGUYỄN THỊ LAN	HƯƠNG	12/07/1993	Kiểm tra viên thuế	xã Văn Bán, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ	Đại học Hùng Vương	Quản trị kinh doanh	DTTS	YBA00301	5	48	MT	63	68	
10	PHÙNG ĐỨC	LÂM	02/11/1997	Kiểm tra viên thuế	Sơn A, Văn Chấn, Yên Bái	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Luật kinh doanh	DTTS	YBA00370	5	33	MT	62.4	67.4	
11	LÊ THỊ KIM	CHI	07/03/1995	Kiểm tra viên thuế	Yên Bái	Đại học Thương Mại Đại học Thương Mại	Tiếng Pháp Thương Mại Luật Kinh Tế		YBA00058		31	26	66 5	66.5	
12	LƯƠNG THU	UYÊN	08/10/1996	Kiểm tra viên thuế	Tổ 7, phường Yên Ninh, TP. Yên Bái, Tỉnh Yên Bái	ĐH Tài chính - Quản trị kinh doanh	Kế Toán Doanh Nghiệp		YBA00879		31	21	65.6	65 6	
13	VÀNG A	NHÀ	17/07/1994	Kiểm tra viên thuế	An lương-văn chấn- yên bái	Đại học kinh tế Thái Nguyên	Quản lý kinh tế	DTTS	YBA00560	5	36	MT	59.2	64 2	
14	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	08/10/1989	Kiểm tra viên thuế	Thường Tín - Hà Nội	ĐH Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng		YBA00573		30	15	63	63	
15	NÔNG ĐỨC	TRIỀU	22/02/1989	Kiểm tra viên thuế	Xã Mường Lai- huyện Lục Yên- tỉnh Yên Bái	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính - Ngân Hàng	DTTS	YBA00828	5	50	MT	53.6	58.6	
16	PHAN THỊ	NHUNG	02/09/1979	Kiểm tra viên thuế	Xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		YBA00581		31	MT	58	58	
17	LÝ THỊ HỒNG	MAI	28/01/1996	Kiểm tra viên thuế	Thôn Ngòi Thắm, Xã Tô Mậu, Huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái.	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	DTTS	YBA00472	5	35	MT	50	55	
III. Văn thư															
IV. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin															
V. Cán sự															
VI. Kiểm tra viên trung cấp thuế															
VII. Văn thư Trung cấp															
1	NGÔ THỊ BẢO	YẾN	29/09/1990	Văn thư Trung cấp	Văn Chấn - Yên Bái	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương	Hành chính văn thư ghép Lưu trữ học		YBA01248		45	23	58	58	
2	NGUYỄN THỊ KIM	DUNG	20/07/1985	Văn thư Trung cấp	Đồng giang - Mông hóa-TP Hòa bình-Tỉnh Hòa Bình	Cao Đẳng Văn Lang	Văn Thư Hành chính	DTTS	YBA01232	5	42	MT	51	56	